

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

DANIEL SILVA

'NERVE-SEARING AND PAINFULLY BRILLIANT'
PATRICIA CORNWELL ON *DEATH IN VIENNA*

THE MESSENGER

A GABRIEL ALLON THRILLER

NGƯỜI ĐƯA TIN – THE MESSENGER

DANIEL SILVA

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mục lục

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương 22](#)

[Chương 23](#)

[Chương 24](#)

[Chương 25](#)

[Chương 26](#)

[Chương 27](#)

[Chương 28](#)

[Chương 29](#)

[Chương 30](#)

[Chương 31](#)

[Chương 32](#)

[Chương 33](#)

[Chương 34](#)

[Chương 35](#)

[Chương 36](#)

[Chương 37](#)

[Chương 38](#)

[Chương 39](#)

[Chương 40](#)

[Chương 41](#)

[Chương 42](#)

PHẦN 1: CÁNH CỬA TỬ THẦN

Chương 1

Luân Đôn

Người Ả-rập Xêút hoạt động rất tích cực trong mọi cấp độ của dây xích khủng bố, từ lập kế hoạch cho đến tài trợ tài chính, từ lính mới cho đến bộ binh, từ nhà lý luận cho đến người cổ vũ.

Laurent Murawiec, Tập đoàn RAND

Tư tưởng thù hận đã dẫn đến sự kiện 11-9. Một khi chưa hoá giải triệt để tư tưởng ấy thì cuộc chiến chống khủng bố sẽ không bao giờ giành được thắng lợi, và sự tái xuất hiện của Osama Bin Laden chỉ còn là vấn đề thời gian.

Dore Gold, Vương quốc hận thù

Chúng ta sẽ kiểm soát đất đai Vatican. Chúng ta sẽ kiểm soát Rome và đưa Hồi giáo vào nơi này.

Sheikh Muhammad Bin Abdal-Rahman Al-Arifi



li Massoudi thật không khôn ngoan khi lôi Gabriel Allon ra khỏi kỳ nghỉ ngắn ngủi nhưng lại đầy rắc rối của anh. Massoudi là một nhà trí thức lớn người Anh ủng hộ liên kết với EU và là người có thói quen suy nghĩ độc lập. Trong giờ phút sợ hãi điên cuồng, ông đã quên rằng người Anh luôn lái xe bên tay trái.

Bối cảnh cho cái chết của ông là một buổi tối tháng 10 mưa rùng rã ở Bloomsbury.

Đây cũng chính là thời điểm diễn ra phiên họp cuối cùng của Diễn đàn chính sách cho hòa bình và an ninh ở Palestine, Irắc và các nước khác được tổ chức hàng năm lần đầu tiên. Cuộc hội thảo diễn ra sáng sớm hôm đó được kỳ vọng rất nhiều và được tổ chức một cách phô trương để tạo tiếng vang, nhưng đến cuối ngày nó lại mang phẩm chất của một vở kịch xoàng được đưa đi lưu diễn. Thậm chí những người thuyết trình đến với hi vọng sẽ trở nên nổi bật trong đám đông dường như cũng nhận ra họ đang mệt mỏi đọc cùng một kịch bản của lần trước. Vào lúc 10 giờ hình nộm Tổng thống Mỹ bị đốt. Lúc 11 giờ Thủ tướng Israel bị đưa ra ngọn lửa để tẩy uế. Vào giờ ăn trưa, cơn mưa lớn trong chốc lát đã biến quảng trường Russell thành vũng nước, có kẻ ngu ngốc nào đó đang diễn giải về quyền phụ nữ ở Ả-rập Xêút. Vào 8 giờ 30, khi chiếc búa gõ trên tấm bảng cuối cùng, hai tá người khắc kỷ đã ở lại đến cuối xếp hàng một cách vô cảm đi về phía cửa ra vào. Ban tổ chức hội thảo nhận thấy trước rằng sẽ có rất nhiều người không hứng thú quay lại để tham dự vào mùa thu tới.

Người trang trí sân khấu vươn người về phía trước dỡ tấm áp phích khỏi cái móc. Trên đó có ghi dòng chữ: GAZA ĐƯỢC GIẢI PHÓNG - THẾ THÌ SAO? Chuyên gia đầu tiên đứng dậy là Sayyid thuộc trường Kinh tế Luân Đôn, người bảo vệ những kẻ đánh bom cảm tử, biện hộ cho al-Qaeda. Tiếp sau ông là Thị trưởng Cambridge, người nói về Palestine và người Do Thái tựa như họ vẫn còn là nhóm người mặc áo xám từ phòng Ngoại vụ. Trong suốt buổi thảo luận, viên

Thị trưởng lớn tuổi đóng vai trò trung gian giữa Sayyid chuyên gây bất hòa và một linh hồn tội nghiệp đến từ Đại sứ quán Israel tên Rachel. Cô ta bị la ó huyết sáo phản đối mỗi khi mở miệng nói. Viên Thị trưởng đang cố gắng đóng vai trò hoà giải khi Sayyid theo Rachel đến tận cửa để châm chọc rằng những ngày làm thực dân của cô ta đang đến lúc chấm dứt.

Ali Massoudi, Giáo sư giảng dạy sau đại học chuyên về môn điều hành toàn cầu và lý thuyết xã hội tại trường Đại học Bremen là người cuối cùng đứng dậy. Điều này không đáng ngạc nhiên, đồng nghiệp hay ghen tị của ông sẽ nói thế, vì giữa thế giới tạp nham các ngành học Trung Đông, Massoudi có tiếng là người không bao giờ tự nguyện rời bỏ sân khấu. Sinh ra ở Palestine, có hộ chiếu của Gioócdan, và được giáo dục ở châu Âu, Giáo sư Massoudi thường xuất hiện trước công chúng với vẻ ôn hòa. Mọi người gọi ông là tương lai xán lạn của thế giới Arập, là đại diện của sự tiến bộ. Ông không tin tôn giáo nói chung, đặc biệt là Hồi giáo cực đoan. Trên các bài xã luận, trong các giảng đường và trên truyền hình, ông luôn lên án sự bất bình thường của thế giới Arập. Ông lên án chính sự thất bại của thế giới này đã khiến họ không giáo dục được con người tử tế. Ông lên án khuynh hướng đổ lỗi cho người Mỹ và những người Do Thái theo chủ nghĩa phục quốc. Quyển sách cuối cùng của ông đã trở thành lời kêu gọi tha thiết phải cải tổ Hồi giáo. Do vậy những kẻ cuồng tín Hồi giáo tuyên bố ông là kẻ dị giáo. Còn những người ôn hoà nói rằng ông có lòng dũng cảm của Martin Luther King. Buổi trưa hôm đó, ông đã tranh cãi trước sự thất vọng của Sayyid, rằng thời cơ đang nằm trong tay Palestine. Nếu người Palestine không từ bỏ văn hóa khủng bố, người Israel sẽ không bao giờ nhường dù chỉ một phần của Bờ Tây. Mà thật ra thì họ cũng không nên nhường. Đồ báng bố tôn giáo, Sayyid hét lên. Đồ bội giáo.

Giáo sư Massoudi cao khoảng 1,8m và rất điển trai. Điều này có vẻ nguy hiểm đối với những phụ nữ trẻ dễ xúc động phải làm việc cùng ông. Tóc ông xoăn đen, xương gò má rộng và khỏe mạnh, và cằm vuông chẻ sâu ở ngay chính giữa. Mắt ông màu nâu và sâu làm nổi bật lên khuôn mặt thông minh đáng tin cậy. Chiếc áo khoác thể thao bằng len casomia khoác ngoài áo len cổ tròn màu kem khiến ông giống như một hình mẫu trí thức châu Âu vậy. Đây chính là hình ảnh mà ông đã dày công tạo dựng. Ông thông thả thu dọn giấy bút một cách gọn gàng và bỏ vào chiếc cặp táp thường mang theo. Rồi ông bước xuống các bậc sân khấu và đi ra ngoài.

Vài khán giả đang nán lại trong sảnh. Đứng bên góc phòng, như một hòn đảo bảo tồn trên mặt biển tĩnh lặng là một cô gái. Cô ta mặc quần jeans bạc màu và áo khoác da, cổ choàng khăn sọc vuông. Mái tóc cô ta đen nhánh, sáng bóng đầy huyền bí. Mắt cô ta cũng đen sẫm. Tên cô ta là Hamida al-Tatari. Dân tị nạn, cô ta tự nhận như vậy. Sinh ra ở Amman, lớn lên ở Hamburg, bây giờ là công dân Canada sống ở Bắc Luân Đôn. Massoudi đã gặp cô ta buổi trưa hôm đó tại tiệc chiêu đãi của hội sinh viên. Khi uống cà phê, cô ta buộc tội ông đã không công kích hết những tội ác của người Mỹ và người Do Thái. Massoudi lập tức thích cô gái này. Họ dự định tối đó sẽ gặp nhau tại quầy rượu kế bên rạp hát ở quảng trường Sloane. Tuy nhiên, những dự định của ông không xuất phát từ sự lãng mạn. Ông không ham muốn thân xác Hamida. Cái hấp dẫn ông chính là nhiệt huyết và khuôn mặt sạch sẽ của Hamida. Cộng với đó là vốn tiếng Anh hoàn hảo và hộ chiếu Canada của cô gái này.

Cô ta lén nhìn theo Massoudi khi ông đi ngang qua sảnh, nhưng cô ta không tỏ vẻ muốn đến gần nói chuyện. *Phải giữ khoảng cách sau khi kết thúc hội thảo*, ông đã dặn cô trước đó. Một ở người địa vị của tôi phải lưu ý đến việc mình bị thấy đi với ai. Khi ra đến ngoài, ông đứng một lúc dưới cổng ngắm xe cộ chậm chạp di chuyển trên đường phố ẩm ướt. Ông cảm thấy ai đó cò

nhẹ vào khuỷu tay. Đó là Hamida. Cô ta không nói một lời nào mà chỉ lẳng lặng băng vào màn mưa. Ông chờ đến khi cô đi khuất mới quàng cặp táp lên vai và đi theo hướng ngược lại về khách sạn ở quảng trường Russell.

Bỗng nhiên Massoudi cảm nhận thấy một điều gì đó. Nó giống như sự thay đổi luôn xuất hiện mỗi khi ông chuyển từ cuộc sống này sang cuộc sống khác. Mạch đập nhanh, các giác quan trở nên nhạy bén, Massoudi lén dỗi mắt quan sát những chi tiết nhỏ nhất xung quanh mình. Một cậu thanh niên đầu sắp hói đang bước về phía ông. Tay anh ta cầm ô và cái nhìn dừng lại hơi lâu trên khuôn mặt của Massoudi. Một người bán báo nhìn trơ tráo vào mắt Massoudi khi ông mua tờ Evening Standard. Hay người tài xế tắc xi dỗi theo ông khi ông quăng tờ báo vừa mua vào sọt rác ở khu Thượng Woburn. Một chiếc xe buýt vượt qua ông. Khi nó chậm chậm đi qua, Massoudi liếc nhìn những cửa sổ xe động đầy sương. Ông thấy một tá khuôn mặt mệt mỏi, phần lớn là da đen hay da nâu. Những người Luân Đôn mới, ông thầm nghĩ, và trong chốc lát vị Giáo sư về điều hành toàn cầu và lý thuyết xã hội đánh vật với những suy nghĩ này. Bao nhiêu người âm thầm đồng cảm với sự nghiệp của ông? Bao nhiêu người sẽ kí ủng hộ nếu ông đặt trước mặt họ bản hợp đồng chết chóc.

Theo đuôi chiếc xe buýt, ở vệ đường bên kia là một khách bộ hành đơn độc: áo mưa, tóc đuôi ngựa dài, lông mày là hai đường thẳng. Massoudi nhận ra anh ta ngay lập tức. Gã thanh niên này đã tham dự hội thảo, anh ta ngồi cùng hàng với Hamida nhưng ở phía đối diện của phòng. Sáng hôm đó, á hử ta cũng ngồi tại chỗ ấy lắng nghe Massoudi lên giọng phản đối khi thảo luận trước Hội đồng về việc cấm các học giả người Israel ra khỏi lãnh thổ châu Âu.

Massoudi hạ mắt xuống tiếp tục bước đi, tay trái ông sờ vào miếng đệm vai trên dây đeo cặp táp. Ông đang bị theo dõi chăng? Nếu đúng thì do ai? MI5 có lẽ là lời giải thích hợp lí nhất. Hợp lí nhất, ông tự nhắc nhở, chứ không phải là duy nhất. Có lẽ cơ quan Tình báo Đức đã theo ông từ Bremen đến Luân Đôn. Hay có lẽ ông đang bị CIA theo dõi.

Nhưng khả năng thứ tư làm tim Massoudi bỗng nhiên đập nhói vào thành ngực. Giả sử gã thanh niên đang theo dõi ông không phải người Anh, Đức, hay Mỹ thì sao? Giả sử hử ta làm việc cho cơ quan tình báo nào đó không e ngại việc thanh toán kẻ thù, thậm chí ngay trên đường phố nước khác. Một tổ chức tình báo có lịch sử sử dụng phụ nữ làm mồi nhử. Ông nhớ lại những lời Hamida nói trưa hôm đó.

“Em hầu như lớn lên ở Toronto”.

“Thế còn trước đó?”

“Ở Amman khi em còn rất nhỏ. Sau đó sống một năm ở Hamburg. Em là người Palestine, thừa Giáo sư. Tổ ấm của em là chiếc vali”.

Massoudi bất ngờ quẹo ra khỏi khu Woburn vào khu đường phụ Pancras. Sau vài bước, ông đi chậm lại nhìn liếc qua vai. Gã thanh niên mặc áo mưa đã băng qua đường đi theo ông.

Ông rảo bước nhanh hơn, quẹo trái quẹo phải nhiều lần. Băng qua những dãy nhà thấp, qua các khu chung cư, qua những quảng trường vắng người rải rác lá khô. Massoudi hầu như bị lạc đường. Ông đang cố định hướng, ông biết những đường chính ở Luân Đôn khá rõ, nhưng các con phố hẹp là điều bí ẩn đối với ông. Ông bỏ mặc những thủ thuật quan sát kín đáo của nghề tình báo và liên tục quay lại nhìn. Mỗi lần như vậy, ông dường như thấy khoảng cách với gã đó bị thu hẹp thêm một hai bước.

Ông đến ngã tư, bên trái là đường Euston với dòng xe cộ đang nhộn nhịp chuyển động, phía đối diện chính là nhà ga King's Cross và đường Pancras. Ông quẹo sang hướng Euston, một vài

giây sau ông lại nhìn nghiêng qua vai. Gã thanh niên đã bước qua khúc quanh và đang tiến gần đến ông.

Ông bắt đầu chạy. Ông chưa bao giờ là một vận động viên thể thao, thêm nữa những năm theo đuổi học thuật đã cướp đi chút sức lực còn lại khỏi cơ thể ông. Sức nặng của chiếc máy tính trĩu lại như mỏ neo. Chiếc cặp thúc mạnh vào hông của ông theo mỗi bước chạy. Ông dùng một cùi chỏ giữ cho chắc, tay kia cầm dây đeo, nhưng tư thế này khiến các sải bước không đều và làm tốc độ của ông bị chậm hơn. Massoudi thoáng nghĩ đến việc quăng chiếc máy cho nhẹ, nhưng thay vì thế ông lại giữ chặt nó hơn. Lọt vào tay kẻ xấu, chiếc máy tính xách tay này có thể là kho báu thông tin. Ảnh cá nhân, ảnh theo dõi, đường liên kết liên lạc, tài khoản ngân hàng... Ông bị vấp chân và dừng lại tại đường Euston. Nhìn qua vai, ông thấy kẻ theo mình vẫn ở ngay đằng sau, tay để trong túi, mắt nhìn xuống. Ông nhìn sang bên trái, ông bước đến khúc cua. Tiếng còi xe tải là âm thanh cuối cùng Ali Massoudi nghe được. Do va chạm, chiếc cặp tấp văng ra khỏi ông. Nó bay trên không trung, đập xuống đất lộn vài vòng rồi rơi thịch xuống. Gã thanh niên mặc áo mưa hầu như không chậm bước khi hấn cúi xuống nhặt lấy chiếc cặp. Hấn đeo gọn gàng lên vai, băng qua đường Euston, rồi hoà vào dòng người tan tằm và mất hút trong nhà ga King's Cross.

Chương 2

Jerusalem



hiếc cặp táp đến Paris lúc bình minh, và lúc 11 giờ, nó được mang vào một văn phòng không có gì nổi bật trên đại lộ King Saul ở Tel Aviv. Ở đây, đồ đạc cá nhân của Giáo sư bị kiểm tra tỉ mỉ trong khi ổ cứng máy tính bị tấn công bởi một nhóm chuyên viên kỹ thuật. Ba giờ chiều cùng ngày..., gói thông tin đầu tiên đã được chuyển tới văn phòng

Thủ tướng ở Jerusalem, và đến năm giờ tập hồ sơ chứa tài liệu đáng báo động nhất đã nằm trên ghế sau một chiếc limousine bọc thép đi về phía đường Narkiss, một con đường yên ắng nhiều lá rụng, cách trung tâm mua sắm Ben Yehuda không xa.

Chiếc xe hơi dừng trước căn hộ chung cư nhỏ số 16. Ari Shamron, người từng hai lần làm Giám đốc bộ phận an ninh Israel, bây giờ làm cố vấn đặc biệt cho Thủ tướng trong tất cả các vấn đề liên quan đến an ninh và tình báo, bước ra khỏi xe từ ghế sau. Rami, đội trưởng đội bảo vệ có cặp mắt đen nhẹ nhàng nổi gót ông. Shamron có vô số kẻ thù trong suốt sự nghiệp dài đầy biến động của mình. Do sự phức tạp về thành phần dân cư của Israel, nên kẻ thù có nhiều cơ hội để áp sát mục tiêu của chúng. Vì vậy, cho dù đang ở trong biệt thự như pháo đài kiên cố, Shamron cũng luôn được các nhân viên bảo vệ vây quanh.

Ông dừng một chút trên lối nhỏ trong vườn và nhìn lên. Đây là một toà nhà ba tầng tồi tàn xây bằng đá vôi Jerusalem, cây khuynh diệp lớn trước nhà đổ bóng râm mát mẻ lên ban công. Cảnh cây đang đung đưa trong cơn gió lạnh đầu tiên của mùa thu, và từ cánh cửa sổ mở ở lầu ba bốc ra mùi gay gắt của chất sơn pha loãng.

Khi bước vào sảnh, Shamron đưa mắt nhìn hộp thư cho căn hộ số ba và thấy không có bảng tên. Ông nặng nề leo cầu thang. Dáng người ông đậm, và như thường lệ, ông mặc quần kaki và áo khoác da cũ kỹ bị rách bên ngực phải. Mặt ông nứt nẻ và chi chít vết chân chim, chút viền tóc bạc còn sót lại bị cắt ngắn đến mức gần như biến mất. Tay ông như da thuộc, lấm tấm đồi mồi, và dường như được mượn từ một bàn tay nào đó to gấp hai lần ông. Bàn tay kia của ông cầm một tập hồ sơ.

Cửa đang khép hờ khi ông lên đến chiếu nghỉ cầu thang lầu ba. Ông đặt tay lên cửa, nhẹ nhàng đẩy vào trong. Căn hộ này từng được trang trí tỉ mỉ bởi một phụ nữ Do Thái gốc Ý có khiếu thẩm mỹ tuyệt vời. Bây giờ đồ đạc trong nhà, cũng giống người phụ nữ, không còn nữa, và căn hộ được biến thành một xưởng vẽ. Tuy nhiên, đó không phải là xưởng vẽ của một họa sỹ, Shamron tự nhắc nhở. Gabriel Allon là một nhà phục chế - một trong ba hay bốn nhà phục chế tài năng nhất trên thế giới. Bây giờ anh đang đứng trước tấm vải lớn vẽ cảnh một người đàn ông bị bao vây bởi những con mèo ăn thịt. Shamron yên lặng ngồi trên chiếc ghế đầu dính sơn nhìn Gabriel làm việc. Ông luôn cảm thấy kỳ lạ về tài bắt chước nét vẽ các bậc thầy thời xưa của anh. Đối với Shamron, đó là một trò ảo thuật, là một tài năng trời phú khác của Gabriel

bên cạnh khiếu ngôn ngữ của anh hay khả năng rút súng Beretta khỏi hông ngấm bấn chỉ trong khoảng thời gian một cái vỗ tay.

“Chắc chắn bức vẽ trông đẹp hơn lúc nó mới được đưa tới”, Shamron nhận xét, “nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao nhiều người muốn treo những bức tranh như thế trong nhà mình”.

“Bức tranh này sẽ không được treo trong nhà”, Gabriel nói, tay đưa chiếc cọ lên bức vẽ. “Đây là một tác phẩm của bảo tàng”.

“Ai vẽ nó?”. Shamron hỏi đột ngột, như đang tra vấn thủ phạm đặt bom.

“Nhà đấu giá Bohnams ở Luân Đôn nghĩ đây là tác phẩm của Erasmus Quellinus”, Gabriel trả lời.

“Có lẽ Quellinus đặt nền tảng cho bức vẽ thật, nhưng tôi thấy rõ là Rubens đã hoàn tất bức tranh này cho ông ta”. Anh đưa tay chạm suốt bức vẽ lớn. “Nét cọ của ông ta ở khắp mọi nơi”.

“Nếu vậy thì khác gì?”

“Khoảng 10 triệu bảng”, Gabriel đáp. “Julian sẽ giàu to với bức tranh này”.

Julian Isherwood là người bán tranh ở Luân Đôn, và cũng là nhân viên thời vụ của Tình báo Israel. Cục Tình báo có tên rất dài nhưng chẳng ăn nhập gì đến bản chất công việc của nó.

Những người như Shamron và Gabriel chỉ đơn giản gọi nó là Văn phòng.

“Tôi hi vọng Julian trả công xứng đáng cho cậu”.

“Phí phục chế cho tôi, thêm một ít hoa hồng nếu bán được”.

“Tổng cộng bao nhiêu?”

Gabriel gõ cọ lên bảng màu rồi tiếp tục công việc.

“Chúng ta cần nói chuyện”, Shamron tiếp tục.

“Thế thì ông nói đi”.

“Tôi sẽ không nói khi cậu đang làm việc”.

Gabriel quay người ngó Shamron qua tròng kính phóng đại. “Và tôi cũng không nói chuyện với cậu chừng nào cậu còn mặc bộ đồ này. Trông cậu giống như cơn ác mộng của tôi vậy”.

Gabriel ngần ngừ đặt bảng màu lên bàn làm việc. Anh gỡ kính phóng đại, để lộ đôi mắt màu ngọc lục bảo xanh đến mức gây sửng sốt. Chiều cao của anh dưới mức trung bình nhưng anh có vóc dáng vuông vức của một vận động viên đua xe đạp. Vầng trán anh rộng, nhưng lại hẹp ở cằm, còn chiếc mũi dài xương xẩu tựa như được tạc từ gỗ. Tóc anh cắt ngắn và lốm đốm bạc hai bên thái dương. Chính vì Shamron mà Gabriel đã trở thành nhà phục chế tranh chứ không phải trở thành một trong những họa sỹ thành danh nhất trong thế hệ anh. Chính Shamron cũng là nguyên do tại sao ở hai bên thái dương của anh lại trở nên muối tiêu chỉ trong một đêm mặc dù khi đó anh mới chỉ hơn hai mươi tuổi. Shamron là nhân viên tình báo được Golda Meir chọn để săn tìm và ám sát những kẻ thực hiện cuộc thảm sát Munich 1972. Cậu sinh viên mỹ thuật trẻ đầy hứa hẹn tên Gabriel Allon là tay súng chủ lực của ông.

Gabriel rửa bảng màu và cọ vẽ, sau đó anh đi vào nhà bếp. Shamron ngồi xuống chiếc bàn nhỏ đợi Gabriel quay lưng lại rồi mới vội vã châm một điếu thuốc Thổ Nhĩ Kỳ nặng mùi. Gabriel, khi nghe tiếng tách tách quen thuộc của chiếc bật lửa Zippo cũ của Shamron, giận dữ chỉ tay về phía các bức họa của Rubens, anh sợ khói thuốc làm hỏng chúng, nhưng Shamron làm cử chỉ mặc kệ rồi ngang ngạnh đưa thuốc lên môi. Không khí im lặng dễ chịu len vào giữa hai người khi Gabriel đổ nước trong chai vào ấm trà và múc cà phê bỏ vào máy pha cà phê. Shamron thư thái lắng nghe tiếng gió thổi qua những cây khuynh diệp ngoài vườn. Là người tin vào lý lẽ và công bằng, ông đánh dấu thời gian không phải bằng các lễ hội Do Thái mà bằng nhịp điệu của đất trời - ngày mưa đến, ngày hoa dại nở ở Galilee, ngày những cơn gió mát trở lại. Gabriel có

thể đọc thấy những suy nghĩ của ông. Thêm một mùa thu nhưng chúng ta vẫn còn ở đây. Hiệp ước vẫn chưa được hủy bỏ.

“Thủ tướng muốn có câu trả lời”. Ánh mắt của Shamron vẫn chăm chú nhìn khu vườn nhỏ lộn xộn. “Ông ấy là người kiên nhẫn, nhưng ông sẽ không ngồi để chờ mãi đâu”.

“Tôi đã bảo ông rằng tôi sẽ cho ông ấy câu trả lời sau khi đã phục chế xong bức họa”.

Shamron nhìn Gabriel. “Chẳng lẽ tính kiêu ngạo của cậu không có điểm dừng sao? Thủ tướng nước Israel muốn cậu làm người đứng đầu Lực lượng Đặc nhiệm, còn cậu thì trì hoãn câu trả lời chỉ vì một bức vẽ 500 năm tuổi”.

“Bốn trăm năm”.

Gabriel mang cà phê đến bàn rót hai tách. Shamron múc đường đổ vào tách mình và khuấy mạnh một lần duy nhất.

“Cậu bảo công việc của cậu gần xong, vậy câu trả lời của cậu là gì?”

“Tôi chưa quyết định”.

“Cho phép tôi cho cậu lời khuyên nhé?”

“Nếu tôi không thích nghe lời khuyên của ông thì sao?”

“Dù muốn hay không thì tôi vẫn khuyên cậu”. Shamron dập tắt mẩu thuốc lá. “Cậu nên nhận lời đề nghị của Thủ tướng trước khi ông giao nó cho người khác”.

“Không chuyện gì có thể làm tôi vui sướng hơn nếu Thủ tướng làm như vậy”.

“Thật vậy sao? Nếu thế thì cậu sẽ làm gì với chính mình?”. Được khuyến khích bởi sự im lặng của Gabriel, Shamron thúc ép thêm. “Cho phép tôi vẽ một bức tranh cho cậu, Gabriel. Tôi sẽ làm điều tốt nhất có thể. Tôi không có tài như cậu. Tôi không sinh ra trong gia đình Do Thái gốc Đức trí thức. Tôi chỉ là một người Do Thái gốc Ba Lan nghèo kiệt xác có người cha kéo xe đi bán chấu lợn”.

Giọng Ba Lan đầy sát khí của Shamron trở nên nặng hơn. Gabriel không nén nổi nụ cười. Anh biết rằng bất cứ khi nào Shamron giở giọng một người Do Thái bị chà đạp đến từ Lvov thì chắc chắn sẽ có một vở kịch hay sắp sửa diễn ra.

“Cậu không còn nơi nào để đi, Gabriel. Cậu tự nói thế lần đầu khi chúng tôi đề nghị công việc cho cậu. Cậu sẽ làm gì khi đã xong bức họa của Rubens này? Cậu còn tác phẩm nào đang xếp hàng chờ à?”. Đoạn dừng lại của Shamron đầy kịch tính vì ông biết câu trả lời là không. “Cậu không thể quay trở lại châu Âu trừ phi cậu chính thức được tuyên bố không dính líu đến vụ đặt bom ở ga Lyon. Julian có thể gửi cho cậu bức tranh khác, nhưng cuối cùng việc đó cũng chấm dứt vì giá đóng hàng và chuyên chở sẽ lằm vào phần hạch toán vốn đã ít ỏi của ông ấy. Cậu đã rõ quan điểm của tôi chưa, Gabriel?”

“Tôi hiểu rất rõ những gì ông muốn nói. Ông đang cố gắng sử dụng tình thế khó khăn của tôi làm phương tiện hăm dọa ép tôi về làm cho Lực lượng”.

“Hăm dọa ư? Không, Gabriel. Tôi biết nghĩa của từ hăm dọa, và Chúa biết tôi nổi tiếng sử dụng việc này để phục vụ nhu cầu của mình. Nhưng đây không phải là hăm dọa. Tôi đang cố giúp cậu”.

“Giúp đỡ à?”

“Cho tôi biết một việc, Gabriel. Cậu dự định làm gì để kiếm tiền?”

“Tôi có tiền”.

“Đủ để sống như một ẩn sĩ, nhưng không đủ *sống*”. Shamron rơi vào im lặng tạm thời để lắng nghe tiếng gió. “Lúc này thật yên ắng, đúng không? Gần như là tĩnh lặng. Thật cảm ơn khi nghĩ

mọi việc có thể như thế này mãi mãi. Nhưng chuyện này là không thể. Chúng ta đã trao cho họ Dải Gaza mà không đòi hỏi bất cứ điều gì, còn họ thì trả ơn chúng ta bằng cách bầu tổ chức Hamas làm lãnh đạo. Tiếp theo họ sẽ đòi Bờ Tây, nếu chúng ta không trao cho họ trong thời gian ngắn, máu sẽ lại rơi, còn khủng khiếp hơn cuộc nổi dậy lần thứ hai. Tin tôi đi, Gabriel, một ngày gần đây mọi chuyện sẽ lại bắt đầu. Không chỉ ở đây. Ở mọi nơi. Cậu nghĩ rằng họ đang ngồi lên tay mình rồi không làm gì ư? Dĩ nhiên là không. Họ đang hoạch định chiến dịch kế tiếp. Họ cũng đang nói chuyện với Osama và bè lũ của hắn. Bây giờ chúng ta đã biết sự thực là chính phủ Palestine hoàn toàn đã bị al-Qaeda và các tổ chức có liên quan thâm nhập. Chúng ta cũng biết họ dự định những cuộc tấn công chủ lực vào Israel và những mục tiêu người Israel ở nước ngoài trong tương lai gần. Văn phòng cũng tin rằng Thủ tướng đang là mục tiêu ám toán, bao gồm cả những cố vấn cao cấp”.

“Cả ông nữa à?”

“Dĩ nhiên”, Shamron nói. “Dù sao đi nữa tôi cũng là cố vấn đặc biệt của Thủ tướng về những vấn đề có liên quan đến an ninh và khủng bố. Cái chết của tôi sẽ là một chiến thắng rực rỡ của họ”.

Ông lại nhìn ra ngoài ngắm những cái cây đang bị gió lay. “Thật mĩ mai, đúng không? Nơi này đáng lẽ phải là chỗ trú ẩn của chúng ta. Bây giờ thật kỳ lạ là nó khiến chúng ta dễ bị thương vong hơn bao giờ hết. Gần nửa số người Do Thái trên thế giới sống trong dải đất chật hẹp này. Chỉ một thiết bị hạt nhân nhỏ thôi, đó là tất cả những gì cần thiết. Người Mỹ có thể sống sót sau một đợt nổ bom. Người Nga thậm chí không thêm chú ý. Nhưng chúng ta thì sao? Một đợt ném bom ở Tel Aviv có thể giết chết một phần tư dân số đất nước - có thể còn nhiều hơn”.

“Ông cần tôi ngăn chặn thảm họa này à? Tôi nghĩ hiện nay Văn phòng đang được quản lý bởi những người thật sự có tài”.

“Mọi chuyện rõ ràng đã tốt đẹp hơn sau khi Lev bị buộc thôi việc. Amos là một nhà lãnh đạo và điều hành xuất chúng, nhưng đôi khi tôi nghĩ ông ấy còn quá nhiều phẩm chất một người lính”.

“Ông ta là lãnh đạo của cả Lực lượng Đặc nhiệm Sayeret Matkal và Aman. Ông mong chờ điều gì?”

“Chúng tôi biết chúng tôi sẽ được gì với Amos, nhưng bây giờ Thủ tướng và tôi lo rằng ông ta đang cố biến đại lộ King Saul thành tiền đồn của IDF¹. Chúng tôi muốn Văn phòng trở về với đặc tính ban đầu của nó”.

“Điên rồ à?”

“Táo bạo”, Shamron phản bác lại. “Liều lĩnh. Tôi chỉ ước rằng Amos suy nghĩ ít giống một vị chỉ huy quân đội một chút và giống một...”. Giọng ông nhỏ dần khi đang cố tìm từ thích hợp. Khi đã tìm ra, ông xoa hai ngón tay vào ngón tay cái và nói. “Giống một họa sỹ hơn. Tôi cần một người bên ông ấy suy nghĩ giống Caravaggio”.

“Caravaggio là một kẻ điên”.

“Chính xác”.

Shamron bắt đầu châm một điếu thuốc khác, nhưng lần này Gabriel thành công trong việc giữ tay ông lại trước khi ông kịp với tới chiếc bật lửa. Shamron nhìn anh, ánh mắt bỗng trở nên nghiêm túc.

“Chúng tôi cần cậu *bây giờ*, Gabriel ạ. Cách đây hai tiếng, thủ lĩnh Lực lượng Đặc nhiệm đã nộp đơn từ chức cho Amos”.

“Tại sao?”

“Luân Đôn”. Shamron nhìn xuống bàn tay đang bị giữ lại. “Cho phép tôi rút tay về chứ?”

Gabriel thả cổ tay đầy thịt của Shamron ra. Shamron lần điều thuốc chưa châm giữa ngón cái và ngón trỏ.

“Chuyện gì đã xảy ra ở Luân Đôn?” Gabriel hỏi.

“Tôi e rằng chúng ta có tai nạn ở đó tối hôm qua”.

“Tai nạn à? Khi Văn phòng có tai nạn, thường sẽ có ai đó có kết cục xấu”.

Shamron gật đầu xác nhận.

“Cái tên Ali Massoudi có ý nghĩa gì với cậu không?”

“Ông ta là Giáo sư có tiếng tại trường đại học ở Đức”, Gabriel đáp lại. “Thích đóng vai đả phá những tín ngưỡng lâu đời và vai người cải cách. Tôi đã gặp ông ta một lần”.

Cặp lông mày Shamron nhướng lên ngạc nhiên. “Vậy à? Ở đâu?”

“Cách đây vài năm ông ta đến Ý tham gia hội nghị lớn về Trung Đông. Trong khoản tiền được cấp khi tham dự hội nghị có chi phí tham quan một vòng thành phố. Một trong những điểm dừng chân là nhà thờ Thánh Zaccaria nơi tôi đang phục chế bức trang trí sau bàn thờ của Bellini”.

Gabriel đã sống và làm việc vài năm ở Venice dưới tên Mario Delveccio. Sáu tháng trước anh bắt buộc phải rời bỏ thành phố sau khi bị một trùm khủng bố người Palestine tên Khaled al-Khalifa khám phá ra thân phận thật của mình. Vụ này đã chấm dứt tại ga Lyon, và hậu quả sau đó là tên và quá khứ bí mật của Gabriel xuất hiện trên khắp báo chí Pháp và châu Âu, trong đó có bài viết nói anh là “*Thiên Thần Chết Chóc của Israel*”. Anh vẫn đang bị cảnh sát Paris truy nã để hỏi cung, và nhóm quyền dân sự người Palestine đã nộp hồ sơ kiện anh ở Luân Đôn cáo buộc tội ác chiến tranh.

“Cậu thực sự đã gặp Massoudi à?”. Shamron hỏi với vẻ không tin. “Cậu đã bắt tay hắn à?”

“Dĩ nhiên là dưới lốt Mario Delveccio”.

“Tôi cho rằng cậu không biết mình đang bắt tay một tên khủng bố”.

Shamron đưa thuốc lên môi và bật hộp quẹt. Lần này Gabriel không ngăn cản.

“Cách đây ba tháng chúng tôi nhận được lời khuyên từ một người bạn tại tổ chức GID¹ của Gioócdan, là Giáo sư Ali Massoudi, nhân vật ôn hòa và cải cách vĩ đại đó, thực chất là trinh sát tài ba của al-Qaeda. Theo người Gioócdan, hắn ta đang tuyển mộ người tấn công các mục tiêu Israel và Do Thái ở châu Âu. Các cuộc hội thảo về hòa bình và các cuộc biểu tình chống Israel là địa bàn sẵn mồi ưa thích nhất của hắn. Chúng tôi cũng không ngạc nhiên về điều này. Chúng tôi đã biết các cuộc hội thảo về *hoà bình* là nơi gặp gỡ của các gián điệp al-Qaeda và những kẻ quá khích châu Âu của cả cánh tả và cánh hữu. Chúng tôi quyết định hành động khôn ngoan là nên theo dõi Giáo sư Massoudi. Chúng tôi nghe trộm điện thoại trong căn hộ tại Bremen của ông ta, nhưng kết quả thu được rất đáng thất vọng. Ông ta rất cẩn thận khi nói chuyện điện thoại. Khoảng một tháng sau, trạm Luân Đôn đã cung cấp một thông tin rất kịp thời. Dường như bộ phận Văn hóa của Đại sứ quán ở Luân Đôn được yêu cầu cử một người quan trọng đi dự diễn đàn Chính sách về Hoà bình và An ninh ở Palestine, Iraq và những nước khác. Khi bộ phận yêu cầu cung cấp danh sách những người tham dự, cậu đoán tên ai xuất hiện trên danh sách?”

“Giáo sư Ali Massoudi”.

“Bộ phận Văn hóa đồng ý cử đại diện tham dự hội thảo, còn Lực lượng Đặc nhiệm đưa Massoudi vào tầm ngắm”.

“Lực lượng Đặc nhiệm dự định làm gì?”

“Đơn giản thôi”, Shamron nói. “Bắt quả tang ông ta. Thỏa hiệp với ông ta. Đe dọa ông ta.

Thuyết phục ông ta hợp tác. Cậu hình dung được không? Với một nhân viên như Massoudi được cài trong bộ phận nhân sự al-Qaeda. Với sự giúp đỡ của Massoudi, chúng ta có thể lật tung mạng lưới ở châu Âu của chúng lên”.

“Thế chuyện gì đã xảy ra?”

“Chúng ta đã dùng mỹ nhân kế đối với Massoudi. Cô ta tự xưng là Hamida al-Tatari. Nhưng tên thật cô ta là Avita, đến từ Ramat Gan, tuy nhiên chuyện này không liên quan đến việc đã xảy ra với Massoudi. Cô ta gặp Massoudi tại tiệc chiêu đãi. Massoudi bị thu hút và đồng ý sẽ gặp cô ta tối hôm đó để thảo luận thêm về tình trạng hiện tại của thế giới. Chúng ta đã cho người theo dõi Massoudi sau phiên cuối của cuộc hội thảo, nhưng dường như Massoudi phát hiện ra có người theo đuôi mình nên bắt đầu chạy. Ông ta nhìn sai hướng khi băng qua đường Euston và bước ra ngay trước đầu xe tải chở hàng”.

Gabriel nhăn mặt.

“May mắn là chúng ta không ra về tay trắng”, Shamron nói. “Người theo dõi lấy được cặp của Massoudi, trong đó có máy tính xách tay. Dường như Giáo sư Ali Massoudi còn hơn là một người phát hiện mục tiêu tài năng”.

Shamron đặt hồ sơ trước mặt Gabriel, và gạt đầu ra hiệu cho Gabriel mở ra xem. Bên trong ảnh nhìn thấy nhiều xấp ảnh: quảng trường Thánh Peter từ một tá góc nhìn khác nhau; mặt ngoài và bên trong đại thánh đường; đội cận vệ Thụy Sĩ đang đứng gác tại Vòm Chuông (the Arch of Bells). Rõ ràng những bức ảnh này không do một du khách bình thường chụp, bởi vì người chụp ảnh không chú ý nhiều đến vẻ đẹp tòa thánh Vatican mà chú ý nhiều hơn đến những biện pháp an ninh xung quanh nơi này. Có một số tấm chụp những chướng ngại vật dọc theo rìa tây quảng trường và những chiếc máy dò kim loại dọc theo những hàng cột của Bernini - và thêm vài tấm chụp đội canh gác và cảnh sát đi tuần dọc theo quảng trường khi có tụ tập nhiều người, cả những hình chụp cận cảnh vũ khí đeo bên người. Ba tấm hình cuối chụp Giáo hoàng Paul VII đang chào đám đông ở quảng trường Thánh Peter trong chiếc xe bọc kính. Ống kính không được chĩa vào Đức Cha thiêng liêng mà hướng vào những cận vệ Thụy Sĩ mặc thường phục đi bên cạnh xe ông.

Gabriel nhìn lại những tấm ảnh. Dựa vào chất lượng ánh sáng và quần áo những người hành hương mặc, có thể thấy những bức ảnh được chụp trong ba dịp. Anh biết, cách giám sát bằng ảnh nhiều lần với cùng một mục tiêu cho thấy đây là hoạt động *ngghiêm túc* của al-Qaeda. Anh đóng tập hồ sơ và đưa trả Shamron, nhưng Shamron không đưa tay nhận, Gabriel nghiến cừu khuôn mặt của ông với vẻ tập trung như đã nhìn những bức ảnh. Anh có thể thấy vẫn còn tin xấu sắp được tiết lộ.

“Bộ phận kỹ thuật còn tìm thấy thứ khác trên máy tính xách tay của Massoudi”, Shamron nói. “Những hướng dẫn vào tài khoản ngân hàng đánh số ở Zurich - tài khoản chúng ta đã chú ý một thời gian vì nhận được tiền chuyển thưởng xuyên từ một tổ chức được gọi là Ủy ban Giải phóng al-Quds”¹.

“Ai đứng tên tài khoản này?”. Gabriel hỏi.

“Arập Xêút”, Shamron nói. “Cụ thể hơn, Bộ trưởng Nội vụ Arập Xêút, Hoàng tử Nabil”.

Trong Văn phòng, Hoàng tử Nabil thường được nhắc tới bằng biệt hiệu Hoàng tử Bóng đêm vì sự căm ghét của ông ta đối với Israel và Mỹ cũng như sự ủng hộ đối với những người *Hồi giáo hiếu chiến*.

“Nabil thành lập ủy ban lúc cao trào cuộc nổi dậy lần hai”, Shamron tiếp tục. “Ông ta tự mình gây quỹ và đích thân giám sát việc đóng góp. Chúng tôi tin rằng ông ta hiện có một trăm triệu đô-la tự do sử dụng, và đang tài trợ cho một vài nhóm khủng bố bạo lực nhất trên thế giới, trong đó có các phần tử al-Qaeda”.

“Ai cho Nabil tiền?”

“Không giống như những tổ chức từ thiện khác của Ả-rập Xê-út, Ủy ban Giải phóng as-Quds có khá ít nhà tài trợ. Chúng tôi nghĩ Nabil quyên tiền từ một vài triệu phú người Ả-rập Xê-út”. Shamron nhìn chăm chú tách cà phê của mình một lúc. “Từ thiện”, ông nói, giọng khinh miệt. “Tên gọi mỹ miều nhỉ? Nhưng từ thiện ở Ả-rập Xê-út luôn là con dao hai lưỡi. Liên đoàn Thế giới Hồi giáo, tổ chức Cứu trợ Hồi giáo Quốc tế, tổ chức Hồi giáo al-Haramayn, tổ chức Từ thiện Quốc tế - chúng có vai trò với Ả-rập Xê-út giống như Quốc tế Cộng sản III đối với Xô Viết cũ. Thật ra chúng đều là những phương tiện tuyên truyền Hồi giáo. Nhưng chúng lại không tuyên truyền tất cả các loại Hồi giáo mà chỉ chú ý đến nhánh Hồi giáo Hồi giáo Thanh Giáo của Ả-rập Xê-út và chủ nghĩa Wahhabi. Các tổ chức từ thiện xây nhà thờ và trung tâm Hồi giáo trên khắp thế giới, và những học viện Hồi giáo huấn luyện những chiến binh Wahhabi tương lai. Những tổ chức này cũng đưa tiền trực tiếp cho bọn khủng bố, trong đó có những người bạn Hamas của chúng ta. Các cỗ máy của Hoa Kỳ chạy nhờ dầu của Ả-rập Xê-út, còn mạng lưới khủng bố Hồi giáo toàn cầu hoạt động phần lớn nhờ tiền của Ả-rập Xê-út”.

“Từ thiện là lời răn thứ ba của Hồi giáo”, Gabriel nói. “*Zakat*”.

“Đó là phẩm chất cao quý”, Shamron nói, “nếu không bị rơi vào tay những tên sát nhân”.

“Ông có nghĩ mỗi ràng buộc giữa Massoudi và những người Ả-rập Xê-út còn mật thiết hơn mức tiền bạc không?”

“Chúng ta sẽ không bao giờ biết được vì vị Giáo sư vĩ đại đã không còn tồn tại trên thế giới này nữa. Nhưng rõ ràng người mà ông ta làm việc cho đang nhắm tới Vatican - và một ai đó cần cảnh báo với tòa thánh”.

“Tôi ngờ rằng ông đã hình dung ra người thích hợp cho công việc này”.

“Cậu hãy xem đây là nhiệm vụ đầu tiên của đội trưởng Lực lượng Đặc nhiệm”, Shamron nói.

“Thủ tướng muốn cậu nhận nhiệm vụ. *Ngay lập tức*”.

“Còn Amos thì sao?”

“Amos định giao nhiệm vụ này cho người khác, nhưng Thủ tướng và tôi đã lật bài ngửa với ông ta rằng chúng tôi muốn cậu làm công việc này”.

“Hồ sơ cá nhân tôi đã dính quá nhiều xì-căng-đan. Và thật không may là cả thế giới giờ đây đều đã biết chuyện này”.

“Vụ ga tàu Lyon à?”. Shamron nhún vai. “Cậu đã bị một đối thủ khôn khéo lừa vào vụ đó. Hơn nữa tôi luôn quan niệm rằng một sự nghiệp không có xì-căng-đan thì đó không phải là một sự nghiệp lớn. Thủ tướng cũng có cùng quan điểm này với tôi”.

“Có lẽ do bản thân ông ta cũng dính vào vài vụ rắc rối”. Gabriel thở ra nặng nề rồi nhìn những bức hình lần nữa. “Có nhiều rủi ro khi gửi tôi đến Rome. Nếu người Pháp biết được tôi đang ở trên đất Ý...”

“Cậu không cần phải đến Rome”, Shamron cắt ngang. “Rome sẽ tìm cậu”.

“Donati à?”

Shamron gật đầu.

“Ông đã kể với ông ta những gì?”

“Đủ khiến ông ta phải hỏi Alitalia để mượn máy bay trong vài tiếng”, Shamron trả lời. “Ông ấy sẽ có mặt ở đây vào sáng sớm mai. Hãy cho ông ấy xem những bức hình. Hãy nói với ông ta những gì cần thiết để ông ấy biết rằng chúng ta nghĩ mỗi đe dọa là có thật”.

“Nếu ông ta yêu cầu giúp đỡ thì sao?”

Shamron nhún vai. “Hãy cho ông ấy những gì ông ấy cần”.

1. Lực lượng phòng thủ Israel.
2. Cục tình báo Giáo hoàng

Daniel Silver

Người đưa tin

Chương 3

Jerusalem

ức ông Louigi Donati, thư ký riêng của Đức Giáo hoàng Paul VII đang chờ Gabriel trong sảnh khách sạn King David lúc mười một giờ sáng ngày hôm sau. Ông cao và gầy, đẹp trai như minh tinh màn bạc Italia. Bộ y phục áo choàng La Mã, đồng hồ Thụy Sĩ đắt tiền trên cổ tay, cộng với chiếc bút mực bằng vàng đính ở túi áo ngực cho thấy

Đức ông, mặc dù có vẻ giản dị, nhưng thật ra lại là một người khá tinh tế. Đôi mắt đen toát lên sự thông minh xuất chúng và cương quyết, đường nét ngang ngạnh của cằm cho thấy ông không bao giờ chùn bước kể cả khi gặp nguy hiểm. Báo chí Vatican mô tả ông như một Rasputin về mặt giấy tờ, một quyền lực đằng sau ngai vàng Giáo hoàng. Kẻ thù của Donati trong Hội đồng Hồng y thường nhắc đến ông bằng hỗn danh “Giáo hoàng Đen”, một cách gọi khơi gợi trung thực, xuất thân thầy tu Dòng tên của ông.

Họ băng qua thung lũng Hinnom và trèo lên sườn đồi tới bức tường phía đông Thành Cổ. Con đường mòn dọc chân tường đang nằm trong bóng râm. Họ đi trên con đường đó về hướng nam, sau đó vòng qua góc và đi qua cổng Zion. Trên phố Do Thái, Donati lấy một mẫu giấy từ túi áo. “Đức Thánh Cha muốn tôi đặt miếng giấy này ở tường phía Tây”.

Họ theo một nhóm người haredim (những người theo đạo Do Thái chính thống) xuống Tiferet Yisra’el. Donati trong bộ đồ đen trông như cùng một nhóm với họ. Tới cuối đường, họ bước xuống những bậc thang rộng bằng đá dẫn tới quảng trường trước bức tường. Một hàng người dài xếp hàng từ quây an ninh. Gabriel, sau khi nói nhỏ câu gì đó với người nữ cảnh sát biên giới, dẫn Donati đi vòng qua máy dò kim loại vào quảng trường.

“Sao anh không làm giống những người bình thường?”

“Cha vào đi”, Gabriel nói. “Tôi sẽ chờ ở đây”.

Donati quay người và vô tình đi về phía tường dành cho phụ nữ. Gabriel kín đáo chặn lối và hướng dẫn ông đi về phía tường dành cho nam giới. Donati chọn một chiếc kippah (mũ trùm đầu của người Do Thái) từ chiếc giỏ công cộng và đội một cách cẩu thả trên đầu. Ông đứng trước bức tường một lúc và yên lặng cầu nguyện, sau đó ông nhét cuộn giấy nhỏ vào chỗ nứt trên viên đá Herodian màu nâu.

“Ờ giấy đó viết gì?”. Gabriel hỏi khi Donati quay trở lại.

“Trên đó ghi lời cầu xin hòa bình”.

“Cha nên để tờ giấy ở trên đó”, Gabriel nói, chỉ về hướng nhà thờ Hồi giáo Al-Aqsa.

“Anh thay đổi rồi”, Donati nói. “Người tôi gặp cách đây ba năm không bao giờ nói câu này”.

“Tất cả chúng ta đều thay đổi, Luigi. Không còn phe hòa bình ở đất nước này nữa, chỉ còn phe an ninh. A’one không tính đến việc này khi ông ta dùng những kẻ đánh bom tự sát”.

“A’one đâu còn nữa”.

“Đúng vậy, nhưng những tổn thất ông ta để lại phải mất cả thế hệ mới có thể phục hồi”. Anh nhún vai. “Ai biết được? Có lẽ những vết thương của cuộc nổi dậy lần hai sẽ không bao giờ lành”.

“Chẳng lẽ việc giết người cứ tiếp diễn mãi? Chắc chắn các anh không mong chờ một việc như thế”.

“Dĩ nhiên chúng tôi phải sẵn sàng, Luigi. Đó chính là thực trạng của nơi này”.

Họ rời phố Do Thái và đi bộ tới nhà thờ Thánh Sepulcher. Gabriel chờ trong sân trong khi Donati, sau khi từ chối lời mời mọc của những hướng dẫn viên du lịch tự do, bước vào trong nhà thờ. Ông quay trở ra mười phút sau. “Bên trong tối tăm quá”, ông nói. “Nói thật với anh tôi thấy hơi thất vọng”.

“Tôi e rằng tất cả mọi người đều nhận xét giống Cha”.

Họ rời sân nhà thờ và đến Via Dolorosa. Một nhóm hành hương người Mỹ, do vị linh mục mặc áo dài màu nâu tay cầm bong bóng khí helium màu đỏ dẫn đầu, đi ngược về phía họ. Donati nhìn cảnh tượng đó với niềm vui hiện rõ trên gương mặt.

“Cha còn niềm tin không?”. Gabriel đột nhiên hỏi.

Donati suy nghĩ rồi mới trả lời. “Tôi chắc anh đoán được rằng niềm tin cá nhân tôi là một thứ rất phức tạp. Nhưng tôi tin vào sức mạnh của nhà thờ Thiên Chúa La Mã. Tôi tin nó sẽ mang lại những điều tốt đẹp cho thế giới đầy tội lỗi này. Và tôi tin vào Giáo hoàng”.

“Vậy có thể Cha là người không có đức tin nếu so với những người có niềm tin lớn lao”.

“Nói rất hay”, Donati đáp. “Vậy còn anh? Anh vẫn còn tin chứ? Hay anh đã từng bao giờ có niềm tin chưa?”

Gabriel dừng bước. “Người Canaanites, người Hittites, Amalekites, người Moabites - họ không còn nữa. Nhưng vì một lí do nào đấy chúng ta vẫn còn ở đây. Có lẽ bởi vì cách đây 4000 năm Chúa trời đã kí giao kèo với Abraham. Ai biết được?”

“Ta sẽ thi án giáng phúc cho ngươi, sẽ làm cho dòng dõi ngươi nên đông, nên nhiều như sao trên bầu trời, như cát ngoài bãi biển”. Donati trích dẫn chương 22 của quyển “Sáng thế ký” (quyển đầu kinh Cựu Ước).

“Dòng dõi ngươi sẽ chiếm được thành trì của địch”, Gabriel hoàn tất phần còn lại trong đoạn cho Donati. “Bây giờ kẻ thù của tôi muốn đòi lại thành trì của mình. Hắn sẵn sàng làm bất cứ điều gì, kể cả hi sinh con trai mình để đạt được điều này”.

Donati mỉm cười trước sự diễn giải thông minh lời trong Kinh thánh của Gabriel. “Chúng ta không khác nhau mấy, anh và tôi. Chúng ta đều hiến dâng mạng sống mình cho những thế lực cao cả hơn. Đối với tôi là cho nhà thờ, còn anh là cho nhân dân”. Ông dừng lại và nói thêm. “Cho đất nước”.

Họ đi dọc Via Dolorosa vào phố Hồi giáo. Khi đường phố được bóng râm phủ mát, Gabriel đẩy kính râm lên trán. Những người bán hàng người Palestine nhìn anh tò mò từ quầy hàng đông đúc của họ.

“Anh ở đây có sao không?”

“Chúng ta sẽ ổn thôi”.

“Tôi đồ rằng anh có mang theo vũ khí”.

Gabriel trả lời bằng sự im lặng. Khi họ tiếp tục rảo bước, ánh mắt Donati chăm chú nhìn vào những cục sỏi trên đường, cặp lông mày đen rậm nhíu lại suy nghĩ.

“Nếu tôi biết Ali Massoudi đã chết, như vậy rất có khả năng đồng đảng của hắn cũng biết điều

này?”

“Dĩ nhiên”.

“Chúng cũng biết rằng máy tính của hắc có những tấm hình? Và máy tính thì đã rơi vào tay anh?”

“Có thể”.

“Có thể điều này khiến chúng thúc đẩy kế hoạch nhanh hơn không?”

“Hoặc có thể chúng sẽ trì hoãn kế hoạch cho đến khi ông và người Ý lợi dụng sự cạnh tranh phòng”.

Họ đi qua cổng Damascus. Gabriel hạ kính râm xuống khi họ bước vào khu chợ đông đúc ồn ào phía sau những bức tường.

“Có một điều anh cần biết về những tấm ảnh này”, Donati nói. “Chúng được chụp trong buổi nói chuyện trước công chúng của Đức Thánh Cha khi ông chào đón người hành hương trên khắp thế giới tại quảng trường Thánh Peter”.

Gabriel dừng bước nhìn vòm đá màu vàng ở trên những bức tường đá. “Buổi nói chuyện đại chúng thường được tổ chức vào thứ tư hàng tuần đúng không?”

“Đúng vậy”.

Gabriel nhìn Donati nói. “Hôm nay là thứ ba”.

Donati xem đồng hồ đeo tay. “Anh cho tôi đi nhờ đến sân bay nhé? Nếu đi nhanh chúng ta có thể kịp đến Rome ăn khuya”.

“Chúng ta?”

“Trên đường ra ngoại ô, chúng ta sẽ ghé qua căn hộ của anh để anh có thể gói ghém đồ đạc”, Donati nói. “Rome mấy bữa nay nhiều bão. Anh nhớ mang theo áo mưa”.

Mình sẽ phải mang nhiều thứ chứ không phải chỉ áo mưa, Gabriel thầm nghĩ khi dẫn Donati băng qua chợ. Anh cũng sẽ cần đến hộ chiếu giả.

Chương 4

Thành phố Vatican

ó là một văn phòng khá bình dị đối với một người đầy quyền lực. Tấm thảm phương Đông phai màu do thời gian, còn rèm cửa trông nặng nề và buồn tẻ. Khi Gabriel và Donati bước vào phòng, một người nhỏ thó mặc đồ trắng ngồi đằng sau chiếc bàn lớn thô sơ đang chăm chú nhìn màn hình truyền hình. Trên đó đang chiếu cảnh bạo lực:

khói lửa, những người sống sót bê vết máu đang bút tóc khóc thương những thân thể không lành lặn của người đã chết. Giáo hoàng Paul VII, Giám mục thành Rome, Đại giáo chủ nhấn nút Dừng trên chiếc điều khiển từ xa, và hình ảnh chuyển sang màu đen. “Gabriel”, ông nói. “Rất vui được gặp lại cậu”.

Giáo hoàng chậm rãi đứng lên chìa bàn tay nhỏ - không phải là đưa mặt chiếc nhẫn lên như đối với nhiều người, mà ông lật nghiêng lòng bàn tay. Cái bắt tay vẫn chặt, và đôi mắt nhìn Gariel trù mền vẫn trong sáng và đầy khí lực. Gariel đã quên mất Pietro Lucchesi vốn có dáng dấp nhỏ bé như thế nào. Anh nhớ lại buổi chiều hôm Lucchesi xuất hiện sau buổi họp kín bầu Giáo hoàng. Khi đó ông di chuyển trong chiếc áo lễ rộng thùng thình được chuẩn bị vội vã và hầu như không ai có thể nhìn thấy được ông từ những hàng cột bên ngoài Đại thánh đường. Một nhà bình luận trên truyền hình Ý đã gọi ông là Pietro Bất khả tư nghị. Hồng y Marco Brindini, Ngoại trưởng bảo thủ cực đoan, kẻ luôn cho rằng mình sẽ là người bước ra khỏi cuộc họp kín với bộ bạch y, đã cay đắng gọi Lucchesi là “Giáo hoàng Bất Ngờ I”.

Tuy nhiên Gabriel luôn nghĩ về hình ảnh khác của Pietro Lucchesi, hình ảnh ông đứng trên bục đại giáo đường Do Thái ở Rome phát biểu những điều mà chưa vị Giáo hoàng nào từng nói.

“Chúng tôi xin thứ tội và xin các bạn tha thứ cho những tội ác này cũng như những tội ác sắp bị vạch trần. Không lời nào diễn tả nỗi nỗi buồn sâu sắc của chúng tôi. Trong giờ phút các bạn cần giúp đỡ nhất, khi lực lượng Đức quốc xã kéo các bạn ra khỏi nhà và lôi đi trên những đường phố xung quanh giáo đường này, các bạn đã cầu xin giúp đỡ, nhưng lời cầu xin đó bị đáp lại bởi sự thinh lặng. Vì thế ngày hôm nay, khi tôi cầu xin sự tha thứ, tôi sẽ làm theo cách này. Trong thinh lặng...”

Giáo hoàng ngồi xuống nhìn màn hình màu đen không tín hiệu tựa như nó vẫn truyền tới mắt ông những hình ảnh, những thương vong ở nơi xa xôi. “Ta đã cảnh báo ông ta không được làm điều này, nhưng ông ta không nghe. Bây giờ ông ta dự định đến châu Âu hòa giải với những đồng minh cũ. Ta cầu chúc cho ông ta, nhưng ta nghĩ cơ hội thành công rất mong manh”.

Gabriel nhìn Donati mong lời giải thích.

“Nhà Trắng thông báo cho chúng tôi tối hôm qua là Tổng thống sẽ đến đây vào đầu năm sau nhân chuyến công du tại các thủ đô châu Âu. Tổng thống đang hi vọng tạo dựng được một hình ảnh thân thiện và bớt hiếu chiến hơn nhằm sửa chữa một số tổn thất do quyết định gây chiến

với Irắc”.

“Cuộc chiến ta luôn phản đối”, Giáo hoàng lên tiếng.

“Ông ấy có ghé thăm Vatican không?”. Gabriel hỏi.

“Ông ta sẽ đến Rome – đó là tất cả những gì chúng tôi biết. Nhà Trắng vẫn chưa thông báo rằng liệu Tổng thống có muốn hội kiến với Đức Thánh Cha không. Chúng tôi hi vọng lời yêu cầu sẽ được đưa ra trong khoảng thời gian ngắn nữa”.

“Ông ta sẽ không bao giờ đến Rome mà không ghé thăm Vatican”, Giáo hoàng nói. “Tín đồ Công giáo bảo thủ là một bộ phận cử tri quan trọng. Ông ta sẽ muốn một vài bức ảnh đẹp và vài lời phát biểu thiện chí từ ta. Ông ta sẽ có ảnh chụp. Còn về phần những lời nói thiện chí...”.

Giọng Giáo hoàng nhỏ dần. “Ta e rằng ông ta sẽ phải tìm điều này ở nơi khác”.

Donati ra dấu cho Gabriel ngồi xuống. “Tổng thống là người thích nói chuyện thẳng thắn, theo như những người bạn Mỹ của chúng ta cho biết. Ông ta sẽ lắng nghe những gì Ngài nói, thưa Đức Thánh Cha”.

“Đáng lẽ ông ta phải lắng nghe *ngay từ đầu*. Ngay từ khi ông ta đến Vatican trước cuộc chiến, ta đã cảnh báo rằng ông ta đang đi trên con đường tai họa. Ta bảo rằng cuộc chiến không có lí do chính đáng vì không có mối đe dọa thực sự nào với nước Mỹ và đồng minh, rằng ông ta chưa lật tung mọi con đường tìm cách đảo ngược mâu thuẫn, rằng Liên Hợp Quốc chứ không phải Mỹ mới có đủ thẩm quyền thích hợp giải quyết việc này. Nhưng ta đã dành phần lớn vào việc giận dữ cho đoạn tranh luận lúc cuối chống lại cuộc chiến. Ta nhận định Tổng thống Mỹ sẽ mau chóng giành được thắng lợi trên chiến trường. ‘Các ngài rất mạnh,’ ta nói, ‘còn địch thủ của các ngài rất yếu’. Nhưng ta cũng tiên đoán những năm sau cuộc chiến, nước Mỹ sẽ phải đối mặt với các cuộc nổi dậy bạo loạn. Ta cũng cảnh báo ông ta nếu dùng vũ lực giải quyết khủng hoảng, ông ta sẽ chỉ tạo ra sự khủng hoảng nặng nề hơn. Thế giới Hồi giáo sẽ nghĩ đó là cuộc Thập tự chinh mới của những người Thiên Chúa giáo da trắng. Khủng bố không thể bị đánh bại bởi khủng bố, mà phải do công bằng về kinh tế và xã hội đem lại”.

Giáo hoàng, sau khi kết thúc bài thuyết pháp, nhìn hai thánh giả để xem phản ứng. Mắt ông đảo qua đảo lại vài lần trước khi lưu lại lên khuôn mặt Gabriel. “Hình như cậu muốn phản biện lại những gì ta vừa nói”.

“Ngài là người có tài hùng biện tuyệt vời, thưa Đức Thánh Cha”.

“Cậu là người trong gia đình, Gabriel. Cứ nói những gì mình nghĩ”.

“Lực lượng Hồi giáo cấp tiến đã tuyên bố chiến tranh với chúng ta - Mỹ, phương Tây, Thiên Chúa giáo, Israel. Theo luật của Chúa và luật của loài người, chúng ta có quyền, thật ra là có nghĩa vụ phải kháng cự”.

“Kháng cự lại những tên khủng bố bằng sự mềm mỏng và nhân đạo thì tốt hơn là bằng bạo lực và đổ máu. Khi các chính trị gia dùng đến bạo lực, bao giờ dân chúng cũng là người gánh chịu trước tiên”.

“Dường như Đức Thánh Cha tin rằng vấn đề về khủng bố và Hồi giáo cấp tiến có thể được giải quyết nếu như làm cho họ giống chúng ta hơn - rằng nếu nghèo đói, thất học, và chuyên chế không phổ biến nhiều như thế ở thế giới Hồi giáo, thì sẽ không có những thanh niên sẵn sàng hi sinh cuộc sống của mình để gây thương tật hay giết hại người khác. Họ đã nhìn thấy lối sống của chúng ta nhưng họ không muốn sống như vậy. Họ đã nhìn thấy chế độ dân chủ mà chúng ta có, nhưng lại chối bỏ. Họ xem dân chủ như một tôn giáo chống lại những điều răn của Hồi giáo, vì thế họ sẽ chống cự lại bằng cơn thịnh nộ mà họ cho là thiêng liêng. Làm sao chúng ta có thể

mang đến công bằng và thịnh vượng cho những người Hồi giáo chỉ tin vào cái chết?”

“Điều này chắc chắn không thể áp đặt lên họ bằng nòng súng người da trắng”.

“Con đồng ý, thưa Đức Thánh Cha. Chỉ khi Hồi giáo tự thay đổi thì mới có công bằng xã hội và thịnh vượng đích thực trong thế giới Ả-rập Xê-út. Nhưng trong thời gian đo, á chúng ta không thể chỉ ngồi nhìn những phần tử Hồi giáo cực đoan tìm cách hủy diệt chúng ta. Điều đó, thưa Đức Thánh Cha, cũng là phi luân lý”.

Giáo hoàng nhòm người dậy khỏi bàn mở cửa sổ lớn nhìn ra quảng trường Thánh Peter. Màn đêm buông xuống. Rome đang chuyển mình dưới chân ông.

“Ta đã đứng về chiến tranh, Gabriel, và ta cũng đứng về tương lai đang chờ tất cả chúng ta - Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, và Do Thái giáo - nếu chúng ta không chọn con đường khác. Nhưng ai sẽ lắng nghe ta? Ta chỉ là ông già trong bộ đồ tu hành sống trong lồng dát vàng. Ở châu Âu chúng ta sống như thể Chúa không tồn tại. Chống thân Mỹ là tôn giáo duy nhất của chúng ta bây giờ”.

Ông quay người lại nhìn Gabriel. “Và chống người Do Thái”.

Gabriel im lặng. Giáo hoàng nói, “Luigi báo với ta rằng bên cậu vừa khám phá ta âm mưu ám sát ta. Lại một âm mưu khác”, ông nói thêm với nụ cười buồn bã.

“Con e là như thế, thưa Đức Thánh Cha”.

“Chuyện này khôi hài nhỉ? Ta là người cố gắng ngăn chặn cuộc chiến ở Iraq. Ta là người cố bắc cầu giữa Hồi giáo và Do Thái giáo. Vậy mà ta lại là người chúng muốn giết”. Giáo hoàng nhìn ra ngoài cửa sổ. “Có lẽ ta đã sai lầm. Có lẽ rốt cuộc họ không muốn có một cầu nối là ta”.

Hầu hết các buổi tối Giáo hoàng Paul VII và Đức ông Donati thường dùng bữa cùng nhau trong khu riêng dành cho Giáo hoàng với một hay hai khách mời. Donati thường cố gắng tạo không khí nhẹ nhàng, thư giãn, và thỉnh thoảng có nhắc đến công việc thì cũng chỉ giới hạn trong phạm vi những chuyện gẫu về Hội đồng Hồng y một cách kín đáo. Tuy nhiên, tối hôm đó không khí trong phòng ăn của Giáo hoàng khác hẳn. Danh sách khách mời được triệu tập một cách vội vã, không chỉ bao gồm những người bạn cũ mà còn những người chịu trách nhiệm bảo vệ Giáo hoàng: Đại úy Karl Brunner, chỉ huy Đội cận vệ Thụy Sĩ chuyên bảo vệ Giáo hoàng, Tướng Carlo Marchese bên Lực lượng cảnh sát vũ trang Carabinieri, và Martino Berlano, Phó cục an ninh Ý.

Gabriel chuyển những bức ảnh và tóm tắt thông tin cho họ bằng tiếng Ý theo giọng Áo. Bài thuyết trình của anh súc tích hơn những gì anh đã nói với Donati ở Jerusalem sáng hôm đó, và anh không nhắc đến tên Ali Massoudi. Tuy vậy, giọng điệu của anh đã khẳng định việc Tình báo Israel xem mỗi đe dọa là có thực và cần phải thực hiện những biện pháp bảo vệ Giáo hoàng và Tòa thánh. Khi anh dứt lời, khuôn mặt những người của Lực lượng an ninh tỏ vẻ nghiêm túc, nhưng không hoảng loạn. Họ đã trải qua những chuyện như thế này nhiều lần, vì vậy, họ đã có kinh nghiệm trong việc lập nên những quy trình cần thiết để tăng cường an ninh xung quanh Đức Thánh Cha và Tòa thánh Vatican khi cần thiết. Gabriel lắng nghe họ điểm lại những quy trình này. Khi họ tạm ngừng trao đổi, anh hắng giọng.

“Anh muốn đề nghị điều gì à?”. Donati hỏi.

“Có lẽ chúng ta nên dời buổi lễ ngày mai vào trong nhà - vào khán phòng Giáo hoàng”.

“Ngày mai Đức Thánh Cha sẽ tuyên phúc cho một nữ tu sỹ người Bồ Đào Nha”, Donati nói.

“Chúng tôi nghĩ có thể có tới vài ngàn người hành hương Bồ Đào Nha, cộng thêm một đám đông khổng lồ như mọi buổi lễ khác. Nếu chúng ta dời buổi lễ vào phòng, nhiều người sẽ không được tham dự”.

“Thà để một vài người hành hương ở ngoài còn hơn để Đức Thánh Cha bị nguy hiểm một cách không cần thiết”.

Giáo hoàng nhìn Gabriel. “Cậu có bằng chứng cụ thể nào chứng tỏ bọn khủng bố sẽ tấn công ngày mai không?”

“Dạ không, thưa Đức Giáo hoàng. Tin tức tình báo kiểu như vậy rất khó xác minh”.

“Nếu chúng ta đòi những người đi lễ vào khán phòng, và không cho những người xứng đáng tham dự buổi lễ, như vậy cũng đồng nghĩa với việc bọn khủng bố đã chiến thắng, đúng không?”

“Đôi khi nên để cho bọn khủng bố giành được chiến thắng nho nhỏ còn hơn là chúng ta phải chịu những thất bại nặng nề”.

“Dân tộc cậu vốn nổi tiếng về việc sống đối mặt với những đe dọa khủng bố mà”.

“Chúng tôi vẫn đang có những biện pháp đề phòng”, Gabriel nói. “Ví dụ không ai có thể đến nơi công cộng mà không bị lục soát”.

“Thế thì hãy lục soát những người hành hương và tiến hành những biện pháp phòng ngừa cần thiết”, Giáo hoàng đáp lại. “Nhưng ta sẽ có mặt tại quảng trường Thánh Peter chiều mai, nơi ta thực thi bốn phận của mình. Trách nhiệm *của các anh* là phải đảm bảo không có chuyện gì xảy ra”.

Đồng hồ mới hơn mười giờ khi Donati đưa Gabriel xuống các bậc thang dẫn từ Cung điện Tòa thánh đến Via Belverdere. Màn sương nhẹ đang buông xuống; Gabriel kéo khóa áo khoác và vắt chiếc túi du lịch lên vai. Donati không mặc áo khoác, dường như ông không cảm thấy lạnh. Mắt ông nhìn xuống đá lát đường khi họ đi ngang qua bưu điện trung tâm Vatican về phía cổng Thánh Anne.

“Anh có chắc không cần ta cho đi nhờ xe không?”

“Cho đến sáng nay tôi vẫn nghĩ mình không bao giờ được đặt chân đến nơi này một lần nữa. Tôi muốn dùng cơ hội này để đi dạo”.

“Nếu cảnh sát Ý bắt anh trước khi về tới căn hộ, hãy nói họ gọi cho tôi. Đức Thánh Cha sẽ đảm bảo cho sự an toàn của anh”. Họ rảo bước trong yên lặng một lát. “Tại sao anh không quay lại đây luôn?”

“Quay lại Ý? Tôi e rằng Shamron có những kế hoạch khác cho tôi”.

“Chúng tôi nhớ anh”, Donati nói. “Tiepolo cũng vậy”.

Francesco Tiepolo, một người bạn của Giáo hoàng và Donati, là chủ công ty phục chế tranh thành công nhất ở Veneto. Gabriel từng phục chế hai bức họa sau bàn thờ nổi tiếng nhất của Bellini cho ông. Gần hai bức thôi, anh nghĩ. Tiepolo phải tự hoàn tất bức San Giovanni Crisostomo sau khi Gabriel phải rời bỏ Venice.

“Tôi biết Tiepolo sẽ sống mà không cần tôi”.

“Thế còn Chiara thì sao?”

Gabriel, bằng sự im lặng đầy tâm trạng của mình, thầm ngụ ý rằng không muốn thảo luận với thư ký riêng của Giáo hoàng về chuyện tình cảm phức tạp của mình. Donati khôn khéo chuyển đề tài.

“Ta rất tiếc nếu anh cảm thấy Giáo hoàng gây khó xử cho anh. Ta e rằng ông không còn nhiều kiên nhẫn như ngày xưa nữa. Tất cả các Giáo hoàng đều như thế sau vài năm nắm quyền. Khi một người được bầu làm Giáo hoàng, thật khó mà không trở nên nóng nảy”.

“Đức Thánh Cha vẫn là người có tâm hồn dịu dàng như tôi gặp cách đây ba năm, Luigi. Chỉ già hơn một chút”.

“Khi được bầu ông không còn là một thanh niên nữa. Các Hồng y muốn bầu một *Giáo hoàng cai quản Vatican*, một ai đó giữ ấm ngai vàng của Thánh Peter trong khi những người đổi mới và phe bảo thủ cực đoan giải quyết những bất đồng. Giáo hoàng chưa bao giờ có ý định chỉ làm người cai quản, anh cũng biết rồi đấy. Ông còn nhiều việc phải làm trước khi nhắm mắt - những điều có thể không làm cho phe bảo thủ hài lòng. Rõ ràng ta không muốn nhiệm kỳ của Giáo hoàng sớm kết thúc”.

“Tôi cũng vậy”.

“Đó chính là lí do tại sao ta muốn anh là người đứng bên cạnh ông trong buổi lễ ngày mai”.

“Đội cận vệ Thụy Sĩ và Lực lượng Carabinieri có khả năng bảo vệ Giáo hoàng tốt hơn”.

“Có thể, nhưng họ chưa bao giờ trải qua một cuộc tấn công khủng bố thực sự”.

Gabriel nói. “Thường là không ai còn sống để kể lại cuộc tấn công đã xảy ra như thế nào”.

Donati nhìn Gabriel. “Anh *đã từng* trải qua”, ông nói. “Anh đã ở sát bên bọn khủng bố. Anh cũng nhìn thấy ánh mắt kẻ lúc chuẩn bị bấm nút kích nổ”.

Họ dừng lại khi cách cổng Thánh Anne vài thước. Bên trái là nhà thờ Thánh Anne tròn màu bơ, nhà thờ giáo xứ của thành phố Vatican; ở bên phải họ là lối vào doanh trại Đội cận vệ Thụy Sĩ. Một người lính cận vệ đứng gác ngay bên trong cổng, mặc bộ quân phục ban đêm màu xanh giản dị.

“Cha muốn tôi làm gì, Luigi?”

“Ta gửi gắm mọi việc vào đôi tay tài năng của anh. Hãy tự tìm ra vấn đề. Khi thấy điều gì không ổn, hãy tự giải quyết”.

“Dựa vào quyền gì?”

“*Quyền của ta*”, Donati nói quả quyết. Ông thò tay vào túi lấy một tấm thẻ mỏng ra trao cho Gabriel. Đây là thẻ căn cước trong Vatican có đóng dấu của văn phòng an ninh. “Tấm thẻ này sẽ cho phép anh vào bất cứ nơi đâu trong Vatican - dĩ nhiên ngoại trừ phòng Tàng thư. Ta e rằng không thể cho phép anh lục lọi ở trong đó”.

“Tôi đã làm thế rồi”, Gabriel nói, sau đó thả tấm thẻ vào túi áo khoác và bước ra phố. Donati chờ tại cổng Thánh Anne cho đến khi Gabriel khuất bóng trong màn đêm mới quay người lại trở về Tòa thánh. Ông tự cảm thấy ngạc nhiên khi thấy mình vừa đi vừa lẩm nhẩm lời bài Hail Mary.

Gabriel băng qua sông Tiber trên cầu Umberto. Sang bờ bên kia anh quẹo trái đi về phía quảng trường Piaaza de Spagna. Quảng trường lúc đó vắng vẻ, và những bậc thang Tây Ban Nha sáng lên dưới ánh đèn trông như gỗ bóng loáng. Trên bậc thứ hai mươi tám có một cô gái đang ngồi. Tóc cô giống tóc của Chiara, và trong một thoáng Gabriel nghĩ đó thực sự là cô. Nhưng khi trèo lên cao hơn anh nhận ra đó chỉ là Nurit, người đưa thư cầu kính thuộc trạm Rome. Cô ta đưa anh chìa khóa của căn hộ an toàn, và bằng tiếng Do Thái cổ, bảo rằng đằng sau những hộp thiếc trong chạn anh sẽ thấy khẩu Beretta đã lên đạn và một băng đạn dự trữ.

Anh đi nốt những bậc thang còn lại lên nhà thờ Trinità dei Monti. Căn hộ cách nhà thờ khoảng 50 thước, trên Via Gregoriana. Căn hộ có hai phòng ngủ và một sân thượng nhỏ. Gabriel lấy khẩu súng khỏi hông và vào phòng ngủ lớn hơn. Điện thoại, giống như điện thoại trong những căn hộ an toàn khác, không có chuông mà chỉ có đèn đỏ nhấp nháy cho biết đang có cuộc gọi đến. Gabriel nằm trên giường trong bộ đồ mặc đi gặp Thủ tướng, nhắc tai nghe lên bấm một số điện thoại ở Venice. Giọng phụ nữ trả lời. “Có chuyện gì?”, cô ta hỏi bằng tiếng Ý. Sau đó, khi không ai trả lời, cô ta chửi thề và dập điện thoại xuống - mạnh đến nỗi khiến Gabriel giật ống

nghe khỏi tai trước khi nhẹ nhàng đặt lại xuống máy.

Anh cởi đồ và để gối dưới đầu. Khi đang thiu thiu ngủ căn phòng bỗng nhiên sáng lên bởi tia chớp. Theo bản năng anh đếm để tính toán thời gian giữa mỗi lần chớp. Anh nhìn thấy một cậu bé gầy gò có đôi mắt xanh như ngọc lục bảo đuổi theo chớp trên đồi ở Nazareth. Sấm nổ trước khi đếm đến lần thứ tư, làm rung chuyển cả tòa nhà.

Thêm nhiều tia chớp nhanh chóng theo sau, và mưa đập vào cửa phòng ngủ. Gabriel cố gắng chớp mắt nhưng vô ích. Anh bật đèn bên giường ngủ lên, mở tập hồ sơ có những tấm ảnh lấy từ máy tính của Massoudi, chậm chậm giở từ tấm này sang tấm khác, ghi nhớ chúng. Một tiếng sau anh tắt đèn và hình dung lại những bức ảnh. Chớp nhá trên đỉnh tháp chuông nhà thờ. Gabriel nhắm mắt lại nhắm đếm.

Chương 5

Thành phố Vatican



Khi mặt trời lên, mưa đã tạnh. Gabriel rời căn hộ an toàn lúc sáng sớm đi dọc những con phố vắng tanh tiến về hướng Vatican. Khi anh băng qua cầu, ánh sáng màu hồng mờ mờ chiếu trên ngọn tùng lọng mọc trên đỉnh đồi Janiculum, nhưng quảng trường Thánh Peter vẫn chìm trong bóng tối và đèn vẫn sáng trong khu Hàng Cột. Một quán cà phê mở cửa cách lối vào văn phòng báo chí Vatican không xa lắm. Gabriel uống hai tách cà phê cappuccino tại bàn cạnh lối đi và đọc báo buổi sáng. Không có tờ nhật báo chính ở Rome nào biết thư ký riêng của Giáo hoàng có chuyến viếng thăm chớp nhoáng đến Jerusalem ngày hôm qua - hay tối hôm qua trưởng các đội an ninh đã họp tại phòng ăn của Giáo hoàng để bàn cách đối phó với mối hiểm họa khủng bố đe dọa tính mạng Đức Thánh Cha.

Đến tám giờ, tại quảng trường Thánh Peter, người ta đã rục rịch chuẩn bị cho buổi nói chuyện trước công chúng. Lực lượng nhân công Vatican đang xếp ghế gấp và dựng những tấm ngăn bằng kim loại tạm thời trên khoảng đất trống trước Đại thánh đường, còn bộ phận an ninh đang gắn từ kế dọc hàng cột. Gabriel rời quán cà phê và đến đứng cạnh hàng rào bằng thép phân chia lãnh địa Tòa thánh với đất Ý. Anh tạo cho mình bộ dạng căng thẳng vụng về, nhìn đồng hồ vài lần, và chú ý đặc biệt đến vận hành của những chiếc từ kế. Nói tóm lại, anh có tất cả những biểu hiện và hành vi mà Lực lượng Carabinieri và Vigilanza, cảnh sát Vatican, nên canh chừng. Mười phút sau một viên cảnh sát Carabiniere mặc đồng phục mới đến bên anh hỏi giấy tờ tùy thân. Gabriel, bằng tiếng Ý hoàn hảo, thông báo với viên cảnh sát là anh đang làm việc cho phòng an ninh Vatican.

“Tôi xin lỗi”, viên cảnh sát nói và rời đi.

“Chờ đã”, Gabriel gọi với theo.

Viên cảnh sát dừng lại và quay người.

“Bạn không yêu cầu xem giấy tờ tùy thân của tôi à?”

Viên cảnh sát chìa tay ra. Anh ta thờ ơ nhìn thẻ chứng minh, sau đó trao nó lại.

“Đừng tin ai”, Gabriel dặn. “Hãy xét giấy tờ tùy thân. Nếu mọi chuyện có vẻ đáng nghi, hãy gọi cấp trên”.

Gabriel quay người bước tới cổng Thánh Anne. Nơi đây một nhóm nữ tu trong trang phục màu xám đang được cho vào chỉ bằng cách đơn giản nói “Annora”, tên của siêu thị tại Vatican. Anh thử nói “Annora”, và giống như các nữ tu sỹ, anh cũng được cho phép vào lãnh địa của Vatican. Vừa vào đến cổng, anh chìa thẻ chứng minh của Vatican và la mắng anh chàng cận vệ Thụy Sĩ bằng tiếng Đức vùng Berlin anh học được từ mẹ. Sau đó anh trở ra phố. Lát sau một cha xứ lớn tuổi tóc bạc trắng thông báo với người lính cận vệ rằng ông muốn vào khoa bào chế của Vatican. Người lính cận vệ giữ người đàn ông tại cổng cho đến khi ông ta trình thẻ nhận dạng

từ túi áo.

Gabriel quyết định kiểm tra an ninh tại Vòm Chuông ở một lối khác dẫn vào Vatican. Anh đến đó năm phút sau, vừa kịp lúc nhìn thấy một Hồng y trong Hội đồng và hai phụ tá đi qua vòm mà thậm chí người lính cận vệ đứng nghiêm gần chỗ trú mưa của mình không buồn liếc mắt. Gabriel giơ thẻ trước mặt người lính.

“Tại sao cậu không hỏi vị Hồng y đó giấy tờ?”

“Chiếc mũ đỏ và cây thánh giá đeo ở ngực là giấy tờ tùy thân của ông ấy”.

“Không phải hôm nay”, Gabriel nói. “Hãy kiểm tra giấy tờ tùy thân của tất cả mọi người”.

Anh quay người bước dọc rìa ngoài của Hàng Cột, suy nghĩ về những cảnh tượng mình vừa nhìn thấy. Quảng trường Thánh Peter mặc dù rất rộng song là nơi an toàn. Nhưng nếu có kẻ hở trong lớp áo bảo vệ Vatican thì đó chính là lượng lớn người được tự do di chuyển đằng sau quảng trường. Anh nhớ lại những bức ảnh trên máy tính Ali Massoudi và tự hỏi không biết những tên khủng bố đã khám phá ra điều này chưa.

Anh băng qua quảng trường đến Cửa Đồng (Bronze Doors). Anh dễ dàng vào được cửa trước Tòa thánh. Thẻ của Gabriel được một người lính cận vệ mặc đồng phục khám xét bên ngoài, và sau đó bị khám lại lần nữa trong sảnh bởi một người lính mặc thường phục. Thẻ của phòng an ninh cho phép anh vào Tòa thánh mà không cần kí tên tại bàn tiếp nhận, nhưng anh bị yêu cầu tháo vũ khí. Anh làm điều này một cách ngần ngại.

Cầu thang Hoàng gia với những bậc bằng cẩm thạch đã ở ngay trước mặt anh, chúng sáng mờ mờ nhờ những chiếc đèn bằng sắt lớn. Gabriel lên cầu thang băng qua sân trong sang phía bên kia, nơi thang máy đang chờ sẵn đưa anh lên lầu ba. Anh dừng một chút ở hành lang ngoài ngắm tranh vẽ trên tường của Rafael, sau đó đi nhanh dọc hành lang rộng đến dãy phòng của Giáo hoàng. Donati mặc hồng y ngồi đằng sau bàn làm việc trong văn phòng nhỏ kế bên phòng của Giáo hoàng. Gabriel bước vào và đóng cửa.

“Bao nhiêu người *làm việc* trong Vatican?”. Donati lặp lại câu hỏi của Gabriel. “Khoảng một nửa”.

Gabriel nhú mày.

“Thứ lỗi cho tôi”, Donati nói. “Đây là câu đùa hời xưa ở Vatican. Câu trả lời là 1200, trong đó có cả những cha xứ và Giám mục làm trong Quốc vụ khanh cùng rất nhiều giáo xứ và hội đồng cùng đội ngũ nhân viên hỗ trợ công việc của họ. Có cả những người không thuộc giáo hội nhưng giúp nơi này hoạt động: hướng dẫn viên du lịch, người quét rác, bảo trì, làm vườn, nhân viên trong những nơi như bưu điện, tiệm thuốc và siêu thị. Dĩ nhiên cũng phải kể đến Lực lượng an ninh”.

Gabriel giơ thẻ nhận dạng của Vatican lên. “Tất cả bọn họ đều có cái này chứ?”

“Không phải ai cũng được phép đặt chân vào Tòa thánh, nhưng đúng là họ có quyền vào những nơi công cộng trong Vatican”.

“Ý Cha muốn nói là quảng trường và Đại thánh đường?”

“Đúng vậy”.

“Cha đã cho kiểm tra về nhân thân những người này chưa?”

“Chắc không phải anh đang ám chỉ Hồng y, Giám mục, Đức ông, và cha xứ đấy chứ?”.

“Chúng ta tạm thời để họ sang một bên”. Gabriel cau mày.

“Việc làm tại Vatican rất được trọng vọng. Lương không phải cao, nhưng tất cả các nhân viên đều có đặc quyền khi mua sắm tại tiệm thuốc và siêu thị. Giá được trợ cấp thấp hơn nhiều so

với ở chợ Ý. Giá ở trạm đổ xăng cũng vậy. Ngoài việc này ra, giờ làm việc hợp lí, nghỉ lễ dài, những phúc lợi khác khá tốt”.

“Thế có kiểm tra nhân thân của những người làm việc ở đây không?”

“Công việc này rất có giá - và nó cũng không có nhiều - vì thế họ luôn tìm người trong gia đình. Việc kiểm tra nhân thân cũng khá nhanh”.

“Tôi lo ngại về việc này”, Gabriel nói. “Vậy những người như tôi thì sao? Những người có quyền tạm thời?”

“Ý anh hỏi là bao nhiêu người phải không?”. Donati nhún vai. “Vào bất cứ lúc nào cũng có khoảng vài trăm người được quyền tạm thời vào Vatican”.

“Hệ thống này làm việc như thế nào?”

“Thường các ủy ban hay hội đồng của Giáo hoàng được phép nhận người tư vấn chuyên môn hay nhân viên để hỗ trợ. Trưởng ban hay Phó ban bảo đảm nhân cách của cá nhân đó, sau đó phòng an ninh Vatican sẽ cấp thẻ”.

“Phòng an ninh có giữ các giấy tờ không?”

“Dĩ nhiên là có”.

Gabriel nhắc ống nghe lên đưa cho Donati.

Hai mươi phút sau điện thoại của Donati mới đổ chuông. Ông im lặng lắng nghe, sau đó đập máy nhìn Gabriel, lúc này đang đứng bên cửa sổ ngó ra đám đông đang bắt đầu đổ vào quảng trường.

“Họ đang bắt đầu tập hợp giấy tờ”.

“Đang bắt đầu sao?”

“Cần phải có sự đồng ý của Trưởng phòng. Ông ấy đang họp. Họ sẽ gửi cho anh trong 15 phút nữa”.

Gabriel nhìn đồng hồ đeo tay. Gần mười giờ rưỡi.

“Dời buổi lễ vào trong nhà đi”.

“Đức Thánh Cha không đồng ý”. Donati đến bên cửa sổ cạnh Gabriel. “Thêm nữa, cũng không kịp. Khách khứa bắt đầu đến rồi”.

Họ sắp xếp cho anh làm việc trong căn phòng nhỏ có cửa sổ đầy bồ hóng nhìn ra sân trong Belvedere, và cho một cựu cảnh sát Carabinieri mặt búng sữa tên Luca Angelli đến giúp anh tìm hồ sơ. Anh giới hạn việc tìm kiếm của mình ở những nhân công trong Vatican. Thậm chí Gabriel, một người vốn có tính nghi ngờ, cũng không tưởng tượng đến kịch bản trong đó cha xứ Thiên Chúa giáo, vô tình hay hữu ý, bị tuyển mộ vì sự nghiệp của al-Qaeda. Anh cũng không tìm kiếm hồ sơ của đội cận vệ Thụy Sĩ và Vigilanza. Những vị trí trong Vigilanza thường được trao cho những cựu quân nhân của Lực lượng Carabinieri hay cảnh sát Chính phủ. Còn về cận vệ Thụy Sĩ, họ chỉ được tuyển từ những gia đình mộ đạo ở Thụy Sĩ. Hầu hết trong số họ đến từ những bang nói tiếng Pháp hay tiếng Đức trong vùng rừng núi ở Thụy Sĩ, nơi khó có thể là thành lũy của Hồi giáo cực đoan.

Anh bắt đầu kiểm tra hồ sơ của những nhân viên làm việc trong Vatican. Để giới hạn cuộc tìm kiếm, anh chỉ xem hồ sơ những người được thuê trong vòng năm năm. Chỉ riêng việc này khiến anh mất ba mươi phút. Khi hoàn tất, anh để sang bên hồ sơ nửa tá nhân viên cần đánh giá cẩn thận hơn - một nhân viên trong tiệm thuốc Vatican, một người làm vườn, hai cậu bé làm việc trong nhà kho ở Annona, người canh gác trong bảo tàng Vatican, và một người phụ nữ làm việc trong cửa hàng bán đồ lưu niệm Vatican - rồi trao những hồ sơ còn lại cho Angelli.

Những hồ sơ sắp chuyển tới là của những nhân viên làm việc cho các giáo đoàn của Hội đồng Hồng y. Các giáo đoàn tương đương với các bộ của chính phủ, giải quyết những lĩnh vực trọng tâm đối với việc cai quản của nhà thờ như học thuyết, niềm tin, giáo sỹ, các vị thánh, và giáo dục giáo lý. Mỗi giáo đoàn do một Hồng y đứng đầu, mỗi Hồng y có một vài Giám mục và Đức ông giúp việc. Gabriel xem xét hồ sơ các giáo sỹ và nhân viên của chính giáo đoàn nhưng không tìm thấy điều anh quan tâm. Anh trao hồ sơ lại cho Angelli.

“Còn gì nữa?”

“Các ủy ban và hội đồng của Giáo hoàng”, Angelli trả lời. “Và những phòng khác”.

“Những phòng khác?”

“Phòng Quản lý tài sản Tòa thánh, phòng Kinh tế Tòa thánh...”

“Tôi hiểu rồi”, Gabriel cắt ngang. “Còn bao nhiêu hồ sơ?”

Angelli giơ tay cho biết đồng hồ sơ cao hơn một bộ. Gabriel nhìn đồng hồ: *11 giờ 20 phút...*

“Mang hồ sơ đến đây”.

Angelli bắt đầu bằng các ủy ban của Giáo hoàng. Gabriel lấy ra hai tập hồ sơ để xem xét thêm, một là cổ vấn của Ủy ban Khảo cổ Thánh, và người còn lại là học giả người Argentina thuộc Ủy ban Giáo hoàng về châu Mỹ Latinh. Anh đưa phần hồ sơ còn lại cho Angelli và nhìn đồng hồ: *11 giờ 45 phút...* Anh đã hứa với Donati sẽ đứng canh gác bên cạnh Giáo hoàng trong buổi diễn thuyết trước công chúng vào giữa trưa. Anh chỉ còn thời gian xem xét thêm vài bộ hồ sơ.

“Bỏ qua phòng Kinh tế”, Gabriel ra lệnh. “Mang cho tôi hồ sơ của các hội đồng của Giáo hoàng”.

Một lúc sau Angelli quay trở mang theo chồng hồ sơ dày sáu bộ. Gabriel xem xét chúng theo thứ tự Angelli trao cho anh. Hội đồng Giáo hoàng về những người thế tục... Hội đồng Giáo hoàng về đoàn kết Thiên Chúa giáo... Hội đồng Giáo hoàng về gia đình... Hội đồng Giáo hoàng về công lý và hòa bình... Hội đồng Giáo hoàng về sự chăm sóc Mục sư đối với người di cư hay người làm việc lưu động... Hội đồng Giáo hoàng về văn bản pháp lý...

Hội đồng *Giáo hoàng về đối thoại liên tôn giáo...*

Gabriel giơ tay lên. Anh đã tìm thấy cái mình muốn.

Anh đọc một lúc, sau đó ngẩng phắt đầu lên. “Người đàn ông này thực sự có quyền ra vào Vatican không?”

Angelli cúi người xuống nhìn qua vai Gabriel. “Giáo sư Ibrahim el-Banna? Ông ấy đã ở đây hơn một năm”.

“Làm gì?”

“Ông ấy là thành viên ủy ban đặc biệt nghiên cứu cách cải thiện mối quan hệ giữa thế giới Hồi giáo và Thiên Chúa giáo. Tổng cộng có 12 thành viên lập thành một đội quốc tế với sáu học giả đạo Thiên Chúa và sáu người bên Hồi giáo đại diện cho nhiều nhánh Hồi giáo và trường về luật Hồi giáo. Ibrahim el-Banna là Giáo sư khoa luật Hồi giáo tại trường Đại học Al-Azhar ở Cairo. Ông cũng là một trong những học giả được kính trọng nhất thế giới trong trường luật Hồi giáo Hanafi. Hanafi nổi bật trong...”

“Hồi giáo Sunni”, Gabriel nói nốt câu cho Angelli nhằm nhấn mạnh. “Cậu không biết Al-Azhar là hang ổ của hoạt động quân sự Hồi giáo à? Nó bị điều khiển hoàn toàn bởi các lực lượng al-Qaeda và hội Huynh đệ Hồi giáo”.

“Nó cũng là một trong những trường lâu đời và có uy tín nhất về luật và thần học Hồi giáo trên thế giới. Giáo sư el-Banna được chọn vào vị trí này vì có quan điểm ôn hòa. Ông đã gặp Đức Thánh Cha vài lần. Có hai lần họ ở một mình với nhau”.

“Ủy ban làm việc ở đâu?”

“Giáo sư el-Banna có văn phòng gần quảng trường Piazza Santa Marta, cách Mái Vòm không xa”.

Gabriel nhìn đồng hồ: *11 giờ 55 phút...* Không có cách nào để nói chuyện này với Donati nữa. Có lẽ bây giờ ông đã ở dưới lầu cùng Đức Thánh Cha, chuẩn bị bước vào quảng trường. Anh nhớ lại lời của Donati tối hôm trước tại Via Belvedere. *Hãy tìm ra vấn đề. Nếu thấy điều gì không ổn, hãy tự giải quyết.* Anh đứng dậy nhìn Angelli.

“Tôi muốn nói vài lời với Giáo sư”.

Angelli do dự. “Hoạt động này rất quan trọng với Đức Thánh Cha. Nếu ngài buộc tội Giáo sư mà không có lí do chính đáng, ông ấy sẽ bị xúc phạm và công việc của Ủy ban sẽ bị ảnh hưởng xấu”.

“Thà làm lãnh tụ Hồi giáo giận dữ hơn là tính mạng của Giáo hoàng bị cướp đi. Con đường nào nhanh nhất tới quảng trường Piazza Santa Marta?”

“Chúng ta sẽ đi đường tắt”, Angelli đáp. “Đi ngang qua đại thánh đường”.

Họ chạy vội xuống cầu thang Hoàng gia (Scala Regia) vào nhà nguyện làm lễ ban phước, sau đó lao chéo xuyên qua gian giữa rộng lớn của giáo đường. Phía dưới đài tưởng niệm Alexander VII là con đường dẫn đến quảng trường Piazza Santa Marta. Khi bước ra ngoài trong ánh nắng chói chang, họ nghe trảng vỗ tay vang dội vọng tới từ quảng trường Thánh Peter. Giáo hoàng đã đến buổi diễn thuyết công chúng. Angelli dẫn Gabriel băng qua quảng trường nhỏ tới khu văn phòng kiểu Baroque u ám. Trong hành lang, một nữ tu sỹ ngồi yên lặng sau bàn tiếp tân. Bà ta nhìn Gabriel và Angelli với vẻ không hài lòng khi họ lao vào trong.

“Ibrahim el-Banna”, Luca Angelli nói ngắn gọn.

Nữ tu sỹ chớp mắt nhanh hai lần. “Phòng 412”.

Họ trèo lên cầu thang, Angelli dẫn đường, Gabriel theo sát gót. Khi nghe trảng pháo tay khác vọng lại từ quảng trường, Gabriel thúc vào người Angelli. Người nhân viên an ninh này bắt đầu leo hai bậc một. Khi vào phòng 412, họ phát hiện cửa phòng bị đóng. Gabriel để tay lên then cài nhưng Angelli giữ tay anh lại rồi gõ cửa mạnh nhưng lịch sự.

“Giáo sư el-Banna? Giáo sư el-Banna? Ông có ở trong phòng không?”

Khi không có tiếng đáp trả, Gabriel đẩy Angelli sang bên và xem xét ổ khóa cổ. Bằng que kim loại mảnh trong ví, anh có thể dễ dàng mở cửa trong thời gian ngắn, nhưng trảng pháo tay khác từ quảng trường nhắc anh nhớ không còn thời gian. Anh nắm then cửa bằng hai tay và ghé vai đẩy cửa. Cửa không suy suyển. Anh tông cửa lần thứ hai, sau đó là lần thứ ba. Ở lần thứ tư Angelli cũng tham gia. Cánh cửa gỗ nứt ra và đổ xuống, họ té nhủi vào bên trong.

Căn phòng trống rỗng. Không chỉ trống rỗng, Gabriel nghĩ. Bị dọn sạch. Không có sách, hồ sơ, bút viết hay giấy tờ. Chỉ có một chiếc bì thư nằm chính giữa bàn. Angelli với tay bật công tắc điện, nhưng Gabriel hét ngăn anh ta lại, sau đó đẩy anh chàng người Ý ra ngoài hành lang. Anh lấy cây bút trong túi dùng làm que chọc xem độ dày nội dung phong bì. Khi chắc chắn bên trong không có gì ngoài giấy, anh cầm lá thư lên cẩn thận mở ra. Bên trong là một tờ giấy gấp làm ba. Viết tay, chữ Ả-rập:

Chúng ta tuyên bố chiến tranh với các người, hỡi những tên lính Thập tự chinh, bằng việc hủy diệt ngôi đền thờ nhiều thần không theo Hồi giáo và cái chết của Giáo hoàng tối cao, người mặc bạch y mà các người xem như thánh thần. Đây chính là sự trừng phạt đối với những tội ác ở Irắc, Abu Ghraib, và vịnh Guantánamo. Những cuộc tấn công sẽ còn tiếp diễn cho đến khi Irắc không còn bị Mỹ chiếm đóng và người Palestine thoát khỏi nanh vuốt Do Thái. Chúng ta là Hội

huynh đệ của Allah. Không có Chúa trời mà chỉ có Allah, và tất cả những lời dâng tặng đều phải dành cho Allah.

Gabriel lao như bay xuống cầu thang, Angelli theo sát đằng sau.

Chương 6

Thành phố Vatican



n Nomine Patris Et Filii et Spiritus Sanctus”. Nhân danh Đức Chúa Cha, con và thánh thần.

Giọng của Giáo hoàng, được khuếch đại bởi hệ thống âm thanh Vatican, vang vọng khắp quảng trường Thánh Peter dọc theo chiều dài Via della Conciliazione.

Hai mươi ngàn giọng nói đồng thanh. “Amen”.

Gabriel và Luca Angelli chạy nước rút băng qua quảng trường Piazza Santa Marta, sau đó chạy dọc theo tường ngoài Đại thánh đường. Trước khi đến Vòm Chuông, Angelli quẹo phải vào phòng Tiếp nhận, điểm kiểm tra an ninh hầu hết những người vào Vatican. Nếu Ibrahim el-Banna dẫn ai vào Vatican, giấy tờ sẽ cho thấy điều đó. Gabriel vẫn chạy về hướng Vòm Chuông. Người lính cận vệ Thụy Sĩ đang đứng gác ở đó giật thót khi thấy một người đàn ông lao về phía mình, anh ta hạ kích phòng thủ khi Gabriel tiến lại gần. Khi thấy Gabriel vẫy vẫy thẻ nhân viên phòng an ninh, anh ta mới đưa mũi kích lên bình thường.

“Đưa tôi súng của anh”, Gabriel ra lệnh.

“Thưa ngài?”

“Đưa tôi súng của anh!”. Gabriel hét lên bằng tiếng Đức. Người lính đưa tay vào trong chiếc áo chên đồng phục nhiều màu thời Phục Hưng lấy ra khẩu SIG-Sauer 9mm hiện đại. Ngay lúc đó Luca Angelli xuất hiện dưới cổng vòm.

“El-Banna dẫn theo phái đoàn ba cha xứ người Đức vào Vatican lúc 11h30”.

“Chúng không phải cha xứ, Luca. Chúng là những shaheed - người tử vì đạo”. Gabriel nhìn đám đông tụ tập trước quảng trường. “Tôi không nghĩ chúng còn ở trong Vatican. Có lẽ bây giờ chúng đang ở ngoài đó, và chỉ Chúa mới biết còn điều gì khác nữa”.

“Tại sao họ lại vào Vatican qua Vòm Chuông?”

“Để lấy bom, dĩ nhiên rồi”. Đây chính là kẻ hở trong lớp bảo vệ an ninh của Vatican. Những tên khủng bố đã phát hiện ra điều này sau nhiều lần nghiên cứu kỹ, và đã lợi dụng phong trào hòa bình của Đức Thánh Cha để khai thác kẻ hở này. “El-Banna có lẽ đã lén mang bom vào phòng mình nhiều lần. Bọn tử vì đạo đi lấy bom sau khi được khám xét tại phòng Tiếp nhận, sau đó vào quảng trường qua lối không có máy dò kim loại”.

“Đại thánh đường”, Angelli nói. “Chúng có thể đã vào Đại thánh đường bằng đường hông và ra ngoài bằng cửa trước. Có lẽ chúng ta đã đi ngang qua chúng cách đây vài phút mà không biết”. Gabriel và Angelli nhảy qua hàng rào gỗ ngăn cách khu vực vào Vòm Chuông với quảng trường và tiến về phía bực. Sự xuất hiện đột ngột của họ khiến khán giả xôn xao. Donati đang đứng phía sau Giáo hoàng. Gabriel bước nhẹ tới bên ông và đưa ông lá thư tìm thấy tại bàn el-Banna. “Chúng đang ở đây”.

Donati nhìn xuống thấy những dòng chữ bằng tiếng Ả-rập. Ông ngược lên nhìn Gabriel.

“Chúng tôi tìm thấy mẫu giấy này tại bàn Ibrahim el-Banna. Lá thư nói bọn chúng sẽ làm nổ tung đại thánh đường, và giết chết Đức Thánh Cha. Chúng ta phải đưa ông rời bọc. *Ngay bây giờ*, Luigi”.

Donati nhìn đám đông trong quảng trường: những người hành hương Thiên Chúa giáo và các chức sắc từ khắp nơi trên thế giới, những học sinh mặc đồng phục trắng, những nhóm người già ốm yếu đến để nhận sự ban phước từ Giáo hoàng. Giáo hoàng đang ngồi trên chiếc ngai màu đỏ tươi. Theo truyền thống của các bậc tiền nhiệm, ông chào đón những người hành hương bằng ngôn ngữ của họ. Ông nhanh chóng chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. “Thế còn những người hành hương thì sao?”. Donati hỏi. “Làm thế nào chúng ta có thể bảo vệ họ?”

“Có lẽ không còn đủ thời gian. Ít nhất là đối với một số người. Nếu chúng ta cố gắng cảnh báo cho họ thì sẽ xảy ra hoảng loạn. Hãy đưa Đức Thánh Cha ra khỏi quảng trường một cách nhanh chóng và êm thấm nhất. Sau đó chúng ta sẽ bắt đầu đưa những người hành hương ra”.

Đại tá Brunner, chỉ huy đội lính cận vệ Thụy Sĩ, nhập vào với họ trên bọc. Giống như những người bảo vệ an ninh khác cho Giáo hoàng, anh mặc áo com lê đen đeo tai nghe. Khi Donati giải thích tình huống, mặt Brunner tái nhợt đi.

“Chúng ta sẽ đưa Đức Thánh Cha ra qua đại thánh đường”.

“Nếu chúng đặt bom trong đó thì sao?”. Gabriel hỏi.

Brunner mở miệng trả lời, nhưng những gì anh ta nói bị cuốn đi bởi một vụ nổ kinh hoàng. Âm thanh theo sau một phần nghìn giây sau đó, tiếng sấm đình tai nhức óc được khuếch đại bởi âm vang của quảng trường Thánh Peter. Gabriel bị văng khỏi bọc - như một tờ giấy trước cơn gió lốc. Thân thể anh tiếp đất nảy lên một vòng. Sau đó anh rớt mạnh xuống bậc thềm của Đại thánh đường và bất tỉnh.

Khi mở mắt, anh thấy những tông đồ của Chúa Jesu đang nhìn xuống mình từ trên cao. Anh không biết mình đã bất tỉnh bao lâu. Anh ngồi dậy, tai ong ong, và nhìn quanh. Có lẽ vài giây, nhưng không lâu hơn. Ở bên phải anh là những Giám mục trong hội đồng đã ở trên bọc cùng Giáo hoàng. Họ có vẻ sốc và tóc tai bù xù nhưng phần lớn không bị thương. Ở bên trái anh là Donati và kế bên Donati là Karl Brunner. Mắt người chỉ huy nhắm nghiền, và máu đang tuôn xối xả từ vết thương sau đầu.

Gabriel đứng dậy nhìn quanh.

Giáo hoàng đâu rồi?

Ibrahim el-Banna đã đưa ba cha xứ vào Vatican.

Gabriel nghi ngờ còn hai vụ nổ nữa sẽ xảy ra.

Anh tìm khẩu SIG-Sauer vừa trưng dụng từ người lính cận vệ và hét bảo các Giám mục nằm xuống. Sau đó, khi anh trèo lên bọc tìm Lucchesi, quả bom thứ hai phát nổ.

Lại một đợt nóng rát da và lực đẩy mạnh khác.

Lại một tiếng sấm nổ.

Gabriel bị đẩy văng ra phía sau. Lần này anh rớt lên người Donati.

Anh lại đứng lên. Anh chưa kịp đến được bọc thì quả bom thứ ba phát nổ.

Khi tiếng sấm rền cuối cùng cũng tắt dần, anh trèo lên bọc xem xét tổn thất. Bọn *tử vì đạo* đã chia nhau đứng cách đều khu vực gần bọc: một tên gần Cửa Đồng, tên thứ hai ở trung tâm quảng trường, còn tên cuối đứng gần Vòm Chuông. Những gì còn sót lại của bọn chúng là ba

đám khói đen bốc lên bầu trời xanh nhạt không mây. Ở các vị trí mà bọn khủng bố đã đứng, đá lát đen sạm lại vì lửa, ướm sưng máu, vương vãi thịt da của những người xấu số. Cách những điểm nổ bom một chút là những tử thi rách nát trước đó không lâu vẫn còn mang hình dạng người. Những chiếc ghế xếp được đặt trong quảng trường lúc sáng sớm đổ ngã như những quân bài. Giày dép tung tóe khắp nơi. Bao nhiêu người chết? Hàng trăm, anh nghĩ. Nhưng lúc này lo lắng của anh không dành cho những người đã chết mà cho Đức Thánh Cha.

Chúng ta tuyên bố chiến tranh với các người, hỡi những tên lính Thập tự chinh, bằng việc hủy diệt ngôi đền thờ nhiều thần không theo Hồi giáo...

Vụ tấn công, Gabriel biết, vẫn chưa kết thúc.

Khi đó, qua màn khói đen, anh trông thấy giai đoạn thứ hai bắt đầu. Một chiếc xe tải giao hàng dừng lại ngay sau hàng rào ở cuối quảng trường. Cánh cửa hậu mở ra và ba người đàn ông nhảy xuống. Mỗi tên vác trên vai một máy phóng tên lửa.

Chính lúc đó Gabriel nhìn thấy chiếc ngai mà Giáo hoàng đã ngồi. Nó bị thổi bay sang bên do lực đẩy của vụ nổ lần đầu và rơi lộn ngược xuống các bậc thềm của đại thánh đường. Chìa ra bên dưới là một bàn tay nhỏ đeo nhẫn vàng... và chiếc bạch y lấm tẩm máu.

Gabriel nhìn xuống Donati. “Chúng có tên lửa, Luigi! Hãy đưa mọi người rời khỏi đại thánh đường!”

Gabriel nhảy lên bọc nhấc chiếc ngai lên. Mắt Giáo hoàng nhắm nghiền, và Ngài đang chảy máu do những vết thương nhỏ. Khi Gabriel cúi xuống bế Giáo hoàng lên tay, anh nghe thấy một âm thanh không lẫn vào đâu được, tên lửa RPG-7 đang đến gần. Anh quay đầu, đủ lâu để nhìn thấy quả tên lửa đang xé gió bay ngang qua quảng trường về phía Đại thánh đường. Một giây sau nó đụng mái vòm Michelangelo nổ tung thành cơn mưa lửa, kính và đá vụn văng tung tóe.

Gabriel che chắn Giáo hoàng khỏi những mảnh vụn đang rớt xuống, rồi bế ông lên chạy về phía Cổng Đồng. Trước khi họ đến được Hàng Cột để ẩn nấp, quả tên lửa thứ hai được phóng ngang qua quảng trường. Nó đụng vào mặt ngoài Đại thánh đường, ngay bên dưới hàng lan can của hành lang Ban Phước.

Gabriel mất thăng bằng ngã xuống sàn lát đá. Anh ngẩng đầu lên và thấy tên lửa thứ ba đang trên đường bay. Tên lửa này nhắm thấp hơn hai cái trước, trực tiếp bay về phía bọc. Trong giây phút nó đụng vào bọc, Gabriel thoáng thấy một hình ảnh ác mộng: Luigi đang cố gắng trong tuyệt vọng di chuyển các Hồng y và Giám mục đến chỗ an toàn. Gabriel nằm trên mặt đất dùng thân mình che chắn cho Giáo hoàng khi một cơn mưa những mảnh vỡ khác rớt lên người họ.

“Phải cậu không, Gabriel?”. Giáo hoàng hỏi, mắt vẫn nhắm.

“Vâng, thưa Đức Thánh Cha”.

“Mọi chuyện qua chưa?”

Ba quả bom, ba tên lửa - tượng trưng cho ba ngôi Thánh, Gabriel nghĩ. Một sự sỉ nhục có tính toán đối với những người theo đạo Thiên Chúa.

“Vâng, thưa Đức Thánh Cha. Con nghĩ mọi chuyện đã kết thúc”.

“Luigi đâu?”

Gabriel nhìn đồng hồ cát còn sót lại ở chỗ bọc và thấy Donati đi loạng choạng ra khỏi đám khói, ẵm theo xác một Hồng y.

“Cha ấy vẫn còn sống, thưa Đức Thánh Cha”.

Giáo hoàng nhắm mắt thì thầm. “Cám ơn Chúa”.

Gabriel cảm thấy một bàn tay nắm vai mình. Anh quay lại thấy bốn người mặc đồng phục màu

xanh, tay cầm súng. “Hãy thả Đức Giáo hoàng ra”, một người la lên. “Chúng tôi sẽ bảo vệ Đức Giáo hoàng từ lúc này”.

Gabriel nhìn người đàn ông một lát rồi lắc đầu. “Tôi sẽ bảo vệ ông ấy”, anh nói. Sau đó anh đứng dậy đỡ Giáo hoàng vào dinh Tông Đồ, trong vòng vây của những người lính cận vệ Thụy Sĩ.

Căn hộ chung cư nằm trong một con hẻm rải sỏi gần nhà thờ Santa Maria ở Trastevere. Cao bốn tầng, tường ngoài màu nâu phai màu treo đầy dây điện và điện thoại. Một số chỗ trên tường chỉ còn trơ gạch. Ở tầng trệt là một cửa hàng sửa xe máy nhỏ lấn ra phố. Bên phải cửa hàng là lối dẫn vào những căn hộ bên trên. Ibrahim el-Banna có chìa khóa trong túi.

Vụ tấn công diễn ra năm phút sau khi Banna rời khỏi Vatican. Ở khu Borgo Santo Spirito, lợi dụng lúc mọi người đang hoảng loạn, hắn cẩn thận cởi kufi ra (mũ đội đầu của người theo Hồi giáo) và đeo sợi dây thánh giá lớn bằng gỗ vào cổ. Từ chỗ đó, hắn đi bộ tới công viên Janiculum, rồi từ công viên đi xuống đồi tới Trastevere. Ở Via della Paglia một người phụ nữ trong cơn đau buồn đã nhờ el-Banna ban phước. Hắn ban phước cho bà bằng những cử chỉ và lời nói bắt chước được ở Vatican. Ngay sau đó hắn lại xin Allah tha thứ cho tội báng bổ này. Giờ đây, khi đã an toàn về đến căn hộ chung cư, hắn gỡ sợi thánh giá xỉ nhục ra khỏi cổ và đi lên cầu thang sáng mờ mờ. Hắn đến đây theo lệnh của một tay người Ả-rập Xêút, kẻ đã thai nghén và lập kế hoạch cho vụ tấn công. Tay Ả-rập Xêút ấy tên là Khatt. Đó là tất cả những gì hắn biết. Đây sẽ là chặng dừng đầu tiên trong chuyến đi rời bỏ châu Âu về lại thế giới Hồi giáo. Hắn những mong được trở về quê hương Ai Cập, nhưng Khalil đã thuyết phục rằng hắn sẽ không bao giờ an toàn ở đó. *Chính phủ Mabarak là tay sai cho Mỹ và chúng sẽ giao ông cho những người không theo Hồi giáo trong nháy mắt, Khalil nói. Chỉ có một nơi trên thế giới nơi bọn không theo Hồi giáo không bắt được ông.*

Nơi đó là Ả-rập Xêút, vùng đất của Nhà tiên tri, nơi khai sinh Hồi giáo Wahhabi. Ibrahim el-Banna được hứa cho một cuộc sống mới, một vị trí giảng dạy tại trường Đại học Medina danh tiếng, và một tài khoản ngân hàng trị giá nửa triệu đô-la. Chỗ trú ẩn là phần thưởng của Hoàng tử Nabil, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Ả-rập Xêút. Tiền là món quà của một nhà tỷ phú người Ả-rập Xêút đã tài trợ cho vụ tấn công.

Vì thế vị giáo sỹ trèo lên những bậc thang của khu chung cư với cảm giác hoàn toàn hài lòng. Hắn ta vừa góp phần tiến hành một trong những hoạt động cảm tử quan trọng và vinh quang nhất trong lịch sử Hồi giáo lâu đời. Còn bây giờ hắn đang chuẩn bị có một cuộc sống mới ở Ả-rập Xêút, nơi những lời giảng dạy và niềm tin của hắn có thể giúp truyền lửa cho thế hệ những chiến binh Hồi giáo tiếp theo. Chỉ thiên đường mới có thể ngọt ngào hơn.

Hắn lên đến đầu cầu thang lầu ba và bước về phía cánh cửa căn hộ 3A. Khi nhét chìa khóa vào ổ, hắn cảm thấy đầu ngón tay hơi bị điện giật. Chìa khóa vặn mở, và cánh cửa nổ tung. Sau đó hắn chẳng cảm thấy gì nữa.

Cùng thời điểm, trong một khu được gọi là Foggy Bottom (đáy sương mù) ở Washington, một người phụ nữ vừa choàng tỉnh khỏi cơn ác mộng. Cơn ác mộng toàn những hình ảnh giống nhau cô nhìn thấy mỗi buổi sáng vào khoảng tầm này. Một nữ tiếp viên bị cắt cổ. Một hành khách trẻ gọi cuộc điện thoại cuối cùng. Cảnh tượng thật rùng rợn. Cô lặn người qua nhìn đồng hồ trên bàn ngủ. Sáu giờ rưỡi. Cô cầm điều khiển từ xa chìa vào truyền hình nhấn nút Bật. *Ôi Chúa ơi, không, cô thầm nghĩ khi nhìn thấy Đại thánh đường đang bốc cháy. Không phải nó lại xảy ra một lần nữa chứ.*

Chương 7

Rome



Trong tuần tiếp theo, Gabriel vẫn ở lại căn hộ an toàn gần nhà thờ Trinità dei Monti. Có những lúc, anh tưởng chừng như chưa có vụ khủng bố nào diễn ra cả. Nhưng khi anh ra ban công, nhìn mái vòm Đại thánh đường nằm trên nóc thành phố bị tàn phá và ám đen vì khói lửa, tựa như Chúa trời, trong giây phút bất cần hay không đồng ý, đã đưa tay phá hủy tác phẩm của con mình. Gabriel, người chuyên phục chế, ước rằng đây chỉ là một bức tranh - một bức vẽ lâu ngày anh có thể khôi phục bằng một chai dầu hạt lanh và một ít màu.

Tổn thất về người tăng lên mỗi ngày. Đến cuối ngày thứ tư - Thứ Tư Đen Tối, như những tờ báo của Rome gọi - số lượng người chết lên đến 600. Đến thứ năm, con số này là sáu trăm năm mươi, và đến cuối tuần con số đã vượt quá 700 người thiệt mạng. Đại tá Karl Brunner - Chỉ huy trưởng đội cận vệ Thụy Sĩ của Giáo hoàng nằm trong số những người thiệt mạng. Luca Agelli cũng không qua khỏi, sau khi cố giành giật cuộc sống ba ngày trong trạm xá Gemelli trước khi bị ngưng máy hỗ trợ. Dích thân Giáo hoàng làm lễ rửa tội và ở bên Agelli cho đến khi anh mất. Hội đồng Hồng y chịu mất mát to lớn. Bốn Hồng y nằm trong số người thiệt mạng, cùng tám Giám mục trong Hội đồng, và ba Đức ông. Tang lễ của họ được cử hành trong Đại thánh đường của Thánh John Lateran, bởi vì hai ngày sau vụ tấn công, đội kỹ sư kết cấu quốc tế kết luận Đại thánh đường không an toàn. Tờ báo lớn nhất nước Ý, *La Repubblica*, đưa tin này bằng cách đăng một tấm hình mái vòm bị hư hại khổ một trang báo, đề tựa bằng một chữ duy nhất: HỒNG. Chính phủ Israel không có nhân viên tham gia vào vụ điều tra, nhưng Gabriel, nhờ mối quan hệ gần gũi với Giáo hoàng và Donati, nhanh chóng biết nhiều thông tin về vụ tấn công như bất cứ nhân viên tình báo nào trên thế giới. Anh thu thập phần lớn thông tin tại bàn ăn tối của Giáo hoàng, nơi anh ngồi mỗi tối cùng những người lãnh đạo cuộc điều tra: Tướng Marchese của Lực lượng Carabinieri và Martino Bellano thuộc bộ phận an ninh Ý. Đa phần họ trò chuyện thoải mái trước mặt Gabriel, còn những gì họ giấu giếm thì Donati nói lại cho anh nghe. Sau đó, Gabriel chuyển tiếp các thông tin tới đại lộ King Saul. Đó chính là lí do tại sao Shamron không vội vã giục anh rời Rome.

Trong vòng 48 tiếng sau cuộc tấn công, người Ý đã nhận diện được tất cả những người tham gia. Vụ bắn tên lửa được thực hiện bởi một đội gồm bốn tên. Tên tài xế xe tải có gốc Tunisia. Ba người phóng tên lửa RPG-7 có quốc tịch Gioócdan, và là cựu chiến binh trong cuộc nổi loạn ở Irắc. Tất cả bốn tên đều bị giết trong trận độ súng với Lực lượng Carabinieri vài giây sau khi phóng tên lửa. Còn về ba tên đóng giả làm linh mục người Đức, chỉ một tên thực sự là người Đức, là sinh viên kỹ thuật ở Hamburg, tên là Manfred Zeigler. Tên thứ hai là người Hà Lan đến từ Rotterdam, còn tên thứ ba là người Bỉ nói tiếng Flemish đến từ Antwerp. Cả ba tên đều là

người cải đạo sang Hồi giáo, và đều đã tham gia những cuộc biểu tình chống Mỹ và chống Israel. Gabriel, mặc dù không có chứng cứ, nghi ngờ bọn chúng đều do Giáo sư Ali Massoudi tuyển mộ.

Sử dụng video giám sát mạch đóng và những lời khai các nhân chứng, những người có thẩm quyền ở Ý và Vatican có thể tái hiện lại những phút cuối cùng của bọn nổ bom. Sau khi được phép bước vào trong phòng Tiếp nhận, cả ba tên đã đi về phòng Ibrahim el-Banna gần quảng trường Piazza Santa Maria. Khi rời phòng, mỗi tên mang theo một chiếc cặp táp lớn. Như Angelli nghi ngờ, cả ba tên đi qua Đại thánh đường bằng lối vào phụ. Chúng xâm nhập quảng trường Thánh Peter bằng cách lọt qua cửa Tử Thần. Cánh cửa này, không giống như bốn cánh cửa khác dẫn từ Đại thánh đường vào quảng trường, đáng lẽ phải được khóa lại. Mãi đến cuối tuần cảnh sát Vatican vẫn chưa biết ai đã mở nó ra.

Ba ngày sau vụ khủng bố, xác của Ibrahim el-Banna được kéo ra khỏi đồng đồ nát của căn hộ chung cư trong Trastevere và được nhận diện. Tổ chức đằng sau hẳn ta vẫn là một tần số. Ai là hội Huynh đệ Allah? Một nhánh của al-Qadea hay chỉ là tên gọi khác của tổ chức này? Ai đã lập kế hoạch và tài trợ một hoạt động chi tiết như thế? Một điều có thể thấy rõ ngay lập tức. Cuộc tấn công vào vương quốc Thiên Chúa giáo đã nhóm lại ngọn lửa phong trào tử vì đạo khắp toàn cầu. Nhiều lễ ăn mừng đường phố cuồng nhiệt bùng nổ ở Tehran, Cairo, Beirut, và các lãnh thổ thuộc Palestine. Những nhà phân tích tình báo từ Washington đến Luân Đôn và Tel Aviv ngay lập tức nhận thấy hoạt động chiêu mộ đột ngột gia tăng.

Thứ tư tuần kế tiếp, một tuần sau vụ tấn công, Shamron quyết định đã đến lúc Gabriel phải về nước. Khi anh đang thu dọn hành lý trong căn hộ an toàn, đèn đỏ điện thoại nhấp nháy cho biết có cuộc gọi. Anh nhắc ống nghe lên và nghe giọng của Donati.

“Đức Thánh Cha muốn nói riêng vài lời với anh”.

“Khi nào?”

“Trưa nay trước khi anh ra sân bay”.

“Nói về việc gì?”

“Anh là thành viên của một câu lạc bộ rất nhỏ, Gabriel Allon”.

“Câu lạc bộ nào?”

“Dành cho những người dám đặt những câu hỏi như thế”.

“Ở đâu và khi nào?” Giọng Gabriel mềm mỏng hơn.

Donati cung cấp thông tin cho anh. Gabriel cúp điện thoại và gói ghém hành lý.

Gabriel vượt qua một điểm canh gác của Lực lượng Carabinieri rồi băng qua quảng trường Thánh Peter trong ánh chiều tà đang lụi tắt. Quảng trường vẫn đóng cửa đối với công chúng. Đội ngũ giám định y khoa đã hoàn tất công việc kinh khủng của họ, nhưng hàng rào mờ đục dựng quanh ba địa điểm nổ bom vẫn còn đó. Một tấm vải dầu trắng lớn phủ bên ngoài Đại thánh đường, che giấu hư hại bên dưới hành lang Ban Phước. Trên tấm vải có hình chim bồ câu và một từ duy nhất: HÒA BÌNH.

Gabriel đi qua Vòm Chuông và bước dọc theo cánh trái của Đại thánh đường. Các lối vào bên hông bị khép kín và dựng chướng ngại vật, cảnh sát Vatican đứng gác ở mỗi cổng. Vatican có thể hình dung ra chuyện gì đã xảy ra chưa - có thể, Gabriel nghĩ, cho đến khi họ nhìn thấy vòm nhà bị phá hủy, bây giờ đang được chiếu sáng bởi hoàng hôn có mặt trời màu đỏ thẫm. Giáo hoàng đang ngồi chờ tại ngôi nhà Người Làm Vườn. Ông nồng nhiệt chào đón Gabriel và họ cùng nhau đi về góc xa của Vatican. Một tá cận vệ Thụy Sĩ mặc thường phục đi cạnh họ giữa

những cây thông, những chiếc bóng của họ đổ dài trên cỏ.

“Luigi và ta vừa yêu cầu đội cận vệ Thụy Sĩ giảm bớt số người theo bảo vệ ta”, Giáo hoàng nói.

“Hiện tại vấn đề này là không thể thương lượng. Họ hơi căng thẳng - vì những lí do có thể hiểu được. Kể từ vụ tấn công Rome, bây giờ mới lại có đội trưởng chết vì bảo vệ Giáo hoàng khỏi những cuộc tấn công của kẻ thù”.

Họ bước đi trong yên lặng giây lát. “Chẳng lẽ đây là số phận của ta ư, Gabriel? Luôn luôn bị những người mang bộ đàm và súng vây quanh? Làm sao ta có thể tiếp xúc với con chiên của mình? Làm sao ta có thể an ủi người ốm và những người khốn khổ nếu bị tách biệt khỏi họ bởi một đội quân bảo vệ?”

Gabriel không biết phải đáp lại như thế nào.

“Mọi việc sẽ không bao giờ như cũ, đúng không?”

“Không, thưa Đức Thánh Cha. Con e rằng không”.

“Họ có thực sự muốn giết ta không?”

“Không nghi ngờ gì nữa”.

“Họ sẽ làm lại lần nữa chứ?”

“Một khi bọn chúng nhắm được mục tiêu, thường bọn chúng sẽ không dừng lại cho đến khi thành công. Nhưng trong trường hợp này, bọn chúng đã giết được bảy trăm người hành hương, vài Hồng y và Giám mục - chưa kể chỉ huy đội cận vệ Thụy Sĩ. Chúng cũng thành công trong việc phá hỏng Đại thánh đường. Theo ý con, chúng sẽ xem như mình vừa viết nên một trang sử”.

“Chúng có thể không thành công trong việc giết ta, nhưng đã thành công trong việc biến ta thành tù nhân Vatican”. Giáo hoàng dừng bước nhìn mái vòm bị tàn phá. “Chiếc lồng của ta không còn vàng son nữa. Phải mất cả thế kỷ để xây dựng nhưng phá hủy chúng chỉ mất vài giây”.

“Nó chưa bị phá hủy, thưa Đức Thánh Cha. Mái vòm có thể khôi phục lại”.

“Điều này vẫn cần nghiên cứu thêm”, Giáo hoàng nói với vẻ buồn bã khác với tính cách thường ngày. “Chưa chắc các kỹ sư và kiến trúc sư đã làm được việc này. Có thể phải kéo sập xuống xây dựng lại từ đầu. Những bức bích họa bị hư hại nghiêm trọng dưới sức nặng của đồng đồ nát. Không dễ mà thay thế được, về việc này thì cậu rõ hơn ai hết”.

Gabriel liếc nhanh đồng hồ đeo tay. Anh sẽ phải ra phi trường trong ít phút nữa, nếu không sẽ lỡ chuyến bay. Anh tự hỏi sao Giáo hoàng lại mời mình đến đây. Chắc hẳn không phải để bàn cách xây dựng lại Đại thánh đường. Họ đang đi về hướng tháp thánh John, ở góc tây nam Vatican.

“Chỉ có một lí do duy nhất tại sao ta chưa chết”, Giáo hoàng nói. “Đó là nhờ cậu, Gabriel. Do đau buồn và rối ren trong tuần qua, ta chưa có cơ hội cảm ơn cậu thích đáng. Bây giờ ta đang làm điều này. Ta chỉ ước mình có thể cảm ơn cậu một cách công khai”.

Vai trò của Gabriel trong vụ việc này được che giấu rất kỹ khỏi giới truyền thông. Cho đến giờ này, mặc dù rất khó khăn, sự tham gia của Gabriel vẫn còn là một bí mật.

“Con chỉ ước giá mình có thể khám phá ra Ibrahim el-Banna sớm hơn”, Gabriel nói. “Lẽ ra đã cứu được hàng trăm người”.

“Cậu đã làm mọi thứ nên làm”.

“Có lẽ thế, thưa Đức Thánh Cha, nhưng chưa đủ”.

Họ đến bức tường Vatican. Giáo hoàng đi lên các bậc của cầu thang bằng đá, và Gabriel yên

lặng theo sau ông. Họ đứng ở góc lan can nhìn bao quát Rome. Thành phố đang lên đèn. Gabriel nhìn qua vai thấy đội cận vệ Thụy Sĩ đang đứng lo lắng dưới chân họ. Anh đưa tay làm cử chỉ trấn an rồi nhìn Giáo hoàng, người đang ngắm những chiếc xe hơi chạy dọc Viale Vaticano. “Luigi bảo ta cậu sẽ được thăng chức khi về Tel Aviv”. Đức Thánh Cha phải lên giọng để át tiếng xe cộ. “Cậu tự kiểm được việc thăng chức này, hay đây là tác phẩm của Shamron?”

“Một vài người bị bắt phải nhận những điều lớn lao, thưa Đức Thánh Cha”.

Giáo hoàng mỉm cười, nụ cười đầu tiên Gabriel thấy trên gương mặt ông kể từ khi anh đến Rome. “Cho phép ta đưa cậu lời khuyên nhỏ nhé?”

Gabriel gật đầu.

“Hãy sử dụng quyền lực của mình thật khôn ngoan. Mặc dù cậu sẽ thấy mình trong tình huống buộc phải trừng phạt kẻ thù, hãy sử dụng quyền lực để theo đuổi hòa bình bất cứ khi nào. Hãy tìm kiếm công lý, đừng tìm kiếm sự trả thù”.

Gabriel muốn nhắc Giáo hoàng rằng anh chỉ là người phụng sự bí mật cho tổ quốc, còn quyền quyết định về chiến tranh hay hòa bình nằm trong tay những người nhiều quyền lực hơn anh. Nhưng thay vì thế, anh đảm bảo với Giáo hoàng rằng mình sẽ khắc vào tim lời khuyên của ông. “Đây không phải cuộc chiến của chúng tôi - bây giờ thì chưa”.

“Có điều gì đó mách bảo với ta rằng chẳng bao lâu nữa đây sẽ là cuộc chiến của các anh”.

Giáo hoàng nhìn xe cộ bên dưới với vẻ thích thú đầy trẻ con.

“Chính ta có ý tưởng đưa hình chim bồ câu trắng lên bức vải che mặt ngoài Đại thánh đường. Ta chắc cậu sẽ nghĩ việc làm này thật ngây thơ và không có tác dụng. Có lẽ cậu cũng cho rằng ta là người ngây thơ”.

“Con sẽ chẳng muốn sống trong thế giới mà không có những người như Đức Thánh Cha”.

Lúc này Gabriel cố tình giơ tay xem đồng hồ.

“Máy bay đang đợi cậu à?”. Giáo hoàng hỏi.

“Vâng, thưa Đức Thánh Cha”.

“Đi thôi”, ông nói. “Ta sẽ tiễn cậu”.

Gabriel bắt đầu bước xuống cầu thang, nhưng Giáo hoàng vẫn đứng ở góc lan can. “Francesco Tiepolo gọi ta sáng nay từ Venice. Ông gửi lời chào cậu”. Giáo hoàng quay người nhìn Gabriel.

“Chiara cũng cậu”.

Gabriel im lặng.

“Cô ấy nói muốn gặp cậu trước khi cậu về Israel. Cô ấy không biết cậu có thể ghé qua Venice trên chuyến bay về nước hay không”. Giáo hoàng nắm khuỷu tay Gabriel, mỉm cười dắt anh xuống các bậc thang. “Ta nhận ra mình rất ít kinh nghiệm khi đề cập đến những vấn đề của con tim, nhưng không biết cậu có cho phép ông già này đưa cậu thêm một lời khuyên nữa?”

Daniel Silver

Người đưa tin

Chương 8

Venice

ó là một nhà thờ nhỏ bằng đất nung, được xây cho một giáo xứ nghèo ở một quận của Cannaregio. Còn quá ít đất để xây dựng một quảng trường dành hoàng cho nhà thờ, vì thế lối vào chính dẫn ngay ra con đường San Giovanni Crisostomo nhộn nhịp. Một thời Gabriel từng có chìa khóa vào nhà thờ. Giờ đây, anh vào đây như một du khách bình thường, và dừng lại một lát tại cổng nhà thờ để đợi cho mắt mình điều chỉnh với ánh sáng yếu ớt bên trong. Một làn gió mát mang theo mùi nến thơm mơn man trên má anh. Anh nhớ lại lần cuối cùng đặt chân lên nhà thờ. Đó chính là đêm Shamron đến báo anh đã bị kẻ thù phát hiện, và đã đến lúc phải về nhà. *Sẽ không còn dấu vết của cậu ở đây*, Shamron đã nói. *Mọi việc sẽ giống như cậu chưa bao giờ tồn tại*.

Anh băng qua gian giữa ẩm cúng tới nhà nguyện Thánh Jerome ở cánh bên phải của nhà thờ. Bức họa trang trí sau bàn thờ khuất trong bóng râm. Gabriel thấy một đồng xu vào máy cảm ứng ánh sáng, và các bóng đèn được bật lên, chiếu sáng kiệt tác cuối cùng của Giovanni Bellini. Anh đứng một lát, tay đỡ cằm, đầu hơi nghiêng sang một bên, ngắm bức tranh trong ánh sáng đầy đủ. Francesco Tiepolo đã làm rất tốt khi hoàn tất tác phẩm cho anh. Thật ra Gabriel không thể phân biệt chỗ nào là nét vẽ của anh ngưng lại và được bắt đầu bởi Tiepolo. Cũng không có gì đáng ngạc nhiên, anh nghĩ. Họ đều học việc với nhà phục chế tranh vĩ đại người Venice Umberto Conti.

Máy cảm ứng ánh sáng hết thời gian, những bóng đèn tự động tắt, đẩy bức vẽ lui vào màn đêm. Gabriel quay trở lại phố đi về hướng tây băng qua Cannaregio cho đến khi anh đến một cây cầu sắt, cây cầu duy nhất ở Venice. Vào thời Trung Cổ đã từng có một cánh cổng giữa cầu. Ban đêm một người lính canh theo đạo Thiên Chúa sẽ đứng gác để những người bị giam cầm đầu bên kia không thể chạy thoát. Anh băng qua cầu đi vào *đoạn đường nằm dưới toà nhà*. Một quảng trường lớn mở ra cuối đường, quảng trường Campo Del Ghetto Nuovo, trung tâm khu nhà cổ xưa của người Do Thái ở Venice. Hơn năm ngàn người Do Thái đã từng sống ở đây. Bây giờ nơi này chỉ có nhà của bốn trăm dân Do Thái trong thành phố, hầu hết là những người lớn tuổi sống trong khu Cộng đồng người Do Thái ở Venice.

Anh băng qua khu nhà và dừng lại trước số nhà 2899. Một tấm bảng bằng đồng có ghi dòng chữ CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DO THÁI Ở VENICE. Anh nhấn chuông và nhanh chóng quay lưng lại với chiếc camera ở lối vào. Sau một lúc yên lặng một giọng phụ nữ quen thuộc, phát ra trên bộ đàm. “Quay người lại”, nàng nói. “Cho tôi thấy mặt anh”.

Anh ngồi chờ tại chỗ nàng chỉ, trên băng ghế gỗ trong góc khu phố tràn ngập ánh mặt trời, gần đài tưởng niệm những người Do Thái ở Venice bị tập trung tháng 12/1943 và bị giết chết ở Auschwitz. Mười phút trôi qua, sau đó thêm mười phút nữa. Cuối cùng nàng bước ra khỏi văn

phòng, thông thả bằng qua quảng trường. Đến cách anh mấy bước chân, nàng dừng lại tựa như không dám bước đến gần hơn. Gabriel, vẫn đang ngồi, đẩy kính râm lên trán ngẩng nàng trong ánh nắng dịu dàng của mùa thu. Nàng mặc quần jeans bạc màu, bó sát cặp đùi thon thả và loe ra ở ống. Chiếc áo trắng được cắt may ôm vào cơ thể, lộ rõ những đường cong. Mái tóc nâu vàng bất tri được giữ lại bằng sợi dây sa-tanh màu chocolate. Làn da ô liu bóng mượt mà. Gabriel nghĩ nàng mới trở về từ vùng có nhiều ánh nắng. Mắt nàng to giống mắt của những người phương Đông, và có màu kẹo caramel nâu nhạt điểm vàng. Màu mắt ấy luôn thay đổi theo tâm trạng. Lần cuối Gabriel nhìn vào mắt nàng là lúc chúng đang đen sẫm lại vì giận dữ và rộp bóng nhờ mascara. Nàng khoanh tay trước ngực đầy vẻ phòng thủ và hỏi rằng anh đang làm cái quái gì ở Venice.

“Chào Chiara. Trông em thật dễ thương”.

Làn gió nhẹ thổi vài sợi tóc vương vào mặt nàng. Nàng lấy tay trái gạt ra. Bàn tay không còn chiếc nhẫn đính hôn Gabriel trao cho nữa. Trên những ngón tay giờ đây là những chiếc nhẫn khác, còn trên cổ tay nàng là một chiếc đồng hồ vàng. Gabriel tự hỏi phải chăng chúng là quà của một người nào đó.

“Em không nghe tin tức gì của anh kể từ khi em rời Jerusalem”, Chiara nói bằng giọng đều đều mà nàng luôn cố ý sử dụng mỗi khi muốn chế ngự cảm xúc. “Đã nhiều tháng rồi. Bây giờ anh xuất hiện ở đây mà không hề báo trước, và anh mong chờ em dang rộng hai tay và mỉm cười đón anh sao?”

“Không báo trước? Anh đến đây vì em yêu cầu anh đến”.

“Em? Anh đang nói cái quái gì thế?”

Gabriel nhìn sâu vào mắt nàng. Anh có thể thấy nàng không nói dối. “Tha lỗi cho anh”, anh nói.

“Hình như anh bị đưa đến đây do vài người cố tình sắp xếp”.

Nàng lấy tay nghịch đầu khăn choàng cổ, rõ ràng rất thích thú khi thấy anh không thoải mái.

“Vài người vào?”

Donati và Tiepolio, Gabriel thầm nghĩ. Có thể cả Giáo hoàng nữa. Anh đột ngột đứng dậy.

“Chuyện ấy không quan trọng”, anh nói. “Anh xin lỗi, Chiara. Rất vui được gặp lại em”.

Anh quay người dợm chân bước đi, nhưng nàng giữ cánh tay anh lại.

“Chờ đã”, nàng nói. “Anh ở lại vài hôm đi”.

“Em sẽ cư xử lịch sự chứ?”

“Phép lịch sự là dành cho những cặp ly dị nhưng đã có con với nhau”.

Gabriel ngồi xuống lại, nhưng Chiara vẫn đứng. Một người đàn ông đeo kính đen da rám nắng vừa ra khỏi đoạn đường dưới tòa nhà. Anh ta nhìn Chiara đầy ngưỡng mộ, sau đó băng qua khu nhà rồi biến mất sau chiếc cầu dẫn tới giáo đường cổ của dân Do Thái ở châu Âu ở cuối phía khu nam Do Thái. Chiara dõi theo người đàn ông, sau đó nghiêng đầu ngẩng kỹ về bề ngoài của Gabriel.

“Có ai nói với anh là trông anh giống người đã cứu mạng Đức Giáo hoàng chưa?”

“Anh ta là người Ý”, Gabriel đáp. “Em không đọc tin về anh ta trên báo à?”

Nàng phớt lờ. “Khi xem đoạn quay phim trên truyền hình, em nghĩ mình đang gặp ảo giác. Em biết người đó là anh. Đêm hôm ấy, sau khi mọi chuyện lắng xuống, em kiểm tra với Rome.

Shimon bảo anh đã đến Vatican”.

Một chuyển động đột ngột trong khu nhà khiến nàng quay đầu. Nàng nhìn người đàn ông có bộ râu điểm bạc đội mũ phớt đi nhanh về phía lối vào trung tâm cộng đồng. Đó chính là cha nàng,

giáo sỹ Do Thái chính ở Venice. Nàng nhắc mũi ủng phải lên chuyển trọng tâm về gót. Gabriel biết tư thế này rất rõ. Điều này nghĩa là sắp có sự khiêu khích.

“Tại sao anh đến đây, Gabriel Allon?”

“Có người bảo em muốn gặp anh”.

“Thế nên anh tới. Chỉ thế thôi sao?”

“Chỉ như thế”.

Khóe môi nàng nhếch lên nở thành nụ cười.

“Chuyện gì khiến em vui thế?”. Anh hỏi.

“Tội nghiệp Gabriel. Anh vẫn còn yêu em, đúng không?”

“Hồi trước anh từng như thế”.

“Nhưng không yêu đủ để cưới em?”

“Chúng ta có thể tranh cãi chuyện này ở chỗ riêng tư hơn không?”

“Bây giờ chưa được. Em cần phải trông coi văn

phòng. Công việc *kia* là của em”, nàng nhại lại giọng Gabriel ngày trước.

“Cho anh gửi lời chào Giáo sỹ Zolli”.

“Em không nghĩ đây là ý kiến hay đâu. Giáo sỹ Zolli vẫn còn đang rất giận dữ với anh”.

Nàng móc chìa khóa trong túi áo ra thả cho Gabriel. Anh nhìn chiếc chìa khóa một lúc. Thậm chí sau nhiều tháng chia tay, Gabriel vẫn không hình dung được Chiara sống một mình như thế nào.

“Nói luôn để anh khỏi thắc mắc, em sống ở đó một mình. Thực ra anh cũng không có quyền được biết, nhưng sự thật là thế. Anh cứ nghĩ ngơi thoải mái. Trông anh phờ phạc quá”.

“Ngày hôm nay chúng ta toàn dành cho nhau những lời khen”. Anh nhét chìa khóa vào túi. “Địa chỉ là gì?”

“Anh biết không, so với một gián điệp, anh nói dối rất dở”.

“Em đang nói về chuyện gì thế?”

“Anh biết địa chỉ của em, Gabriel. Anh có địa chỉ từ tổ chức, nơi mà anh lấy số điện thoại của em”.

Nàng cúi người đặt một nụ hôn lên má anh. Khi tóc nàng xòa xuống mặt Gabriel, anh nhắm mắt lại hít sâu mùi hương vani ngọt ngào.

Toà nhà của nàng nằm ở bên kia đại kênh đào ở Santa Croce trong một khu đất nhỏ được bao kín và chỉ duy nhất một con đường để ra vào. Gabriel có cảm giác được quay trở lại quá khứ khi bước vào căn hộ của Chiara. Phòng khách như thể chỉ được trang hoàng bằng vô số các bức ảnh. Tạp chí và các tờ báo cũ cũng được sắp xếp một cách gọn gàng đầy tính nghệ thuật. Anh bước đến bàn phòng khách nhìn những bức ảnh đóng khung: Chiara chụp với cha mẹ; Chiara chụp cùng anh trai đang sống ở Padua; Chiara chụp cùng người bạn trên bãi biển Galilee. Chính trong chuyến đi này, khi mới hai mươi lăm tuổi nàng lọt vào tầm ngắm của một người chiêu mộ nhân tài của Văn phòng. Sáu tháng trôi qua, sau khi được huấn luyện và đánh giá, người ta gửi trả nàng về châu Âu làm *bat leyha*, nữ nhân viên tháp tùng. Không có bức ảnh nào Chiara chụp cùng Gabriel, vì họ chưa bao giờ chụp ảnh với nhau.

Gabriel đến bên cửa sổ, nhìn ra ngoài. Bên dưới ba mươi bộ, dòng Rio del Megio với làn nước xanh ngắt lấp lánh lười biếng chảy qua. Dây phoi đồ căng ngang sang dây nhà đối diện. Quần áo phoi xiên xẹo trên dây, và ở đầu bên kia một phụ nữ lớn tuổi ngồi bên cửa sổ mở tay đặt lên khung. Bà có vẻ ngạc nhiên khi nhìn thấy Gabriel. Anh gơ chìa khóa lên bảo mình là bạn

Chiara, vừa từ Milan đến.

Anh hạ màn cửa và đi vào bếp. Trong bồn rửa là lưng chén sữa và vụn bánh mì nướng. Chiara vốn gọn gàng trong mọi việc, nhưng nàng lại luôn để chén bát ăn sáng trong bồn cho đến cuối ngày. Gabriel rất bực mình về chuyện này, anh cứ để nguyên chén đĩa không rửa và đi vào phòng ngủ của nàng.

Anh quăng túi lên chiếc giường chưa trải, và vào phòng tắm bật vòi hoa sen, sau khi cưỡng lại mong muốn lục lọi tủ quần áo và ngăn kéo. Anh mở tủ thuốc tìm lược lam, nước hoa, hay bất cứ bằng chứng nào khác về sự hiện diện của đàn ông. Có hai thứ anh chưa bao giờ thấy: Thuốc ngủ và thuốc an thần. Anh trả chúng về đúng vị trí cũ. Chiara cũng giống như Gabriel đã được huấn luyện để biết cách lưu ý đến những thay đổi nhỏ nhất.

Anh cởi đồ quăng vương vãi trên đường đi, sau đó đứng tắm rất lâu dưới vòi hoa sen. Tắm xong, anh quấn khăn quanh eo đi vào phòng ngủ. Chiếc chăn lông vịt còn vương mùi cơ thể Chiara. Khi ngả đầu lên gối của Chiara, chuông Santa Croce điểm báo giữa trưa. Anh nhắm mắt đi vào giấc ngủ sâu không mộng mị.

Gabriel thức dậy buổi chiều tà vì nghe tiếng chìa khóa tra vào ổ, theo sau là tiếng giầy của Chiara trên lối vào. Nàng không cần thông báo mình đã về. Nàng biết anh luôn tỉnh dậy khi nghe tiếng động hay tiếng di chuyển nhẹ nhất. Khi vào phòng ngủ, nàng hát khe khẽ, một bài nhạc pop Ý ngớ ngẩn mà nàng biết anh rất ghét.

Chiara ngồi ghé vào mép giường, đủ gần để cạ eo vào đùi Gabriel. Anh mở mắt nhìn nàng cởi giầy và quần jeans. Nàng ấn lòng bàn tay vào ngực anh. Khi anh gỡ dải ruy băng ra khỏi tóc, những lọn tóc nâu vàng xòa xuống mặt và vai nàng. Chiara lặp lại câu hỏi đã đặt cho anh khi ở khu nhà của người Do Thái: Tại sao anh đến đây, Gabriel Allon?

“Anh tự hỏi không biết chúng ta có thể thử lại lần nữa hay không”, Gabriel đáp.

“Em không cần thử. Em đã thử một lần, và rất thích”.

Anh tháo chiếc khăn choàng khỏi cổ nàng và chậm chậm cởi từng nút áo. Chiara cúi xuống hôn anh. Giống như nụ hôn của Đức mẹ Alba trong tranh Raphaet.

“Nếu anh làm tổn thương em một lần nữa, em sẽ ghét anh mãi mãi”.

“Anh sẽ không làm em tổn thương”.

“Em cứ mơ thấy anh mãi”.

“Giấc mơ đẹp à?”

“Không”, nàng đáp. “Em toàn mơ thấy cái chết của anh”.

Dấu vết duy nhất chứng tỏ sự hiện diện của Gabriel trong căn nhà là tập vẽ phác họa. Anh lật sang trang mới và ngắm Chiara bằng con mắt chuyên nghiệp. Nàng đang ngồi cuối ghế sofa, đôi chân dài gấp lại bên dưới người và cơ thể choàng trong miếng trải giường bằng lụa. Khuôn mặt nàng hướng về phía cửa sổ và sáng lên bởi ánh chiều tà. Gabriel nhẹ nhõm khi thấy những nếp nhăn đầu tiên xung quanh mắt Chiara. Anh luôn sợ nàng quá trẻ so với anh và một ngày nào đó, khi anh già, nàng sẽ bỏ anh theo người khác. Anh chỉnh tấm vải giường để lộ bộ ngực của nàng. Nàng nhìn anh giây lát, sau đó nhắm mắt lại.

“Anh gặp may khi em vẫn còn ở đây đấy”, nàng nói. “Nhờ đâu em đã đi làm nhiệm vụ ở nơi khác rồi thì sao”.

Nàng là một người hay nói. Từ lâu Gabriel đã biết không thể yêu cầu nàng im lặng khi ngồi làm mẫu cho anh vẽ.

“Sau phi vụ ở Thụy Sĩ, em đã ngừng làm việc rồi”.

“Sao anh biết về vụ đó?”

Gabriel nhìn nàng bí hiểm qua tập vẽ phác thảo và yêu cầu nàng không được cử động.

“Thông tin như vậy là trên mức cần thiết. Xem chừng anh có thể bước vào Tổ chức bất cứ lúc nào anh thích và tìm hiểu xem em đang làm gì”. Nàng dợm quay đầu, Gabriel liền ngăn lại bằng tiếng suýt suýt. “Nhưng em cũng không ngạc nhiên. Họ đã giao cho anh chức Giám đốc chưa?”

“Chức Giám đốc nào?” Gabriel cố tình không hiểu.

“Lực lượng Đặc nhiệm”.

Gabriel thú thật rằng vị trí đó đã được đề nghị và chấp nhận.

“Như vậy bây giờ anh là sếp của em”, nàng trở tay ra cửa. “Em cho rằng chúng ta vừa vi phạm nửa tá sắc lệnh của Văn phòng về mối quan hệ giữa cán bộ cao cấp và nhân viên”.

“Có lẽ”, Gabriel đồng ý. “Nhưng anh vẫn chưa chính thức nhậm chức”.

“Ồ, cảm ơn Chúa. Em không muốn Giám đốc Gabriel gặp nhiều rắc rối vì đời sống tình dục của mình. Chúng ta còn được hưởng thụ cơ thể của nhau bao lâu nữa trước khi gặp rắc rối với phòng Nhân sự?”

“ Bao lâu tùy thích. Miễn là chúng ta phải báo cáo với họ vào một lúc nào đó”.

“Thế còn Chúa thì sao, Gabriel? Lần này anh sẽ thông báo với Chúa như thế nào?”. Căn phòng bỗng rơi tõm vào thinh lặng, chỉ còn tiếng bút vẽ soạt soạt trên giấy. Nàng đổi chủ đề. “Anh biết bao nhiêu thông tin về vụ em làm ở Thụy Sĩ?”

“Anh biết em đi Zermatt để quyến rũ một tay buôn bán vũ khí người Thụy Sĩ sắp sửa ký hợp đồng với một đối tượng gây bất lợi cho chúng ta. Văn phòng đại lộ King Saul muốn biết khi nào chuyển hàng và chuyển đi đâu”.

Sau một hồi im lặng, anh hỏi nàng đã ngủ với gã người Thụy Sĩ chưa.

“Sự việc không phải như anh nghĩ đâu. Em thực hiện nhiệm vụ cùng một nhân viên khác. Em chỉ làm nhiệm vụ cầm chân tên bán vũ khí lại quán bar trong khi tay nhân viên ấy đột nhập phòng hấn lực lợi máy tính. Thêm nữa, anh cũng biết *bat leveyha* không phải là quan hệ tình dục. Chúng ta thuê những người chuyên nghiệp làm việc này”.

“Không phải lúc nào cũng vậy”.

“Em không bao giờ đối xử với thân thể mình như thế được. Em là cô gái ngoan đạo”. Chiara cười tinh nghịch. “Vụ đó bọn em đã thành công. Chiếc thuyền bị đắm một cách bí ẩn gần bãi biển Crete. Vũ khí bây giờ đang nằm dưới đáy đại dương”.

“Anh biết”, Gabriel đáp. “Em nhắm mắt lại đi”.

“Anh thử bắt em xem”, nàng nói rồi làm theo điều Gabriel yêu cầu. “Anh không hỏi xem em có ở cùng với ai khác sau khi chúng ta chia tay không à?”

“Điều ấy chẳng liên quan gì đến anh”.

“Nhưng chắc anh sẽ tò mò muốn biết. Em có thể hình dung anh làm gì với căn hộ của em sau khi bước chân qua cửa”.

“Nếu ý em muốn nói là anh lục lợi đồ đạc của em, thì xin thưa, anh không làm”.

“Ồ, thôi nào”.

“Tại sao em mất ngủ?”

“Anh thật sự muốn em trả lời câu hỏi này ư?”

Anh không đáp lại.

“Chẳng ai khác cả, Gabriel, nhưng anh biết điều ấy, đúng không? Bất khả thi?”. Nàng nhìn anh, cười cay đắng. “Họ không mấy may mắn khi gọi chúng ta tham gia câu lạc bộ đặc biệt này. Họ

không hề nhắc đến khả năng phải đối trá mãi mãi, hay sự cảnh giác với những người không phải là thành viên. Phải chăng đó là lí do duy nhất khiến anh yêu em, Gabriel? Bởi vì em cùng thuộc Văn phòng?”

“Anh thích món fetuccini và nấm của em. Em nấu fetuccini và nấm ngon nhất Venice”.

“Thế còn anh thì sao? Anh có chung đụng với người phụ nữ nào khác khi vắng mặt em không?”

“Anh dành hết thời gian cho một bức vẽ rất lớn”.

“À, phải, em quên mất nỗi đau buồn của anh. Anh không thể làm tình với một phụ nữ khi cô ta không biết anh giết người vì đất nước. Em chắc anh có thể tìm người phù hợp nếu anh thật sự muốn. Mọi phụ nữ trong Văn phòng đều thêm muốn anh”.

“Em nói nhiều quá. Anh sẽ không thể vẽ xong nếu em cứ nói luôn như thế”.

“Em đói. Anh không nên nhắc đến thức ăn. Nhân tiện, Leah thế nào rồi?”

Gabriel dừng bút vẽ trừng mắt nhìn Chiara qua bản phác thảo, tựa như muốn bảo nàng anh không thích nói về hai chủ đề liên nhau không mấy dễ chịu là thức ăn và vợ anh.

“Em xin lỗi”, Chiara nói. “Chị ấy như thế nào rồi?”

Gabriel nói Leah vẫn khỏe, và kể rằng một tuần anh lái xe đến bệnh viện tâm thần trên núi Herzl hai hoặc ba lần thăm cô. Nhưng khi kể những điều này, trí óc anh lại quay về nơi khác: trên một con đường nhỏ ở Viên cách Judenplatz không xa; một vụ nổ bom xe hơi đã giết con trai anh và lực đẩy đã tàn phá cơ thể cũng như cướp đi trí nhớ của Leah. Suốt mười ba năm cô yên lặng. Gần đây, tại khu vườn bệnh viện, cô đã hỏi anh cùng câu hỏi giống Chiara. “Anh có người phụ nữ nào khác khi em mất trí nhớ không”. Anh đã trả lời cô thật lòng.

“Anh có yêu cô gái này không, Gabriel?”

“Anh yêu cô ấy, nhưng anh đã bỏ cô ấy vì em”.

“Tại sao anh phải làm điều đó, anh yêu? Nhìn em này. Em không còn gì cả. Không còn gì ngoài kỷ niệm”.

Chiara chìm vào im lặng. Ánh sáng trên khuôn mặt nàng đang nhạt dần, chuyển từ màu đỏ san hô sang xám. Người phụ nữ to béo lại xuất hiện bên cửa sổ đối diện bắt đầu kéo quần áo phoi ở ngoài vào. Chiara kéo miếng vải lên cổ.

“Em làm gì vậy?”

“Em không muốn bà Lorenzetto thấy em khỏa thân”.

Gabriel để lại một nét vẽ trên ngực nàng khi đến kéo tấm vải xuống vị trí cũ.

“Em nghĩ mình phải quay trở lại Jerusalem, trừ phi anh nói với Shamron anh không thể đảm đương Lực lượng Đặc nhiệm, vì anh phải quay trở lại Venice”.

“Việc này có vẻ thú vị đấy”.

“Thú vị, nhưng không thể. Anh là một người lính trung thành, Gabriel. Anh luôn làm điều được ra lệnh. Trước đây luôn là thế”. Nàng lau vệt đen của cây cọ vẽ trên ngực. “Ít nhất em không phải trang trí lại căn hộ”.

Mắt Gabriel vẫn nhìn xuống bản vẽ. Chiara quan sát biểu hiện của anh, sau đó cất tiếng hỏi.

“Gabriel, anh đã làm gì căn hộ của chúng ta?”

“Anh cũng cần một nơi làm việc chứ”.

“Vậy anh chỉ di chuyển vài thứ thôi à?”

“Em biết không, anh đang đói ngấu”.

“Gabriel Allon, còn gì trong căn hộ không?”

“Tối nay trời ấm áp”, anh nói. “Chúng ta đón thuyền đến Murano ăn món cá đi”.

Chương 9

Jerusalem



Gabriel trở lại phố Narkiss vào lúc tám giờ tối ngày hôm sau. Xe hơi của Shamron đậu ở khúc quanh và Rami, vệ sỹ của ông, đang đứng gác trên vỉa hè bên ngoài toà nhà số 16. Khi lên lầu, Gabriel thấy tất cả các đèn đều bật còn Shamron đang uống cà phê tại bàn bếp.

“Sao ông lại vào trong nhà được?”

“Nếu như cậu đã quên thì tới xin nhắc, nơi này từng là căn hộ an toàn của Văn phòng. Tôi có chìa khóa tại bộ phận Quản lý nhà ở”.

“Đúng vậy, nhưng mùa hè vừa rồi tôi đã thay khóa”.

“Thế à?”

“Tôi nghĩ mình sẽ phải thay khóa một lần nữa”.

“Điều đó là vô ích”.

Gabriel đẩy cửa sổ mở để khói thuốc trong phòng thoát ra. Sáu đầu mẩu thuốc lá giống như sáu viên đạn đã bắn nằm lung tung trên một trong những chiếc đĩa để tách. Điều này chứng tỏ Shamron đã ở đây được một lúc.

“Venice thế nào?”. Shamron hỏi.

“Venice rất xinh đẹp, nhưng lần sau nếu có đột nhập vào căn hộ của tôi, làm ơn đừng hút thuốc”. Gabriel cầm chiếc đĩa lên và đổ mẩu thuốc vào sọt rác. “Chuyện gì nghiêm trọng đến mức không chờ được tới sáng mai vậy?”

“Thêm một đường dẫn đến vụ tấn công Vatican”.

Gabriel ngược lên nhìn Shamron. “Đường nào?”

“Ibrahim el-Banna”.

“Tên giáo sỹ người Ai Cập? Tôi không ngạc nhiên về điều này”.

Gabriel ngồi xuống bàn.

“Hai đêm trước, trưởng trạm Cairo của chúng ta đã bí mật gặp một trong những nguồn tin hàng đầu trong chính phủ Mubarat của Ai Cập. Dường như Giáo sư Ibrahim el-Banna từng có thành tích và có mối quan hệ khá bền chặt trong quân đội trước khi hấn đến Vatican. Anh trai hấn là thành viên hội Huynh đệ Hồi giáo và là người thân với Ayman al-Zawahiri, nhân vật quan trọng thứ hai trong al-Qaeda. Hấn có người cháu đến Irắc chiến đấu chống Mỹ và bị giết trong vụ phòng thủ thành Fallujah. Hiện tại băng giáng đạo của hấn đang được những tên Hồi giáo hiếu chiến Ai Cập háo hức đón nghe”.

“Tiếc là người bạn ở Mubarat không nói cho Vatican sự thật về el-Banna. Bảy trăm người đáng lẽ đã được cứu sống, và Đại thánh đường đã không bị lung một lỗ”.

“Người Ai Cập biết điều khác về Giáo sư el-Banna”, Shamron nói tiếp. “Trong những năm 80 và

90 khi vấn đề trào lưu chính thống Hồi giáo đang bùng nổ ở Ai Cập, Giáo sư el-Banna nhận tiền mặt và sự chỉ đạo thường xuyên từ một người Ả-rập Xêút dưới lốt nhân viên tổ chức Cứu trợ Hồi giáo, một trong những tổ chức từ thiện chính ở Ả-rập Xêút. Gã này tự xưng là Khalil, nhưng tình báo Ai Cập biết tên thật của hắn là: Ahmed bin Shafiq. Điều lí thú hơn chính là thông tin về nghề nghiệp của Shafiq vào lúc đó”.

“Hắn ta làm cho GID”, Gabriel nói.

“Chính xác”.

GID, hay Tổng cục Tình báo, là tên của cơ quan tình báo Ả-rập Xêút.

“Chúng ta biết gì về hắn?”

“Cho đến cách đây bốn năm, bin Shafiq là trưởng nhóm tình báo GID có bí danh 205, chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì liên kết giữa Ả-rập Xêút và nhóm chiến binh Hồi giáo quanh Trung Đông. Ai Cập là ưu tiên hàng đầu của nhóm 205, cùng với Afghanistan”.

“Ý nghĩa của con số là gì?”

“Đó là số máy phụ văn phòng của bin Shafiq tại Tổng hành dinh GID”.

“Chuyện gì xảy ra bốn năm trước?”

“Bin Shafiq và tay chân chuyên cung cấp vật chất và tiền bạc cho bọn khủng bố Hamas và Hồi giáo Jihad (Cảm tử quân). Một tay cung cấp tin người Palestine cho chúng ta biết về hoạt động này, và đã cảnh báo người Mỹ. Tổng thống Mỹ đưa bằng chứng của chúng ta cho nhà vua đồng thời gây sức ép bắt ông ta ngừng hoạt động của nhóm 205. Chuyện này xảy ra sáu tháng sau vụ 11/9, và nhà vua không còn cách nào khác ngoài việc nhân nhượng Tổng thống. Điều này làm bin Shafiq và những kẻ khác thất vọng. Nhóm 205 bị xoá sổ, còn bin Shafiq bị đuổi cổ ra khỏi GID”.

“Thế hắn ta có chạy sang phía bên kia đường không?”

“Ý cậu muốn hỏi là hắn ta có trở thành khủng bố không? Câu trả lời là, chúng ta không biết. Điều chúng ta biết là sự hiếu chiến của Hồi giáo hiếu chiến nằm trong máu hắn. Cha hắn là chỉ huy của Ikhwan, một phong trào Hồi giáo do Ibn Saud dựng nên vào đầu thế kỷ 19 ở Najd”. Gabriel biết rõ về Ikhwan. Xét về nhiều mặt, đó chính là hình mẫu và tiền thân của các nhóm quân sự Hồi giáo ngày nay.

“Bin Shafiq còn hoạt động ở đâu nữa khi hắn lãnh đạo nhóm 205?”

“Afghanistan, Pakistan, Gioócđan, Libăng, Algeria. Chúng ta còn nghi ngờ chúng có mặt ở cả Bờ Tây”.

“Như vậy có thể chúng ta đang đối mặt với người có mối liên hệ từ al-Qaeda cho đến Hamas và hội Huynh đệ Hồi giáo của Ai Cập. Bin Shafiq là một bậc thầy khủng bố, nên nếu hắn chuyển qua phía bên kia, hắn sẽ tạo ra một viễn cảnh đầy ác mộng”.

“Chúng ta cũng tìm thấy một mẫu thông tin lý thú trong hồ sơ”, Shamron nói. “Khoảng hai năm trước chúng ta nhận được báo cáo về một người Ả-rập Xêút thường lòng sục tất cả các doanh trại ở Libăng để tìm những chiến binh dạn dày kinh nghiệm. Theo như các bản báo cáo, gã người Ả-rập Xêút này tự xưng là Khalil”.

“Cùng tên bin Shafiq dùng ở Cairo”.

“Không may là chúng ta không theo đuổi vụ này. Nói thật ra, nếu chúng ta truy lùng từng tên Ả-rập Xêút được cấp tiền để tạo đội quân nhằm tiến hành nổ bom cảm tử, chúng ta sẽ không thu được nhiều kết quả. Ai gặp thất bại cũng phải biết rút kinh nghiệm chứ”.

“Chúng ta có thêm bao nhiêu thông tin về bin Shafiq?”

“Một ít thông tin hiểm hoi, tôi e là như vậy”.

“Còn ảnh thì sao?”

Shamron lắc đầu. “Như cậu biết, hắn ta hơi mất tự nhiên khi đứng trước ống kính, nên hắn ta chẳng bao giờ chụp ảnh cả”.

“Chúng ta cần chia sẻ thông tin, Ari. Người Ý cần phải biết rằng Ả-rập Xêút có thể dính líu đến các vụ việc. Người Mỹ cũng vậy”.

“Tôi hiểu”, giọng Shamron nghe âm đạm. Ý nghĩ phải chia sẻ mẫu thông tin tình báo khó kiếm là điều rất khó chịu đối với ông, đặc biệt khi không thu được lợi. “*Phải có qua có lại*”, ông nói.

“Đó mới chính là phương châm, là tín điều của chúng ta. Chúng ta tự mình làm mọi việc, không nhờ người khác giúp đỡ, cũng không giúp đỡ người khác giải quyết những chuyện do họ tự tạo ra”.

“Thế giới đã thay đổi, Ari”.

“Có lẽ đây không phải là thế giới dành cho tôi. Khi chúng ta đang đánh nhau với PLO hay tổ chức Tháng Chín Đen, lúc đó chỉ mới đơn thuần là hoạt động vật lý học theo định luật Niu-ơn. Đánh ở đây, dồn ở kia, theo dõi, lắng nghe, nhận dạng các thành viên, tiêu diệt lãnh đạo của bọn chúng. Bây giờ chúng ta đang đánh nhau với *một phong trào* - căn bệnh ung thư đã di căn đến tất cả những cơ quan tối quan trọng trong cơ thể. Việc này giống như đã trảng xe cát vậy. Những luật lệ cũ không phù hợp nữa. Đối chác thì không. Mặc dù vậy, tôi có thể nói với cậu một điều. Việc này sẽ không suôn sẻ ở Washington. Người Ả-rập Xêút có nhiều bạn bè ở đó”.

“Tiền sẽ giải quyết mọi sự”, Gabriel trả lời. “Nhưng người Mỹ cần biết sự thật về đồng minh tốt nhất của họ trong thế giới Ả-rập”.

“Họ *biết* sự thật. Họ chỉ không muốn đối diện với sự thật đó. Mỹ biết rằng Ả-rập Xêút là nguồn nước, là nơi ươm mầm cho khủng bố Hồi giáo, rằng người Ả-rập Xêút gieo hạt giống, tưới bằng tiền bán dầu, và bỏ phân bón bằng cách tuyên truyền sự căm ghét của chủ nghĩa Wahhabi. Người Mỹ dường như bằng lòng với việc này, tựa hồ hoạt động khủng bố do người Ả-rập Xêút tổ chức chỉ là phần phụ thu nhỏ trên mỗi thùng dầu. Điều họ không hiểu là chủ nghĩa khủng bố sẽ không bao giờ bị đánh bại nếu không truy tận gốc: Riyadh và nhà al-Saud”.

“Vì vậy chúng ta càng có thêm lí do để chia sẻ tin tình báo liên kết GID và nhà al-Saud với vụ tấn công Vatican”.

“Tôi rất vui khi cậu nghĩ như thế, vì cậu đã được cử đến Washington cho họ biết những thông tin chúng ta thu thập được”.

“Khi nào tôi lên đường?”

“Sáng mai”.

Shamron nhìn đồng hồ và hỏi lần thứ hai về chuyến đi của Gabriel đến Venice.

“Tôi bị gạt đến đó”, Gabriel nói. “Nhưng tôi rất vui vì mình đã đi”.

“Ai gạt cậu?”

Gabriel nói với ông. Nụ cười trên gương mặt Shamron làm anh thắc mắc không biết ông có dính líu vào chuyện này không.

“Cô ấy sẽ đến đây chứ?”

“Chúng tôi mới ở bên nhau một ngày”, Gabriel nói. “Chúng tôi đâu thể có kế hoạch gì được”.

“Tôi không chắc mình tin những điều cậu nói”, Shamron nói một cách thận trọng. “Dĩ nhiên cậu không thể nghĩ đến chuyện quay lại Venice. Cậu đã quên mình có trách nhiệm với Lực lượng Đặc nhiệm sao?”

“Không, tôi không quên”.

“Nhân tiện, cậu sẽ được bổ nhiệm chính thức sau khi trở về từ Washington”.

“Tôi đang đếm từng giờ”.

Shamron nhìn quanh căn hộ. “Cậu có thú nhận với Chiara là cậu đã đưa hết đồ đạc của cô ấy cho người khác chưa?”

“Cô ấy biết tôi đã *thay đổi* một vài chỗ cho phù hợp với phòng vẽ”.

“Cô ấy không vui đâu”, Shamron nói. “Tôi sẽ trả bất cứ giá nào để được nhìn thấy gương mặt của cô ấy khi bước vào đây và nhận ra sự thay đổi của căn phòng”.

Shamron ở lại thêm một tiếng để hỏi Gabriel chi tiết vụ tấn công ở Vatican. Vào lúc 9 giờ 15 phút, Gabriel đưa ông ra xe hơi và đứng ngoài phố một lúc nhìn đèn đuôi xe biến mất sau khúc quanh. Anh quay lên lầu, dọn dẹp nhà bếp rồi vào phòng ngủ. Ngay lúc đó, căn hộ rung chuyển vì một vụ nổ lớn. Giống như mọi người dân Israel, anh rất thạo việc đoán số người thương vong trong các vụ đánh bom tự sát bằng cách đếm tiếng còi xe cấp cứu. Càng nhiều xe cấp cứu, càng nhiều người chết và bị thương. Anh nghe một tiếng xe duy nhất, sau đó tiếng thứ hai, rồi tiếng thứ ba. Không lớn lắm, anh nghĩ. Anh bật truyền hình lên chờ đợi bản tin thông báo đầu tiên, nhưng sau vụ nổ bom 15 phút vẫn không có bản tin nào được phát đi. Bực mình, anh nhắc điện thoại quay số xe hơi Shamron. Không có tín hiệu trả lời.

Daniel Silver

Người đưa tin

PHẦN 2: CON GÁI BÁC SĨ GACHET

Chương 10

Ein Kerem, Jerusalem



uộc đời Gilah Shamron là một chuỗi những ngày cầu nguyện trong căng thẳng. Bà đã chịu đựng từ những nhiệm vụ bí mật, những vùng đất nguy hiểm, chiến tranh và khủng bố cho đến các cuộc khủng hoảng và những cuộc họp Nội các hầu như không bao giờ kết thúc trước nửa đêm. Bà luôn sợ kẻ thù cũ của Shamron đột ngột nhảy ra trả thù. Bà luôn biết một ngày nào đó mình sẽ nhận được tin chồng bị thương nặng, thậm chí là chết vì sự trả thù này.

Gabriel thấy bà ngồi bình tĩnh trong phòng chờ riêng ở khu chăm sóc đặc biệt của trung tâm Y tế Hadassah. Chiếc áo khoác chống bom đặc biệt của Shamron nằm trên lòng bà, và bà đang thần thờ cầm chỗ rách tại ngực phải mà Shamron chưa bao giờ thấy cần phải sửa lại. Gabriel luôn thấy nét của Golda Meir trong ánh nhìn buồn bã và mái tóc xám hoang dại của Gilah. Anh----- không thể nhìn Gilah mà không nhớ lại ngày Golda gắn huy chương vào ngực áo bí mật của anh, nước mắt lưng tròng, và cảm ơn anh đã trả thù cho mười một người Israel bị giết ở Munich.

“Chuyện gì xảy ra vậy, Gabriel? Làm sao chúng tìm được Ari ngay giữa Jerusalem?”

“Có lẽ ông ấy đã bị theo dõi trong một khoảng thời gian khá dài. Khi rời căn hộ của tôi tối hôm đó, ông bảo rằng sẽ quay lại văn phòng Thủ tướng để làm chút việc”. Gabriel ngồi xuống cầm tay Gilah. “Chúng nổ bom tại chỗ đèn giao thông trên phố King George”.

“Đánh bom tự sát à?”

“Chúng tôi nghĩ có hai tên. Chúng ngồi trong xe tải hóa trang thành người Do Thái chính thống. Quả bom rất lớn”.

Bà ngược nhìn chiếc truyền hình treo cao trên tường. “Tôi có thể thấy trong tivi. Thật thần kỳ nếu có ai đó còn sống sót”.

“Một nhân chứng thấy xe Ari tăng tốc trước khi bom nổ. Ất hẳn Ari đã nhìn thấy điều gì đó không ổn. Lớp bọc sắt của xe hơi chịu được áp lực của vụ nổ, nhưng chiếc xe bị hất tung trong không khí. Có vẻ như nó đã lộn hai vòng”.

“Ai làm việc này? Hamas? Hay cảm tử quân Hồi giáo? Hay bọn al-Aqsa?”

“Hội Huynh đệ Allah đã lên tiếng”.

“Có phải chính tổ chức đã tấn công Vatican?”

“Đúng vậy, Gilah”.

“Anh có tin là chúng không?”

“Còn qua sớm để khẳng định bất kỳ điều gì”, Gabriel trả lời. “Bác sỹ nói sao?”

“Ông ấy còn phải chịu phẫu thuật ít nhất ba tiếng nữa. Họ bảo chúng ta sẽ có thể gặp ông ấy khi ông được đẩy ra, nhưng chỉ một hai phút thôi. Họ đã cảnh báo với tôi ông ấy trông tệ lắm”.

Gabriel chăm chú nhìn bà một lúc, sau đó nhìn lên ti vi. “Bà lo ông ấy không qua khỏi, đúng không Gilah?”

“Đúng vậy”.

“Đừng lo”, Gabriel an ủi. “Shamron là người không thể bị hủy diệt. Ông ấy bất tử”.

“Họ nói gì với bà về những vết thương?”. Gabriel hỏi tiếp.

Gilah điềm tỉnh kể lại. Những liệt kê về các bộ phận bị hư hại, chấn thương đầu, và xương gãy khiến Gabriel hiểu rõ Shamron thật sự đang ở trong tình trạng thập tử nhất sinh.

“Ari khá nhất trong ba người”, Gilah nói. “Dường như Rami và tài xế bị thương trầm trọng hơn nhiều. Tội nghiệp Rami. Anh ấy đã bảo vệ cho Ari nhiều năm. Bây giờ lại gặp chuyện này”.

“Yonatan đâu?”

“Nó đang đi công tác ở miền bắc. Nó đang trên đường trở về”.

Con trai duy nhất của Shamron là Đại tá trong Lực lượng Bảo vệ Israel. Ronit, cô con gái búng bình của ông, đã chuyển đến sống ở New Zealand để tránh người cha thích áp đặt. Cô và Shamron không nói chuyện với nhau đã nhiều năm.

“Ronit cũng đang tới”, Gilah nói. “Ai biết được? Có lẽ trong cái xui cũng có cái may. Sự vắng mặt của Ronit khiến ông rất đau khổ. Ông tự trách mình, nhưng ông đáng phải như vậy. Ari rất nghiêm khắc với các con. Nhưng anh biết tính ông ấy mà, phải không Gabriel?”

Gilah nhìn thẳng vào mắt Gabriel một lúc, sau đó đột ngột quay đi. Trong nhiều năm bà nghĩ anh là người ngồi bàn giấy biết nhiều về nghệ thuật và sống nhiều năm ở châu Âu. Giống như những người dân khác, bà chỉ biết bản chất thật sự công việc của anh qua báo chí. Cách xử sự của bà đã thay đổi từ khi anh bị lật mặt nạ. Bà ít nói hơn khi ở gần anh, bà chú ý không làm anh phật ý, và không thể nhìn lâu vào mắt anh. Trước đây Gabriel đã nhìn thấy cách xử sự này ở tất cả mọi người khi bước vào nhà mình. Thần Chết đã để lại dấu vết lên khuôn mặt Gabriel, giống như Birkenau đã làm hỏng khuôn mặt mẹ anh. Gilah không thể nhìn lâu vào mắt Gabriel vì bà sợ những gì mình có thể thấy trong đó.

“Trước vụ này ông ấy cũng không được khỏe. Dĩ nhiên, ông đã giấu nhem, thậm chí Thủ tướng cũng không biết”.

Gabriel không ngạc nhiên. Anh biết Shamron đã âm thầm chống đỡ bệnh tật từ nhiều năm nay. Sức khỏe, giống mọi thứ khác trong cuộc sống của ông, được xem là một điều tuyệt mật.

“Có phải là thận không?”

Gilah lắc đầu. “Căn bệnh ung thư đã quay trở lại”.

“Tôi tưởng là chúng đã được lấy ra hết”.

“Ari cũng nghĩ thế”, bà nói. “Nhưng chưa hết. Phổi ông ấy là một mớ hỗn độn do thuốc lá. Hãy khuyên ông ấy đừng hút thuốc nhiều nữa”.

“Ông ấy không bao giờ chịu nghe lời tôi”.

“Cậu là người duy nhất ông ấy chịu nghe. Ông ấy yêu cậu như con trai, Gabriel. Đôi khi tôi nghĩ ông ấy yêu cậu hơn Yonatan”.

“Đừng nghĩ thế, bà Gilah”.

“Ông ấy có những phút giây hạnh phúc nhất là khi ngồi với cậu trên sân thượng ở Tiberias”.

“Chúng tôi thường tranh cãi”.

“Ông ấy thích tranh cãi với cậu, Gabriel”.

“Tôi cũng thấy thế”.

Trên tivi, các Bộ trưởng Nội các và những người đứng đầu cơ quan an ninh đang đến văn

phòng Thủ tướng họp khẩn cấp. Bình thường Shamron cũng có mặt ở đó cùng họ. Gabriel nhìn Gilah. Bà đang nắm chặt chỗ da bị sần rách của chiếc áo khoác. “Chính Ari phải không?”. Bà hỏi. “Chính Ari là người đã lôi cậu vào cuộc sống này... sau vụ Munich”.

Gabriel nhìn đèn phòng cấp cứu nhấp nháy và lơ đãng gật đầu.

“Cậu ở trong quân đội à?”

“Không, lúc đó tôi đã ra khỏi quân đội. Tôi đang học tại Học viện Mỹ thuật Bezalel. Ari đến gặp tôi sau khi những con tin bị giết chết. Khi đó không ai biết chuyện này, nhưng Golda đã ra lệnh giết tất cả những ai có dính líu”.

“Tại sao ông ấy chọn anh?”

“Tôi nói nhiều thứ tiếng, và khi xem báo cáo về khả năng hoàn thành nhiệm vụ của tôi, ông ấy nhận ra tôi có những đức tính cần thiết cho loại công việc mà ông đang dự tính”.

“Giết người ở khoảng cách gần, mặt đối mặt. Anh đã làm thế, đúng không?”

“Đúng vậy, Gilah”.

“Bao nhiêu?”

“Gilah”.

“Bao nhiêu, Gabriel?”

“Sáu”, anh trả lời. “Tôi giết sáu tên”.

Bà chạm đám tóc muối tiêu ở hai bên thái dương của anh. “Nhưng lúc đó anh mới là một thanh niên”.

“Chuyện này dễ làm hơn khi người ta còn trẻ. Càng lớn làm việc này càng trở nên khó khăn”.

“Nhưng dù sao thì anh cũng hoàn thành nhiệm vụ. Anh là người đi giết Abu Jihad, đúng không? Anh vào nhà hắc ở Tunis và giết chết hắc trước mặt vợ con. Rồi bọn chúng trả thù, chúng không trút lên quốc gia mà trút lên anh. Chúng đặt bom dưới xe anh ở Viên”.

Bà siết chặt vết rách trên áo Shamron. Gabriel nắm tay bà. “Không sao, Gilah. Chuyện đó xảy ra từ lâu rồi”.

“Tôi nhớ lúc điện thoại reo. Ari bảo với tôi bom đã nổ dưới xe hơi một nhân viên ngoại giao ở Viên. Tôi nhớ lúc đó mình vào bếp pha cho ông một tách cà phê. Khi quay trở ra tôi thấy ông đang ngồi khóc. Ông nói. ‘Lỗi của tôi, Gilah. Tôi đã giết vợ con anh ta’. Đó là lần duy nhất tôi thấy ông ấy khóc. Tôi không gặp ông ấy suốt một tuần. Cuối cùng, khi ông về nhà, tôi hỏi chuyện gì đã xảy ra. Dĩ nhiên ông không trả lời. Lúc đó ông đã điềm tĩnh trở lại. Nhưng tôi biết ông đã luôn day dứt về chuyện này bao nhiêu năm qua. Ông tự trách mình vì chuyện xảy ra”.

“Ông ấy chẳng nên tự trách mình làm gì”, Gabriel nói.

“Anh không được phép đau buồn như bao người bình thường khác, đúng không? Chính phủ thông báo với thế giới rằng vợ và con của nhà ngoại giao đều đã chết. Anh chôn con mình ở đỉnh Olive - chỉ anh, Ari, và một vị giáo sỹ - và anh giấu vợ mình ở một nơi nào đó dưới tên giả. Nhưng Khaled đã tìm thấy cô ấy, và dùng cô ấy để nhử anh đến ga Lyon”. Một giọt nước mắt lăn trên gò má Gilah. Gabriel lấy tay lau nó đi, và cảm nhận được làn da nhăn nheo của bà vẫn mềm như nhung. “Tất cả những chuyện này xảy ra vì chồng tôi đã tìm gặp anh một buổi trưa tháng Chín cách đây lâu lắm rồi. Đáng lẽ anh có thể có một cuộc đời khác. Thay vì thế chúng tôi đã biến anh thành một tên sát nhân. Tại sao anh không trở nên cay độc, Gabriel? Tại sao anh không ghét ông ấy như các con của chúng tôi ghét bố chúng nó?”

“Hướng đi của đời tôi đã được vạch sẵn vào ngày người Đức chọn tên hạ sỹ người Áo nhỏ bé làm quốc trưởng cho chúng. Ari chỉ là người đưa đường dẫn lối mà thôi”.

“Câu tin vào định mệnh đến thế sao?”

“Hãy tin tôi, Gilah, có một thời kỳ tôi cũng không thể chịu nổi khi nhìn mặt Ari. Nhưng tôi nhận ra mình giống ông hơn là tôi nghĩ”.

“Có lẽ đó chính là điều ông thấy trong bản báo cáo về khả năng của cậu”.

Gabriel cười mỉm. “Có lẽ đúng vậy”.

Gilah sờ vết rách trên áo Shamron. “Cậu có biết vì sao việc ấy lại xảy ra không?”

“Đó là một trong những bí ẩn lớn nhất của Văn phòng”, Gabriel đáp. “Có đủ loại giả thuyết điên rồ để phỏng đoán nguyên nhân và diễn biến, nhưng ông ấy không chịu nói sự thật”.

“Đó là đêm xảy ra vụ đánh bom ở Viên. Ari vội vàng đến đại lộ King Saul. Khi trèo lên xe, chiếc áo khoác bị mắc lại ở cửa, thế là ông kéo rách”. Bà đưa ngón tay mân mê chỗ rách. “Tôi nhiều lần muốn vá, nhưng ông ấy không chịu để tôi làm. *Cứ để thế để tưởng nhớ Leah và Dani*, ông nói. Ông ấy đã mặc chiếc áo rách nhiều năm nay vì những gì xảy ra với vợ con anh”.

Điện thoại reo. Gabriel nhắc ống nghe áp vào tai và lắng nghe một lúc trong yên lặng. “Tôi sẽ có mặt ngay, thưa ngài”, anh nói rồi cúp máy và quay sang Gilah.

“Điện thoại của Thủ tướng. Ông ấy muốn gặp tôi ngay lập tức. Tôi sẽ quay trở lại sau buổi họp”.

“Đừng lo, Gabriel. Yonatan sẽ đến đây ngay”.

“Tôi sẽ quay trở lại, Gilah”.

Giọng anh cương quyết. Anh hôn má bà, cảm thấy mình có lỗi, rồi đứng dậy bước đi. Gilah nắm tay Gabriel khi anh đi về phía cửa. “Mang theo cái này”, bà nói. “Ông ấy sẽ muốn anh giữ nó”.

“Đừng nói như thể Ari sẽ không qua khỏi”.

“Mặc áo vào và đi đi”. Bà mỉm cười cay đắng. “*Anh không được để Thủ tướng chờ*”.

Gabriel bước ra hành lang và đi vội đến thang máy. Anh không được để Thủ tướng chờ. Đó là những lời Gilah luôn nói với Shamron mỗi khi ông rời xa bà đi làm nhiệm vụ.

Xe hơi và đội cận vệ đang chờ anh ở bên ngoài. Họ chỉ mất năm phút để tới văn phòng Thủ tướng ở số 3 đường Kaplan. Những người cận vệ đưa Gabriel vào tòa nhà qua lối ngầm và dắt anh lên cầu thang vào một văn phòng lớn đơn giản đến bất ngờ trên lầu cao nhất. Căn phòng tranh tối tranh sáng. Thủ tướng đang ngồi tại bàn làm việc trong một chùm ánh sáng chiếu vào. Trông ông nhỏ bé hẳn đi trong tương quan với bức vẽ chân dung cao lớn của nhà lãnh đạo Do Thái Theodore Herzl đang treo trên tường. Đã hơn một năm Gabriel mới được diện kiến ông. Trong khoảng thời gian này, tóc ông đã chuyển từ màu bạc sang trắng, và đôi mắt màu nâu đã có ánh nhìn mệt mỏi của người già. Cuộc họp với Bộ An ninh vừa kết thúc, và Thủ tướng đang ở một mình cùng Amos Sharret, tân Giám đốc của Văn phòng. Ông ta đang nhấp nha nhấp nhồm đầy căng thẳng trong chiếc ghế bằng đồng, Gabriel bắt tay ông lần đầu tiên. “Rất hân hạnh, cuối cùng cũng được gặp anh”, Amos nói. “Tôi ước rằng chúng ta gặp nhau trong hoàn cảnh khác”.

Gabriel ngồi xuống.

“Cậu đang mặc áo của Shamron”, Thủ tướng nhận xét.

“Gilah muốn tôi mặc chiếc áo này”.

“Chiếc áo hợp với cậu đấy”. Ông mỉm cười xa vắng. “Cậu biết không, cậu đang bắt đầu trở nên giống ông ấy”.

“Đây có phải là lời khen không?”

“Ông ấy rất đẹp trai khi còn trẻ”.

“Ông ấy chưa bao giờ trẻ, thưa Thủ tướng”.

“Chúng ta cũng vậy thôi, chúng ta già trước tuổi, và hi sinh tuổi thanh xuân để xây dựng đất nước này. Shamron chưa có lấy một ngày nghỉ phép kể từ năm 1947. Chẳng lẽ mọi chuyện lại kết thúc như thế này sao?” Thủ tướng lắc đầu. “Không, ông ấy sẽ sống. Tin tôi đi, Gabriel, tôi biết ông ấy còn lâu hơn cậu”.

“Shamron là người bất tử. Gilah nói thế”.

“Có lẽ không phải là bất tử, nhưng ông ấy sẽ không thể bị một nhóm khủng bố cướp đi mạng sống”.

Thủ tướng cau mày nhìn đồng hồ.

“Thủ tướng có chuyện muốn bàn với tôi?”

“Về việc bổ nhiệm cậu làm đội trưởng Lực lượng Đặc nhiệm”.

“Tôi đã đồng ý nhận nhiệm vụ này, thưa Thủ tướng”.

“Tôi biết, nhưng có lẽ bây giờ không phải là thời điểm thích hợp để cậu nhậm chức”.

“Tôi có thể hỏi lí do tại sao không?”

“Bởi vì cậu cần tập trung sức lực lần theo dấu vết và trừng phạt những kẻ đã làm điều này với Shamron”.

Thủ tướng đột ngột im lặng, tựa như muốn cho Gabriel cơ hội thoái thác. Gabriel ngồi im, mắt nhìn xuống đôi bàn tay của mình.

“Cậu làm tôi ngạc nhiên”, Thủ tướng lên tiếng.

“Về việc gì?”

“Tôi cứ sợ cậu sẽ bảo tôi tìm một người khác”.

“Không ai được phép từ chối Thủ tướng”.

“Nhưng chắc chắn không chỉ vì lý do này”.

“Tôi có mặt ở Rome khi bọn khủng bố tấn công Vatican, và tôi cũng tiễn Shamron ra xe tối nay. Tôi nghe tiếng bom nổ”. Anh ngừng lại. “Mạng lưới này cần phải bị tiêu diệt, cho dù chúng là ai hay mục đích của chúng là gì - và phải tiêu diệt càng nhanh càng tốt”.

“Cậu nói như thế muốn trả thù”.

Gabriel nhìn lên. “Tôi muốn làm điều đó, thưa Thủ tướng. Có lẽ trong hoàn cảnh như thế này, tôi không phải là người thích hợp cho công việc”.

“Thực ra trong hoàn cảnh này, anh là người hoàn toàn *thích hợp*”.

Chính Amos là người thốt lên câu ấy. Lần đầu tiên, Gabriel quay lại nhìn kỹ ông. Người ông nhỏ nhưng khỏe khoắn, người như hình vuông. Tóc ông màu đen với đường viền như giáo sỹ, đôi lông mày ông rậm rạp. Ông vẫn là tướng trong IDF¹ nhưng bây giờ ông không mặc quân phục mà mặc bộ đồ vest màu xám nhạt. Sự thẳng thắn của ông đã đem lại những thay đổi mới cho văn phòng. Lev giống que chọc của nhà sỹ, lúc nào cũng tìm ra yếu điểm và những chỗ hư thối. Amos giống búa đóng đinh hơn. Gabriel sẽ phải rất cẩn thận khi làm việc cùng ông, phòng ngừa trường hợp búa rơi lên đầu mình.

“Chỉ cần cẩn thận không để sự giận dữ làm mờ đi sự sáng suốt của mình”, Amos nói thêm.

“Chưa bao giờ có chuyện ấy”, Gabriel trả lời, ánh mắt anh đáp trả cái nhìn cú vọ của Amos.

Amos cười nhạt, tựa như muốn nói. *Sẽ không có vụ nổ bom ở ga Lyon nếu trong ca trực của tôi, chắc chắn là như thế*. Thủ tướng tì lên hai khuỷu tay và ngả người tới trước.

“Cậu có nghĩ người Ả-rập Xêút đứng sau vụ này?”

“Chúng ta có bằng chứng cho thấy mối liên hệ của Ả-rập Xêút với hội Huynh đệ Allah”. Gabriel thận trọng nói, “nhưng chúng ta cần thêm thông tin mới có thể bắt đầu tìm kiếm một nhân vật cụ thể”.

“Ví dụ như Ahmed bin Shafiq”.

“Vâng, thưa Thủ tướng”.

“Nếu đúng là hắn thì sao?”

“Theo ý kiến của tôi, chúng ta đang đối mặt với một tổ chức, không phải là đang đối mặt với một phong trào. Đó là một tổ chức được chi trả bằng tiền của Ả-rập Xêút. Nếu chúng ta tiêu diệt tên thủ lĩnh, tổ chức này sẽ chết. Nhưng việc này không dễ, thưa Thủ tướng. Chúng ta biết rất ít về hắn, thậm chí còn không biết hình dáng hắn như thế nào. Việc này cũng sẽ rắc rối về mặt chính trị, vì có liên quan đến người Mỹ”.

“Chẳng có gì phức tạp. Ahmed bin Shafiq cố giết cố vấn thân cận nhất của ta. Vì thế hắn phải chết”.

“Nếu hắn hành động theo mệnh lệnh của Hoàng tử Nabil hay của một ai đó trong hoàng tộc - gia đình có mối quan hệ về kinh tế và lịch sử chặt chẽ với đồng minh quan trọng nhất của Israel?”

“Chúng ta sẽ sớm biết việc này”.

Thủ tướng nhìn sang Amos.

“Adrian Carter bên CIA muốn nói chuyện với cậu”, Amos thông báo.

“Ngày mai tôi sẽ đi Washington để tóm tắt cho anh ta những gì chúng ta biết về vụ tấn công Vatican”.

“Carter đã yêu cầu đổi địa điểm gặp mặt”.

“Ông ta muốn gặp ở đâu?”

“Luân Đôn”.

“Tại sao lại là Luân Đôn?”

“Do Carter đề nghị”, Amos trả lời. “Ông ta muốn gặp tại một địa điểm trung lập tiện lợi cho cả hai bên”.

“Căn nhà an toàn của CIA ở Luân Đôn trở thành đất trung lập từ khi nào vậy?”. Gabriel nhìn Thủ tướng, sau đó nhìn Amos. “Tôi không muốn rời Jerusalem - cho đến khi biết chắc liệu Shamron có qua khỏi không”.

“Carter bảo việc này khẩn cấp”, Amos nói. “Ông ta muốn gặp cậu tối mai”.

“Vậy thì cử người khác đi gặp ông ta”.

“Chúng tôi không thể”, Thủ tướng nói. “Cậu là người duy nhất được mời”.

Chú thích

1. Lực lượng phòng thủ Israel.

Chương 11

Luân Đôn



Ông già thế nào rồi?”. Adrian Carter hỏi. Họ đang sóng vai bước trong khu Eatoo, cùng tránh cơn mưa rào ban đêm dưới cái ô của Carter. Họ gặp nhau năm phút trước, như thể tình cờ, ở quảng trường Belgrave. Carter mặc áo mưa bằng vải cao su và cầm tờ báo *The Independent*. Ông luôn chọn cách đó khi có những cuộc gặp trong nghề như thế này. Theo như chuyện cười trong Văn phòng, Adrian Carter còn lấy viên phấn đánh dấu lên thành giường khi muốn làm tình với vợ.

“Vẫn bất tỉnh”, Gabriel đáp, “nhưng ông vượt qua được đêm vừa rồi, và không còn mất máu nữa”.

“Ông ấy có nhiều khả năng sống không?”

“Đêm qua tôi sẽ nói là không”.

“Còn bây giờ?”

“Tôi lo không biết ông ấy sẽ còn lại được gì. Nếu não bị tổn thương, hay ông bị liệt ở một bộ phận nào đó...”. Giọng Gabriel nhỏ dần. “Shamron chỉ có duy nhất một thú vui trong cuộc sống, đó là công việc. Nếu không được làm việc, ông ấy sẽ đau khổ - những người xung quanh ông cũng sẽ như vậy”.

“Thế còn tin gì khác không?”. Carter liếc nhìn lối vào căn nhà kiểu Georgian tại số 24. “Căn hộ ở trong đó. Chúng ta hãy đi vòng dây 1. Tôi thích thực hiện nghiệp vụ theo đúng quy tắc”.

“Anh không nghe tin gì sao, Adrian? Liên bang Xô Viết đã sụp đổ vài năm rồi. KGB¹ không còn hoạt động. Bây giờ các anh và người Nga là bạn”.

“Cẩn thận bao nhiêu cũng không đủ đâu Gabriel”.

“Chẳng lẽ các nhân viên an ninh không đi trước để kiểm tra sao?”

“Không có nhân viên nào cả, Gabriel”.

“Đó có phải căn hộ an toàn của tổ chức không?”

“Cũng không hẳn”, Carter đáp. “Căn hộ này là của một người bạn”.

“Bạn của tổ chức à?”

“Thực ra là bạn của Tổng thống”.

Carter kéo nhẹ tay áo khoác của Gabriel và dẫn anh đi trên con đường tối như mực. Họ dạo một vòng quanh quảng trường Eaton yên ắng ngoại trừ tiếng xe cộ trên đường King vọng lại. Carter đi chậm chạp, y như thể đang đến một cuộc họp ngoài ý muốn. Gabriel thì đánh vật với mỗi bản khoản: Tại sao Phó giám đốc Cục Tình báo Hoa Kỳ lại muốn trao đổi ở một nơi chính phủ ông ta không nghe được cuộc nói chuyện?

Họ quay lại khu Eaton. Lần này Carter đưa Gabriel xuống những bậc thang dẫn đến lối vào một tầng hầm. Khi Carter tra chìa vào ổ khóa, Gabriel nhẹ nhàng nhấc nắp thùng rác lên và thấy bên trong không có gì. Carter mở cửa dẫn anh vào căn bếp mà các quảng cáo bất động sản sẽ sẵn

sàng mô tả là “đúng một”. Quầy bếp lát đá granite, được chiếu sáng nhờ đèn halogen giấu dưới dãy tủ. Sàn nhà lát bằng đá vôi Jerusalem. Đây là loại đá được những người Anh và người Mỹ sành điệu ưa thích vì có gắn kết với cội rễ Địa Trung Hải của mình. Carter bước về phía bếp đun bằng thép không gỉ, đổ nước vào ấm điện. Ông ta không hỏi Gabriel có muốn uống chút gì có cồn hay không. Ông biết Gabriel chỉ thỉnh thoảng làm vài ly rượu vang và không bao giờ uống rượu trong lúc làm việc ngoại trừ lí do phải nguy trang.

“Ngôi nhà này có hai tầng”, Carter nói. “Phòng khách ở trên lầu. Cậu lên đó cho thoải mái”.

“Ông cho phép tôi nhìn quanh nhà à, Adrian?”

Carter đang đóng mở cánh cửa tủ bếp với vẻ mặt bối rối như muốn tìm thứ gì đó. Gabriel bước đến bên chạn thức ăn, tìm hộp trà Earl Grey rồi quăng cho Carter trước khi lên lầu. Phòng khách rất thích hợp để làm trạm tạm dừng, nó được trang bị đầy đủ nhưng không tiết lộ nhiều về chủ nhân. Gabriel không tìm thấy bóng dáng của tình yêu, sự xích mích hay nỗi buồn ở đây. Anh cầm khung ảnh từ chiếc bàn con lên ngắm, và thấy một người Mỹ thành đạt, ăn vận giản dị chụp cùng ba đứa con mũm mĩm và bà vợ phẫu thuật thẩm mỹ quá nhiều. Ngoài ra còn có hai bức hình chụp ông ta đứng cứng đờ bên cạnh Tổng thống. Cả hai tấm đều có ký tên và ghi dòng chữ: *Tặng Bill với lòng biết ơn*.

Một lát sau Carter lên lầu, tay bưng khay trà. Ông ta có mái tóc mỏng xoăn, và để kiểu ria mép đặc trưng của các giáo sư đại học Mỹ. Nếu chỉ căn cứ vào cung cách của Carter, người ta khó mà đoán được rằng ông ta là một trong những người quyền lực nhất tổ chức tình báo rộng khắp của Washington, và rằng trước khi lên được vị trí trên lầu bảy của Langley, ông ta đã từng là một điệp viên cực kỳ danh tiếng. Khuynh hướng thích nghe hơn thích nói khiến hầu hết mọi người nghĩ rằng ông ta là một bác sỹ tâm lý. Khi nghĩ về Carter, người ta dễ liên tưởng ông với một người phạm tội lãng nhãng, có những việc làm không đàng hoàng, hay một nhân vật trong tiểu thuyết của Dicken đang ngồi gù lưng nghiên cứu những quyển sách dày cộp toàn tiếng Latinh. Người ta có khuynh hướng đánh giá thấp Carter. Đây là một trong những vũ khí lợi hại nhất của ông ta.

“Ai đứng đằng sau chuyện này, Adrian?”. Gabriel hỏi.

“Cậu nói tôi nghe, Gabriel”. Carter đặt khay trà lên giữa bàn và cởi áo mưa tựa như một mỗi vì đi lại quá nhiều. “Đó là hàng xóm của các cậu”.

“Hàng xóm của chúng tôi nhưng có điều gì mách bảo tôi rằng đây lại là vấn đề của các ông. Nếu không ông chẳng có mặt ở Luân Đôn làm gì”. Gabriel nhìn quanh “trong một căn hộ đi mượn, không có microphone và không được trạm Luân Đôn yểm trợ”.

“Cậu không bỏ sót điều gì, đúng không? Làm tôi vui đi, Gabriel. Nói tôi nghe tên của hắn ta”.

“Hắn là nhân viên cũ của GID, tên là Ahmed bin Shafiq”.

“Hoan hô, Gabriel. Xuất sắc”. Carter quăng áo khoác lên lưng ghế. “Thật sự rất ấn tượng”.

Carter mở nắp ấm trà, ngửi mùi thơm, rồi quyết định cần phải để thêm một lát nữa cho trà ngấm.

“Làm sao phía cậu biết được điều này?”

“Chúng tôi không *biết*”, Gabriel trả lời. “Đây là một suy đoán có căn cứ, dựa trên một vài bằng chứng”.

“Bằng chứng gì?”

Gabriel kể cho Carter tất cả những gì anh biết. Phi vụ bám đuôi Giáo sư Massoudi không thành. Những tấm ảnh theo dõi và thông tin tài khoản ngân hàng tìm thấy trên máy tính của ông ta.

Mối liên hệ giữa Ibrahim el-Banna và điệp viên người Ả-rập Xêút tự xưng là Khalil. Báo cáo về một người Ả-rập Xêút cùng tên đi tuyển nhân sự tại các lều tị nạn ở Nam Libăng. Anh kể lại tất cả mọi thứ trong khi Carter bận rộn với ấm trà. Ông ta rót chén đầu tiên đưa Gabriel. Chén của ông ta cần nhiều thứ phức tạp hơn: phải tính toán cẩn thận lượng sữa và trà, cuối cùng bỏ vào một viên đường. Các điều tra viên gọi đây là *hành động thay thế*. Carter ưá hút tẩu. Gabriel lo rằng lát nữa ông ta sẽ lại hút thuốc.

“Còn bên anh thì sao?”. Gabriel hỏi. “Các anh biết đó là bin Shafiq tự khi nào?”

Carter dùng kẹp gấp cục đường thứ hai, nhưng đấu tranh một thoáng xem có nên bỏ vào tách trà hay không. Cuối cùng ông ta thả cục đường lại, nó lăn long lóc xuống bát. “Có lẽ tôi đã biết từ ngày chúng tôi yêu cầu nhà vua đóng cửa nhóm 205”, ông ta đáp. “Hay có lẽ từ ngày bin Shafiq dường như biến mất khỏi mặt đất. Cậu thấy đấy, Gabriel, nếu tôi có học được gì trong ngành này, thì đó chính là bất cứ hành động nào của chúng ta cũng sẽ có một phản ứng tiêu cực chống lại. Chúng tôi đã đuổi con gấu Nga ra khỏi Afghanistan nhưng trong lúc đó lại tạo ra một con rắn nhiều đầu. Chúng tôi đã đập tan trụ sở chính của bọn al-Qaeda, để giờ đây những văn phòng chi nhánh lại tự hoạt động. Chúng tôi đã đóng cửa phòng của bin Shafiq ở GID, thế là hắn rút vào hoạt động bí mật”.

“Tại sao?”

“Ý cậu muốn hỏi chuyện gì đã dồn hắn sang chiến tuyến bên kia?”. Carter nhún vai khuấy trà một cách buồn bã. “Chẳng cần phải nghĩ nhiều mới có câu trả lời. Ahmed bin Shafiq là người thật sự tin vào Wahhabi”.

“Cháu trai của chiến binh Ikhwan”, Gabriel tiếp lời, và nhận được cái gật đầu đầy ngưỡng mộ của Carter.

“Người ta có thể tranh cãi tại sao người Ả-rập Xêút lại tài trợ khủng bố”, Carter nói. “Người ta có thể tranh cãi liệu họ có thực sự ủng hộ những mục tiêu của bọn sát nhân mà họ có trang bị vũ khí và cung cấp tài chính hay không, hoặc là liệu có phải họ đang thực hiện chính sách khôn khéo nhưng yếm thế để kiểm soát môi trường xung quanh mình, qua đó đảm bảo sự tồn tại của họ hay không? Người ta có thể chưa có một cuộc tranh cãi như vậy về người mà *GID chọn để thực hiện chính sách đó*. Ahmed bin Shafiq có đức tin. Hắn ghét nước Mỹ, phương Tây, và ghét con chiên của đạo Thiên Chúa. Hắn sẽ hạnh phúc nếu đất nước các anh không tồn tại. Đó chính là lí do tại sao chúng tôi yêu cầu nhà vua đóng cửa văn phòng khủng bố của hắn”.

“Vì thế khi bên ông yêu cầu nhà vua đóng cửa nhóm 205, bin Shafiq giận dữ? Hắn quyết định sử dụng tất cả những mối liên hệ đã tạo dựng trong bao nhiêu năm qua để tự mình tạo nên làn sóng khủng bố? Chắc chắn còn lí do nào hơn thế nữa, Adrian ạ”.

“Tôi e là chúng tôi đã đẩy hắn vào con đường này”, Carter nói. “Chúng tôi đã tấn công Irắc ngược lại với mong muốn của Vương quốc và người dân. Chúng tôi đã bắt các thành viên al-Qaeda, nhốt chúng vào trong tù nơi chúng đáng phải ở. Chuyện này làm thế giới Hồi giáo bất mãn, và châm thêm dầu vào lửa của cuộc thánh chiến. Các anh cũng góp tay vào việc này. Người Ả-rập Xêút coi Hàng rào ngăn cách là đường biên giới cuối cùng của một phía. Họ không hài lòng về chuyện này”.

“Chuyện này có thể làm ông bị sốc, Adrian, nhưng chúng tôi không quan tâm người Ả-rập Xêút nghĩ gì về hàng rào biên giới. Nếu bọn họ không đổ hàng triệu đô la vào kho bạc của Hamas và cuộc Thánh chiến Hồi giáo, chúng tôi không cần xây hàng rào”.

“Quay trở lại điểm ban đầu của tôi”, Carter ngừng lại để uống một ngụm trà. “Thế giới Hồi giáo

đang sục sôi vì giận dữ, và Ahmed bin Shafiq, vốn tin vào Wahhabi, đã bước ra phía trước lãnh sứ mệnh giương ngọn cờ thánh chiến chống lại những kẻ không theo đạo. Hắn đã tận dụng những mối liên lạc từ hồi còn làm thủ lĩnh nhóm 205 để xây dựng một hệ thống mới. Hắn đang thực hiện điều mà Bin Laden không thể làm, đó là lập kế hoạch và tiến hành những cuộc tấn công khủng bố ngoạn mục trên diện rộng vào những nơi như Vatican. Mạng lưới của hắn nhỏ nhưng cực kỳ chuyên nghiệp, và hắn đã chứng minh điều đó một cách thuyết phục, và đầy chết chóc”.

“Mạng lưới được mua và chi trả bằng tiền của Ả-rập Xêút”.

“Đúng vậy”, Carter khẳng định.

“Việc này đạt tới cấp nào, Adrian?”

“Rất cao”, Carter đáp. “Gần cấp cao nhất”.

“Hắn đang hoạt động ở đâu? Ai đang trả tiền cho các hóa đơn? Tiền từ đâu mà ra?”

“Công ty Cổ phần AAB của Riyadh, Geneva, và những nơi trung gian”, Carter trả lời lập lờ.

“Ahmed bin Shafiq là một trong những vụ đầu tư thành công nhất của AAB. Tôi rót trà thêm cho cậu nhé?”

Cuộc hội đàm lại gián đoạn, lần này là do Carter tìm cách bật hệ thống sưởi bằng ga. Ông ta đứng trước lò sưởi một lúc, sau đó liếc về phía Gabriel nhờ giúp đỡ. Gabriel tìm thấy chìa khóa trên mặt lò sưởi, anh sử dụng chìa khóa để mở ga, sau đó dùng diêm đốt lò.

“Cậu cho bọn chúng bao nhiêu năm, Gabriel? Còn bao lâu nữa Hoàng tộc Ả-rập Xêút mới sụp đổ và nước Cộng hòa Ả-rập Hồi giáo được thành lập? Năm năm? Mười năm? Hay hai mươi năm? Chúng tôi không bao giờ giỏi dự đoán những việc như thế này. Chúng tôi đã nghĩ đế chế Xô Viết sẽ tồn tại mãi mãi”.

“Còn chúng tôi thì nghĩ Hamas không bao giờ thắng trong cuộc bầu cử”.

Carter tắc lưỡi buồn bã. “Những bộ óc xuất sắc nhất của chúng tôi dự đoán lâu nhất là trong vòng bảy năm nữa. Nhà vua chuẩn bị dùng bảy năm này chơi trò chơi theo luật lệ cũ: cung cấp dầu giá rẻ và tình bằng hữu giả tạo với chúng tôi, trong khi đó ông ta khua môi múa mép với các lực lượng Hồi giáo và hối lộ để bọn chúng không tấn công ông ta. Khi mọi chuyện kết thúc, ông ta sẽ chạy sang dải cung điện dọc theo Riviera sống những ngày còn lại trong sự xa hoa vượt sức tưởng tượng, hi vọng là lúc đó đầu ông ta vẫn còn nằm trên cổ”.

Carter đưa lòng bàn tay về phía ngọn lửa. “Lửa không nóng”, ông ta nói.

“Bếp lò được làm từ gốm. Ông đợi một chút nó mới nóng lên”.

Carter lộ vẻ không tin. Gabriel đến bên cửa sổ nhìn xuống đường đúng lúc một chiếc xe hơi chậm chậm chạy qua rồi biến mất ở khúc quanh gần đó. Carter không nhìn ngọn lửa nữa và quay về chỗ ngồi.

“Có nhiều người trong Hoàng tộc sẵn sàng chơi trò chơi theo quy tắc khác. Chúng tôi gọi họ là Những người có xác tín. Họ nghĩ rằng cách duy nhất dòng họ al-Saud có thể tồn tại là kí kết lại bản thỏa ước đã kí với Muhammad Abdul Wahhad cách đây hai thế kỷ ở Najd. Nhưng bản hợp đồng này phải xem xét đến những thực tế mới. Con quái vật dòng họ al-Saud tạo ra hai thế kỷ trước bây giờ đang nắm quân bài, và Những người có xác tín sẵn sàng cho con quái vật điều nó muốn, đó là máu người không theo đạo. Thánh chiến sẽ chẳng bao giờ kết thúc. Một vài người có xác tín muốn đi xa hơn. Trục xuất tất cả những người không theo đạo ra bán đảo. Đình chỉ bán dầu cho nước Mỹ hay bất cứ những nước nào buôn bán với nước các anh. Họ nghĩ rằng không được tiếp tục xem dầu như nguồn tiền vô tận chảy từ các giếng dầu ở Ras Tanura vào

các tài khoản ngân hàng của dòng họ al-Saud. Họ muốn sử dụng chúng như là vũ khí - vũ khí có thể làm què quặt nền kinh tế Hoa Kỳ và khiến các Wahhabi trở thành chủ của hành tinh, như Allah đã muốn khi đặt dầu dưới cát vùng al-Hassa. Một vài kẻ trong hội Những người có xác tín này, như chủ tịch và CEO của Riyadh, Geneva, và trung gian, thực sự muốn tự tay chích huyết của những kẻ ngoại đạo”.

“Ý ông muốn nói đến Abdul Aziz al-Bakari?”

“Đúng vậy”, Carter xác nhận. “Cậu có biết nhiều về ông ta không?”

“Theo lần công bố gần đây nhất, ông ta là người giàu thứ 15 thế giới, có tài sản cá nhân vào khoảng 10 tỷ đô la”.

“Sai số khoảng một hai tỷ”.

“Ông ta là Chủ tịch, là hoàng đế của Tập đoàn AAB - A là viết tắt của Abdul, A của Aziz, và B của al-Bakari. AAB sở hữu ngân hàng và các công ty đầu tư. AAB làm vận chuyển và thép. AAB đang chặt rừng Amazon, khai thác mỏ ở dãy Andes ở Peru và Bolivia. AAB có công ty hóa chất ở Bỉ, công ty dược ở Hà Lan. Bộ phận phát triển địa ốc của AAB là một trong những công ty lớn nhất thế giới. Abdul Aziz al-Bakari sở hữu nhiều khách sạn hơn bất cứ ai trên đời”.

Carter nói tiếp khi Gabriel ngừng lại. “Ông ta có cung điện ở Riyadh nhưng rất hiếm khi ghé qua, hai bà vợ trước đang sống ở đó nhưng ông ta không bao giờ thăm hỏi. Ông ta có một dinh thự ở Ile de la Cité, ở Paris, một khu đất ở vùng quê nước Anh, căn nhà phố ở Mayfair, các villa nhìn ra biển ở Saint-Tropez, Marbella, và Maui, biệt thự nhỏ tại các khu trượt tuyết ở Zermatt và Aspen, và một căn hộ trên đại lộ Park gần đây được đánh giá khoảng 40 triệu đô la, một toà nhà nhìn ra sông Potomac tôi đi qua mỗi ngày trên đường đi làm”.

Carter dường như thấy dinh thự nhìn ra sông Potomac là tội lớn nhất trong số các tội ác của al-Bakari. Cha của Carter là một mục sư Tân giáo đến từ New Hampshire, và dưới lớp vỏ bề ngoài điềm tĩnh của ông ta là trái tim rạo rực của một người theo Thanh giáo.

“Al-Bakari và phụ tá của ông ta đi vòng quanh thế giới trên chiếc 747 dát vàng”, ông ta nói tiếp.

“Hai lần một năm, một lần vào tháng hai và một lần vào tháng tám, ban điều hành AAB đi nghỉ ở biển. Al-Bakari và đội phụ tá của hắn nghỉ ngơi trên chiếc *Alexandra*, chiếc du thuyền dài ba trăm bộ. Tôi có quên điều gì không nhỉ?”

“Bạn bè gọi ông ta là Zizi”, Gabriel trả lời. “Ông ta có một trong những bộ sưu tập tranh cá nhân theo trường phái ấn tượng Pháp lớn nhất thế giới. Từ nhiều năm nay, chúng tôi đã thông báo với các ông rằng hắn chuyên tài trợ cho hoạt động khủng bố, đặc biệt là chống lại chúng tôi”.

“Tôi không biết việc này”.

“Biết việc gì?”

“Zizi là nhà sưu tập tranh”.

“Thật ra hắn là một nhà sưu tập đầy đam mê”.

“Cậu bao giờ có hân hạnh gặp ông ta chưa?”

“Tôi e là Zizi và tôi ở hai thế giới khác nhau trong ngành này”. Gabriel nhú mày. “Mối liên hệ giữa Zizi al-Bakari và Ahmed bin Shafiq là gì?”

“Al-Bakari là một người rất thú vị. Cậu có biết rằng cha của hắn là chủ nhà băng riêng của Ibn Saud không? Chắc cậu cũng đoán ra, cha của al-Bakari làm ăn phát đạt - đủ để cho cậu con trai 10 triệu đô la để lập công ty riêng. Số tiền này không thấm thía gì so với số tiền vốn ông ta nhận được từ dòng họ al-Saud khi mọi việc bắt đầu khấm khá. Theo tin đồn là 100 triệu đô la. AAB vẫn là nơi đổ tiền ưa thích của Hoàng tộc Ảrập Xêút. Đây cũng là lí do tại sao Zizi muốn

đảm bảo sự tồn tại của Hoàng tộc al-Saud”.

Gabriel hơi khó chịu khi Carter với tay lấy tẩu thuốc.

“Ông ta là một trong những người giàu nhất”, Carter nói. “Và cũng là một trong những nhà từ thiện lớn nhất thế giới. Ông ta xây dựng nhà thờ và trung tâm Hồi giáo trên khắp châu Âu. Ông ta tài trợ cho những dự án phát triển ở châu thổ sông Nile và cứu tế nạn đói ở Su-đăng. Ông ta đã cung cấp hàng triệu đô cho dân tị nạn Palestine, và thêm hàng triệu cho những dự án phát triển ở Bờ Tây và dải Gaza”.

“Còn thêm hơn 30 triệu đô cho chương trình truyền hình từ thiện ở Ả-rập Xêút nhằm quyên tiền cho những kẻ đánh bom liều chết”, Gabriel nói thêm. “Zizi là nhà tài trợ cá nhân lớn nhất. Bây giờ, hãy trả lời câu hỏi của tôi, Adrian”.

“Câu hỏi nào?”

“Mối liên hệ giữa Zizi và bin Shafiq là gì?”

“Cậu vốn giỏi liên kết các hiện tượng lại với nhau mà, Gabriel. Cậu hãy nói tôi *nghe*”.

“Rõ ràng là Zizi tài trợ cho các hoạt động của hệ thống của bin Shafiq”.

“Hiển nhiên”, Carter đồng ý.

“Nhưng bin Shafiq là người Ả-rập Xêút. Hẳn ta có thể lấy tiền ở bất cứ người nào. Zizi có điều quý hơn tiền. Zizi có cơ sở hạ tầng toàn cầu nhờ vào đó bin Shafiq có thể vận chuyển nhân công và vật liệu. Zizi còn có nơi trú ẩn tuyệt vời cho một người như bin Shafiq lẫn trốn”.

“Tập đoàn AAB ở Riyadh, Geneva và trung gian”.

Sự yên lặng bao trùm lên họ như một bức màn khi Carter uể oải chuẩn bị tẩu thuốc. Gabriel vẫn đứng tại cửa sổ nhìn xuống đường. Anh muốn đứng ở đó, vì tẩu thuốc của Carter sau khi châm lửa sẽ có hỗn hợp mùi của cỏ khô đang cháy và chó bị ướt. Tuy nhiên anh biết rằng cuộc nói chuyện giữa họ đã bắt đầu đi vào những nội dung không thể tiết lộ bên một cửa sổ thiếu an toàn như thế này. Ngần ngừ một lúc, anh ngồi xuống chiếc ghế đối diện Carter. Họ nhìn nhau trong yên lặng, Carter trầm ngâm rút thuốc, còn Gabriel mệt mỏi xoa khoé thuốc khoé mắt.

“Ông chắc chắn tới mức nào?”

“Rất chắc”.

“Làm sao ông biết?”

“Nhờ nguồn tin và phương pháp”, Carter nói lại một cách máy móc. “Nguồn tin và phương pháp”.

“Làm sao ông *biết*, Adrian?”

“Bởi vì chúng tôi nghe lén ông ta”, Carter nói. “Cơ quan An ninh Quốc gia là nơi tuyệt vời.

Chúng tôi cũng có nội gián trong Hoàng tộc và GID sẵn sàng tiết lộ thông tin. Ahmed bin Shafiq sống chủ yếu ở phương Tây dưới nhân dạng giả. Hẳn ta đang được giấu ở đâu đó trong đế chế đồ sộ của Zizi, và bọn họ gặp nhau khá thường xuyên. Chúng tôi chắc chắn về điều này”.

Có bộ hồ sơ đặt trên bàn trung tâm, kế bên khay trà của Carter. Carter lấy bức hình duy nhất kẹp trong đó trao cho Gabriel. Bức hình chụp một người đàn ông mặc áo khoác dài bằng len và đội mũ nỉ đang đứng ngoài cánh cửa sắt. Khuôn mặt chụp từ góc trái nên nét mặt khá mờ.

Theo độ nén của bức ảnh, có thể thấy nó được chụp từ xa.

“Đây là hắc ta à?”

“Chúng tôi nghĩ vậy”, Carter đáp.

“Bức ảnh được chụp khi nào?”

“Bên ngoài căn nhà của Zizi ở Ile de la Cité, Paris. Người chụp ảnh ở bên kia sông Seine, trong

Quai de l'Hôtel de Ville. Đó chính là lí do tại sao bức ảnh không được rõ nét”.

“Cách đây bao lâu?”

“Sáu tháng”.

Carter từ từ đứng dậy đi về phía lò sưởi. Ông sắp trút tàn thuốc trong ống vào lò sưởi thì Gabriel nhắc nhở rằng lò sưởi được làm bằng gốm. Carter ngồi trở lại và đổ tàn thuốc vào gạt tàn lớn bằng thủy tinh.

“Bao nhiêu người Mỹ bị giết trong vụ Vatican?” Gabriel hỏi.

“Hai mươi tám, bao gồm một Giám mục trong Hội đồng”.

“Trong những năm qua Zizi al-Bakari đã cung cấp bao nhiêu tiền cho bọn khủng bố?”

“Hàng trăm triệu đô la”.

“Hãy sẵn lòng ông ta”, Gabriel nói. “Lập hồ sơ đưa ông ta ra toà”.

“Kiện Zizi al-Bakari?”

“Mục U.S.C. 2338B - ông đã bao giờ nghe điều luật này chưa, Adrian?”

“Bây giờ cậu lại còn trích dẫn luật nước Mỹ ra với tôi sao?”

“Tài trợ tiền cho những nhóm khủng bố đã xác định là vi phạm luật pháp Mỹ, bất kể đến việc liệu tiền đó có được dùng trong những vụ khủng bố cụ thể hay không. Các ông có thể kiện hàng tá những người Ả-rập Xêút giàu có vì đã giúp đỡ về mặt vật chất cho kẻ thù, bao gồm cả Zizi Bakari”.

“Cậu làm tôi thất vọng, Gabriel. Tôi luôn nghĩ cậu là người biết lý lẽ - đôi khi hơi quan tâm quá mức về chuyện đúng hay sai, nhưng là người biết lý lẽ. Chúng tôi không thể kiện Zizi al-Bakari được”.

“Vì sao?”

“*Tiền*”, Carter nói, sau đó thêm vào. “Và dĩ nhiên là dầu nữa”.

“Dĩ nhiên”.

Carter nghịch chiếc bật lửa. “Hoàng gia Ả-rập Xêút có nhiều bạn bè ở Washington - loại bạn chỉ cần có tiền là mua được. Zizi cũng có bạn. Ông ta tài trợ cho các khoa rồi đưa những người quen và ủng hộ vào. Ông ta bỏ tiền vào việc thành lập các khoa Ả-rập học ở một nửa tá trường đại học danh tiếng ở Mỹ. Hầu như một mình ông ta cung cấp tài chính cho việc tân trang Trung tâm Kennedy. Ông ta đóng góp cho những hoạt động từ thiện của các thượng nghị sĩ có quyền lực, và đầu tư vào công việc làm ăn của bạn bè và người thân họ. Ông ta có cổ phần tại một trong những ngân hàng uy tín nhất của chúng tôi. Ông ta cũng là người trung gian trong các vụ làm ăn giữa Ả-rập Xêút và Mỹ. Bức tranh về ông ta đã trở nên rõ ràng với cậu chưa?”

Gabriel đã hiểu rõ, nhưng anh vẫn muốn nghe thêm.

“Hể quân đoàn luật sư của Zizi ở New York đánh hơi thấy ông ta đang là mục tiêu của một vụ điều tra hình sự, Zizi sẽ gọi cho nhà vua, nhà vua sẽ gọi cho Đại sứ Bashir, rồi Đại sứ Bashir sẽ ghé qua Nhà Trắng tán gẫu với Tổng thống. Ông ta sẽ nhắc Tổng thống rằng chỉ cần vặn vẹo một hay hai lần, giá dầu sẽ tăng thêm năm đô la một thùng. Ông ta cũng chỉ ra rằng việc tăng vọt giá sẽ ảnh hưởng đến những người ở trung tâm thường xuyên phải lái xe đường dài, những người rất có thể sẽ bầu cho đảng của Tổng thống”.

“Thế là Zizi thoát khỏi tội sát nhân - nói theo nghĩa đen”.

“Tôi e rằng như vậy”.

“Đừng hỏi về những thứ sẽ gây rắc rối cho mình nếu biết rõ”.

“Anh thuộc kinh Koran đấy”, Carter nói.

“Một trong những lí do ông không thể chống lại Zizi hay khởi tố ông ta vì ông sợ những gì mình sẽ tìm ra: quan hệ làm ăn với những người Mỹ danh tiếng, phi vụ mờ ám với những nhân vật trong chính quyền Washington. Thử tưởng tượng phản ứng của dân Mỹ nếu họ biết một tỷ phú Ả-rập Xêút có quan hệ làm ăn với những gương mặt nổi bật ở Washington lại đang tài trợ cho hoạt động của kẻ thù. Mỗi quan hệ khó lòng tồn tại nổi sau vụ 11/9 đầu tiên, và tôi cũng nghi ngờ việc nó có thể tồn tại sau vụ thứ hai”.

“Không, không thể - ít nhất không dưới hình thức như hiện tại. Đã có phong trào trong Toà nhà Quốc hội Mỹ đề xuất cách ly Ả-rập Xêút do sự ủng hộ của nó đối với Hồi giáo cực đoan. Một vụ xì căng đan có liên quan đến Zizi al-Bakari chỉ tổ thêm dầu vào lửa. Nhóm xây dựng chính sách đối ngoại trong Quốc hội đang xem xét pháp chế qua đó gây sức ép cho Ả-rập Xêút. Họ có quyền xa hoa. Họ không chịu trách nhiệm nếu nền kinh tế Mỹ rơi vào khủng hoảng do giá dầu tăng. Tổng thống mới là người chịu”.

“Vậy thì ông muốn gì ở chúng tôi, Adrian? Ông muốn nói gì với tôi, trong căn phòng không bị nghe trộm này?”

“Tổng thống Mỹ muốn xin một ân huệ”, Carter nói, mắt nhìn ngọn lửa. “Loại ân huệ mà may sao phía các anh lại rất giỏi thực hiện. Ông muốn các anh cài một người vào gia tộc của Zizi. Ông muốn các anh nắm được ai đang ra vào. Và nếu Ahmed bin Shaiqi tình cờ ghé qua, ông muốn các anh tặng hắn một phát đạn. Đây là nhiệm vụ của các anh, nhưng chúng tôi sẽ hỗ trợ bất cứ điều gì các anh cần. Chúng tôi sẽ đứng ở đường chân trời - đủ xa để có thể chối bỏ trách nhiệm một cách hợp lí khi ở Riyadh”.

“Ông làm tôi thất vọng, Adrian. Tôi luôn nghĩ ông là người biết lí lẽ”.

“Tôi đã làm gì nào?”

“Tôi cứ nghĩ ông sẽ yêu cầu tôi giết Zizi và chấm dứt mọi chuyện”.

“Giết Zizi?” Carter lắc đầu. “Zizi không thể bị xâm phạm. Ông ta được miễn truy cứu”.

Gabriel trở về vị trí bên cửa sổ ngắm nhìn đường phố và thấy một cặp tình nhân đi vội trên vỉa hè trong cơn mưa giông. “Chúng tôi không phải là sát thủ theo hợp đồng”, anh trả lời. “Chúng tôi không làm những công việc dơ bẩn mà các ông không thể tự thực hiện. Bên ông muốn bin Shafiq chết, nhưng lại không muốn gặp rủi ro về kinh tế. Các ông dựng chúng tôi lên để nhận rủi ro thay cho các ông”.

“Tôi có thể nhắc cậu nhớ một vài sự kiện nổi bật”, Carter nói. “Hãy nhớ là Tổng thống đã kiên định ở bên các cậu khi cả thế giới xem các cậu như *người Do Thái gây hiềm khích giữa các quốc gia*. Tôi có thể nhắc các cậu nhớ rằng Tổng thống cho phép bên cậu xây Hàng rào ngăn cách trong khi cả thế giới buộc tội nước cậu hành động như những người Nam Phi. Ông cũng cho phép bên cậu nới cách ly A’one ở Mukata trong khi cả thế giới buộc tội bên cậu là lính Đức Quốc xã. Rất nhiều lần khác Tổng thống đã bênh vực cho bên cậu, nhưng tôi sẽ không nhắc lại, vì điều này không khôn ngoan. Nếu cậu đồng ý nhiệm vụ này, nó cũng giống như sợ có qua có lại, nhưng thực ra không phải thế”.

“Thế thì là gì?”

“Một sự nhận thức”, Carter đáp. “Nhận thức rằng người Mỹ chúng tôi không đủ can đảm làm những điều chúng tôi phải làm để chiến thắng trong cuộc chiến này. Ngón tay chúng tôi đã bị bỏng. Hình ảnh của chúng tôi bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Chúng tôi nhìn vào gương và không thích những gì mình nhìn thấy. Các chính trị gia muốn chúng tôi đón những chuyến bay đầu tiên rời khỏi Irắc để họ có thể dùng tiền vào những thứ có thể giành được phiếu bầu. Người

dân muốn quay trở lại với cuộc sống vinh thân phì gia. Họ muốn vùi đầu vào cát giả vờ không có bất cứ một lực lượng hay tổ chức nào đang lên kế hoạch và âm mưu phá hủy cuộc sống của họ. Chúng tôi đã trả giá đắt để trèo vào máng nước cùng với bọn khủng bố, và đấu tranh với chúng ở mức độ của chúng, nhưng tôi biết cậu rõ về việc này như thế nào. Không ai trả giá đắt hơn cậu”.

“Vì thế ông muốn tôi làm việc này cho ông. Tôi nghĩ người ta gọi việc này là tìm nguồn giá rẻ nơi khác. Ông đúng là người Mỹ, Adrian”.

“Trong hoàn cảnh này, nước Mỹ không thể biến một cựu nhân viên tình báo cấp cao của Arập Xêút thành mục tiêu ám sát, vì làm như vậy sẽ gây đổ vỡ mối quan hệ của chúng tôi với Riyadh. Chúng tôi cũng không thể bắt giam hay khởi tố Zizi a-Bakari vì những lí do tôi đã nói với cậu”.

“Vì thế ông muốn giải quyết vấn đề này mà không bị ảnh hưởng?”

“Chính xác”.

“Ông muốn quét vào dưới thảm? Hay hoãn lại việc này cho đến một ngày nào đó thuận lợi hơn?”

“Có nhiều cách khác nhau để làm việc này mà”.

“Ông nghĩ đây là cách đánh bại rắn nhiều đầu à? Cắt một đầu đi và hi vọng điều tốt nhất? Ông phải diệt tận gốc, giống như cách Hercules đã làm. Ông phải tấn công con quái vật bằng mũi tên tẩm độc”.

“Cậu muốn lật đổ Hoàng tộc Arập Xêút?”

“Không chỉ Hoàng tộc”, Gabriel đáp. “Mà cả những tên điên cuồng theo Wahhabi đã kí hiệp ước bằng máu cách đây hai trăm năm trên cao nguyên Najd cằn cỗi. Chúng là kẻ thù thật sự của ông, Adrian. Chúng là những tên đã tạo ra rắn nhiều đầu”.

“Một Hoàng tử thông thái đã chọn đúng thời gian và địa điểm cho cuộc chiến. Đây không phải là lúc tiêu diệt Hoàng tộc Arập Xêút”.

Gabriel chìm vào sự im lặng đầy tâm trạng. Carter đang nhìn đầu tẩu để chỉnh sửa vị trí mấu thuốc, giống như một quý ngài đang chờ câu trả lời từ cậu học trò chậm hiểu.

“Tôi có cần nhắc cậu nhớ chúng đã chọn Shamron làm mục tiêu không?”

Gabriel nhìn Carter giận dữ ý muốn nói ông ta không cần nhắc lại điều này.

“Vậy tại sao cậu lại do dự? Tôi nghĩ cậu chắc đang nóng lòng muốn trả thù bin Shafiq sau những gì hắn làm với ông già”.

“Tôi muốn tóm hắn hơn ai hết, Adrian, nhưng tôi không như con chó đang chồm căng sợi dây buộc cổ. Đây là phi vụ nguy hiểm - quá nguy hiểm cho người thậm chí chỉ muốn thử. Nếu có sai lầm gì, hay nếu chúng ta bị bắt quả tang, mọi việc sẽ kết thúc rất tệ - cho cả ba chúng ta”.

“Ba người?”

“Ông, tôi, và Tổng thống”.

“Hãy làm theo Lời răn thứ mười một của Shamron thì cậu sẽ không sao. Cậu sẽ không bị bắt”.

“Bin Shafiq là bóng ma. Chúng ta thậm chí còn không có hình hắn”.

“Việc này cũng không hoàn toàn đúng”. Carter thò tay vào tập hồ sơ một lần nữa và lấy ra một tấm hình khác đặt lên bàn cho Gabriel nhìn. Trong bức hình là một người đàn ông mắt đen nhỏ, khuôn mặt bị che một phần bởi khăn trùm đầu. “Đó chính là bin Shafiq cách đây hai mươi năm ở Afghanistan. Khi đó hắn là bạn của chúng tôi. Chúng tôi cùng một chiến tuyến. Chúng tôi cung cấp vũ khí. Bin Shafiq và chủ hắn ở Riyadh cung cấp tiền”.

“Và hệ tư tưởng Wahhabi khai sinh ra Talibăng”, Gabriel nói.

“Đúng là gieo nhân nào gặt quả nấy. “Nhưng may thay chúng tôi có thứ quý giá hơn tấm ảnh chụp 20 năm. Chúng tôi có giọng nói của hắn”.

Carter cầm chiếc điều khiển từ xa chĩa vào chiếc radio Bose Wave và nhấn nút bật. Một lát sau, hai người đàn ông bắt đầu trao đổi với nhau bằng tiếng Anh: một người nói bằng giọng Mỹ, người kia nói bằng giọng Ả-rập.

“Tôi đoán người Ả-rập Xêút là bin Shafiq?”

Carter gật đầu.

“Đoạn băng được thu âm khi nào?”

“Vào năm 1988”, Carter nói. “Trong tòa nhà an toàn ở Peshawar”.

“Ai là người Mỹ?”. Gabriel hỏi, mặc dù anh đã biết câu trả lời. Carter nhấn nút dừng rồi nhìn ánh lửa. “Tôi”, giọng ông ta xa vắng. “Người Mỹ tại căn nhà an toàn của CIA tại Peshawa là tôi”.

“Ông có nhận ra bin Shafiq nếu gặp lại hắn không?”

“Có lẽ, nhưng nguồn tin của chúng tôi báo lại rằng hắn đã thực hiện vài lần phẫu thuật thẩm mỹ trước khi bắt đầu hoạt động. Tuy vậy, tôi có thể nhận ra vết sẹo trên bắp tay phải của hắn. Hắn ta bị một miếng bom nổ văng vào người trong chuyến công tác ở Afghanistan năm 1985. Vết sẹo chạy từ trên cổ tay cho đến dưới khuỷu tay. Không nhà phẫu thuật nào có thể là phẳng vết sẹo đó”.

“Bên trong bắp tay hay bên ngoài?”

“Bên trong”, Carter nói. “Vết thương khiến tay bin Shafiq hơi bị teo. Hắn đã trải qua vài cuộc phẫu thuật cố gắng chữa cánh tay nhưng không có tác dụng. Hắn thường để tay trong túi quần. Hắn không thích bắp tay. Hắn ta là người Ả-rập du cư kiêu hãnh. Hắn khinh bỉ những yếu đuối về mặt thể chất”.

“Tôi đoán nguồn tin của ông ở Riyadh không biết được liệu bin Shafiq đang trốn ở đâu trong đế chế của Zizi?”

“Không may là đúng thế. Nhưng chúng tôi biết chắc hắn đang ở đó. Hãy cài điệp viên vào gia tộc của Zizi. Cuối cùng bin Shafiq sẽ bước vào nhà qua cửa sau”.

“Cài một điệp viên thân cận với Zizi al-Bakari? Chúng tôi làm điều đó bằng cách nào, Adrian? Zizi được bảo vệ chặt chẽ hơn cả các nguyên thủ quốc gia đấy”.

“Tôi không muốn can thiệp vào vấn đề nghiệp vụ”, Carter nói. “Nhưng cứ an tâm là chúng tôi sẵn lòng chờ đợi, và sẽ đi theo vụ này đến cùng”.

“Tính kiên nhẫn và theo đuổi đến cùng không phải là những đức tính đặc trưng của người Mỹ. Người Mỹ thích gây ra lộn xộn rồi chuyển sang vấn đề tiếp theo”.

Thời gian yên lặng kéo dài, lần này bị phá vỡ bởi tiếng tẩu Carter gõ vào thành gạt tàn.

“Cậu muốn gì, Gabriel?”

“Sự đảm bảo”.

“Không có đảm bảo trong ngành của chúng ta. Cậu biết điều này”.

“Tôi cần mọi thông tin các ông có về bin Shafiq và al-Bakari”.

“Trong chừng mực thôi”, Carter nói. “Tôi sẽ không cung cấp những thông tin gây bất lợi cho những nhân vật danh giá ở Washington”.

“Tôi cần sự bảo vệ”, Gabriel nói. “Khi việc này hạ màn, chúng tôi sẽ là đối tượng bị nghi ngờ đầu tiên. Chúng tôi luôn phải chịu đựng điều đó, thậm chí ngay khi chúng tôi không chịu trách nhiệm. Và chúng tôi sẽ cần sự giúp đỡ của các ông để chống chọi cơn bão”.

“Tôi chỉ có thể đại diện cho *cấp cao*”, Carter nói. “Tôi có thể đảm bảo với anh chúng tôi sẽ có

mặt khi anh cần”.

“Chúng tôi sẽ bắt bin Shafiq tại thời gian và địa điểm tự chọn, không có sự can thiệp của Langley”.

“Tổng thống rất biết ơn nếu anh tránh không làm việc này trên đất Mỹ”.

“Không có sự đảm bảo nào trong nghề của chúng ta, Adrian ạ”.

“Anh dùng lời nói của tôi để chống lại tôi đấy à?”.

“Chắc ông không tin, nhưng tôi không thể tự quyết định. Tôi cần thảo luận với Amos và Thủ tướng”.

“Amos và Thủ tướng sẽ làm những gì anh bảo”.

“Trong chừng mực thôi”.

“Vậy anh sẽ nói với họ những gì?”

“Tôi sẽ bảo rằng Tổng thống Hoa Kỳ cần giúp đỡ”, Gabriele nói. “Và tôi muốn giúp ông ta”.

Chú thích

- Ủy ban An ninh Quốc gia Nga.

Chương 12

Đồi Megiddo, Israel



Thủ tướng cho Gabriel mượn xe chuyên dụng của ông vào lúc 2h30 trưa hôm sau. Gabriel đi về phía Armageddon. Anh nghĩ đây là một nơi rất hay để bắt đầu chuyến du ngoạn.

Thời tiết tuyệt đẹp có vẻ như không phù hợp với một dịp thế này: nhiệt độ mát mẻ, bầu trời xanh nhạt, gió nhẹ mơn man thổi ngược cánh tay áo sơ mi khi anh tăng tốc trên đường Jaffa. Anh mở đài. Khúc nhạc buồn bã vẫn phát đi sau vụ ám sát Shamron đột ngột lịm tắt, thay vào đó là bản tin. Thủ tướng hứa làm mọi việc trong khả năng của ông để lần theo dấu vết và trừng phạt những kẻ đòi lấy mạng Shamron. Ông không đề cập sự thực mình đã biết ai chịu trách nhiệm, và không đề cập đến việc đã trao quyền cho Gabriel giết kẻ đó. Gabriel lái về phía biển, theo hướng Bab al-Wad, anh lượn lách một cách thiếu kiên nhẫn qua dòng xe cộ chậm chạp rồi chạy đua cùng mặt trời đang lặn về phía bắc dọc theo đồng bằng duyên hải. Có báo động an ninh gần Hareda - theo như radio, một kẻ bị tình nghi là quân đánh bom liều chết đã vượt qua Hàng rào ngăn cách gần Tulkarm - nên Gabriel bắt buộc phải đợi bên lề đường hai mươi phút trước khi tiếp tục lái xe đến thung lũng Jezreel. Cách Afula năm dặm, một ngọn đồi nhỏ tròn xuất hiện bên tay trái. Người ta gọi nó là Tel Megiggo, hay đồi Megiddo, theo tiếng Do Thái. Phần còn lại của thế giới gọi nó là Armageddon, nơi đối đầu cuối cùng trên trần thế của cái thiện và ác theo ước đoán của Sách tiên tri. Trận chiến chưa bắt đầu, bãi giữ xe vắng hoe ngoại trừ ba chiếc xe tải, dấu hiệu cho biết đội khảo cổ học vẫn đang làm việc.

Gabriel xuống xe, tiến lên đỉnh theo con đường dốc đứng. Đồi Megiddo được khai quật khảo cổ định kỳ hơn một thế kỷ qua, nên đỉnh đồi bị rạch nát bởi những đường rãnh ngang dọc. Người ta đã khám phá ra dấu tích của hơn hai mươi thành phố dưới lớp đất đồi, trong đó có cả một thành phố tương truyền là do vua Solomon xây dựng.

Anh dừng lại trên một cái rãnh và nhìn xuống. Một dáng người nhỏ mặc áo khoác nâu đang bò trong rãnh, bới đất bằng chiếc xẻng tay. Gabriel nhớ lại lần trước khi đứng quan sát công việc của một người trong hố khai quật anh cứ cảm thấy ớn lạnh sau gáy. Nhà khảo cổ học ngược lên nhìn anh trong giây lát bằng cặp mắt nâu thông minh, sau đó cúi xuống tiếp tục công việc. “Tôi chờ cậu này giờ”, Eli Lacon cất tiếng. “Sao cậu đến muộn vậy?”

Gabriel ngồi xuống đồng cát bên rìa hố nhìn Lavon làm việc. Họ biết nhau từ vụ Tháng Chín Đen. Eli Lavon là một ayin, người lần dấu vết. Công việc của anh là theo dõi những tên khủng bố và tìm hiểu thói quen của chúng. Xét trên một vài khía cạnh, công việc của anh còn nguy hiểm hơn của Gabriel, vì thỉnh thoảng Lavon phải tiếp xúc với những tên khủng bố nhiều ngày hay nhiều tuần liền mà không có sự hỗ trợ. Sau khi đơn vị giải tán, anh định cư ở Viên, mở một

cơ quan điều tra nhỏ tên là Yêu cầu và Đền bù chiến tranh. Hoạt động với số tiền nhỏ, anh đã lần theo dấu vết những tài sản trị giá hàng triệu đô la đã bị cướp khỏi tay những người Do Thái và đóng vai trò quan trọng trong việc tịch thu khu đất trị giá hàng tỷ đô la từ các ngân hàng Thụy Sĩ. Những ngày này, Lavon đang làm việc tại hố đào ở Megiddo và dạy khảo cổ học bán thời gian tại trường Đại học Do Thái.

“Anh kiếm được gì ở đó, Eli?”

“Tôi nghĩ đó là mẩu gốm”. Cơn gió mạnh thổi mái tóc xoăn bù xù xoà trước trán. “Còn cậu thì sao?”

“Một tỉ phú Ả-rập Xêút đang cố gắng phá hủy thế giới văn minh”.

“Không phải chúng đã làm rồi sao?”

Gabriel mỉm cười. “Tôi cần anh, Eli. Anh biết cách đọc báo cáo tài chính. Anh biết cách theo dõi đường đi nước bước của tiền mà không ai khác biết”.

“Người Ả-rập Xêút gồm những ai?”

“Chủ tịch và CEO của Tập đoàn Thánh chiến”.

“Vị Chủ tịch này có tên không?”

“Abdul Aziz al-Bakari”.

“Zizi al-Bakari?”

“Cùng một người”.

“Tôi đoán việc này có liên quan đến Shamron?”

“Và Vatican”.

“Zizi có liên quan gì?”

Gabriel kể cho anh nghe

“Tôi nghĩ mình không cần hỏi anh dự định làm gì với bin Shafiq”, Lavon nói. “Để chế kinh doanh của Zizi rất đồ sộ. Bin Shafiq có thể đang hoạt động từ bất cứ nơi đâu trên thế giới. Làm sao chúng ta lần ra hắn được?”

“Chúng ta sẽ cài một nhân viên vào giới thân thuộc của Zizi và chờ bin Shafiq bước vào”.

“Một điệp viên trong sào huyệt của Zizi?”. Lavon lắc đầu. “Không thể nào”.

“Có thể”.

“Bằng cách nào?”

“Tôi sẽ tìm ra cái Zizi muốn”, Gabriel nói. “Rồi tôi sẽ cho ông ta cái đó”.

“Tôi đang chăm chú lắng nghe đây”.

Gabriel ngồi xuống mép rãnh khai quật, chân thòng xuống dưới, giải thích cách anh dự định thâm nhập vào Tập đoàn Thánh chiến. Từ đáy rãnh vọng lên âm thanh làm việc của Lavon - *đục, đục, quét, quét, thổi...*

“Ai làm điệp viên?”, anh hỏi khi Gabriel trình bày xong kế hoạch.

“Tôi vẫn chưa tìm được”.

Lavon im lặng một lát - *đục, đục, quét, quét, thổi...*

“Anh muốn gì từ tôi?”

“Hãy lục tung về Zizi al-Bakari và Tập đoàn AAB. Tôi muốn thông tin về từng công ty hùn sở hữu hay điều khiển. Thông tin về ban điều hành và các thành viên trong đoàn phụ tá. Tôi muốn biết mỗi người có được vị trí này bằng cách nào và làm sao để trụ lại được. Tôi muốn biết về Zizi còn nhiều hơn là ông ta biết về bản thân mình”.

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng ta đi làm nhiệm vụ?”

“Anh cũng sẽ đi”.

“Tôi quá già và mệt mỏi, không kham nổi những vụ khó khăn nữa đâu”.

“Anh là nghệ nhân theo dõi vĩ đại nhất trong lịch sử Văn phòng, Eli. Tôi không thể làm vụ này mà không có anh”.

Lavon ngồi dậy phẩy tay vào quần. “Cài điệp viên vào giới thân cận của Zizi al-Bakari? Điên khủng. Xuống đây giúp tôi đi. Chúng ta đang dần hết ánh sáng”.

Gabriel trèo xuống hố quỳ cạnh người bạn cũ. Cùng nhau, họ đào bới tại vùng đất cổ xưa cho đến khi bóng đêm buông xuống như một tấm màn đen che phủ thung lũng.

Khi họ về đến đại lộ King Saul, đồng hồ điểm chín giờ. Lavon nghỉ hưu đã lâu, nhưng vẫn thỉnh thoảng giảng bài tại học viện và có quyền bước vào tòa nhà khi ông muốn. Gabriel dẫn anh vào phòng hồ sơ của bộ phận nghiên cứu, sau đó đi xuống hành lang ẩm đạm dưới mặt đất hai tầng. Cuối hành lang là phòng 456C. Gắn trên cửa là tấm bảng giấy do chính Gabriel viết tay bằng chữ Do Thái có nội dung: ỦY BAN LÂM THỜI nghiên cứu ĐE DOẠ KHỦNG BỐ TÂY ÂU. Anh quyết định hiện tại vẫn giữ nguyên như vậy.

Anh mở ổ khóa mật mã, bật đèn và bước vào trong. Căn phòng dường như bị đóng băng theo thời gian. Họ từng đặt vài cái tên cho nó: Cái Kén, Sân Trong, Cái Thùng. Yaakov, người đến từ Sở Các vấn đề Ả-rập của Shabak, đã gọi nó là Lỗ Địa Ngục. Yossi bên bộ phận nghiên cứu gọi nó là Ngôi làng bị nguyên rửa. Đó là vì Yossi đã đọc các tác phẩm kinh điển ở Oxford nên luôn đưa không khí uyên bác vào công việc của mình, cho dù đôi khi không cần thiết phải như vậy.

Gabriel dừng lại bên chiếc bàn chung của Dina và Rimona. Những vụ đấu khẩu triền miên về việc xác định ranh giới bàn ghế của họ đã từng khiến Gabriel phát điên. Đường phân chia anh gạch chính giữa bàn vẫn còn đó, cùng với lời cảnh cáo Rimona đã ghi ở phía bên lẫn ranh của cô: Lấn qua sẽ gặp nguy hiểm. Rimona là Đại úy trong IDF và làm việc cho Aman, tình báo quân đội. Cô cũng là cháu gái của Gilah Shamron. Cô tin vào việc bảo vệ ranh giới, và đáp trả bằng việc tấn công trả đũa mỗi khi Dina vượt quá lẫn ranh. Ở chỗ ngồi của Dina bây giờ là một tờ giấy nhỏ trên đó có ghi dòng chữ: Cầu cho chúng ta không bao giờ phải trở lại nơi này. Thật ngây thơ, Gabriel nghĩ. Đáng lẽ Dina phải biết rõ đáp án hơn ai hết.

Anh tiếp tục đi tham quan lại căn phòng. Trong góc vẫn là những thiết bị vi tính lỗi thời không ai thèm di chuyển. Trước khi trở thành đại bản doanh của nhóm Khaled, phòng 456C chỉ là nơi chứa đồ cũ và những thiết bị điện tử lỗi thời, thường được các nhân viên trực đêm biến thành chốn hẹn hò lãng mạn. Những dòng chữ bằng phấn trên bảng do Gabriel viết vẫn còn đó. Anh hầu như không đọc được mình đã viết những gì. Anh nhìn lên bức tường dán đầy ảnh của những thanh niên Palestine. Một bức trong đó thu hút sự chú ý của Gabriel, một cậu bé đầu đội nón bê-rê còn vai quàng khăn đang ngồi trên lòng A'one: Khaled al-Khalifa tại đám tang cha mình. Gabriel đã giết Sabri, và cũng đã giết Khaled.

Anh dỡ hết các bức ảnh cũ xuống và thay vào chỗ đó là hai bức ảnh mới. Một bức là hình của một người đàn ông ở vùng rừng núi Afghanistan. Bức thứ hai là ảnh của cùng người đàn ông đó mặc áo khoác bằng catsomia và đội nón nỉ đứng trước nhà một tỷ phú ở Paris.

Nhóm Khaled bây giờ đã trở thành nhóm bin Shafiq.

Trong bốn mươi tám tiếng đầu, Gabriel và Lavon làm việc một mình. Vào ngày thứ ba họ có thêm thành viên mới là Yossi, một người đàn ông cao hóm có dáng dấp của một nhà trí thức người Anh. Rimona và Yaakov đến vào ngày thứ tư. Yaakov mang theo sang từ Tổng hành dinh Shabak một hộp đầy tài liệu về những tên khủng bố đã tấn công xe của Shamron. Dina là người

đến cuối cùng. Vóc dáng nhỏ nhắn, tóc đen, cô đã đứng trên đường Dizengoff ở Tel Aviv vào ngày 19/10/1994 khi một kẻ đánh bom liều chết Hamas đã biến chiếc xe buýt số 5 thành cổ quan tài cho hai mươi mốt người. Mẹ và hai chị em gái của cô nằm trong số những người bị giết; Dina bị thương rất nặng, và bây giờ bước đi của cô vẫn còn hơi khập khiễng. Cô đã đương đầu với mất mát bằng cách trở thành một chuyên gia về khủng bố. Dina có thể kể lại thời gian, địa điểm, danh sách người chết trong bất cứ hoạt động khủng bố nào đã từng xảy ra với Israel. Có lần cô đã nói với Gabriel rằng cô biết rõ bọn khủng bố còn hơn bọn chúng biết về chính mình. Gabriel tin lời cô.

Họ bắt đầu phân công nhiệm vụ. Ahmed bin Shafiq và hội Huynh đệ Allah là địa bàn của Dina, Yaakov, và Rimona, trong khi đó Yossi tham gia cùng Lavon tìm kiếm về Tập đoàn AAB. Gabriel làm việc một mình, ít nhất là trong hiện tại, vì anh đã tự giao cho mình nhiệm vụ mà không ai ganh tị, là tìm ra bất cứ bức tranh nào đã từng được Zizi al-Bakari bán hay mua.

Ngày này qua ngày khác, những bức tường của phòng 456C bắt đầu phản ánh những kết quả thu được. Trên một bức tường, dần dần hiện ra những phác thảo đầu tiên về một mạng lưới khủng bố chết người được dẫn dắt bởi một bóng ma. Bằng tất cả khả năng của mình, họ lần theo dấu vết cuộc hành trình dài của bin Shafiq qua những lần đổ máu của bọn Hồi giáo cực đoan. Bất cứ nơi nào có vấn đề, dường như ở đó có mặt bin Shafiq để phân phát tiền bán dầu của Ả-rập Xêút và quảng bá Wahhabi ở nhiều nước: Afghanistan, Libăng, Ai Cập, Algeria, Gioócđan, Pakistan, Chechnya, Bosnia, và dĩ nhiên, chính quyền Palestine. Tuy nhiên, họ không phải là không có những đầu mối quan trọng, vì khi thực hiện hai cuộc tấn công, bin Shafiq và hội Huynh đệ đã để lộ ra hơn một tá danh tính có thể điều tra để tìm mối liên hệ và dò ra những người quen. Dĩ nhiên có cả Ibrahim el-Banna, thầy tế Ai Cập đã chết, và Giáo sư Ali Massoudi, người chuyên tuyển mộ và phát hiện nhân tài.

Trên bức tường đối diện là mạng lưới khác của Tập đoàn AAB. Trong khi sử dụng những nguồn tư liệu công khai và bí mật như vậy, Lavon tốn khá nhiều công sức để tìm hiểu các lát cắt trong đế chế tài chính của Zizi và tập hợp những miếng ghép khác nhau giống như tập hợp *các mảnh rời rạc của một cổ vật*. Ở trên đỉnh mạng lưới là AAB, bên dưới là mạng lưới tài chính phức tạp gồm những công ty con và các vỏ bọc mà Zizi sử dụng để mở rộng ảnh hưởng đến mọi ngóc ngách trên địa cầu trong những điều kiện bí mật gần như hoàn hảo của Tập đoàn. Với phần lớn công ty đăng ký ở Thụy Sĩ và quần đảo Cayman, Lavon ví Zizi là chiến binh tài chính bí mật, có khả năng tấn công bất cứ lúc nào nhưng lại tránh được radar dò tìm của kẻ thù. Bất chấp sự lớn mạnh của đế chế của Zizi, Lavon vẫn kết luận những khoản tiền này có nguồn gốc không rõ ràng. “Không thể giải thích những khoản tiền ketch xù Zizi có được sau này là thu nhập từ những đầu tư ban đầu của ông ta”, ông giải thích. “AAB là bình phong của Hoàng tộc Ả-rập Xêút”. Còn về việc gắng tìm Ahmed bin Shafiq trong hệ thống tài chính như những chiếc vôi bạch tuộc của Zizi, Lavon ví việc này với việc tìm một cây kim trong sa mạc của Ả-rập. “Không phải là không thể”, anh nói. “Nhưng người ta có thể chết vì khát trong khi đang cố gắng”.

Yossi phụ trách điều tra về mặt nhân sự của Zizi. Anh tập trung vào một nhóm khá nhỏ làm việc trong tổng hành dinh Geneva của Zizi ở Thụy Sĩ, cùng với nó là những công ty toàn vốn hay được AAB kiểm soát hoàn toàn. Mặc dù vậy, anh dành phần lớn thời gian để tìm hiểu về đoàn phụ tá đông đảo của Zizi. Những bức ảnh của họ chẳng bao lâu đã được dán chi chít trên bức tường ở chỗ làm việc của Yossi, đối diện với mạng lưới khủng bố của bin Shafiq. Những bức ảnh mới được gửi đến mỗi ngày vì Yossi giám sát di chuyển của Zizi trên khắp thế giới.

Zizi đến tham dự cuộc họp ở Luân Đôn. Zizi nói chuyện với những nhà sản xuất xe hơi ở Stuttgart. Zizi ngắm cảnh Biển Đỏ từ khách sạn mới thành lập tại Sharm el Sheik. Zizi khánh thành nhà máy khử muối ở Yeman. Zizi được nhận giải thưởng nhân quyền từ một nhóm Hồi giáo ở Montreal có website đăng lời kêu gọi công khai hủy diệt nước Israel.

Góc phòng của Gabriel là nơi trú ẩn hoàn toàn tách khỏi lĩnh vực khủng bố và tài chính. Bức tường chỗ anh ngồi không dán hình khuôn mặt những tên khủng bố hay lãnh đạo các công ty mà dán hàng tá hình chụp tranh theo trường phái Ấn tượng Pháp. Trong khi Lavon và Yossi mất cả ngày lục lợi hồ sơ và những bản in từ máy vi tính, Gabriel lại lật từng tờ trong các quyển catalog cũ, các tài liệu chuyên khảo về trường phái Ấn tượng, và những mẫu tin cắt từ báo mô tả thành tích của Zizi trong thế giới nghệ thuật.

Đến cuối ngày thứ mười, Gabriel đã quyết định anh sẽ cài nhân viên vào Tập đoàn Thánh chiến như thế nào. Anh đến bên những bức hình được cắt dán trên tường của Yossi và nhìn một tấm ảnh đơn. Trong tấm ảnh là một người Anh gầy hốc hác, tóc muối tiêu ngồi kể Zizi sáu tháng trước tại buổi đấu giá nghệ thuật Đương đại và Ấn tượng tại nhà đấu giá Christie. Gabriel dỡ tấm ảnh giơ lên cho mọi người cùng thấy. “Người đàn ông này phải ra đi”. Sau đó anh gọi cho Adrian Carter trình bày kế hoạch dự định thâm nhập vào gia tộc Zizi như thế nào. “Bây giờ tất cả những gì cậu cần là một bức họa và một cô gái”, Carter kết luận. “Cậu tìm bức họa. Tôi sẽ mang cô gái đến cho cậu”.

Gabriel rời khỏi đại lộ King Saul sớm hơn thường lệ một chút và lái xe đến Ein Kerem. Có nhiều vệ sỹ im lìm canh gác bên ngoài khu chăm sóc đặc biệt của trung tâm Y tế Hadassah, Shamron đang ở một mình khi Gabriel bước vào. “Đưa con trai đi hoang cuối cùng cũng chịu đến thăm tôi”, giọng ông cay đắng. “Thật may chúng ta là những người thuộc sa mạc. Nếu không chắc cậu đã đặt tôi lên tảng băng trôi rồi đẩy tôi ra biển”.

Gabriel ngồi xuống kế bên giường. “Tôi đã đến đây ít nhất nửa tá lần”.

“Khi nào?”

“Đêm khuya, khi ông đã ngủ say”.

“Cậu đứng nhìn tôi? Giống Gilah và các bác sỹ? Tại sao cậu không đến thăm ban ngày giống những người bình thường khác”.

“Dạo này tôi rất bận”.

“Thủ tướng còn không quá bận đến mức không thể đến thăm tôi trong giờ hợp lý”. Shamron, vì cổ không thể di chuyển do bó bột, liếc xéo Gabriel đầy giận dữ. “Ông ấy bảo với tôi rằng ông đã cho phép Amos tìm người đứng đầu Lực lượng Đặc nhiệm để cậu có thời gian chạy việc vặt cho Adrian Carter và nước Mỹ”.

“Tôi thấy là ông không đồng ý với chuyện này”.

“*Hoàn toàn không đồng ý*”. Shamron nhắm mắt lại một lúc lâu - lâu đến mức Gabriel phải lo lắng liếc nhìn máy móc kế bên giường ông. “Thân ai nấy lo”, cuối cùng ông cất tiếng. “Chúng ta tự làm việc của mình. Chúng ta không nhờ ai giúp, và cũng không giúp ai giải quyết những vấn đề do chính họ gây nên. Chắc chắn chúng ta không làm người giúp việc cho Adrian Carter”.

“Ông đang trên giường bệnh thay vì tại bàn làm việc trong văn phòng Chính phủ. Chính điều này khiến Ahmed bin Shafiq cũng trở thành vấn đề của tôi. Hơn nữa thế giới đã thay đổi, Ari. Chúng ta cần hợp tác để tồn tại. Những quy tắc cũ không còn đứng vững nữa”. Shamron nhắc cánh tay đầy ống và dây nhợ chỉ về phía ly nước bằng nhựa trên bàn để cạnh tủ. Gabriel đưa ly lên môi cho Shamron uống nước bằng ống hút.

“Bạn làm vậy vì yêu cầu của ai?”. Shamron hỏi. “Của Adrian hay cấp nào đó cao hơn?”. Khi Gabriel im lặng không trả lời, Shamron giận dữ đẩy cốc nước ra. “Bạn dự định đối xử với tôi như kẻ tàn phế à? Tôi vẫn là cố vấn đặc biệt của Thủ tướng về những vấn đề có liên quan đến an ninh và tình báo. Tôi vẫn là...”. Giọng ông nhỏ dần trong mệt mỏi.

“Ông vẫn là *memuneh*”, Gabriel nói hết câu giúp ông. Trong tiếng Do Thái, *memuneh* có nghĩa là người chịu trách nhiệm cao nhất. Trong nhiều năm danh hiệu này dành cho Shamron.

“Kẻ cậu đang săn đuổi không phải là một thằng bé nào đó ở Nabuls nữa, Gabriel. Cậu đang nhắm đến Ahmed bin Shafiq và Zizi al-Bakari. Nếu có chuyện không ổn, cả thế giới sẽ đổ ập xuống cậu, từ những. Lúc đó Adrian Carter bạn cậu sẽ không có mặt để vực cậu dậy đâu. Lẽ ra cậu nên hỏi ý kiến của tôi. Tôi đã làm công việc này vài lần rồi”.

Gabriel thò đầu ra hành lang yêu cầu các nhân viên bảo vệ tắt các hệ thống giám sát hình và âm thanh. Sau đó anh ngồi xuống ghế kế bên giường ghé miệng vào tai Shamron kể ông nghe mọi chuyện. Ánh nhìn của Shamron lúc này trở nên chú ý hơn. Khi ông đặt câu hỏi đầu tiên, Gabriel nhớ lại hình ảnh người đàn ông sắt đá bước vào cuộc sống của anh tháng 9 năm 1972.

“Bạn đã quyết định chọn một người phụ nữ?”

Gabriel gật đầu.

“Bạn sẽ phải cần một người có câu chuyện đáng tin mới có thể chống lại sự soi mói của những nhân viên an ninh được trả lương cao của Zizi. Cậu không thể dùng người của chúng ta, cũng không thể dùng một cô gái Do Thái không phải là người Israel. Nếu Zizi ngờ rằng hắn đang nhìn thấy một cô gái theo Do Thái giáo, hắn sẽ tránh xa cô ta. Cậu cần một người không theo đạo”.

“Điều tôi cần”, Gabriel nói, “là một cô gái Mỹ”.

“Bạn dự định kiếm cô gái đó ở đâu?”

Gabriel trả lời bằng một từ ngắn gọn khiến Shamron cau mày. “Tôi không thích cái ý nghĩ rằng chúng ta phải chịu trách nhiệm về điệp viên của họ. Nếu có chuyện gì không ổn thì sao?”

“Chuyện gì không ổn?”

“Mọi thứ”, Shamron trả lời. “Bạn biết điều này rõ hơn ai hết”.

Trông Shamron có vẻ mệt mỏi. Gabriel vặn nhỏ đèn ngủ.

“Bạn định làm gì?” Shamron hỏi. “Đọc truyện đêm khuya cho tôi nghe à?”

“Tôi định ngồi với ông cho đến khi ông ngủ”.

“Gilah sẽ làm việc ấy. Về nhà nghỉ ngơi đi. Cậu cần nghỉ ngơi”.

“Tôi sẽ ngồi thêm một lúc”.

“Về nhà đi”, Shamron nói lại. “Có người đang chờ ở nhà rất mong gặp cậu”.

Hai mươi phút sau, khi Gabriel quẹo vào đường Narkiss, anh thấy đèn đang bật trong căn hộ của mình. Anh đậu chiếc Skoda tại khúc quanh và bước nhẹ lên lối đi dẫn vào toà nhà. Khi anh rón rén đặt chân vào căn hộ, không khí trong nhà tràn ngập mùi vani. Chiara đang ngồi bắt chéo chân trên bàn trong ánh đèn làm việc sáng lóa của anh. Nàng quan sát kỹ Gabriel khi anh bước vào, sau đó nhìn một vòng quanh căn phòng trước kia từng là phòng khách được trang trí rất đẹp.

“Em thích những gì anh đã làm với nơi này, Gabriel ạ. Xin đừng nói với em là anh đã quăng luôn chiếc giường ngủ”.

Gabriel lắc đầu rồi hôn nàng.

“Anh ở thành phố bao lâu?”, nàng hỏi.

“Sáng mai anh đi rồi”.

“Cũng như thường lệ, em chọn thời điểm thật hoàn hảo. Anh sẽ đi bao lâu?”

“Khó nói lắm”.

“Anh đưa em đi cùng được không?”

“Lần này không được”.

“Anh sẽ đi đâu?”

Gabriel bế Chiara lên và tắt đèn.

Chương 13

Luân Đôn



ôi cần một bức Van Gogh, Julian”.

“Ai mà không cần, bạn thân mến”.

Isherwood kéo cổ tay áo lên nhìn đồng hồ. Bây giờ là mười giờ sáng. Giờ này mọi ngày anh đang có mặt tại phòng triển lãm tranh, chứ không phải đi dạo dọc theo công viên Thánh James. Anh dừng bước một lát ngắm đàn vịt bơi trên mặt nước tĩnh lặng về phía đảo. Gabriel dùng cơ hội này đảo mắt quanh công viên xem họ có bị theo dõi không. Sau đó anh nắm khuỷu tay Isherwood kéo về phía đường Ky Bình.

Họ là một cặp không tương xứng, giống như những nhân vật đến từ những bức họa khác nhau. Gabriel mặc quần jeans đen và đi giày êm không gây ra tiếng động khi di chuyển. Tay anh thọc vào túi áo khoác ngoài bằng da, vai nghiêng về phía trước, còn đôi mắt xanh đảo khắp công viên. Isherwood, lớn hơn Gabriel mười lăm tuổi và cao hơn anh vài cen-ti-mét, mặc bộ vest sọc trắng và áo khoác ngoài bằng len. Những lọn tóc muối tiêu xòa ra bên ngoài cổ áo khoác, nó nâng lên rồi hạ xuống theo mỗi nhịp sỏi bước dài nhưng không chắc chắn. Có điều gì đó chênh vênh trong dáng đi của Julian Isherwood. Như mọi khi, Gabriel luôn phải cưỡng lại mong muốn thò tay ra giữ anh ta lại cho chắc.

Họ đã biết nhau 30 năm. Cái họ đầy chất Anh-Isherwood và dáng người cao lêu nghêu đặc trưng của dân Anh đã giúp anh ta che giấu sự thực trái ngược. Julian có quốc tịch và hộ chiếu là ở Anh, nhưng sinh ở Đức, được nuôi dưỡng ở Pháp và theo đạo Do Thái. Chỉ một vài người bạn tin cần biết rằng hồi nhỏ Isherwood được hai người chăn cừu xứ Basque đưa qua núi Pyrenees đầy tuyết phủ sang nước Anh tị nạn. Rằng cha anh, một người bán tranh nổi tiếng ở Paris tên Samuel Isakiwitz, đã bị giết tại trại tử thần Sobibor cùng mẹ. Có một việc khác Isherwood cũng giấu những người cạnh tranh trong thế giới nghệ thuật Luân Đôn - và hầu hết những người khác. Trong thuật ngữ của Văn phòng, Julian Isherwood là sayan, một người ủng hộ tự nguyện theo đạo Do Thái. Anh được Shamron tuyển mộ với lí do duy nhất: giúp xây dựng và duy trì vỏ bọc của một điệp viên duy nhất rất đặc biệt.

“Người bạn Mario Delveccio của tôi sao rồi?” Isherwood hỏi.

“Biến mất không còn dấu vết”, Gabriel nói. “Tôi hi vọng vụ bại lộ của tôi không gây cho anh khó khăn nào”.

“Cho đến giờ vẫn chưa có gì”.

“Không có lời đồn đại nào trên đường? Không có câu hỏi khó xử nào trong các cuộc đấu giá? Không nhân viên MI5 nào ghé thăm?”

“Ý cậu muốn hỏi những người ở Luân Đôn có xem tôi như là điệp viên đặc lực của Israel không à?”

“Đúng vậy”.

“Ở mặt trận này mọi thứ rất yên ắng. Nhưng thật ra lúc đó chúng ta cũng không phô trương mối quan hệ với nhau nhiều. Đó không phải là phong cách của cậu. Cậu không phô trương về bất cứ điều gì. Cậu là một trong vài nhà phục chế tranh giỏi nhất thế giới, vậy mà không ai biết điều này. Thật tiếc”.

Họ đến góc đường Great George. Gabriel chuyển hướng sang bên phải vào Lối đi lồng chim.

“Ai biết về chúng ta ở Luân Đôn, Julian? Ai biết anh có mối quan hệ chuyên môn với Mario?”

Isherwood nhìn hàng cây rũ xuống dọc vệ đường. “Thật ra là rất ít người. Có Jeremy Crabbe tại Bonhams. Anh ta vẫn rất giận dữ với cậu vì cậu đã lấy bức họa Rubens trước mũi anh ta”.

Isherwood đặt bàn tay dài xương xẩu lên vai Gabriel. “Có người đã đặt mua bức tranh này. Tất cả những gì tôi cần là vẽ”.

“Tôi đã quét vécni lên bức tranh hôm qua trước khi rời Jerusalem”, Gabriel nói. “Tôi sẽ dùng một trong những công ty chuyển phát hàng đầu để nhận được nó càng nhanh càng tốt. Anh sẽ có bức tranh vào cuối tuần. Tiện thể, anh nợ tôi 150 ngàn bảng”.

“Hóa đơn gửi trong thư, bạn thân mến”.

“Còn ai nữa không?”. Gabriel hỏi. “Còn ai khác biết về chúng ta?”

Isherwood suy nghĩ một lát. “Gã Oliver Dimbleby xấu xa”, anh nói. “Cậu nhớ Oliver không? Tôi giới thiệu cậu với hắn tại nhà hàng Green khi chúng ta đang dùng bữa trưa. Một nhà bán tranh nhỏ không mấy danh tiếng ở đường King. Hắn đã từng có lần nài tôi bán lại cho hắn phòng triển lãm tranh”.

Gabriel vẫn còn giữ tấm danh thiếp dát vàng hòm hĩnh mà Oliver đã nhét vào tay anh. Khi đó Oliver hầu như không nhìn về phía anh. Oliver là như thế.

“Tôi đã giúp Crabbe nhiều trong những năm qua”, Isherwood nói. “Những kiểu giúp đỡ mà chúng tôi không thích nói đến trong ngành. Còn đối với Oliver Dimbleby, tôi đã giúp hắn dọn dẹp sạch sẽ đồng bầy hầy hắn tạo ra với một cô bé làm trong phòng tranh mình. Tôi nhận cô bé tội nghiệp vào. Cho cô bé một công việc. Cô ta bỏ tôi qua nhà bán tranh khác. Những cô gái của tôi cô nào cũng thế. Tôi có gì khiến phụ nữ bỏ đi nhỉ. Tôi là mục tiêu dễ chinh phục, chắc vậy. Hắn phụ nữ sẽ nhận thấy điều này. Chỗ của cậu cũng thấy thế. Và Herr Heller chắc chắn cũng không là ngoại lệ”.

Herr Rudolf Heller, một người đầu tư rủi ro đến từ Zurich, là một trong những bí danh ưa thích nhất của Shamron. Đó chính là tên ông dùng khi tuyển mộ Isherwood.

“Nhân tiện, ông sao rồi?”

“Ông gửi đến anh lời chào”.

Gabriel hạ mắt xuống nhìn vỉa hè ẩm ướt. Một cơn gió lạnh từ công viên thổi lá rụng cuốn lên từ dưới chân họ.

“Tôi cần một bức Van Gogh”, Gabriel nhắc lại.

“Được rồi, tôi đã nghe cậu nói về điều này rồi. Vấn đề là tôi không có bức Van Gogh nào. Nếu cậu quên thì tôi nhắc lại cho cậu nhớ, phòng tranh Isherwood chỉ chuyên về các bậc thầy thời xưa. Nếu cậu muốn một bức theo trường phái Ấn tượng, cậu phải đi chỗ khác”.

“Vậy báo cho tôi biết tôi có thể tìm bức đó ở đâu”.

“Trừ phi cậu dự định ăn trộm, hiện tại trên thị trường không có bức nào - ít nhất theo tôi biết là vậy”.

“Nhưng không đúng thế, đúng không, Julian? Anh có biết về một bức Van Gogh. Cách đây cả thế

kỷ anh có kể cho tôi nghe một lần - câu chuyện về bức tranh trước đây chưa ai biết mà cha anh đã thấy ở Paris giữa hai cuộc chiến”.

“Không chỉ mình cha tôi”, Isherwood nói. “Tôi cũng đã thấy bức tranh. Vincent vẽ bức này ở Auvers trong những ngày cuối cùng của đời ông. Có lời đồn bức tranh này có thể làm hư hại thanh danh ông. Vấn đề là bức tranh không để bán, và có lẽ chẳng bao giờ được bán. Gia đình đó đã nói với tôi rất rõ họ không dự định chia tay với bức tranh. Họ rất kiên quyết và muốn giữ bí mật về sự tồn tại của bức tranh”.

“Kể tôi nghe lại câu chuyện đi”.

“Bây giờ tôi không có thời gian, Gabriel. Tôi có cuộc hẹn lúc 10 giờ 30 phút tại phòng tranh”.

“Hủy cuộc hẹn đi, Isherwood. Kể tôi nghe về bức tranh đó”.

Isherwood băng qua cầu thang bộ bắc ngang qua hồ vào phòng trưng bày tranh của anh trong công viên St. James. Gabriel thọc tay sâu hơn vào túi áo khoác bước theo anh.

“Cậu đã phục chế tranh ông ấy bao giờ chưa?”. Isherwood hỏi.

“Vincent à? Chưa bao giờ”.

“Cậu biết bao nhiêu về những ngày cuối đời của ông?”

“Cũng như mọi người”.

“Vớ vẩn, Gabriel. Đừng đóng vai kẻ ngốc với tôi. Bộ óc cậu giống Từ điển Grove về Nghệ thuật”.

“Lúc đó là mùa hè năm 1890 phải không?”

Isherwood gật đầu với vẻ đồng ý của một chuyên gia. “Cậu tiếp tục đi”.

“Sau khi Vincent rời bệnh viện tâm thần ở Saint-Rémy, ông đến Paris để thăm Theo và Johanna. Ông thăm một vài phòng tranh và trưng bày, và dừng lại tại cửa hàng bán dụng cụ vẽ Père Tanguy để kiểm tra một vài bức vải vẽ ông cất ở đó. Ba ngày sau ông bắt đầu cảm thấy chán nơi này, vì thế ông lên tàu đi Auvers-sur-Oise, một nơi cách Paris hai mươi dặm. Ông nghĩ Auvers là nơi lí tưởng, rằng cảnh đồng quê yên tĩnh sẽ rất thích hợp với công việc sáng tác, và nó vẫn gần Theo, nguồn mạch kinh tế và tình cảm của ông. Ông thuê phòng ở nhà trọ Café Ravoux và nhờ bác sỹ Paul Gachet theo dõi sức khỏe”.

Gabriel nắm tay Isherwood và cùng nhau họ lao qua làn xe cộ trên đường Mall tiến vào đường Marlborough.

“Ông bắt đầu vẽ ngay lập tức. Phong cách cũng như tâm trạng ông trở nên bình tĩnh và dịu dàng hơn. Sự buồn bực và bạo lực đặc trưng trong hầu hết các tác phẩm của ông ở Saint-Rémy và Arles không còn nữa. Sức sáng tạo của ông mạnh mẽ đến mức khó tin. Trong vòng hai tháng ở Auvers, ông đã vẽ hơn tám mươi tác phẩm. Mỗi ngày một bức. Có vài ngày đến hai bức”.

Họ quẹo vào đường King. Gabriel đột nhiên đứng sững lại. Ngay trước mặt họ, đi dọc trên vỉa hè về phía lối vào nhà đấu giá Christie là Olver Dimbleby. Isherwood quẹo gấp vào đường Bury và tiếp tục từ chỗ Gabriel dừng lại.

“Khi Vincent không cầm cọ vẽ, người ta thường thấy ông tha thẩn trong phòng riêng ở trên nhà trọ Café Ravoux hay ngồi chơi tại nhà Gachet. Gachet là người góa vợ hai con, cậu con trai 15 tuổi và cô con gái vừa bước qua tuổi 21 khi Vincent đến Auvers ở”.

“Marguerite”.

Isherwood gật đầu. “Cô là một cô gái xinh đẹp, và rất say mê Vincent. Cô đồng ý ngồi làm mẫu cho ông - không may là không có sự đồng ý của cha mình. Ông vẽ cô trong vườn của gia đình, mặc đầm trắng”.

“Bức *Marguerite Gachet trong vườn*”, Gabriel nói.

“Khi cha cô phát hiện ra, ông nổi cơn lôi đình”.

“Nhưng cô vẫn làm mẫu cho ông”.

“Đúng vậy”, Isherwood tán thành. “Bức vẽ thứ hai là *Marguerite chơi đàn piano*. Cô ấy cũng xuất hiện trong bức *Trong rừng có hai bóng người*, một tác phẩm mang tính tượng trưng sâu sắc được một vài sử gia nghệ thuật cho là lời tiên đoán cái chết của chính ông. Nhưng tôi tin đó chính là Vincent và Marguerite sánh bước dọc theo lối đi trong nhà thờ – đó là linh cảm của Vincent về đám cưới”.

“Có bức vẽ thứ tư về Marguerite à?”

“*Marguerite Gachet tại bàn trang điểm*”, Isherwood đáp. “Bức đẹp nhất trong số này. Chỉ vài người biết đến sự tồn tại của nó hoặc đã từng được nhìn thấy nó. Vincent vẽ bức này vài ngày trước khi chết. Sau đó nó biến mất”.

Họ bước tới đường Duke và đi qua lối hẹp vào sân lát gạch có tên gọi là Mason’s Yard. Phòng tranh của Isherwood chiếm một gian nhỏ theo kiểu Victoria ở góc xa, nằm kẹp giữa công ty vận chuyển nhỏ của Hy Lạp và quán rượu toàn những cô gái xinh đẹp lái xe tay ga. Isherwood chuẩn bị băng qua sân vào phòng tranh thì Gabriel nắm ve áo anh kéo đi theo hướng ngược lại. Khi họ đi quanh sân băng qua những chỗ râm lạnh lẽo, Isherwood nói về cái chết của Vincent. “Vào tối 27/7, Vincent trở lại nhà trọ Café Ravoux và loạng choạng lên lầu để về phòng. Bà Ravoux đi theo ông và phát hiện ông đã bị bắn. Bác sỹ dĩ nhiên là Gachet. Ông quyết định để viên đạn trong bụng Vincent và cho gọi Theo tới Auvers. Khi Theo tới buổi sáng hôm sau, ông thấy Vincent đang nằm trên giường hút thuốc. Ông chết trong ngày hôm đó”.

Họ bước ra khoảng sân có ánh nắng mặt trời chói chang. Isherwood che mắt bằng bàn tay dài. “Rất nhiều câu hỏi không lời giải đáp được đặt ra về vụ tự tử của Vincent. Người ta không rõ ông lấy súng ở đâu, hay địa điểm chính xác ông tự bắn mình. Cũng có những câu hỏi về động lực thúc đẩy ông làm việc này. Có phải vụ tự tử là để chấm dứt thời gian dài chiến đấu chống lại bệnh điên? Hay ông cùng quần vì nhận được thư của Theo báo rằng anh không thể vừa chu cấp cho ông cùng lúc với vợ con của anh ta? Hay Vincent quyết định dùng mạng mình để khiến các tác phẩm của ông nổi tiếng và bán chạy? Tôi chưa bao giờ hài lòng vì những giả thuyết này. Tôi nghĩ chuyện này phải có liên quan đến Gachet. Hay đúng hơn là với con gái của Gachet”.

Họ lại bước vào khoảng sân bị bóng râm che phủ. Isherwood hạ tay xuống.

“Trước ngày Vincent tự bắn mình, ông đã đến nhà Gachet. Hai người cãi lộn dữ dội, và Vincent dùng súng đe dọa Gachet. Đây là nguyên nhân vụ tranh cãi? Sau đó Gachet nói rằng nó có liên quan đến một bức vẽ. Tôi nghĩ nguyên nhân là về Marguerite. Có lẽ có liên quan đến bức *Marguerite Gachet bên bàn trang điểm*. Đây là một tuyệt phẩm, một trong những bức chân dung đẹp nhất của Vincent. Dáng ngồi và bối cảnh rõ ràng tượng trưng cho một cô dâu trong đêm tân hôn. Một người như Paul Gachet không thể nào bỏ qua ý nghĩa hiển nhiên của bức tranh. Nếu ông đã thấy bức tranh - không có lí do ông chưa thấy - ắt hẳn ông đã vô cùng giận dữ. Có lẽ Gachet bảo với Vincent rằng chuyện có một đám cưới với con gái mình là không thể. Có lẽ ông cấm không cho Vincent được vẽ con gái mình. Có lẽ ông cấm Vincent *gặp* lại Marguerite. Chúng ta biết là Marguerite không có mặt tại đám tang của Vincent, mặc dù ngày hôm sau người ta thấy cô đầy nước mắt đặt hoa hướng dương lên mộ ông. Cô không bao giờ kết hôn, và sống như một ẩn sỹ tại Auvers cho đến cuối đời vào năm 1949”.

Họ băng qua lối vào phòng tranh của Isherwood và tiếp tục đi.

“Sau cái chết của Vincent, những bức vẽ của ông trở thành tài sản của Theo. Ông chuyển những

tác phẩm Vincent đã vẽ tại Auvers về lưu giữ ở Père Tanguy thuộc Paris. Chẳng bao lâu sau cái chết của Vincent, Theo cũng qua đời, và những bức họa trở thành tài sản của Johanna. Không người bà con nào của Vincent muốn lấy tác phẩm của ông. Anh trai của Johanna nghĩ chúng không đáng giá và đề nghị đốt những bức họa này”. Isherwood nói. “Cậu có tưởng tượng được không?”. Anh lại đẩy mình về phía trước bằng sỏi chân dài. “Johanna lập danh sách những tác phẩm và làm việc không mệt mỏi để xây dựng danh tiếng của Vincent. Chính nhờ Johanna mà Vincent được coi là họa sĩ vĩ đại. Nhưng có một sự bỏ sót quan trọng trong danh sách những tác phẩm được biết đến của Vincent”.

“Marguerite Gachet bên bàn trang điểm”.

“Chính xác”, Isherwood đồng ý. “Đây là tai nạn hay sự cố tình? Dĩ nhiên chúng ta sẽ không bao giờ được biết, nhưng tôi có một giả thuyết. Tôi nghĩ rằng Johanna biết bức vẽ đã góp phần gây nên cái chết của Vincent. Dù gì đi nữa, nó được bán với giá rẻ mạt trong vòng một năm sau cái chết của Vincent và không có ai còn được nhìn thấy nó nữa. Đây cũng là lúc cha tôi bước vào câu chuyện”.

Họ hoàn tất vòng đi dạo đầu tiên vòng quanh sân và bắt đầu vòng đi thứ hai. Bước đi của Isherwood chậm lại khi anh kể về cha mình.

“Trong tim mình bao giờ ông cũng là người Berlin. Ông muốn ở đó mãi mãi. Dĩ nhiên chuyện này là không thể. Cha tôi nhìn thấy đông bão nổi lên nên mau chóng rời bỏ thành phố. Cuối năm 1936, chúng tôi đã rời Berlin và chuyển đến Paris”. Anh nhìn Gabriel. “Thật không may ông cậu không làm như vậy. Ông là một họa sĩ vĩ đại. Cậu xuất thân từ một gia đình danh giá, cậu bé của tôi ạ”.

Gabriel nhanh chóng thay đổi chủ đề. “Phòng tranh của cha anh nằm trên rue de la Boétie đúng không?”

“Đúng vậy”. Isherwood đáp. “Rue de la Boétie là trung tâm thế giới nghệ thuật thời đó. Paul Rosenberg có phòng tranh tại số 21. Picasso và Olga sống bên kia sân tại số 23. Georges Wildenstein, Paul Guillaume, Josse Hessel, Étienne Bignou - tất cả mọi người đều ở đó. Phòng tranh của Isakowitz nằm kế bên phòng tranh của Paul Rosenberg. Picasso là ‘Chú Pablo’ của tôi. Ông ấy thường cho tôi xem ông ấy vẽ, còn Olga hay cho tôi sôcôla đến khi tôi phát ngấy”. Isherwood cho phép mình mỉm cười trong chốc lát, nhưng nụ cười ấy nhanh chóng nhạt đi khi anh tiếp tục câu chuyện về cha mình ở Paris.

“Người Đức đến vào tháng năm 1940 bắt đầu cướp bóc. Cha tôi thuê lâu đài ở Bordeaux bên địa phận thuộc phe Vichy và chuyển phần lớn các bức tranh của ông về nơi này. Chúng tôi nhanh chóng theo ông. Người Đức vượt qua khu vực không chiếm đóng năm 1942, và những vụ bắt bóc trục xuất bắt đầu. Chúng tôi bị kẹt. Cha tôi trả tiền cho hai người chẵn cừu xứ Basque đưa tôi vượt núi tới Tây Ban Nha. Ông đưa tôi một vài tài liệu để mang theo, danh mục các tác phẩm và hai quyển nhật ký. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy ông”.

Có tiếng còi xe lớn trên đường Duke; những con chim bồ câu bay tán loạn trên khoảnh sân có bóng râm.

“Mãi nhiều năm sau tôi mới đọc những quyển nhật ký. Trong một quyển cha tôi đã kể về một bức tranh ông trông thấy ở Paris tại nhà một người tên là Isaac Weinberg”.

“Marguerite Gachet bên bàn trang điểm”.

“Wienberg bảo với cha tôi rằng ông ta mua bức tranh từ Johanna không lâu sau khi Vincent chết và đã tặng vợ làm quà sinh nhật. Cha tôi hỏi Isaac liệu ông có muốn bán không, và Isaac

trả lời là không. Ông dặn cha tôi không được nhắc về bức tranh cho bất kì ai. Cha tôi đã làm theo lời ông ấy”.

Điện thoại di động của Isherwood reo, nhưng anh phớt lờ.

“Vào đầu những năm 1970, ngay trước khi tôi gặp anh, tôi đang đi công tác tại Paris. Tôi có vài giờ rảnh rang giữa các cuộc hẹn, nên quyết định đến tìm Isaac Weinberg. Tôi đến địa chỉ ở quận Marais được ghi trong quyển sổ tay của cha tôi, nhưng Weinberg không ở đó. Ông đã mất mạng trong chiến loạn. Nhưng tôi gặp con trai ông, Marc, và kể với anh ta về đoạn trong quyển nhật ký của cha tôi. Ban đầu anh ta phủ nhận câu chuyện, nhưng cuối cùng cũng nhượng bộ cho tôi xem bức tranh sau khi bắt tôi thề phải giữ bí mật mãi mãi. Tôi hỏi liệu anh ta có muốn bán nó không. Anh ta từ chối”.

“Anh chắc chắn đây là tác phẩm của Vincent?”

“Không mấy may nghi ngờ”.

“Kể từ hồi ấy đến giờ anh không quay lại đó?”

“Ngài Weinberg đã nói rất rõ sẽ không bao giờ bán bức tranh. Tôi thấy không cần thiết”.

Isherwood dừng lại quay sang đối diện với Gabriel. “Được rồi, bạn thân mến. Tôi đã kể anh nghe mọi chuyện. Bây giờ anh kể tôi nghe chuyện này là như thế nào”.

“Tôi cần bức hoạ đó của Van Gogh, Julian”.

“Để làm gì?”

Gabriel nắm tay áo của Isherwood dẫn anh ta về phía cửa phòng tranh.

Có tấm bảng gắn bộ đàm kế bên cánh cửa kiếng có bốn cái nút và bốn bảng tên tương ứng. Một tấm bảng ghi: PHÒNG TRANH ISHERWOOD: CHỈ TIẾP KHÁCH CÓ HẸN. Isherwood mở cửa bằng chìa khóa và dẫn Gabriel lên cầu thang trải thảm xơ xác. Trên đầu cầu thang là hai cánh cửa nữa. Ở bên trái là một đại lý du lịch làm ăn không mấy phát đạt. Người chủ, một cô gái già tên là Archer, đang ngồi tại bàn dưới tấm áp phích có hình một cặp nam nữ đang vui vẻ nô đùa trong làn nước xanh ngắt. Cô thư ký mới nhất của anh, một cô gái đáng thương tên Tanya, nhìn họ chăm chú khi Isherwood và Gabriel bước vào. “Đây là ông Klein”, Isherwood giới thiệu.

“Ông muốn xem vài bức tranh trên lầu. Không ai được phép quấy rầy chúng tôi. Như vậy mới là cô gái ngoan, Tanya yêu mến ạ”.

Họ bước vào cầu thang máy có kích cỡ một trạm điện thoại, và bấm nút đi lên. Họ đứng sát nhau đến nỗi Gabriel có thể ngửi thấy mùi rượu vang đỏ tối hôm qua trong hơi thở của Isherwood. Một vài giây sau, thang máy rung rung dừng lại và cánh cửa mở ra kêu kéo kẹt. Phòng trưng bày của Isherwood nửa sáng nửa tối, chỉ được chiếu sáng bởi ánh mặt trời rọi vào qua khung cửa sổ trên mái nhà. Isherwood ngồi xuống chiếc đi văng bọc nhung ở giữa phòng trong khi Gabriel đi chầm chậm quanh phòng ngắm các bức tranh. Những bức tranh gần như vô hình trong bóng tối nhưng anh biết chúng rất rõ: bức Venus của Luini, Lễ Thánh đản của Perino del Vaga, Lễ rửa tội Chúa Jesu của Bordone, một bức tranh phong cảnh rực rỡ của Claude.

Isherwood mở miệng định cất tiếng nói nhưng Gabriel đưa tay lên môi và móc ra từ túi áo khoác một đồ vật nhìn có vẻ giống một chiếc điện thoại Nokia thông thường. Nó thật sự là một chiếc điện thoại Nokia nhưng có thêm một vài chức năng không dành cho những người bình thường, như thiết bị dò tín hiệu GPS và thiết bị có thể phát hiện sự hiện diện của máy phát tín hiệu. Gabriel đi vòng quanh phòng lần nữa, lần này mắt anh nhìn vào điện thoại. Sau đó anh ngồi xuống kế bên Isherwood, bằng giọng nhỏ nhất có thể, Gabriel nói cho anh ta biết lí do tại

sao mình cần bức Van Gogh.

“Zizi al-Bakari?”. Isherwood hỏi với vẻ không tin. “Một tên khủng bố khát máu? Cậu chắc không?”

“Ông ta không gài bom, Julian. Ông ta cũng không chế bạo bom. Nhưng ông ta trả tiền hoá đơn, và dùng để chế kinh doanh của mình để giúp cho hoạt động của những tên khủng bố và vận chuyển trang thiết bị đi toàn cầu. Trong thế giới ngày nay việc này cũng xấu xa như trực tiếp thực hiện hành động khủng bố. *Thậm chí còn tệ hơn*”.

“Tôi gặp ông ta một lần, nhưng chắc ông ta không nhớ. Tôi đã đến dự bữa tiệc tại dinh cơ của ông ta ở Gloucestershire. Bữa tiệc thật vĩ đại. Cả biển người. Chẳng thấy Zizi ở đâu. Ông ta chỉ xuất hiện vào phút cuối giống Gatsby chết tiệt. Được vây quanh bởi các vệ sỹ, thậm chí là ở ngay trong nhà mình. Một gã kì lạ. Mặc dù vậy ông ta là người sưu tập rất đam mê, đúng không? Nghệ thuật. Phụ nữ. Bất cứ cái gì tiền có thể mua được. Kẻ sẵn mồi, tôi nghe người ta nói về ông ta như vậy. Tôi chưa bao giờ từng làm ăn với ông ta. Sở thích của Zizi không phải ở tranh của những bậc thầy. Zizi thích trường phái Ấn tượng và những tác phẩm hiện đại. Tất cả những người Ảp Xêút đều như vậy. Họ không thích hình tượng Thiên Chúa giáo trong tranh của các bậc thầy thời xưa”.

Gabriel ngồi xuống kế bên Isherwood. “Ông ta không có bức Van Gogh nào, Julian. Ông ta có hé lộ rằng mình đang tìm kiếm, nhưng không phải bất cứ bức tranh Van Gogh nào ông ta cũng thích. Ông ta muốn một bức thật đặc biệt”.

“Theo tôi biết, ông ta mua tranh rất kỹ tính. Ông ta có thể chi hàng đồng tiền, nhưng luôn chi một cách khôn ngoan. Ông ta có bộ sưu tập sánh ngang với một bảo tàng, nhưng bây giờ tôi mới được biết là ông ta không có tác phẩm nào của Van Gogh”.

“Cổ vấn nghệ thuật của ông ta là một người Anh tên Andrew Malone. Anh biết ông ta không?”

“Thật không may, Andrew và tôi biết nhau rất rõ. Ông ta đào bới rất sâu vào túi tiền của Zizi. Đi nghỉ trên du thuyền của Zizi. Chiếc du thuyền ấy to như chiếc Titanic chết tiệt. Andrew rất lươn lẹo và có tính cách dơ bẩn”.

“Như thế nào?”

“Ông ta ăn hai bên, bạn thân mến ạ”.

“Ý anh là sao, Julian?”

“Andrew có bản hợp đồng độc quyền với Zizi, có nghĩa là ông ta không được nhận tiền từ bất cứ người bán hay sưu tập tranh nào. Đó là cách những đại gia như Zizi chắc chắn rằng lời tư vấn họ nhận được không bị ảnh hưởng bởi những mâu thuẫn về quyền lợi”.

“Malone đã làm gì?”

“Tổng tiền, ăn hoa hồng nước đôi”.

“Anh chắc chứ?”

“Chắc chắn, bạn thân mến ạ. Mọi người ở đây biết rằng nếu muốn làm ăn với Zizi, phải trả tiền phí qua cửa cho Andrew Malone”.

Isherwood bỗng nhiên đứng dậy đi dọc phòng.

“Vậy kế hoạch của cậu là gì? Nhử hấn ra khỏi ổ bằng bức tranh của Van Gogh à? Nhử bức tranh trước mặt ông ta và hi vọng ông ta cắn câu? Nhưng sẽ có điều gì khác ở cuối cần câu, đúng không? Một trong những điệp viên của cậu?”

“Một thứ gần giống vậy”.

“Cậu dự định tiến hành công việc ngông cuồng này ở đâu? Theo tôi đoán là ở đây à?”

Gabriel nhìn quanh căn phòng một cách hài lòng. “Đúng vậy”, anh nói. “Tôi sẽ làm công việc này êm thấm thôi”.

“Tôi sợ điều này lắm”.

“Tôi cần một người môi giới”, Gabriel nói. “Một người có danh tiếng trong ngành. Một người tôi có thể tin tưởng”.

“Tôi làm trong lĩnh vực tranh của các bậc thầy, không phải các họa sỹ theo trường phái Ấn tượng”.

“Điều này không ảnh hưởng đến một thương vụ kín tiếng như vụ này”.

Isherwood không tranh cãi. Anh biết Gabriel nói đúng. “Cậu đã tính đến hậu quả dành cho tôi nếu vụ làm ăn của cậu thành công chưa? Tôi sẽ là người bị đánh dấu. Tôi có thể xử những vụ như Oliver Dimbleby, nhưng bọn al-Qaeda khát máu lại là một chuyện khác”.

“Dĩ nhiên chúng tôi phải lo sự an toàn cho anh sau khi thành công”.

“Tôi rất thích cách nói giảm của cậu, Gabriel. Cậu và Shamron luôn tìm cách nói giảm để mọi việc nhẹ nhàng hơn khi sự thật trở nên quá khủng khiếp. Họ sẽ treo giá lên đầu tôi. Tôi phải đóng cửa tiệm. Phải chạy trốn”.

Gabriel không bị lay động bởi những lời phản đối của Julian. “Anh không còn trẻ nữa, Julian. Anh gần kết thúc con đường của mình rồi. Anh không có con cái. Không người thừa tự. Ai sẽ thừa kế phòng tranh. Thêm nữa, anh nên suy nghĩ một chút về mức hoa hồng anh nhận được trong vụ bán riêng một tác phẩm trước đây chưa từng được biết đến của Van Gogh. Thêm vào đó là việc bán những tác phẩm anh hiện có. Mọi việc còn có thể tệ hơn nhiều, Julian”.

“Tôi đang hình dung ra một biệt thự xinh đẹp ở miền nam nước Pháp. Một cái tên mới. Và một đội an ninh của Văn phòng chăm sóc tôi trong lúc về già”.

“Nhớ để dành phòng cho tôi”.

Isherwood ngồi xuống lại. “Kế hoạch của cậu có một lỗ hổng lớn. Cậu sẽ dễ lừa lão khùng bố đó hơn là mua bức Van Gogh. Giả sử bức tranh đó vẫn còn là tài sản của nhà Weinberg, điều gì làm cậu nghĩ họ sẽ chịu bán nó?”

“Ai nói gì về việc bán những bức tranh nhỉ?”

Isherwood mỉm cười. “Tôi sẽ lấy địa chỉ cho cậu”.

Chương 14

Quận Marais, Paris



“Anh nên ăn cái gì đó”, Uzi Navot nói.

Gabriel lắc đầu. Anh đã ăn trưa trên tàu từ Luân Đôn.

“Ăn súp củ cải đỏ đi”, Navot đề nghị. “Anh không thể đến Jo Goldenberg mà không ăn súp củ cải đỏ”.

“Tôi không muốn ăn”, Gabriel đáp. “Màu đỏ sẫm làm tôi lo lắng”.

Navot bảo bồi bàn cho một tô ngoại hạng súp củ cải đỏ và một ly rượu vang đỏ. Gabriel nhú mồm nhìn ra ngoài cửa sổ. Cơn mưa lớn đang xối xả rơi xuống nền đá lát rue de Rossiers, trời nhanh chóng chuyển tối. Anh đã muốn gặp Navot ở một nơi khác hơn là nhà hàng nổi tiếng nhất trong quận người Do Thái đông đúc nhất ở Paris, nhưng Navot nhất định gặp ở Jo Goldenberg, dựa trên niềm tin rằng nơi tốt nhất để giấu cây thông chính là trong rừng.

“Nơi này làm tôi lo lắng”, Gabriel nói nhỏ. “Chúng ta đi dạo đi”.

“Trong thời tiết này? Anh quên đi. Với lại không ai nhận ra anh trong bộ dạng này. Thậm chí cả tôi cũng gần như không nhận ra khi anh bước qua cửa”.

Gabriel nhìn khuôn mặt mờ mờ phản chiếu qua gương. Anh đội chiếc mũ bê rê bằng vải nhung sọc, đeo kính sát tròng khiến mắt anh chuyển sang màu nâu, và bộ râu dê giả làm tăng thêm nét gầy gò của gương mặt. Anh đã đến Paris bằng hộ chiếu Đức giả dưới tên Heinrich Kiever. Sau khi đến ga Nord, anh dành hai tiếng đi dạo dọc bờ sông Seine để kiểm tra xem mình có bị bám đuôi không? Trong chiếc túi đeo trên vai là một quyển Voltaire sờn rách anh mua tại một bouquet tại Quai Montebello.

Anh quay người nhìn Navot. Anh ta có bờ vai rộng, trẻ hơn Gabriel vài tuổi, tóc màu vàng dâu và mắt xanh nhạt. Theo thuật ngữ của Văn phòng, anh ta là *katsa*, điệp viên tác nghiệp có vỏ bọc và là sỹ quan tình báo. Biết nhiều ngôn ngữ, có vẻ bề ngoài quyến rũ, cộng với vẻ ngạo mạn bẩm sinh, Navot đã thâm nhập được vào các nhóm khủng bố người Palestine và tuyển mộ nhân viên trong các đại sứ quán Ảrập ở Tây Âu. Anh có nguồn tin ở hầu hết các Cục Tình báo và An ninh châu Âu, và quản lý một mạng lưới *sayanim* rộng khắp. Anh luôn được dành bàn tốt nhất tại phòng trong khách sạn Ritz ở Paris vì người quản lý khách sạn và bồi bàn trưởng là những người cung cấp tin được trả tiền. Bây giờ Navot đang mặc áo khoác ngoài bằng vải lanh màu xám và áo len cổ tròn màu đen, vì danh tính của anh ở Paris là Vincent Laffont, một người chuyên viết về du lịch tự do, quê quán ở Breton và hay đi đó đây. Ở Luân Đôn anh được biết đến như là Clyde Bridges, một Giám đốc tiếp thị người châu Âu của một công ty Canada kinh doanh phần mềm không mấy tiếng tăm. Ở Madrid, anh là người Đức giàu có hay la cà ở những quán cà phê và quán bar, và thường đi du lịch để giải tỏa những gánh nặng của một tâm hồn phức tạp không yên ổn.

Navot thò tay vào cặp lấy ra một bìu hồ sơ đặt lên bàn trước mặt Gabriel. “Trong này có thông tin về người sở hữu bức tranh Van Gogh của anh”, anh ta nói. “Anh xem đi”.

Gabriel cẩn thận mở bìu ra. Bức ảnh cho thấy một phụ nữ trung niên hấp dẫn có mái tóc đen gọn sóng, làn da ngăm ngăm, và mũi khoằm dài. Cô ta cầm chiếc ô che đầu và đang bước xuống những bậc thang bằng đá ở Montmatre.

“Hannah Weinberg”, Navot nói. “Bốn mươi bốn tuổi, không kết hôn, không con cái. Người Do Thái điển hình. Con một và không người thân thích. Với tốc độ này, chúng ta sẽ không cần đến diện tích một tiểu bang thì cũng đủ chỗ cho toàn bộ dân Do Thái”. Navot nhìn xuống buồn bã, anh tiếp tục ăn đến món gà và rau. Anh có xu hướng chán nản mỗi khi nhắc đến tương lai người Do Thái. “Cô ta sở hữu một cửa hàng thời trang ở Monmatre tại rue Lepic. Tên cửa hàng là Lepic. Tôi chụp bức hình khi cô ta đang đi ăn trưa. Tôi có cảm giác cửa hàng được mở ra vì sở thích của cô ta hơn là vì nghề nghiệp. Tôi đã kiểm tra tài khoản ngân hàng của cô ta. Marc Weinberg để lại cho con gái rất nhiều tiền”.

Bồi bàn mang tô canh cải đỏ đến đặt trước mặt Gabreil. Ngay lập tức anh đẩy nó ra giữa bàn. Anh chưa bao giờ ưa mùi cải đỏ. Navot bỏ một miếng bánh mì vào nước canh và nhấn xuống bằng thìa.

“Weinber là một người rất thú vị. Ông ta là luật sư rất giỏi ở Paris. Ông cũng luôn đấu tranh cho những việc đã xảy ra. Ông gây nhiều sức ép lên chính phủ về việc thú nhận vai trò của người Pháp trong Vụ thảm sát. Kết quả là một số giới ở Paris không ưa thích ông cho lắm”.

“Còn cô con gái thì sao? Quan điểm chính trị của cô là gì?”

“Cô ta là một nhà xã hội châu Âu ôn hòa, nhưng đây không phải là tội ác ở Pháp. Cô cũng thừa hưởng chút ít tính chiến đấu của người cha. Cô tham gia vào nhóm chiến đấu với chủ nghĩa bài Do Thái ở đây. Cô đã gặp Tổng thống Pháp một lần. Hãy nhìn bên dưới tấm hình đó”.

Gabreil nhìn thấy một bài cắt ra từ tạp chí Pháp về làn sóng chống chủ nghĩa bài xích dân Do Thái ở Pháp. Bức ảnh kèm theo cho thấy những người phản đối dân Do Thái đang đi diễu hành qua một trong những cây cầu của sông Seine. Đứng đầu hàng, mang theo biển hiệu có ghi dòng chữ HÃY CHẤM DỨT NGAY SỰ CẢM GHÉT, là Hannah Weinberg.

“Cô ta đã trở về Israel lần nào chưa?”

“Ít nhất là bốn lần. Shabak đang điều tra ở đầu bên kia để chắc chắn rằng cô ta không ngồi ở Ramallah vạch ra âm mưu cùng bọn khủng bố. Tôi dám cá họ sẽ không tìm được gì ở cô ta. Cô ta là vàng, Gabriel. Cô ta là món quà từ các vị thần tình báo”.

“Sở thích tình dục thì sao?”

“Đàn ông, theo như chúng tôi biết. Cô ta đang có quan hệ với một viên chức”.

“Người Do Thái?”

“Cám ơn Chúa”.

“Cậu đã vào căn hộ của cô ta chưa?”

“Tôi vào đó cùng một đội *neviot*”.

Đội *neviot* chuyên môn thu thập thông tin từ những mục tiêu cứng như căn hộ, văn phòng, và phòng khách sạn. Đơn vị này thuê một vài nghệ nhân đột nhập và trộm tốt nhất trên thế giới. Gabriel có những kế hoạch khác cho họ trong vụ này - dĩ nhiên là với điều kiện Hannah Weinberg chịu xa bức họa Van Gogh của cô ta.

“Cậu đã thấy bức họa chưa?”

Navot gật đầu. “Cô ta giữ nó trong phòng ngủ thời thơ ấu”.

“Bức họa trông thế nào?”

“Anh muốn tôi đánh giá về một bức tranh của Van Gogh?”. Navot nhún đôi vai rộng. “Đó là bức vẽ rất đẹp về một cô gái đang ngồi bên bàn trang điểm. Tôi không có khiếu thẩm mỹ như anh. Tôi thích ăn thịt gà và thích xem phim tình cảm tại rạp chiếu phim. Anh không ăn súp kia”.

“Tôi không thích món súp này, Uzi. Tôi đã bảo với cậu là tôi không thích”.

Navot dùng thìa của Gabriel khuấy để làm nhạt màu món canh đỏ tía.

“Chúng tôi đã nhìn sơ qua giấy tờ của cô ta”, Navot nói. “Chúng tôi lục lọi tủ đồ và ngăn kéo. Chúng tôi cũng gài máy ghi âm vào điện thoại và máy tính. Không có gì là quá cẩn thận trong trường hợp như thế này”.

“Theo dõi?”

Navot trông có vẻ bị chạm tự ái vì câu hỏi. “Dĩ nhiên”, cậu ta đáp.

“Vậy trạm nghe ở chỗ nào?”

“Hiện tại đang là xe tải. Nếu cô ta đồng ý giúp chúng ta sẽ cần thứ cố định hơn. Một trong số những cậu bé thuộc đội *neviot* đang đi tìm quanh khu này xem có căn hộ nào thích hợp không”. Navot đẩy phần thừa của tô gà sang một bên và bắt đầu tấn công sang tô súp của Gabriel. Mặc dù có những nét tinh tế của người châu Âu, về bản chất cậu vẫn là nông dân xuất thân từ một trang trại.

“Tôi có thể thấy chuyện này đang dẫn đến đâu”, cậu nói giữa các lần húp canh. “Anh sẽ lần theo dấu vết của kẻ xấu, còn tôi phải mất cả năm theo dõi cô gái. Nhưng mọi chuyện luôn như vậy giữa hai chúng ta, đúng không? Anh giành được mọi vinh quang trong khi những người lâm trận trực tiếp như chúng tôi phải làm công việc xúc xẻng. Chúa ơi, anh đã cứu được Giáo hoàng. Làm sao một kẻ phạm phụ tục tử như tôi dám ganh tị với điều này?”

“Ngậm miệng lại ăn súp đi, Uzi”.

Là người được Shamron lựa chọn không phải là không có giá của nó. Gabriel đã quen với sự ganh tị trong công việc của các đồng nghiệp.

“Mai tôi phải rời Paris”, Navot nói. “Tôi chỉ đi một ngày”.

“Cậu đi đâu?”

“Amos muốn trao đổi với tôi”. Navot dừng lại, sau đó nói thêm. “Tôi nghĩ là về Lực lượng Đặc nhiệm. Công việc mà *anh* đã từ chối”.

Một sự lựa chọn đúng đắn, Gabriel nghĩ. Navot là một điệp viên thực địa tài năng đã tham gia vào nhiều phi vụ lớn, trong đó có một vài vụ cộng tác với Gabriel.

“Đó có phải là điều cậu muốn không, Uzi? Một công việc tại Đại lộ King Saul?”

Navot nhún vai. “Tôi đã bôn ba trận mạc lâu rồi. Bella muốn kết hôn. Rất khó có cuộc sống ổn định khi anh sống như thế này. Nhiều sáng thức dậy tôi không biết cuối ngày mình sẽ ở đâu. Tôi có thể điểm tâm ở Berlin, ăn trưa ở Amsterdam, và ngồi tại đại lộ King Saul vào nửa đêm để báo cáo với Giám đốc”. Navot mỉm cười đồng lõa với Gabriel. “Đây là điều người Mỹ không bao giờ hiểu được về chúng ta. Họ đặt sự quan tâm vào những cái hộp nhỏ và vả vào cổ tay họ khi những người này bước qua vạch. Văn phòng không bao giờ như vậy. Chưa bao giờ như vậy. Điều này khiến đây là công việc vĩ đại nhất trên thế giới - và lí do tại sao Cục của chúng ta làm việc tốt hơn họ nhiều. Họ sẽ không biết cách làm gì với một người như anh”.

Navot đã chán món súp. Anh ta đẩy tô súp qua bên kia bàn, để trông có vẻ như Gabriel đã ăn tô canh này. Gabriel giơ tay định lấy ly rượu, nhưng anh lại thôi. Anh vẫn còn bị nhức đầu do đi xe lửa và thời tiết ẩm ướt ở Paris, thêm vào đó, rượu kosher có mùi như nước sơn pha loãng.

“Nhưng công việc này để lại hậu quả đối với hôn nhân và các mối quan hệ của chúng ta, đúng không Gabriel? Bao nhiêu người trong số chúng ta ly dị? Bao nhiêu người cặp bồ khi đi làm việc? Ít nhất nếu tôi làm việc ở Tel Aviv, tôi sẽ ở gần nhà hơn. Vẫn có nhiều chuyến đi do công việc nhưng ít hơn lúc này. Bella có một nơi gần bãi biển ở Caesarea. Cuộc sống sẽ rất thú vị”. Navot lại nhún vai. “Hãy nghe tôi. Tôi đang cư xử như thể Amos đã đề nghị tôi làm công việc đó. Nhưng thực ra Amos chưa nói gì. Tất cả theo như tôi biết là ông ta triệu tôi về đại lộ King Saul để sa thải tôi”.

“Đừng ngó ngán thế. Cậu là người có khả năng nhất cho công việc này. Cậu sẽ là sếp tôi, Uzi”.

“Sếp anh? Cho tôi xin. Không ai là sếp của anh cả, Gabriel. Chỉ có ông già”. Vẻ mặt của Navot đột nhiên trở nên nghiêm túc. “Ông ấy như thế nào rồi? Tôi nghe nói là không được tốt lắm.

“Ông ấy sẽ ổn thôi”, Gabriel trấn an.

Họ im lặng khi người bồi đến dọn bàn. Đợi anh ta đã rời đi, Gabriel đưa tập hồ sơ cho Navot. Anh ta bỏ nó lại vào trong cặp.

“Anh dự định làm gì với Hannah Weinberg?”

“Tôi dự định yêu cầu cô ta nhả bức họa trị giá tám mươi triệu đô ra. Tôi phải nói với cô ta sự thật - hay ít nhất một phần sự thật. Sau đó chúng ta sẽ phải giải quyết những hậu quả về an ninh”.

“Cách tiếp cận như thế nào? Anh dự định sẽ nhảy múa một chút hay đi thẳng vào vấn đề?”

“Tôi không khiêu vũ, Uzi. Tôi chưa bao giờ có thời gian để khiêu vũ”.

“Ít nhất anh cũng không phải thuyết phục cô ta tin anh là ai. Nhờ vào cục An ninh Pháp, mọi người dân ở Paris đều biết tên và khuôn mặt của anh. Anh muốn bắt đầu khi nào?”

“Tối nay”.

“Nếu vậy thì anh may mắn đấy”.

Navot nhìn ra ngoài cửa sổ. Gabriel nhìn theo ánh mắt anh ta và thấy một người phụ nữ tóc đen đang đi trên rue des Rosiers dưới chiếc ô. Anh đứng dậy, lao ra phía cửa mà không nói một lời. “Đừng lo, Gabriel”. Navot tự nói với mình. “Tôi sẽ lo thanh toán hóa đơn”.

Đến cuối đường, Hannah Weinberg quẹo trái rồi biến mất. Gabriel dừng lại ở góc phố nhìn những người đàn ông Chính Thống giáo mặc áo khoác đen xếp hàng vào giáo đường lớn cầu kinh buổi tối. Sau đó anh nhìn xuống rue Pavée và thấy bóng Hannah Weinberg dần đi khuất vào những chỗ tối. Cô dừng lại trước lối vào một căn hộ chung cư và tìm chìa khóa trong chiếc túi xách tay. Gabriel đi về hướng căn hộ và dừng lại cách cô vài bước, ngay khi tay cô đưa ra chuẩn bị tra chìa vào ổ.

“Thưa cô Weinberg?”

Cô quay lại điềm tĩnh nhìn anh. Trong bóng tối, mắt cô ánh lên sự bình thản và thông minh. Chẳng biết cô có giật mình vì sự tiếp cận của anh hay không, bởi cô không để lộ điều này.

“Cô là Hannah Weinberg, đúng không?”

“Tôi có thể làm gì cho ông, thưa ông?”

“Tôi cần sự giúp đỡ của cô”, Gabriel đáp. “Tôi tự hỏi không biết liệu chúng ta có thể nói với nhau vài lời ở chỗ riêng tư được không?”

“Chúng ta có quen nhau không, thưa ông?”

“Không”, Gabriel đáp.

“Nếu vậy thì làm sao tôi có thể giúp ông được?”

“Sẽ tiện hơn nếu chúng ta bàn chuyện này ở chỗ riêng tư, thưa cô”.

“Tôi không có thói quen vào chỗ riêng tư với đàn ông lạ, thưa ông. Bây giờ xin phép ông”.
Cô quay người đi và đưa chìa vào ổ khóa lần nữa.

“Chuyện này là về bức họa của cô, thưa cô Weinberg. Tôi cần nói chuyện với cô về bức họa Van Gogh”.

Cô cứng người lại và nhìn anh một lần nữa. Ánh mắt của cô vẫn điềm tĩnh.

“Tôi rất tiếc phải làm ông thất vọng, thưa ông, nhưng tôi không có bức tranh nào của Van Gogh. Nếu ông muốn ngắm vài tác phẩm của Vincent, mời ông đến bảo tàng d’Orsay”.

Cô lại nhìn đi chỗ khác.

“Marguerite Gachet bên bàn trang điểm”, Gabriel điềm tĩnh nói. “Bức họa được ông cô mua từ Johanna, người vợ góa của Van Gogh, và ông cô đã tặng cho bà cô làm quà sinh nhật. Bà cô có nét giống với cô Gachet. Khi cô còn bé, bức vẽ treo trong phòng ngủ của cô. Tôi cần tiếp tục kể không?”

Vẻ điềm tĩnh của cô biến mất. Khi cất tiếng lại sau một khoảng thời gian yên lặng vì sững sờ, giọng cô có vẻ bất ngờ. “Làm sao ông biết về bức vẽ?”

“Tôi không được phép tiết lộ”.

“Dĩ nhiên là không”. Cô nói câu này với mục đích lảng mạ. “Cha tôi luôn cảnh báo với tôi rằng một ngày nào đó sẽ có một gã buôn tranh người Pháp tham lam cố gắng cướp bức tranh khỏi tôi. Bức tranh này không để bán, và nếu nó bị mất, tôi chắc chắn sẽ mô tả về ông với cảnh sát”.

“Tôi không phải là người buôn tranh - và cũng không phải là người Pháp”.

“Vậy thì ông là ai?”, cô hỏi. “Ông muốn làm gì với bức tranh của tôi?”

Chương 15

Quận Marais, Paris



ân trong tối và vắng người, nó chỉ được chiếu sáng bằng ánh đèn của những căn hộ bên trên. Họ băng qua sân trong yên lặng và tiến vào sảnh, nơi có thang máy theo kiểu cũ đang chờ sẵn. Cô không dùng thang máy mà đi thang bộ lên lầu bốn. Trên đầu cầu thang là hai cánh cửa to sừng sững bằng gỗ gụ. Cánh cửa bên tay phải không có bảng tên. Cô mở cửa dẫn anh vào nhà. Gabriel chú ý đến chi tiết cô bấm mật mã vào bàn phím trước khi bật đèn lên. Anh công nhận rằng Hannah Weinberg rất giỏi giữ bí mật.

Đây là một căn hộ lớn, có tiền sảnh trang trọng và thư viện nối với phòng khách. Đồ đạc cổ xưa nằm yên lặng trong lớp vải bọc bằng kim tuyến phai màu, rèm cửa bằng vải nhung dày treo trên các cửa sổ, và một chiếc đồng hồ bằng đồng giả vàng sai giờ đang chạy tích tắc trên mặt lò sưởi. Con mắt chuyên môn của Gabriel thu tóm ngay lập tức sáu bức tranh bằng dầu rất đẹp treo trên tường. Nó tạo nên ấn tượng rằng cả một kỷ nguyên đã trôi qua. Thật ra Gabriel cũng không ngạc nhiên lắm nếu như anh có trông thấy Paul Gachet đang ngồi đọc báo bên ánh đèn khí.

Hannah Weinberg cởi áo khoác, sau đó đi vào nhà bếp. Gabriel tận dụng cơ hội này quan sát thư viện. Những quyển sách luật bọc da xếp trong những tủ sách bằng gỗ trang trọng có cửa kính. Trong đây có thêm nhiều bức tranh - phong cảnh bình thường, người đàn ông cười ngượng, trận chiến trên biển - nhưng không có gì chứng tỏ khả năng người chủ đang sở hữu một bức tranh thất lạc của Van Gogh.

Anh quay vào phòng khách khi Hannah Weinberg trở lại từ nhà bếp cùng chai Sancerre và hai cái ly. Cô đưa Gabriel cái chai cùng đồ mở nắp rồi chăm chú nhìn đôi bàn tay anh khi anh mở nút chai. Trông cô không hấp dẫn như ở trong bức hình của Uzi. Có lẽ đây là trò hoá trang ánh sáng của Paris, cũng có thể người phụ nữ nào trông cũng sẽ hấp dẫn khi đang bước xuống bậc thang ở Monmartre. Váy len xếp nếp và áo len dày che giấu một thân hình mà Gabriel nghĩ là mập mạp. Lông mày của cô rất rậm khiến khuôn mặt cô nhuốm nét trang nghiêm. Khi cô ngồi như thế này trong căn phòng được trang trí theo kiểu xưa, trông cô già hơn tuổi bốn mươi bốn rất nhiều.

“Tôi rất ngạc nhiên khi thấy ông ở Paris, ông Allon. Lần cuối tôi đọc tên ông trên báo, ông vẫn đang bị cảnh sát Pháp truy nã để thẩm tra”.

“Tôi e rằng bây giờ họ vẫn còn đang truy nã”.

“Nhưng ông vẫn đến đây chỉ để gặp tôi? Việc này ắt hẳn rất quan trọng”.

“Đúng vậy, thưa cô Weinberg”.

Gabriel rót đầy hai ly rượu, đưa cô một ly, và nâng ly của mình lên chúc trong im lặng. Cô cũng làm giống anh, sau đó đưa rượu lên môi.

“Ông có biết sau vụ đánh bom, mọi chuyện ở Marais diễn ra như thế nào không?”. Cô tự trả lời câu hỏi của mình. “Tình hình rất căng thẳng. Người ta đồn thổi rằng việc này là do người Israel làm. Ai cũng tin vào lời đồn ấy. Không may là chính phủ Pháp rất chậm chạp trong việc giải quyết tình trạng trên, ngay cả khi đã biết đây chỉ là lời nói dối. Con cháu của chúng tôi bị đánh đập trên phố. Cửa nhà và cửa tiệm của chúng tôi bị ném đá. Người ta xịt lên các bức tường Marais cũng như các khu khác những lời lẽ kinh khủng. Chúng tôi phải chịu đựng tất cả chỉ vì những điều đã xảy ra tại nhà ga xe lửa đó”. Cô nhìn anh soi mói, tựa như muốn xem anh có phải đúng là người trên báo và truyền hình không. Nhưng ông cũng phải chịu đựng, đúng không? Vì chính vợ ông cũng bị kéo vào vụ này?”

Sự thẳng thắn trong câu hỏi của Hannah Weinberg làm Gabriel ngạc nhiên. Bản năng đầu tiên của anh là nói dối, là che giấu sự thật, lái cuộc trò chuyện trở lại chủ đề mà anh lựa chọn. Nhưng đây là một vụ tuyển mộ - một vụ tuyển mộ hoàn hảo, Shamron luôn nói, về bản chất là một sự quyến rũ hoàn hảo. Khi một người đang quyến rũ người khác, Gabriel nhắc chính mình, anh ta phải tiết lộ một chút gì đó về bản thân.

“Chúng dụ tôi vào ga Lyon bằng cách bắt cóc vợ tôi”, anh kể. “Mục đích của chúng là giết chết cả hai chúng tôi, bôi nhọ nước Israel và làm cho mọi chuyện trở nên tồi tệ đối với người Do Thái ở Pháp”.

“Chúng đã thành công... trong một khoảng thời gian ngắn, ít nhất là như vậy. Đừng hiểu lầm tôi, ông Allon, mọi việc vẫn còn tồi tệ đối với chúng tôi ở đây. Chỉ là không tệ như những ngày sau vụ nổ bom”. Hannah Weinberg nhấp thêm một chút rượu vang, sau đó bắt chéo chân và chỉnh lại cho thẳng những nếp gấp trên váy. “Câu hỏi này có vẻ là một câu ngớ ngẩn, vì tôi đã biết ông làm cho ai, nhưng sao ông biết về bức tranh Van Gogh của tôi?”

Gabriel im lặng một lúc, sau đó anh trả lời cô chân thật. Hannah nhoẻn miệng cười khi nhớ lại chuyến viếng thăm của Isherwood đến căn hộ này ba mươi năm về trước.

“Tôi nghĩ tôi nhớ anh ta”, cô nói. “Một người rất cao, đẹp trai, đầy quyến rũ và duyên dáng nhưng lại cũng khá dễ tổn thương”. Cô dừng lại, sau đó nói thêm, “Giống như ông”.

“Quyến rũ và duyên dáng không phải là những từ dành cho tôi”.

“Còn dễ bị tổn thương thì sao?”. Cô hơi mỉm cười với anh. Nụ cười làm dịu bớt những nét nghiêm khắc trên khuôn mặt cô. “Tất cả chúng ta ai cũng dễ bị tổn thương ở một mức nào đó, đúng không. Thậm chí một người như anh cũng vậy. Những tên khủng bố tìm ra chỗ dễ bị tổn thương, và đã khai thác điều này. Đó là điều chúng thành thạo nhất. Chúng khai thác tính đứng đắn, sự tôn trọng cuộc sống của mỗi người. Chúng săn tìm những thứ chúng ta yêu quý”.

Navot nói đúng, Gabriel nghĩ. Cô ta là món quà từ các vị thần tình báo. Anh đặt ly lên bàn.

Hannah dõi mắt theo từng cử động của anh.

“Chuyện gì xảy ra với người đàn ông tên Samuel Isakowitz?”. Cô hỏi. “Ông ta sống sót chứ?”

Gabriel lắc đầu. “Ông ấy và vợ bị bắt giữ ở Bordeaux khi người Đức hành quân lên phía nam”.

“Chúng giải họ đến đâu?”

“Sobibor”.

Cô hiểu ý nghĩa của từ đó. Gabriel không cần phải nói thêm điều gì.

“Còn ông cô thì sao?”, anh hỏi.

Cô nhìn vào ly Sancerre một lúc trước khi trả lời. “Jeudi Noir”, cô nói. “Ông có biết từ này không?”

Gabriel gật đầu trang nghiêm. Jeudi Noir. Thứ Năm đen tối.

“Sáng ngày 16 tháng 7 năm 1942, bốn ngàn cảnh sát Pháp ập vào Marais và những quận khác của người Do Thái ở Paris với lệnh bắt hai mươi bảy ngàn người Do Thái nhập cư từ Đức, Áo, Ba Lan, Liên bang Xô Viết, và Cộng hoà Séc và Slovakia. Cha và ông bà tôi có trong danh sách. Ông biết đấy, ông bà tôi có nguồn gốc từ quận Lublin ở Ba Lan. Hai người cảnh sát gõ lên cánh cửa của chính căn hộ này cảm thấy thương hại cha tôi và bảo ông chạy đi. Một gia đình Thiên Chúa giáo ở lầu bên dưới nhận cấp dưỡng ông, và ông ở đó cho đến ngày giải phóng. Ông bà tôi không may mắn như vậy. Họ bị gửi đến trại tạm giam ở Drancy. Năm ngày sau đó, một chiếc xe buýt kín đưa họ đến Auschwitz. Dĩ nhiên đây là dấu chấm hết đối với họ”.

“Còn bức Van Gogh?”

“Không có thời gian để thu xếp cho bức tranh, và ông tôi không cảm thấy tin tưởng bất cứ ai ở Paris. Chiến tranh mà, ông biết đấy. Người ta lừa gạt lẫn nhau chỉ vì một đôi tất hoặc những điều thuốc lá. Khi ông tới nghe tin những người bắt bớ sắp đến, ông lấy bức tranh khỏi giá đỡ và giấu dưới tấm ván trong thư viện. Sau chiến tranh, cha tôi phải mất nhiều năm mới lấy lại được căn hộ. Một gia đình người Pháp đã chuyển đến ở sau khi ông bà tôi bị bắt, và họ rất ngần ngại không muốn trả lại một căn hộ xinh xắn ở rue Pavée. Ai có thể trách họ được?”

“Cha cô lấy lại quyền sở hữu căn hộ vào năm nào?”

“Năm 1952”.

“Mười năm”, Gabriel nói. “Vậy mà bức Van Gogh vẫn còn ở đó?”

“Ở ngay chỗ ông tôi đã cất giấu, phía dưới những tấm ván trong thư viện”.

“Thật đáng kinh ngạc”.

“Đúng vậy”, cô đáp. “Bức tranh đã ở lại trong gia đình Weinberg hơn một thế kỷ, vượt qua chiến tranh và cuộc thẩm sát. Bây giờ ông lại yêu cầu tôi từ bỏ nó”.

“Không phải là từ bỏ”, Gabriel đáp.

“Thế thì là thế nào?”

“Tôi chỉ cần...” Anh dừng lại, tìm từ thích hợp. “Tôi cần *thuê* nó”.

“Thuê bức tranh? Bao lâu?”

“Tôi không thể nói trước. Có lẽ một tháng. Có lẽ sáu tháng. Hay một năm hoặc lâu hơn”.

“Vì mục đích gì?”

Gabriel không sẵn sàng trả lời câu hỏi của cô. Anh nhặt nắp chai rượu lên và dùng móng tay cào lớp bọc đã rách.

“Ông có biết bức tranh đó trị giá bao nhiêu không?”, cô hỏi. “Nếu ông yêu cầu tôi đưa nó cho ông, thậm chí trong một thời gian ngắn, tôi tin rằng mình có quyền biết lí do tại sao”.

“Cô có quyền”, Gabriel nói, “nhưng cô nên hiểu rằng nếu tôi nói cho cô biết sự thật, cuộc sống của cô sẽ không bao giờ như cũ”.

Cô đổ thêm rượu vào ly và áp ly rượu vào người mà không uống. “Cách đây hai năm, có một vụ tấn công đặc biệt nghiêm trọng tại Marais. Một cậu bé theo Chính Thống giáo bị một nhóm thanh niên Nam Phi tấn công khi đang đi từ trường về nhà. Chúng đốt tóc cậu và khắc chữ thập ngoặc lên trán cậu. Bây giờ cậu vẫn còn vết sẹo. Chúng tôi tổ chức một cuộc biểu tình để gây sức ép lên chính phủ Pháp buộc họ phải làm một điều gì đó giải quyết tình trạng bài xích người Do Thái. Khi chúng tôi đang diễu hành trong de la République, có một cuộc biểu tình chống lại người Israel để phản pháo. Ông có biết chúng hét điều gì vào mặt chúng tôi không?”

“Cái chết sẽ đến với người Do Thái”.

“Ông có biết chính phủ Pháp nói gì không?”

“Không có việc bài xích người Do Thái ở Pháp”.

“Kể từ ngày đó, cuộc sống của tôi chưa bao giờ trở lại như trước kia. Thêm nữa, như ông cũng thấy đấy, tôi rất giỏi giữ bí mật. Hãy nói cho tôi biết tại sao ông muốn bức Van Gogh của tôi, ông Allon. Và chúng ta có thể đi đến một thỏa thuận nào đó”.

Đội theo dõi *neviot* đỗ xe ngoài rìa Parc Royal. Uzi Navot gõ tay hai lần lên cửa kính và được đón vào ngay lập tức. Một *neviot* đang ngồi đằng sau tay lái. Một người khác ngồi phía sau, chồm người lên bàn điều khiển điện tử với tai nghe đeo trên đầu.

“Chuyện gì đang diễn ra?”. Navot hỏi.

“Gabriel đã đưa cô ấy vào tầm ngắm”, người trong đội *neviot* nói. “Bây giờ anh ấy chuẩn bị ra tay”.

Navot đeo cặp tai nghe vào và bắt nhịp câu chuyện từ đoạn Gabriel kể với Hannah Weinberg về cách thức anh sẽ dùng bức tranh của cô để lần theo dấu vết người đàn ông nguy hiểm nhất trên thế giới.

Chìa khoá được giấu trong ngăn kéo đầu tiên của chiếc bàn viết trong thư viện. Cô dùng chìa khoá mở căn phòng phía cuối trong hành lang tối om. Căn phòng đằng sau phòng này là phòng trẻ con. Phòng của Hannah, lạnh lẽo do lâu không có người ở. Giường bốn cọc với chiếc màn rũ. Các kệ chất đầy thú nhồi bông và đồ chơi. Bức áp phích có hình một nam diễn viên người Mỹ làm thốn thức bao trái tim. Và treo trên bàn trang điểm, nằm khuất trong bóng tối, là bức vẽ bị lặt của Vincent Van Gogh.

Gabriel di chuyển chậm chậm lên phía trước và đứng yên trước bức tranh, tay phải để dưới cằm, đầu hơi nghiêng về một phía. Sau đó anh đưa tay ra nhẹ nhàng lần theo nét vẽ phóng khoáng. Đây là nét cọ của Vincent - Gabriel chắc chắn về điều này. Vincent đang bị lửa thiêu cháy. Vincent đang yêu. Nhà phục chế tranh bình tĩnh đánh giá mục tiêu của mình. Bức vẽ trông có vẻ như chưa bao giờ được lau chùi. Nó bị lớp bụi bẩn bám, và có những vết nứt ngang - theo như Gabriel đoán thì đây là kết quả của việc bị cuộn lại quá chặt bởi Isaac Weinberg đêm trước Jeudi Noir.

“Tôi nghĩ chúng ta nên bàn bạc về chuyện tiền nong”, Hannah nói. “Julian nghĩ bức tranh này sẽ mang về bao nhiêu?”

“Vào khoảng tám mươi triệu. Tôi đã đồng ý để anh ta giữ mười phần trăm hoa hồng như là tiền đền bù vì đã tham gia vụ này. Phần còn lại của số tiền sẽ được gửi cho cô ngay lập tức”.

“Bảy mươi hai triệu đô la?”

“Nhiều hoặc ít hơn vài triệu, dĩ nhiên”.

“Khi công việc của các ông kết thúc thì sao?”

“Tôi sẽ lấy lại bức tranh cho cô”.

“Ông dự định làm việc này như thế nào?”

“Cô cứ để việc này cho tôi, cô Weinberg”.

“Khi ông trả bức tranh lại cho tôi, chuyện gì sẽ xảy ra với số tiền bảy mươi hai triệu đô la? Mà quên, nhiều hoặc ít hơn vài triệu đô chứ, dĩ nhiên rồi”.

“Cô có thể giữ tiền lãi. Thêm nữa, tôi sẽ trả cô tiền thuê. Năm triệu đô được không?”

Cô mỉm cười. “Nghe có vẻ được đấy, nhưng tôi không có ý định giữ số tiền đó cho mình. Tôi không muốn tiền của bọn chúng”.

“Vậy cô dự định làm gì với số tiền này?”

Cô nói với Gabriel ý định của mình.

“Tôi thích chuyện này đấy”, anh đáp. “Như vậy là chúng ta thỏa thuận chứ, cô Weinberg?”
“Vâng”, cô trả lời. “Tôi nghĩ là chúng ta đã thỏa thuận với nhau”.

Sau khi rời căn hộ của Hannah Weinberg, Gabriel đến căn hộ an toàn của Văn phòng gần Bois de Boulogne. Họ theo dõi cô ba ngày. Gabriel chỉ nhìn thấy hình chụp theo dõi cô, và nghe giọng cô trong máy thu. Mỗi buổi tối, anh cố gắng tìm trong các cuốn băng dấu hiệu của sự phản bội hay bất cẩn, nhưng anh chỉ thấy sự trung thực nơi cô. Vào đêm trước khi cô chuẩn bị giao bức tranh, anh nghe cô khóc thầm và nhận ra rằng cô đang nói lời chia tay với Marguerite. Navot mang bức tranh về buổi sáng hôm sau, bọc trong cái chăn cũ cậu ta mượn ở căn hộ của Hannah. Gabriel tính gửi bức tranh về Tel Aviv bằng đường bưu điện, nhưng cuối cùng lại quyết định tự mình mang nó ra khỏi nước Pháp. Anh lấy bức tranh ra khỏi khung, sau đó lấy khung căng miếng vải vẽ ra. Khi cuộn bức tranh lại cẩn thận, anh nghĩ về Isaac Weinberg đêm trước Jeudi Noir. Lần này, thay vì được giấu dưới tấm ván, nó sẽ được cất an toàn trong ngăn bí mật của vali của Gabriel. Navot chở anh đến ga Nord.

“Một điệp viên tại trạm Luân Đôn sẽ đợi anh ở Waterloo”, Navot nói. “Anh ta sẽ đưa anh tới Heathrow. Ở đó El Al đang đợi anh. Họ sẽ đảm bảo anh không gặp rắc rối với hành lí của mình”.

“Cám ơn, Uzi. Anh sẽ không còn phải thu xếp mọi chuyện cho tôi nữa”.

“Tôi cũng không chắc về chuyện này lắm”.

“Mọi việc không êm xuôi chỗ Amos à?”

“Rất khó biết ông ta đang nghĩ gì”.

“Ông ta nói gì?”

“Ông ta bảo ông ta cần vài ngày để suy nghĩ cho kỹ”.

“Cậu không nghĩ là ông ta sẽ trao cho cậu công việc đó ngay chứ?”

“Tôi cũng không biết mình nghĩ gì nữa”.

“Đừng lo, Uzi. Cậu sẽ nhận được việc này thôi”.

Navot ngừng xe lại tấp vào lề đường cách ga một dãy nhà.

“Anh sẽ nói tốt cho tôi tại đại lộ King Saul chứ, Gabriel? Amos thích anh”.

“Sao cậu có suy nghĩ này?”

“Tôi có thể thấy được điều đó”, cậu ta nói. “Mọi người ai cũng thích anh”.

Gabriel ra khỏi xe, lấy vali khỏi ghế sau và mất hút trong nhà ga. Navot chờ tại khúc cua năm phút sau giờ khởi hành theo lịch trình, sau đó lái xe hoà mình vào dòng xe cộ.

Căn hộ chìm trong bóng tối khi Gabriel về. Anh bật đèn halogen lên và cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy phòng vẽ của mình vẫn chưa bị đụng đến. Chiara đang ngồi trên giường khi anh bước vào phòng của họ. Tóc nàng mới gội và vén ra đằng sau bởi dây buộc bằng nhung. Gabriel tháo dây buộc ra và cởi nút áo ngủ của nàng. Bức tranh nằm kế bên họ khi họ làm tình với nhau. “Anh biết đấy”, nàng nói, “hầu hết đàn ông trở về nhà từ Paris đều mang về khăn choàng cổ Hermès và nước hoa”.

Chuông điện thoại reo lúc nửa đêm. Gabriel trả lời trước khi chuông kịp đổ hồi thứ hai. “Tôi sẽ có mặt ở đó ngày mai”, anh nói sau một lát và cúp máy.

“Ai vậy?”. Chiara hỏi.

“Adrian Carter”.

“Ông ta muốn gì?”

“Ông ta muốn anh đến Washington ngay lập tức”.

“Có chuyện gì ở Washington vậy?”

“Một cô gái”, Gabriel đáp. “Carter đã tìm được cô gái”.

Daniel Silver

Người đưa tin

Chương 16

McLean, Virginia



huyền bay thế nào?”

“Dài bất tận”.

“Đó là vì các luồng gió xoáy mùa thu”, Carter nói ra vẻ hiểu biết. “Chúng làm các chuyến bay từ châu Âu kéo dài thêm ít nhất hai tiếng đồng hồ so với bình thường”.

“Israel không nằm ở châu Âu, Adrian. Israel ở Trung Đông”.

“Thật vậy sao?”

“Ông có thể hỏi Giám đốc của mình. Ông ấy sẽ giải đáp thắc mắc cho ông”.

Carter ném cho Gabriel cái nhìn khinh khỉnh, sau đó đưa mắt trở lại con đường trước mặt. Họ đang lái xe về phía Washington dọc theo đường vào Dulles trên chiếc Volvo cũ nát của Carter. Carter mặc áo khoác thể thao bằng nhung kẻ sọc có những miếng vá trên khuỷu tay. Cách mặc đồ cũng cố thêm dáng vẻ giáo sư của ông ta. Chỉ còn thiếu mỗi túi xách bằng vải và một cốc cà phê. Ông đang lái xe dưới tốc độ giới hạn và nhìn liên tục vào kính chiếu hậu.

“Chúng ta bị theo đuôi à?”. Gabriel hỏi.

“Cảnh sát giao thông”, Carter đáp. “Họ rất nghiêm ngặt trên đoạn đường này. Cậu có gặp rắc rối gì ở chỗ kiểm tra hộ chiếu không?”

“Không”, Gabriel nói. “Thật ra họ có vẻ vui khi thấy tôi”.

Đã quá quen với thái độ khó chịu của những người Israel có nhiệm vụ đóng dấu lên hộ chiếu tại sân bay Ben - Gurion, Gabriel đâm ngạc nhiên với lối cư xử hiếu khách của các nhân viên hải quan Mỹ. Và đó vẫn là điều làm anh khó hiểu về đất nước này, cho đến tận bây giờ.

Anh nhìn ra cửa sổ. Họ đã rời đường phố vào khu Dulles và bây giờ đang lái xe qua McLean. Trước đây anh mới đến Virginia một lần, một chuyến đi ngắn đến căn nhà an toàn của CIA nằm sâu trong miền đất của ngựa gần Middleburg. Anh thấy McLean là khu ngoại ô kiểu mẫu của Mỹ, gọn gàng giàu có nhưng dường như không có sức sống. Họ băng qua khu thương mại trung tâm quận, sau đó đến khu nhà dân có nhiều vườn. Những khu nhà này có tên là Merrywood và Colonial Estates. Một bảng hiệu đường hiện rõ dần trước mặt họ: TRUNG TÂM TÌNH BÁO GEORGE BUSH.

“Ông thực sự muốn đưa tôi đến Tổng hành dinh đấy à?”

“Dĩ nhiên là không”, Carter đáp. “Chúng ta sẽ đi vào quận”.

Gabriel hiểu quận là cách những người Washington gọi ngôi làng nhỏ của họ ở Potomac. Họ băng qua đường cao tốc và đi vào vùng đồi núi gập ghềnh cùng là rừng rậm. Qua hàng cây, Gabriel trông thấy những căn nhà lớn nhìn ra công viên.

“Tên cô ta là gì?”

“Sarah Bancroft”, Carter trả lời. “Cha cô ta là điều hành cấp cao của bộ phận quốc tế của

Citibank. Sarah được nuôi nấng chủ yếu ở châu Âu. Cô ấy cảm thấy thoải mái khi ở nước ngoài chứ không giống như phần lớn dân Mỹ. Cô ấy nói nhiều ngôn ngữ, và biết khi nào phải sử dụng cái nĩa nào”.

“Học vấn?”

“Cô ta quay lại đây học đại học. Đã lấy bằng cử nhân ngành lịch sử nghệ thuật ở Dartmouth, sau đó học thêm tại viện Mỹ thuật Courtauld ở Luân Đôn. Tôi nghĩ cậu biết viện Courtauld chứ?” Gabriel gật đầu. Đây là một trong những ngôi trường uy tín nhất trên thế giới về nghệ thuật. Trong những người tốt nghiệp ở trường này có một nhà buôn tranh ở khu phố James, tên là Julian Isherwood.

“Sau khi học tại trường Courtauld, cô ấy lấy bằng tiến sĩ tại Harvard”, Carter nói tiếp. “Bây giờ cô ấy là quản lý tại bảo tàng Phillips ở Washington. Nó là một bảo tàng nhỏ gần...”

“Tôi biết bảo tàng Phillips, Adrian”.

“Xin lỗi”, Carter nói thật lòng.

Một con hươu lớn đuôi trắng phóng ra từ các hàng cây trước mũi xe của họ. Carter nhắc chân khỏi bàn đạp ga và nhìn con vật nhẹ nhàng chạy xuyên qua khu rừng đang trở tối.

“Điều gì khiến ông chú ý đến cô ta?”

Gabriel hỏi nhưng Carter không trả lời. Ông đang chồm lên tay lái quét mắt qua những hàng cây dọc vệ đường tìm thêm hươu. “Nơi nào có một con, thường có thêm những con khác”.

“Giống như bọn khùng bố”, Gabriel nhận xét. Anh lặp lại câu hỏi một lần nữa.

“Sarah Bancroft nộp đơn xin gia nhập tổ chức chúng tôi sau ngày 11/9”, Carter nói. “Cô ta vừa hoàn tất học vị tiến sĩ, lại có bằng cấp và lý lịch xuất sắc, vì thế chúng tôi đưa cô ấy vào gặp những nhà tâm thần học trong phòng Nhân sự. Họ cho cô làm một vài kiểm tra, nhưng họ không thích kết quả thu được. Cô ta quá độc lập về mặt tư duy, họ kết luận. Có lẽ hơi quá thông minh là điều không tốt cho cô ấy lắm. Khi bị chúng tôi từ chối, cô ta bèn vào bảo tàng Phillips làm việc”.

“Vậy là ông đề nghị với tôi một trong những người ông từng từ chối à?”

“Từ này không thể áp dụng cho Sarah Bancroft”. Carter đưa tay vào túi áo khoác hung màu sặc sỡ lấy ra một tấm ảnh đưa cho Gabriel. Sarah Bancroft là một phụ nữ đẹp rực rỡ, tóc vàng ngang vai, gò má rộng, mắt to màu bầu trời mùa hè không gợn mây.

“Bao nhiêu tuổi?”

“Ba mươi mốt”.

“Tại sao cô ta chưa lập gia đình?”

Carter do dự một chút.

“Tại sao cô ta chưa lập gia đình, Adrian?”

“Cô ta có bạn trai khi ở Havard, một luật sư trẻ tên Ben Callahan. Mọi chuyện kết thúc không được tốt đẹp lắm”.

“Chuyện gì xảy ra với Ben?”

“Anh ta lên chuyến bay tới Los Angeles tại sân bay Logan vào sáng ngày 11/9/2001”.

Gabriel trả bức ảnh lại cho Carter. “Zizi sẽ không thích thuê người bị ảnh hưởng bởi vụ 11/9. Ông mang tôi đến đây chẳng ích gì cả, Adrian”.

Carter để tay lên tay lái. “Ben Callahan là bạn trai hồi đại học, không phải là chồng. Thêm nữa, Sarah chưa bao giờ kể về anh ta cho ai nghe. Chúng tôi đã mất nhiều công sức mới moi được chuyện này. Cô sợ rằng cái chết của Ben sẽ theo cô suốt cuộc đời, rằng người ta sẽ coi cô là một

bà góa ở tuổi 26. Cô luôn giữ kín chuyện này. Chúng tôi đã đánh hơi cả tuần nay về độ lan toả của tin tức. Không ai biết”.

“Những tên chó săn của Zizi còn làm nhiều chuyện hơn là chỉ đánh hơi, Adriana ạ. Nếu chúng phát hiện chút xiu mùi 11/9 thôi, ông ta sẽ ba chân bốn cẳng chạy khỏi cô ta”.

“Nhân tiện nhắc đến Zizi, nhà ông ta ở ngay trước mặt”.

Carter giảm tốc độ để quẹo một khúc cua. Một cánh cửa an ninh bằng gạch và sắt lớn xuất hiện ngay trước mặt họ. Đằng sau cánh cửa là con đường lát dài dẫn tới một dinh thự nguy nga như một tòa lâu đài, mặt quay ra sông. Gabriel quay mặt đi khi họ lái xe qua ngôi nhà.

“Zizi sẽ không bao giờ biết về Ben”, Carter nói.

“Ông có sẵn sàng đặt cược mạng sống của Sarah vào chuyện này không?”

“Hãy gặp cô ấy, Gabriel, để có nhiều căn cứ đánh giá hơn”.

“Tôi đã có đánh giá của riêng mình. Cô ấy hoàn hảo”.

“Thế thì vấn đề là gì?”

“Nếu chúng ta phạm một sai lầm thôi, Zizi sẽ ném cô ta xuống một cái hố rất sâu. Đó chính là vấn đề, Adrian”.

Việc đột ngột vào đến trung tâm Washington làm Gabriel ngạc nhiên. Mới ít phút trước họ còn đang lái xe trên con đường nông thôn hai làn, chỉ một lát sau họ đã bò ì ạch trên đường Q băng qua Georgetown trong giờ cao điểm buổi tối. Carter, trong vai trò hướng dẫn viên, chỉ cho Gabriel nhà của những công dân nổi tiếng nhất khu vực, Gabriel tựa trán vào kính cửa sổ, không thể có đủ hứng thú thậm chí chỉ để giả vờ thích thú. Họ băng qua một cây cầu ngắn, canh gác hai bên đầu cầu là một cặp trâu lớn nhưng xỉn màu, sau đó họ đi vào khu phố ngoại giao của thành phố. Ngay khi vừa qua đại lộ Massachusetts, Carter chỉ một tòa nhà tháp chuông bằng gạch đỏ bên trái đường. “Đó chính là bảo tàng Phillips”, ông nói. Gabriel nhìn sang bên phải thấy bức tượng bằng đồng của Mohandas Gandhi đang băng qua một công viên hình tam giác nhỏ. *Tại sao là Gandhi?* Anh tự hỏi. Lý tưởng của Gandhi có liên quan gì với mảng quyền lực toàn cầu của nước Mỹ này?

Carter lái xe qua một dãy nhà khác và đậu lại trong khu vực đỗ xe ngoại giao có giới hạn bên ngoài một tòa Đại sứ Mỹ Latinh nhìn có vẻ trầm lặng. Ông ta vẫn để máy nổ và không có cử động nào cho thấy ý định muốn ra khỏi xe. “Khu vực này trong thành phố được gọi là bùng binh Dupont”, ông giới thiệu. “Đây là nơi đại diện cho những gì tiên phong ở Washington”. Một sỹ quan thuộc đội Hoạt động Tình báo gõ ngón tay vào cửa sổ xe của Carter yêu cầu ông lái xe đi. Carter, mắt nhìn thẳng phía trước, giơ thẻ căn cước lên, và viên sỹ quan quay trở lại chỗ của mình. Một chút sau, có cái gì đó trong gương chiếu hậu thu hút sự chú ý của Carter. “Cô ấy tới rồi”, ông thông báo.

Gabriel nhìn ra ngoài cửa xe hơi khi Sarah Bancroft lướt qua. Cô ta đang mặc chiếc áo khoác ngoài màu đen để lộ vòng eo thon thả. Một tay cô xách cặp, còn tay kia cầm điện thoại di động. Gabriel thoáng nghe giọng cô khi cô đi ngang qua. Giọng trầm, tinh tế, có chút âm sắc của người Anh - chắc chắn là do một chút còn sót lại trong thời gian cô học tại Courtauld và thời thơ ấu học ở những trường quốc tế ở nước ngoài.

“Anh nghĩ sao?”. Carter hỏi.

“Tôi sẽ cho ông biết sau một lát nữa”.

Cô đến góc đường Q và đường 20. Ở góc đối diện là khu đất có nhiều người bán hàng rong trên vỉa hè và hai cầu thang cuốn dẫn tới trạm Metro ở bùng binh Dupont. Đèn giao thông ở trước

mặt Sarah đang đỏ, nhưng cô không ngừng lại khi ra khỏi khúc cua mà tiếp tục bước đi. Khi tài xế tắc xi bấm còi xe hơi phản đối, cô bắn cho anh ta một cái nhìn có thể làm tan chảy nước đá rồi tiếp tục cuộc nói chuyện trên điện thoại. Sau đó, á cô chậm rãi băng qua ngã tư, bước vào cầu thang cuốn để đi xuống dưới. Gabriel dõi theo đầy ngưỡng mộ cho đến khi cầu thang cuốn cô khuất khỏi tầm mắt.

“Ông còn hai người nữa giống y như cô ấy không?”

Carter móc điện thoại ra khỏi túi và bấm số. “Cô ấy đã được chấp thuận”, ông ta nói. Ngay sau đó một chiếc Suburban lớn màu đen vòng qua góc đổ trái luật trên khúc đường Q chỗ thang cuốn. Năm phút sau, Gabriel nhìn thấy cô lần nữa, lần này đang đi lên từ trạm Metro phía dưới. Cô không còn nói chuyện điện thoại, và cũng không đi một mình. Hai nhân viên của Carter đi hai bên, phòng trường hợp cô thay đổi ý định. Cánh cửa sau của chiếc Suburban bật mở, và Sarah Bancroft biến vào trong. Carter khởi động xe quay trở lại Georgetown.

Chương 17

Georgetown



hiếc Suburban màu đen dừng lại trước căn nhà lớn kiểu Liên bang trên đường N 15 phút sau. Khi Sarah đi lên những bậc thang bằng gạch đỏ hình vòng cung, cửa đột nhiên mở ra và một dáng người xuất hiện trên hành lang. Ông ta mặc quần kaki không nhãn và áo khoác ngoài thể thao bằng nhung có màu sặc sỡ với nhiều miếng ghép trên khuỷu tay. Tia nhìn của ông ta vừa lạnh lùng giống bác sỹ trong phòng khám, vừa có nét tò mò gọi Sarah nhớ lại bác sỹ tâm lý tư vấn nổi buồn mà cô đã đi gặp sau cái chết của Ben. “Tôi là Carter”, ông ta nói tựa như vừa sức nhớ ra cần phải giới thiệu mình. Ông ta không nói đây là tên, hay họ, chỉ nói rằng đây là tên thật. “Tôi không cần dùng tên giả nữa”, ông nói. “Vì tôi đang có mặt trong Tổng hành dinh”.

Ông ta mỉm cười, nụ cười khách sáo, giống như cái bắt tay ngắn không chân thật. Ông mời cô bước vào, và một lần nữa lại khiến cô có cảm giác lời mời này xuất phát từ cảm hứng chợt đến. “Còn cô là Sarah”, ông nói khi đưa cô đi xuống sảnh lớn ở trung tâm. “Sarah Bancroft, người quản lý tại bảo tàng Phillips danh tiếng. Sarah Bancroft, người đã dũng cảm nộp đơn xin làm việc chỗ chúng tôi nhưng đã bị từ chối với lý do cô không cần thiết. Cha của cô sao rồi?” Cô ngạc nhiên vì sự thay đổi đề tài đột ngột. “Ông biết cha tôi à?”

“Thực ra tôi chưa bao giờ gặp ông ấy. Ông ấy làm việc cho Citicorp đúng không?”

“Ông biết chính xác cha tôi đang làm việc cho ai. Tại sao ông lại hỏi về cha tôi?”

“Dạo gần đây ông ấy ở đâu? Luân Đôn? Brussels? Hay Hồng Kông?”

“Paris”, cô trả lời. “Đây là chỗ làm việc cuối cùng của cha tôi. Năm tới ông sẽ nghỉ hưu”.

“Sau đó ông ấy sẽ về nhà chứ?”

Cô lắc đầu. “Ông ấy ở lại Paris. Cùng cô vợ mới. Cha mẹ tôi ly dị được hai năm rồi. Ông tái hôn ngay lập tức. Ông thuộc dạng người coi thời gian là tiền bạc”.

“Còn mẹ cô thì sao? Bà ấy ở đâu?”

“Manhattan”.

“Cô có hay gặp cha không?”

“Nghỉ lễ. Đám cưới. Thỉnh thoảng hai cha con có những buổi ăn trưa không thoải mái lắm khi ông về đây. Cha mẹ tôi vấp phải rất nhiều phản đối trước khi đi đến quyết định ly hôn. Tất cả mọi người đều theo phe phản đối, nhất là tôi. Tại sao ông lại hỏi tôi những câu hỏi này? Ông muốn gì từ...”

“Cô tin vào điều đó à?”, ông ta hỏi, cắt ngang lời cô.

“Tin vào điều gì?”

“Theo phe”.

“Cũng tùy trường hợp, tôi nghĩ vậy. Đây có phải là một phần bài kiểm tra không? Tôi nghĩ mình

đã thi trượt”.

“Cô đậu rồi”, Carter trả lời. “Điểm xuất sắc”.

Họ vào phòng khách. Căn phòng không hề biến, được trang trí bằng những đồ đạc thanh lịch giống như trong các dãy phòng khách sạn dùng để bàn bạc công việc làm ăn. Carter giúp cô cởi áo khoác và mời cô ngồi.

“Tại sao tôi được nhận vào làm việc?”

“Thế giới này hay thay đổi, Sarah. Mọi thứ cũng thay đổi. Nói tôi nghe đi, trong trường hợp nào cô nghĩ theo phe là đúng?”

“Tôi vẫn chưa nghĩ nhiều về điều này”.

“Chắc chắn cô đã nghĩ rồi”, Carter nói. Sarah, lần thứ hai, lại như thấy lại bác sỹ tâm lý của mình ngồi trong chiếc ghế bành xòe ra như bông hoa với chiếc cốc bằng sứ để cân bằng trên đầu gối, đưa suy nghĩ của cô tới những nơi cô không muốn. “Nói đi, Sarah”, Carter đang thúc giục. “Cho tôi biết một ví dụ khi cô nghĩ theo phe là đúng”.

“Tôi tin vào đúng sai”, cô nói, cảm hơi hếch lên. “Điều này có thể giải thích lí do tại sao tôi trượt trong kì thi của các ông. Thế giới của các ông là những mảng màu xám, còn tôi thích trắng đen”.

“Đây có phải là những gì cha cô nói không?”

Không, cô nghĩ, chính Ben đã chỉ ra khuyết điểm này của cô.

“Chuyện này là thế nào?”, cô hỏi. “Tại sao tôi lại đến đây?”

Nhưng Carter vẫn đang suy nghĩ về những ẩn ý trong câu trả lời lúc nãy của cô. “Thế còn khủng bố thì sao?” ông ta hỏi, một lần nữa lại khiến Sarah có cảm nghĩ câu hỏi này vừa xuất hiện bất chợt trong đầu ông ta. “Đó chính là điều tôi tự hỏi. Bọn khủng bố nằm ở chỗ nào trong thế giới đúng sai của cô. Chúng có tội, hay sự nghiệp của chúng là đúng đắn? Chúng ta là những nạn nhân vô tội, hay chính chúng ta đã tự mình chuốc lấy thảm họa này? Chúng ta phải ngồi chờ thảm họa đến, hay chúng ta có quyền chống lại bọn chúng bằng tất cả sức mạnh và sự tức giận chúng ta có thể có?”

“Tôi là người quản lý bảo tàng Phillips”, cô nói. “Ông thực sự muốn tôi làm thơ trữ tình về những nguyên tắc đạo đức của chủ nghĩa chống khủng bố à?”

“Chúng ta hãy thu hẹp phạm vi câu hỏi. Tôi luôn thấy điều này có ích. Chúng ta hãy lấy ví dụ về người đàn ông lái chiếc máy bay của Ben đâm vào Trung tâm Thương mại thế giới”. Carter dừng lại. “Cô nhắc lại cho tôi Ben ở trên chiếc máy bay nào được không?”

“Ông biết anh ấy đi trên chiếc máy bay nào”, cô đáp. “Anh ấy đi trên chiếc chuyến bay Thống Nhất 175”.

“Được lái bởi...”

“Marwan al-Shehhi”.

“Chúng ta hãy tạm thời giả sử Marwan al-Shahhi tìm được cách sống sót. Tôi biết chuyện này là điên khùng, Sarah, nhưng cô hãy giả sử cùng tôi mà không tranh cãi. Giả sử anh ta quay trở lại Afghanistan hay Pakistan hay một nơi ẩn náu nào đó của bọn khủng bố. Giả sử như chúng ta biết anh ta ở đâu. Chúng ta nên gửi FBI đến cùng với lệnh bắt anh ta, hay liệu chúng ta nên giải quyết anh ta bằng cách hiệu quả hơn? Những người mặc đồ đen? Lực lượng Đặc nhiệm? Hay dùng tên lửa được phóng từ máy bay không có phi công?”

“Tôi nghĩ ông đã biết tôi sẽ làm gì với hắn ta”.

“Giả sử như tôi muốn nghe điều này từ chính miệng cô trước khi chúng ta tiến xa hơn”.

“Bọn khủng bố đã tuyên chiến với chúng ta”, cô nói. “Chúng đã tấn công thành phố, tàn sát dân cư, và cố gắng làm gián đoạn hoạt động của chính phủ”.

“Nếu vậy thì chúng ta nên làm gì với chúng?”

“Chúng phải bị nghiêm trị”.

“Điều này có nghĩa là gì?”

“Những người mặc đồ đen. Lực lượng Đặc nhiệm. Tên lửa phóng từ máy bay không người lái”.

“Còn gã đứng đằng sau cung cấp tiền cho bọn chúng thì sao? Hắn ta có tội không? Nếu vậy thì đến mức nào?”

“Tôi cho rằng điều này phụ thuộc vào việc liệu ông ta có biết tiền dùng vào mục đích gì”.

“Nếu hắn ta biết rất rõ tiền được dùng vào mục đích gì?”

“Nếu thế thì hắn ta cũng có tội như gã đã lái máy bay đâm vào toà nhà”.

“Cô có cảm thấy thoải mái - thật ra là cảm thấy mình đúng khi chống lại một kẻ như thế không?”

“Tôi đã đề nghị giúp đỡ cách đây năm năm”, cô giận dữ nói. “Các ông bảo tôi không đủ điều kiện. Các ông bảo tôi không phù hợp làm loại công việc này. Còn bây giờ các ông muốn tôi giúp đỡ ư?”

Carter không chút cảm xúc khi nghe lời phản đối của cô. Sarah cảm thấy tội nghiệp cho vợ ông ta.

“Cô đề nghị giúp đỡ chúng tôi, còn chúng tôi đối xử với cô chẳng ra gì. Tôi e rằng chỉ có điều đó là chúng tôi làm giỏi nhất. Có lẽ tôi nên nói tiếp về việc chúng tôi đã sai lầm, hay cố gắng xoa dịu cảm xúc của cô bằng một lời xin lỗi không chân thành. Nhưng nói thật, thưa cô Bancroft, chúng tôi không còn thời gian”. Giọng ông ta đượm vẻ căng thẳng mà trước đó không có. “Vì vậy tôi nghĩ điều tôi cần bây giờ là một câu trả lời thẳng thắn. Cô vẫn muốn giúp đỡ chúng tôi chứ? Cô muốn chống lại bọn khủng bố, hay cô thích tiếp tục với cuộc sống của mình hơn và hi vọng điều như thế sẽ không bao giờ xảy ra một lần nữa?”

“Chiến đấu?”, cô hỏi. “Tôi nghĩ ông có thể tìm người thích hợp với điều này hơn tôi”.

“Có nhiều cách chống lại bọn chúng, Sarah”.

Cô do dự. Carter lấp đầy khoảng trống im lặng bằng việc nhìn chăm chú bàn tay của mình. Ông không phải loại người lặp lại câu hỏi hai lần. Về điều này ông rất giống cha cô. “Vâng”, cuối cùng cô nói. “Tôi rất sẵn lòng”.

“Nếu công việc này liên quan đến cục tình báo khác không phải là Cục Tình báo Trung ương thì sao?”, ông ta hỏi, tựa như đang thảo luận về một giả thuyết xa xôi nào đó. “Một Cục Tình báo là đồng minh chặt chẽ của chúng ta trong trận chiến chống lại bọn khủng bố Hồi giáo?”

“Vậy Cục Tình báo đó là của nước nào?”

Carter rất giỏi lảng tránh câu trả lời. Bây giờ một lần nữa ông ta lại chứng minh điều này.

“Tôi muốn cô gặp một người. Anh ta là người rất nghiêm túc. Có vẻ hơi căng thẳng. Anh ta sẽ hỏi cô một vài câu. Thật ra anh ta sẽ tìm hiểu kỹ về cô trong vài tiếng tới. Đôi lúc câu hỏi của anh ta động vào những việc riêng tư. Nếu anh ta đồng ý, anh ta sẽ yêu cầu cô giúp đỡ chúng tôi trong một công việc rất quan trọng. Công việc này có nhiều nguy hiểm, nhưng rất quan trọng đối với an ninh nước Mỹ, nên nhận được sự hỗ trợ hoàn toàn của Cục. Nếu cô cảm thấy quan tâm, hãy ngồi lại nơi này. Nếu không, hãy đi ra cửa. Chúng tôi sẽ giả vờ như cô tình cờ bước vào nhầm chỗ”.

Sarah không biết Carter xưng hô với anh ta thế nào, cô cũng không đoán được anh ta từ đâu đến. Người anh ta nhỏ và gầy, tóc cắt ngắn kiểu quân đội, nhưng lại bạc hai bên thái dương. Đôi mắt của anh ta xanh đến mức Sarah chưa từng thấy bao giờ. Anh ta có cách bắt tay nhanh giống Carter, nhưng nó có vẻ thăm dò giống cách bắt tay của bác sỹ. Anh ta nói tiếng Anh trôi chảy bằng một giọng rất nặng. Chắc chắn anh ta có tên, nhưng chưa tiết lộ.

Họ ngồi xuống chiếc bàn dài trong phòng khách trang trọng, Carter và người hợp tác vô danh ngồi một bên, còn Sarah ngồi bên kia giống như nghi phạm đang ngồi trong phòng thẩm vấn. Trong tay người hợp tác bây giờ là hồ sơ xin vào CIA của cô. Anh ta đang đọc chậm từng trang giống như mới thấy chúng lần đầu. Câu hỏi đầu tiên của anh giống như một lời buộc tội nhẹ.

“Cô viết luận văn tiến sỹ tại Harvard về đề tài *Các họa sỹ Biểu hiện của Đức*”.

Để bắt đầu câu chuyện thì đây là một cách khá lạ lùng. Cô muốn hỏi tại sao anh lại quan tâm đến đề tài luận văn của cô, nhưng thay vì thê cổ chỉ đơn giản gật đầu trả lời. “Vâng, đúng vậy”.

“Trong khi nghiên cứu, cô đã bao giờ gặp cái tên Viktor Frankel chưa?”

“Ông ấy là môn đồ của Max Beckmann”, cô đáp. “Ngày nay người ta ít biết đến Frankel, nhưng trước đây ông ta gây ảnh hưởng khá lớn và được giới hội họa đương thời coi trọng. Năm 1936, Đức Quốc xã tuyên bố tranh của ông suy đồi, và ông bị cấm vẽ tranh. Không may, ông vẫn quyết định ở lại Đức. Đến khi ông muốn rời bỏ đất nước thì đã quá muộn. Frankel bị trục xuất đến Auschwitz năm 1942 cùng với vợ và con gái tuổi thiếu niên, Irene. Cuối cùng, chỉ mình Irene sống sót. Bà đến Israel sau chiến tranh và trở thành một trong những họa sỹ gây ảnh hưởng lớn nhất nước vào những năm 50 và 60. Hình như bà đã mất cách đây vài năm”.

“Đúng vậy”, người hợp tác với Carter nói, mắt anh ta vẫn chăm chú nhìn hồ sơ của Sarah.

“Tại sao ông lại hỏi tôi có biết về Viktor Frankel không?”

“Bởi vì ông ấy là ông ngoại tôi”.

“Ông là con trai của Irene?”

“Đúng vậy”, anh ta trả lời. “Irene là mẹ tôi”.

Cô nhìn sang Carter, ông này đang ngấm tay mình. “Tôi nghĩ mình biết ai đang thực hiện *phi vụ* này của ông”. Cô quay lại người đàn ông với tóc mái điểm bạc và đôi mắt xanh biếc. “Ông là người Israel”.

“Đúng vậy. Chúng ta tiếp chứ, Sarah, hay cô muốn tôi đi ra?”

Cô do dự một lúc, sau đó gật đầu. “Tôi được phép biết tên ông chứ, hay tên ông là điều cấm kỵ?”

Anh cho cô biết tên mình. Cái tên này có vẻ quen quen. Sau đó cô chợt nhớ ra mình đã thấy tên này ở đâu. *Điệp viên người Israel có liên quan đến vụ nổ bom nhà ga Lyon ở Paris...*

“Ông là người đã...”

“Đúng vậy”, Gabriel thừa nhận. “Tôi chính là người đó”.

Anh lại nhìn xuống hồ sơ đang mở và lật sang trang mới. “Chúng ta hãy quay trở lại với cô được không? Chúng ta có nhiều thứ cần phải biết nhưng lại rất ít thời gian”.

Gabriel bắt đầu chậm rãi, giống như một người đang đi xuống dốc đồi, để dành sức lực cho những nguy hiểm ở phía trước. Những câu hỏi của anh ngắn, hiệu quả, và được đặt ra một cách có hệ thống, giống như đang được đọc từ danh sách câu hỏi đã chuẩn bị sẵn, nhưng sự thực không có danh sách này. Anh dành giờ đầu tiên hỏi về gia đình cô. Cha cô, một người điều hành cấp cao ở Citicorp rất thiếu thốn thời gian dành cho con cái nhưng lại dư thừa cho những người phụ nữ khác. Mẹ cô, suy sụp sau vụ ly dị và bây giờ đang sống như một ẩn sĩ tại căn hộ

chung cư ba phòng ngủ ở Manhattan trên đại lộ số 5. Chị gái của cô, người theo như Sarah mô tả, “giành hết thông minh và sắc đẹp trong nhà”. Em trai cô đã rút lui khỏi cuộc sống từ hồi còn trẻ, và khiến cha cô thất vọng vì đang hùng hục làm việc chỉ để kiếm những đồng xu lẻ trong một cửa hàng bán đồ trượt tuyết ở một nơi nào đó thuộc Colorado.

Sau chuyện gia đình, thêm một giờ nữa được dành để hỏi về chuyện học hành tốn kém tại châu Âu. Trường Mỹ ở khu John’s Wood, nơi cô học những năm tiểu học. Trường cấp hai quốc tế ở Pháp, nơi cô học cách nói tiếng Pháp và gặp rắc rối. Trường nội trú nữ ở ngoại ô Geneva, nơi cha đã tống cô vào đấy nhằm mục đích “trừng phạt”. Cô nói thêm rằng chính ở Thụy Sĩ cô đã khám phá ra là mình đam mê nghệ thuật. Những câu trả lời của cô được ghi sột soạt lên giấy. Anh viết bằng mực đỏ trên quyển sổ có màu hoa hướng dương. Ban đầu cô nghĩ anh đang viết tắt bằng một loại chữ tượng hình nào đó. Sau đó, cô phát hiện ra anh đang ghi chú bằng tiếng Do Thái. Anh ghi chú từ phải sang trái, và *có thể* viết bằng hai tay với tốc độ nhanh như nhau, khiến cô càng thêm chắc chắn về cảm giác ban đầu là mình đã gặp một nhân vật bí ẩn như bóng ma.

Thỉnh thoảng, dường như Gabriel có tất cả thời gian trên đời; những lúc khác anh lại cau mày nhìn đồng hồ đeo tay cau mày, tựa như tính toán xem họ còn gặng đi được bao lâu nữa trước khi hạ trại nghỉ đêm. Thỉnh thoảng anh nói bằng những ngôn ngữ khác. Tiếng Pháp của anh khá tốt. Tiếng Ý không chê vào đâu được nhưng vẫn có chút âm sắc cho thấy anh ta không phải là người bản xứ. Khi Gabriel nói với cô bằng tiếng Đức, một sự thay đổi phủ lên người anh ta. Lưng dựng thẳng. Khuôn mặt đánh lại đến mức khắc nghiệt. Cô luôn trả lời Gabriel bằng thứ ngôn ngữ mà anh hỏi, mặc dù những lời cô nói đều được ghi lại bằng tiếng Do Thái. Hầu như anh không làm khó cô, nhưng bất cứ sự không nhất quán nào trong câu trả lời, cho dù có thật hay do anh nghĩ là có, đều được anh chất vấn như công tố viên trước tòa.

“Niềm đam mê nghệ thuật này đến từ đâu?”, anh hỏi. “Tại sao lại là nghệ thuật? Tại sao không phải văn học hay âm nhạc? Tại sao không phải là phim hay kịch?”

“Hội họa trở thành nơi trốn lánh cho tôi. Một nơi trang nghiêm, bí ẩn”.

“Trốn khỏi cái gì?”

“Cuộc sống thực tại”.

“Cô là một cô gái giàu có đi học ở những trường danh tiếng nhất châu Âu. Cuộc đời cô có gì không ổn?”. Anh chuyển từ tiếng Anh sang tiếng Đức với giọng buộc tội. “Cô chạy trốn khỏi điều gì?”

“Ông đang đánh giá tôi”, cô trả lời bằng cùng ngôn ngữ.

“Dĩ nhiên”.

“Chúng ta nói chuyện bằng tiếng Anh được không?”

“Nếu cô thấy thoải mái hơn”.

“Tranh vẽ mở ra những chân trời khác, những cuộc sống khác. Nó lưu giữ những khoảnh khắc chỉ tồn tại trong nó mà thôi”.

“Cô thích đến sống ở những chân trời ấy”.

Đây là một sự quan sát, không phải câu hỏi. Cô gật đầu thừa nhận.

“Cô muốn sống cuộc đời khác? Trở thành những người khác? Cô muốn đi dạo trên những cánh đồng lúa mạch của Vincent và những khu vườn hoa của Monet?”

“Cả những cơn ác mộng của Frankel”.

Lần đầu tiên anh ngừng bút trong cuộc phỏng vấn. “Đây có phải là lí do khiến cô nộp đơn gia

nhập Tổ chức? Bởi vì cô muốn sống cuộc đời khác? Bởi vì cô muốn trở thành người khác?”

“Không, tôi xin gia nhập vì muốn phục vụ Tổ quốc”.

Anh cau mày nhìn cô không đồng tình, tựa như thấy câu trả lời của cô quá ngây thơ, sau đó, anh nhìn xuống đồng hồ. Thời gian là kẻ thù của anh.

“Trong những năm tháng sống ở châu Âu, cô đã bao giờ gặp người Ả-rập chưa?”

“Dĩ nhiên”.

“Con trai hay con gái?”

“Cả hai”.

“Loại Ả-rập nào?”

“Loại Ả-rập đi trên hai chân. Loại Ả-rập của nước Ả-rập”.

“Cô quen nhiều hơn thế, Sarah”.

“Người Libăng, Palestine, Gioócđan, người Ai Cập”.

“Còn người Ả-rập Xêút thì sao? Cô đã bao giờ học cùng trường với người Ả-rập Xêút chưa?”

“Có một vài cô gái Ả-rập Xêút học cùng tôi ở trường Thụy Sĩ”.

“Những cô gái Ả-rập Xêút này đều giàu có chứ?”

“Chúng tôi ai cũng giàu”.

“Cô có kết bạn với họ không?”

“Họ rất khó gần và không thân thiện. Họ chỉ chơi với nhau”.

“Thế còn những chàng trai Ả-rập?”

“Họ thì sao?”

“Cô đã bao giờ làm bạn với họ chưa?”

“Rồi”.

“Đã bao giờ hẹn hò chưa? Hay ngủ với họ?”

“Chưa”.

“Tại sao chưa?”

“Có thể do sở thích của tôi không phải là những người đàn ông Ả-rập”.

“Cô có bạn trai người Pháp chứ?”

“Vài người”.

“Bạn trai người Anh?”

“Chắc chắn rồi”.

“Nhưng không có người Ả-rập?”

“Không”.

“Cô có thành kiến với người Ả-rập?”

“Ông đừng ngớ ngẩn thế”.

“Vậy thì có thể kết luận cô đã *có thể* hẹn hò với người Ả-rập. Cô chỉ *không thích* làm điều này”.

“Tôi hi vọng ông không yêu cầu tôi làm mỗi nhử trong bối cảnh cảm bởi vì...”

“Cô đừng ngớ ngẩn thế”.

“Vậy tại sao ông lại hỏi tôi những câu hỏi này?”

“Bởi vì tôi muốn biết liệu cô có cảm thấy thoải mái trong hoàn cảnh làm việc và giao tiếp xã hội với đàn ông Ả-rập không”.

“Câu trả lời là có”.

“Khi gặp một người Ả-rập, liệu cô có bất giác nghĩ đến khủng bố không?”

“Không”.

“Cô có chắc về điều này không, Sarah?”

“Tôi nghĩ rằng điều này còn phụ thuộc vào việc ông đang muốn nói đến loại người Arập nào”. Anh nhìn đồng hồ. “Trễ rồi”, anh không nói với ai cụ thể. “Tôi chắc rằng Sarah đáng thương đã đói bụng lắm rồi”. Anh gạch ngang một đường đỏ đậm trên sổ tay. “Chúng ta gọi thức ăn đi. Sarah sẽ cảm thấy đỡ hơn sau khi đã có thứ gì vào bụng”.

Họ gọi kebabs từ tiệm giao hàng tận nơi ở trung tâm Georgetown. Hai mươi phút sau thức ăn được chuyển đến trong cùng chiếc Suburban đưa Sarah đến ba giờ trước. Gabriel xem việc chiếc xe tái xuất hiện như là tín hiệu bắt đầu cuộc phỏng vấn ban đêm. Trong vòng hai mươi phút kể tiếp anh chú trọng vào việc học và kiến thức của cô về lịch sử nghệ thuật. Câu hỏi của anh đặt nhanh đến nỗi cô hầu như không có thời gian để ăn. Còn về phần mình, anh cũng không đụng đến phần kebab đặt kế bên quyển sổ tay màu vàng. *Anh ta là người khổ hạnh, cô nghĩ. Anh ta không màng đến thức ăn. Anh ta sống trong một căn phòng không có đồ đạc và tồn tại nhờ bánh mì và nước lã.* Gần nửa đêm anh ta mang đĩa thức ăn vào nhà bếp và đặt lên quầy. Khi trở lại phòng khách anh đứng sau ghế một lúc, tay đỡ cằm và đầu hơi nghiêng sang một bên. Ánh đèn chùm đã khiến mắt anh chuyển sang màu xanh ngọc lục bảo. Đôi mắt ấy liên tục dõi lên cô như đèn pha. *Anh ta sắp sửa khiến mọi việc tiến đến cao trào, cô nghĩ. Anh ta đang chuẩn bị tấn công lần cuối.*

“Hồ sơ cho biết cô chưa lập gia đình”.

“Đúng vậy”.

“Hiện tại cô có đang quen ai không?”

“Không”.

“Có đang ngủ cùng ai không?”

Cô nhìn Carter, và ông ta nhìn lại cô buồn bã, tựa như nói với cô rằng. *Tôi đã bảo cô những câu hỏi có thể hơi riêng tư.*

“Không, tôi không ngủ với ai”.

“Tại sao không?”

“Ông đã bao giờ mất người thân nào chưa?”

Ánh mắt tối sầm đột nhiên bao phủ khuôn mặt anh, cộng với việc Carter chuyển tư thế ngồi một cách không thoải mái, điều đó cảnh báo cô rằng cô đã lạc bước vào vùng cấm.

“Tôi xin lỗi”, cô nói. “Tôi không...”

“Ben phải không? Ben là lý do cô không quen ai?”

“Vâng, đúng là Ben. Dĩ nhiên chính vì Ben”.

“Hãy kể cho tôi nghe về anh ấy”.

Cô lắc đầu. “Không”, cô nói khẽ. “Ông không thể hỏi về Ben. Ben là của tôi. Ben không phải là công việc”.

“Hai người hẹn hò với nhau bao lâu?”

“Tôi đã bảo ông...”

“Cô hẹn hò với anh ta bao lâu, Sarah? Chuyện này rất quan trọng, nếu không tôi đã không hỏi”.

“Khoảng chín tháng”.

“Sau đó chấm dứt à?”

“Vâng, mọi chuyện đã *chấm dứt*”.

“Cô đã nói lời chia tay phải không?”

“Đúng vậy”.

“Ben yêu cô. Anh ta muốn cưới cô”.

“Đúng vậy”.

“Nhưng cô không chung cảm giác với anh ta. Cô không thích hôn nhân. Có lẽ cô không quan tâm đến Ben nhiều lắm”.

“Tôi rất lo cho anh ấy...”

“Nhưng?”

“Nhưng tôi không yêu anh ấy”.

“Hãy kể cho tôi nghe về cái chết của Ben”.

“Ông nói đùa à?”

“Tôi rất nghiêm túc”.

“Tôi không nói về cái chết của anh ấy. Tôi *không bao giờ* nói về cái chết của anh ấy. Vả chăng, các ông cũng đã biết anh ấy chết như thế nào. Anh ấy chết lúc chín giờ ba phút sáng, trực tiếp trên truyền hình. Mọi người trên thế giới đều chứng kiến anh ấy chết như thế nào. Ông có trong số đó không?”

“Một vài hành khách trên chuyến bay 175 có thể gọi điện thoại”.

“Đúng vậy”.

“Ben là một trong số đó?”

“Đúng”.

“Anh ấy gọi cho cha à?”

“Không”.

“Anh ấy gọi cho mẹ mình à?”

“Không”.

“Anh trai? Chị gái?”

“Không”.

“Anh ấy gọi cho ai, Sarah?”

Mắt cô đầm lệ.

“Anh ấy gọi cho *tôi*, ông đúng là đồ chó hoang khi hỏi như vậy đấy”.

“Anh ấy nói gì với cô?”

“Anh ấy bảo máy bay đã bị không tặc tấn công. Anh ấy bảo bọn chúng đã giết hết tiếp viên. Anh ấy bảo máy bay đang di chuyển rất kì lạ. Anh ấy bảo yêu tôi và rất tiếc. Anh ấy sắp chết, nhưng lại bảo với tôi rằng mình rất tiếc. Sau đó chúng tôi mất liên lạc”.

“Cô đã làm gì?”

“Tôi bật tivi thấy khói bốc lên từ tòa tháp phía bắc của Trung tâm Thương mại thế giới. Tôi bật lên chậm vài phút sau khi chuyến bay 11 đâm vào tòa tháp. Không ai biết chắc chuyện gì đã xảy ra. Tôi gọi FAA nói với họ về cuộc gọi của Ben. Tôi gọi FBI. Tôi gọi cảnh sát Boston. Tôi cảm thấy mình thật vô dụng”.

“Sau đó thì sao?”

“Tôi xem truyền hình. Tôi chờ chuông điện thoại reo lần nữa. Chuông điện thoại không reo. Vào chín giờ ba phút sáng giờ ban ngày miền đông, chiếc máy bay thứ hai tông vào Trung tâm Thương mại. Tòa Tháp phía nam đang bốc cháy. Ben đang bốc cháy”.

Một giọt nước mắt lăn chậm chậm trên má cô. Cô cúi đi và nhìn anh giận dữ.

“Ông hài lòng chưa?”

Anh im lặng.

“Bây giờ đến lượt tôi đặt câu hỏi. Các ông nên trả lời đúng sự thật, nếu không tôi sẽ bước ra khỏi nơi này không bao giờ quay trở lại”.

“Cô hãy hỏi bất cứ điều gì mình đang thắc mắc, Sarah”.

“Anh muốn điều gì ở tôi?”

“Chúng tôi muốn cô bỏ việc chỗ bảo tàng Phillips và đến làm cho Tập đoàn Thánh chiến. Cô vẫn còn có hứng thú chứ?”

Carter là người đặt bản hợp đồng trước mặt Sarah cho cô ký. Carter có tính thẳng thắn của người theo Thanh Giáo. Hôm nay ông ta mặc chiếc áo thể thao bằng nhung sặc sỡ. Carter có cách cư xử giống như bác sỹ trị liệu và nói tiếng Anh theo giọng Mỹ. Gabriel lên ra ngoài giống như tên trộm đêm, đến bên chiếc xe Volvo cũ rích của Carter. Anh biết câu trả lời của Sarah là gì. Cô ấy đã trả lời rõ ràng. *Tòa tháp phía Nam đang bốc cháy*, cô ấy đã nói. *Ben đang bốc cháy*. Vì thế Gabriel không quan tâm đến khuôn mặt như ra pháp trường hai mươi phút sau khi cô bước ra khỏi tòa nhà một cách nặng nề, bước xuống cầu thang, chui vào chiếc xe Suburban màu đen đang chờ sẵn. Anh cũng không bị xáo động khi nhìn thấy Carter, năm phút sau đó, băng qua đường với khuôn mặt đầy suy tư và trang nghiêm như người đang mang bình tro hài cốt. Ông ngồi vào đằng sau tay lái mở máy xe. “Máy bay đang chờ tại phi trường Andrews để đưa anh về lại Israel”, ông nói. “Trên đường ra sân bay chúng ta phải ghé qua một nơi. Có người muốn nói chuyện với anh trước khi anh đi”.

Trời đã quá nửa đêm. Đường K bây giờ chỉ còn xe tải chở hàng và xe tắc xi chạy đêm. Carter lái xe nhanh hơn thường lệ và liên tục nhìn đồng hồ. “Cô ấy không làm việc này miễn phí, anh biết đấy. Sẽ có nhiều khoản chi trong việc dùng cô ấy. Cô ấy sẽ phải sống ở nơi khác khi chuyện này kết thúc và được bảo vệ trong một thời gian dài”.

“Nhưng ông thu xếp được chuyện này mà, đúng không Adrian? Các ông là những người có nhiều tiền. Ngân sách cho việc bảo vệ an ninh nước Mỹ không thôi cũng đã lớn hơn nhiều ngân sách của toàn bộ đất nước chúng tôi”.

“Anh quên rằng lần hành động này không tồn tại à? Thêm nữa, anh sẽ bước ra khỏi vụ này và lấy được nhiều tiền của Zizi”.

“Được rồi”, Gabriel nói. “VẬY ông đi mà nói với Sarah Bancroft cô ấy sẽ sống mười năm tiếp theo trong khu định cư Do Thái ở Galilee để trốn tránh sự truy sát của lực lượng Thánh chiến toàn cầu”.

“Được rồi, chúng tôi sẽ trả tiền cho việc ăn ở sau này của cô ấy”.

Carter quẹo vài lần. Trong một lúc Gabriel không kịp nhận ra họ đang ở trên đường nào. Họ đi qua mặt trước của một toà nhà tân cổ điển, sau đó quẹo vào một con đường nhỏ nhìn có vẻ trang trọng. Bên trái là trạm canh gác lắp kính chống đạn. Carter hạ cửa sổ xe đưa thẻ cho lính canh xem.

“Chúng tôi có hẹn trước”.

Người lính gác nhìn bảng, sau đó đưa thẻ lại cho Carter.

“Ông lái xe tiếp, sau đó dừng lại trước barie bên trái. Chó nghiệp vụ sẽ đánh hơi xe hơi, sau đó ông tiếp tục lái xe vào”.

Carter gạt đầu và nâng kính xe lên. Gabriel hỏi, “Chúng ta đang ở đâu?”

Carter lái xe vòng qua những hàng rào cản và dừng lại nơi được dặn. “Cửa sau Nhà Trắng”, ông

trả lời.

“Chúng ta sẽ gặp ai?”. Gabriel hỏi, nhưng Carter còn bận nói chuyện với một sỹ quan khác. Người này đang cố giữ con chó chần cừ Đức cứ nhăm nhe căng dây muốn lao tới. Gabriel, người sợ chó đến mức đã thành truyền thuyết trong Văn phòng, ngồi yên không động đậy khi con chó đánh hơi quanh chiếc Volvo để tìm chất nổ được giấu kín. Một lát sau, họ băng qua một cổng gác an ninh khác. Carter dừng xe trước bãi đậu xe trống trải ở con đường nội bộ phía đông và tắt máy.

“Tôi chỉ đi đến đây”.

“Tôi sẽ gặp ai, Adrian?”

“Anh băng qua cánh cổng đằng kia và đi lên con đường dẫn đến toà nhà. Ông ấy sẽ ra gặp anh ngay lập tức”.

Anh gặp những con chó trước. Hai con chó lai lông đen tuyền lao ra từ lối vào ngoại giao giống như hai viên đạn bắn ra từ nòng súng rồi giành nhau ngửi khắp quần của Gabriel. Vài phút sau Tổng thống bước ra. Ông tiến về phía Gabriel, chìa một tay cho anh trong khi tay còn lại ra dấu cho lính gác dừng cuộc kiểm tra. Hai người nhanh chóng bắt tay, sau đó đi dọc theo lối đi bọc quanh bãi cỏ phía nam. Những con chó tấn công lần nữa vào mắt cá chân Gabriel. Carter thấy Gabriel quay người lại nói thầm câu gì đó bằng tiếng Do Thái khiến hai con chó cúp đuôi chạy về phía nhân viên Cục An ninh tìm sự che chở.

Cuộc nói chuyện của họ chỉ diễn ra trong vòng năm phút. Theo Carter thấy thì hình như Tổng thống là người nói trong phần lớn thời gian. Họ đi nhanh, chỉ dừng lại một lần dường như để giải quyết một bất đồng nhỏ. Gabriel lấy tay ra khỏi túi áo và dùng chúng để minh họa cho quan điểm của mình. Ban đầu Tổng thống có vẻ như không bị thuyết phục, nhưng sau đó ông gật đầu và vỗ mạnh vào vai Gabriel.

Họ đi dạo xong vòng đầu tiên và chia tay tại lối vào ngoại giao. Khi Gabriel đi về phía đường nội bộ phía đông, những con chó chạy nhanh theo anh, sau đó quay ngược lại, lao vào Nhà Trắng theo chân chủ nhân. Gabriel trườn người qua cánh cửa đang mở để vào xe Carter.

“Ông ấy thế nào?”. Carter hỏi khi quẹo sang đường 15.

“Rất kiên quyết”.

“Hình như hai người có tranh cãi một chút”.

“Tôi gọi đây là bất đồng trong lịch sử”.

“Về chuyện gì?”

“Cuộc nói chuyện của chúng tôi là riêng tư, Adrian, và sẽ là như thế”.

“Tốt đấy”, Carter đáp.

Chương 18

Luân Đôn



ào thứ tư đầu tiên của năm mới, người ta loan tin phòng tranh Isherwood đã bán bức *Daniel trong chuồng sư tử* của Peter Paul Rubens với giá mười triệu bảng. Đến thứ sáu, thông tin chấn động này đã bị lu mờ bởi lời đồn đại Isherwood đang chuẩn bị giới thiệu người hùn vốn.

Chính Oliver Dimbleby, khắc tinh của Isherwood ở đường King, là người biết tin này đầu tiên, mặc dù sau đó anh ta cũng không thể nào tìm ra nguồn gốc của tin đồn. Theo anh ta nhớ chính Penelope, bà chủ quán bar gợi cảm ở đường Jermyn nơi Isherwood hay ghé qua trong những buổi trưa nhàn rỗi là người đầu tiên gieo rắc mầm mống tin đồn. “Cô ta tóc vàng”, Penelope nói. “Vàng *tự nhiên*, Oliver. Không giống những cô gái của cậu. Xinh đẹp. Người Mỹ có một chút giọng Anh”. Ban đầu Penelope nghi ngờ Isherwood đang bị một người phụ nữ trẻ tuổi hơn dụ dỗ, nhưng chẳng bao lâu sao cô ta nhận ra rằng đó chỉ là một người đến dự phỏng vấn xin việc. “Không phải là bất cứ công việc nào đâu, Oliver. Hình như là vụ gì lớn lắm”.

Có lẽ Dimbleby đã không nghĩ nhiều về chuyện này nếu không được nghe kể về cuộc gặp mặt lần thứ hai, lần này là từ Percy, một người hóng chuyện nổi tiếng phục vụ bàn trong phòng ăn sáng của khách sạn Dochester. “Họ chắc chắn không phải là tình nhân”, anh ta bảo Dimbleby với vẻ tự tin của người biết mình đang nói gì. “Họ toàn bàn chuyện về lương và quyền lợi. Họ tranh cãi rất nhiều. Cô ấy đang ra yêu sách đấy”. Dimbleby gửi cho Percy 10 bảng hỏi anh ta có nghe được tên của người phụ nữ không. “Bancroft”, Percy trả lời. “Sarah Bancroft. Đã ở hai đêm. Hoá đơn thanh toán được phòng tranh Isherwood, ở Mason’s Yard, khu đường James trả toàn bộ”.

Lần gặp nhau thứ ba, một bữa tối ấm cúng tại Mirabelle, khiến Dimbleby khẳng định chắc chắn có chuyện bất thường đang diễn ra. Buổi tối hôm sau anh ta tình cờ gặp Jeremy Crabbe, Giám đốc bộ phận Bạc thầy Thời xưa của Bonhams, tại một quán rượu ở nhà hàng Green. Crabbe đang uống một ly whiskey lớn và vẫn đang gặm nhấm nỗi đau mà vụ mua bán lịch sử của Isherwood gây ra. “Tôi đã có bức Rubens đó, Oliver, nhưng Julie chơi tay trên tôi. Bây giờ hân hạnh thêm mười triệu, còn tôi sắp phải đối mặt với đội bắn súng tử hình lúc bình minh. Hiện tại hân hạnh đang mở rộng làm ăn kinh doanh, thậm chí còn tuyển thêm một nhân viên xinh đẹp, theo như những gì tôi nghe được. Nhưng đừng nói lại với ai những lời tôi nói, chỉ tổ gây hiềm khích mà thôi”. Khi Dimbleby hỏi có phải nhân viên mới xinh đẹp của Isherwood là một phụ nữ tên là Sarah Bancroft, Crabbe nhếch mép. “Chuyện gì cũng có thể xảy ra, tình yêu ạ. Nên nhớ rằng chúng ta đang nói về Julie Isherwood Số Đỏ”.

Trong vòng bốn mươi tám tiếng sau đó, á Oliver dành thời gian dư dả của mình để nghiên cứu lai lịch của cô Sarah Bancroft nọ. Bạn nhậu ở khoa Courtauld mô tả cô là “Sao băng”. Anh ta còn

kể một người quen ở Harvard bảo rằng ai có thái độ nghiêm túc với đề tài họa sĩ biểu hiện Đức thì nên tìm đọc luận văn của cô. Sau đó, Dimbleby gọi điện cho người bạn cũ làm nghề phục chế các bức họa ở phòng triển lãm Nghệ thuật Quốc gia Washington, nhờ dò la tại bảo tàng Phillips về lí do Sarah Cooft nghỉ làm việc ở đấy. Anh bạn này bảo là do tranh cãi về tiền lương. Hai ngày sau anh ta gọi điện lại cho Dimbleby bảo là do có liên quan đến chuyện yêu đương không thành với người trong bảo tàng. Cú điện thoại thứ ba thông báo Sarah Bancroft rời bảo tàng Phillips trong vui vẻ, và động cơ cô rời chỗ làm là do mong muốn có được một cơ hội việc làm tốt hơn. Còn về cuộc sống cá nhân, ý muốn nói tình trạng hôn nhân, thì cô vẫn độc thân nhưng không quen ai.

Điều này khiến một thắc mắc mới nảy sinh: Tại sao Isherwood lại đột nhiên tìm người hùn vốn? Jeremy Crabbe bảo nghe đồn anh ta bị ốm. Roddy Hutchinson bảo nghe đồn anh ta có khối u to bằng trái dưa mật trong bụng. Penelope, bà chủ quán bar Isherwood hay ghé, bảo nghe đồn anh ta đang yêu một quý bà người Hy Lạp, đã ly dị và rất giàu có, và đang lên kế hoạch sống nốt quãng đời còn lại với người phụ nữ trời ban này tại một bãi biển ở Mykonos. Mặc dù những lời đồn đại này khá vui tai, nhưng Dimbleby nghi ngờ sự thật đơn giản hơn nhiều. Julian đang già đi. Julian đang mệt mỏi. Julian vừa mới làm xong một vụ ngon ăn. Tại sao không nhận người nào đó làm cùng với mình để giúp giảm nhẹ gánh nặng?

Ba ngày sau, những nghi ngờ của anh ta được củng cố khi một mẫu tin nhỏ cuối trang nghệ thuật của tờ *Times* thông báo rằng Sarah Bancroft, trước đây làm cho bảo tàng Phillips ở Washington, sẽ vào làm cho phòng tranh Isherwood với chức trợ lí Giám đốc đầu tiên của nơi này. “Tôi đã làm nghề tranh được 40 năm”, Isherwood trả lời tờ *Times*. “Tôi cần người chung lưng đấu cật, và các thiên thần gửi Sarah cho tôi”.

Ngày thứ hai tuần tiếp theo, Sarah Goft đến làm việc. Thật trùng hợp, Oliver Dimbleby đang đi trên đường Duke đúng lúc cô quẹo vào con đường dẫn đến Mason’s Yard. Hôm ấy cô bận áo khoác hiệu Burberry, mái tóc vàng óng ả mượt như sa tanh được cột lại sau lưng. Thoạt đầu Oliver không nhận ra cô là ai, nhưng sự nhạy cảm với nhan sắc không cho anh bỏ qua dễ dàng. Anh ta ngoảnh cổ ngoái nhìn theo cô. Trước sự ngạc nhiên của Oliver, cô đi về hướng phòng tranh Isherwood ở góc xa của khu đất. Ngày đầu tiên làm việc cô phải bấm chuông, và sau hai phút tưởng như vô tận mới thấy Tanya, cô thư ký thờ ơ của Isherwood ra mở cửa. Đây chính là lễ kết nạp của Tanya đối với người mới đến, Dimbleby thầm nghĩ. Anh ta cũng đoán là Tanya sẽ bị đuổi việc trước thứ sáu.

Sarah gây ảnh hưởng ngay lập tức. Sarah là cơn gió lốc. Sarah là luồng gió tươi mát rất cần thiết. Sarah là tất cả mọi thứ Isherwood không có: nhanh nhẹn, có tổ chức, có kỷ luật, và dĩ nhiên là rất Mỹ. Mỗi buổi sáng cô đến phòng tranh lúc 8 giờ. Isherwood, người thường bước vào nơi làm việc lúc 10 giờ theo phong cách Ý, cũng bắt đầu điều chỉnh giờ đi làm cho phù hợp. Cô sắp xếp những quyển sách vút bừa bãi của anh cho ngăn nắp, và trang trí lại phòng làm việc chung của họ. Cô thay những chữ cái bị mất trên bộ đàm và cả tấm thảm đầy bụi trên cầu thang. Sau đó, cô bắt đầu thanh lý đồng hàng tồn kho, và thương lượng êm thấm với cô Archer đang làm việc tại đại lí du lịch ế ẩm để mở rộng văn phòng liền kề. “Cô ta là người Mỹ”, Dimbleby nói. “Về bản chất cô ta là người thích mở rộng. Cô ta sẽ chiếm đất nước của người khác rồi nói rằng mình làm điều này vì lợi ích của người đó”.

Thực tế thì Tanya không thể trụ nổi đến thứ sáu. Cô ta rời khỏi phòng tranh lần cuối vào tối thứ tư. Đích thân Sarah xử lý việc ra đi của cô ta và khiến nó êm thấm một cách bất thường so

với thông lệ xưa nay tại phòng tranh Isherwood. Sự đền bù cho nghỉ việc làm đã hài lòng cô gái. “Theo tôi biết thì Tanya được đền bù rất rộng rãi”, Dimbleby nói. “Số tiền đó đủ để cho phép cô ta đi nghỉ đông dài ngày ở Morocco”. Vào thứ hai tuần sau đã xuất hiện một cô gái mới ngồi làm việc tại phòng tiếp tân của Isherwood. Đó là một người phụ nữ cao ráo, da bánh mật, mái tóc đen bồng bênh và đôi mắt màu caramel, tên là Elena Frames. Một cuộc thăm dò nhỏ do Roddy Hutchinson thực hiện cho thấy, theo ý kiến của những người đàn ông ở đường James, cô ấy còn xinh đẹp hơn Sarah vốn là người đang thu hút nhiều sự chú ý. Cái tên “phòng tranh Isherwood” bỗng có một ý nghĩa mới đối với những người sống trên đường Duke, và phòng tranh trở nên đông khách hơn, nhộn nhịp hơn. Thậm chí, ngay cả Jeremy Crabbe bên nhà đấu giá Bonhams cũng thực hiện những cuộc viếng thăm không báo trước để xem bộ sưu tập của Isherwood.

Sau khi củng cố lại phòng tranh của mình, Sarah bắt đầu làm quen với những người cùng nghề. Cô chính thức hẹn gặp những người có vai trò như ánh đèn dẫn đường tại các nhà đấu giá ở Luân Đôn. Cô ăn trưa với các nhà sưu tập những bữa trưa đắt tiền, sau đó lại nhâm nhi riêng với những người tư vấn và đủ loại bạn bè ăn theo của họ. Cô ghé thăm và chào hỏi các phòng tranh đối thủ của Isherwood. Cô cũng đến quầy bar nhà hàng Grenn một lần và bao mỗi người có mặt ở đó một cốc rượu. Oliver Dimbleby cuối cùng cũng lấy hết can đảm mời cô đi ăn trưa, nhưng cô đã khôn khéo chuyển thành bữa uống cà phê. Buổi trưa hôm sau họ cùng nhau thưởng thức cà phê sữa trong tách giấy tại một chuỗi cửa hàng của Mỹ ở Piccadilly. Oliver vuốt ve tay cô và mời ăn tối. “Tôi e rằng mình không thể nhận lời mời đi ăn tối”. *Tại sao không?* Oliver tự hỏi khi quay trở về phòng tranh của mình ở phố King. *Thực sự thì tại sao không nhỉ?* Uzi Navot đã để mắt đến nó được một thời gian. Cậu ta luôn nghĩ đây là cảnh trú hoàn hảo trong cơn bão. Nơi **có thể an toàn** trong những ngày chắc chắn mưa. Nơi này có vị trí cách đường vành đai M26 ở Surrey mười dặm - hay, theo như cậu ta giải thích với Gabriel, cách phòng tranh Isherwood một giờ đi tàu điện ngầm và xe hơi. Căn nhà xây theo kiểu Tudor thành một đồng không có hình thù rõ ràng, có hàng cột cao và cửa sổ nhỏ bằng chì, có con đường cây sồi dẫn vào nhà do xe chạy nhiều mà thành. Ngôi nhà được bảo vệ bởi cánh cửa xây bằng sắt và gạch. Ở đây cũng có nhà kho xập xệ, hai nhà kính bị vỡ, có khu vườn cây cối um tùm để ngồi suy nghĩ, tám mẫu đất riêng để vật lộn với những con quỷ dữ trong bản thân mỗi người, và một cái ao không được đánh cá suốt 15 năm. Nhân viên đại lý cho thuê đã gọi nó là Thiên đường Winslow khi trao chìa khóa cho Navot. Đối với người như Navot, chốn này là cõi Niết bàn.

Dina, Rimona, và Yaakov làm việc trong thư viện bụi bặm; Lavon và Yossi thu xếp chỗ tác nghiệp trong một căn phòng ồn ào treo lủng lẳng đầu lâu của các con vật đã chết. Về phần Gabriel, anh dựng tạm xưởng vẽ trên căn phòng khách lầu hai, nơi có nhiều ánh sáng nhìn ra vườn. Bởi không thể xuất hiện trong thế giới nghệ thuật ở Luân Đôn, anh phái những người khác đi nhận nguồn hàng thay mình. Nhiệm vụ của họ cũng rất đặc biệt. Dina và Yossi thực hiện những chuyến đi riêng lẻ tới *L. Cornelissen và Các con trai* trên đường Russel, cẩn thận phân chia công việc giữa họ để những nữ nhân viên làm việc ở đó không nhận ra rằng họ đang làm theo lệnh của một nhà phục chế tranh chuyên nghiệp. Yaakov đến cửa hàng bán đèn ở Erla's Court để mua đèn Halogens cho Gabriel, sau đó đến một người thợ mộc bậc thầy ở thị trấn Camden để lấy cọ vẽ đã đặt trước. Eli Lavon lo khung tranh. *Là chuyên gia mới nghiên cứu về al-Bakari*, anh ta tranh luận khi thấy Gabriel chọn đồ cổ của Ý. “Sở thích của Zizi là Pháp cao

cấp”, anh ta nói. “Gu Ý choảng nhau chan chát với phong cách của Zizi”. Nhưng Gabriel nhận thấy loại khung được chạm trổ nổi bật của Ý rất phù hợp với lối vẽ đấp của Picasso, vì vậy Lavon đặt loại khung này tại cửa hàng *Arnold Wiggins và Con trai* trên phố Bury. Sarah đến với họ đầu giờ tối mỗi ngày, mỗi lần đi bằng một đường khác nhau, và luôn được Lavon kiểm tra lại lần nữa xem cô có bị bám đuôi hay không. Cô học rất nhanh, và đúng như Gabriel nghĩ, cô có trí nhớ hoàn hảo. Mặc dù vậy, anh vẫn cẩn thận không để cô bị ngạt thở bởi những đồng thông tin khổng lồ. Họ thường bắt đầu lúc bảy giờ trong phòng ăn chính, sau đó ngừng lại để ăn tối cùng những người khác, rồi lại tiếp tục đến 12 giờ đêm. Sau đó cô được Yossi hộ tống về căn hộ của mình ở Chelsea. Yossi sống trong một căn hộ khác bên kia đường.

Họ dành một tuần để nói về Zizi al-Bakari trước khi chuyển sang những người ông ta quen và những thành viên khác trong đoàn phụ tá và giới thân cận. Họ chú ý đặc biệt đến Wazir bin Talal, Trưởng bộ phận an ninh có mặt khắp nơi của AAB. Bin Talal thiết lập hệ thống tình báo trực tiếp của mình, gồm một nhân viên an ninh trong AAB và một mạng lưới thu mua tin tức trải rộng khắp thế giới, có nhiệm vụ cung cấp cho hắn thông tin về những nguy hiểm tiềm tàng đối với AAB và chính Zizi. “Nếu Zizi thích món hàng, thì chính bin Talal là người tiến hành những kiểm tra cần thiết”, Lavon giải thích. “Không ai tiếp cận được người đứng đầu mà không qua sự kiểm tra sơ bộ của bin Talal. Nếu ai đó bước ra khỏi vạch, chính bin Talal là người ra lệnh giải quyết”. Nghiên cứu của Yossi cho thấy ít nhất nửa tá người quen trước kia của al-Bakari đã chết một cách bí ẩn. Gabriel ra lệnh giấu kín việc này, không cho Sarah biết.

Trong những ngày tiếp theo, vài nhân vật được gọi là “chuyên gia có ích” của Văn phòng lần lượt ghé thăm ngôi nhà an toàn ở Surrey. Người đầu tiên là một phụ nữ từ Đại học Hebrew, bà đã dành hai đêm để giảng giải cho Sarah về những phong tục xã hội của người Ả-rập Xê-út. Tiếp đó, một nhà tâm lý học đã dành thêm hai đêm nữa khuyên cô những cách chiến đấu với sự sợ hãi và lo lắng khi làm nhiệm vụ tay trong. Một chuyên gia về giao tiếp dạy cô những hình thức cơ bản của loại chữ viết bí mật. Võ sư dạy cô về môn đấu tay đôi theo kiểu Israel. Gabriel chọn Lavon, người theo dõi giỏi nhất trong lịch sử của Văn phòng, để dạy cô khóa vỡ lòng về nghệ thuật theo dõi bằng điện tử và con người. “Cô sẽ phải bước vào nơi thù địch”, anh tổng kết. “Người ta sẽ theo dõi từng bước đi và lắng nghe từng lời cô nói. Nếu cô thực hiện được những điều này, sẽ không có gì bất ổn xảy ra”.

Trong phần lớn các buổi học, Gabriel chỉ đóng vai khán giả. Anh đón cô khi cô đến nhà mỗi tối, ăn tối cùng cả đội, sau đó tiễn cô lúc nửa đêm để cô quay lại Luân Đôn cùng Yossi. Ngày qua ngày, Gabriel bắt đầu tỏ ra bồn chồn. Lavon, người đã từng làm việc với anh nhiều hơn những người khác, phân tích tâm trạng của Gabriel là thiếu kiên nhẫn. “Anh ấy muốn cô bắt đầu tham gia trò chơi”, Lavon nói, “nhưng biết rằng cô chưa sẵn sàng”. Gabriel dành nhiều thời gian hơn mỗi lần đứng trước các bức vẽ, anh cẩn thận phục chế những hư tổn của bức Marguerite. Cường độ làm việc cao chỉ khiến anh thêm bất an. Lavon khuyên anh thỉnh thoảng nên nghỉ ngơi, và Gabriel ngập ngừng đồng ý. Anh tìm thấy một đôi ủng cao su trong phòng để đồ và bắt đầu thực hiện cuộc thám hiểm trên những con đường mòn quanh làng. Anh tìm được cần câu trong nhà kho và dùng nó để câu một con cá hồi màu nâu rất to từ ao vườn. Dưới lớp vải dầu trong ga-ra, anh tìm thấy một chiếc xe. Chiếc MG cổ có vẻ như đã nằm im ở đó đến hơn hai mươi năm. Ba ngày sau, những người trong nhà nghe thấy tiếng xe rú lên từ phía kho, kể đó là tiếng nổ lớn làm rung chuyển cả vùng đồng quê. Yaakov lao thốc ra khỏi nhà và nghĩ rằng Gabriel đã bị nổ tung thành những mảnh nhỏ, nhưng thay vì vậy, Yakoov lại thấy anh đứng

trước nắp xe đang mở, tay ngập đầu đến tận khuỷu, và mỉm cười lần đầu tiên kể từ khi họ đến Surrey. “Xe vẫn hoạt động tốt”, anh hét lên giữa tiếng động cơ nổ xình xịch. “Cái đồ phải gió này vẫn chạy tốt”.

Tối hôm đó lần đầu tiên Gabriel tham gia vào buổi huấn luyện Sarah. Lavon và Yaakov không ngạc nhiên, vì chủ đề của buổi thảo luận là Ahmed bin Shafiq, kẻ đã trở thành kẻ thù truyền kiếp của Gabriel. Anh chọn Dina, với chất giọng nhẹ nhàng và vẻ bề ngoài giống một góa phụ từ lúc còn trẻ, để truyền đạt những thông tin ngắn gọn. Trong đêm đầu tiên, cô giảng về nhóm 205, đơn vị bí mật của bin Shafiq, và cho mọi người thấy rằng, sự kết hợp giữa học thuyết Wahhabi và tiền của Ả-rập Xêút đã gây ra những nguy hiểm như thế nào ở Trung Đông và Nam Á. Vào đêm thứ hai, cô điểm lại con đường biến bin Shafiq từ một nhân viên trung thành của nước Ả-rập Xêút trở thành bộ óc của hội Huynh đệ Allah. Sau đó, cô mô tả chi tiết vụ tấn công vào Vatican, mặc dù không hề nhắc đến việc Gabriel đã có mặt tại hiện trường vụ tấn công. Gabriel nhận thấy rằng hầu hết thông tin là dư thừa, nhưng anh muốn tư tưởng Sarah thêm dứt khoát về việc Ahmed bin Shafiq xứng đáng với số phận đang chờ hắn.

Vào đêm cuối, Sarah được xem những tấm hình tái tạo từ máy vi tính cho thấy các diện mạo hiện tại của bin Shafiq. Bin Shafiq có râu. Bin Shafiq hói đầu. Bin Shafiq đội tóc giả muối tiêu. Tóc giả màu đen. Tóc xoăn. Không tóc. Khuôn mặt với những nét dữ dằn của người Ả-rập du cư đã được làm nhẹ bớt nhờ phẫu thuật thẩm mỹ. Nhưng chính cánh tay bị thương mới là điều mới quý giá nhất để nhận dạng hắn, Gabriel lưu ý với cô. Vết sẹo trong bắp tay mà hắn không bao giờ cho ai thấy. Bàn tay mà hắn không bao giờ chìa ra và luôn đút vào túi nhằm tránh xa cặp mắt của những người không theo đạo.

“Chúng tôi biết hắn ta được che giấu ở nơi nào đó trong đế chế của Zizi”, Gabriel nói. “Hắn ta có thể đội lốt một ông chủ ngân hàng đầu tư hay nhà quản lý hồ sơ. Hắn ta có thể là nhà buôn bán bất động sản hay quản lý dực. Có thể một tháng hắn mới đến. Có thể một năm. Có thể không bao giờ. Nhưng nếu hắn đến, cô có thể chắc rằng hắn sẽ cư xử rất lịch sự, bất thiệp và không hề giống một tên khủng bố chuyên nghiệp. Đừng tìm một tên khủng bố hay một người nào đó có cách cư xử như một tên khủng bố. Cô nên tìm một người đàn ông lịch lãm”.

Anh thu dọn lại những tấm hình. “Chúng tôi muốn biết tất cả mọi người ra vào trong quỹ đạo của Zizi. Chúng tôi muốn cô thu thập càng nhiều tên tuổi càng tốt. Nhưng đây mới là người đàn ông chúng tôi tìm kiếm”. Gabriel đặt một tấm ảnh trước mặt cô. “Đây mới là người đàn ông chúng tôi muốn”. Một tấm hình khác. “Đây là người đàn ông chúng tôi đang săn đuổi”. Một tấm khác. “Hắn ta chính là lí do tại sao chúng ta có mặt tại đây thay vì ở nhà cùng gia đình và con cái”. Một tấm khác. “Hắn ta chính là lí do tại sao chúng tôi yêu cầu cô hi sinh mạng sống của mình và gia nhập cùng chúng tôi”. Một tấm khác. “Nếu cô thấy hắn ta, hãy lấy cho chúng tôi các tên hắn đang sử dụng và công ty hắn đang làm việc. Lấy cả quốc tịch hắn sử dụng trong hộ chiếu nếu cô có thể”. Một tấm hình khác. “Nếu cô không chắc đó chính là hắn, cũng không sao. Hãy nói với chúng tôi. Nếu cuối cùng không phải là hắn, cũng không sao. Hãy nói với chúng tôi. Không có chuyện gì xảy ra nếu chỉ dựa vào lời nói của cô. Không ai bị tổn hại chỉ vì cô, Sarah. Cô chỉ là người đưa tin”.

“Còn nếu tôi đưa cho anh một cái tên?”, cô hỏi. “Khi đó chuyện gì sẽ xảy ra?”

Gabriel nhìn đồng hồ. “Tôi nghĩ đã đến lúc Sarah và tôi nói chuyện riêng với nhau. Mọi người cho phép chúng tôi chứ?”

Anh đưa cô lên lầu đến phòng vẽ và bật đèn. Marguerite Gachet tỏa sáng một cách khêu gợi

dưới ánh đèn sáng lóa. Sarah ngồi xuống chiếc ghế bọc cổ; Gabriel đeo kính phóng đại vào và chuẩn bị bảng màu.

“Còn bao lâu nữa?”, cô hỏi.

Đó cũng chính là câu hỏi Shamron đặt cho Gabriel vào buổi trưa lộng gió tháng Mười khi ông đến đường Narkiss để lôi anh ra khỏi chốn lưu đày. Một năm, đáng lẽ hôm ấy anh phải trả lời như thế. Nếu vậy thì anh đã không phải ở đây, vào giờ này, trong một căn nhà an toàn ở Surrey, chuẩn bị cài một cô gái người Mỹ xinh đẹp vào Tập đoàn Thánh chiến.

“Tôi đã chùi sạch lớp bụi bẩn và làm trơn láng các nếp nhăn bằng dao trộn bột vẽ ẩm và ẩm”, Gabriel đáp. “Bây giờ tôi còn phải khôi phục cho xong những hình vẽ và quét một lớp vecni - chỉ vừa đủ để thấy được sự ấm áp của những màu sắc ban đầu mà Vincent đã chọn”.

“Tôi không nói về bức họa”.

Anh ngược lên từ bảng màu. “Tôi nghĩ chuyện này phụ thuộc hoàn toàn vào cô”.

“Tôi sẵn sàng khi anh yêu cầu”, cô đáp.

“Cũng không hẳn”.

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu Zizi không cắn câu? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu ông ta không thích bức vẽ, hoặc không thích tôi?”

“Không nhà sưu tập nghiêm túc mà nhiều tiền nào kiểu như Zizi lại từ chối một bức Van Gogh mới được khám phá. Còn về phần cô, ông ta sẽ không có nhiều sự chọn lựa trong việc này. Chúng tôi sẽ biến cô thành một người không thể cưỡng lại”.

“Bằng cách nào?”

“Có một vài điều cô không biết thì hơn”.

“Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra với Ahmed bin Shafiq nếu tôi gặp hắn?”

Anh thêm chút màu vào một ô trong bảng màu rồi dùng cọ trộn lại. “Cô biết chuyện gì sẽ xảy ra với Ahmed bin Shafiq mà. Tôi đã nói rất rõ với cô trong cái đêm chúng ta gặp nhau lần đầu ở rồi”.

“Hãy nói cho tôi nghe mọi chuyện”, cô nói. “Tôi cần biết”.

Gabriel hạ kính xuống và đưa cọ lên bức vẽ. Khi cất tiếng, anh không nói chuyện với Sarah mà nói với Marguerite. “Chúng tôi sẽ theo dõi hắn. Chúng tôi sẽ nghe trộm hắn nếu có thể. Chúng tôi sẽ chụp hình hắn, thu âm giọng nói hắn lại vào băng rồi gửi cho các chuyên gia của chúng tôi phân tích”.

“Nếu các chuyên gia bên anh xác định đó là hắn?”

“Vào thời gian và địa điểm mà chúng tôi cảm thấy thích hợp, chúng tôi sẽ hạ hắn”.

“Hạ hắn?”

“Ám sát hắn. Giết hắn. Trừ khử hắn. Hãy chọn từ nào cô cảm thấy thích hợp, Sarah. Đến giờ này tôi vẫn chưa tìm ra từ đó”.

“Anh đã làm chuyện này bao nhiêu lần?”

Anh ghé sát mặt vào bức vẽ, thì thầm. “Nhiều lần rồi, Sarah”.

“Anh đã giết bao nhiêu người? Mười? Hai mươi? Việc giết chóc đã giải quyết được vấn đề khủng bố chưa hay chỉ làm việc này tồi tệ hơn? Nếu anh tìm thấy Ahmed bin Shafiq rồi giết hắn, chuyện này sẽ được gì? Sẽ kết thúc, hay liệu một tên nào khác sẽ bước ra nhận thay vị trí của hắn?”

“Cuối cùng thì một tên sát nhân khác sẽ nhận vị trí của hắn. Trong thời gian quá độ đó, nhiều mạng người sẽ được cứu sống. Và công lý sẽ được thực thi”.

“Đây có thật sự là công lý không? Chẳng lẽ công lý có thể thực sự được thực thi bằng một khẩu súng lục hay xe hơi gài thuốc nổ sao?”

Anh nhắc kính ra và quay người lại, đôi mắt xanh biếc ánh lên trong vùng đèn chói chang. “Cô thích tranh cãi về khía cạnh đạo đức của việc chống khủng bố à? Điều ấy khiến cô dễ chịu hơn phải không? Cô an tâm đi, Ahmed bin Shafiq không bao giờ phí thời gian vật lộn với những câu hỏi về đạo đức. Cô có thể chắc chắn rằng nếu hấn nắm được thiết bị hạt nhân, bản khoản duy nhất của hấn sẽ chỉ là dùng thiết bị này để phá hủy New York hay Tel Aviv”.

“Đây là công lý hay chỉ là sự trả thù, Gabriel?”

Một lần nữa anh lại thấy như mình đang ở cùng Shamron. Lần này bối cảnh không còn ở nhà anh trên đường Narkiss mà là một buổi trưa ấm áp tháng chín năm 1972 - ngày đầu tiên Shamron đến tìm anh. Gabriel đã đặt câu hỏi giống như Sarah vậy.

“Mọi việc vẫn chưa quá trễ, Sarah. Cô có thể rút lui nếu cô muốn. Chúng tôi sẽ tìm người khác thay thế”.

“Không có ai khác giống tôi. Thêm nữa, tôi cũng không muốn rút lui”.

“Vậy cô muốn gì?”

“Yên ổn lương tâm để ngủ ngon mỗi tối”.

“Ngủ đi, Sarah. Hãy ngủ ngon”.

“Còn anh?”

“Tôi còn một bức vẽ phải làm nốt”.

Anh quay người lại và đeo kính vào. Sarah vẫn chưa chịu buông tha.

“Chuyện đó có đúng không?”, cô hỏi. “Tất cả những điều viết về anh trong các báo nhắc đến vụ tấn công ga Lyon?”

“Hầu hết”.

“Anh đã giết những người Palestine của nhóm Tháng Chín Đen, những người đã thực hiện vụ tàn sát hàng loạt ở Munich?”

“Một vài tên trong số đó”.

“Anh có làm chuyện ấy lần nữa không, sau khi biết mọi chuyện đã xảy ra như bây giờ?”

Anh do dự trong giây lát. “Có, Sarah. Tôi vẫn làm. Tôi sẽ nói cho cô biết tại sao. Đó không phải là trả thù. Tháng Chín Đen là nhóm khủng bố tàn ác nhất trên thế giới, bọn chúng cần phải bị tiêu diệt”.

“Nhưng anh hãy nhìn lại xem chuyện này đã khiến anh phải trả giá như thế nào. Anh đã mất gia đình”.

“Tất cả những ai tham gia vào cuộc chiến này đều phải mất mát một thứ gì đó. Đất nước của cô đã từng yên ổn trong hòa bình, từng là ngọn đèn soi sáng về tự do và tính đúng mực. Bây giờ đất nước cô tay đã vấy máu, nhiều người đang bị nhốt trong những nhà ngục bí mật. Chúng tôi không làm công việc này vì thích thú. Chúng tôi làm vì không còn sự chọn lựa nào khác. Cô nghĩ tôi có sự chọn lựa nào ư? Cô nghĩ Dina Sarid có quyền lựa chọn ư? Chúng tôi không có. Cô cũng không”. Anh nhìn cô trong giây lát. “Trừ phi cô muốn tôi tìm người khác thay cô trong vụ này”.

“Không người nào khác có thể thay tôi”, cô lặp lại. “Khi nào tôi phải sẵn sàng?”

Gabriel quay người lại đưa cọ lên bức vẽ. Sớm thôi, anh nghĩ. Thêm một hai ngày khôi phục lại những hình vẽ. Sau đó quét một lớp vecni. Lúc đó Sarah sẽ sẵn sàng lâm trận.

Những việc còn lại là huấn luyện thực địa cho Sarah. Lavon và Uzi Navot hướng dẫn trong chừng mực cô có thể tiếp thu. Suốt ba ngày đêm họ đưa Sarah đi khắp các đường phố và dạy cô

những nguyên tắc căn bản trong nghề. Họ dạy cô làm cách nào để tiến hành một cuộc gặp bí mật, và làm sao biết được một địa điểm đã bị cài đặt. Họ dạy cô cách phát hiện mình đang bị theo dõi và làm sao để cắt đuôi. Họ dạy cô cách tạo hộp thư bí mật và trao tài liệu cho người chuyển tin. Họ dạy cô cách gọi số khẩn cấp của Văn phòng trên điện thoại trả tiền bình thường, và làm cách nào để giúp họ có thể nhận dạng cơ thể cô nếu xác cô bị nổ tung. Sau buổi đó, Lavon khen ngợi cô là nhân viên thực địa không chuyên có năng khiếu bẩm sinh nhất mà ông từng huấn luyện. Anh có thể hoàn tất khóa học trong hai ngày, nhưng Gabriel, có lẽ để yên tâm hơn, nhất mực đòi thêm ngày huấn luyện thứ ba. Khi Lavon, cuối cùng cũng trở về căn nhà an toàn ở Surrey, nhìn thấy Gabriel đang đứng suy tư bên ao cá, tay cầm cần câu còn mất thì dõi theo mặt nước chăm chú tựa như đang dùng ý chí bắt cá phải xuất hiện. “Cô ấy sẵn sàng rồi”, Lavon thông báo. “Nhưng vấn đề bây giờ là anh đã sẵn sàng chưa?”. Gabriel chậm chậm thu dây câu và theo Lavon trở lại vào nhà.

Buổi tối hôm đó, khi ánh đèn vụt tắt trong đại lí du lịch nhỏ bé ở Mason’s Yard, cô Archer, tay ôm chồng hồ sơ cũ, ngừng chân một lát trên đầu cầu thang nhìn sang lối vào phòng tranh Isherwood thông qua lớp cửa kính lấp lánh. Ngồi đằng sau quầy tiếp tân là Elena, cô thư ký người Ý xinh đẹp của ông Isherwood. Cô ngược lên khỏi màn hình máy vi tính gửi cô Archer một nụ hôn gió tạm biệt, sau đó nhìn xuống tiếp tục làm việc.

Cô Archer mỉm cười buồn bã bước xuống cầu thang. Không có giọt nước mắt nào trong mắt cô. Cô đã khóc một mình ở nơi không ai nhìn thấy, đúng như việc cô luôn phải một mình làm hầu hết mọi việc. Cũng không có sự do dự trong bước chân cô. Suốt hai mươi bảy năm, cô đến văn phòng này năm buổi sáng một tuần. Cả buổi sáng thứ bảy nữa, nếu cần phải có người trực văn phòng. Cô đang mong chờ đến ngày nghỉ hưu, thậm chí đến sớm hơn dự định một chút cũng được. Có lẽ cô sẽ đi nghỉ dài ngày, hoặc mua một căn nhà nhỏ ở miền quê. Cô đã để mắt đến một căn nhà nho nhỏ ở Chilterns được một thời gian. Cô chần chẫn một điều: Cô không hề hối tiếc khi rời bỏ nơi này. Mason’s Yard sẽ không bao giờ còn giống như trước kia, nếu cô Bancroft chung diện vẫn còn làm việc ở đây. Cũng không phải cô có Archer thành kiến với người Mỹ. Cô chỉ không hứng thú khi làm việc gần người Mỹ.

Khi cô bước gần tới cuối cầu thang, có tiếng rè rè vang lên và ổ khóa tự động ở cửa bên ngoài bật mở. *Cám ơn*, Elena, cô nghĩ khi bước chân ra ngoài trong không khí se lạnh của buổi tối. *Cô không thèm nhắc cái mông đít tròn trĩnh của mình ra khỏi ghế để chào tạm biệt cho đảng hoàng, trong khi chính cô đã đẩy tôi ra khỏi cửa như thế này đây.* Cô những muốn vi phạm quy định của ông Isherwood về việc chờ cửa tự động khóa lại, nhưng, chuyên nghiệp đến phút cuối, cô ở lại thêm mười giây nữa, cho đến khi nghe tiếng đóng cách của chốt cửa rồi mới từ từ bước chân về phía lối ra.

Cô Archer không hề biết rằng có ba người thuộc nhóm neviot, ngồi trong một chiếc xe tải nhỏ đậu bên kia đường Duke, đang cẩn thận theo dõi nhất cử nhất động của mình. Cô đi rồi mà họ vẫn ở lại trong xe tải thêm một tiếng nữa, đề phòng trường hợp cô còn quên thứ gì. Sau đó, trước tám giờ một chút, họ nhẹ nhàng bước xuống lối đi, chậm chậm băng qua sân gạch cũ, tiến về phòng tranh. Đối với Julian Isherwood, người đang dõi theo những bước đi không lấy gì làm vội vã của họ từ cửa sổ phòng làm việc của mình, họ giống như những người đào huyệt có một đêm dài đang ở phía trước.

Chương 19

Luân Đôn



ông việc thực sự bắt đầu cuối buổi sáng ngày hôm sau khi Julian Isherwood, một nhà buôn bán tranh danh tiếng ở Luân Đôn, nhắc máy điện thoại gọi tới khu chung cư Knightbridge tìm Andrew Malone, cố vấn nghệ thuật độc quyền của Zizi al-Bakari. Người trả lời điện thoại là một người phụ nữ, giọng còn ngái ngủ, thông báo rằng Malone đã ra nước ngoài.

“Trốn chạy pháp luật à?”. Julian hỏi, cố gắng hài hước để làm nhẹ bớt tình huống khó xử.

“Thử gọi di động cho ông ấy xem”, người phụ nữ nói rồi dập điện thoại xuống.

May mắn thay, Isherwood có điện thoại di động của Malone. Anh lập tức quay số, và theo lời hướng dẫn, để lại một mẫu tin nhắn ngắn gọn. Gần cuối ngày Malone mới hạ cố gọi lại cho anh.

“Tôi đang ở Rome”, hắn nói giọng nhỏ nhẹ. “Một vụ lớn. Rất lớn”.

“Cũng không ngạc nhiên lắm, Andrew. Anh toàn làm ăn lớn thôi mà”.

Malone dẹp câu nói cầu cạnh của Isherwood sang một bên. “Tôi chỉ có ít thời gian”, hắn nói.

“Tôi giúp gì được đây, Julie?”

“Tôi nghĩ mình có một thứ cho anh. Thực ra là cho khách hàng của anh”.

“Khách hàng của tôi không sưu tập Bạc thầy Thời xưa”.

“Thứ tôi có cho khách hàng của anh không phải là Bạc thầy Thời xưa. Đây là một bức thuộc trường phái Ấn tượng. Nhưng không phải loại Ấn tượng nhan nhản khắp nơi. Anh hiểu ý tôi không? Bức họa rất đặc biệt, Andrew. Một thứ mà chỉ vài ba nhà sưu tập trên thế giới dám mơ đến việc sở hữu nó, và khách hàng của anh thuộc số này. Tôi hy vọng anh là người đầu tiên chiêm ngưỡng nó - ưu tiên đấy nhé. Anh có hứng thú với vụ này không, hay tôi nên tìm người khác?”

“Nói thêm đi, Julie”.

“Xin lỗi, ông bạn tốt, nhưng đây không phải là thứ có thể trao đổi trên điện thoại. Hẹn gặp ăn trưa ngày mai nhé? Tôi sẽ đãi”.

“Mai tôi đi Tokyo mất rồi. Một nhà sưu tập có bức Monet chủ tôi muốn mua”.

“Vậy ngày kia thì sao?”

“Đó là ngày tôi nghỉ ngơi sau chuyến bay. Chúng ta hẹn gặp thứ năm, được không?”

“Anh sẽ không hối hận về chuyện này đâu, Andrew”.

“Hối hận là những thứ cản bước chúng ta. Chào, Julie”.

Isherwood cúp máy nhìn người đàn ông vai rộng có mái tóc vàng dàu đang ngồi ở phía bên kia bàn. “Làm rất tốt”, Uzi Navot nói. “Nhưng lần tới hãy để Zizi đãi bữa trưa”.

Gabriel không ngạc nhiên khi nghe tin Andrew Malone đang ở Ý, anh đã cho người theo dõi hắn gần một tuần nay. Một bức điêu khắc Degas đã lọt mắt xanh Zizi và Malone phải đến thành phố

Eternal để đàm phán mua lại nó. Nhưng đêm thứ hai hắt ta ra đi tay trắng và bay sang Tokyo. Nhà sưu tập vô danh sở hữu bức Monet mà Malone muốn mua không ai khác hơn chính là nhà công nghiệp nổi tiếng Monto Watanabe. Trông vẻ thất bại hiện trên khuôn mặt Malone khi rời căn hộ của Watanabe, Gabriel kết luận là vụ thương lượng đã không có kết quả tốt. Tối hôm đó Malone gọi cho Isherwood và thông báo mình sẽ ở lại Tokyo một ngày lâu hơn dự tính. “Tôi e rằng chúng ta phải hoãn cuộc hẹn lại”, hắt nói. “Tuần tới được không?”. Gabriel, người đang mong mọi việc trôi chảy, hướng dẫn cho Isherwood đẩy nhanh cuộc gặp, nên cuộc gặp chỉ bị hoãn lại thêm một ngày, từ thứ năm sang thứ sáu, mặc dù Isherwood cũng nhượng bộ bằng cách hẹn gặp vào cuối buổi trưa để Malone có thể chớp mắt vài tiếng. Quả thực Malone có ở lại Tokyo thêm một ngày, nhưng trạm theo dõi Tokyo không thấy hắt liên lạc gì thêm với Watanabe hay đại diện của Watanabe.

Mãi đến chiều tối thứ năm Andrew Malone mới quay trở lại Luân Đôn, dáng vẻ thất thần, theo lời Eli Lavon thì trông hắt giống hệt cái xác không hồn thanh lịch trong bộ quần áo trang nhã của nhà may Savile Row nổi tiếng. Khoảng 3 giờ rưỡi chiều hôm sau, xác chết ấy lướt vào cửa nhà hàng Green ở phố Duke, rồi yên vị tại góc bàn nơi Isherwood đang đợi. Nhận ly rượu vang trắng từ tay Isherwood, Malone cất tiếng:

“Này, chúng ta đi thẳng vào vấn đề nhé! Anh có món gì béo bở cho tôi à? Kẻ nào đem đến món hàng đó thế? Nâng ly thôi!”

Một tiếng rưỡi sau, khi Isherwood đến thì Chiara đang đứng đợi ở đầu cầu thang. Nhà buôn tranh khệnh khạng leo lên những bậc thang mới trải thảm, tay cầm hai chai vang trắng tuyệt hảo mua bằng tiền của Gabriel. Chiara bảo anh rẽ trái, nơi từng là khu văn phòng của công ty du lịch Archer. Ở đó, một người Israel phụ trách cho Gabriel đang đợi anh. Isherwood cởi áo khoác, mở nút áo sơ mi, để lộ một thiết bị ghi âm nhỏ gắn chặt vào ngực bằng dây thắt lưng co giãn.

“Tôi không thường hành động thế này trong buổi hẹn đầu tiên với khách hàng đâu”, Julian nói. Anh chàng Israel vừa gỡ máy ghi âm ra vừa mỉm cười. “Thế còn món tôm hùm thì sao?”

“Hơi dai, nhưng cũng không đến nỗi tệ”

“Ông đã hoàn thành rất tốt nhiệm vụ, thưa ngài Isherwood. Rất tốt”.

“Tôi nghĩ chắc đây là phi vụ cuối cùng. Còn bây giờ, hi vọng khi ra ngoài, tôi không bị bắn bể sọ”.

Đáng lý đoạn ghi âm phải được truyền đi một cách đảm bảo hơn, nhưng cũng giống như Adrian Carter, Gabriel vẫn có chút gì đó cố hủ, lặc hậu, anh khẳng khẳng đòi tải thông tin vào một đĩa mềm và xách tay đến nhà an toàn Surrey. Hơn tám giờ tối, thứ mà mọi người nóng lòng chờ đợi mới được giao tận nơi. Gabriel bỏ đĩa vào ổ đĩa vi tính và nhấn nút Play. Dina nhảy chồm lên ghế sofa, Yaakov ngồi co chân trên ghế bành, tay chống cằm, háo hức lắng nghe. Đêm đó đến phiên Rimona phải nấu ăn. Vừa nghe giọng Andrew Malone là cô gọi với sang từ nhà bếp, bảo Gabriel vặn to tiếng lên để nghe cùng.

“Này Julian, anh tưởng tôi là thằng khờ à?”

“Đó là món đồ có thật, Andrew ạ. Tôi tận mắt thấy rồi”.

“Anh có ảnh của nó không?”

“Tôi không được phép chụp ảnh nó”.

“Ai là chủ bức tranh đó?”

“Chủ nhân muốn giấu tên”.

“Dĩ nhiên rồi, nhưng là ai mới được chứ, anh bạn Julian của tôi?”

“Tôi không thể tiết lộ danh tính của chủ nhân. Xin được đặt dấu chấm hết ở đây. Cô ấy tin tưởng uỷ thác tôi làm đại diện cho việc giao dịch này”.

“Cô ấy? Vậy là phụ nữ à?”

“Bức tranh đã ở cùng với một gia đình trong ba thế hệ, và hiện tại do một phụ nữ nắm giữ”.

“Gia đình thế nào hả Julian, tiết lộ cho tôi chút thông tin đi”.

“Gia đình người Pháp. Và đây cũng là tất cả những gì tôi có thể cho anh biết”.

“Tôi e rằng nếu chỉ có thế thì rất khó lòng thực hiện giao dịch được, anh bạn Julian ạ. Ít ra anh phải cho tôi biết cái gì đó cụ thể hơn. Tôi chẳng thể nào đi tay trắng về gặp ông chủ Zizi của tôi được. Ông ta sẽ nổi cáu ngay lập tức. Nếu muốn Zizi nhập cuộc chơi, thì phải chơi theo luật của ông ấy”.

“Tôi không lo ngại chuyện ấy, Andrew ạ. Tôi tìm đến anh đầu tiên vì tôi ưu ái anh nhất. Nói thật tôi chẳng để ý gì đến luật của Zizi. Tôi cũng chẳng cần ông ta. Nếu tôi loan tin ra thị trường rằng tôi đang giữ một bức tranh vẫn chưa trình làng của Van Gogh, thì bảo đảm tất cả dân sưu tập, viện bảo tàng trên trái đất này sẽ tự tìm đến tôi, dâng tiền cho tôi. Anh nên nhớ kỹ điều đó”.

“Thứ lỗi cho tôi, Julie. Tôi mệt mỏi vì cả tuần này bù đầu với công việc. Chúng ta bắt đầu lại câu chuyện nhé!”

“Sẵn lòng thôi”.

“Anh có thể trả lời vài câu hỏi của tôi chứ?”

“Còn phải xem anh hỏi gì nữa”.

“Tôi sẽ bắt đầu bằng câu đơn giản nhất. Cho tôi biết bây giờ bức tranh ấy đang ở đâu? Ở Pháp hay Anh?”

“Ở ngay tại Luân Đôn này”.

“Trong phòng tranh của anh à?”

“Không”.

“Bức tranh thể loại gì? Phong cảnh? Tranh tĩnh vật? Hay chân dung?”

“Chân dung”.

“Tự họa?”

“Không”.

“Nam hay nữ?”.

“Nữ”.

“Hay thật. Thế được họa lúc đầu khởi nghiệp hay sau này?”.

“Sau này”.

“Tại thị trấn Saint-Rémy hay là Auvers?”

“Tranh hoàn thành vào những ngày cuối đời của danh họa tại Auvers”.

“Không phải anh đang nói đến bức danh họa bí ẩn Marguerite Gachet đó chứ, Julian?”

“Đã đến lúc chúng ta phải gọi món ăn rồi”.

“Quý quá thật. Anh cho tôi câu trả lời được chứ? Có phải anh đang nói đến bức họa Marguerite Gachet không?”

“Nãy giờ tôi đã cố gắng trả lời đúng theo cam kết của chúng ta, và tôi không thể nói thêm điều

gì được nữa. Nếu anh muốn biết bức tranh đó thể nào, mời anh đến xem tận mắt”.

“Anh mời tôi đến xem ư?”

“Không phải anh mà là ông chủ của anh”.

“Ông chủ tôi bận bịu suốt”.

“Tôi đã chủ định dành 72 giờ để anh và ông chủ anh suy nghĩ về đề nghị này. Sau đó, tôi sẽ chính thức loan tin rộng rãi”.

“Không hay tí nào. Ông chủ tôi không thích bị áp đặt tối hậu thư như vậy”.

“Đó không phải là tối hậu thư, chỉ đơn giản là việc làm ăn. Ông ấy hiểu điều đó hơn ai hết”.

“Tiền bạc ra sao?”

“Tám mươi lăm triệu”.

“Tám mươi lăm triệu à? Thế thì anh tìm Zizi là đúng người rồi. Thời buổi bây giờ tiền bạc hơi khó kiếm một chút. Tôi cũng chẳng nhớ lần cuối người ta trả đến tám mươi lăm triệu cho một món hàng là lúc nào nữa? Anh có nhớ không?”

“Chắc chắn bức tranh sẽ đáng giá với từng xu mà Zizi bỏ ra”.

“Nếu quả thật như những gì anh nói, và nếu bức tranh vẫn còn trong tình trạng tốt, tôi sẽ lập tức đưa tiền cho anh theo đúng những gì anh yêu cầu. Lâu nay ông chủ tôi vẫn tìm kiếm một bức tranh đúng với giá trị của nó. Tôi nghĩ anh biết phải không? Đó cũng là lý do anh tìm đến tôi trước tiên. Anh thừa hiểu chúng ta có thể hoàn tất việc giao dịch này trong một buổi chiều. Không phải đấu giá, không qua báo chí. Chẳng phải hỏi han gì về cô chủ nhân người Pháp nhỏ bé và mai danh ẩn tích của anh. Tôi chính là con gà đẻ trứng vàng mà anh đang tìm kiếm, và tôi nghĩ anh hiểu phải cho con gà này chút lợi nhuận chứ nhỉ?”

“Anh đang muốn nói gì hả Andrew?”

“Tôi không cần giải thích thêm”.

“Nhưng tôi quả thật không hiểu. Anh có thể nói rõ hơn chút không?”

“Tôi đang nói đến tiền, Julian ạ. Tôi đang nói đến một miếng bánh thật nhỏ cắt ra từ một ổ bánh thật to”.

“Anh muốn được chia phần à? Tham gia chia phần, theo cách người Mỹ thường nói”.

“Xin đừng đề cập đến người Mỹ ở đây. Hiện thời, ông chủ của tôi không thích nhắc đến kiểu cách của người Mỹ”.

“Vậy thì thế nào gọi là chia phần?”

“Như thế này, để tránh việc tranh cãi, tôi xin giải thích như sau: phần hoa hồng bán tranh của anh là 10 phần trăm, đồng nghĩa anh nhận được một khoản hời tám triệu rưỡi đô trong chỉ một buổi chiều. Còn về phần mình, tôi chỉ mong sẽ có 10 phần trăm trên 10 phần trăm của anh. Mà cũng chẳng phải tôi xin xỏ gì, tôi xứng đáng có phần đó. Anh phải trả cho tôi, nếu như anh tham gia cuộc chơi này”.

“Theo những gì tôi được biết, anh là cố vấn nghệ thuật duy nhất của Zizi. Và chắc hẳn Zizi phải trả lương cho anh hậu hĩnh lắm. Anh đang sống nhờ vào tiền của ông chủ Zizi, thoải mái thư giãn trên đất của Zizi. Ông ta trả công cho anh nhiều như thế vì không muốn anh kiếm chác thêm trên các khoản giao dịch khác. Nhưng rõ ràng là anh đang bắt cá hai tay, có phải không Andrew? Chuyện này đã bao lâu rồi? Anh đã ăn chia được bao nhiêu tiền của Zizi rồi hả?”

“Đó không phải là tiền của Zizi. Đó là tiền của tôi. Zizi không biết được, khuất mắt trông coi mà”.

“Lỡ ông ta biết thì sao? Ông ta sẽ đày anh đến thung lũng cát Empty Quarter rồi để mặc anh

cho lũ kền kền phanh thây”.

“Chính xác, anh bạn của tôi. Và tôi hi vọng vì lẽ đó anh sẽ không tiết lộ một lời nào với ông ta. Tôi trao tặng anh 7 triệu rưỡi đô chỉ trong một buổi chiều. Không đến nỗi tệ nhỉ. Xem như chúng ta đã thỏa thuận xong. Và cùng làm giàu, anh nghĩ sao?”

“Thôi được Andrew. Anh sẽ có 10 phần trăm của anh. Nhưng tôi cần gặp mặt ông chủ Zizi quý phái của anh trong vòng 72 tiếng nữa, nếu không thì xem như chấm dứt giao dịch”.

Gabriel bấm dừng đoạn thu âm, và điều chỉnh nghe lại phần cuối.

“Nhưng rõ ràng là anh đang bắt cá hai tay, có phải không Andrew? Chuyện này đã bao lâu rồi? Anh đã ăn chia được bao nhiêu tiền của Zizi rồi hả?”

“Đó không phải là tiền của Zizi. Đó là tiền của tôi. Zizi không biết được, khuất mắt trông coi mà”.

“Lỡ ông ta biết thì sao? Ông ta sẽ đày anh đến thung lũng cát Empty Quarter rồi để mặc anh cho lũ kền kền phanh thây”.

“Chính xác, anh bạn của tôi. Và tôi hi vọng vì lẽ đó anh sẽ không tiết lộ một lời nào với ông ta”. Gabriel tắt chương trình, lấy đĩa ra khỏi máy.

“Tên Malone này đều kinh lên được”. Yaakov nhận xét.

“Đúng vậy”, Gabriel đồng tình, dù anh đã biết điều này từ lâu.

“Anh nghĩ có nên để ai đó báo cho Zizi biết không”, Dina hỏi. “Như vậy cũng hợp lý thôi”.

“Đúng vậy” Gabriel vừa nói vừa cất đĩa vào túi. “Sẽ có ai đó báo cho Zizi. Nhưng không phải là chúng ta”.

Đó là 72 giờ dài nhất mà họ từng trải qua. Toàn là những cảnh báo và hứa hẹn, có lúc tưởng như chắc chắn sẽ thực hiện nhưng rồi lại bị hủy bỏ chỉ trong chốc lát. Malone lúc là người dọa dẫm, lúc lại van xin. “Ông chủ Zizi rất bận rộn”, hắn thông báo vào chiều thứ bảy. “Bây giờ ông đang bận một vụ làm ăn lớn, chắc phải đi Delhi ngay hôm nay và bay thẳng đến Singapore ngày mai. Có khi giữa tuần sau ông ấy mới có mặt ở Luân Đôn”. Nhưng Isherwood vẫn cương quyết giữ ý định của mình, cánh cửa cơ hội duy nhất cho Zizi sẽ chính thức khép lại lúc 5 giờ chiều, và sau đó Zizi tự đi mà tìm kiếm ở mọi góc ngách.

Chiều muộn chủ nhật, Malone gọi điện thoại và thông báo tin buồn rằng Zizi đang lấy giấy thông hành. Gabriel không lo lắng vì điều này nhiều lắm, bởi vì cùng chiều hôm đó nhóm đặc vụ đóng tại văn phòng công ty du lịch Archer đã nhìn thấy một người đàn ông Arập sang trọng khoảng 30 tuổi, lẳng vẳng do thám xung quanh khu vực Mason’s Yard. Sau khi xem hình kẻ khả nghi, Lavon đã xác định được danh tánh của hắn là Jafar Shakuri, từng là lính cảnh vệ Arập Xêút, hiện là thành viên của nhóm cận vệ cấp cao cho Zizi. “Hắn đang đến”, Lavon nhận xét. “Zizi luôn thích chơi trò đánh đố”.

Cuộc điện thoại họ mong đợi cuối cùng cũng đến vào lúc 10 giờ 22 phút sáng hôm sau. Đầu dây bên kia là giọng Andrew Malone, và dù không nhìn thấy mặt, họ thừa biết ông ta rất vui vẻ. Zizi đang trên đường đến Luân Đôn, và có thể ghé ngang qua phòng tranh của Isherwood lúc 4 giờ 30 phút. “Zizi cũng có vài quy tắc”, Malone nói trước khi gác máy. “Không rượu bia, không thuốc lá. Hãy sắp xếp hai cô gái ăn mặc lịch sự, chỉnh tề để đón tiếp ông ấy. Zizi thích phụ nữ đẹp, nhưng phải là đẹp duyên dáng. Và ông chủ Zizi của chúng tôi là người của tín ngưỡng, ông ấy dễ phật lòng”.

Chương 20

Luân Đôn

Bức tranh Marguerite Gachet đến trước Zizi, nó nằm trong thùng sau xe tải nhỏ, được nguy trang cẩn thận, do một tài xế chuyên nghiệp lái đến từ ga Luân Đôn. Rồi nó được bí mật chuyển vào phòng tranh Isherwood thông qua khu bốc dỡ hàng hóa an toàn. Có hai gã thuộc đội bảo vệ của Wazir bin Talal theo dõi việc vận chuyển. Hai gã này yên vị trên một chiếc xe hơi đậu tại đường Duke, chính Jafar Sharuki, cận vệ cao cấp, cũng đang ngồi nhấm nháp món khoai tây chiên tại một quán bar cạnh phòng tranh của Isherwood. Thư điện tử xác nhận tranh đã vận chuyển đến nơi an toàn được nhóm đặc vụ gửi đến nhà Surrey vào lúc 3 giờ 18 phút chiều. Dina nhận thư, và đọc thành tiếng cho Gabriel nghe. Lúc này anh đang đi đi lại lại trên tấm thảm cũ rách trải trong phòng khách. Thi thoảng anh ngừng bước, nghiêng đầu như đang lắng nghe tiếng nhạc văng vẳng từ xa, rồi lại tiếp tục cuộc hành trình đi tới đi lui trong phòng khách.

Trong Gabriel là cảm giác bất lực của một nhà viết kịch của đêm chính thức mở màn. Anh đã tạo ra nhân vật, diễn tập lời thoại với họ và sắp chứng kiến họ biểu diễn trên sân khấu. Đó là Isherwood trong trang phục đen sọc trắng với cà vạt đỏ may mắn của mình, anh ta uống nước và tranh thủ nhấm nháp móng tay ngón trỏ trái để giảm căng thẳng. Chiara ngồi sau mặt bàn gương bóng loáng, tóc búi cao, chân bắt chéo, còn Sarah, thanh lịch với bộ trang phục Chanel đen mua ở cửa hàng Harrods trước đó hai tuần, ngồi thẳng trên trường kỷ trong phòng trưng bày trên lầu. Cô dăm dăm nhìn bức họa Maguerite Gachet nhưng tâm trí lại nghĩ đến tên hung thần sắp sửa bước ra khỏi thang máy trong hai tiếng nữa. Nếu anh có thể phân lại vai diễn, có thể đó sẽ là vai của Sarah. Nhưng bây giờ thì đã quá trễ, sắp đến giờ mở màn rồi.

Cho nên, thay vì thế, nhà soạn kịch bất đắc dĩ của chúng ta đành phải đi đi lại lại trong lòng, nôn nóng chờ đợi thông tin cập nhật. Vào lúc 3 giờ 4 phút, chiếc phi cơ 747 của ngài Baker hạ dần cánh xuống sân bay, ngài Baker ở đây chính là bí danh cho Zizi al-Bakari. Lúc 3 giờ 32 phút, ngài Baker và đoàn tùy tùng làm xong thủ tục hải quan. Lúc 3 giờ 45 phút, họ leo lên những chiếc limousine đang đợi sẵn, 3 giờ 52 phút: xe bon bon lăn bánh trên quốc lộ A4. Lúc 4 giờ 9 phút cố vấn nghệ thuật của ngài Baker, với bí danh là Marlowe, từ đoàn xe hộ tống, gọi điện thoại cho Isherwood báo rằng xe đến trễ vài phút. Tuy vậy, mọi việc có vẻ tiến triển thuận lợi, vì vào lúc 4 giờ 27 phút, người ta đã thấy đoàn xe hộ tống từ quảng trường Piccadilly rẽ vào đường Duke. Đúng lúc đó, lộn xộn bắt đầu xảy ra, phần lỗi thuộc về đoàn xe của Zizi. Chuyện xảy ra là do chiếc limousine cố rẽ vào con đường chật hẹp Mason's Yard. Thế nhưng chỉ đi được một đoạn ngắn, tài xế đành phải dừng chiếc xe cồng kềnh lại. Có lẽ do anh bạn cận vệ Sharuki đã tính toán không chính xác phạm vi lòng đường. Đó cũng là lúc Gabriel nhận một thông điệp từ nhóm tình báo của anh rằng ngài Baker, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám

đốc công ty Jihad, sẽ phải bước ra ngoài xe và cuốc bộ vào phòng tranh. Sarah không thể kiên nhẫn ngồi chờ trong phòng trưng bày trên lầu được nữa, cô nhảy xuống lầu dưới, nơi là phòng làm việc của cô và Julian, ghé mắt quan sát khung cảnh đang diễn ra trên đoạn đường trước phòng tranh. Đây cũng là hành vi chống đối mệnh lệnh đầu tiên của cô, vì rằng Gabriel đã yêu cầu cô phải ở yên vị trí trên lầu, không được phép lộ mặt cho đến phút chót. Theo kế hoạch, sự xuất hiện của cô sẽ đồng thời với việc vén màn bức tranh Marguerite. Cô sẽ tuân theo mệnh lệnh, thế nhưng điều đó chỉ xảy ra sau khi cô được tận mắt diện kiến dung nhan Zizi. Sarah đã nghiên cứu nhân dạng của Zizi qua những bức ảnh Yossi đưa cho cô lúc trước, cô ghi nhớ tiếng nói của hắn trên video. Nhưng rõ ràng những cái đó không sống động bằng hình ảnh thật. Đó lý do khiến cô cãi lại mệnh lệnh, xuống quan sát Zizi và đoàn tùy tùng của hắn lần lượt tiến vào khu vực sân phòng tranh.

Dẫn đầu đoàn là Rafiq al-Kamal, trưởng nhóm cận vệ của Zizi. Ngoài đời, trông hắn kèngh càng hơn trong hình, nhưng di chuyển nhanh nhẹn y như người bằng nửa kích thước của hắn. Hắn không mặc áo khoác, vì áo khoác sẽ cản trở hành động rút súng tự vệ. Rafiq al-Kamal là kẻ vô lương tâm, Eli Lavon từng miêu tả về hắn như thế. Còn lúc này, hắn đảo mắt quan sát xung quanh khoảnh sân, theo cái cách người hướng đạo sinh dò tìm kẻ thù, rồi quay đầu, ra dấu an toàn theo ước định để đoàn người phía sau tiếp bước.

Kế đến là hai cô nàng cực kỳ xinh đẹp trong bộ áo khoác dài, tóc xoã đen tuyền, vẽ mặt cầu kính vì phải lợi bộ cả đoạn đường gần 50 mét từ chiếc xe hơi sang trọng vào phòng tranh. Cô nàng bên phải chính là Nadi al-Bakari, con gái cưng của Zizi, còn bên trái là Rahimah Hamza, con gái của Daoud Hamza, người Li-băng, từng tốt nghiệp Đại học Standford danh tiếng, hiện là quản lý tài chính tài ba của Tập đoàn AAB. Chính Hamza, cha cô ta đang đi sau vài bước, tay cầm điện thoại, chăm chú lắng nghe.

Tiếp theo là Herr Manfred Wehrli, Giám đốc ngân hàng Thụy Sĩ, nơi nắm giữ tiền của Zizi. Đi cạnh Wehrli là một chú nhóc, không rõ con cái nhà ai, và ngay sau chú ta, là hai cô nàng cũng không kém phần xinh đẹp, một cô với mái tóc vàng óng ả, còn cô kia thì tóc ngắn, màu hạt dẻ. Khi chú nhóc bất thành lĩnh nghịch ngợm nhảy sang hướng khác, thì ngay lập tức bị chặn lại bởi người đàn ông có cái tên Jean-Michel, với động tác cực kỳ nhanh nhẹn. Hắn là một võ sỹ người Pháp, hiện là huấn luyện viên riêng kiêm cận vệ thân tín của Zizi.

Thứ nữa là Abdul-Jalil và Abdul-Hakim, hai luật sư được đào tạo bài bản ở nước Mỹ. Yossi từng tạm dừng bài huấn luyện nửa chừng chỉ để mỉa mai rằng Zizi cố tình chọn ra hai luật sư riêng với cái tên có thể dịch nôm na là: *Tôi tớ của Vĩ nhân* và *Tôi tớ của nhà thông thái*. Kế đến là Mansur, Giám đốc điều hành du lịch, Hansan, Giám đốc truyền thông, Andrew Malone, cố vấn nghệ thuật sắp hết nhiệm kỳ của Zizi. Cuối cùng, ngài Zizi cũng xuất hiện, được hai cận vệ khác là Wazir bin Talal và Jafar Sharuki hộ tống nghiêm ngặt.

Sarah ngưng quan sát, quay người đứng dậy. Chiara dõi theo cho đến lúc Sarah bước vào thang máy và nhấn nút di chuyển lên tầng trên cùng của tòa nhà. Một thoáng sau, cô đã yên vị trong phòng trưng bày, và ngay giữa phòng là bức tranh Van Gogh được phủ màn, nằm trên giá đỡ. Tiếng bước chân thành thịch của Rafiq vang lên ở đầu cầu thang.

Cô không được nghĩ rằng hắn là một tên khủng bố, Gabriel đã căn dặn như vậy. Cô không được tự hỏi liệu tiền của hắn có nằm trong túi Marwan al-Shehhi hay có chi trả cho bất cứ tên khủng bố nào đã giết hại Ben hay không. Cô phải xem hắn là người đàn ông của sự giàu có và quyền lực. Đừng ve vãn, đừng dụ dỗ, mà hãy xem đó chỉ đơn thuần là một cuộc phỏng vấn. Cô sẽ không lên

giường với hắn, mà cô sẽ làm việc cho hắn. Và cho dù cô làm gì đi chăng nữa, cũng không nên đưa ra bất kỳ lời khuyên nào, vì hành động đó sẽ làm hỏng vụ giao dịch cũng như các nhiệm vụ tiếp theo.

Cô nhìn lại hình dáng mình phản chiếu trong cánh cửa thang máy. Cô cảm nhận mình khác đi so với vẻ bề ngoài, vẫn với cái tên Sarah Bancroft, nhưng là một phiên bản khác, như là tác phẩm phục chế lại của cùng một bức tranh. Cô vuốt thẳng bộ đồ hiệu Chanel, và tự nhủ mình không vì Zizi, mà vì Gabriel. Và cô nghe văng vẳng từ phía dưới lầu, lần đầu tiên, giọng của quái nhân. “Chào ông Isherwood”, ngài Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành của Tập đoàn Jihad nói. “Tôi tên là Abdul Azizal-Bakari. Andrew bảo tôi anh có một bức tranh hay hay dành cho tôi”.

Chuyển thang máy đầu tiên chỉ toàn những tên cận vệ. Rafiq tiến thẳng vào phòng, dò xét cô từ đầu đến chân, trong khi Shakuri sẫm soi dưới trường kỷ xem có vũ khí bí mật nào giấu ở đó hay không. Võ sĩ Jean-Michel thì nện gót giày thành thạch rảo quanh căn phòng giống như một vũ sư ba lê chính hiệu. Chuyển thang máy kế tiếp là của Malone và Isherwood, cặp đôi này có vẻ vui sướng bên cạnh hai người đẹp Nadia và Rahimah. Cửa thang máy xịch mở lần nữa, lần này là ông chủ Zizi và bin Talal - cận vệ thân tín nhất. Thân hình béo phị được khéo léo che dấu bởi bộ quần áo màu sẫm, bộ râu tủa tót cẩn thận, cùng với cái đầu hói cũng được chăm sóc không kém phần tỉ mỉ. Đôi mắt tinh ranh và nhanh nhẹn lập tức hướng tầm nhìn về phía người xa lạ duy nhất trong phòng.

Cô dừng mắt công tự giới thiệu mình làm gì, Sarah ạ. Mà cũng đừng nhìn thẳng vào mắt hắn. Nếu cần phải có cử chỉ điệu bộ gì, nên để Zizi bộc lộ trước.

Sarah nhìn xuống chân. Cánh cửa thang máy lại xịch mở, hai tên Abdul và Abdul, những tôi tớ của Chủ nhân thông thái xuất hiện cùng lúc với Herr Wehrli - cái bị tiền Thụy Sĩ. Sarah nhìn họ, rồi liếc mắt nhìn Zizi, lúc ấy vẫn đang chăm chú quan sát cô.

“Xin thứ lỗi cho tôi, thưa ngài al-Bakari”, Isherwood mở lời. “Hôm nay, tôi không được chu đáo lắm. Đây là cô Sarah Bancroft, trợ lý Giám đốc của công ty. Sarah đã giúp chúng ta có được buổi hội ngộ hôm nay”.

Đừng bắt tay lâu với hắn. Nếu hắn có bắt tay với cô, thì chỉ bắt nhẹ, rồi thả tay ra ngay.

Sarah đứng thẳng, tay để sau lưng, mắt vẫn nhìn xuống. Cô cảm nhận được ánh mắt của Zizi.

Cuối cùng hắn tiến về phía trước và chìa tay ra “Chào cô, rất hân hạnh được gặp cô”. Sarah nghe thấy mình thốt lên. “Tôi cũng rất hân hạnh, thưa ngài al-Bakari”.

Zizi mỉm cười và nắm tay cô lâu hơn mức cần thiết, thế rồi, hắn đột ngột buông tay và đi về phía bức tranh. Sarah quay lại, quan sát hắn từ phía sau, cô nhận thấy một bờ vai hẹp không tương xứng với vòng eo khá rộng. “Tôi rất muốn xem tranh”, hắn cất lời, không rõ dành cho ai. Sarah chợt nhớ tới lời Gabriel.

Hãy để của Zizi tự dẫn dắt mọi việc. Nếu cô bắt hắn ngồi nghe câu chuyện cả buổi thì chỉ tổ làm hắn nổi điên. Hãy nhớ rằng ngôi sao của vở diễn là Zizi chứ không phải bức tranh mà hắn ta muốn mua.

Sarah tiến lên phía trước, khéo léo không để chạm vai Zizi, và bắt đầu tháo tấm vải choàng xuống. Cô làm công việc này một cách tỉ mỉ, kéo dài thời gian đứng trước bức tranh, che tầm nhìn của Zizi trước khi để bức tranh lộ diện. “Tôi xin giới thiệu với ngài bức tranh *Thiếu nữ Marguerite Gachet tại bàn trang điểm* của danh họa Vincent Van Gogh”, cô trình trọng tuyên bố và tiếp lời. “Tranh làm từ chất liệu sơn dầu, được vẽ tại Auvers vào tháng 7 năm 1890”.

Những tiếng trầm trồ thán phục vang lên từ phía đám tùy tùng của Zizi, chỉ mình hắn là im lặng. Cặp mắt đen u ám của hắn đảo quanh trên bức tranh, vẻ mặt kín bưng. Một lát sau, hắn thôi không chú ý bức tranh nữa mà quay sang Isherwood.

“Anh bạn tìm thấy bức tranh ở đâu vậy?”

“Tôi ước gì mình đã làm điều ấy, thưa ngài al-Bakari kính mến, nhưng chính cô Sarah đây mới là người khám phá ra nó”.

Zizi chuyển hướng sang Sarah. “Là cô à?”. Giọng hắn có chút thán phục.

“Vâng, thưa ngài al-Bakari”.

“Vậy thì tôi xin hỏi lại điều tôi đã hỏi Isherwood nhé. Cô tìm thấy tranh ở đâu vậy?”

“Như những gì ông Malone đã biết, chủ nhân bức tranh không muốn được nêu tên”.

“Tôi không hỏi về chủ nhân, tôi chỉ muốn biết làm thế nào cô tìm ra nó mà thôi”.

Cô phải cho hắn biết điều gì đó, Sarah ạ. Hắn có quyền được biết, nhưng hãy tỏ vẻ do dự và bí ẩn, vì hắn là loại người thích được khám phá.

“Đó là kết quả tìm tòi công phu trong vài năm của tôi, thưa ngài”.

“Hay lắm! Cho tôi biết thêm được chứ, cô Bancroft”.

“Tôi e rằng tôi không thể nói thêm gì, vì như thế sẽ vi phạm sự thỏa thuận giữa tôi và những chủ nhân, thưa ngài al-Bakari”.

“Một chủ nhân chứ nhỉ”, Zizi sửa lời cô. “Andrew cho tôi biết, bức tranh là sở hữu của một phụ nữ người Pháp”.

“Đúng vậy thưa ông, nhưng tôi chỉ có thể khẳng định đến thế mà thôi”.

“Nhưng tôi vẫn hết sức tò mò về việc làm sao cô lại tìm ra bức tranh”. Hắn khoanh tay trước ngực và tiếp. “Tôi thích nghe truyện trinh thám lắm”.

“Tôi rất muốn làm ông hài lòng, nhưng tôi không thể. Tuy vậy tôi có thể cho ông biết rằng tôi đã mất hai năm đi tìm bức tranh này ở Pháp và Auvers, thêm một năm nữa mới thuyết phục được chủ nhân nhượng lại nó cho tôi”.

“Có thể một ngày nào đó, khi ta đã biết nhau nhiều hơn, tôi sẽ có hân hạnh được nghe cô kể về câu chuyện lý thú ấy”.

“Tôi cũng mong vậy, thưa ngài”, cô trả lời. “Riêng về nguồn gốc của bức tranh, chúng tôi xin khẳng định chắc chắn đây chính là nguyên tác của danh họa Vincent, và chúng tôi có đủ giấy tờ chứng thực điều này”.

“Đương nhiên tôi rất vui nếu được xem qua giấy chứng nhận, cô Bancroft ạ, nhưng thật tình mà nói, tôi cũng không nhất thiết phải làm điều đó. Cô thấy đấy, đây rõ ràng là tác phẩm của Van Gogh”. Nói đoạn hắn đặt tay lên vai Sarah. “Cô lại đây”, giọng hắn đầy vẻ trìu mến. “Tôi sẽ cho cô xem cái này”.

Sarah tiến lại gần. Zizi chỉ tay vào góc trái bức tranh.

“Cô nhìn thấy vết nhỏ trên bề mặt tranh chứ? Nếu tôi không lầm, đó là dấu tay của Vincent.

Vicent nổi tiếng cầu thả về việc bảo quản tác phẩm của mình. Khi hoàn thành bức tranh này, rất có thể ông đã cầm vào phía trên bức tranh để đưa nó từ Auvers về phòng tranh riêng ở nhà nghỉ Café Ravoux. Căn phòng lúc nào cũng chất đầy tranh, tranh chất quanh tường, tấm này chồng lên tấm kia. Ông ta vẽ nhanh đến nỗi có khi bức này chưa khô là đã để bức khác lên trên. Vì vậy, nếu quan sát kỹ cô sẽ thấy rất nhiều vết cọ xát trên bề mặt tranh”.

Tay hắn vẫn đặt trên vai Sarah.

“Rất ấn tượng, thưa ngài al-Bakari. Nhưng tôi không ngạc nhiên về điều này, tài thẩm tranh của

ông đã vang lừng trước khi tôi gặp ông”.

“Tôi nhận ra rằng một người đàn ông ở vị trí quan trọng như tôi không thể chỉ dựa vào lời của người khác. Phải luôn cảnh giác với những mưu mô, gian kế lọc lừa. Và tôi tự tin rằng đến tận bây giờ, không có ai có thể qua mặt tôi, trong kinh doanh cũng như trong nghệ thuật”.

“Chỉ có kẻ ngốc mới làm như vậy, thưa ngài al-Bakari”.

Zizi quay sang Isherwood và nói tiếp. “Anh bạn có vẻ có duyên với những bức tranh chưa được công bố bao giờ nhỉ. Tôi cũng từng nghe đồn anh khám phá ra bức Ruben, có đúng thế không?”

“Vâng, đúng vậy”.

“Và bây giờ là đến lượt tranh của Van Gogh”. Rồi hắn quay lại nhìn bức tranh. “Andrew bảo ông đã đưa ra giá bán rồi”.

“Chúng tôi nghĩ giá đó hoàn toàn hợp lý thưa ngài”.

“Tôi cũng nghĩ vậy”. Hắn đưa mắt về phía Herr Wehrli, Giám đốc ngân hàng. “Manfred này, trong tài khoản của tôi có đủ tám mươi lăm triệu không?”

“Đủ đấy, Zizi”.

“Vậy là chúng ta có thể tiến hành giao dịch, ông Isherwood”. Hắn quay sang nhìn Sarah và nói.

“Tôi sẽ đưa Marguerite đi”.

Vào lúc 4 giờ 53 phút, nhóm đặc vụ báo cho Gabriel biết rằng việc mua bán đang được tiến hành tại khu văn phòng bên dưới. Isherwood đang thảo luận với Herr Wehrli và Abdul & Abdul về các phương thức thanh toán và chuyển khoản. Cuộc thương lượng kéo dài một giờ đồng hồ, và lúc 6 giờ 5 phút, ngài Baker cùng đoàn tùy tùng băng qua khoảng sân đến nơi đỗ xe trên đường Duke. Lần này, đến lượt Eli Lavon bám theo đoàn. Lúc đầu, có vẻ như đích đến của đoàn người là Mayfair, nhưng vào lúc 6 giờ 15 phút, ngài Baker và những người hộ tống chuyển hướng sang Heathrow để đến một nơi không xác định. Gabriel ra lệnh cho Lavon ngưng theo dõi. Bây giờ anh chẳng quan tâm họ sẽ đi đâu, vì anh biết sẽ sớm gặp lại họ.

Đoạn băng ghi hình được chuyển đến lúc 7 giờ 45 phút. Nó được ghi lại bằng máy camera bảo vệ gắn ở góc trên phòng trưng bày. Khi Gabriel xem băng, anh có cảm giác như mình đang ngồi ở hàng ghế cao và quan sát sân khấu.

“Đây là cô Sarah Bancroft, trợ lý Giám đốc của công ty. Sarah đã giúp chúng ta có được buổi hội ngộ hôm nay...”.

“Vậy là chúng ta có thể tiến hành giao dịch, ông Isherwood. Tôi sẽ đưa Marguerite đi”.

Gabriel dừng đoạn băng và nhìn Dina. Cô lên tiếng. “Anh đã bán cho hắn một cô gái, bây giờ chuẩn bị thêm một cô nữa”.

Gabriel mở lại băng ghi âm cuộc nói chuyện giữa Isherwood và Andrew Malone.

“Đó không phải là tiền của Zizi. Đó là tiền của tôi. Zizi không biết được, khuất mắt trông coi mà”.

“Lỡ ông ta biết thì sao? Ông ta sẽ đày anh đến thung lũng cát Empty Quarter rồi để mặc anh cho lũ kền kền phanh thây”.

Chương 21

Luân Đôn



Thư tố cáo Andrew Malone được gửi đến Tổng hành dinh của Tập đoàn AAB tại Geneva vào lúc 10 giờ 22 phút sáng ngày thứ năm. Trên bì thư, ghi rõ người nhận là “Ngài Abdul Aziz al-Bakari”, do một nhân viên bưu điện địa phương, mặc đồng phục và ngồi trên mô tô phát tận nơi. Tên người gửi là quý cô Rebecca Goodheart từ quận Earls

Court, Luân Đôn, nhưng tin điều tra của nhân viên an ninh AAB cho biết quý cô này chỉ là một cái tên giả mạo. Sau khi kiểm tra xác định không có chất nổ, phóng xạ hay hóa chất nguy hiểm, kiện hàng được mang đến văn phòng của Wazir bin Talal. Tại đó, nó nằm im cho đến chiều muộn ngày thứ sáu bởi bin Tabal phải đi công tác một ngày tại Riyadh.

Wazir bin Talal còn nhiều việc gấp phải giải quyết nên đến gần 8 giờ tối mới có thời gian mở thư. Hắn cảm thấy hối tiếc vì sự việc nghiêm trọng đến thế mà mình không bóc ra để xem sớm hơn. Theo thư của cô Goodheart tố cáo rằng không dưới chín lần Andrew Malone đã biển thủ tiền bạc, vi phạm hợp đồng cá nhân ký kết với Abdul Aziz al-Bakari. Thư tố cáo còn được hỗ trợ bởi một số bằng chứng kèm theo, đó là hóa đơn ngân hàng, fax và thư điện tử từ máy tính của Malone. Bin Talal lập tức gọi điện thoại cho văn phòng của người điều hành tại Geneva và đến 9h tối hôm đó, tài liệu cần thiết đã có mặt trên bàn Zizi al-Bakari, lúc này đang dùng bữa ăn.

Ngay tối hôm ấy, vào lúc 11 giờ đêm giờ Luân Đôn, bin Talal gọi điện thoại đến biệt thự Knightsbridge tìm Malone và ra lệnh cho hắn phải đến Geneva trên chuyến bay sớm nhất. Khi Malone viện cớ có nhiệm vụ khác cần thi hành - và nhấn mạnh phải đến cuối tuần mới xong - thì bin Talal ra tối hậu thư rằng lệnh triệu tập là bắt buộc, nếu không chấp hành sẽ bị coi là chống đối. Mười phút sau, Malone bằng giọng run rẩy gọi cho hãng hàng không British Airways đặt một chỗ trên chuyến 8 giờ 30 phút sáng đến Geneva. Hai cuộc điện thoại đêm nay đều được nhóm neviot ghi âm và ngay lập tức được chuyển về nhà an toàn Surrey cho Gabriel. Eli Lavon cũng đặt chỗ trên cùng chuyến bay. Khi đến Geneva, đã có hai xe hơi khác nhau đợi họ. Dành cho ngài Malone của chúng ta là một chiếc Mercedes sang trọng, do tài xế của Zizi lái, còn Lavon thì chui vào một chiếc Opel dính đầy bùn, do một bác tài của ga hàng không Geneva lái. Lavon yêu cầu người tài xế nhường cho chiếc Mercedes đi trước, và đến khu biệt thự của Zizi sau Malone vài phút. Họ tìm một chỗ khuất gần đó để đậu xe, nhưng họ không phải đợi lâu, vì khoảng hai mươi phút sau đã thấy Malone ra khỏi nhà, mặt mày thất sắc.

Hắn đi thẳng ra phi trường và đặt chỗ trên chuyến bay sớm nhất về Luân Đôn. Đó là chuyến 5 giờ chiều, và Lavon cũng lên cùng chuyến đó. Về đến phi trường Heathrow, họ rẽ hai hướng khác nhau, Lavon trở lại Surrey, còn Malone về biệt thự Knightsbridge. Hắn hốt hoảng bảo với vợ rằng trừ phi hắn kiếm đủ 4 triệu bảng Anh ngay lập tức, nếu không Zizi sẽ thẳng tay ném

hắn xuống nước từ cây cầu cao nhất nước Anh.

Đó là buổi tối thứ bảy. Tối thứ tư của tuần tiếp theo, Gabriel và cả đội đã tin chắc rằng Zizi đang tìm kiếm một cổ vấn nghệ thuật mới. Có vẻ như hắn đã chấm một người và người đó không ai khác hơn ngoài Sarah Bancroft, trợ lý Giám đốc của phòng tranh Isherwood, khu Mason's Yard, đường James.

Sarah bắt đầu xem những người ấy là bạn. Họ đi chung xe điện ngầm với cô, tản bộ ở khu Mason's Yard và la cà ở phố Duke. Họ cùng đi ăn trưa với cô, lúc nào cũng có ai đó đợi cô ở quán bar Green vào mỗi buổi chiều khi cô ghé qua đó để nhấm nháp một ly với Oliver và các chàng trai trẻ. Họ cùng cô đến một phiên đấu giá ở Soothby, mua hàng giảm giá tại một cửa hiệu ở Hull. Họ đi cùng trong chuyến đi dài ngày đến Devon, nơi cô thể hiện tài năng khéo léo chiêu dụ một nhà quý tộc để mua lại bức tranh *Đức Mẹ và Chúa hài đồng* mà Isherwood đã thèm muốn bấy lâu nay. "Zizi đang tiếp cận cô đấy", đó là mẫu hội thoại ngắn ngủi Gabriel gửi cho Sarah qua điện thoại vào chiều thứ hai. "Chỉ còn là vấn đề thời gian thôi. Đừng tỏ vẻ giật mình khi cô về nhà và thấy mọi thứ xáo trộn nhé. Tên Sharuki đã đột nhập vào nhà cô và lục lọi mọi thứ hồi sáng nay".

Món quà đầu tiên đến ngay sau đó, một chiếc đồng hồ đính kim cương hiệu Harry Winston, trên hộp đựng quà là dòng chữ đính kèm: *Cảm ơn vì đã tìm ra Marguerite. Chân thành cảm ơn, Zizi*. Hôm sau nữa là đôi bông tai từ Bulgari, hôm sau nữa là chuỗi ngọc trai hai vòng của hãng Mikimoto. Một lắc tay bằng vàng của cửa hiệu Tiffany được gửi tới Sarah vào tối thứ năm, ngay lúc cô chuẩn bị rời chỗ làm. Cô đeo vào tay phải và đi thẳng đến quán Green quen thuộc, và cũng như mọi lần Oliver lại vụng về tán tỉnh cô. "Còn cả đời", cô vừa nói vừa hôn phớt vào má anh "nhưng không phải tối nay đâu. Anh hãy tỏ ra là người bạn trai tốt, và dẫn em đến ga tàu điện ngầm nhé".

Buổi tối là thời gian căng thẳng nhất của Sarah. Cô không được đến nhà an toàn Surrey nữa, và cô phải xem như không có sự tồn tại của nó. Cô thấy nhớ mọi người, vì họ là một gia đình - một nơi ồn ào, hay tranh cãi ầm ĩ, nhưng lại rất yêu thương nhau - một gia đình mà cô chưa từng có. Tất cả những gì còn sót lại của gia đình, đó là vài cú điện thoại thi thoảng của Gabriel, và ánh đèn của căn hộ đối diện bên kia đường. Đèn nhà Yossi, nhưng rồi Yossi cũng sẽ chẳng còn ở đó nữa. Có những đêm, khi đối diện với cô đơn và sự sợ hãi, Sarah ước gì mình có thể bảo họ tìm người khác. Đôi lúc cô nghĩ đến anh chàng Julian tội nghiệp, và tự nhủ nếu không có cô, anh ta sẽ ra sao?

Kiện hàng cuối cùng đến vào lúc 3 giờ chiều ngày thứ sáu. Người giao nó là một anh chàng đưa thư mặc đồng phục và đeo cà vạt. Bên trong kiện hàng là một mẫu thư viết tay và một vé máy bay. Sarah mở vé ra xem nơi đến ghi trên đó. Mười giây sau, điện thoại trên bàn cô reo vang.

"Phòng tranh Isherwood. Sarah đây ạ".

"Chào cô Sarah".

Giọng của Zizi.

"Xin chào ngài al-Bakari. Ngài khỏe không ạ?"

"Tôi khỏe. Cô nhận được thư mời và vé máy bay chưa?"

"Đã. Và cả khuyên tai, đồng hồ, ngọc trai và lắc tay nữa".

"Tôi thích nhất là chiếc lắc tay".

"Tôi cũng vậy, thưa ngài. Nhưng tất cả món quà đó thật không cần thiết tí nào. Cả lời mời này cũng vậy. Tôi e rằng tôi không thể nhận lời".

“Cô làm tôi phiền lòng đấy”.

“Tôi không cố tình, thưa ngài. Tôi rất muốn có vài ngày tắm mình dưới ánh nắng mặt trời, nhưng tôi không thích nhận lời trong tích tắc như vậy”.

“Đây không phải là tích tắc. Cô xem kỹ lại đi, trước ngày khởi hành, cô có đến 3 ngày để chuẩn bị”.

“Tôi cũng không thể nào lên đường trong khoảng thời gian ngắn như vậy, thưa ngài. Tôi có nhiều công việc phải làm tại phòng tranh”.

“Tôi chắc hẳn rằng Julian sẽ cho cô nghỉ ngơi vài ngày. Cô vừa mang về một số tiền kha khá cho anh ta đấy thôi”.

“Quả có thể”.

“Vậy thì cô quyết định thế nào? Cô sẽ đến chứ?”

“Tôi e rằng vẫn phải từ chối, thưa ngài”.

“Sarah, cô cần phải biết rằng tôi không thích bị từ chối”.

“Tôi không nghĩ điều đó hợp lý, thưa ngài”.

“Hợp lý? Tôi nghĩ cô đã hiểu sai ý tôi”.

“Vậy ý của ngài là gì?”

“Tôi muốn cô làm việc cho tôi”.

“Làm việc gì thưa ngài?”

“Tôi không muốn bàn việc này qua điện thoại, Sarah ạ. Cô sẽ đến chứ?”

Sarah đợi đúng 10 giây trước khi trả lời.

“Rất tuyệt”. Zizi thốt lên. “Một trong những nhân viên của tôi sẽ đi cùng cô. Anh ta sẽ đến đón cô vào lúc 8 giờ sáng thứ hai”.

“Tôi có thể tự đi được thưa ngài”.

“Tôi biết, nhưng việc đi lại sẽ dễ dàng hơn khi có nhân viên của tôi hộ tống cô. Tôi sẽ gặp lại cô vào chiều thứ hai nhé”.

Và rồi hắt cúp máy. Khi gác điện thoại, Sarah chợt nhớ ra rằng Zizi vẫn chưa hỏi địa chỉ nhà cô. Gabriel đang ngồi tính toán trong studio của mình tại nhà Surrey thì Lavon lao nhanh lên cầu thang, tay cầm một bảng in tin nhắn của nhóm đặc vụ tại Mason’s Yard. “Zizi đã bắt đầu hành động”, anh vừa nói vừa trao cho Gabriel tờ tin nhắn. “Hắn muốn gặp Sarah ngay lập tức”. Gabriel đọc tin, rồi nhìn lên “Chết tiệt thật”, anh lẩm bẩm. “Ta cần có ngay một chiếc tàu”. Họ tổ chức một bữa tiệc ăn mừng đơn giản và để dành một chỗ cho Sarah, người duy nhất không thể tham gia. Sáng hôm sau, Lavon lái xe chở Gabriel đến phi trường Heathrow, và vào lúc 4 giờ 30 chiều, anh đã ngồi chiêm ngưỡng hoàng hôn tại một căn hộ của CIA tại đại lộ Collins trên bờ biển Miami. Adrian Carter mặc quần tây, áo thun cô-tông, đi giày nhưng không mang tất. Ông ta đưa cho Gabriel một ly nước chanh và bức hình một chiếc tàu lớn.

“Con tàu tên là Sun Dancer”, Carter nói. “Nó là loại tàu đi biển sang trọng, dài 74 phút¹, có động cơ. Tôi đảm bảo anh và nhóm của mình sẽ rất thoải mái”.

“Làm sao ông tìm được nó?”

“Chúng tôi tóm được nó cách đây vài năm từ một tay buôn thuốc phiện người Panama tên là Carlos Castillo. Ngài Castillo bây giờ đang yên vị trong nhà tù liên bang tại Oklahoma, con tàu được chúng tôi trưng dụng cho một số việc trọng đại ở vùng Ca-ri-bê này”.

“Nó được sử dụng bao nhiêu lần rồi?”

“Năm hay sáu lần cho DEA - Cục kiểm soát ma túy Mỹ, chúng tôi cũng đã từng sử dụng hai lần”.

Gabriel trao trả bức hình cho Carter. “Nó có vết ròi”, anh bảo. “Có thể giúp tôi tìm chiếc nào có lý lịch sạch hơn không?”

“Chúng tôi đã đổi tên và đăng ký mới vài lần. Zizi và đám thuộc hạ của hắn không lần ra dấu vết đâu”.

Gabriel thở dài. “Thế giờ nó đang ở đâu?”

“Neo ở bến đảo Fisher”, Carter trả lời, chỉ tay về phía nam. “Nó đang được tiếp nhiên liệu. Chúng tôi đã sắp xếp một đội thủy thủ CIA rời Langley tối nay”.

“Cũng hay đấy. Nhưng tôi muốn sử dụng đội thủy thủ của mình”.

“Của anh à?”

“Tôi có lực lượng hải quân, Adrian thân mến. Họ cừ lắm. Tôi còn có đội thủy thủ trực chiến ở Haifa. Đây, nhớ bảo người của ông tháo bỏ hết các thiết bị nghe lén nhé. Nếu không chúng tôi sẽ tự làm lấy, và có khi chiếc Sun Dancer sẽ trở nên nhếch nhác khi trao trả cho ông đấy”.

“Tôi giải quyết việc ấy rồi”, Carter trả lời. “Anh tính làm cách nào để tập trung nhóm của anh ở đây?”

“Tôi mong người bạn ở Cục tình báo Mỹ hỗ trợ tôi thêm một chút”.

“Anh cần gì?”

“Bay và quyền hạ cánh”.

“Thế bao lâu thì anh tập hợp được nhóm Haifa đến đến Luân Đôn?”

“Họ có thể đi ngay sáng mai”.

“Tôi sẽ gửi một phi cơ đến Luân Đôn tối nay. Nó sẽ đưa người của anh về đây. Chúng ta sẽ hạ cánh ở Homestead để tránh phải làm thủ tục hải quan và hộ chiếu. Anh sẽ khởi hành ngay tối chủ nhật và gặp mặt Zizi vào trưa thứ hai”.

“Thoả thuận có vẻ ổn rồi đấy?”, Gabriel tán thành. “Bây giờ chúng ta chỉ cần Ahmed bin Shafiq mà thôi”.

“Hắn sẽ lộ diện”, Carter khẳng định. “Chỉ lo là cô nàng của anh có xuất hiện đúng lúc hay không mà thôi?”

“Đó là cô nàng của chúng ta, Adrian ạ”.

Chú thích

1 . 1 phút = 0.3048m.

Daniel Silver

Người đưa tin

PHẦN 3: HÀNH TRÌNH ĐÊM

Chương 22

Đảo Harbor, Bahamas

ó kia rồi”, Wazir bin Talal la to, át đi tiếng ồn động cơ chiếc Sikorsky. Hắn trở sang mạn phải máy bay, cho Sarah thấy chiếc Alexandra, du thuyền khổng lồ của Zizi, đang rẽ sóng về hướng tây hòn đảo. “Cô thấy nó đẹp chứ?”

“Nó rất to”, Sarah hét trả lời lại.

“Dài hai trăm bảy mươi lăm phút”, bin Talal nói một cách tự hào, cứ như thể hắn là người đóng tàu.

Hai trăm bảy mươi lăm, Sarah nghĩ bụng. Nhưng ai đo đếm nhỉ? Yossi đã từng miêu tả nó như là một vương quốc nổi. Cô chợt nghĩ đến Gabriel và mọi người. Lần cuối cô liên lạc với họ là vào chiều chủ nhật, lúc Eli Lavon gặp cô trên phố Oxford khi cô đang mua vài thứ lật vật cho chuyến đi. Anh bảo, chúng tôi sẽ luôn ở bên cạnh cô, nhưng đừng tìm chúng tôi, và cũng đừng cố gắng liên lạc làm gì, trừ phi đó là tình huống cực kỳ khẩn cấp. Chúng tôi sẽ tự đến, chúc cô một chuyến đi thoải mái.

Sarah ngả lưng vào ghế. Cô vẫn đang mặc quần jeans và chiếc áo len mặc lúc khởi hành. Mới chỉ xa cách cái se lạnh của Luân Đôn mười tiếng, mà cơ thể cô bắt đầu phản ứng với cái nóng nhiệt đới đang lan tỏa. Ống quần jeans gần như dính chặt vào đùi, còn áo lạnh bó sát vào cổ. Cô liếc nhìn bin Talal, có vẻ hắn đã quen với việc thay đổi khí hậu đột ngột. Nhìn hắn trong trang phục vét đen, được cắt may khéo léo, cà vạt chần chu, khuôn mặt dài, mắt nhỏ, đen và bộ râu tĩa gọn, người ta có thể lầm tưởng hắn là nhà tài phiệt. Chỉ đôi tay to bè, thô kệch mới tố cáo được thân phận thực sự của hắn.

Tiếng ồn của động cơ máy bay làm câu chuyện bị ngắt quãng, nhưng Sarah thấy vui vì điều đó. Càng lúc cô càng thấy ghét bin Talal, từ sáng sớm đến giờ hắn hiện diện bên cô mọi lúc mọi nơi, và cố tỏ ra lịch sự. Tại sân bay, hắn nằng nặc đòi đi chung với cô đến các gian hàng miễn thuế và dành trả tiền bằng thẻ tín dụng công ty khi cô mua một tuýp dưỡng da. Trong suốt chuyến bay, hắn tỏ ra quan tâm đặc biệt tới cuộc sống của cô. *Cô Sarah ơi, kể cho tôi nghe về thời thơ ấu của cô đi... Cô Sarah ơi, kể cho tôi nghe về niềm đam mê hội họa của cô nào... Cô Sarah ơi, nói cho tôi biết tại sao cô lại rời thủ đô Washington đến Luân Đôn vậy... Để hắn khỏi làm phiền, cô giả vờ ngủ. Hai tiếng sau, khi cô giả vờ thức dậy, hắn lại lần la gạ chuyện. Cô nói cha cô từng làm ở Citicorp à? Có khi ông ấy và ngài al-Bakari đã từng gặp nhau đấy. Ngài al-Bakari cũng thường làm ăn với Citicorp... Sarah bèn đeo tai nghe vào và xem phim. Bin Talal cũng vậy.*

Khi cô nhìn ra cửa sổ lần nữa, chiếc Alexandra đang sừng sững giữa trời. Cô nhìn thấy Nadia và Rahimah đang đứng trên boong trước, đón ánh nắng cuối ngày, tóc dài xõa bay trong gió. Đằng boong sau, hai gã Abdul đang hội ý riêng với Herr Wehrli, chuẩn bị cho kế hoạch tiếp theo. Nổi

bật hơn cả là Zizi, trong trang phục trắng, đang vẫy tay chào cô. Sarah nghĩ thầm, *phải quay lại thôi. Hãy trả tôi lại đất liền. Ngài hãy ở lại đây, thưa ngài bin Talal. Còn tôi sẽ quay lại Luân Đôn, cảm ơn.* Nhưng cô biết không thể quay lại. Gabriel đã giúp cô có được cơ hội cuối ở căn nhà an toàn tại Surrey, và cô đã gật đầu đồng ý tiếp nhận nó.

Chiếc máy bay Sikorsky hướng về đuôi tàu và nhẹ nhàng đáp xuống sân bay. Hình ảnh lần lượt thoáng qua trong đầu Sarah: Zizi đứng trong phòng tranh của Jullian, lên tiếng nhắc nhở rằng không ai có thể giả tạo điều gì với hần cả, dù là trong kinh doanh lẫn nghệ thuật. *Tôi không phải là kẻ lừa gạt*, cô tự nhủ khi bước ra khỏi trục thăng. *Tôi là Sarah Bancroft. Tôi từng làm quản lý ở hãng Phillips tại Washington. Bây giờ tôi làm cho phòng tranh Isherwood. Tôi không cần tiền hay cần công việc của ông. Thật vậy, tôi chẳng muốn liên quan gì với ông cả.*

Bin Talal dẫn cô về phòng. Nó rộng hơn rất nhiều so với căn hộ của cô ở Chelsea: một phòng ngủ dài có chỗ ngồi, phòng tắm ốp đá cẩm thạch, có bồn tắm mát xa, khoảnh ban công rộng hiện đang đón ánh nắng cuối cùng trong ngày. Gã Arập Xêút đặt túi xách của cô lên chiếc giường to trong phòng và bắt đầu kéo khoá, mở giỏ ra. Sarah ngăn lại.

“Không cần đâu. Tôi tự biết bảo quản túi xách của mình mà, cảm ơn anh nhé!”

“Nhưng tôi e rằng đây là điều tôi nên làm, thưa cô Sarah”.

Hắn đẩy nắp túi qua một bên và bắt đầu lôi từng món ra khỏi túi.

“Anh đang làm gì vậy?”

“Chúng tôi có những nguyên tắc của mình, thưa cô Sarah”. Về lịch sử giả tạo của bin Tatal biến mất. “Nhiệm vụ của tôi là giúp các vị khách quý tuân thủ những nguyên tắc ấy. Không thuốc lá, không rượu bia, không mại dâm dưới bất cứ hình thức nào”. Hắn giơ quyền tạp chí thời trang cô mua ở sân bay Miami và nói tiếp. “Tôi e rằng phải tịch thu quyền này. Cô có mang theo bia rượu gì không?”

Cô lắc đầu. “Và cũng không có thuốc lá”.

“Cô không hút thuốc à?”

“Thỉnh thoảng, nhưng tôi ít hút”.

“Tôi cần giữ điện thoại di động của cô cho đến lúc cô rời tàu Alexandra”.

“Sao vậy?”

“Bởi vì hành khách không được phép sử dụng điện thoại trên boong tàu, dẫu sao thì điện thoại của quý vị cũng không hoạt động được do nguồn điện của tàu”.

“Nếu chúng không hoạt động, tại sao anh phải tịch thu?”

“Tôi cho rằng điện thoại của cô có chức năng chụp hình, thu âm và lưu trữ những file âm thanh hình ảnh trên máy phải không ạ?”

“Người bán hàng có giới thiệu những chức năng đó, nhưng tôi ít khi sử dụng lắm”.

Hắn chìa bàn tay to bè và nói. “Tôi cần điện thoại của cô. Cô hãy yên tâm là nó sẽ được bảo quản tốt”.

“Tôi còn có việc của riêng mình, tôi không muốn bị tách rời khỏi thế giới thực tại”.

“Cô có thể tùy nghi sử dụng hệ thống điện thoại vệ tinh trên tàu”.

Và quý ngài có thể nghe lén chứ gì?

Cô ngần ngừ lấy điện thoại ra, tắt máy rồi đưa cho hắn.

“Bây giờ, tới phiên máy quay phim của cô. Ngài al-Bakari không thích xung quanh mình có máy quay phim, nhất là khi ngài đang thư giãn. Ở đây không được phép quay phim ngài, quay phim nhân viên hay bất cứ vị khách nào khác”.

“Ngài al-Bakari ra, còn có nhiều khách khác à?”

Hắn giả vờ không nghe thấy câu hỏi của cô. “Cô có mang theo Blackberry hay bất cứ loại PDA nào không?”

Cô đưa cho hắn xem. Hắn lại chìa tay ra.

“Nếu anh đọc được thư điện tử của tôi, xin hãy giúp tôi...”

“Tôi chẳng muốn đọc thư điện tử của cô làm gì, thưa cô Sarah, chúng ta càng sớm kết thúc những thủ tục này thì cô sẽ càng sớm có thời gian nghỉ ngơi đấy”.

Cô lại phải đưa máy Blackberry cho hắn.

“Cô có mang theo máy nghe nhạc Ipod, hay bất cứ thiết bị nghe nhạc nào khác không?”

“Anh đang đùa với tôi à”.

“Ngài al-Bakari của chúng tôi cho rằng những thiết bị cá nhân ấy không thích hợp ở đây. Dầu sao thì phòng của cô cũng được trang bị những dàn âm thanh hiện đại nhất, chưa kể các thiết bị nghe nhìn khác. Cho nên cô không cần máy của mình”.

Cô đưa máy Ipod cho hắn.

“Còn thiết bị điện nào khác không?”

“Máy sấy tóc”.

Hắn lại chìa tay ra.

“Anh lấy máy sấy tóc của phụ nữ làm gì?”

“Cô có thể sử dụng máy sấy tóc trong phòng tắm, nó tương thích với hệ thống điện trên tàu. Còn tạm thời, tôi sẽ bảo quản đồ của cô, để khỏi có điều đáng tiếc xảy ra”.

“Tôi hứa sẽ không dùng”.

“Máy sấy tóc của cô, thưa cô Sarah”.

Cô lôi máy sấy tóc ra khỏi va-li, và đưa cho hắn.

“Ngài al-Bakari có tặng cho cô một món quà trong tủ quần áo đấy. Có lẽ ngài sẽ vui khi thấy cô mặc nó để tham dự buổi ăn tối vào lúc 9 giờ tối nay. Tôi nghĩ cô cần nghỉ ngơi một chút. Cô cũng mệt rồi, và mùi giờ cũng khác nhau nữa”.

“Dĩ nhiên là vậy”.

“Cô có muốn tôi đánh thức cô lúc 8 giờ không?”

“Tôi có thể tự lo được. Vì tôi có mang theo một chiếc đồng hồ báo thức”.

Hắn nở một nụ cười khô khan. “Tôi cần phải mang nó đi luôn”.

Sarah hơi ngạc nhiên vì mình ngủ được, một giấc ngủ không mộng mị, rồi cô choàng tỉnh trong bóng tối bao phủ, và tự hỏi mình đang ở đâu. Làn gió biển ấm áp mơn man ngực cô như hơi ấm của người yêu dấu, để cô chợt nhận ra mình đang trên tàu Alexandra và hoàn toàn chỉ có một mình. Cô nằm bất động một hồi, tự hỏi liệu có ai đang theo dõi mình không. *Hãy tự nhủ rằng chúng đang theo dõi mọi hành động của mình, lắng nghe từng lời mình nói*, Eli đã căn dặn như vậy. Cô mừng tượng ra những khung cảnh khác đang diễn ra trên tàu. Nào là Wazir bin Talal đang tải tất cả thư điện tử của cô từ cái điện thoại Blackberry, dò xét các số đã gọi trên máy điện thoại của cô. Cũng chính Wazir bin Talal đang tháo rời từng bộ phận máy sấy tóc, Ipod và đồng hồ báo thức của cô, cố tìm cho ra thiết bị ghi âm. Đương nhiên hắn chỉ phí công, bởi vì Gabriel đã dự đoán được hành động thẩm tra này ngay khi cô bước chân vào đại bản doanh của chúng. *Trong trường hợp đó, càng đơn giản càng tốt, Sarah ạ. Chúng ta sẽ sử dụng cách truyền thống. Đó là mã điện thoại và những dấu hiệu liên lạc nhận diện khác*.

Sarah liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Còn 5 phút nữa thì đến 8 giờ. Cô nhắm mắt lại, tận hưởng

luồng gió mát vờn quanh cơ thể. Đúng 5 phút sau, điện thoại bàn kêu bên nhẹ rung. Cô vươn tay, cầm ống nghe áp sát tai.

“Tôi dậy rồi, anh bin Talal ạ”.

“Tôi rất vui khi nghe điều đó”.

Không phải bin Talal. Giọng của Zizi.

“Tôi xin lỗi, thưa ngài al-Bakari. Tôi cứ ngỡ là bin Talal”.

“Hẳn nhiên là thế”, giọng hân vui vẻ. “Cô có chợp mắt được chút nào không?”

“Dạ có thưa ngài”.

“Thế chuyến bay của cô thế nào?”

“Tốt đẹp, thưa ngài”.

“Chúng ta thỏa thuận được chứ?”

‘Còn tùy vào việc đó là thỏa thuận nào nữa, thưa ngài al-Bakari’.

“Tôi vẫn thích cô gọi tôi là Zizi hơn. Bạn tôi cũng hay gọi tôi như thế”.

“Tôi sẽ cố”. Rồi cô tiếp lời giọng vui vẻ. “Thưa ngài”.

“Tôi mong gặp cô tại bữa tối nhé, Sarah”.

Đường dây điện thoại bị cắt ngang. Sarah gác máy, và bước ra boong. Bên ngoài trời tối đen.

Vành trăng lưỡi liềm treo vắt vẻo phía cuối chân trời, chòm sao đêm nhấp nháy soi rọi màn đêm. Cô nhìn về hướng đuôi tàu, thấy hai ánh đèn hành trình màu lục nhấp nháy cách đó vài dặm. Phía trước mạn tàu có thêm vài ánh đèn khác. Sarah chợt nhớ đến lời căn dặn của Eli trong một đợt tập huấn. *Đôi khi, cách theo dõi người khác tốt nhất là đi trước mặt họ.* Cô nghĩ người ta sử dụng cách tương tự khi canh gác trên biển.

Cô trở vào phòng, cởi đồ và bước vào phòng tắm. *Này đừng nhìn nhé, ngài Wazir.* Cô thầm nghĩ.

Cắm nhìn trộm. Cô ngâm mình trong bồn tắm Jacuzzi của Zizi, thưởng thức giai điệu của nhạc sỹ Keith Zarrett qua dàn âm thanh hiện đại của Zizi. Xong xuôi, cô quấn mình trong chiếc khăn tắm mềm mại và sấy khô tóc bằng máy sấy cũng của Zizi. Cuối cùng, cô trang điểm để che giấu vẻ mệt mỏi sau hành trình dài dằng dặc. Khi thả mái tóc dài xuống ngang vai, Sarah chợt nghĩ đến Gabriel.

“Sarah này, cô thích để tóc thế nào nhỉ?”

“Tôi thường để xõa”.

“Cô có gò má đẹp với cái cổ duyên dáng. Đã tới lúc cô phải nghĩ đến việc thỉnh thoảng búi tóc cao. Giống như nàng Marguerite”.

Nhưng không phải là đêm nay. Khi đã cảm thấy hài lòng với khuôn mặt của mình, Sarah quay trở vào phòng ngủ và mở tủ quần áo, trên kệ là một gói quà xinh xắn đang chờ đợi. Cô mở hộp quà, bên trong là một bộ đồ bằng lụa màu ngà, và một áo lót cùng chất liệu. Bộ đồ thật vừa vặn, y như các món quà khác. Cô đeo đồng hồ Harry Winston, điểm theo đôi khuyên tai hiệu Bulgari, đôi vòng ngọc trai Mikimoto và lắc tay của hãng Tiffany. 9 giờ kém 5 phút, Sarah rời khỏi phòng và đi về phía boong sau. *Đừng nghĩ đến sự tồn tại của chúng tôi. Hãy là Sarah Bancroft, và sẽ không có chuyện gì xảy ra đâu.*

Zizi nồng nhiệt chào đón cô.

“Chào Sarah, gặp lại cô mới tuyệt làm sao. Thưa các vị, tôi xin giới thiệu đây là cô Sarah. Sarah này, đây là mọi người. Có rất nhiều người nên tôi không chắc cô sẽ nhớ được hết tên của họ, trừ phi cô có trí nhớ cực kỳ tốt. Nên tôi đề nghị chúng ta sẽ từ từ làm quen với nhau nhé. Mời cô ngồi, cả ngày mệt rồi, chắc cô đói lắm nhỉ”.

Hắn xếp cô ngồi gần cuối đầu bàn, rồi đi về chỗ ngồi của mình phía cuối bàn đối diện. Một gã Abdul ngồi bên phía tay phải của cô, bên tay trái là chủ nhà băng. Phía đối diện là gã Mansur, trưởng phòng du lịch, và cô vợ ông ọ của gã Herr Wehrli, cô này có điệu bộ của một kẻ luôn cho rằng những gì đang xảy ra thật đáng kinh tởm. Ngồi kế bên Frau Wehrli là Jean-Michel, huấn luyện viên riêng của Zizi. Mái tóc dài màu vàng được cột gọn thành đuôi ngựa phía sau gáy, hắn ngầu ngẩn nhìn Sarah mặc kệ vẻ ganh tỵ của cô vợ Monique. Ngồi phía xa bàn là Rahimah và anh bạn điển trai của cô nàng, tên Hamid và là ngôi sao điện ảnh Ai Cập. Cô nàng Nadia kiêu hãnh ngồi kế bên cha mình. Đôi lần trong bữa tiệc, khi đưa mắt nhìn Zizi, Sarah lại bắt gặp ánh mắt của cô nàng nhìn mình. Và cô tự nhủ Nadia cũng là kẻ phiền hà giống như gã bin Talal mà thôi.

Sau khi tin chắc rằng Sarah không biết tiếng Ả-rập, Zizi đã đề nghị mọi người trong bàn tiệc nói tiếng Anh và tiếng Pháp. Cuộc trò chuyện vô cùng tẻ nhạt, hầu hết mọi người xoay quanh những chủ đề phim ảnh, quần áo, những nhà hàng Zizi muốn trưng dụng, hay về một khách sạn nào đó ở Nice mà hắn đang dự định mua lại. Những đề tài về chiến tranh, khủng bố, lời thề của người Palestine, Tổng thống Mỹ... dường như không hề tồn tại. Thật ra, có vẻ như mọi thứ không vượt ra ngoài khuôn khổ của hành trình tàu Alexandra và ngoài biên giới của Zizi. Tuy vậy, khi cảm giác Sarah bị gạt ra ngoài cuộc trò chuyện, Zizi lại khéo léo hỏi cô giải thích về việc tìm kiếm bức tranh Van Gogh. Khi thấy cô không bị lọt bẫy, hắn mỉm cười một cách xảo quyệt và tuyên bố. “Một ngày nào đó, tôi sẽ tìm ra sự thật thôi”. Đó cũng là lần đầu tiên Sarah cảm thấy trong lòng dấy lên một nỗi lo sợ mơ hồ.

Khi món tráng miệng được mang ra, hắn tiến lại gần và kéo ghế ngồi bên cạnh cô. Bữa tối nay, hắn mặc một bộ đồ vải lanh màu kem, gò má múp míp của hắn ửng đỏ vì bắt nắng.

“Tôi tin rằng cô có một bữa tối thật ngon miệng”.

“Rất ngon. Chắc ông phải chuẩn bị đồ ăn cả buổi chiều”.

“Không phải tôi”, hắn khiêm tốn trả lời. “Đầu bếp của tôi đó chứ”.

“Vài đầu bếp?”

“3 người. Chúng tôi cũng có cả đội thủy thủ và khoảng 40 nhân viên. Họ chỉ làm việc cho mình tôi, cho dù đó là khi tàu Alexandra đang trên biển hay neo ở cảng. Cô sẽ có dịp làm quen với họ thôi. Nếu cô cần gì, cứ hỏi nhé. Tôi rất muốn cô cảm thấy thoải mái khi ở đây”.

“Tôi rất thoải mái, thưa ngài al-Bakari”.

“Zizi chứ”, hắn nhắc lời cô, vừa nói hắn vừa xoay xoay chuỗi tràng hạt bằng gỗ mun. “Anh bin Talal bảo rằng cô không được vui vì các nguyên tắc và quy trình an ninh ở chỗ chúng tôi”.

“Phải gọi là ngạc nhiên thì đúng hơn. Nếu ngài báo với tôi sớm hơn, có lẽ tôi không cần phải mang theo nhiều đồ như vậy”.

“Có lẽ anh bạn bin Talal của tôi hơi cứng nhắc theo nguyên tắc an ninh ở đây. Tôi chân thành xin lỗi vì điều đó. Cô Sarah biết không, chúng tôi quy định rằng khi một người bước vào lãnh thổ của Tập đoàn AAB, người ấy phải tuân theo các nguyên tắc ở đây - cũng chỉ nhằm bảo đảm an ninh cho mọi người mà thôi”. Hắn búng nhẹ cổ tay, và quấn chuỗi hạt quanh hai ngón tay phải. “Cô đã nghĩ đến lời đề nghị của tôi chứ?”

“Tôi vẫn chưa biết đó là gì ạ”.

“Nhưng cô có quan tâm đến. Nếu không, cô chẳng đến đây làm gì”.

“Cứ cho rằng tôi hơi tò mò, và tôi sẵn lòng thảo luận thêm về vấn đề này”.

“Cô là một nữ doanh nhân khôn ngoan và thận trọng đấy Sarah ạ. Tôi ngưỡng mộ điều đó. Vậy

hãy tận hưởng không khí biển cả và ánh mặt trời trong vài ngày nhé. Sau khi thư giãn xong, chúng ta hãy bàn về điều đó”.

“Vài ngày ư? Tôi phải quay về Luân Đôn”.

“Trước khi cô đến làm việc, Julian Isherwood vẫn tự lo liệu được mọi chuyện. Nên tôi tin rằng anh ta sẽ xoay sở tốt, còn cô thì đáng được hưởng một kỳ nghỉ thật thư giãn với chúng tôi”.

Nói rồi, hắn quay trở về chỗ ngồi cũ của mình, kế bên cạnh Nadia. “Chào mừng cô gia nhập đại gia đình chúng tôi”, Herr Werli lên tiếng. “Ông ấy có vẻ thích cô lắm đấy, nên khi thương lượng lương bổng, cứ thẳng thắn vì ông ấy sẽ trả cô bất cứ mức lương nào cô muốn”.

Cũng vào tối hôm ấy, trên boong một chiếc tàu khác, chiếc Sun Dancer, không sang trọng nhưng không khí buổi trò chuyện lại thật sinh động và vui nhộn. Mọi người không tránh nói về những đề tài chiến tranh hay khủng bố, ngược lại, mọi người còn tranh luận sôi nổi cho đến tận khuya. Vào cuối buổi tối, một tranh cãi nhỏ lại nổ ra, lần này là xem ai sẽ phải đi rửa chén. Dina và Rimona nói rằng họ đã dọn dẹp chén đĩa vào tối hôm trước ở Surrey. Cuối cùng, Gabriel, miễn cưỡng ra lệnh cho hai thành viên mới của nhóm: Oded và Mordecai, hai tay đặc vụ dày dạn kinh nghiệm và Mikhail, tay súng được mời đến từ Lực lượng Đặc nhiệm Sayeret Matkal. Anh ta là người Do Thái gốc Nga, với làn da trắng bệch và đôi mắt màu lạnh như băng. “Một thể hệ đàn em của anh”, Yaakov từng phát biểu. “Giỏi tài bắn súng, nhưng không hề có chút lương tâm. Chính hắn đã hạ gục Bộ Tổng tư lệnh của phong trào kháng chiến Hồi giáo Hamas đấy”. Họ không tận hưởng được sự lộng lẫy kiêu sa như trên tàu Alexandra, cũng chẳng ai có được một không gian riêng tư. Gabriel và Lavon, hai đặc vụ kỳ cựu nhất cũng phải chen chúc ở mũi tàu. Lavon đã quá quen với giờ giấc ngủ nghỉ bất thường của Gabriel nên không thấy ngạc nhiên khi buổi sáng thức dậy thấy giường của Gabriel trống không. Anh ra khỏi giường và nhảy lên boong. Gabriel đứng đó, tay cầm tách cà phê, nhìn chăm chăm vào một điểm sáng xa xa phía chân trời. Lavon quay về chỗ ngủ, đánh thêm một giấc. Khi anh thức dậy lần thứ hai, vẫn thấy Gabriel đang đứng tại chỗ cũ, nhìn xa xăm vào đại dương mênh mông.

Chú thích

1. Thiết bị kỹ thuật số cá nhân

Chương 23

Rời khỏi Bahamas



hời gian biểu của Sarah dần dần định hình. Mỗi sáng thức dậy, vươn vai ngái ngủ trên chiếc giường êm ái, Sarah lắng nghe tiếng nước vỗ ò oạp vào mạn tàu khi chiếc Alexandra nhẹ nhàng rẽ sóng. Tới 7 giờ rưỡi, cô khẽ lắc chuông, chỉ năm phút sau, người hầu phòng mang lên cho cô một khay, trên đó là ly cà phê và ổ bánh mì ngọt, không quên kèm theo một lọ hoa tươi. Nếu trời không mưa, cô sẽ nhâm nhi bữa sáng của mình dưới mái hiên nhìn ra phía mạn thuyền. Chiếc Alexandra đang đi về hướng đông nam, thông thả nhắm tới một đích đến vô định. Thỉnh thoảng Sarah mới trông thấy hình dáng của dải đảo Bahamian hiện lên mờ mờ phía xa. Phòng của Zizi ngay phía trên phòng cô, cho nên có một vài buổi sáng, cô nghe loáng thoáng hẳn thỏá thuận công việc qua điện thoại.

Ăn sáng xong, Sarah thường gọi hai cuộc điện thoại về Luân Đôn qua hệ thống trên tàu. Cuộc điện thoại đầu tiên là gọi về căn hộ của cô ở Chelsea để nhận vài tin nhắn từ Văn phòng gửi đến. Sau đó, cô sẽ gọi về phòng tranh, và nói chuyện với Chiara. Giọng Anh pha Ý nhẹ nhàng giúp cô cảm thấy thư giãn hơn. Câu hỏi của Sarah xoay quanh những đơn hàng đang tồn đọng, nhưng Chiara có thể giải mã thành những thông tin khác, đó là: Sarah vẫn rất an toàn, nhưng vẫn chưa tìm được dấu vết của tên Ahmed bin Shafiq; về phần mình, Chiara thông báo rằng Gabriel và những người khác vẫn luôn bên cạnh Sarah, rằng Sarah không đơn độc trong cuộc hành trình này. Việc phải ngưng nói chuyện với cô bạn Chiara đáng mẫn quả là một cực hình đối với Sarah.

Sau khi nói chuyện điện thoại, thường đã gần 10 giờ, lúc đó Zizi và Jean-Michel đã tập luyện xong, và những người khác có thể sử dụng phòng thể dục. Song phần đông bọn họ là dạng lười vận động, thường chỉ có Herr Wehrti bầu bạn với cô mỗi sáng, nhưng hẳn chỉ miệt mài tập trên máy tập đa năng trong vài phút rồi chui luôn vào phòng xông hơi để tóa mồ hôi. Về phần mình, Sarah tập với máy chạy bộ khoảng 30 phút, rồi chèo thuyền thêm 30 phút nữa. Cô từng tham gia vào đội thủy thủ Dartmouth, cho nên chỉ sau vài ngày tập luyện, cô đã dần thấy cơ vai và lưng căng hơn, một sự thay đổi rõ rệt kể từ cái chết của Ben.

Sau khi tập thể lực, Sarah ra boong trước và gia nhập nhóm phụ nữ trên tàu để tắm nắng trước khi dùng cơm trưa. Nadia và Rahimah vẫn giữ khoảng cách với Sarah, nhưng các quý phu nhân khác thì tỏ ra khá thân mật, nhất là hai ả Frau Wehrli và Jihan, cô vợ trẻ, có mái tóc vàng óng người Jordani của Hassan, chuyên viên truyền thông cho Zizi. Vợ của Jean-Michel, Monique cũng ít khi nói chuyện với cô. Đôi lần Sarah liếc Monique khi cô ta đang đọc tiểu thuyết và nhận thấy Monique cũng đang nhìn mình chằm chằm, cứ như cô ta đang tìm cách đẩy Sarah xuống biển vậy.

Bữa ăn trưa thường dài lê thê. Sau đó, thủy thủ đoàn sẽ dừng tàu Alexandra để bắt đầu chương

trình đua mô-tô nước của Zizi. Trong hai ngày đầu, Sarah không tham gia trò chơi, thay vào đó cô đứng trên boong, quan sát Zizi và đám thủ hạ của hắn lặn ngụp trên sóng. Qua ngày thứ ba, hắn cố gắng thuyết phục cô tham gia, và còn đích thân dạy cô cách cầm lái. Sarah lái mô-tô ra xa tàu rồi tắt máy, để mặc mô-tô nhấp nhô trên sóng, cô đắm đắm nhìn những chấm trắng nhỏ nơi chân trời. Có lẽ cô đã đi quá xa, bởi vì trong thoáng chốc Jean-Michel đã đến bên cạnh và ra hiệu cho cô quay về tàu. “Chỉ trong khoảng cách 100 mét mà thôi”, hắn giải thích. “Đó là nguyên tắc của ngài Zizi”.

Zizi có thời gian biểu thật chặt chẽ. Bữa ăn sáng nhẹ tại phòng ngủ, điện thoại, tập thể dục với Jean-Michel trong phòng tập, gần trưa họp với nhân viên. Ăn trưa. Đua mô-tô nước. Lại họp với nhân viên, nhưng lần này cuộc họp kéo dài tới bữa chiều. Và sau đó, lại nói chuyện điện thoại cho đến tận khuya. Vào ngày thứ hai, chiếc trực thăng rời khỏi tàu Alexandre lúc 10 giờ và quay về một tiếng sau đó, với một phái đoàn khoảng 6 người đàn ông. Sarah quan sát khuôn mặt của từng người lúc họ tiến vào phòng họp của Zizi, rồi rút ra kết luận không có ai trong số đó là Ahmed bin Shafiq cả. Không lâu sau đó, một tên Abdul tiết lộ cho cô danh tính của ba tên, và ngay lập tức Sarah ghi vào bộ nhớ của mình. Buổi chiều hôm đó, cô chạm mặt Zizi lúc hắn đang đứng một mình trong sảnh và đánh tiếng hỏi hắn xem liệu đã đến lúc thảo luận về lời mời của hắn chưa.

“Sao cô có vẻ vội vã vậy Sarah? Thoải mái đi nào. Hãy tận hưởng mọi thứ. Chúng ta sẽ bàn về vấn đề này vào một thời điểm thích hợp”.

“Tôi phải quay về Luân Đôn, Zizi ạ”.

“Trở về với Julian Isherwood à? Làm sao cô có thể quay về với hắn nhỉ?”

“Tôi không thể ở đây mãi mãi”.

“Được chứ”.

“Nhưng ít nhất ngài có thể cho tôi biết chúng ta đang đi đâu chứ?”

“Tôi muốn dành cho cô một sự ngạc nhiên”, hắn giải thích. “Đó cũng là truyền thống của chúng tôi. Tôi tự xem mình là một thuyền trưởng danh dự, và tôi sẽ chọn đích đến cho tất cả chúng ta. Tôi không muốn giữ bí mật điều đó. Sáng mai, chúng tôi muốn dừng lại tại Grand Turk. Nếu cô muốn, cô có thể lên bờ và mua sắm chút gì đó”.

Lúc ấy, Hassan xuất hiện, hắn ta đưa điện thoại và thì thầm gì đó vào tai Zizi bằng tiếng Ả-rập nên Sarah không nắm bắt được nội dung câu chuyện. “Xin phép cô Sarah, tôi phải giải quyết một việc”. Đoạn hắn quay trở vào phòng họp và đóng cửa lại.

Sáng hôm sau, Sarah thức dậy trong cái tĩnh lặng của sớm mai. Thay vì nán lại trên chiếc giường êm ái, cô bật dậy ngay lập tức và bước ra boong. Tàu thả neo gần Cockburn Town, thủ phủ quần đảo Turks và Caicos. Cô dùng bữa sáng trong phòng, gọi điện cho Chiara ở Luân Đôn rồi sắp xếp lịch với thủy thủ đoàn để đáp máy bay vào thăm thành phố. Lúc 11 giờ rưỡi, Sarah đi ra phía đuôi tàu và nhìn thấy Jean-Michel đang đợi cô. Hắn mặc áo thun đen và quần soóc màu trắng hiệu Bermuda.

“Tôi tình nguyện tháp tùng cô”, hắn thốt lên khi vừa thấy Sarah.

“Tôi không cần người đi theo”.

“Không ai được phép lên bờ mà thiếu các biện pháp đảm bảo, nhất là các quý cô. Đây là nguyên tắc của ngài Zizi”.

“Thế vợ anh có đi chung không?”

“Thật tiếc là cô ấy hơi mệt. Có vẻ cô ấy không họp bữa tối hôm qua”.

Họ im lìm tiến vào gần cảng. Jean-Michel neo tàu một cách điệu nghệ rồi theo Sarah đến khu mua sắm. Ở một quầy, cô chọn hai bộ váy nhẹ nhàng và một bộ bikini mới. Qua một hàng khác, cô mua một đôi dép, túi xách, và một cặp kính mát thay cho cặp kính cô làm mất khi chơi đùa mô-tô nước lần trước. Họ cùng đến tiệm thuốc để mua dầu gội, và kem dưỡng da, cả dụng cụ tẩy da chết cho đôi bờ vai rám nắng của Sarah. Jean-Michel nặng nề đòi thanh toán toàn bộ tiền mua hàng bằng thẻ tín dụng của Zizi. Trên đường quay về tàu, cô nhận ra Rimona với cặp kính râm to, đầu đội mũ rơm. Gần đó, trong một quầy bar nhỏ nhìn ra cảng, cô trông thấy một người đàn ông với vóc dáng quen thuộc, đầu đội mũ nỉ, mắt đeo kính râm, nhìn chăm chăm vào một ly bia dưới bóng râm của cái ô to tướng. Tới khi bước chân lên tàu Alexandra, cô mới nhận ra đó là Gabriel.

Hôm sau, khi Sarah gọi về Luân Đôn, Julian bắt máy và hỏi ngắn gọn xem khi nào cô sẽ quay về. Hai ngày sau, anh lại hỏi lần nữa, nhưng lần này giọng anh có pha chút bức bối. Vào cuối giờ chiều hôm đó, Zizi gọi cho Sarah. “Mời cô vào văn phòng của tôi nhé, tôi nghĩ đã đến lúc chúng ta nói chuyện rồi”. Và hấn gác máy mà không đợi cô trả lời.

Sarah diện đồ thật lịch sự: quần suông trắng, áo cánh vàng che phủ đôi tay, chân mang giày đế bằng. Cô định trang điểm nhưng rồi lại thôi vì cô nghĩ mình không thể nào che hết dấu vết rám nắng của ánh mặt trời vùng Ca-ri-bê. Phải mất mười phút sau, cô mới rời khỏi phòng và men theo cầu thang lên lầu đến phòng Zizi. Hấn đang ngồi chung bàn họp với Daoud Hamza, Abdul & Abdul, và Herr Wehrli. Họ cùng đứng lên khi Sarah bước vào phòng, đoạn thu dọn giấy tờ tài liệu trên bàn, rồi lăm lăm bước ra ngoài. Zizi ra hiệu cho Sarah ngồi xuống. Ở phía đối diện của căn phòng, hình ảnh Al Jazeera nhấp nháy trên ti vi: quân đội Israel lại tiêu hủy một căn nhà của tay đánh bom tự sát Hamas trong khi cận cảnh là hình ảnh cha mẹ anh ta đang than khóc. Zizi liếc màn hình trong vài giây rồi quay sang Sarah.

“Tôi đầu tư hàng triệu đô la vào lãnh thổ Palestine, tôi còn tặng cho họ vài triệu đô la làm từ thiện, vậy mà bây giờ quân Israel đang phá hủy nó, và thế giới thì chỉ khoanh tay đứng nhìn”. *Vậy thế giới sẽ kết tội ai khi hai mươi thân thể cháy đen nham nhở nằm rải rác trên đường phố Tel Aviv vào ngày hôm qua?* Sarah nghĩ bụng. Cô nhìn xuống đôi lắc tay bằng vàng và đồng hồ hiệu Harry Winston mà Zizi tặng, không nói không rằng.

“Nhưng bây giờ hãy trò chuyện về điều gì vui vẻ hơn nhé”, Zizi cất lời.

“Tôi cũng nghĩ vậy”. Cô nhìn hấn và mỉm cười. “Ông thật lòng muốn mời tôi về làm việc cho ông phải không?”

“Tôi ư?”

“Đúng vậy”.

Zizi mỉm cười nhìn cô. “Chúng tôi sẽ khai trương một ban nghệ thuật”. Nụ cười hấn biến mất.

“Việc này có hơi đột ngột nhưng vẫn phải làm. Tôi muốn cô giữ vị trí đó”.

“Ban nghệ thuật?”

“Tôi xin lỗi”, hấn giải thích. “Đó là cách chúng tôi gọi các bộ phận khác nhau trong tổ chức.

Hassan là trưởng ban truyền thông, Mansur phụ trách ban du lịch, Herr Wehrli là ngân hàng, còn bin Talal phụ trách ...”.

“An ninh”.

“Vâng”, Zizi trả lời.

“Vậy ai làm trưởng ban nghệ thuật?”

“Hiện tại tôi phụ trách. Nhưng tôi muốn mời cô đảm nhiệm công việc đó”.

“Thế Andrew Malone thì sao?”

“Andrew Malone không còn làm việc cho tôi nữa”. Zizi mân mê chuỗi tràng hạt của mình một thoáng. Rồi ánh mắt hần lại quay về phía màn hình ti vi, và giữ nguyên ở đó, hần tiếp. “Đáng lý tôi ký hợp đồng độc quyền với Andrew. Tôi trả rất nhiều tiền để giữ chân anh ta. Đối lại, anh ta phải dành cho tôi lời khuyên chân thành nhất, cố nhiên là không để ảnh hưởng đến quyền lợi của anh ta. Nhưng thật đáng tiếc, Andrew liên tục phản bội tôi. Trong vài năm trời, anh ta liên tục bòn rút tiền của tôi và các đối tác, căn cứ theo thoả thuận ban đầu thì đó là một sai phạm nghiêm trọng. Trong số những người sưu tập và buôn hàng phải trả tiền cò cho Andrew có cả Julian Isherwood”. Hần nhìn cô. “Cô có biết số tiền mà Isherwood Julian phải chuyển cho Andrew Malone không?”

“Tôi không được biết”, cô trả lời. “Nếu có chuyện như vậy thì tôi xin lỗi”.

“Tôi tin cô”, hần trả lời. “Andrew đã thề với Julian sẽ giữ bí mật. Hần cố gắng che đậy dấu vết khi ăn lời hai bên. Thật không may là hần không thể xóa đi dấu tích phản bội trong tài khoản ngân hàng. Đó là cách chúng tôi phát hiện ra sự thật”.

Zizi lại liếc ti vi và cau mày. “Công việc tôi đang dành cho cô có vị trí cao hơn so với Andrew rất nhiều. Cô không chỉ hỗ trợ tôi trong công việc, mà cô sẽ chịu trách nhiệm bảo quản bộ sưu tập của tôi. Tôi dự định sẽ cho các bảo tàng của Mỹ và châu Âu mượn vài tác phẩm như một cách củng cố mối quan hệ văn hóa giữa đất nước tôi và phương Tây. Vì cô từng là người quản lý bảo tàng cho nên cô sẽ rất thích hợp với những công việc như vậy”. Hần quan sát cô một lúc. “Cô có thích vị trí đó không?”

“Tôi muốn, nhưng...”.

“...nhưng cô muốn thảo luận về tiền bạc và các quyền lợi trước khi trả lời tôi, tôi hoàn toàn hiểu điều đó. Nếu cô không phiền, tôi có thể hỏi hiện tại Julian đang trả cho cô bao nhiêu?”

“Tôi e rằng tôi không thể nói ra điều này”.

Zizi thở dài và xoay vòng chuỗi hạt. “Cô định làm cho câu chuyện khó khăn hơn hay sao?”

“Tôi không hề có ý ấy”.

“Tôi dự định sẽ trả cho cô một khoản lương là 500 ngàn đô la một năm, thêm nhà ở, và các khoản chi phí không giới hạn khác. Công việc đòi hỏi phải di chuyển nhiều, nên dĩ nhiên, thời gian cô ở bên tôi và gia đình tôi là chủ yếu. Đó cũng là lý do tôi mời cô tham quan chuyến hành trình này. Tôi muốn cô làm quen với mọi người. Tôi tin là cô cũng thích và cảm nhận được lòng hiếu khách của chúng tôi”.

“Quả vậy”, cô trả lời.

Zizi giơ hai tay lên. “Vậy à?”

“Tôi cần một hợp đồng thỏa thuận bảo đảm trong 3 năm”.

“Được thôi”.

“500 năm đầu tiên, 600 năm thứ hai, và 750 năm thứ ba”.

“Được thôi”.

“Và có cả các khoản tiền thưởng”.

“Cô hãy cho thử một con số”.

“250 ngàn”.

“Tôi dự định trả cô 500 ngàn nữa. Chúng ta thỏa thuận như vậy được chứ?”

“Tôi nghĩ là được”. Nụ cười cô vụt tắt. “Tôi không định nói với Julian về điều đó”.

“Việc làm ăn mà, Sarah. Julian sẽ hiểu”.

“Chắc anh ấy sẽ cảm thấy đau lòng”.

“Thật ra tôi nghĩ là mình nên nói chuyện này với anh ta”.

“Không”, cô lắc đầu từ chối. “Tôi sẽ tự nói. Tôi vẫn còn nợ anh ấy nhiều”.

“Cô là một phụ nữ thẳng thắn”. Zizi đột ngột đứng lên. “Tôi sẽ yêu cầu luật sư thảo hợp đồng. Herr Wehrli sẽ gửi đến một ngân phiếu để ký cho khoản tiền thưởng của cô, thêm vào đó là thẻ tín dụng của AAB để cô chi tiêu”. Hắn giơ tay ra. “Chào mừng cô gia nhập đại gia đình, Sarah”. Cô bắt tay rồi quay gót về phía cửa.

“Sarah này?”

Cô quay lại.

“Đừng phạm sai lầm giống Andrew nhé. Cô biết đấy, tôi rất hào phóng với người làm việc cho mình, nhưng nếu họ phản bội tôi, tôi sẽ cực kỳ giận dữ”.

Đúng như dự đoán của Sarah, Julian nổi điên lên khi nghe tin. Anh nổi cáu với Zizi và giận luôn cả Sarah. “Khỏi quay lại phòng tranh dọn đồ dọn đặc gì hết!”, anh ta hét lớn qua điện thoại. “Ở đây chẳng có ai hoan nghênh cô lẫn ông chủ dòng máu Arập Xêút của cô đâu!”. Sau khi dẫn mạnh máy điện thoại xuống, anh đi thẳng đến quán Green, nơi Oliver Dimbleby và Jeremy Crabbe đang chụm đầu thì thầm ở góc quán.

“Này, sao mặt anh lại thuôn ra vậy, Julie?” Câu hỏi của Dimbleby chạm đến nỗi đau của Isherwood.

“Tôi mất cô ấy rồi”.

“Ai chứ?”

“Sarah”, Isherwood buông thông. “Cô ấy bỏ tôi sang với Zizi al-Bakari”.

“Này, đừng bảo với tôi là cô ấy giữ vị trí của Andrew Malone nhé”.

Isherwood gật đầu xác nhận.

“Bảo cô ấy tránh xa cái hũ mật của Zizi đi”, Crabb nhận xét. “Hắn sẽ chặt tay cô ta mất. Hoàn toàn hợp pháp, anh biết đấy”.

“Mà sao hắn lại lôi kéo được cô ta nhỉ?”. Dimbleby thắc mắc.

“Chắc là vì tiền rồi. Nhờ tiền, chúng muốn gì cũng được”.

“Sự thật là vậy”, Dimbleby trả lời. “Nhưng ít nhất chúng ta vẫn còn cô nàng Elena xinh đẹp”.

Đúng là vậy, Isherwood nghĩ bụng, chỉ có điều sẽ giữ được cô ta bao lâu nữa đây?

Cách đó 4000 dặm, trên boong tàu Sun Dancer, Gabriel chia sẻ nỗi đau của Isherwood, chỉ có điều với lý do hoàn toàn khác. Sau khi nghe tin Sarah nhận được công việc, anh quay về chỗ đứng cũ trên mũi tàu, không kịp nghe lời chúc mừng của các đồng nghiệp trong nhóm.

“Anh ta sao vậy?”. Yaakov hỏi Lavon. “Anh ấy đã thành công! Đã cài được điệp viên vào tổ chức Jihad rồi còn gì!”

“Đúng thế”, Lavon trả lời. “Và một ngày kia chúng ta sẽ phải cứu cô ấy ra”.

Chương 24

Gustavia, Saint-Barthlemy

iểm đến bí mật của Zizi hóa ra là một hòn đảo xinh đẹp ở Saint-Barthélemy Pháp. Họ tới nơi vào sáng hôm sau và neo tại Gustavia, hải cảng và cũng là thủ phủ đẹp như tranh của đảo. Sarah vừa tập thể dục xong thì Nadia bước vào phòng. Cô nàng mặc một chiếc áo tắm hai mảnh màu trắng và một cái váy đi biển cùng màu.

“Chị vẫn chưa chuẩn bị gì à?”

“Em nói gì chị không hiểu?”

“Em đang nói đến bãi biển Saline - vùng biển tuyệt vời nhất trên thế giới”.

Sarah tỏ ra do dự, Nadia thân mật chạm vào cánh tay cô. “Chị Sarah này, em biết mình chưa kết bạn với nhau từ lúc chị mới đặt chân lên thuyền, nhưng từ giờ chúng ta sẽ có thêm nhiều thời gian tìm hiểu nhau, vì chị đã làm việc cho cha em rồi. Có thể chúng ta sẽ là bạn tốt”.

Sarah giả vờ suy nghĩ. “Đợi chị 10 phút”.

“5 phút thôi nhé”. Nadia nở nụ cười tươi. “Chị biết đấy, em là con gái của cha em mà”.

Sarah quay về cabin riêng, tắm tấp qua loa, mặc đồ tắm và khoác bộ đầm đi biển bên ngoài. Cô bỏ vài món lặt vặt vào trong giỏ, rồi đi ra phía đuôi tàu. Nadia đã sẵn sàng, bên cạnh cô nàng là Kamal và Jafar Sharuki. Jean-Michel đứng sau tay lái, đang lúi húi kiểm tra hệ thống.

“Chỉ có chúng ta thôi sao?”. Sarah hỏi ngay khi vừa bước lên tàu và yên vị ở khoang trước với Nadia.

“Rahimah sẽ ra sau”, Nadia trả lời. “Dù thật lòng em hi vọng chị ấy sẽ không đi. Em muốn thoát khỏi chị ấy trong chốc lát”.

Jean-Michel lái tàu nhỏ tách khỏi du thuyền Alexandra, rồi nhấn ga phóng ra xa. Họ lướt qua triền phải của hòn đảo, vượt qua vùng ngoại ô của Gustavia, vòng quanh Grande Pointe. Hai phút sau họ đến một vịnh nhỏ, nơi được bao bọc bởi những mỏm đá núi lửa nâu xám. Giữa những mỏm đá, và phía bên dưới bầu trời xanh biếc kia là một bờ biển thiên nhiên tuyệt đẹp trải dài. Nadia thốt lên. “Chào mừng đến Saline”.

Jean-Michel khéo léo lái tàu vượt qua những con sóng vỗ vào bờ và đáp xuống một khu đất cách bãi biển vài dặm. Rafiq và Sharuki nhảy xuống chỗ nước cạn và đi chậm chậm về phía mũi tàu. Nadia đứng dậy và nhảy ra khỏi boong tàu, ngay đúng tầm hứng của đôi bàn tay vệ sỹ Rafiq dũng mãnh. Cô ta thốt lên. “Lúc này mới thấy có vệ sỹ thật tuyệt làm sao, chẳng sợ bị ướt nhem khi ra biển”.

Sarah ngần ngừ trườn người vào vòng tay Sharuki. Một thoáng sau, cô đã yên vị trên mặt đất cứng gần mép nước. Trong khi Jean-Michel quay tàu phóng về Alexandra, Nadia đứng lên và xác định vị trí cắm trại. “Ở đằng kia chị nhé”, cô nàng hăm hở kéo tay Sarah về phía đầu kia bãi biển, nơi vắng vẻ nhất. Rafiq và Sharuki lẻo đẻo theo sau với linh kính ghế và giỏ xách. Sau khi

đã cách những người còn lại trên bãi biển 50 dặm, Nadia dừng lại và lẩm bẩm gì đó bằng tiếng Ả-rập với Rafiq. Anh chàng lập tức đáp lại bằng cách trải khăn tắm và đặt ghế xuống. Hai tên bảo vệ đứng yên canh gác cách họ khoảng 20 thước. Nadia cởi áo đầm và ngồi lên khăn. Mái tóc dài đen mượt của cô được chải suôn thẳng và óng ánh vì gel bóng. Cô ta đeo kính râm tròn màu bạc, để lộ ra đôi mắt to long lanh. Sau khi liếc nhanh về phía hai tên cận vệ, Nadia từ từ cởi áo ngực, để lộ phần trên đầy đặn và khêu gợi. Làn da của cô, sau hai tuần phơi nắng, đã biến thành màu đồng. Sarah ngồi xuống ghế và chôn chân mình dưới cát.

“Em có thích có người đi theo giống vậy không?”. Sarah cất tiếng hỏi.

“Cận vệ ư?”, Nadia nhún vai. “Nếu chị là con gái của Zizi al-Bakari, họ sẽ là một phần gắn liền với cuộc sống. Chị có biết em đáng giá thế nào với bọn bắt cóc hay khủng bố không?”

“Hàng tỉ đô”.

“Đúng vậy”. Nói rồi cô ả thò tay vào túi và lôi ra một gói thuốc hiệu Virginia Slims. Cô ta đốt cho mình một điếu rồi mời Sarah điếu khác. Sarah lắc đầu. “Em không hút thuốc trên tàu Alexandra vì như vậy là chống lại nguyên tắc của cha em. Nhưng khi em ở xa ông...”. Cô ta dừng lời. “Chị sẽ không kể lại cho cha em chuyện này chứ ạ?”

“Cứ tin ở chị”. Sarah hất hàm về phía mấy tay cận vệ và hỏi. “Còn họ thì sao?”

“Chúng không dám kể cho cha em nghe đâu”.

Nadia cất gói thuốc vào giỏ rồi nhả từng ngụm khói vào khoảng không. Sarah nhắm mắt, quay về phía mặt trời. “Chị đoán em cũng có cả một chai rượu vang trong giỏ phải không?”

“Em ước gì đó là sự thật”, Nadia trả lời. “Anh Jean-Michel luôn xoay sở được vài chai lên tàu. Em nghĩ nếu chị nhẹ nhàng hỏi anh ấy, có khi anh ấy sẽ cho chị cả hai chai”.

“Chị e rằng có khi anh ta còn muốn cho chị thứ khác nữa kia”.

“Đúng rồi, anh ấy mê chị”. Nadia đẩy kính cao lên trán và nhắm mắt lại. “Ngay sau mấy đụn cát kia là một nhà hàng, nếu chị muốn, lát nữa chúng ta có thể đến đó để uống vài ly rượu”.

“Chị không biết là em được uống rượu đấy”.

“Không nhiều, nhưng em thích nhâm nhi vài ly banana daiquiris trong một ngày đẹp như hôm nay”.

“Chị nghĩ tôn giáo của em không cho phép”.

Nadia phủi tay.

“Em không theo đạo à?” Sarah hỏi.

“Em có đức tin, nhưng em cũng là một phụ nữ Ả-rập Xêút hiện đại. Em theo hai lối sống khác nhau. Lúc ở nhà, chúng em bị buộc phải ẩn mình dưới lớp voan che mặt đen. Nhưng ở phương Tây...”.

“Em có thể nhâm nhi vài ly rượu và nằm phơi ngực trên bãi biển à”.

“Đúng vậy”.

“Cha em có biết điều này không?”

Cô ta gật đầu. “Cha muốn em trở thành người phụ nữ phương Tây thật sự, nhưng vẫn phải tuân theo những nguyên lý của đạo Hồi. Em bảo cha rằng điều ấy là không thể, khi phải theo khuôn phép mẫu mực nhất, và ông ấy đồng ý. Chị Sarah ạ, em không còn là trẻ nhỏ. Em đã 27 tuổi rồi”. Cô ta nằm nghiêng người lên, và chống tay đỡ đầu. “Chị bao nhiêu tuổi?”

“31”, Sarah trả lời.

“Chị đã từng lập gia đình rồi chứ?”

Sarah lắc đầu. Khuôn mặt cô vẫn phơi dưới ánh mặt trời, làn da cô dường như đang nóng ran

lên. Nadia biết, cô thầm nghĩ, họ đều biết.

“Chị rất xinh đẹp”, Nadia tiếp lời. “Sao chị vẫn chưa lập gia đình?”

Tại một cú điện thoại lúc 8 giờ 53 phút sáng ngày 11 tháng 9, năm 2001....

“Cũng là những lý do thông thường”, cô trả lời. “Đầu tiên là học đại học, kể đến tiến sỹ, rồi đi làm. Chị nghĩ do chị không có thời gian dành cho yêu đương”.

“Không có thời gian dành cho tình cảm ư? Tiếc nhỉ”.

“Đó cũng là căn bệnh của người Mỹ nói chung”.

Nadia kéo mắt kính che mắt và nằm thẳng người lại.

“Nặng gắt quá”, Sarah nói. “Em nên che khăn”.

“Em chẳng bao giờ bị cháy nắng cả. Đó cũng là điều tốt khi là người Ả-rập Xêút”. Cô ả vờ vai và uể oải chôn tàn thuốc xuống cát. “Chắc chị thấy điều đó kỳ cục lắm phải không?”

“Chuyện gì em?”

“Một phụ nữ thuần Mỹ như chị, lại phải làm việc cho Zizi al-Bakari”.

“Chị không muốn làm em thất vọng, Nadia ạ, nhưng chị không hẳn là người Mỹ. Gần như cả tuổi thơ ấu chị sống ở châu Âu. Khi quay về Mỹ để học đại học, chị gần như lạc lõng, và phải mất khá nhiều thời gian mới làm quen được với môi trường”.

“Chị không ngại làm việc cho người Ả-rập Xêút chứ?”

“Vì sao phải ngại?”

“Bởi vì nhiều người ở nước chị kết án tội em vì cuộc tấn công ngày 11 tháng 9”.

“Chị không phải là một người trong số đó”, Sarah trả lời, rồi cô trích dẫn lời của Gabriel đã chỉ dạy tại nhà Surrey. “Tên Osama đã chọn người Ả-rập Xêút để tiến hành cuộc tấn công nhằm gây thêm hiềm khích giữa hai nước chúng ta. Hẳn là người đã khơi nguồn chiến tranh giữa đất Ả-rập Xêút và nước Mỹ. Chúng ta phải cùng liên minh để chống lại bọn al-Qaeda, chứ không phải là đối nghịch nhau”.

“Cục Tình báo Ả-rập Xêút liên tục cảnh báo cha em rằng ông là mục tiêu của bọn khủng bố vì ông có quan hệ mật thiết với Hoàng gia. Đó cũng là lý do khiến chúng em phải thắt chặt an ninh hơn nữa”. Rồi cô chỉ về phía hai tên cận vệ. “Đó cũng là lý do em phải dẫn theo hai tên khi đi đến bãi biển, thay vì hai chàng trai trẻ”.

Cô ả lại lẩn nằm sấp, phoir lưng dưới mặt trời. Sarah nhắm mắt và mơ màng ngủ thiếp đi. Một giờ sau, lúc tỉnh dậy, cô đã thấy nhiều dấu hiệu ước định xuất hiện xung quanh. Rafiq và Sharuki ngồi ngay sau họ. Nadia có vẻ đang ngủ. “Tôi nóng quá”, Sarah thì thầm với mấy tên cận vệ. “Chắc tôi phải bơi đây”.

Khi Rafiq dợm đứng lên thì cô xua tay bảo hắn ở lại. “Tôi ổn thôi”, cô trấn an.

Sarah chậm chậm bước xuống biển, cho đến lúc sóng vỗ ngang ngực, cô trầm mình và nhanh chóng lặn sâu xuống nước. Khi cô trồi lên, Yaakov đang ở sát bên cạnh.

“Cô dự tính ở Saint Bar’s trong bao lâu?”

“Tôi cũng không rõ. Chúng chẳng nói cho tôi biết điều gì cả”.

“Cô an toàn chứ?”

“Vẫn ổn cho tới giờ”.

“Cô có thấy ai có vẻ là bin Shafiq không?”

Cô lắc đầu.

“Chúng tôi luôn ở bên cô, Sarah ạ. Bây giờ cô hãy bơi khỏi chỗ tôi và đừng nhìn lại. Nếu chúng có hỏi về tôi, cứ bảo tôi đang tán tỉnh cô nhé”.

Và rồi anh ta biến mất vào lòng biển. Sarah quay trở vào bờ và trải khăn tắm ra nằm kế Nadia. “Chị nói chuyện với ai vậy?”. Á hỏi.

Sarah thấy tim mình như nhảy ra khỏi lồng ngực. Cô gắng tỏ ra bình thản. “Chị không biết, nhưng gã đó va vào chị ngay trước mặt bạn gái gã”.

“Thế chị mong đợi gì khác à? Hắn là người Do Thái mà”.

“Sao em biết được?”

“Tin em đi, chỉ cần nhìn thoáng qua em cũng biết hắn là người Do Thái. Đừng bao giờ nói chuyện với người lạ Sarah à. Đặc biệt là với người Do Thái”.

Sarah đang thay đồ trong cabin của mình để đi ăn tối thì nghe thấy tiếng động cơ ầm ĩ của chiếc Sikorsky. Cô đeo chuỗi ngọc trai vào cổ và vội vã bước ra boong sau. Zizi đang ngồi chờ trên ghế dài trong làn không khí mát mẻ buổi tối. Hắn mặc quần jeans lưng bạc théch rất hợp mốt và cái áo len chui đầu màu trắng. “Chúng ta đi đảo ăn tối. Nadia và tôi sẽ lên chiếc trực thăng cuối cùng. Cô sẽ đi cùng với chúng tôi”. Zizi nói.

Hai mươi phút sau họ lên chiếc Sikorsky. Khi họ bay qua khu vực cảng biển, những ngọn đèn từ Gustavia tỏa ra một thứ ánh sáng dịu dàng trong bóng tối dần buông. Họ bay ngang qua dãy đồi dốc thẳng đứng phía sau cảng và đáp xuống sân bay, nơi những người còn lại đang chờ ở cuối con đường trải nhựa, gần đó là một đoàn xe Toyota Land Cruiser màu đen bóng lộn. Khi Zizi đã yên vị, đoàn xe hộ tống lăn bánh khỏi phi trường. Bên kia đường, trong bãi đậu xe của trung tâm mua sắm chính trên đảo, Sarah ngó thấy Yossi và Rimona ngồi trên chiếc xe tay ga. Cô chồm người về phía trước, nhìn Zizi và con gái hắn.

“Chúng ta đi đâu vậy?”

“Tôi đã bao một nhà hàng ở Gustavia cho bữa ăn tối hôm nay. Nhưng trước tiên chúng ta sẽ đến một biệt thự ở rìa bên kia của hòn đảo để uống chút gì đó”.

“Ông thuê luôn cả biệt thự đó rồi à?”

Zizi cười lớn. “Thật ra biệt thự đó đã được một doanh nghiệp có làm ăn với chúng ta thuê hẳn rồi”.

Điện thoại rung bần bật. Hassan trả lời ngay từ tiếng chuông reo đầu tiên, rồi trao lại chiếc điện thoại cho Zizi sau khi đã xác định được người gọi là ai. Sarah nhìn qua cửa kính xe. Họ đang tăng tốc dọc theo vịnh Baie de Saint-Jean. Cô quay lại nhìn qua vai mình và thấy ánh đèn pha của chiếc Land Cruiser theo sát phía sau họ. Một hình ảnh bất chợt hiện lên trong đầu cô: Yossi lái chiếc xe tay ga còn Rimona ngồi phía sau ôm eo anh. Cô xua tan hình ảnh ấy vào chiếc máy hủy tài liệu tưởng tượng để cố gắng đuổi nó ra khỏi đầu mình.

Đoàn xe hộ tống đột ngột giảm tốc độ khi đi vào một thị trấn biển nho nhỏ nhưng khá sầm uất thuộc Saint-Jean. Hai bên đường hẹp, các cửa tiệm và nhà hàng nằm san sát bên nhau, những khách bộ hành da rám nắng đang len lỏi qua dòng xe cộ lưu thông chậm chạp và uể oải vì tắc đường. Jean-Michel chửi thề khi một cặp nam nữ điều khiển mô tô lách mình qua một khoảng trống hẹp trước xe họ rồi lẫn vào dòng kẹt xe.

Đến phía bên kia làng thì xe cộ bỗng nhiên ít hẳn, và con đường này dẫn lên những bờ đá dọc theo rìa vịnh. Họ ôm cua chỗ khúc quanh hẹp và ngay tức thì thấy biển dưới chân mình, mặt biển lấp lánh màu thủy ngân trong ánh sáng dịu dịu của trăng non vừa mới mọc. Thị trấn kế tiếp là Lorient, nó không đẹp say đắm như Saint-Jean và ít đông đúc hơn: một trung tâm mua sắm nhỏ gọn, một trạm xăng trang bị cửa chớp, một thẩm mỹ viện phục vụ cho phụ nữ bản địa,

một quầy burger phục vụ cho những gã trai cời trần chạy xe mô tô. Ngồi một mình bên cái bàn bọc crôm là Gabriel với quần soóc kaki và dép xăng-đan.

Zizi đóng nắp điện thoại và đưa qua vai mình về phía sau mà chẳng thèm nhìn Hassan một cái. Nadia cầm một lọn tóc và vôn về đuôi tóc xem có bị chẻ ngọn không. “Có một hộp đêm kha khá ở Gustavia”, ả nói một cách lơ đãng. “Có lẽ ta nên đi nhảy nhót sau bữa tối”. Sarah không trả lời và lại nhìn qua cửa sổ xe. Họ chạy ngang qua một nghĩa địa lổ nhố mờ mả và đoàn xe bắt đầu lên đồi. Jean-Michel sang số thấp và tăng tốc. Lên cao, con đường ngoặt rất gắt sang bên trái. Khi chiếc Land Cruiser chuyển hướng đột ngột, Sarah bất giác ép người vào Nadia. Làn da trần của cô cảm nhận được cái nóng như mặt trời từ người của ả.

Một lát sau, họ lao lên một đỉnh hẹp gió mạnh quất rào rào. Đoàn xe giảm tốc đột ngột và đi qua một cổng an ninh vào khoảng sân rộng trước một tòa biệt thự lớn màu trắng sáng ngời. Sarah quay đầu nhìn cái cổng sắt tự động đóng lại sau lưng cô. Chiếc xe tay ga vừa tăng tốc chạy ngang qua, trên xe là một người đàn ông mặc quần soóc kaki và mang xăng-đan. Cửa mở, Sarah bước xuống xe.

Hắn đứng ngay lối vào nhà, bên cạnh là một phụ nữ vừa bước vào tuổi trung tuần, hắn chào hỏi mọi thành viên trong đoàn tùy tùng đông đúc của Zizi khi họ bước đến bậc tam cấp bằng đá phiến. Hắn có vóc dáng của một vận động viên bơi lội với hông hẹp và đôi vai ngang rộng. Tóc đen và quăn tít. Hắn mặc áo thun Lacoste màu xanh lơ và quần trắng. Tay áo thun dài đến tận cổ tay và tay phải hắn để trong túi quần. Zizi khoác tay Sarah đến giới thiệu với hắn.

“Đây là Sarah Bancroft, quản lý mới của phòng mỹ thuật của tôi. Sarah, đây là Alain al-Nasser. Alain điều hành một công ty chuyên về quản lý vốn đầu tư mạo hiểm cho chúng ta ở Montreal”. “Rất vui được gặp cô, Sarah”.

Tiếng Anh lưu loát, giọng người nước ngoài. Tay vẫn để trong túi quần, hắn quay sang phía người phụ nữ.

“Đây là vợ tôi, Sophie”.

“Chào buổi tối, Sarah”. Sophie chào bằng tiếng Pháp.

Người phụ nữ bắt tay Sarah. Sarah định bắt tay Alain, nhưng hắn nhanh chóng nhìn đi chỗ khác và ôm choàng lấy Wazir bin Talal. Sarah đi vào biệt thự rộng và thoáng mát với mặt bên là hàng hiên rộng lộ thiên. Có một hồ bơi màu ngọc lam, và phía xa xa là biển đen kịt. Bàn thức ăn và thức uống đã được dọn sẵn. Sarah thất vọng khi chẳng thấy chai rượu nào và đành phải hài lòng với một ly nước ép đu đủ thay vì rượu vang.

Cô mang ly nước ép ra sân và ngồi xuống. Mấy chiếc lồng đèn treo trên cao đang xoay xoay trong gió. Tóc Sarah bay lòa xòa. Cô vén những lọn tóc nổi loạn ra phía sau vành tai và quay nhìn vào biệt thự. Alain al-Nasser đã bỏ cô vợ Sophie của hắn cho Jean-Michel chuyện trò và giờ đang trò chuyện thân mật với Zizi, Daoud Hamza và bin Talal. Sarah hớp một ngụm nước đu đủ ép, miệng cô ram ráp, trống ngực đập thình thịch.

“Chị có thấy hắn đẹp trai không?”

Cô nhìn lên, giật mình, Nadia đã đứng bên cạnh từ lúc nào.

“Ai cơ?”

“Alain”.

“Em đang nói về chuyện gì vậy?”

“Em thấy cách chị nhìn hắn, Sarah à”.

Ngĩ ra điều gì đó đi Sarah.

“Chị nhìn Jean-Michel đấy chứ”.

“Đừng nói với em rằng chị chú ý đến Alain nhé”.

“Thật là không hay khi lẫn lộn tình cảm với công việc”.

“Nhưng hắn cũng đẹp trai mà”.

“Rất đẹp”, Sarah nói, “Nhưng đó cũng là một rắc rối”.

“Tất cả bọn họ đều thế”.

“Em biết rõ về Alain không?”

“Không rõ lắm. Hắn mới làm việc cho cha em khoảng ba năm”.

“Chị đoán hắn không phải là người Ả-rập Xêút?”

“Người Ả-rập Xêút không ai có cái tên Alain đâu. Hắn là người Libăng, và lớn lên ở Pháp, em nghĩ thế”.

“Giờ hắn sống ở Montreal phải không?”

“Em không nghĩ thế”. Nadia tối sầm mặt. “Đừng nên đặt quá nhiều câu hỏi về công việc làm ăn của cha em - hoặc là về những người làm ăn với ông ấy. Cha em không thích điều đó đâu”.

Nadia đi ra ngồi xuống cạnh Rahimah. Sarah quay nhìn ra biển, nhìn những ngọn đèn chiếu sáng trên con tàu chạy ngang qua.

Chúng tôi biết hắn đang lẫn trốn trong đế quốc của tên trùm Zizi. Hắn ta có thể là Giám đốc ngân hàng đầu tư hoặc Giám đốc quản lý danh mục vốn đầu tư. Hắn cũng có thể là một nhà phát triển bất động sản hay chuyên viên ngành dược...

Hoặc là một người quản lý vốn đầu tư mạo hiểm tên là Alain al-Nasser. *Alain là người Libăng nhưng lớn lên ở Pháp, em nghĩ thế.* Alain với khuôn mặt tròn chăng phù hợp với thân hình nhưng nhang nhác một người cô từng nhìn thấy ở một ngôi nhà vùng quê Surrey. Alain, vừa vào phòng trong để họp kín với Chủ tịch và Giám đốc điều hành của Jihad. Alain không muốn bắt tay Sarah. Có phải chỉ vì hắn ta sợ bị ô uế bởi phụ nữ không theo đạo Hồi chăng? Hay bởi vì tay hắn đã teo lại, kết quả của vết thương do mảnh đạn văng trúng ở Afghanistan?

“Trong tình huống như thế này, Sarah à, tốt nhất là nên đơn giản hóa mọi thứ. Chúng ta sẽ làm theo cách cổ điển nhé. Dùng mã vùng điện thoại. Dùng những tín hiệu thể chất”.

“Những tín hiệu thể chất?”

“Chẳng hạn đeo đồng hồ tay trái hay tay phải. Cổ áo khoác bẻ dựng đứng lên hay bẻ xuống. Giỏ xách để bên hông trái hay bên hông phải”.

“Ờ báo gấp làm tư đặt dưới bàn tay chăng?”

“Cô sẽ thấy ngạc nhiên đấy. Tôi đã từng luôn rẽ tóc ngôi giữa”.

“Tóc à?”

“Cô thường để kiểu tóc gì hả Sarah?”

“Thường xõa tóc thôi”.

“Cô có đôi gò má đẹp. Một cái cổ rất duyên dáng. Cô nên nghĩ đến việc thỉnh thoảng bới tóc lên. Như Marguerite ấy”.

“Kiểu ấy quá lỗi thời rồi”.

“Có những thứ không bao giờ lỗi thời hết. Vấn tóc lên đi nào”.

Cô tìm trong giỏ xách tay lấy ra một cái kẹp tóc mà Chiara đưa cô vào ngày cuối cùng ở phòng triển lãm tranh và làm theo lời Gabriel.

“Cô trông rất xinh đẹp khi vấn tóc cao như thế. Đây là dấu hiệu của chúng ta nếu cô thấy người đàn ông mà cho rằng hắn là bin Shafiq”.

“Rồi sau đó thì sao?”

“Để đó chúng tôi lo, Sarah à”.

Chương 25

Gustavia, Saint-Barthelemy

êm đó, lần đầu tiên kể từ khi lên chiếc du thuyền Alexandra, Sarah không ngủ. Cô nằm trên chiếc giường rộng thênh thang, cố ép mình nằm bất động để bin Talal, nếu có đang quan sát cô qua máy camera giấu đâu đó trong phòng, hẳn sẽ không nghi ngờ việc cô trần trọc cả đêm. Trước 6 giờ, ánh trời bắt đầu sáng dần, một vệt đỏ từ từ loang rộng ở phía đường chân trời. Sarah chờ thêm nửa tiếng rồi gọi cà phê. Khi cà phê được đưa đến, đầu cô chợt nhức như búa bổ.

Sarah bước ra boong tàu và đứng dựa vào lan can, ngắm ánh sáng tràn ngập cảng biển, cô lại miên man nghĩ về tên Alain al-Nasser ở Montreal. Họ ở lại biệt thự của hắn hơn một tiếng đồng hồ rồi chạy về Gusvia để ăn tối. Zizi đã đặt chỗ ở nhà hàng La Vela ở rìa cảng biển, Alain al-Nasser không đi với họ. Thật ra không một ai đề cập đến tên hắn trong suốt buổi tối, ít nhất là trong tầm nghe ngóng của Sarah. Một người đàn ông có vẻ như là Eli Levon đi dạo ngang qua nhà hàng khi họ đang ăn tráng miệng. Sarah cúi xuống lấy khăn ăn lau miệng, khi cô ngẩng đầu lên thì người đàn ông đã bốc hơi.

Bỗng nhiên cô muốn vận động cơ thể. Cô quyết định đến phòng tập thể dục trước khi Zizi đến chiếm nó. Cô mặc quần soóc áo ống, giày chạy bộ và đi vào phòng tắm đứng trước gương cột tóc lại. Khi cô đến, phòng tập thể dục đang chìm trong im lặng. Cô đã hi vọng rằng sẽ chẳng có ai đến vào giờ này nhưng vẫn thấy Jean-Michel đang gập người trên máy tập cơ tay. Cô lạnh lùng chào hắn và bước lên máy chạy bộ.

“Tôi sắp lên đảo để tập chạy thật thay vì luyện với máy. Cô muốn đi cùng không?”

“Còn bài luyện tập của Zizi thì sao?”

“Ông ấy bị đau lưng”.

“Có vẻ như anh không tin lời ông ấy lắm”.

“Ông ấy luôn bảo mình bị đau lưng mỗi khi muốn nghỉ tập”. Hắn hoàn thành phần tập của mình và chùi cánh tay ướt đẫm mồ hôi vào khăn. “Chúng ta nên đi trước khi xe cộ trở nên đông đúc”. Họ xuống một chiếc thuyền nhỏ và lái vào phía trong cảng. Trời lặng gió, mặt biển vẫn còn tĩnh lặng. Jean-Michel cột dây thuyền vào một bến tàu công cộng, gần một tiệm cà phê vắng khách vừa mới mở cửa. Họ chạy bộ trên bến cảng, rồi qua những con đường vắng lặng trong thị trấn cũ kĩ. Jean-Michel chuyển động đều đặn không biết mệt mỏi bên cạnh cô. Khi họ bắt đầu chạy lên dốc đồi, Sarah đã bị bỏ lại phía sau. Một chiếc mô tô scooter chạy vượt lên phía trước cô, một cô gái đội mũ bảo hiểm mặc quần jeans bó cầm lái. Cô cố gắng rướn mình để rút ngắn khoảng cách với Jean-Michel. Ở đỉnh dốc, cô ngừng chạy để thở trong khi Jean-Michel vẫn chạy bộ tại chỗ một cách chậm rãi.

“Sao vậy?”

“Tôi lên gần 5kg trong chuyến đi này với các anh”.

“Cũng gần kết thúc rồi”.

“Chúng ta sẽ lại đây thêm bao lâu?”

“Hai ngày nữa ở Saint-Bar”. Hấn nhếch môi theo đúng phong cách Pháp. “Có thể là ba ngày cũng nên. Zizi muốn rời khỏi đảo lắm rồi. Tôi có thể thấy điều đó”.

Ngay lúc đó chuyến bay đầu tiên trong ngày lướt qua đầu họ rồi lao xuống bên kia sườn đồi về phía đường băng. Jean-Michel bắt đầu chạy xuống đồi theo con đường đó. Họ chạy ngang sân bay và khu mua sắm trung tâm, rồi ôm cua chạy đến làng Saint-Jean. Chiếc xe đầu tiên xuất hiện, họ đã phải hai lần nhảy lên trên phần lề đường đầy cát để tránh xe tải. Jean-Michel dẫn cô qua một bức tường bằng đá ở cuối con đường và đi xuống lối nhỏ đầy cát dẫn ra bãi biển.

“Chúng ta chạy bộ ở đây thì tốt hơn. Tôi sẽ chạy tốc độ ở cự li ngắn. Cô có nghĩ cô chạy theo tôi nổi không Sarah?”

“Điều gì làm anh nghĩ tôi không đuổi kịp anh hả?”

Hấn sai bước dài hơn. Sarah cố gắng bắt nhịp với hấn.

“Cuộc đua sắp bắt đầu. Cô sẵn sàng chưa?”

“Tôi nghĩ cuộc đua đã xong rồi đấy chứ”.

Jean-Michel phóng mình về phía trước. Sarah, kiệt sức vì cả đêm không ngủ, bước chầm chậm, thích thú với việc lần đầu tiên không có ai theo sát kể từ khi gia nhập ‘trại lính’ của Zizi. Nhưng khoảnh khắc đó cũng kéo dài không lâu. Chỉ hai phút sau Jean-Michel chạy nước rút trở lại chỗ cô với đôi tay đánh mạnh và liên tục. Sarah tiếp tục chạy. Jean-Michel giảm tốc độ khi cô tới nơi.

“Tôi sắp chết đói rồi. Chúng ta đi ăn sáng nhé?”. Cô đề nghị.

“Trước hết phải kết thúc cuộc chạy cái đã. Ta sẽ ăn sáng ở tiệm cà phê kế bên chỗ neo thuyền”. Họ mất 20 phút để chạy quãng đường còn lại đến cảng. Quán cà phê đông khách hơn so với lúc họ mới lên bờ sáng sớm nay, nhưng Jean-Michel vẫn tìm thấy một bàn ngoài trời dưới bóng râm và ngồi xuống. Sarah nhìn sơ qua thực đơn rồi lướt mắt sang tiệm quần áo nam bên kia đường. Cửa hàng treo đầy các mẫu áo sơ mi Pháp may bằng tay và loại vải cô-tông trông có vẻ khá đắt tiền. Sarah gập tờ thực đơn lại và nhìn Jean-Michel.

“Tôi nên mua một món quà cho Zizi để cảm ơn ông ấy về khoảng thời gian vừa qua”.

“Zizi chẳng cần quà. Ông ấy đã có tất cả mọi thứ trên đời”.

“Tôi vẫn nghĩ mình phải tặng Zizi một món quà. Ông rất rộng lượng với tôi”.

“Rõ rồi”.

Sarah chạm vào tay Jean-Michel và chỉ sang cửa hàng nhỏ bán quần áo sang trọng bên kia đường.

“Zizi chẳng cần sơ mi”. Hấn nói.

“Những chiếc áo sơ mi đó trông cũng đẹp mà”.

Jean-Michel gật đầu. “Chúng là hàng Pháp đấy”.

“Cho tôi mượn thẻ tín dụng của anh đi”.

“Đây là thẻ của Tập đoàn AAB”.

“Tôi sẽ trả lại tiền cho anh sau”.

Jean-Michel rút thẻ tín dụng ra khỏi túi quần soóc của mình. “Không cần phải trả lại số tiền đó đâu. Tin tôi đi Sarah, cô không phải là người đầu tiên mua quà cho Zizi bằng tiền của ông ấy”.

“Zizi mặc size mấy vậy?”

“Cổ 6.5 inch¹, ống tay áo 33 inch”.

“Anh biết rõ nhỉ?”

“Tôi là huấn luyện viên riêng của ông ấy mà”.

Sarah nói cho Jean-Michel phần gọi món của mình gồm món tartin, trứng chiên và sữa rồi đi sang tiệm quần áo. Cô đứng ở ngoài một khắc, nhìn ngắm những chiếc áo sơ mi trong tiệm rồi đẩy cửa bước vào. Một cô gái xinh đẹp tóc vàng cắt ngắn chào Sarah bằng tiếng Pháp. Sarah chọn hai cái áo sơ mi, một cái màu xanh dương đậm, một cái màu vàng nhạt và đưa cho người bán hàng số đo của Zizi. Cô gái biến mất sau cánh cửa trong và một lúc sau quay trở lại với hai chiếc áo.

“Chị có hộp đựng quà không?”

“Dạ có chứ, thưa quý cô”.

Cô bán hàng lấy một cái hộp từ dưới quầy tính tiền, cẩn thận gói hai chiếc áo vào giấy lụa và đặt vào trong hộp.

“Chị có thiệp không? Loại nào có phong bì luôn ấy”.

Cô gái lại mò tay phía dưới quầy tính tiền lấy ra một cái thiệp và đưa cho Sarah cây viết luôn thể.

“Quý cô chi trả thể nào đây ạ?”

Sarah đưa cô gái thẻ tín dụng. Trong khi cô gái tính tiền, Sarah dựa vào quầy và viết mấy chữ “Alain al-Nasser - Montreal”. Rồi cô để thiệp vào bì thư, liếm phần vành có sẵn keo và dán lại cẩn thận. Cô gái đặt hóa đơn trước mặt Sarah. Cô kí tên và trả lại cô gái cây viết cùng phong bì thiệp.

“Tôi không hiểu, thưa quý cô”.

“Sáng nay sẽ có một người bạn của tôi đến đây xem tôi có bỏ quên thứ gì không”. Sarah nói.

“Xin hãy đưa cho bạn tôi phong bì này. Nếu cô làm được, cô sẽ được trả công hậu hĩnh. Sự kín tiếng của cô rất quan trọng. Cô hiểu ý tôi không?”

“Vâng, thưa quý cô”. Cô gái mỉm cười với Sarah một cách bí hiểm, rồi nhìn về phía Jean-Michel đang ngồi trong quán cà phê. “Bí mật của quý cô sẽ được bảo đảm an toàn”.

Cô gái bỏ hộp quà vào túi giấy rồi đưa cho Sarah. Sarah nháy mắt với cô gái rồi bước ra khỏi tiệm ở về quán cà phê. Bữa ăn sáng đã bày sẵn trước mặt khi cô ngồi xuống.

“Có vấn đề gì không?”. Jean-Michel hỏi.

Sarah lắc đầu và đưa trả hân thẻ tín dụng. “Không, chẳng có vấn đề gì cả”.

Ba mươi phút sau Sarah và Jean-Michel lên tàu trở về Alexandra. Gabriel chờ thêm 15 phút nữa rồi bước vào tiệm quần áo. Anh nhận tấm thiệp từ tay cô bán hàng và đưa cô 100 euro cho việc giữ bí mật. Năm phút sau anh đã ngồi trên chiếc Zodiac quay về chiếc du thuyền đang thả neo của mình.

Alexandra đang nằm im lìm trước mặt anh, gần như là chiếc tàu lớn nhất trong cảng và là chiếc du thuyền lớn thứ hai chỉ sau chiếc tàu thủy vừa ghé vào cảng qua đêm. Gabriel thẳng tiến về chiếc Sun Dancer đang thả neo cách đó vài trăm mét, gần hai khối đá đứng gác ngay lối vào cảng biển. Anh cột chiếc Zodiac vào đuôi chiếc du thuyền và đi vào phòng chính đã được trưng dụng thành trung tâm điều hành và chỉ huy di động. Có một chiếc điện thoại vệ tinh tình báo và một chiếc máy vi tính kết nối với đại lộ King Saul. Hai tá điện thoại di động, vài chiếc bộ đàm đang sạc pin và một chiếc máy quay phim trang bị ống kính chụp từ xa đang theo dõi con tàu Alexandra.

Gabriel đứng trước bàn điều khiển và thấy Sarah bước ra khỏi khoang riêng. Yaakov đang điện đàm với Tel Aviv. Khi Yaakov gác máy, Gabriel chìa ra tấm thiệp. *Alain al-Nasser - Montreal*. “Cố gắng của chúng ta đấy”. Yaakov nói. “Ngồi xuống đi, Gabriel. Đại lộ King Saul đã có một buổi sáng khá bận rộn”.

Gabriel tự rót cho mình một tách cà phê và ngồi xuống.

“Sáng nay tôi đã đột nhập vào hệ thống đặt chỗ của công ty cho thuê biệt thự. ả Nơi Sarah đến đêm qua là do công ty Xây dựng Meridian Montrea thuê.

“Công ty Xây dựng Meridian nằm hoàn toàn dưới quyền kiểm soát của Tập đoàn AAB”. Lavon thêm vào.

“Thông tin đặt chỗ có cho biết ai sẽ ở đó không?”. Gabriel hỏi.

Yaakov gật đầu. “Một phụ nữ tên là Katrine Devereaux thuộc Tổng hành dinh của Meridian đặt chỗ. Cô ả trả trước mọi chi phí và yêu cầu công ty cho thuê biệt thự phải mở cửa sẵn để đón hân ta”.

“Hân đến khi nào?”

“Được ba ngày rồi, theo như thông tin ghi nhận”.

“Hân sẽ ở lại bao lâu?”

“Thêm bốn ngày nữa”.

“Còn xe hơi hân sử dụng?”

“Có một chiếc Cabriolet hiện đang đậu trong nhà. Miếng nhãn phía sau xe ghi ‘xe cho thuê ở đảo’. Dịch vụ thuê xe này không có hệ thống đặt chỗ bằng máy vi tính. Mọi thứ đều trên giấy tờ hết. Nếu muốn biết chi tiết hơn thì ta phải đột nhập vào đó theo kiểu truyền thống thôi”.

Gabriel nhìn Mordecai. “Văn phòng cho thuê xe nằm ở sân bay”. Mordecai nói. “Đó chỉ là một gian phòng nhỏ dùng cửa trượt bằng nhôm làm cửa sổ và lối đi cho nhân viên ra vào. Chúng ta có thể đột nhập vào đó trong tích tắc. Vấn đề là sân bay có bố trí cảnh vệ vào ban đêm. Chúng ta có thể làm lộ hoạt động của mình chỉ vì muốn biết tên và số thẻ tín dụng hân sử dụng để thuê xe”.

“Quá mạo hiểm”, Gabriel nói. “Có gì trên điện thoại không?”

Mordecai đặt máy phát tín hiệu trong hộp đựng mỗi nối hai mạch điện đêm hôm trước. “Có một cuộc gọi sáng nay. Một ả nào đó gọi cho tiệm uốn tóc ở Saint-Jean hẹn trưa nay sẽ đến đó”.

“Cô ta tự xưng tên gì?”

“Bà al-Nasser”. Mordecai trả lời. “Có một vấn đề nhỏ với cái dây mắc vào điện thoại để nghe lén. Giờ ta đang ở ngoài rìa phạm vi thu sóng, vì thế tín hiệu rất yếu và hay nhiễu sóng. Nếu bin-Shafiq nhắc điện thoại lên vào lúc này thì chúng ta không thể nhận diện được giọng nói của hân vì sự nhiễu tĩnh điện trên đường dây. Ta cần một cột thu sóng”.

Gabriel nhìn Yaakov. “Nếu cho tàu của mình đến gần hơn thì sao?”

“Vùng nước ở đó quá sâu để thả neo. Nếu cố gắng di chuyển tàu để theo dõi căn biệt thự, thì coi như mình tự lộ ra cho chúng chú ý. Chúng ta cũng có thể đi bộ đến cửa trước biệt thự của al-Nasser và tự giới thiệu về mình”.

“Cũng không phải là một ý kiến tệ đâu”. Mikhail nói khi anh bước vào phòng. “Tôi tình nguyện”.

“Chúng ta cần một cột thu tín hiệu”. Yaakov nói.

“Thế thì làm một cái”. Gabriel lại đưa thiệp ra. “Còn danh tính này thì sao? Anh có nhận ra nó không?”

“Không phải là bí danh mà ta biết”. Yaakov nói. “Tôi sẽ nhờ đại lộ King Saul kiểm tra trên các

máy vi tính, xem họ có tìm ra được gì không”.

“Bây giờ làm gì?”. Mikhail hỏi.

“Chúng ta sẽ theo dõi hắn cả ngày”. Gabriel nói. “Ta sẽ chụp hình hắn và ghi lại giọng nói. Nếu có thể, ta sẽ gửi thông tin cho đại lộ King Saul phân tích”.

“Đây chỉ là một cái đảo nhỏ thôi”, Lavon nói với giọng cảnh giác. “Lực lượng của chúng ta ở đây lại ít”.

“Đó cũng là một lợi thế của mình. Ở một nơi như thế này, không có gì bất thường khi đi ra đi vào và thấy cùng một người hàng ngày”.

“Đúng”. Lavon đồng tình. “Nhưng bọn tay chân ngu dốt của tên bin Shafiq sẽ bất an nếu thấy quá nhiều gương mặt quen thuộc”.

“Và nếu đại lộ King Saul cho ta biết Alain al-Nasser chính là Ahmed bin Shafiq thì sao?”.

Mikhail hỏi. “Lúc đó chúng ta xử trí ra sao?”

Gabriel nhìn Sarah qua màn hình trên bàn điều khiển. “Tôi sẽ quay trở về Gustavia”, anh nói, vẫn nhìn vào màn hình. “Chúng ta cần một cột thu tín hiệu”.

Năm phút sau, Gabriel đến chi nhánh cho thuê biệt thự Sibarth. Ra đón anh là một phụ nữ người Anh chính gốc, có mái tóc nâu vàng như vệt nắng và cặp mắt xanh lơ. Gabriel đóng vai Heinrich Kiever, một người Đức ‘lỡ yêu’ hòn đảo thiên đường này và mong ước được ở lại lâu hơn. Người phụ nữ Anh mỉm cười - cô đã nghe rất nhiều câu chuyện như thế và bắt đầu in ra cả danh sách những chỗ còn trống để cho thuê. Gabriel nhìn qua bản danh sách và cau mày. “Tôi đã hi vọng là còn chỗ ở khu này”. Anh gõ vào tấm bản đồ đang trải ra trên bàn. “Chỗ này, phía bắc của hòn đảo”.

“Point Milou à? Vâng, chỗ đó rất hay, nhưng tôi e rằng không có biệt thự trống vào thời điểm này thưa ông. Nhưng chúng ta có chỗ ở đây. Kế bên Point Milou, là Point Mangin”. Cô ta gõ gõ vào điểm kế bên.

“Có thể nhìn thấy Point Milou từ căn biệt thự ở Point Mangin không?”

“Vâng, khá rõ. Ông có muốn xem hình ảnh của nơi đó không?”

“Vâng, phiền cô”.

Người phụ nữ đưa ra một tập sách thông tin và mở đúng trang cần xem. “Căn biệt thự có 4 phòng ngủ, thưa ông Herr Kiever. Ông có cần căn nhà lớn cỡ này không?”

“Thật ra chúng tôi có thể có thêm bạn đến viếng thăm”.

“Vậy tôi nghĩ căn biệt thự này hợp với ý định của ông rồi. Hơi đắt tiền, 12,000 euro một tuần, và điều kiện là ông phải mướn ít nhất hai tuần”.

Gabriel nhún vai như thể muốn nói tiền đối với anh không phải là vấn đề.

“Không được mang theo trẻ con và tuyệt đối không có thú nuôi. Ông không nuôi chó đúng không ạ?”

“Thề có Chúa, không bao giờ nuôi chó”.

“Xin ông vui lòng đặt cọc, tổng cộng số tiền bây giờ là 2,600 euro và dĩ nhiên là có thể trả trước luôn”.

“Khi nào thì chúng tôi nhận nhà được?”

Cô ta nhìn đồng hồ đeo tay. “Giờ là 10 giờ 15 phút. Nếu ta nhanh chóng làm xong mọi thủ tục thì ông và vợ có thể nhận nhà chậm nhất là 11 giờ 30 phút”.

Gabriel mỉm cười và đưa thẻ tín dụng cho cô nhân viên.

Người phụ nữ Anh đó không biết rằng Gabriel và Gina chuyển vào biệt thự được mười lăm

phút thì các vị khách đầu tiên bắt đầu lục tục đến, nhưng thực chất họ đã ổn định trong nhà từ lúc nào rồi. Đồ đạc của họ cũng khá giống những du khách khác trên đảo. Mordecai đem theo cái máy thu kích hoạt giọng nói và một máy ảnh Nikon trang bị ống kính dài. Mikhail đến với một túi điện thoại di động, radio, và bốn khẩu súng ngắn. Một giờ sau, lần đầu tiên họ được quan sát con mồi của mình khi hấn chường mặt trên ban công trong chiếc quần soóc trắng và áo sơ-mi tay dài. Mordecai chụp vài bức hình của hấn. Năm phút sau, al-Nasser bơi một chút và cởi trần leo lên bờ, Mordecai chụp thêm vài bức nữa. Gabriel kiểm tra lại hình ảnh trên máy vi tính, nhưng anh cho rằng những bức ảnh này không đáng để gửi đến cho Đại lộ King Saul phân tích.

Lúc 1 giờ trưa, máy thu tín hiệu kích hoạt giọng nói chuyển từ đỏ sang xanh. Một giọng nói phát ra từ đường dây, tiếp theo là giọng của ai đó trong nhà đang quay số. Sau hai tiếng chuông reng, người nữ tiếp tân ở nhà hàng La Gloriette nhắc máy. Gabriel nhắm mắt lại thất vọng khi giọng nói kế tiếp là ‘phu nhân’ al-Nasser đặt chỗ cho bữa trưa lúc 2h. Anh nhanh chóng xem xét việc bố trí một đội trinh thám trong nhà hàng nhưng xua ngay ý nghĩ ấy sau khi nghe được mô tả về phòng ăn tù túng bên cạnh bờ biển. Tuy nhiên Mordecai vẫn cứ chụp al-Nasser thêm hai tấm nữa, một tấm là lúc hấn ra khỏi xe trong bãi đậu xe và tấm thứ hai là khi hấn nhấp rượu trong bàn ăn. Trong cả hai hình hấn đều mang kính đen và mặc áo sơ mi dài tay. Gabriel gửi hình cho đại lộ King Saul. Một giờ sau, khi al-Nasser và vợ rời nhà hàng, đại lộ King Saul trả lời trên đường dây tình báo rằng kết quả không thể xác định được.

Lúc 3 giờ rưỡi, chúng rời nhà hàng La Gloriette và chạy về làng Saint-Jean, tới đó al-Nasser để vợ hấn xuống tiệm uốn tóc. Từ đây hấn chạy thẳng đến Gustavia và lúc 3 giờ 50 phút hấn lên xuồng để ra chiếc du thuyền Alexandra. Yossi thu lại hình ảnh hấn lên thuyền, cùng với cái ôm thăm thiết hấn nhận được từ Zizi al-Bakari. Sau đó chúng đi lên văn phòng phía trên để họp kín. Sarah không có mặt trên tàu để thấy al-Nasser đến, vì thời điểm đó cô và phần lớn bọn tay chân của Zizi đang lặn có ống thở ở vùng Ile Fourche, một khu đảo nhỏ hoang vắng cách Saint-Bart khoảng một dặm.

Cuộc gặp kéo dài chừng một tiếng. Yossi ghi hình al-Nasser lúc hấn rời văn phòng Zizi và cả biểu hiện quyết tâm trên mặt hấn lúc xuống xuồng quay trở lại Gustavia. Mikhail bám theo hấn về tới làng Saint-Jean lúc 6 giờ tối, al-Nasser đón vợ từ tiệm uốn tóc. Lúc 6 giờ rưỡi hấn lại lao vào cử bơi chiều một lần nữa. Mikhail ngồi ủ rũ bên Gabriel trong căn biệt thự ở phía bên kia vịnh.

“Chúng ta chơi trò đuổi bắt với hấn cả ngày”, Mikhail nói, “mà chúng ta đạt được gì? Mấy tấm hình vô dụng. Alain al-Nasser rõ ràng chính là bin Shafiq rồi. Chúng ta bắt hấn đi và kết thúc vụ việc cho gọn”.

Gabriel nhìn Mikhail bằng con mắt của một kẻ dạn dày kinh nghiệm. “Một ngày nào đó khi cậu già hơn và khôn hơn một chút, tôi sẽ kể cho cậu nghe về cái đêm một nhóm tình báo nghĩ rằng giải thưởng cho việc bắt được bọn tội phạm đã nằm trong tay. Nhưng không ngờ họ lại giết lầm một anh bồi bàn vô tội”.

“Tôi biết câu chuyện đó rồi Gabriel. Chuyện xảy ra ở Lillehammer. Phòng tình báo vẫn gọi chuyện đó là Leyl-ha-Mar, tức là ‘đêm của sự cay đắng’, nhưng nó xảy ra cũng lâu rồi mà”.

“Đó vẫn là sai lầm ngớ ngẩn nhất trong lịch sử của Văn phòng. Họ giết nhầm người và bị bắt vì chuyện đó. Họ phá hết các quy tắc. Họ hành động hấp tấp và họ để cảm xúc lấn át lí trí. Chúng ta đã đi quá xa nên không thể có thêm một ‘đêm của sự cay đắng’ nào nữa. Thứ nhất, ta phải có

bằng chứng - bằng chứng không thể bác bỏ được - rằng Alain al-Nasser là Ahmed bin Shafiq. Chỉ khi đó chúng ta mới bắt đầu nói đến chuyện thủ tiêu hắn. Và chúng ta chỉ bóp cò súng sau khi đã đưa Sarah trở về và cả đội biến khỏi hòn đảo này một cách an toàn”.

“Làm thế nào ta tìm được chứng cứ?”

“Mấy tấm hình chưa đủ nên ta cần thêm giọng nói của hắn nữa”. Gabriel trả lời.

“Hắn không nói gì cả”.

“Tất cả mọi người đều phải nói chuyện chứ. Chúng ta phải làm cho hắn nói chuyện trong khi theo dõi hắn”.

Ngay lúc đó đèn của máy thu âm điện thoại chuyển sang màu xanh và tiếng quay số vang rền. Cuộc gọi của phu nhân al-Nasser chỉ dài có ba mươi giây. Gabriel nghe lại cuộc thoại chỉ để chắc rằng anh đã ghi chú đúng các chi tiết.

“Nhà hàng Le Poivre xin nghe”.

“Chúng tôi muốn đặt bàn cho hai người lúc 9 giờ”.

“Chúng tôi đã có người đặt bàn vào giờ đó rồi thưa bà. Chúng tôi có thể sắp xếp cho quý khách vào 8 giờ hoặc 8 giờ 30 phút”.

“8h thì quá sớm. Thôi vậy chúng tôi đặt bàn 9 giờ 30 phút”.

“Xin bà cho biết quý danh ạ”.

“Al-Nasser”.

Gabriel nhấn nút ‘ngừng’ và nhìn Mikhail - *Kiên nhấn đi cậu trai. Phần thưởng chỉ đến với những người biết bền chí.*

Nhà hàng Le Poivre là một trong những viên ngọc chưa được khám phá của hòn đảo này. Nó nằm ở rìa của một trung tâm mua sắm nhỏ nhắn ở Saint-Jean, ngay giao lộ giữa con đường chính dọc bờ biển và một con đường hẹp dẫn lên cao, nơi có thể nhìn thấy cả bãi biển. Nhà hàng không có quang cảnh mở với bãi đậu xe chen chúc và không khí chật hẹp bên trong. Phòng ăn chỉ cỡ một cái sân nhỏ trung bình ở vùng ngoại ô. Phục vụ cũng rất bình thường, nhưng thức ăn - khi cuối cùng nó cũng được bung ra - thì tuyệt nhất trên đảo. Cũng nhờ vị trí tầm thường của mình mà nhà hàng Le Poivre được nhiều người nổi tiếng ưa ghé qua. Vì họ luôn có cảm giác bị quấy nhiễu bởi báo chí và công chúng, nên việc hiếm khi bị bắt gặp ở nhà hàng này khiến họ cảm thấy thoải mái. Hơn thế, nơi này cũng chưa bao giờ xảy ra những chuyện bất bình thường. Đó là lí do tại sao đến ngày hôm nay, người ta vẫn luôn nhắc về rắc rối bất ngờ đã xảy ra với ông bà al-Nasser.

Nhân viên ở nhà hàng nhớ rõ câu chuyện này, cũng như người dân địa phương đang uống rượu cạnh quầy bar vào lúc đó. Vào buổi chiều, trong khoảng thời gian bận rộn giữa buổi ăn trưa và buổi ăn tối, nhân viên thường đếm lại số ly rượu nho hoa hồng, số tách cà phê espresso hoặc số điếu thuốc lá đã bán ra. Bà Al-Nasser đặt bàn lúc 9 giờ 30 phút, nhưng *họ* lại đến sớm hơn. Odette, cô chủ nhà hàng trực vào tối hôm đó, nhớ rằng chuyện xảy ra lúc 9 giờ 15 phút nhưng Étienne, người pha chế rượu, sẵn sàng nói một cách chắc chắn rằng lúc đó là 9 giờ 20 phút. Vẫn chưa có bàn trống vào thời điểm đó, vì thế *họ* phải ngồi đợi trên quầy bar. Dĩ nhiên chính Étienne là người phục vụ rượu rồi. Phu nhân al-Nasser với một ly sâm-panh. Nước ép dứa cho quý ông. “Tôi có thể giúp gì thêm cho ông bà nữa ạ?”. Étienne hỏi nhưng quý ông mỉm cười lịch sự và trả lời bằng giọng chỉ hơn lời thăm thì một chút. “Nước ép trái cây là đủ”.

Sau 9 giờ 30 phút mới có bàn cho *họ*. Thêm một lần nữa có sự tranh cãi về thời gian. Denise, người nữ phục vụ, nhớ lại rằng lúc đó là 9 giờ 40 phút, nhưng Odette, người quản lí phiếu đặt

chỗ và tính giờ, thì thề rằng lúc đó chỉ khoảng 9 giờ 35 phút thôi. Hết rắc rối về chuyện giờ giấc thì lại đến việc ông bà al-Nasser không hài lòng với cái bàn mới của mình. Bà al-Nasser phản nản nó quá gần toa-lét, nhưng có người cho rằng ông al-Nasser không thích cái bàn vì một lí do khác, dù chẳng ai biết được lý do đó là gì?

Gần 10 giờ mới có một cái bàn khác trống chỗ. Cái bàn này lại sát bên một đường ray xe lửa nhìn ra ngoài đường. Ông al-Nasser ngồi ở cái ghế đối diện quầy bar, nhưng Étienne nhớ rằng ánh mắt của ông ấy cứ dán chặt vào dòng xe cộ đang lưu thông trên con đường trên bờ biển. Denise trao cho họ thực đơn bữa ăn tối và nhận phần gọi món của họ. Quý bà gọi một chai rượu vang - theo Denise thì đó là loại Côtes du Rhône, theo Étienne thì đó là loại Bordeaux. Nhưng không có ai tranh cãi về màu rượu hết. Hẳn nhiên là màu đỏ rồi, và cũng dĩ nhiên, phần lớn rượu sẽ văng tung tóe lên bộ quần áo vùng nhiệt đới màu trắng của quý bà.

Chất xúc tác cho những rắc rối đến với nhà hàng Le Poivre vào lúc 10 giờ 15 phút. Một gã với vóc người nhỏ thó và không có đặc điểm gì gây được ấn tượng ngật ngưỡng bước vào nhà hàng. Étienne cho rằng cùng lắm gã ta chỉ cao cỡ 1,65 mét và nặng 70kg thôi. Gã mặc chiếc quần soóc kaki lồi thoi có vẻ như ít khi được giặt, trên người là chiếc áo thun xám rộng quá khổ mà vạt áo trái bị rách, thêm đôi săng-đan khóa dán¹ và chiếc mũ đánh gôn tả tơi. Thật lạ là không ai có thể nhớ lại một cách chính xác khuôn mặt của gã. Étienne nhớ rằng gã đeo cặp mắt kính lồi thoi. Odette mừng tượng ra bộ râu quai nón không được tỉa tốt mà cũng chẳng hợp với diện mạo. Denise chỉ nhớ cách gã bước đi. Dáng khá linh hoạt đấy, theo Denise thì là như vậy. Dáng đi ấy có thể là của một người đàn ông chạy rất nhanh, hoặc là của một người giỏi môn bóng đá.

Đêm đó, không ai trong nhà hàng biết tên gã là gì. Vì vậy sau này người ta gọi gã một cách đơn giản là 'Claude'. Gã từ Gustavia đến Saint-Jean bằng xe mô tô và đã uống Heineken cả buổi tối ở vài quán nào đó trước khi đến Le Poivre. Lúc 10 giờ 15 phút, gã vào nhà hàng tìm bàn để ngồi, hơi thở nồng nặc mùi bia và thuốc lá. Cơ thể gã cũng tỏa ra thứ mùi hỗn hợp ấy. Khi Odette giải thích rằng không còn bàn nào trống cả. "*Và rằng tôi cũng không muốn xếp chỗ cho gã nếu vẫn còn bàn trống*". Odette nói thêm, và kể rằng lúc ấy gã kia lăm bằm rồi hỏi mượn chìa khóa toa-lét. Odette nhả nhận trả lời rằng toa-lét chỉ dành cho khách của nhà hàng. Thế là gã đưa mắt nhìn Étienne và bảo "Heineken". Étienne đặt chai bia lên quầy bar, nhún vai với Odette và đưa chìa khóa cho gã.

Gã ở trong toa-lét bao nhiêu lâu cũng là một trong những vấn đề đáng bàn cãi. Người ta phỏng đoán khoảng độ từ 2 phút đến 5 phút thôi, và giả thuyết đó chính xác đến ngạc nhiên nếu so với những gì gã làm trong đó. Đôi vợ chồng tội nghiệp ngồi ngay ở cái bàn ông bà al-Nasser đã từ chối ngồi sau này mô tả rằng gã 'tè' liên tù tì bất tận. Sau đó là tiếng giật nước nhiều lần và tiếng nước chảy trong bồn cầu ào ào. Cuối cùng gã cũng mở cửa toa-let bước ra, thản nhiên kéo dây quần lên và mỉm cười như vừa trút được gánh nặng khủng khiếp. Gã bắt đầu đi ngược về phía quầy bar, chăm chú nhìn vào chai Heineken trên quầy. Và rồi rắc rối xảy ra.

Denise chỉ vừa mới rót rượu vào ly cho bà al-Nasser thêm một lần nữa. Quý bà nâng ly định uống thì chợt hạ ly xuống vì kinh tởm khi thấy cảnh Claude bước ra khỏi toa-lét với đôi tay vẫn đang còn 'vướng bận' chỗ đũng quần kaki của mình. Bà đặt ly rượu lên bàn, thả tay ra để ngã người về phía trước và kể cho quý ông al-Nasser về cảnh tượng mình vừa mục kích. Khi Claude loạng choạng bước ngang qua, tay gã đụng vào ly rượu trên bàn làm đổ hết rượu vào mình bà al-Nasser.

Những gì xảy ra sau đó được miêu tả rất khác nhau tùy theo ai là người kể lại câu chuyện. Tất cả đều đồng ý là Claude đã tỏ ra cố gắng xin lỗi một cách chân thành, và tất cả đều đồng ý rằng

ông al-Nasser đã chọn cách 'làm lớn chuyện'. Lời lẽ nặng nề được hai bên dành cho nhau và tiếp theo là những lời đe dọa sẽ giải quyết bằng bạo lực. Sự việc lẽ ra đã có thể được giải quyết êm thấm nếu như Claude không đề nghị được trả tiền giết úi cho bộ cánh vấy bẩn quý bà đang khoác trên người. Khi lời đề nghị 'chuộc tội' bị từ chối thẳng thừng, gã với tay lấy cái bóp tiền trong túi quần kaki ra và móc vài đồng euro nhàu nát thả vào mặt quý ông al-Nasser. Denise cố gắng tránh ra chỗ khác ngay khi quý ông al-Nasser tóm cổ Claude kéo ra phía cửa lớn. Quý ông giữ gã ở đó một hồi, sỉ vả lớn tiếng vào mặt gã rồi xô gã xuống mấy bậc tam cấp. Có tiếng vỗ tay lạch bạch từ những người khách trong nhà hàng và cả tiếng xuýt xoa quan tâm đến tình trạng thảm hại của bộ quần áo bà al-Nasser đang mang trên người. Chỉ có Étienne là quan tâm đến bóng người ngã sõng xoài trên lề đường. Anh giúp gã đứng dậy và cẩn thận dõi theo gã đến khi gã nhảy lên chiếc mô tô và lão đảo chạy xuống con đường bờ biển. Đến ngày hôm nay Étienne vẫn nghi ngờ tính xác thực của sự việc xảy ra tối hôm ấy. Là đai đen karate, anh thấy dáng đi của gã say rượu giống dáng đi của một người cũng học võ karate. Nếu gã đàn ông nhỏ thó đeo kính và nón đánh gôn đó đánh trả lại, Étienne nói một cách quả quyết với tất cả kinh nghiệm của người học võ, rằng gã ta có thể bẻ tay quý ông al-Nasser gãy lìa và đem ra dọn thành món ăn tối cùng với rượu Bordeaux cho quý ông.

"Không phải là Bordeaux", Denise sẽ nói với bạn như thế. "Là Côtes du Rhône cơ".

"Côtes du Rhône hay Bordeaux không quan trọng. Tôi sẽ kể cho bạn nghe một điều nữa, là khi gã dê tiện thấp bé ấy phóng xe đi, gã cười toe toét đến tận mang tai. Như thế gã vừa trúng số độc đắc vậy".

Eli Lavon quan sát màn diễn xuất của Gabriel từ bãi đậu xe, và vì thế cũng chính Lavon là người kể lại toàn bộ câu chuyện cho cả đội nghe ở biệt thự của họ tối hôm đó. Gabriel chậm chạp lê từng bước trên sàn nhà lát gạch, vừa chăm sóc vết thương vừa giữ một bịch nước đá nơi khuỷu tay sưng tấy của mình. Tâm trí anh đang tập trung vào cảnh tượng xảy ra cách ngôi biệt thự này nửa vòng trái đất. Ở Tel Aviv, một nhóm chuyên gia về khoa học phân tích nhận dạng giọng nói đang quyết định xem người đàn ông mang tên Alain al-Nasser sẽ sống hay phải chết. Gabriel đã biết câu trả lời. Anh biết ngay từ giây phút con mồi của anh đứng dậy khỏi bàn và tham gia vào cuộc xung đột chết người ấy. Và anh đã thấy chứng cứ chỉ sau vài giây, khi anh thành công trong việc lật ống tay áo phải của con mồi và thấy vết sẹo xấu xí vì đạn bắn trên cẳng tay của hắn. Lúc 11 giờ 30 phút, biệt thự bên kia vịnh tắt đèn. Gabriel bước ra sân thượng. Phía biệt thự bên kia Ahmed bin Shafiq cũng thế. Mikhail có cảm tưởng hai người đàn ông đó đang nhìn nhau chăm chăm qua khoảng tối sẫm giữa hai ngôi biệt thự. Lúc 11 giờ 35 phút điện thoại vệ tinh rung khe khẽ. Yaakov bắt máy, anh lắng nghe trong im lặng rồi gác máy gọi Gabriel...

. 1 inch = 2.54cm

. 1 Loại gồm hai miếng bằng sợi nilông, một nhám một trơn, khi ép lại sẽ dính chặt nhau.

Chương 26

Point Mangin, Saint-Barthélemy

Họ tập trung trong phòng khách thoáng mát của biệt thự, nằm ườn ra trên ghế salon trái nệm và ghế đan bằng liễu gai. Dina pha một bình cà phê trong khi Lavon dán bản đồ hòn đảo lên tường. Gabriel im lặng nhìn tấm bản đồ rất lâu với vẻ mặt buồn rầu. Cuối cùng anh ta cũng lên tiếng phá vỡ sự im lặng, nhưng anh chỉ nói một từ “Zwaiter”, rồi nhìn Lavon. “Anh có nhớ Zwaiter không Eli?”

Lavon nhướng mày nhưng rồi chẳng nói gì. Hẳn nhiên Lavon nhớ Zwaiter. Người đứng đầu tổ chức khủng bố Palestine Tháng Chín Đen ở Italy. Kẻ đầu tiên chết vì cuộc thảm sát ở Munich vào năm 1972. Gabriel gần như có thể thấy lại Zwaiter ngay lúc này, một con người thông minh gầy ốm mặc áo khoác kẻ sọc, băng ngang qua khu Piazza Annibaliano ở Roma với chai rượu quả vả và cuốn ‘Ngàn lẻ một đêm’ trong tay.

“Anh theo dõi Zwaiter bao lâu hả Eli? Hai tuần?”

“Gần ba tuần”.

“Hãy kể với mọi người xem anh biết được gì về Wadal Zwaiter trước khi chúng ta nghĩ đến chuyện giết tên này”.

“Mỗi tối hắn ghé lại cùng một cái chợ nhỏ. Hắn luôn đến quán bar Trieste để gọi vài cuộc điện thoại, và hắn luôn đi vào tòa nhà chung cư qua cửa C. Đèn trong phòng giải lao của hắn được điều khiển tự động nhờ thiết bị cài giờ, và hắn luôn đứng trong bóng tối một lúc, tìm trong túi một đồng mười liar để vận hành thang máy. Đó là nơi anh hành động, đúng không Gabriel? Ngoài thang máy?”

“Xin lỗi, ông có phải là Wadal Zwaiter?”

“Không, đừng!”

“Và sau đó anh bốc hơi”. Lavon tiếp tục. “Hai chiếc xe để tẩu thoát. Một đội bao trọn tuyến đường. Trước khi trời sáng anh đã ở Thụỵ Sĩ. Shamron nói rằng điều đó giống như làm nổ tung cả trận chiến”.

“Chúng ta kiểm soát được mọi chi tiết. Chúng ta chọn thời gian và địa điểm để thi hành án tử hình và lên kế hoạch đến từng chi tiết nhỏ. Chúng ta đã thực hiện mọi thứ theo đúng kế hoạch đêm hôm đó. Nhưng chúng ta không thể làm bất cứ điều gì giống thế trên hòn đảo bé nhỏ này”. Gabriel nhìn vào bản đồ. “Chúng ta có thể hoạt động rất tốt trong thành phố nhưng không phải ở những nơi như thế này”.

“Điều đó có thể đúng”, Dina nói, “nhưng các anh không thể để tên bin Shafiq sống sót”.

“Tại sao không?”

“Vì hắn có mọi nguồn tài chính của một tỉ phú ngay trên đầu ngón tay của mình. Vì hắn có thể bay thẳng đến Najd trong tích tắc và vượt ra khỏi tầm tay chúng ta mãi mãi”.

“Có những cách đúng để thực hiện việc này, và cũng có những cách sai”.

“Đừng sợ khi phải bóp cò súng vì những gì đã xảy ra ở ga xe lửa Lyon, Gabriel à”.

“Chuyện này không liên quan đến Paris. Chúng ta có một mục tiêu chuyên nghiệp. Một mặt trận hẹp. Một lộ trình nguy hiểm để thoát thân. Một biến số khó lường mang tên Sarah Cooft. Tôi có thể tiến tới không?”.

“Nhưng Dina nói đúng”, Yossi nói. “Chúng ta phải hành động ngay bây giờ. Chúng ta có thể sẽ không bao giờ tóm được hắn thêm một lần nữa”.

“Điều răn dạy thứ mười một. *Đừng để bị bắt*. Đó là trách nhiệm đầu tiên của chúng ta. Mọi chuyện khác chỉ là thứ yếu thôi”.

“Anh đã thấy bin Shafiq trên tàu Zizi hôm nay chưa?” Rimona hỏi. “Chúng ta xem lại cuộn băng thu hình nhé? Anh có thấy mặt hắn khi hắn bước ra khỏi phòng họp không? Anh nghĩ chúng đang nói gì với nhau hả Gabriel? Đầu tư chẳng? Hắn cố giết chúng tôi đấy. Hắn phải chết”.

“Chúng ta sẽ làm gì với mụ đàn bà?”. Yossi hỏi.

“Ả đó là tông phạm”, Lavon nói. “Hiển nhiên ả là một phần trong đường dây của hắn. Tại sao chỉ có giọng ả vang lên trong điện thoại? Chẳng lẽ ả không thấy lạ là chồng ả chẳng bao giờ nhắc điện thoại lên sao?”

“Vậy chúng ta có giết ả không?”

“Nếu chúng ta không giết ả, chúng ta sẽ không thể xong việc ở đảo này được”.

Dina đề nghị họ bỏ phiếu cho cả chiến dịch hành động này. Yaakov lắc đầu. “Nếu mọi người không chú ý thì bỏ phiếu cũng chẳng dân chủ”.

Gabriel ngó Lavon. Cả hai nhìn nhau một hồi rồi Lavon nhắm mắt lại và gật đầu.

Đêm đó họ không ngủ. Sáng ra Yossi mượn chiếc Suzuki Vitara thứ hai trong khi Yaakov và Rimona mượn riêng mỗi người một chiếc mô tô Piaggio. Oded và Mordecai đến một tiệm cung cấp vật tư cho tàu bè ở Gustavia để mua hai chiếc thuyền máy động cơ gắn ngoài hiệu Zodiac. Dina dành phần lớn ngày hôm đó cố gắng gọi cho những nhà hàng sang trọng nhất để đặt một bàn cho ba mươi người. Vào lúc 1 giờ 30 phút cô tìm ra Le Tatou, một nhà hàng nằm trên bờ biển rất hợp một lúc bấy giờ ở Saint-Jean, đã được đặt toàn bộ cho một buổi tiệc riêng nên không thể nhận đặt bàn vào tối đêm ấy nữa.

Gabriel lái xe mô tô đến Saint-Jean để tự tìm hiểu khu vực này. Nhà hàng có cấu trúc thông thoáng với những dãy lưa đủ màu sắc buông rủ từ trần nhà và nhạc dance nghe như cả đầu dội ra từ mấy chiếc loa âm lượng lớn. Hơn chục cái bàn đặt trong một cái chòi chóp nhọn bằng gỗ và vài cái khác đặt rải rác dọc theo bờ biển. Có một quầy bar nhỏ, và giống như rất nhiều nhà hàng khác trên hòn đảo này, còn có một tiệm quần áo sang trọng chuyên bán đồ tắm phụ nữ với giá cắt cổ. Đang giờ cao điểm của các nhân viên phục vụ bữa ăn trưa, những cô gái chân trần chỉ mặc áo ngực bikini và váy bãi biển dài đến mắt cá chân lướt từ bàn này sang bàn nọ phục vụ thức ăn nước uống. Một người mẫu mặc đồ tắm thân hình uyển chuyển như một con mèo xuất hiện từ tiệm quần áo và ra dấu với anh. Khi Gabriel không tỏ dấu hiệu gì cho thấy rằng anh đồng thuận, cô gái cau mày và chuyển qua bàn khác có rất nhiều người Mỹ đã khá say đang hú hét phấn khích với sự hiện diện của cô.

Gabriel đến quầy bar, gọi ly rượu vang hoa hồng rồi đi về phía tiệm quần áo với ly rượu trong tay. Phòng thay đồ và toa-lét ở cuối một lối đi hẹp dẫn ra bãi đậu xe. Anh đứng đó một lát, hình dung mọi hành động, tính toán thời gian. Rồi anh nhấp nửa ly rượu và bước ra.

Nơi này thật hoàn hảo, anh nghĩ. Nhưng có một vấn đề: bắt cóc Sarah ra khỏi bàn ăn là bất khả

thì. Bọn vệ sĩ của Zizi đều trang bị vũ khí hạng nặng và tất cả các cựu sĩ quan của đội Cận vệ Quốc gia Arập Xêút chỉ vây quanh một người. Để đưa Sarah đi mà không bút dây động rùng, họ phải đưa cô vào phòng thay đồ vào một thời gian đã được định trước. Muốn thực hiện được điều đó, cần phải báo tin cho cô. Lúc Gabriel nhảy xuống xe, anh gọi điện về tòa biệt thự để hỏi Lavon xem cô có ở trên đảo không.

Nhà hàng ở Saline không nhìn ra biển, chỉ thấy đụn cát và một đầm lầy nước mặn lớn bao quanh bởi những ngọn đồi nhỏ phủ đầy bụi rậm. Sarah ngồi dưới mái hiên, ngón tay cô bọc gọt lấy chân cốc rượu vang hoa hồng có thêm đá. Kế bên cô là Nadia, một phụ nữ Hồi giáo hiện đại, đang thưởng thức ly daiquiri thứ ba, tâm trạng càng lúc càng hưng phấn. Ở bàn đối diện Monique và Jean-Michel đang kín đáo cãi vã với nhau. Người đàn ông Pháp giấu đôi mắt sau cặp kính râm nhưng Sarah vẫn nhận ra hắn đang theo dõi nhất cử nhất động của một đôi nam nữ trẻ vừa mới đến bằng xe gắn máy và hiện đang bước lên bậc tam cấp dẫn tới hàng hiên. Chàng trai cao lêu nghêu, mặc loại quần bơi dài tới đầu gối và áo thun chui đầu bằng vải cotton, chân mang dép lê. Âm sắc Ănglê trong giọng nói cho thấy gã đã từng học ở những trường đại học cổ kính ở Anh, gã hỏi có còn bàn trống không bằng cái giọng kẻ cả. Giọng cô gái cho thấy cô là người ở vùng nào đó thuộc Trung Âu. Chiếc áo bikini cô đang mặc vẫn còn ướt và dán chặt vào bộ ngực rám nắng khêu gợi. Cô hỏi đường đến toilet, giọng đủ lớn để Sarah và tất cả mọi người trong nhà hàng nghe thấy, rồi bình tĩnh đáp lại cái nhìn của Jean-Michel khi cô lướt qua bàn của hắn, tấm choàng eo màu ngọc bích phấp phới để lộ bộ mông căng tròn.

Nadia nốc cạn ly daiquiri, trong khi Monique cau có với Jean-Michel như thể ả cho rằng sự thích thú của hắn đối với cô gái vừa mới đến đã vượt quá giới hạn ‘nghề nghiệp’. Hai phút sau, khi cô gái xuất hiện trở lại, cô hất mái tóc và lắc lư theo điệu nhạc reggae phát ra từ chiếc máy thu âm phía sau quầy bar. *Quy tắc của phòng tình báo*, Sarah nghĩ. *Khi đang hành động ở những nơi công cộng như quán bar hay nhà hàng, đừng ngồi im lìm một chỗ hay ngồi đọc báo. Điều đó càng làm lộ rõ việc bạn đang do thám. Thu hút sự chú ý về phía mình. Ve vãn. Lớn tiếng. Uống rượu nhiều. Cãi nhau càng tốt.* Nhưng luôn có một điều mà Sarah để ý và cô chắc chắn Jean-Michel đã không nhận ra. Rimona không đeo bông tai, điều đó có nghĩa là cô đã để lại một tin nhắn cho Sarah trong toilet.

Sarah dõi theo Rimona. Cô ngồi xuống bên Yossi và đánh anh một cái vì tội không gọi thức uống hộ còn trong khi cô đi toilet. Ở đường chân trời, mây dùn thành một đám to, và gió bất ngờ nổi lên chạy đuổi với những ngọn cỏ trong đầm. “Sắp bão to thì phải”. Jean-Michel nhận xét, nhưng hắn vẫn tiếp tục gọi chai vang thứ ba để xua đi ý nghĩ về cơn bão. Nadia đốt một điếu Virginia Slims, rồi đưa cho Monique hộp thuốc lá. Sarah xoay lưng lại nhìn cơn bão đang ào đến, nhưng thật ra cô đang nghĩ đến cái đồng hồ và tự hỏi mình nên chờ bao nhiêu phút trước khi tìm cách vào toa-lét. Và cả thứ mà cô có thể tìm thấy khi đi toilet nữa.

Năm phút sau khi mây giãn ra, một cơn gió mạnh thốc ngược vào lưng Sarah. Jean-Michel ra hiệu cho cô phục vụ hạ tấm bạt che mưa xuống. Sarah đứng dậy, tóm lấy cái giỏ đựng đồ đạc đi biển của mình và đi về phía cửa sau của nhà hàng.

“Cô đi đâu vậy?”. Jean-Michel hỏi.

“Chúng ta uống đến chai rượu thứ ba rồi. Anh nghĩ tôi đi đâu đây?”

Hắn đứng bật dậy và theo sau cô.

“Cám ơn sự ân cần của anh, nhưng thật sự tôi không dám phiền anh giúp đỡ. Tôi quen với việc

tự làm chuyện này khi tôi còn là một đứa bé cơ”.

Hắn nắm lấy cánh tay Sarah và dẫn cô đến toa-lét. Cửa vẫn mở hé hé. Hắn đẩy cửa vào đưa mắt nhìn quanh rồi bước ra ngoài để cô vào. Sarah chốt cửa cẩn thận rồi ngồi lên bồn cầu, cô gây ra tiếng động đủ lớn để người ở bên ngoài cánh cửa có thể nghe thấy.

Chúng tôi có vài nơi để giấu những thứ cần trao đổi, Gabriel đã nói trước với cô. Những thứ đó thường được dán vào mặt trong của bồn dội nước toa-lét. Giỏ rác cũng thường được trưng dụng, đặc biệt là đối với giỏ rác có nắp đậy. Chúng tôi giấu tin nhắn trong vỏ hộp tampon - băng vệ sinh phụ nữ - bởi vì chúng tôi nhận thấy bọn đàn ông Ả-rập, dù chuyên nghiệp cỡ nào, cũng rất kính tởm, không muốn đụng vào thứ đó.

Sarah nhìn phía dưới lavabo, thấy một thùng rác nhỏ bằng nhôm, cô đạp chân lên cần bẫy dưới để thùng rác để bật nắp thùng lên và thấy một chiếc hộp. Nó bị che khuất một phần bởi đồng giấy nhàu nát. Cô cúi xuống nhặt nó ra. *Đọc tin nhắn nhanh lên Sarah, Gabriel đã từng nói. Hãy tin tưởng mình sẽ nhớ hết mọi chi tiết. Đừng bao giờ, tôi nhấn mạnh là đừng bao giờ, để tin nhắn trong người. Chúng tôi dùng giấy mỏng, nên nếu cô có bật lửa hoặc diêm quẹt thì đốt nó ngay trên bồn rửa mặt để phi tang. Nếu không đốt được thì bỏ vào cầu cầu toa-lét và giặt nước. Trường hợp tệ nhất thì bỏ tin nhắn vào hộp và vùi lại vào trong đồng giấy rác đó. Chúng tôi sẽ vào kiểm tra lại và ‘dọn sạch’ giùm cô.*

Sarah nhìn vào túi xách và thấy hộp diêm quẹt. Cô thò tay lấy hộp diêm ra, nhưng nghĩ rằng mình không có gan đốt tờ giấy khi đang có người ở ngoài; thế nên cô xé vụn tờ giấy, bỏ vào bồn cầu tiêu và giặt nước. Cô đứng trước gương một lát và kiểm tra kỹ lưỡng vẻ mặt của mình trong khi nước chảy ồ ồ xuống đáy bồn cầu. *Mày là Sarah Bancroft, cô tự nhủ với chính mình. Mày không phải là người đàn bà bỏ cái hộp tampon vào thùng rác. Mày chưa bao giờ nhìn thấy người đó.*

Cô đóng vòi nước lại và quay trở ra mái hiên. Mưa chảy tràn thành dòng trên máng xối. Yossi đang ồn ào trả lại chai Sancerre. Rimona thì sẫm soi cái thực đơn như thể tìm thấy cái gì thú vị trong đó. Jean-Michel chăm chăm quan sát Sarah y như thể mới gặp cô lần đầu. Sarah ngồi xuống và dõi theo cơn bão đang cuộn dần xuyên ngang qua đầm nước, cô biết rằng bão sẽ tan nhanh cũng như cảm giác vừa sợ hãi vừa hồi hộp của cô sẽ qua nhanh thôi.

“Cô sẽ ăn tối ở nhà hàng Le Tetou tối nay”, tin nhắn viết. “Khi cô trông thấy chúng tôi, hãy giả vờ cảm thấy khó chịu và đi vào toa-lét. Đừng sợ nếu họ có cho bảo vệ đi theo. Chúng tôi sẽ xử lý chuyện ấy”.

Cái họ cần là người khách mời danh dự mà gần như cả ngày họ đã không trông thấy. Gabriel bắt đầu lo rằng bằng cách nào đó bin Shafiq đã trốn thoát mà không bị phát hiện. Anh cân nhắc việc gọi điện đến tòa biệt thự ấy để xem có ai ở nhà hay không; nhưng vào lúc 11 giờ 30 phút họ thấy hắn tắm nắng trên sân thượng một tiếng đồng hồ sau cửu bời thường lệ.

12 giờ 30 phút, hắn đi vào nhà, và vài phút sau đó chiếc Cabriolet trắng đã hạ mui thả dốc xuống đường. Một người phụ nữ ngồi sau vô lăng. Cô ta lái xe đến tiệm thịt lợn ở làng Lorient, ở trong tiệm mười phút rồi quay trở về biệt thự ở Pointe Milou để ăn trưa ngoài trời.

Vào lúc 3 giờ, khi cơn giông đang gầm thét bên bờ biển, chiếc Cabriolet lại thả dốc xuống đường một lần nữa, nhưng lần này bin Shafiq cầm lái. Lavon bắt đầu theo sát hắn bằng một trong những chiếc tay ga vừa kiếm được với sự hỗ trợ của Mordecai và Oded. Rõ ràng là tên người Ả-rập Xêút đang kiểm tra xem có ai theo dõi mình hay không bởi hắn cứ đi thẳng trên những con đường đông đúc dọc bờ biển bắc thay vì rẽ sang bờ biển đông nơi dân cư thưa thớt.

Hắn tăng tốc dọc theo bờ biển đầy núi đá ở Toiny rồi rẽ về phía đất liền và phóng nhanh qua hàng loạt thôn xóm nhếch nhác của vùng đồi cỏ ở Grand Fond. Hắn giảm tốc trong vài giây ở ngay lối rẽ vào Lorient - khoảng thời gian đủ dài để Mordecai chạy vòng qua hắn. Hai phút sau, ở giao lộ của con đường đến Saint-Jean, hắn lại làm một cú thử thời gian như thế và lần này Oded phải từ bỏ cuộc rượt đuổi.

Lavon chắc chắn rằng đích đến duy nhất của bin Shafiq là Gustavia. Anh vội vã vào thị trấn bằng con đường khác đứng chờ gần khách sạn Carl Gustav khi chiếc Cabriolet từ Lurin xuống dốc đồi. Tên Arập Xêút đậu xe phía rìa cảng biển. Mười phút sau đó, khi đã kiểm tra kỹ lưỡng xem có ai bám đuôi không, hắn đi bộ đến quán cà phê trên bến cảng để gặp Wazir bin Talal. Lavon ăn sushi ở một nhà hàng trên phố và chờ chúng đi ra. Một giờ sau anh trở về biệt thự, báo cho Gabriel biết rằng họ đang gặp vấn đề.

“Tại sao hắn lại gặp bin Talal? Bin Talal là tay chân của Zizi. Chúng ta phải tính đến khả năng Sarah đã bị lộ. Ta ở đây được vài ngày rồi. Chỗ này chỉ là một hòn đảo nhỏ trong khi chúng ta là những người chuyên nghiệp, nhưng...”. Lavon bỏ lửng câu nói.

“Nhưng cái gì cơ chứ?”

“Bọn tay chân của Zizi cũng chuyên nghiệp không kém, bin Shafiq cũng thế. Trưa nay hắn lái xe như thế hắn biết mình đang bị theo dõi vậy”.

“Đó là quy trình chuẩn”. Gabriel phản đối và không tỏ ra lo lắng.

“Anh luôn có thể chỉ ra sự khác biệt giữa một người đang di chuyển và một người nghĩ rằng mình đang bị bám đuôi. Tôi cảm thấy bin Shafiq biết có ai đó đang theo dõi hắn”.

“Anh đang muốn nói điều gì, Eli? Hoãn việc này lại chẳng?”

“Không, nếu ta chỉ có thể chọn một mục tiêu đêm nay thì ta nên chọn Sarah”.

Mười phút sau. Đèn bật xanh. Tiếng quay số điện thoại vang lên đột ngột.

“La Terrazza xin chào quý khách”.

“Cho tôi đặt chỗ tối nay”.

“Xin quý khách vui lòng cho biết quý khách đi bao nhiêu người?”

“Hai người”.

“Vào mấy giờ ạ?”

“Chín giờ tối”.

“Xin quý khách vui lòng đợi máy trong khi chúng tôi kiểm tra”.

“Vâng, cảm ơn”.

“Vào lúc chín giờ mười lăm được không ạ?”

“Được chứ”.

“Vậy cho phép chúng tôi được lặp lại: một bàn cho hai người lúc chín giờ mười lăm phút. Xin quý khách cho biết tên ạ”.

“Al-Nasser”.

“Xin cảm ơn. Hẹn gặp quý khách”.

Cúp máy.

Gabriel bước đến chỗ bản đồ.

“La Terrazza ở đây”. Anh gõ gõ ngón tay vào địa điểm ngọn đồi phía trên Saint-Jean. “Chúng sẽ phải rời khỏi làng sớm nhất là khoảng chín giờ tối”.

“Trừ khi chúng đi đâu đó trước khi đến nhà hàng”. Lavon thêm vào.

“Bữa ăn tối của Zizi bắt đầu lúc tám giờ. Ta có gần một giờ để hành động trước khi sắp đặt Sarah đúng chỗ để cô ấy tháo lui”.

“Trừ phi Zizi đến muộn”. Lavon lại chêm vào.

Gabriel bước đến khung cửa sổ và nhìn ra ngoài. Trời nhá nhem. Mặt biển dần sẫm màu, phía kia đồi bắt đầu sáng đèn.

“Chúng ta sẽ xử hết chúng nó ở phía trong biệt thự hoặc phía sau bức tường chỗ đường lái xe vào nhà”.

“Chúng nó à?”

“Đó là cách duy nhất để thoát khỏi đảo này. Ả đàn bà cũng phải chết”.

Chương 27

Cảng Gustavia ở Saint-Barthélemy

Hai tiếng đồng hồ sau tuyên bố của Gabriel, có những bóng người và trang thiết bị di chuyển một cách lặng lẽ mà không ai trên hòn đảo hiền hòa này chú ý. Sarah chỉ nhận ra một phần của sự chuẩn bị khi ngồi trên boong tàu Alexandra trong chiếc áo choàng trắng bằng vải bông và thấy chiếc “Sun Dancer” lặng lẽ lùi dần vào bóng tối. Con đông buổi trưa đã tan biến, nhường chỗ cho làn gió nhẹ ấm áp rượt đuổi quanh mấy chiếc du thuyền neo ở lối ra vào cảng biển. Sarah nhắm mắt. Cô bị nhức đầu vì ánh nắng mặt trời còn miêng thì đắng nghét. Cô hiểu ra sự khó chịu của mình rồi. Cô thích bận rộn chứ không phải là hưởng thụ sự an nhàn như thế này. Cô liếc nhìn đồng hồ đeo tay hiệu Harry Winston mà cô được ngài CEO đồng Chủ tịch của công ty liên doanh Jihad Incorporated tặng. 7 giờ 20 phút. Cô sắp được về nhà rồi.

Sarah nhìn về phía đuôi tàu Alexandra và thấy chiếc Sikorsky bất động trong bóng tối buông dần. 7 giờ 45 phút tối nay, chúng sẽ vào bờ, đúng theo lịch trình mà Hassan đã sắp xếp. Hassan là người chuyên lên lịch cho việc đi lại của Zizi, “Cô Sarah, xin đừng đến trễ”. Hấn nhắc cô. Zizi đề nghị cô ăn mặc thật đặc biệt. “Le Tetou là nhà hàng tôi thích nhất trên đảo này. Tối nay sẽ là buổi tối đáng nhớ nhất”.

Cơn gió nhẹ thổi lên và từ đâu đó tiếng chiếc phao cứu hộ kêu lanh canh. Sarah lại liếc nhìn đồng hồ, 7 giờ 25 phút. Cô tự cho phép mình mừng tượng một cuộc sum họp trong bữa ăn kiểu gia đình mà họ đã từng chia sẻ với nhau trước đây ở căn nhà trang viên tại Surrey. Cũng có thể là thức ăn không hợp. Cho dù tâm trạng mình như thế nào đi nữa, cô vẫn khao khát cái ôm ghì chặt của *họ* vì cô yêu thương tất cả bọn *họ*. Cô yêu thương *họ* vì những người khác ghét *họ*. Cô yêu thương *họ* vì họ là một hòn đảo bị bao quanh bởi một biển người cuồng tín. Và bởi vì cô sợ rằng dòng chảy lịch sử một ngày nào đó sẽ cuốn *họ* đi thật xa, cô muốn là một thành viên trong số *họ* dù chỉ là một phút giây ngắn ngủi. Cô yêu thương nỗi đau *họ* che giấu và khả năng tạo ra niềm vui của *họ*, cả sự thèm khát cuộc sống và sự khinh miệt *họ* dành cho bọn cuồng sát. Cuộc sống của mỗi người trong số *họ* gắn liền với một mục đích - đối với Sarah, mỗi cuộc sống như thế là một điều kì diệu nho nhỏ. Cô nghĩ về Dina - một Dina xinh đẹp nhưng mang sẹo, con út trong số sáu người con mà mỗi người con đã giết hàng triệu người khác. Cha cô là thành viên duy nhất của gia đình còn sống sau vụ tàn sát người Do Thái dưới thời Hít-le. Đến Israel, ông chọn cho mình cái tên Sarid, có nghĩa là *người còn sót lại* theo tiếng Hebrew, và ông đặt tên đứa con gái út của mình là Dina, có nghĩa là *bị trả thù*. “Tôi là Dina Sarid, tôi là *người còn sót lại bị trả thù*”.

Sarah nghĩ “Tối nay chúng ta sẽ sát cánh bên nhau”.

7 giờ 30 phút mà Sarah vẫn chưa nhích mình ra khỏi cái ghế trên boong tàu. Sự chần chừ của

cô hoàn toàn có ý đồ - cô muốn dành vài phút để diện quần áo, và nán lại một chút để gửi một tín hiệu như thể vô ý cho người khác thấy cô không có ý định quay trở lại. “Cô đừng đem theo gì hết”, tin nhắn của Rimona viết. “Hãy làm cho phòng mình giống một mớ hỗn độn”. Và vì thế mà cô vẫn còn ở trên boong tàu thêm năm phút nữa rồi mới đứng dậy đi vào cabin. Cô để chiếc váy choàng trượt qua vai rớt xuống nền, rồi nhanh chóng mặc đồ lót. Bộ cánh của cô, cái quần màu vàng nghệ rộng thùng thình mà Nadia mua cho cô chiều hôm trước ở Gustavia, nằm trên cái giường bề bộn. Cô mặc vào rồi đi sang phòng tắm trang điểm, cô đeo chiếc vòng vàng nhưng bỏ hết mấy thứ nữ trang còn lại trong sổ quà tặng của Zizi trên mặt bàn trang điểm. Khi quyết định mình sẽ làm kiểu tóc nào, cô do dự. Lần đầu tiên cô do dự, bới tóc lên hay xõa ra? Xõa ra. Bước đi đầu tiên trở về cuộc sống cũ của cô, cuộc sống mà Gabriel đã cảnh báo sẽ rất khác.

Sarah rời phòng sau khi nhìn quanh. “Để căn phòng lộn xộn nhé”. Nhiệm vụ đã thực hiện xong. “Đừng mang theo gì cả”. Không túi xách, không ví cầm tay, không tiền hay thẻ tín dụng. Ai lại cần thẻ tín dụng hay tiền khi ở bên cạnh Zizi al-Bakari cơ chứ? Cô đi ra hành lang, đóng cửa nhưng không khóa. Rồi cô bước ra phía mũi tàu nơi những chiếc du thuyền đang chờ. Rafiq dắt cô lên tàu, trao tay cô cho Jean-Michel, rồi cô len lỏi giữa cả đồng Abdul để đến chỗ ngồi ở đuôi tàu. Zizi ngồi đối diện với cô, bên cạnh hẳn là Nadia. Khi thuyền bắt đầu đi vào bờ, trong bóng tối bọn họ theo dõi cô một cách chăm chú.

“Lẽ ra cô nên đeo chuỗi ngọc trai, Sarah à, sẽ rất hợp với bộ áo của cô đấy. Nhưng tôi rất hài lòng vì cô để tóc xõa như trước. Thế này nhìn đẹp hơn. Tôi chưa bao giờ thích cái kiểu bới tóc của cô cả”. Hẳn nhìn Nadia. “Con có thấy cô ấy đẹp hơn khi xõa tóc không?”

Nhưng Nadia chưa kịp trả lời thì Hassan đã ấn điện thoại di động vào tay Zizi và thì thầm gì đó bằng tiếng Ả-rập với điệu bộ khẩn cấp. Sarah nhìn về phía bên trong cảng biển, nơi bốn chiếc Toyota Land Cruiser đang đậu trên rìa bến cảng. Một nhóm người hiếu kì đang tụ tập lại để xem nhân vật nổi tiếng nào đó điều động cả đoàn xe hộ tống mình trên cái đảo bé tí này. Cô gái tóc đen ngồi trên ban công cách đó hơn 5 mét thì lại chẳng màng người nổi tiếng ấy là ai. Người còn sót lại bị trả thù nhìn vào khoảng không vô định, tâm trí có vẻ như đang vật lộn với những vấn đề quan trọng hơn.

Bãi biển ở Saline, một trong số ít các bãi biển không có cả khách sạn lẫn biệt thự, nằm trong bóng tối - đôi khi có những đốm phốt-pho bùng lên dưới ánh trăng sáng tỏ. Mordecai đưa chiếc Zodiac đầu tiên vào bờ lúc 8 giờ 5 phút. Hai phút sau, Oded lái chiếc Zodiac của chính hẳn và kéo theo chiếc thứ ba vào bờ. Lúc 8 giờ 30 phút, họ ra hiệu với Gabriel. Cả nhóm Saline đã ở vào chỗ của mình. Cái bẫy đã được giăng.

Như thường lệ, bãi biển Saint-Jean còn khá đông người vào buổi tối, vẫn còn những người muốn nán lại trên bãi cát trong bóng tối buong dần. Cuối đường băng ở sân bay, gần cái biển báo “Chú ý máy bay hạ cánh” đã xập xệ méo mó theo thời gian, là một nhóm bốn người - ba người đàn ông và một phụ nữ tóc đen đến từ Gustavia bằng xe tay ga trước đó không lâu. Một người đem theo vài chai Heineken, người khác mang cái đầu đĩa CD và mở nhạc Bob Marley. Cả ba người đàn ông nằm đủ kiểu. Người mặt đỏ đứng tuổi và một người mắt nâu lạnh lẽo với mái tóc chảy ngược đang rít thuốc hết điếu nọ tới điếu kia. Cô gái thì nhảy múa theo nhạc, chiếc áo trắng của cô sáng dịu dàng dưới ánh trăng.

Dù thái độ của họ không có vẻ gì là cố tình chọn địa điểm này để tụ tập, nhưng thật ra từ vị trí

ấy họ có thể quan sát được tất cả phương tiện lưu thông trên đường từ Gustavia đến cũng như nắm bắt tình hình bữa ăn tối đang bắt đầu trong nhà hàng Le Tetou cách đó chưa đầy mười mét. Vào lúc 8 giờ 30 phút, người đàn ông mặt rỗ đứng tuổi nhận một cuộc gọi đến điện thoại di động. Ngay sau khi cúp máy, anh cùng hai người kia đứng dậy đi lên đường cái với những động tác gây ồn ào, rồi cả bọn trèo lên chiếc Suzuki Vitara đậu sẵn.

Cô gái áo trắng vẫn ngồi chỗ cũ trên bờ biển, vừa nghe nhạc Bob Marley vừa quan sát chiếc máy bay phản lực đang hạ cánh trên mặt nước về phía đường băng. Cô nhìn biển báo “Chú ý máy bay hạ cánh” nhưng rồi tự nhiên cô không quan tâm đến nó nữa. Vặn nhạc lớn hơn, cô nhảy múa trong khi chiếc trục thăng đã gầm rú phía trên đầu mình.

Bãi biển ở vịnh Marigot nhỏ và đầy đá, ít khi có ai lai vãng ngoại trừ người dân địa phương đến cất tàu của mình. Có một con lộ nhỏ sát bên đường ra bờ biển đủ chỗ cho hai đến ba chiếc xe hơi và có cả cầu thang bằng gỗ dẫn xuống bãi biển. Tối nay có hai chiếc Piaggio dựng ở đó. Hai người chủ thì đang ngồi vắt vẻo trên mạng chiếc thuyền mà ai đó để lại bãi biển trong bóng tối buông dần. Cả hai đặt ba lô dưới chân, trong ba lô là hai khẩu súng giảm thanh. Người đàn ông trẻ hơn thì đem theo khẩu Barak SP-21s bốn nòng. Người kia lại thích vũ khí nhỏ hơn và luôn trung thành với súng của Italia, thế nên trong giỏ anh là mấy khẩu Beretta 9 li.

Không giống những người đồng sự ở Saint-Jean, hai người này không uống rượu cũng không nhảy múa hay giả vờ chơi trò gì đó vui vẻ. Họ im lặng và thở chậm chậm để kiểm chế nhịp tim đang đập liên hồi. Người lớn tuổi hơn quan sát xe cộ trên đường, người trẻ ngắm con sóng vỗ nhẹ nhàng vào bãi cát; tuy nhiên cả hai cùng mừng tượng cái cảnh sẽ diễn ra trong vài phút nữa ở ngôi biệt thự phía đằng kia. Lúc 8 giờ 30 phút, người lớn tuổi hơn thì thào vào điện thoại. “Hành động đi Dina”.

Monique, vợ của Jean-Michel, nhận thấy cô gái đầu tiên.

Thức uống đã được phục vụ rồi, Zizi cũng vừa mới ra lệnh cho mọi người thưởng thức bữa ăn bởi vì đây là lần cuối cùng họ ăn tối ở Saint-Bart. Sarah ngồi ở cuối bàn phía đối diện, kế bên Herr Wehrli. Ông chủ nhà băng người Thụy Sĩ đang bàn luận việc ông rất ngưỡng mộ tác phẩm của Ernst Ludwig Kirchner trong khi Sarah, từ khóe mắt của mình, nhận thấy mái tóc mềm mượt chuyển động theo cái quay đầu của Monique.

“Có cô gái ở đằng kia kìa”. Monique nói trống không. “Cái người có vết sẹo khủng khiếp trên chân ấy, nhớ không Sarah? Ta thấy cô ấy trên bãi biển ở Saline ngày hôm qua. Ớn Chúa tối nay cô ấy mặc quần dài”.

Sarah lịch thiệp rời mắt khỏi ông chủ nhà băng và hướng mắt về phía Monique đang nhìn. Cô gái đang đi dọc theo bờ con sóng trong chiếc áo kiểu màu trắng và quần jeans xắn đến bắp chân. Lúc cô tiến về nhà hàng, một tên bảo vệ cố gắng chặn đường cô. Sarah dù không thể nghe được họ nói gì nhưng vẫn có thể nhận ra cô gái khẳng định mình có quyền đi dạo trên bãi biển công cộng bất chấp cái buổi tiệc riêng tư được bảo vệ nghiêm ngặt như thế ở nhà hàng Le Tetou. Sarah nghĩ. “Này, đừng tỏ ra kín đáo quá. Làm mọi người chú ý đi nào”.

Tên bảo vệ cuối cùng cũng dụi đi, và cô gái lê bước chậm chạp biến mất trong bóng tối. Sarah cho phép một khắc nữa trôi qua, rồi chồm người qua bên kia bàn trước mặt Monique, cô thì thào vào tai Jean-Michel.

“Tôi cảm giác mình sắp bị bệnh rồi”.

“Chuyện gì vậy?”

“Uống quá nhiều rượu vào buổi ăn trưa ấy mà. Tôi gần như nôn thốc nôn tháo trên thuyền hồi

trưa”.

“Cô có muốn đi toilet không?”

“Anh dẫn tôi đi nhé Jean-Michel?”

“Chờ đã, tôi sẽ đi với cô”. Monique vội vã nói.

Jean-Michel lắc đầu, nhưng Monique đứng bật dậy và đỡ Sarah. “Cô ấy khó chịu trong người”. Á rít lên với hân bằng tiếng Pháp. “Cô ấy cần một người phụ nữ để chăm sóc mình”.

Đúng lúc đó một chiếc Suzuki Vitara trở vào bãi giữ xe của Le Tetou. Yossi cầm lái còn Lavon ngồi phía sau xe. Yaakov nạp đạn cho khẩu Beretta 9 li của mình, rồi chăm chú nhìn con đường cho đến khi Sarah xuất hiện.

Sarah liếc nhanh qua vai khi họ rời khỏi bãi biển và nhận thấy Zizi và Nadia đang chăm chăm nhìn theo mình. Cô quay đầu ra và nhìn thẳng về phía trước. Jean-Michel ở phía bên trái cô còn Monique bên phải. Chúng nắm cánh tay cô mỗi người một bên, dẫn cô băng nhanh qua phần sân trong nhà hàng, ngang qua cửa hàng bán quần áo nhỏ. Lối đi tối như mực. Jean-Michel mở cửa toa-lét nữ và bật đèn, nhìn khắp một lượt rồi ra dấu cho Sarah bước vào. Cánh cửa đóng sập lại. “Quá khó”, cô nghĩ. Cô chốt chặt cửa và nhìn vào gương. Khuôn mặt đang giương mắt nhìn lại cô không còn là của chính cô nữa. Khuôn mặt này có vẻ như được vẽ bởi Max Beckmann hay Edvard Munch, hay có thể là ông của Gabriel - Viktor Frankel. Bức chân dung của một phụ nữ đang sợ hãi. Qua cánh cửa đóng kín cô nghe tiếng Monique hỏi rằng cô có ổn không. Sarah không trả lời. Cô chống tay lên thành bồn rửa mặt rồi nhắm mắt chờ đợi.

“Mẹ kiếp”, Yaakov lầm bầm. “Cô ấy đem theo cái găng tay dấm bốc quái quỷ này làm gì?”

“Anh bắt hân được không?”

“Có thể, nhưng nếu mọi chuyện đang đó đi không đúng hướng thì phải chắc chắn là bắn vào đầu hân nhé”.

“Tôi chưa bắn ai trong đời mình cả”.

“Dễ lắm”, Yaakov bảo “Để tay trên cò súng rồi kéo mạnh Thế thôi”.

Chính xác là 8 giờ 32 phút tối khi Gabriel leo lên cầu thang gỗ ở bãi biển vịnh Marigot. Anh đội mũ bảo hiểm dành cho xe mô tô với tấm kính che mặt màu tối, phía dưới là micro và chiếc tai phone nhỏ xíu. Cái túi nilon đựng mấy khẩu Beretta được giữ chặt sau lưng. Mikhail, đi trước anh một bước, cũng trang bị như thế. Họ lên xe mô tô và nổ máy cùng một lúc. Gabriel gật đầu, họ cùng phóng vào con đường trống trước mặt.

Họ lao xuống con dốc thẳng đứng, Gabriel dẫn đường, Mikhail chạy sau vài mét. Con đường trở nên hẹp và hai bên là bờ tường bằng đá. Trước mắt họ, trên đỉnh đồi là ngã rẽ vào Point Milou. Sát bên bờ tường, có một chiếc mô tô và Rimona ngồi dạng chân trên yên xe trong chiếc quần jeans xanh và áo sơ mi bó sát người. Khuôn mặt cô bị che khuất bởi mũ bảo hiểm và kính chắn gió.

Cô nhá đèn pha hai lần, tín hiệu cho biết con đường rất vắng người. Gabriel và Mikhail tăng tốc, ôm cua và chạy thẳng. Biển đã ở trước mặt họ, loang loáng ánh trắng. Bên trái họ là sườn đồi cần cỗi còn bên phải là một dãy nhà tranh nhỏ. Một con chó mực bỗng dưng từ căn nhà tranh cuối cùng nhảy ra sủa liên hồi khi họ phóng qua.

Giao lộ kế tiếp có một ki-ốt thùng thư và một trạm xe buýt bỏ trống. Một chiếc xe hơi ôm cua quá nhanh và lách ra khỏi đường như sắp tông vào phía lẽ Gabriel đang chạy. Anh giảm tốc và chờ xe hơi chạy qua rồi lại bắt đầu tăng tốc.

Ngay lúc đó anh nghe tiếng Rimona trong tai “Chúng ta có vấn đề rồi”. Giọng cô vẫn bình tĩnh. Gabriel lướt mắt nhìn qua vai mình là phát hiện đó là vấn đề gì. Họ đang bị một chiếc Range Rover màu xanh của lực lượng hiến binh theo dõi.

Trong bãi giữ xe của Le Tetou, Yaakov sắp mở chốt cửa thì nghe tiếng Rimona trong tai mình. Anh nhìn Lavon và hỏi. “Chuyện quái gì đang diễn ra vậy?”

Nhưng Gabriel lại chính là người kể cho anh biết.

Có hai hiến binh trong chiếc Rover, một người ngồi sau tay lái, còn người kia có vẻ như cấp cao hơn ngồi bên cạnh với máy bộ đàm áp vào miệng. Gabriel cố chống lại ý muốn quay đầu nhìn họ lần thứ hai, anh vẫn nhìn thẳng về phía trước.

Phía trước trạm xe buýt, con đường rẽ ra hai nhánh. Biệt thự của bin Shafiq ở phía bên trái. Gabriel và Mikhail rẽ vào con đường bên phải. Vài giây sau họ chạy chậm lại và nhìn về phía sau.

Hai tên hiến binh đã đi đường khác. Gabriel dừng xe hẳn và cân nhắc xem nên làm gì kế tiếp. Có phải hai hiến binh đó đang trên đường tuần tra, hay họ đang trả lời một cuộc gọi nào đó? Có phải đó chỉ đơn thuần là sự xui rủi hay còn là một cái gì khác? Anh chỉ chắc chắn một điều: Ahmed bin Shafiq đang ở trong tầm tay của anh, và Gabriel chỉ muốn hắn chết.

Gabriel quay đầu xe lại, chạy ngược về chỗ rẽ và nhìn đầu đường. Đường vắng, cặp hiến binh cũng mất hút rồi. Anh lên ga, lao vào bóng đêm. Khi đến biệt thự, anh thấy cánh cổng an ninh đã mở và chiếc Range Rover của lực lượng hiến binh đang đậu trên đường lái xe vào nhà. Ahmed bin Shafiq, tên khủng bố nguy hiểm nhất trên thế giới, đang dỡ mấy cái vali xuống khỏi cốp chiếc Subaru của hắn.

“Và hai người cảnh sát Pháp kia đang giúp hắn”.

Gabriel chạy ngược về chỗ Mikhail đang đợi và báo tin cho cả đội cùng một lúc.

“Anh bạn của chúng ta sắp rời khỏi đảo. Zizi đã sắp xếp cảnh sát để hộ tống hắn”.

“Kế hoạch của chúng ta tiêu rồi sao?”

“Chúng ta phải thừa nhận điều đó. Đưa Sarah về lại Saline đi”.

“Tôi e rằng điều đó không thực hiện được”. Lavon đáp lời.

“Tại sao không thể?”

“Chúng tôi không thấy Sarah. Chúng tôi lạc mất cô ấy rồi”.

Ai đó đập cửa ba lần. Giọng nói rất căng thẳng quát tháo Sarah. Cô kéo chốt, mở cửa. Jean-Michel đang đứng bên ngoài cùng với bốn vệ sĩ của Zizi. Chúng nắm cánh tay cô rồi lôi xềnh xệch cô về bãi biển.

Chiếc Cabriolet trắng đi qua cửa an ninh rồi chạy lên đường, theo sau là chiếc Rover của cảnh sát. Mười lăm giây sau đoàn hộ tống ấy tăng tốc chạy vượt qua Gabriel. Chiếc ô tô vẫn để mui trần. Bin Shafiq để cả hai tay lên vô lăng, mắt vẫn nhìn thẳng.

Gabriel nhìn Mikhail và nói với cả đội trên bộ đàm. “Rút hết về Saline ngay lập tức. Tất cả mọi người. Để một chiếc thuyền lại cho tôi, nhưng rời khỏi đảo ngay”.

Rồi anh đuổi theo bin Shafiq và hai tên hiến binh.

“Các ông làm tôi đau quá”.

“Xin lỗi cô Sarah, nhưng chúng ta phải nhanh chân lên”.

“Để làm gì? Món ăn chính chưa dọn lên nữa mà?”

“Có một vụ đe dọa nổ bom ở đây. Chúng ta phải rời khỏi đảo ngay lập tức”.

“Một vụ đe dọa nổ bom sao? Đe dọa ai? Đe dọa cái gì?”

“Xin đừng nói bất cứ điều gì hết cô Sarah à. Cô chỉ cần đi thật nhanh thôi”.

“Tôi sẽ đi thật nhanh, nhưng bỏ tay tôi ra đi chứ. Các ông làm tôi đau quá”.

Gabriel giữ khoảng cách khoảng 20 mét với chiếc Range Rover và không mở đèn pha. Chúng tăng tốc qua ngôi làng Lorient rồi qua Saint-Jean. Khi đang chạy dọc theo rìa vịnh, anh thấy bảng chỉ đường đến nhà hàng Le Tetou. Anh giảm tốc, chăm chú nhìn vào bãi giữ xe ngay lúc Zizi và đám tùy tùng đang trèo lên mấy chiếc Land Cruiser trước sự quan sát của hai gã hiến binh khác. Sarah bị kẹp giữa Rafiq và Jean-Michel. Giờ thì Gabriel chẳng làm được điều gì hết. Anh miễn cưỡng tăng tốc để tiếp tục đuổi theo bin Shariq.

Sân bay đã ở trước mắt họ. Không xi-nhan xin đường, hai chiếc xe thành linh ngoặt vào đường dành cho dịch vụ, thẳng tiến qua cửa an ninh đang mở và chạy vào con đường nhựa trải đá dăm. Một chiếc trực thăng đang chờ ở cuối đường, tiếng động cơ rầm rầm. Gabriel dừng ngoài đường và thấy bin Shafiq, ả đàn bà cùng hai tên hiến binh bước ra khỏi xe.

Tên khủng bố người Ả-rập Xê-út và ả đàn bà nhanh chóng lên máy bay trong khi hai tên hiến binh dờ dề đặc lên khoang hành lí. Mười lăm giây sau đó, chiếc máy bay chuyển động và lướt trên đường băng. Khi nó cất cánh khỏi Baie de Saint-Jean, đoàn xe hơi của Zizi rầm rú như một bóng mờ màu đen và xuất hiện trên đồi đi về phía Gustavia.

Khi Mordecai và Odel thấy Mikhail và Rimona chạy xuống đụn cát ra bãi biển Saline thì đã là 8 giờ 40 phút. Hai phút sau lại có thêm bốn người nữa xuất hiện. Đúng 8 giờ 43 phút tất cả mọi người đều ở trên thuyền, chỉ trừ Lavon.

“Anh nghe Gabriel nói rồi đấy Eli”, Yaakov gào lên. “Gabriel muốn tất cả mọi người rời khỏi đảo ngay lập tức”.

“Tôi biết, nhưng tôi không thể đi mà không có Gabriel”. Lavon nói chắc nịch.

Yaakov hiểu rằng bàn cãi cũng vô ích. Một phút sau, mấy chiếc Zodiac rẽ sóng hướng về phía chiếc du thuyền Sun Dancer. Lavon nhìn họ tan biến vào bóng tối, rồi anh quay đầu bước đều trên mặt nước.

Đoàn mô tô trườn xuống đồi với tốc độ cao. Gabriel theo sát nút và thấy chiếc du thuyền Alexandra sáng rực ở rìa cảng biển. Hai phút sau đó, những chiếc Land Cruiser rẽ vào bãi đậu xe của bến tàu dành cho du thuyền. Bọn vệ sĩ của Zizi thực hiện việc dỡ hàng và đồ đạc xuống xe một cách nhanh chóng và chuyên nghiệp. Giải thoát con tin không phải là một lựa chọn hay. Gabriel thấy Sarah một lần duy nhất - màu nghệ vàng kẹp giữa hai dáng người to lớn và tối sẫm - một chốc sau họ hướng ra bờ biển nơi chiếc Alexandra sáng đèn. Anh không còn lựa chọn nào khác ngoài việc quay đầu xe trở về Saline nơi Lavon đang chờ mình. Gabriel ngồi ủ ê trên mũi tàu khi họ đang cho tàu hướng về vịnh.

“Anh có nhớ tôi nói gì với anh hồi trưa không Gabriel?”

“Tôi nhớ chứ Eli”.

“Nếu anh chỉ được chọn một mục tiêu tối nay, hãy chắc chắn rằng đó là Sarah. Anh hãy nhớ điều đó”.

“Tôi biết rồi Eli”.

“Lỗi của ai đây? Của chúng ta hay của Sarah?”

“Cũng chẳng quan trọng nữa”.

“Không, không quan trọng. Hắn sẽ thủ tiêu Sarah nếu ta không tìm ra cách cứu cô ấy”.

“Hắn không làm thế ở nơi này đâu. Nhất là sau khi đã dính đến bọn cảnh sát Pháp thế kia”.

“Hắn sẽ tìm cách khác đây. Không ai phản bội Zizi mà trốn khỏi sự trừng phạt của hắn đâu. Đó là luật của Zizi”.

“Điều đó có nghĩa là chúng ta chỉ có một cánh cửa rất hẹp, tùy vào cách thức mà Zizi sẵn lòng sử dụng để có câu trả lời mà hắn muốn”.

Gabriel lại im lặng. Lavon có thể đọc được anh nghĩ gì.

Chúng ta sẽ cứu cô ấy, Gabriel nghĩ. Hãy chỉ hi vọng rằng khi chúng ta thực hiện việc này, cô ấy vẫn còn sống.

Chương 28

Tổng hành dinh CIA



in về tai họa ở Saint-Barthélemy bay về phòng điều hành đặt tại đại lộ King Saul trong vòng 5 phút sau khi Gabriel quay trở về với chiếc du thuyền Sun Dancer. Amos Sharrett, Tổng giám đốc, đang ngồi trong văn phòng trên lầu vào lúc đó và được báo cáo về tiến trình của vụ việc. Mặc dầu lúc đó đã muộn rồi, nhưng ông vẫn gọi điện cho Thủ tướng và kể cho ngài nghe vụ việc. Năm phút sau đó ông nhận được một cuộc gọi mật từ chiếc du thuyền Sun Dancer. Cuộc gọi không đi vào trung tâm điều hành mà vào đường dây riêng trong văn phòng của Adrian Carter ở tầng bảy. Carter đón nhận tin tức một cách bình thản, y như các việc khác, anh nghịch với cái kẹp giấy trên bàn khi Gabriel đưa ra lời yêu cầu của mình. “Chúng ta có máy bay ở Miami ngay lúc này”, Carter bảo. “Máy bay có thể đáp ở Saint Maarten trước bình minh”.

Carter gác máy và nhìn về phía ti vi ở phía kia góc phòng. Tổng thống Mỹ đã đi châu Âu vài ngày để gặp tân Thủ tướng Đức. Bên ngoài cảnh sát tiến hành những trận chiến đường phố xuyên suốt thành phố Berlin để dập tắt những đám đông biểu tình chống Mỹ. Hai điểm đến còn lại gồm Pari và Roma cũng thế thôi. Cảnh sát Pháp đang gắng sức kiềm chế việc bạo động của những người theo đạo Hồi. Cảnh sát Ý đang ngăn chặn những cuộc biểu tình trên diện rộng chưa từng thấy trong một thế hệ qua ở Rome. Xem chừng khó mà đạt được sự hòa hợp về ý kiến và quyền lợi xuyên Đại Tây Dương mà nhóm người tạo dựng bộ mặt của Nhà Trắng đã hi vọng.

Carter tắt ti vi và cất tài liệu mật vào ngăn tủ, khóa lại rồi vớ lấy chiếc áo khoác mặc sau cửa và mặc vào. Mấy người thư kí đã về nhà, tiền sảnh im lìm trong bóng tối ngoại trừ một khe sáng từ căn phòng hé cửa ở phía đối diện. Cánh cửa dẫn vào văn phòng của Shepard Cantwell, Phó chánh văn phòng cơ quan tình báo, chức vụ tương đương với Carter trong bộ phận phân tích tình báo. Trong phòng vang lên tiếng lách cách của bàn phím máy vi tính. Cantwell vẫn còn ở đó. Theo như những người có đầu óc dí dỏm bên phân tích tình báo thì Cantwell chưa bao giờ rời khỏi phòng làm việc của mình. Khi đêm xuống, ông ta nhốt mình vào cái tủ tường bằng sắt và tự thả mình ra lúc bình minh để kịp có mặt ở bàn làm việc khi Chánh văn phòng đến.

“Phải anh không Adrian?”. Cantwell hỏi bằng cái giọng lè nhè. Khi Carter đưa đầu vào cái ‘chuồng’, Cantwell ngừng gõ và ngược mắt nhìn lên, trước mặt là một chồng hồ sơ. Trông ông ta nghiêm nghị một mà láu lỉnh thì đến hai. “Lạy Chúa, Adrian, trông anh như xác chết biết đi ấy. Anh buồn phiền vì việc gì vậy?”

Khi Carter lúng túng về sự hỗn độn quanh chuyến công du đầy thiện chí của ngài Tổng thống, Cantwell bắt đầu dài dòng văn tự về những nguy cơ giả tạo của chủ nghĩa chống Mỹ. Cantwell chỉ phân tích, ông ta không giúp gì được.

“Adrian à, cái nhu cầu lỗ bịch vừa muốn có quyền lực vừa được yêu thương của chúng ta luôn cuốn hút tôi. Ngài Tổng thống Mỹ đi nửa vòng trái đất và lật đổ tên chuyên quyền ở Minipotamia chỉ trong một buổi chiều. Ngay cả Caesar cũng chẳng làm nổi việc ấy. Bây giờ Tổng thống lại muốn được chính những kẻ chống đối ủng hộ mình. Càng sớm thôi lo lắng về chuyện được yêu thích hay không thì chúng ta càng thấy hạnh phúc và thỏa mãn hơn đấy”.

“Anh lại đọc Machiavelli nữa hả Shep?”

“Tôi chưa bao giờ ngừng đọc”. Ông đan các ngón tay lại để sau gáy rồi lại dang khủy tay ra để tránh Carter nhìn thấy nách của mình. “Có một tin đồn ác ý đang lan truyền trong vùng đấy”.

“Thật à?”. Carter liếc nhìn đồng hồ đeo tay, Cantwell có vẻ không để ý đến cử chỉ này lắm.

“Theo như tin đồn thì anh có liên quan đến vài hoạt động đặc biệt nào đó chống lại một anh bạn giàu có người Ả-rập Xêút. Và đối tác của anh trong vụ này là, tôi chỉ nói điều tôi nghe thấy thôi Adrian à, những người Do Thái”.

“Anh không nên nghe những tin đồn đó. Thế nó đồn đi bao xa rồi?”. Carter hỏi.

“Xa hơn Langley”. Cantwell trả lời. Có nghĩa là lời đồn đã đến tai các cơ quan khác và nhanh chóng xâm lấn đến bề mặt của CIA, lần đầu tiên kể từ sự cải tổ đáng sợ của cộng đồng tình báo Mỹ.

“Xa thế nào?”

“Đủ xa để vài người trong thị trấn bắt đầu thấy bất an. Anh biết quy luật của cuộc chơi mà, Adrian. Có một đường ống giữa Riyadh và Washington, và tiền mặt chảy đầy qua đó. Vùng này đang bị cuốn đi bởi con sóng tiền của người Ả-rập Xêút. Nó đổ vào cơ quan lập pháp và các công ty luật. Mẹ kiếp, bọn vận động hành lang đi ăn tối bằng số tiền ấy đấy. Người Ả-rập Xêút thậm chí còn thành công trong việc tạo ra một hệ thống để hối lộ chúng ta trong khi ta vẫn còn tại chức. Mọi người biết rằng nếu không ‘canh chừng’ bọn Ả-rập Xêút ấy khi họ còn làm việc cho Cục Dự trữ Liên bang thì chúng cũng sẽ ‘canh chừng’ họ khi họ làm ăn trong lĩnh vực tư nhân thôi. Có lẽ là ở dạng hợp đồng tư vấn sinh lợi hay việc hợp pháp nào đó. Có lẽ là một cái ghế ở viện nghiên cứu tế nhật nào đó có liên quan đến băng đảng Ả-rập Xêút. Và vì thế khi tin đồn lan truyền rằng ‘một gã cao bồi’ ở Langley đang chạy theo một hội những nhà hảo tâm rộng lượng thuộc hệ thống tội lỗi này, người ta dễ bồng chồn lắm chứ”.

“Anh có nằm trong số đó không Shep?”

“Tôi ấy à?”. Cantwell lắc đầu. “Tôi sẽ trở lại Boston ngay khi tôi được ‘phóng thích’. Nhưng có những người khác trong tòa nhà này đang dự định đi chơi vòng quanh phố xá và tiêu tiền như nước đấy”.

“Nếu những nhà hảo tâm rộng lượng trong hệ thống tội lỗi ấy cũng đang chất xác những tên lái máy bay đâm thẳng vào các tòa cao ốc của chúng ta vào quan tài thì sao? Nếu như những người bạn này của chúng ta chán khủng bố đến tận cổ thì sao? Nếu như chúng sẵn sàng thỏa hiệp với quỹ dữ bằng bất cứ giá nào để bảo đảm sự sống còn của chúng, thậm chí là xác chết của dân Mỹ thì sao?”

“Thì anh bắt tay và mỉm cười chứ sao”. Cantwell trả lời. “Và anh coi chủ nghĩa khủng bố như thể loại thuế phụ thu bất cập cho lần đổ xăng kế tiếp của anh. Anh vẫn lái chiếc Volvo cũ đấy chứ?”

Cantwell biết rõ Carter lái xe gì vì phần chổ đậu xe của hai người kề bên nhau. “Tôi không đủ khả năng mua xe mới. Làm sao dư tiền khi phải nuôi ba đứa con đang còn đi học cho được?”

“Có lẽ anh nên đăng kí cho kế hoạch về hưu của bọn Ả-rập Xêút. Tôi thấy một hợp đồng tư vấn

sinh lợi trong tương lai của anh đấy”.

“Đó không phải kiểu sống của tôi Shep à”.

“Thế còn tin đồn thì sao? Có tin nào là thật không?”

“Không có tin nào thật hết”.

“Rất vui khi nghe anh xác nhận như thế. Tôi sẽ nhả nhủ lại với mọi người. Chúc ngủ ngon, Adrian”.

“Ngủ ngon, Shep”.

Carter đi xuống lầu. Bãi giữ xe gần như trống. Carter bước lên chiếc Volvo của mình và chạy thẳng đến khu Tây Bắc Washington, theo đúng con đường ông ta và Gabriel đã đi tám tuần trước đó. Khi chạy ngang qua khu bất động sản của Zizi al-Bakari, ông cho xe chạy chậm lại và nhìn qua thanh chắn cổng lên vách núi, nơi đền trang toạ lạc với mặt chính quay ra sông. Đừng có đụng đến cô ấy, Carter cau ginh. Đụng đến một sợi tóc trên đầu cô ấy thôi, tao sẽ tự tay giết mày. Chạy đến cầu Chain, ông nhìn vạch xăng trên bảng điều khiển xe. Vạch đỏ. Thật đúng lúc, ông nghĩ. Bình xăng gần như cạn hẵn.

Cùng lúc đó, chiếc du thuyền Sun Dancer lượn quanh Grande Pointe và quay trở về nơi thả neo ở Gustavia. Gabriel ngồi một mình trên thành tàu, cặp kính áp sát mắt, nhìn phía đuôi con tàu Alexandra, nơi nhân viên đang vội vã chuẩn bị buổi ăn tối cho ba mươi người. Gabriel thấy họ như những nhân vật trong một bức tranh. Anh ta bắt đầu đặt tên. Bữa tiệc trên tàu hay Bữa tối cuối cùng nhỉ?

Kia là Zizi, ngồi như một vị vua ở đầu bàn, như thể mọi sự kiện xảy ra trong buổi ăn tối chỉ là trò tiêu khiển mở đầu cho một chuyến du hành, mà nếu không có trò tiêu khiển ấy thì chuyến đi này sẽ đơn điệu nhàm chán làm sao. Bên trái hẵn là cô con gái xinh đẹp Nadia. Bên phải hẵn là chỉ huy thứ hai Daoud Hamza đang ngồi chọc nĩa vào thức ăn với dáng vẻ không ngon miệng cho lắm. Phía kia bàn là các luật sư, Abdul & Abdul, và Herr Wehrli, người trông coi tài sản của Zizi. Kia là Mansur, người sắp xếp các chuyến du lịch; Hassan, chuyên về truyền thông, bảo mật và những việc khác đại loại như thế. Rồi đến Jean-Michel, người chăm sóc thân thể cân đối của Zizi và cũng là một vệ sĩ bổ sung của ông trùm, kế bên là Monique, cô vợ mặt sưng mày sĩa của hẵn. Có Rahimah Hamza và người tình của Hamid - ngôi sao điện ảnh Ai Cập xinh đẹp. Có nhóm tứ tấu gồm bốn gã vệ sĩ mặt bồn chồn lo lắng và vài cô gái quyết rũ với vẻ mặt vô tội. Ngồi ở góc xa đằng kia, rất xa so với tên trùm Zizi, là một người phụ nữ xinh đẹp trong bộ cánh bằng lụa màu vàng nghệ. Cô tạo nên sự cân bằng trong bố cục của bức tranh. Cô vô tội trước tội ác khủng khiếp của Zizi. Gabriel có thể thấy vẻ mặt sợ hãi đến cực độ của cô. Gabriel biết mình đang chứng kiến một buổi trình diễn. Nhưng buổi trình diễn này có lợi cho ai? Hẵn ta hay Sarah?

Nửa đêm, các nhân vật trong bức tranh đứng dậy và chúc nhau ngủ ngon. Sarah biến mất qua hành lang và Grabiell mất dấu cô một lần nữa. Zizi, Daoud Hamza, và Wazir bin Talal đi vào phòng Zizi. Gabriel nghĩ ra một bức tranh mới: Cuộc hẹn của ba con quỷ, không biết họa sĩ là ai. Năm phút sau Hassan chạy vào văn phòng và đưa cho Zizi chiếc điện thoại di động. Ai đang gọi hẵn? Có phải là một trong những tên môi giới của Zizi xin hướng dẫn nên chọn vị trí nào cho buổi khai trương thương mại ở Luân Đôn không? Hay là Ahmed in Shafiq, kẻ sát nhân những người vô tội, nói cho Zizi biết nên xử cô gái của Gabriel như thế nào?

Zizi nhận điện thoại và vẫy tay gọi Hassan đi ra ngoài. Wazir bin Talal, tên phụ trách an ninh,

đi đến cửa sổ và hạ tất cả màn xuống.

Sarah nhìn qua cửa cái và bật tất cả đèn sáng trong phòng. Cô bật truyền hình vệ tinh lên và chuyển ngay sang kênh CNN. Cảnh sát Đức xô xát với những người phản đối Mỹ trên phố.

Thêm chứng cứ về thất bại của Mỹ ở Iraq, theo lời người phóng viên hực hơi trên đài.

Cô đi ra boong tàu và ngồi xuống. Chiếc thuyền buồm nhẹ cô quan sát kể từ khi rời bến cảng trưa hôm nay đã quay trở lại. Có phải là thuyền của Gabriel không nhỉ? Bin Shafiq còn sống hay chết? Cô chỉ biết rằng có chuyện gì đó tồi tệ đã xảy ra. Những chuyện như thế này thỉnh thoảng cũng xảy ra, Zizi đã từng nói. Đó là lí do tại sao chúng ta phải coi trọng vấn đề an ninh.

Sarah cứ nhìn chiếc thuyền buồm chầm chầm, tìm kiếm bất cứ dấu hiệu nào của sự chuyển động trên boong tàu ấy, nhưng nó ở quá xa đến nỗi cô chẳng thấy gì. Chúng tôi ở ngay đây với cô Sarah à. Tất cả chúng tôi. Gió thốc lên. Cô vòng tay ôm đầu gối vào sát người mình, ngồi co ro.

Tôi hi vọng tất cả các bạn vẫn còn ở đó, cô nghĩ. Và làm ơn, hãy cứu tôi khỏi chiếc tàu này trước khi họ giết tôi.

Một lúc sau, cái lạnh làm cô muốn đi ngủ. Cô thức dậy vào một buổi bình minh xám xám và mưa nhẹ hạt trên nóc boong tàu. Ti vi vẫn bật; ngài Tổng thống đã đến Pari. Place de la Concorde trở thành một biển người biểu tình phản đối. Sarah bốc điện thoại lên và gọi cà phê. Đúng năm phút sau có người đem cà phê tới. Mọi thứ đều nguyên vẹn như cũ, ngoại trừ tấm giấy viết tay nhỏ được gấp làm đôi và đặt kế bên ổ bánh mì ngọt của cô. Tin nhắn từ Zizi. Tôi có công việc cho cô đây Sarah. Dọn đồ đạc và sẵn sàng rời khỏi đây lúc 9 giờ nhé. Chúng ta sẽ nói chuyện trước khi cô rời tàu. Sarah rót một cốc cà phê và đứng uống ngoài ban công. Lúc đó cô mới để ý rằng chiếc Alexandra đã rời Saint Bart và đang lướt trên biển. Cô nhìn tờ giấy của tên trùm một lần nữa. Nó không cho biết cô sẽ đi đâu.

Chương 29

Rời Saint Maarten



Sarah trình diện ở đuôi sau boong tàu đúng lúc 9 giờ. Trời bắt đầu mưa nặng hạt. Mây đen và gió mạnh mặc nhiên đùa giỡn với biển. Zizi mặc áo mưa màu lam nhạt và đeo kính đen dù thời tiết rõ ràng là rất u ám. Bin Talal đứng bên cạnh tên trùm.

“Không trễ một phút nào cả”. Sarah nói chuyện một cách thân thiện. “Đầu tiên là dọa nổ bom, rồi một tờ ghi chú nhỏ bảo dọn đồ đạc kẹp trong bữa ăn sáng của tôi”. Cô nhìn về phía khoảng trống dành cho máy bay lên thẳng và thấy phi công của Zizi đang treo lên buồng lái chiếc Sikorsky. “Tôi phải đi đâu đây?”

“Tôi sẽ nói cho cô biết trên đường đi”. Zizi trả lời, nắm lấy tay cô.

“Ông sẽ đến đó với tôi chứ?”

“Chỉ đến Saint Maarten thôi”. Hấn kéo cô về phía cầu thang dẫn lên sân bay. “Có một chiếc phản lực dành riêng cho cô ở đấy”.

“Chiếc phản lực ấy chở tôi đi đâu?”

“Đến chỗ bức tranh. Tôi sẽ nói cho cô rõ trên đường đến đó”.

“Bức tranh ở đâu, ông Zizi?”

Hấn dừng lại giữa đường đến bậc thang và nhìn cô, đôi mắt giấu sau cặp kính đen.

“Việc đó có phiền cô lắm không Sarah? Cô có vẻ căng thẳng quá”.

“Tôi chỉ không thích việc lên máy bay mà chẳng biết mình sẽ được đưa tới đâu”.

Tên trùm mỉm cười và bắt đầu nói với cô, nhưng lời hấn nói bị chìm lỉm bởi tiếng động cơ rú rít của chiếc Sikorsky.

Lúc chiếc trực thăng cất cánh, Gabriel đang đứng trên thành tàu Sun Dancer. Anh quan sát nó chốc lát rồi chạy vội đến đài chỉ huy chỗ viên Đại úy hải quân đứng lái.

“Chúng chuyển cô ấy đến Saint Maarten rồi. Chúng ta cách bờ bao xa vậy đại úy?”

“Khoảng năm dặm”.

“Mất bao nhiêu thời gian mới tới được đó?”

“Thời tiết mà cứ như thế này, tôi đoán khoảng 30 phút. Có thể ít hơn”.

“Còn mấy chiếc Zodiac thì sao?”

“Anh sẽ không muốn thử chiếc Zodiac nào đâu, nhất là với tiết trời này”.

“Vậy đưa chúng tôi gần đến đó, càng nhanh càng tốt”.

Người Đại úy hải quân gật đầu và chuyển hướng tàu. Gabriel đi đến trung tâm chỉ huy gọi điện cho Carter.

“Cô ấy đang bị dẫn đến sân bay ở Saint Maarten”.

“Cô ấy đi một mình à?”

“Không, Zizi và tên đội trưởng an ninh đi với cô ấy”.

“Anh mất bao nhiêu thời gian để đến đó?”

“45 phút đến bờ. Thêm 15 phút đến sân bay”.

“Tôi sẽ cho phi hành đoàn sẵn sàng cùng với chiếc máy bay khi anh đến nơi”.

“Hiện thời tôi chỉ cần biết Zizi đưa cô ấy đi đâu”.

“Nhờ bọn al-Qaeda mà giờ đây chúng ta kiểm soát được tất cả các tháp điều khiển giao thông ở nửa bán cầu này. Khi gã phi công của tên Zizi lên kế hoạch bay, chúng ta sẽ biết nơi cô ấy tới”.

“Mất bao lâu?”

“Thường thì chỉ khoảng vài phút”.

“Tôi chắc là mình không cần phải nhắc lại với ông rằng càng nhanh càng tốt”.

“Cứ lên bờ đi. Tôi sẽ lo hết mọi chuyện còn lại”.

“Đó là Manet”.

Zizi nói khi họ lướt về phía đường bờ biển dưới những đám mây xám. “Tôi đã để ý đến nó nhiều năm rồi. Tên chủ rất miến cưỡng khi phải xa nó nhưng tối hôm qua hẳn gọi điện cho tôi từ Geneva và bảo rằng hẳn muốn thỏa thuận”.

“Thế ông muốn tôi làm gì?”

“Xem xét bức tranh cho kĩ và chắc chắn rằng nó vẫn còn ở trong tình trạng chấp nhận được. Rồi kiểm tra lai lịch nguồn gốc của nó thật kỹ càng. Tôi chắc cô cũng biết về hàng ngàn bức tranh theo trường phái Ấn tượng Pháp đã tuồn sang Thụy Sĩ trong thời chiến dưới hình thức nhập lậu. Điều cuối cùng tôi không bao giờ muốn là một gia đình Do Thái nào đó đập cửa nhà tôi đòi lấy lại bức tranh”.

Sarah cảm thấy nỗi sợ đang gõ nhịp trong ngực mình. Cô quay đi và nhìn ra cửa sổ.

“Nếu việc kiểm tra diễn ra thuận lợi?”

“Chọn một cái giá cho phù hợp. Tôi sẽ sẵn sàng cho 30 triệu, nhưng lạy Chúa, đừng ra giá đó nhé”. Hẳn đưa cô một cái danh thiếp có viết số bằng tay ở phía sau. “Khi cô đàm phán được giá cuối cùng, gọi cho tôi trước khi cô đồng ý với giá đó”.

“Tôi gặp hẳn lúc mấy giờ?”

“Mười giờ sáng mai. Một tên tài xế của tôi sẽ đón cô ở sân bay tối nay và đưa cô đến khách sạn. Cô có thể ngủ một giấc thật ngon trước khi đi xem bức tranh”.

“Tôi có cần phải biết tên người chủ của bức tranh không?”

“Hermann Klarsfeld. Hẳn là một trong những người giàu nhất ở Thụy Sĩ, điều đó cũng nói lên được chút gì về hẳn đấy. Tôi đã cảnh báo hẳn rằng cô rất đẹp và hẳn rất trông đợi được gặp mặt cô”.

“Tuyệt”. Sarah vẫn nhìn qua cửa sổ khi sắp tới bờ biển.

“Herr Klarsfeld là một lão già tám mươi. Cô không cần phải lo lắng về bất cứ hành vi sàm sỡ nào đâu”.

Zizi nhìn bin Talal. Tên đội trưởng an ninh vớ tay xuống phía dưới ghế của mình và lôi ra cái giỏ Gucci mới. “Đồ đạc của cô đây, cô Sarah”. Giọng hẳn có vẻ hối lỗi. Sarah nhận cái giỏ và mở ra. Trong giỏ là những vật dụng điện tử từ hôm cô đến, gồm chiếc điện thoại di động, PDA, iPod và máy sấy tóc; thậm chí cả đồng hồ báo thức. Không gì còn để lại trên Alexandra cho thấy cô đã từng ở đó.

Chiếc trực thăng bắt đầu hạ cánh. Sarah nhìn ra ngoài cửa sổ thêm một lần nữa và thấy rằng họ đang đáp xuống sân bay. Ở cuối đường băng là một loạt các máy bay phản lực cá nhân. Một

chiếc đang được nạp nhiên liệu chuẩn bị cất cánh. Zizi lại ca tụng sự giàu có của Herr Klarsfeld, nhưng Sarah không để tai bất cứ lời nào. Cô bị ép lên chiếc trực thăng để rồi bị quên lãng. Giờ cô chỉ nghĩ đến chạy trốn. Chẳng có Herr Klasfeld nào hết, cô tự nhủ. Cũng không có Manet nào hết. Cô nhớ Zizi đọc kinh tạ ơn vào buổi trưa cô nhận làm việc cho chúng. *Như cô thấy, tôi rất rộng lượng với những người làm việc cho mình, nhưng tôi rất giận những người phản bội mình.* Cô đã phản bội hẳn. Cô phản bội hẳn vì Gabriel. Giờ cô phải trả giá bằng chính mạng sống của mình. Đó là luật của Zizi.

Sarah nhìn xuống sân bay, tự hỏi có khi nào Zizi để một khe hở cho cô trốn thoát không. Chắc rằng sẽ có nhân viên hải quan kiểm tra hộ chiếu của cô. Cũng có thể có một nhân viên sân bay hoặc một hai cảnh sát. Cô ôn lại những điều sẽ nói với họ. *Tên tôi là Sarah Bancroft. Tôi là công dân Mỹ. Những người đàn ông này đang cố gắng đưa tôi đến Thụy Sĩ trái với ý nguyện của tôi.* Rồi cô nhìn Zizi và tên trưởng an ninh của hẳn. *Ông đã tính toán đến viễn cảnh ấy chứ gì. Ông đã mua chuộc hết các nhân viên hải quan và hối lộ bọn cảnh sát.* Zizi không thích trì hoãn điều gì, đặc biệt là đối với một phụ nữ không theo đạo Hồi.

Bánh xe trực thăng của chiếc Sikorsky cán trên nền đường nhựa lổn nhổn đá. Bin Talal mở cửa buồng trực thăng và trèo xuống, rồi đưa tay đón Sarah. Cô nắm tay hẳn và bước xuống cầu thang trong cơn gió xoáy cuộn. Cách trực thăng khoảng 5 mét có một chiếc Falcon 2000 đang đợi, tiếng máy gào thét chuẩn bị cất cánh. Sarah nhìn quanh: không có nhân viên hải quan, không có cảnh sát. Zizi đã chặn ngay con đường duy nhất của cô. Sarah nhìn vào cabin của chiếc Sikorsky và nhìn Zizi lần cuối. Tên trùm vẫy tay thân ái với cô rồi đưa mắt xuống chiếc đồng hồ Rolex bằng vàng như nhà vật lí học đang định thời gian chết.

Bin Talal tóm lấy đồng túi xách của Sarah rồi kéo tay cô đến thẳng chiếc Falcon. Khi bước trên bậc thang lên máy bay, cô cố dần tay ra khỏi hẳn nhưng hẳn nắm cứng bắp tay cô và kéo cô lên các bậc thang. Sarah la hét kêu cứu nhưng tiếng kêu của cô lọt thỏm trong tiếng động cơ máy bay và tiếng đập phanh phạch của cánh quạt.

Sarah cố gắng phản kháng thêm một lần nữa khi đã ở trên bậc thang cuối cùng, bin Talal đẩy vai cô một cách thô bạo vào trong cabin. Cô ngã dúm dụi vào cái cabin sang trọng được trang trí bằng gỗ đánh bóng và da thuộc mềm màu vàng nâu. Nó nhắc cô nhớ đến cỗ quan tài. Ít nhất chuyển đi đến lãng quên này sẽ khá là thoải mái. Cô gom chút sức lực còn lại húc vào người gã Ả-rập Xêút như thể cô sắp nổi khùng lên. Lúc này, không còn thấy khung cảnh phía bên ngoài nữa, không còn phải thận trọng trong phản ứng nữa. Hẳn tát cô một cái nảy lửa vào má phải, cô té lăn trên sàn cabin. Bọn Ả-rập Xêút rất biết cách cư xử với phụ nữ nổi loạn.

Sarah nghe thấy tiếng vang vọng trong tai và một khắc sau mắt cô nổ đom đóm. Khi thị lực đã rõ hơn, cô thấy Jean-Michel đang đứng trước mặt mình, chùi tay vào cái khăn linen. Gã người Pháp ngồi trên chân cô và chờ cho đến khi bin Talal trói chặt hay hai cô xuống sàn trước khi chuẩn bị ống tiêm dưới da cho cô. Sarah cảm thấy vết chích đau nhói, kim loại hoá lỏng chảy vào tĩnh mạch cô. Da mặt của Jean-Michel bắt đầu tuột xuống khỏi hộp sọ của hẳn, rồi Sarah trượt xuống phía dưới bề mặt của một vùng nước đen và lạnh.

Chương 30

Saint Maarten



Một giờ sau đó chiếc Zodiac tiến vào vùng vịnh Great. Bốn người đàn ông trên tàu mặc quần dài và áo khoác thể thao, mỗi người mang một cái túi ngủ vì lợi ích của chính quyền địa phương. Đưa tàu vào bến xong, họ trèo lên một chiếc tắc xi đã chờ sẵn và phóng tới phi trường với tốc độ đáng kể. Ở đó, sau khi trình hộ chiếu, căn cước giả và trót lọt qua bước kiểm tra, họ lên chiếc phản lực cá nhân Gulfstream V. Phi hành đoàn đã đăng ký kế hoạch bay và đã yêu cầu một vị trí cất cánh. Một giờ sau, lúc 11 giờ 37 phút sáng giờ địa phương, chuyến bay khởi hành. Điểm đến là sân bay Kloten ở Zurich, Thụy Sĩ.

Khi chiếc Gulfstream bay là là trên mặt vịnh Simpson, Adrian Carer gọi ba cuộc điện thoại: một đến Chánh văn phòng CIA, hai đến Lực lượng vũ trang của cơ quan tình báo chuyên về các chuyến đi bí mật, và cuộc gọi thứ ba đến một bác sĩ của cơ quan tình báo, người chuyên chăm sóc các đặc vụ bị thương trong điều kiện thiếu thốn trang thiết bị y tế và thuốc men. Sau đó ông ta mở két sắt âm tường của mình và lấy ra ba cái ví. Trong mỗi cái ví là một hộ chiếu giả cùng với thẻ căn cước, thẻ tín dụng, một ít tiền mặt và những bức ảnh gia đình chưa từng tồn tại. Mười phút sau, ông ta băng qua bãi giữ xe phía Tây để đến chỗ chiếc Volvo. Người đàn ông của Tổng hành dinh này lại 'ra trận' thêm một lần nữa. Trận địa lần này là Zug.

Ở khu buôn bán Munich, Uzi Navot đang ăn bữa trưa muộn với một tay đưa tin của cơ quan Tình báo Đức thì nhận được cuộc gọi khẩn cấp từ Tel Aviv. Không phải Văn phòng điều hành mà đích thân Amos Ahrrrett gọi cuộc hội thoại của họ ngắn gọn và chỉ có một bên nói. Navot im lặng lắng nghe, thỉnh thoảng anh nghiêng rằng để cho Amos thấy rằng y hiểu cần phải làm gì, sau đó anh cúp máy.

Navot không muốn cho gã điệp viên Đức biết rằng Văn phòng đang rơi vào một cuộc khủng hoảng, vì thế anh vẫn ở lại nhà hàng thêm 30 phút nữa, anh tần mẩn cắt móng tay dưới gầm bàn trong khi gã người Đức ăn bánh tằm đường và uống cà phê. Vào lúc 3 giờ 15 phút thì anh đã ở sau tay lái của chiếc Mercedes dòng E, và lúc 3 giờ 30 phút, thì anh đã chạy về phía tây theo con đường E54.

Hãy nghĩ đây là một cuộc thử giọng, Amos đã nói thế. Làm sạch sẽ vụ này đi và phòng điều hành đặc biệt sẽ là của anh. Và Uzi Navot chạy đến Zurich trong buổi chiều nhạt nắng, thẳng tiến trong sự nghiệp là tất cả những gì trong đầu anh lúc này. Anh muốn có Sarah - và anh muốn cô ta còn nguyên vẹn.

Nhưng Sarah đang bị một màn sương thuốc mê bao phủ nên chẳng biết gì về những sự kiện vẫn đang xoáy cuộn quanh mình. Thật sự thì cô chẳng có ý niệm gì về trạng thái cơ thể của mình nữa. Cô không biết mình bị trói vào ghế đối diện với khoang đuôi máy bay Falcon 2000, với người lái của dịch vụ hàng không quản trị Caracas thuộc Tập đoàn AAB tại Riyadh, Geneva.

Cô không biết rằng tay mình bị còng lại với nhau và mắt cá chân đã bị cùm. Không biết rằng vết đỏ thẫm trên gò má phải của cô chính là lời hỏi thăm sức khỏe của bin Talal. Không biết người ngồi đối diện, cách cô một bàn nước nhỏ, là Jean-Michel, hiện đọc lướt một quyển truyện khiêu dâm của Hà Lan và nhấp nháp rượu whiskey Scotland làm từ mạch nha mà hắn mua ở gian hàng miễn thuế ở sân bay Maarten.

Sarah chỉ nhận thức được những giấc mơ của mình. Cô nắm bắt hết sức mơ hồ về những hình ảnh đang phôi bày trước mắt, cô nghĩ rằng chúng hoàn toàn phi thực, nhưng cô lại chẳng còn chút sức lực nào mà kiểm soát chúng. Cô nghe tiếng chuông điện thoại, và khi nhắc máy cô nghe tiếng Ben ở đầu dây bên kia, nhưng thay vì đi về phía tháp Nam của tòa nhà Thương mại Thế giới thì anh lại hạ cánh an toàn ở Los Angeles và đang bận túi bụi với các cuộc họp hành. Cô bước vào tòa thị chính trang nghiêm ở Geogetown, người ân cần ra đón cô không phải là Adrian Carter mà là Zizi al-Bakari. Kể đó cô thấy mình ở trong một căn nhà miền quê nước Anh, những người có mặt ở đây không phải là Gabriel và đồng đội của anh mà là một nhóm khủng bố Ả-rập Xêút đang ngồi bàn bạc những âm mưu tiếp theo. Một chiếc du thuyền tuyệt đẹp đang lướt trên biển máu. Một phòng trưng bày tranh ở Luân Đôn treo chi chít chân dung những người đã chết. Và cuối cùng là một người phục chế tranh nghệ thuật mắt màu xanh ngọc, tóc mái điểm bạc đang đứng trước bức vẽ chân dung cô gái bị khóa tay vào bàn trang điểm. Người phục chế tranh ấy là Gabriel, còn người phụ nữ trong bức tranh chính là Sarah. Những hình ảnh ấy đột ngột bốc cháy, khi ngọn lửa tàn, Sarah nhìn khuôn mặt của Jean-Michel. “Chúng ta đang đi đâu vậy?”

“Trước tiên chúng ta phải làm rõ xem mày làm việc cho ai, sau đó chúng ta mới giết mày”. Sarah nhắm mắt khi mũi kim tiêm dưới da ấy một lần nữa cắm phập vào bắp chân cô. Kim loại nóng chảy. Vùng nước đen...

Chương 31

Kloten, Switzerland



Khách sạn Flyaway ở số 19 đường Marktgasse là một căn nhà không sang trọng. Kiến trúc thô sơ và tẻ nhạt, tiền sảnh đơn giản nhưng rất sạch sẽ. Điều hấp dẫn duy nhất là khách sạn này chỉ cách sân bay có năm phút. Vào một đêm tháng hai đầy tuyết như đêm nay, khách sạn là điểm tụ tập bí mật mà chính quyền và cảnh sát địa phương không hay biết gì. Hai người đàn ông đến từ Bỉ, người thứ ba từ Roma và người còn lại từ Luân Đôn. Tất cả bọn họ là chuyên gia giám định vật lí học. Cả nhóm đăng kí phòng bằng tên giả và hộ chiếu giả. Người đàn ông thứ năm đến từ Paris, đăng kí bằng tên thật Moshe. Anh ta chẳng phải chuyên gia giám định mà chỉ là *bodel*, tức người đưa tin cấp thấp. Anh ta lái chiếc Audi A8, hiện thời chiếc xe đang đỗ ngoài đường. Trong cốp xe là một vali đầy súng, bộ đàm, kính mắt hồng ngoại và mũ bảo hiểm khít đầu và cổ, chỉ hở mặt.

Người đến cuối cùng là người mà các cô tiếp tân biết rõ nhất, vì anh ta là du khách thường xuyên qua lại sân bay Kloten và nghỉ tại Flyaway nhiều lần đến nỗi có lẽ chính anh ta cũng chẳng nhớ rõ. “Chào buổi tối, ông Bridge”. Một cô gái lên tiếng khi vị khách quen xuất hiện trong sảnh khách sạn. Năm phút sau anh ta đã ở trong phòng của mình trên lầu. Hai phút tiếp theo, những người khác đã tập trung ở phòng anh. “Một chiếc máy bay sắp hạ cánh ở Kloten”, anh thông báo cho bọn họ, “Có một cô gái trên máy bay và chúng ta phải cố gắng làm sao để tối nay cô ấy thoát chết”.

Sarah tỉnh dậy lần thứ hai. Cô mở mắt chỉ đủ lâu để nhận diện khung cảnh xung quanh mình, rồi nhắm mắt lại ngay trước khi Jean-Michel có thể tiêm vào chân cô một mũi thuốc mê nữa. Họ đang đáp xuống mặt đất và chiếc trực thăng lắc lư cùng với lớp không khí đang chuyển động. Cô hơi ngả đầu qua một bên, phần thái dương đập thành thịch của cô va mạnh vào tường theo sự lắc lư của chiếc trực thăng. Ngón tay cô tê liệt vì bị còng quá lâu, và lòng bàn chân cô như thể bị hàng ngàn mũi kim chích. Jean-Michel vẫn ngồi đối diện cô, mắt hấn nhắm nghiền và đôi bàn tay đan vào nhau đặt phía dưới bụng.

Sarah mở mắt lần thứ hai. Mắt cô nhoà và mờ như thể bị bao bọc trong một màn sương đen. Cô đưa tay chạm mặt và sờ thấy lớp vải. *Mũ trùm đầu*, cô nghĩ. Rồi cô nhìn xuống thân thể và thấy một tấm mạng đen quấn quanh mình. Jean-Michel đã mặc cho cô loại áo trùm toàn thân của phụ nữ đạo Hồi. Cô khe khẽ khóc. Jean-Michel nhướn một mắt tàn nhẫn nhìn cô.

“Chuyện gì vậy Sarah?”

“Anh đưa tôi đến Arập Xêút phải không?”

“Chúng ta đến Thụy Sĩ như Zizi đã bảo”.

“Nhưng tại sao lại mặc thứ áo choàng của phụ nữ Hồi giáo cho tôi?”

“Điều đó giúp máy nhập cảnh được dễ dàng. Khi hải quan Thụy Sĩ thấy phụ nữ Arập Xêút che

mạng, chúng có xu hướng kính trọng mày nhiều hơn”. Hắn nở nụ cười kịch côm. “Tao nghĩ thật là nhục nhã khi bao phủ người mày bằng vải đen thế này, nhưng tao thật sự khoái cái việc mặc loại quần áo này cho mày đấy”.

“Mày đúng là một con lợn, Jean-Michel ạ”.

Sarah chưa bao giờ thấy mắt nổ đom đóm như khi một cái bạt tai trời giáng nện thẳng vào gò má phải vẫn còn sưng tấy của cô. Khi thị giác cô trở lại như cũ thì Jean-Michel đã ngồi dựa vào ghế của hắn. Chiếc trục thẳng nảy lên bất thành linh, Sarah thấy cảm giác khó chịu trào lên đến tận cổ.

“Tôi nghĩ tôi sắp bệnh rồi”.

“Giống như ở Le Tetou à?”

Nghĩ nhanh lên Sarah.

“Tao bị bệnh ở Le Tetou thật đấy, đồ ngu”.

“Rồi mày khỏe lại khá nhanh chóng. Thật ra mày có vẻ rất khỏe khoắn khi trở lại tàu Alexandra với tụi tao”.

“Những loại thuốc anh tiêm vào người tôi làm tôi buồn nôn quá. Dẫn tôi đi vào toa-lét đi”.

“Mày muốn kiểm tra có ai nhắn tin cho mày không hả?”

Nhanh lên Sarah, nhanh lên.

“Anh nói gì vậy? Dẫn tôi đi toa-lét nhanh để tôi nôn ra chứ”.

“Mày không được đi đâu cả”.

“Ít nhất cũng nhắc cái áo choàng này giùm tôi”.

Hắn nhìn cô đầy nghi ngờ rồi nghiêng người qua bàn nước và vén bức mạng che mặt lên, Sarah cảm nhận được không khí mát lạnh trong cabin. Đối với Sarah, việc này giống như việc chú rể vén mạng che mặt người vợ tương lai của hắn. Cơn giận chột bùng lên và cô bất ngờ quất vào mặt Jean-Michel bằng bàn tay bị còng của mình. Hắn dễ dàng né được và quất mạnh lại vào phía bên trái đầu cô. Cô té xuống sàn nhà. Jean Michel đá liên hồi vào bụng Sarah làm cô muốn ngạt thở. Khi cố gắng thở lại được thì cô nôn ra thảm tất cả mọi thứ trong bụng.

“Chó má”, tên người Pháp này cáu kỉnh. “Đáng ra tao phải bắt mày dọn sạch đồng đó mới đúng”.

Hắn nắm sợi dây xích cổ tay Sarah và kéo cô về ghế, đoạn đi thẳng vào toa-lét. Sarah nghe tiếng nước chảy trong bồn. Khi Jean-Michel quay trở lại, hắn cầm theo một cái khăn ướt nhẹp để lau và gói gọn đồng ỏi mưa của Sarah. Rồi hắn rút một ống xilanh nữa và một ống thuốc từ chiếc cặp da nhỏ. Hắn bơm thuốc vào xilanh mà chẳng thèm quan tâm đến liều lượng, rồi hắn nắm lấy tay cô. Sarah cố gắng tránh ra nhưng hắn táng vào mồm cô hai cái. Khi thuốc ngấm vào mạch máu, Sarah vẫn tỉnh nhưng cảm thấy người nặng nề như bị vật gì đó đè lên. Mi mắt nhắm nghiền, tuy nhiên cô vẫn ý thức được chuyện gì đang diễn ra.

“Tôi còn tỉnh đấy”. Cô cố nói. “Thuốc của anh chẳng có tác dụng với tôi nữa”.

“Thuốc có tác dụng đấy chứ”.

“Tại sao tôi vẫn còn tỉnh?”

“Để dễ khai thác câu trả lời hơn”.

“Trả lời gì?”

“Tốt hơn hết là mày thắt dây an toàn vào đi”. Hắn sừng sộ bảo cô. “Ta sắp hạ cánh trong vài phút nữa đấy”.

Sarah cố gắng làm theo lời hắn bảo, nhưng bàn tay cứ nằm im trên đùi chứ không tuân theo ý

muốn của cô.

Sarah áp mặt vào tấm kính cửa sổ mát lạnh và nhìn ra ngoài trời. Trời tối đen như mực. Vài phút sau họ đi vào vùng mây, chiếc trực thăng xóc lên xóc xuống. Jean-Michel rót cho mình một ly whiskey và uống cạn chỉ bằng một hớp.

Ra khỏi vùng mây thì gặp ngay bão tuyết. Sarah nhìn xuống và ngắm nhìn những ngọn đèn đường. Có một khối gì đó phản quang sáng rực bao bọc phía Bắc của vùng nước này và những sợi dây ít sáng hơn nằm dọc theo bờ biển giống hệt như nữ trang. Cô cố nhớ xem tên trùm Zizi đã nói cô phải đi đâu. *Zurich*, cô nghĩ. *Đúng rồi, đúng là Zurich... Herr Klarsfeld... Bức tranh mà Zizi không trả quá 30 triệu...*

Máy bay bay ngang qua vùng trung tâm Zurich và nghiêng về phía phi trường. Sarah cầu cho máy bay bị rớt, nhưng nó vẫn cứ đáp xuống đất một cách suôn sẻ. Máy bay trượt trên đường băng vài phút. Jean-Michel nhìn ra ngoài cửa sổ trong khi Sarah chìm vào vô thức. Cái thân máy bay có vẻ như dài bằng dây Alpine, và khi cô gắng sức nói, từ ngữ trong miệng cô không thể hình thành được.

“Loại thuốc tao chích cho mày khi nãy có tác dụng ngăn thôi”, Jean-Michel bảo. “Rồi mày sẽ nói lại được, hi vọng là thế, ít nhất là vì lợi ích của chính bản thân mày”.

Máy bay bắt đầu giảm tốc. Jean-Michel hạ tấm mạng trên mặt cô xuống, tháo còng và đóng dây xích. Khi máy bay dừng hẳn, hắn mở cửa cabin và đưa đầu ra kiểm tra xem mọi chuyện có ổn không. Hắn xóc nách Sarah, kéo cô đứng dậy. Máu dồn xuống chân làm cô đau nhói và đầu gối cô khụy xuống. Jean-Michel đỡ lấy Sarah trước khi cô ngã. “Bước từng bước thôi”. Hắn bảo. “Bước đi Sarah, mày nhớ phải bước như thế nào mà”.

Cô nhớ, nhưng hầu như không làm được điều đó nữa. Cánh cửa chỉ cách đó khoảng 3 mét mà Sarah có cảm tưởng dài như một dặm vậy. Được vài bước cô vấp phải gấu áo choàng và ngã về phía trước, nhưng Jean-Michel lại một lần nữa đỡ cô dậy. Cuối cùng cũng đến được cửa, Sarah cảm thấy luồng không khí lạnh công cửa vào da thịt. Trời đang đổ tuyết và cực lạnh. Không thấy nhân viên hải quan hay nhân viên an ninh nào, chỉ có một chiếc Mercedes mui kín màu đen biển số ngoại giao. Tập đoàn AAB và lãnh sự quán Ảrập Xêút ở Zurich đã thông báo sẽ có một hành khách từ Saint Maarten đến, và phải chuẩn bị chế độ phục vụ ngoại giao đặc biệt cho hành khách đó. Giống hệt như khi khởi hành: không hải quan, không nhân viên an ninh, không đường trốn thoát.

Đỡ Sarah xuống bậc thang, đi qua con đường trải nhựa và chui vào sau chiếc xe Mercedes đang chờ sẵn. Hắn đóng cửa lại và quay đầu về trực thăng ngay lập tức. Khi xe chuyển bánh, Sarah nhìn gã đàn ông ngồi bên cạnh. Diện mạo hắn hiện lên lơ mờ dưới tấm mạng che mặt màu đen. Bàn tay to bè. Mặt tròn. Cái miệng nhỏ lọt thỏm trong đám râu dê xồm xồm. Một phiên bản khác của bin Talal, cô nghĩ. Một con vượn người ăn mặc sang trọng.

“Ông là ai?”

“Không quan trọng. Tao chẳng là ai cả”.

“Chúng ta đi đâu thế này?”

Gã dứ nắm đấm vào tai cô và bảo cô đừng mở miệng nói chuyện nữa.

Ba mươi giây sau, chiếc Mercedes biển số ngoại giao tăng tốc vượt qua một bóng người phủ đầy tuyết đang lúi húi dưới gầm chiếc xe mui trần chết máy. Người đàn ông có vẻ như không quan tâm khi chiếc Mercedes chạy ngang qua, dù anh ta có liếc nhanh về phía nó. Anh đếm đến năm rồi ném mình qua mui xe vào phía sau tay lái. Khi anh bật chìa khóa, chiếc xe khởi động

liền. Anh vào sổ và lái nó.

Sarah không biết họ đã đi được bao lâu - một giờ hoặc lâu hơn - nhưng cô biết mục đích của chuyến đi này. Những chỗ dừng, những chỗ bắt đầu, những chỗ chạy lùi bất thành hình và những khúc cua làm cô muốn nôn ói: Eli Lavon gọi những ‘cuộc vận động’ như thế là ‘phản giám sát’. Uzi Navot thì gọi đó là ‘tự chùi móng của mình’.

Sarah nhìn ra ngoài cửa kính xe. Cô đã từng ở Thụy Sĩ vài năm khi còn nhỏ và biết thành phố này khá rõ. Đây không phải là những con đường Zurich mà cô còn nhớ được. Đây là những con đường tối tăm và đầy đá dăm ở khu phố phía bắc và khu công nghiệp Quartier. Những kho hàng xấu xí, nhà máy bằng gạch đen đúa, vườn tược ám khói. Không có khách bộ hành trên vỉa hè và không có cả xe cộ lưu thông. Có vẻ như cô đang ở một mình trong cái thế giới mà chỉ có kẻ mang tên “Không Quan Trọng” làm người đồng hành. Cô hỏi gã một lần nữa rằng họ đang đi đâu. Gã trả lời bằng một cú thúc cùi chỏ vào bụng Sarah làm cô hét lên đau đớn.

Gã nhìn qua vai mình thật lâu rồi đẩy Sarah rạp xuống sàn xe và lăm bầm điều gì đó bằng tiếng Ả-rập với gã tài xế. Sarah như tan vào bóng đêm. Cô đẩy lùi nỗi đau đớn vào một góc trong tâm trí và cố gắng tập trung theo dõi sự di chuyển của chiếc xe. Rẽ phải. Rẽ trái. Hai đường ray xe lửa. Một cú dừng đột ngột làm lốp xe ma sát với mặt đường kêu ken két. Người “Không Quan Trọng” kéo cô về bằng ghế rồi mở cửa xe. Sarah nắm lấy chỗ để tay và không chịu buông, “Không Quan Trọng” bắt đầu một cuộc chiến để giằng cô ra, cuối cùng mất hết kiên nhẫn, gã đập cô một cú sắc như dao, cơn đau lan khắp mọi ngõ ngách trong cơ thể cô.

Sarah rú lên đau đớn và đành phải buông tay. Tên “Không Quan Trọng” kéo lê cô ra khỏi xe và quăng cô xuống nền xi măng lạnh ngắt. Có vẻ như họ đang ở trong một bãi đậu xe hoặc là một bến tàu dỡ hàng của một nhà kho nào đó. Cô nằm im, co rút trong cơn đau đớn cực độ về thể xác lẫn tinh thần, ngược nhìn tên khốn khiếp qua tấm mạng che mặt màu đen. *Cái nhìn của một phụ nữ Ả-rập Xêút về thế giới.* Một giọng nói ra lệnh cho cô đứng dậy. Cô cố nhắc người lên nhưng không thể.

Tên tài xế bước xe khỏi xe và cùng với tên “Không Quan Trọng” nhắc cô đứng dậy. Cô ngồi bất động, hai cánh tay dang rộng, người cô cuộn chặt trong chiếc áo choàng của phụ nữ Hồi giáo và chờ một cú đánh như búa tạ đập vào bụng. Nhưng không có cú đánh nào cả, cô được đưa vào băng ghế sau của chiếc xe thứ hai. Người đàn ông ngồi trong đó rất quen thuộc với cô - cô thấy hẳn lần đầu tiên trong trang viên Surrey - căn nhà chưa bao giờ tồn tại, và lần thứ hai trong ngôi biệt thự có thật ở Saint Bart. “Chào Sarah”, Ahmed bin Shafiq nói. “Rất vui được gặp lại cô”.

Chương 32

Zurich



ên thật của cô là Sarah, hay tôi phải gọi cô bằng tên khác?”

Sarah cố gắng trả lời, nhưng âm thanh dù chỉ là những tiếng hóp hóp không khí.

“Tên-tôi-là-Sarah”.

“Vậy tôi sẽ gọi cô là Sarah”.

“Tại-sao-ông-lại-cư-xử-thế-này-với-tôi?”

“Thôi nào Sarah”.

“Hãy-thả-tôi-ra!”

“Tôi e rằng không thể được”.

Cô gập người xuống, đầu gục giữa hai đầu gối. Ahmed bin Shafiq nắm cổ cô giật ngời thẳng lên, sau đó nhắc mạng trùm xem xét những vết thương trên khuôn mặt cô. Nhìn thái độ hằn, người ta không thể đoán được hằn đánh giá thế nào về những vết thương này: quá nặng hay quá nhẹ? Sarah đưa mắt nhìn đáp trả. Áo khoác da, khăn choàng bằng lụa casomia, mắt kính tròn có gọng đồi mồi: hình ảnh của một người giàu có thành đạt ở Zurich. Đôi mắt đen của hằn tỏa ra nét thông minh nhưng đầy tính toán. Hằn vẫn giữ nguyên vẻ mặt như lần đầu gặp cô.

“Cô đang làm việc cho ai?”, hằn hỏi một cách hiền hòa.

“Tôi làm việc”, cô ho sù sụ, “cho Zizi”.

“Thở đi, Sarah. Hãy hít thở chậm và sâu”.

“Đừng-đánh-tôi-nữa”.

“Tôi sẽ không đánh cô”, hằn nói. “Nhưng cô phải kể cho tôi những thứ tôi muốn biết”.

“Tôi không *biết* gì cả”.

“Tôi muốn biết cô đang làm cho ai”.

“Tôi bảo ông rồi - tôi làm việc cho Zizi”.

Khuôn mặt hằn thoáng nét thất vọng. “Thôi đi, Sarah. Đừng làm cho mọi việc trở nên khó khăn. Hãy trả lời câu hỏi của tôi. Hãy nói sự thật, rồi tất cả những chuyện tra tấn này sẽ chấm dứt”.

“Ông sẽ giết tôi”.

“Đúng vậy”, hằn ta thừa nhận. “Nhưng nếu cô nói với chúng tôi những gì chúng tôi muốn biết, cô sẽ không phải bị rạch mặt, và cái chết của cô sẽ êm ái không đau đớn. Nếu cô nhất định nói dối, những giờ phút cuối cùng của cô trên trái đất này sẽ là một địa ngục sống”.

Sự độc ác của hằn không có giới hạn, cô nghĩ. Hằn nói về việc chặt đầu mình mà còn không thêm ngoảnh mặt đi.

“Tôi đang nói sự thật”, Sarah lầm bầm.

“Cô sẽ phải khai thôi, Sarah. Bất cứ ai cũng phải khai. Kháng cự không có ích gì. Làm ơn, đừng hành hạ bản thân mình như vậy”.

“Tôi không tự hành hạ bản thân. Ông mới chính là kẻ...”.

“Tôi muốn biết cô đang làm việc cho ai, Sarah”.

“Tôi làm việc cho Zizi”.

“Tôi muốn biết ai đã phái cô đến”.

“Chính Zizi đến tìm tôi. Ông ta gửi hoa và nữ trang cho tôi. Ông ta gửi vé máy bay rồi mua quần áo cho tôi”.

“Tôi muốn biết tên cái gã đã liên lạc với cô ở bãi biển Saline”.

“Tôi không...”

“Tôi muốn biết tên cái gã đã đổ rượu lên người vợ tôi ở Saint-Jean”.

“Người nào?”

“Tôi muốn biết tên cô gái đi cà nhắc gần Le Tetou trong bữa tiệc tối của Zizi”.

“Làm sao tôi biết tên cô ta được?”

“Tôi muốn biết tại sao cô theo dõi tôi tại bữa tiệc của tôi. Tại sao đột nhiên cô quyết định búi tóc. Tại sao cô lại búi tóc lên khi chạy bộ cùng Jean-Michel”.

Đến đây Sarah oà khóc một cách hoảng loạn. “Những chuyện này thật điên rồ!”

“Tôi muốn biết tên ba kẻ đi xe máy theo dõi tôi ngày hôm đó. Tôi muốn biết tên hai kẻ đến biệt thự của tôi để giết tôi. Và cả tên của kẻ theo dõi khi máy bay tôi cất cánh”.

“Tôi đang nói với ông *sự thật!* Tên tôi là Sarah Bancroft. Tôi làm việc cho phòng tranh ở Luân Đôn. Tôi bán cho Zizi một bức tranh. Sau đó ông ta mời tôi đến làm việc cho ông ta”.

“Bức Van Gogh à?”

“Đúng vậy!”

“Bức *Marguerite Gachet* bên bàn trang điểm?”

“Đúng vậy, đồ con hoang”.

“Cô lấy bức tranh này ở đâu? Do chính cô mua được hay do tổ chức tình báo của cô mua?”

“Tôi không làm việc cho tổ chức tình báo nào cả. Tôi làm việc cho Zizi”.

“Cô làm việc cho người Mỹ?”

“Không”.

“Cho người Do Thái?”

“Không!”

Ahmed bin Shafiq thở ra nặng nề, đoạn gỡ kính, dùng chiếc khăn quàng cổ casomia chùi kính một lúc lâu, khuôn mặt có vẻ đắn đo suy nghĩ. “Cô nên biết rằng không bao lâu sau khi cô rời khỏi Saint Maarten, có bốn người ra phi trường, lên một chiếc máy bay cá nhân. Chúng tôi nhận ra chúng. Chúng tôi đoán bọn chúng bay đến Zurich. Chúng là người Do Thái, phải không Sarah?”

“Tôi không biết ông đang nói gì”.

“Tin tôi đi, Sarah. Chúng là người Do Thái. Ai cũng có thể nhận ra”.

Hắn giơ kính lên nhìn kỹ, sau đó lau tiếp vài lần nữa. “Cô cũng nên biết rằng những tên đồng nghiệp Do Thái ấy đã vụng về theo bước cô đêm nay sau khi cô xuống sân bay. Tài xế của chúng tôi đã dễ dàng cắt đuôi chúng. Cô thấy đấy, chúng tôi cũng hết sức chuyên nghiệp. Bây giờ chúng đã mất dấu cô. Cô chỉ còn một mình”.

Hắn đeo kính vào.

“Cô nghĩ rằng những tên được gọi là chuyên nghiệp mà cô đang làm việc cùng sẽ sẵn lòng hi sinh tính mạng của chúng vì cô sao? Chắc vào giờ này bọn chúng đang ới mưa hết những bí

mặt ra sàn nhà cho tôi nghe rồi. Nhưng cô khá hơn bọn chúng, đúng không Sarah? Zizi thấy cô khá, nên mới mắc phải sai lầm là đã thuê cô”.

“Đó không phải là sai lầm. Ông mới là người đang phạm sai lầm”.

Hắn cười buồn bã. “Tôi phải trao cô vào tay Muhammad bạn tôi thôi. Anh ta làm cho tôi trong nhóm 205. Cái tên này có quen thuộc với cô không Sarah? Nhóm 205? Chắc chắn những người huấn luyện cô đã nhắc đến tên này trong khóa đào tạo cho cô”.

“Tôi chưa bao giờ nghe thấy tên này”.

“Muhammad là người chuyên nghiệp. Anh ta cũng là một nhà thẩm vấn rất khôn khéo. Cô và Muhammad sẽ có một cuộc hành trình cùng nhau. Hành trình đêm. Cô có biết thuật ngữ này không Sarah? Cuộc Hành trình đêm”.

Đáp lại, Sarah chỉ khóc nức. Bin Shafiq bèn trả lời câu hỏi.

“Chính trong cuộc Hành trình đêm này, Chúa trời đã tiết lộ kinh Koran cho nhà Tiên tri. Đêm nay cô cũng sẽ tiết lộ thông tin của mình. Đêm nay cô sẽ khai với anh bạn Muhammad rằng cô đang làm việc cho ai cùng tất cả những gì chúng biết về tổ chức của tôi. Nếu khai nhanh, cô sẽ được hưởng một chút khoan hồng. Nếu tiếp tục nói dối, Muhammad sẽ xẻo thịt cô và cắt đầu cô. Cô hiểu những lời tôi nói không?”

Dạ dày Sarah quặn lên vì một cơn buồn nôn. Bin Shafiq có vẻ thích thú khi nhận ra nỗi sợ hãi của cô.

“Cô có biết là này giờ cô cứ nhìn cánh tay tôi không? Bọn chúng đã kể với cô về vết sẹo của tôi, về bàn tay tàn tật của tôi chứ gì?”. Một nụ cười mệt mỏi khác. “Cô đã bị lộ, Sarah - bị chính những người huấn luyện mình làm lộ”.

Hắn mở cửa, trèo khỏi xe, sau đó cúi người xuống nhìn cô một lần nữa.

“Nhân tiện, cô cũng đã gần thành công. Nếu những người bạn của cô giết được tôi trên hòn đảo đó, một vụ tấn công nữa của chúng tôi đã bị ngưng lại”.

“Tôi tưởng ông làm việc cho Zizi ở Montreal”.

“Ồ, đúng rồi, tôi gần như quen mất”. Hắn quấn chặt khăn quàng quanh cổ. “Muhammad sẽ không thấy thích thú vì những lời nói dối của cô đâu Sarah. Có cái gì đó đã mách bảo tôi rằng hai người sẽ có một đêm dài đầy đau đớn cùng nhau”.

Sarah im lặng một lúc. Sau đó, cô cất tiếng hỏi. “Vụ tấn công nào?”

“Vụ tấn công nào? Tôi không biết? Tôi chỉ là một ông chủ ngân hàng đầu tư”.

Cô hỏi hắn một lần nữa. “Vụ tấn công đó là gì? Các người dự định sẽ tiến hành ở đâu?”

“Nói tên thật của tôi đi, rồi tôi sẽ nói cho cô nghe”.

“Tên ông là Alain al-Nasser”.

“Không, Sarah. Không phải tên vỏ bọc của tôi. Tên thật của tôi cơ. Nói đi. Thú tội đi, Sarah, rồi tôi sẽ nói cho cô nghe điều cô muốn biết”.

Sarah bắt đầu run lập cập. Cô cố gắng thốt thành lời nhưng không thể lấy đủ can đảm.

“Nói đi!”, hắn hét lên. “Nói tên tao đi, đồ chó cái”.

Cô ngẩng mặt lên nhìn thẳng vào mắt hắn.

“Tên-mày-là-Ahmed-bin-Shafiq!”

Đầu hắn giật ngược lại, tựa như đang tránh một cú đấm. Sau đó, hắn mỉm cười ngưỡng mộ.

“Mày là một phụ nữ rất dũng cảm”.

“Còn mày là thằng sát nhân hèn nhát”.

“Đáng lẽ tao nên tự tay giết mày”.

“Nói tao nghe mày dự định làm gì”.

Hắn do dự một lúc, sau đó mỉm cười ngạo nghễ với cô. “Bọn tao còn vài công việc chưa hoàn tất tại Vatican. Tội ác của bọn Thiên Chúa giáo và thế giới phương Tây đối với người Hồi giáo sẽ được trả thù dứt điểm. Nhưng mày sẽ không còn sống mà chứng kiến chiến thắng vinh quang này. Lúc đó mày đã chết rồi. Hắn nói với Muhammad những điều mày biết. Hãy làm cho những giờ cuối cùng trên trái đất của mày dễ chịu”.

Sau khi nói xong những lời này, hắn quay người bước đi. Tên lính gác vừa kéo Sarah ra khỏi xe vừa bịt miếng khăn tẩm ête lên mũi và miệng cô. Cô cào cấu hắn. Cô giãy giụa. Cô đá được vài cái vào ống chân bọc sắt của hắn. Sau đó, thuốc mê bắt đầu ngấm, và cô thấy mình lảo đảo té xuống đất. Một ai đó đỡ lấy cô. Một ai đó đặt cô vào thùng xe hơi. Một khuôn mặt xuất hiện trong một thời gian ngắn nhìn xuống cô, trông có vẻ tò mò và, lạ lùng thay, rất tha thiết. *Khuôn mặt của Muhammad*. Sau đó nắp thùng xe đóng lại, và cô chìm vào bóng đêm. Khi xe hơi bắt đầu chuyển bánh, cô bất tỉnh nhân sự.

Chương 33

Zug, Thụy Sĩ



Gustav Schmidt, trưởng đội chống khủng bố thuộc Cục Tình báo Liên bang Thụy Sĩ, là một đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến chống lại Hồi giáo cực đoan. Ở một đất nước mà các chính trị gia trúng cử, giới báo chí, và phần lớn dân chúng đều chống Mỹ và cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ, Schmidt đã lặng lẽ thiết lập những mối quan hệ cá nhân với đối tác ở Washington, đặc biệt là Adrain Carter. Khi Carter cần giấy phép hoạt động trên đất Thụy Sĩ, Schmidt ngay lập tức cho phép. Khi Carter muốn một phần tử al-Qaeda biến mất khỏi Liên bang, Schmidt thường bật đèn xanh cho ông ta. Còn khi Carter cần chỗ đáp máy bay, Schmidt thường cho ông ta quyền tiếp đất. Bãi hạ cánh tư nhân ở Zug, một thành phố công nghiệp giàu có tại trung tâm đất nước, thường là bãi đáp ưa thích của Carter khi ông ta đến Thụy Sĩ. Schmidt cũng rất ưa nó.

Vừa qua nửa đêm, chiếc máy bay phản lực Gulfstream V ló ra khỏi những đám mây và hạ xuống đường bay đầy tuyết. Năm phút sau, Schmidt đã ngồi đối diện Carter trong khoang cabin hẹp. “Chúng tôi gặp một vấn đề”, Carter nói. “Nói thật với anh, chúng tôi còn chưa hình dung được toàn cảnh mọi chuyện”. Ông ta đưa tay về phía người cùng đi. “Đây là Tom. Anh ấy là bác sỹ. Chúng tôi nghĩ sẽ cần anh ta giúp trước khi qua đêm nay. Thư giãn đi, Gustav. Làm một cốc nào. Có lẽ chúng ta sẽ phải ở đây một lúc lâu”.

Sau đó Carter nhìn ra ngoài cửa sổ ngắm tuyết rơi và không nói gì nữa. Ông ta không cần phải nói rõ. Schmidt đã biết vấn đề là gì. Một điệp viên của Carter đang gặp nạn, còn Carter không chắc người điệp viên đó có sống sót nổi mà quay trở về hay không. Schmidt mở chai brandy và lặng lẽ uống. Trong những lúc như thế này, anh ta mừng vì mình là người Thụy Sĩ.

Cùng lúc đó, nhiều người cũng đang thức khuya tại trạm hàng không chung sân bay Kloten. Người đang chờ không phải là một cảnh sát cao cấp người Thụy Sĩ mà là Moshe, *bodel (một điệp viên)* đến từ Paris. Vào lúc 12 giờ 45 phút, bốn người khác xuất hiện từ phía trạm và lao mình vào cơn bão tuyết. Moshe nhấn còi chiếc Audi A8 khiến bốn người nhất loạt quay lại và đi về phía anh. Yaakov, Mikhail, và Eli Lavon ngồi băng sau xe. Gabriel ngồi đằng trước.

“Cô ấy đâu?”

“Đang di chuyển về hướng Nam”.

“Câu lái xe đi”, Gabriel ra lệnh.

Sarah thức dậy với cảm giác toàn thân lạnh buốt, tai cô ong ong vì tiếng rít của vỏ bánh xe trên mặt nhựa đường ướt. *Mình đang ở đâu đây?* Cô nghĩ thầm, sau đó nhớ lại. Cô đang ở trong thùng xe Mercedes, làm người khách bất đắc dĩ của Muhammad trong chuyến hành trình đêm đi tới sự quên lãng. Chầm chậm, từng chút một, cô ghép lại những mảnh thông tin trong ngày, một ngày dường như dài vô tận, rồi xếp chúng lại theo thứ tự. Zizi ngồi trên máy bay trực

thăng nhìn đồng hồ đeo tay trong khi RA LÊÂNHNH ĐƯA CÔ VÀO TUYÊÂN T LỘ. Và Jean-Michel, người bạn đồng hành trong chuyến đi, tranh thủ chớp mắt vài phút trên đường đi. Cuối cùng là tên quái vật Ahmed bin Shafiq, hấn cảnh cáo với cô rằng vụ tấ máu của hấn tại Vatican vẫn chưa chấ dứt. Cô nghe vắ vắ bên tai giọng nói đều đều như nhịp trống của hấn.

Tôi muốn biết tên gấ liên lạc với cô trên bãi biển Saline...

Cậu ấy là Yaakov, cô nghĩ. Cậu ấy đáng giá gấ trăm lần mầy.

Tao muốn biết tên con nhỏ đi khặ khiễ gần LeTetou trong bữa tiệc tối của Zizi...

Cô ấy là Dina, cô nghĩ. “Người còn sống sót” đang sục sôi chí báo thù.

Tao muốn biết tên gấ đàn ông đã làm đổ rượu lên đồng nghiệp của tao tại Saint-Jean...

Anh ấy là Gabriel, cô nghĩ. Một ngày không xa anh ấy sẽ đến giết mầy.

Bọn họ đã đi hết rồi, mầy chỉ còn một mình...

Không, tao không một mình, cô nghĩ. Họ đang ở đây cùng tao, tất cả mọi người.

Trong tâm tưởng, cô hình dung họ đang đến cứu mình trong màn tuyết rơi dày đặc. Họ có kịp đến trước khi Muhammad đưa cô vào giấc ngủ vĩnh hằng êm ái không? Họ có đến kịp lúc để biết về bí mật mà Ahmed bin Shafiq đã cao ngạo phun ra với cô không? Sarah biết cô có thể giúp họ. Cô có thông tin Muhammad muốn và cô có thể khai theo nhanh hay chậm tùy mình thích, hay theo những chi tiết cô chọn. *Khai chậm thôi*, cô nghĩ. *Chắ việc gì phải vội vàng*.

Khi Sarah tỉnh dậy lần tiếp theo, chiếc xe đang nổ máy rền vang. Không còn tiếng rít của bánh xe trên mặt nhựa đường ẩm ướt nữa. Có vẻ như họ đang cày qua lớp tuyết dày trên con đường gồ ghề. Một phút sau, điều này được khẳng định khi những chiếc bánh không còn lăn nổi chiếc xe hơi khiến một trong những tên ngồi trong xe phải ra ngoài đẩy. Khi chiếc xe dừng lại lần nữa, Sarah nghe tiếng Ảp và tiếng Đức giọng Thụy Sĩ, sau đó là tiếng các khớp nối bằng kim loại bị đông cứng. Họ tiếp tục lái xe một lúc lâu, rồi dừng lại lần thứ ba - theo cô đoán đây cũng là lần cuối bởi động cơ xe hơi ngay lập tức im bật.

Thùng xe bật mở. Hai khuôn mặt xa lạ cúi xuống Sarah; bốn bàn tay túm lấy cô nhấc ra ngoài. Chúng dựng cô đứng thẳng rồi thả tay ra, nhưng đầu gối cô mềm nhũn khiến Sarah đổ sụp xuống tuyết. Điều này có vẻ khiến bọn chúng khoái chí, vì bọn chúng cứ đứng đó cười nhạo một lúc trước khi nhấc cô đứng thẳng dậy lần nữa.

Sarah nhìn quanh. Họ đang đứng giữa một bãi đất trống lớn, xung quanh sừng sững những cây thông và linh sam. Có một ngôi nhà ván hình chữ A, mái dốc đứng và một khu nhà phụ hoàn toàn riêng biệt. Hai chiếc jeep truyền động bốn bánh đang đỗ cạnh dãy nhà phụ. Trời đổ tuyết dày đặc. Sarah, vẫn bị bịt mắt, cảm thấy như trời đang rắc tàn tro xuống nơi này.

Muhammad xuất hiện, hấn gắ lên bằng tiếng Ảp với hai tên đang giữ Sarah đứng thẳng. Chúng tiến một bước về phía ngôi nhà ván, nghĩ rằng cô sẽ đi theo. Nhưng chân Sarah cồng lại vì lạnh nên không cất bước nổi. Cô gắ thều thào với chúng rằng mình đang bị đông cứng tới mức sắp chết nhưng không thể thốt nên lời, nhưng cái lạnh cũng có ích: nó làm dịu đi sự đau đớn của những cú đấ ở mặt và bụng.

Chúng xốc nách và eo Sarah để lôi cô đi. Chân cô tạo thành hai vệt dài song song trên nền tuyết. Chắ bao lâu chúng như bồng rấ vì quá lạnh. Cô cố nhớ lại mình đã đi gì buổi sáng hôm đó. Giày xăng đan đế bằng - đôi mà Nadia đã mua tặng cô tại Gustavia, nó rất hợp với bộ đồ cô mặc tới Le Tetou.

Chúng đi vòng ra phía sau ngôi nhà ván. Ở đây, những cái cây mọc gần hơn, cách ngôi nhà chưa đến 30 thước. Một tên lính gác vừa đứng canh vừa xuýt xoa vì rét, miệng ngậm điếu thuốc còn

chân dậm dậm cho bớt lạnh. Rìu mái che phủ lớp tường bọc ngoài ngôi nhà, nơi chất đầy củi đốt. Chúng kéo cô qua ngưỡng cửa xuống những bậc thang bằng xi măng. Vẫn chưa thể tự mình bước đi, hai bàn chân tê cứng của Sarah đập vào từng bậc thang đau điếng. Cô bắt đầu rú lên vì đau, tiếng rú nghe thất tim, nhưng những kẻ tra tấn cô vẫn không thèm đếm xỉa. Chúng lôi Sarah tới một cánh cửa được khép kín và khóa bằng khóa móc. Một tên lính gác mở khóa, đẩy cửa ra rồi bật đèn lên. Muhammad bước vào phòng trước. Sau đó những tên lính gác mang Sarah vào.

Căn phòng nhỏ hình vuông, mỗi bề chưa đến 3 mét. Tường màu trắng sứ. Các bức ảnh những người Ả-rập tại Abu Ghraib. Những người Ả-rập đang bị nhốt tại vịnh Guantánamo. Một tên khủng bố Hồi giáo đang xách chiếc đầu vừa bị chặt của con tin người Mỹ. Ở giữa phòng có chiếc bàn bằng kim loại được gắn ốc vít vào sàn nhà. Ở giữa bàn có một cái móc sắt, trên đó treo một cặp còng tay. Sarah hét lên và đấm đá bọn chúng. Dĩ nhiên hành động đó là vô ích. Một tên đè tay cô xuống bàn, còn tên kia đeo còng vào tay cô. Một chiếc ghế được kéo đến phía sau Sarah. Hai bàn tay nhấn cô ngồi xuống ghế. Muhammad xé toang khăn bịt mặt rồi tát cô hai cái.

“Mày sẵn sàng nói chưa?”

“Rồi”.

“Không nói dối nữa chứ?”

Cô lắc đầu.

“Nói đi, Sarah. Không nói dối nữa”.

“Không-nói-dối-nữa”.

“Mày sẽ nói với tao tất cả những gì mày biết chứ?”

“Tất cả”.

“Mày lạnh không?”

“Đang chết cứng”.

“Mày muốn uống thứ gì nóng không?”

Cô gật đầu.

“Trà được không? Mày uống trà nhé, Sarah”.

Cô gật đầu lần nữa.

“Mày thường uống trà như thế nào, Sarah?”

“Ông nói thật à?”

“Mày uống trà như thế nào?”

“Với xyanua ¹”.

Hắn ta cười không chút xót thương. “Mày nên thấy mình may mắn đấy. Chúng ta sẽ uống trà, sau đó sẽ nói chuyện”.

Cả ba tên đều rời khỏi phòng. Muhammad đóng cửa rồi cài móc khóa lại. Sarah gục đầu xuống bàn và nhắm mắt. Trong tâm trí cô một hình ảnh đang hình thành - hình ảnh của chiếc đồng hồ ĐANG kêu tích tắc đếm ngược đến lúc cô bị xử tử hình. Muhammad mang trà đến cho cô. Sarah mở lớp vỏ thủy tinh bọc ngoài chiếc đồng hồ tưởng tượng và chuyển kim đồng hồ ngược lại năm phút.

Chú thích

1. Một loại thuốc độc cực mạnh.

Chương 34

Bang Uri, Thụy Sĩ



húng mang trà kiểu Ả-rập đựng trong một chiếc ly nhỏ. Tay Sarah vẫn đang bị còng. Để uống trà, cô phải cúi đầu xuống sát bàn húp sột soạt trong khi Muhammad nhìn cô đầy khinh bỉ. Hắn không hề động tới tách trà của mình. Tách trà đặt giữa quyển sổ ghi chép của hắn và khẩu súng lục đã nạp đạn.

“Các ông không thể khiến tôi bốc khói rồi cho rằng không ai chú ý đến điều này”, cô nói. Hắn nhìn lên rồi chớp mắt nhanh vài lần. Sarah, giờ đây không còn bị vướng víu bởi *abaya* (khăn bịt mặt), quan sát kĩ hắn trong ánh đèn chói chang của phòng thẩm vấn. Hắn bị hói đến đỉnh đầu, số tóc và râu ít ỏi còn lại được cắt ngắn bằng nhau. Đôi mắt đen ẩn kín một phần sau kính, phản chiếu ánh đèn lấp lánh mỗi khi hắn ngược nhìn lên từ quyển sổ ghi chép. Nét mặt hắn cởi mở, và chân thật một cách lạ lùng, không giống một người thẩm vấn. Khuôn mặt hắn, khi không quát tháo đe dọa đánh cô, nhìn có vẻ khá dễ chịu. Đôi lúc Sarah có cảm giác hắn giống như một nhà báo trẻ hăng hái muốn đặt câu hỏi cho một chính trị gia đang đứng trên bục.

“Mọi người ở Luân Đôn đều biết tôi đến biển Caribê cùng Zizi”, cô nói. “Tôi ở gần hai tuần trên chiếc *Alexandra*. Mọi người thấy tôi cùng ăn tối với ông ta tại các nhà hàng ở đảo Saint Bart’s. Tôi ra bãi biển cùng Nadia. Có ghi chép về chuyến bay tôi rời Saint Maarten và chuyến bay tôi đến Zurich. Các người không thể khiến tôi biến mất ở Thụy Sĩ. Các người sẽ không bao giờ thoát tội được”.

“Nhưng mọi chuyện không xảy ra như vậy”, Muhammad nói. “Mày thấy đấy, một lúc sau khi chuyến bay của mày hạ cánh, mày đăng ký tại khách sạn Dolder Grand. Người tiếp viên kiểm tra hộ chiếu của mày, theo như thông lệ ở Thụy Sĩ, rồi chuyển thông tin đến cảnh sát Thụy Sĩ, cũng theo thông lệ. Sau vài tiếng nghỉ ngơi, mày thức dậy, rồi sau khi uống cà phê sáng, mày đến phòng tập thể dục của khách sạn để luyện tập vào buổi sáng. Sau đó mày sẽ tắm rồi thay đồ để đi gặp khách hàng theo như cuộc hẹn. Một chiếc xe hơi sẽ đón mày vào lúc 9 giờ 45 phút rồi đưa mày đến khu nhà ở của Herr Klarsfeld ở Zurichberg. Ở đó, một vài người giúp việc trong nhà của Herr Klarfeld sẽ thấy mày. Sau khi xem xét bức Manet, mày sẽ gọi cho ông al-Bakari thông báo rằng mày không thể đạt được thỏa thuận về giá bán. Mày sẽ trở lại khách sạn Dolder Grand, làm thủ tục rời khách sạn, sau đó ra phi trường Kloten đáp máy bay trở lại Luân Đôn. Mày sẽ nghỉ ngơi hai ngày trong căn hộ ở Chelsea. Trong khoảng thời gian này, mày thực hiện vài cuộc gọi và tiêu tiền trên thẻ tín dụng. Sau đó, thật không may, mày sẽ biến mất không lời giải thích”.

“Cô ta là ai?”

“Tao chỉ có thể nói cô ta khá giống mày, đủ giống để có thể đi lại bằng hộ chiếu của mày và ra

vào căn hộ của mày mà không khiến hàng xóm nghi ngờ. Chúng tao có người giúp đỡ ở châu Âu, Sarah, những người trợ giúp da trắng”.

“Cảnh sát sẽ lần theo Zizi”.

“Không ai *lần theo* Zizi al-Bakari. Dĩ nhiên cảnh sát sẽ có những câu hỏi, và sẽ được các luật sư của ngài al-Bakari trả lời vào khoảng thời gian thích hợp. Vấn đề này sẽ được xử lý êm thấm và chu đáo. Đây chính là ưu thế của người Ả-rập Xêút. Bọn tao thực sự đứng trên luật pháp. Nhưng bây giờ hãy quay trở lại vấn đề trước mắt”.

Hắn nhìn xuống gõ gõ đầu bút một cách thiếu kiên nhẫn vào quyển sổ ghi chép trống trơn.

“Mày sẽ trả lời những câu hỏi của tao chứ, Sarah?”

Cô gật đầu.

“Hãy nói vâng, Sarah. Tao muốn mày quen với việc thắm vấn”.

“Vâng”, cô trả lời.

“Vâng cái gì?”

“Vâng, tôi sẽ trả lời những câu hỏi của ông”.

“Tên của mày có phải là Sarah Bancroft không?”

“Vâng”.

“Rất tốt. Ngày và nơi sinh của mày có đúng như trên hộ chiếu không?”

“Đúng”.

“Cha mày có thật sự là Ủy viên Hội đồng Quản trị của Citibank không?á”.

“Đúng”.

“Có phải mày học trường Đại học Dartmouth, sau đó học sau đại học tại Viện Courtauld ở Luân Đôn không?”

“Phải”.

“Có phải mày là người viết bài luận văn được đánh giá cao về Chủ nghĩa Biểu hiện Đức khi học tiến sỹ tại Harvard không?”

“Đúng vậy”.

“Có phải mày đang làm cho Cục Tình báo Trung ương trong khoảng thời gian này không?”

“Không”.

“Mày gia nhập CIA khi nào?”

“Tôi chưa bao giờ gia nhập CIA”.

“Mày đang nói dối, Sarah”.

“Tôi không nói dối”.

“Mày gia nhập CIA khi nào?”

“Tôi không phải là CIA”.

“Thế mày làm cho ai?”

Cô im lặng.

“Trả lời câu hỏi đi, Sarah. Mày đang làm cho ai?”

“Ông biết tôi đang làm cho ai”.

“Tao muốn nghe chính mày nói ra điều này”.

“Tôi đang làm việc cho Cục Tình báo của Israel”.

Hắn gỡ kính ra, nhìn cô một lúc.

“Mày đang nói sự thật chứ, Sarah?”

“Vâng”.

“Tôi có thể nhận ra nếu mày nói dối”.

“Tôi biết”.

“Mày muốn uống thêm trà không?”

Cô gật đầu.

“Trả lời tao đi, Sarah. Mày có muốn uống thêm trà không?”

“Có, tôi muốn uống thêm trà”.

Muhammad dựa người ra thành ghế và đập tay vào cửa phòng. Cánh cửa mở ra ngay lập tức, Sarah nhìn thấy hai tên đang đứng gác bên ngoài. “Thêm trà”, Muhammad nói với chúng bằng tiếng Anh, sau đó giở sang trang mới trong quyển sổ ghi chép rồi ngược lên nhìn Sarah với khuôn mặt hăm hở và cười mở. Sarah đưa tay lên chiếc đồng hồ tường tượng và cộng thêm mười phút để sống nữa.

Mặc dù Sarah không biết việc này, nhưng nơi thẩm vấn cô là khu Uri có nhiều người theo đạo Thiên Chúa La Mã, ở vùng quên mà người Thụy Sĩ thường hay trêu mếu gọi là Khu Trung tâm Thụy Sĩ. Ngôi nhà nằm ở hẻm núi hẹp bị cắt bởi một nhánh của sông Reuss. Chỉ có một con đường vào hẻm núi và một ngôi làng đơn độc nằm xiêu vẹo bên trên. Uzi Navot xem xét nhanh ngôi nhà, sau đó quay lại lái xe xuống hẻm núi. Theo kinh nghiệm của anh, người Thụy Sĩ là một trong những dân tộc thận trọng nhất trên thế giới.

Những kẻ người Ả-rập Xêút đã cố cắt đuôi anh ở Zurich, nhưng Navot đã được chuẩn bị. Anh luôn tin rằng khi theo đuôi một người chuyên nghiệp đang nghĩ mình sẽ bị theo dõi, tốt nhất nên để hấn ta nghĩ rằng thật sự hấn ta đang bị theo dõi - và quan trọng hơn, rằng những biện pháp phòng ngừa của hấn có tác dụng. Navot đã hi sinh ba người theo dõi của mình ở bắc Zurich để khiến hấn tin như vậy. Chính Navot là người đã dõi theo chiếc Mercedes với biển số ngoại giao quẹo vào khu phố Công Nghiệp, và hai mươi phút sau chính Navot đã theo đuôi bọn chúng rời khỏi Zurich.

Nhóm của anh tập hợp lại ở dọc biển Zurichsee và cùng anh theo dõi chiếc xe đi hướng nam với Uri. Thời tiết xấu đã giúp họ có thêm lớp bảo vệ, cũng như bây giờ thời tiết đang giúp Navot khi anh ra khỏi xe nhìn lạng lẽ qua hàng cây dày đặc xuống ngôi nhà ván, với khẩu súng trong bàn tay đang giơ lên. Ba mươi phút sau, sau khi quan sát xong khu đất và các biện pháp an ninh, anh ngồi vào sau tay lái, chạy xe xuống hẻm núi về phía thung lũng sông Reuss. Tới nơi, anh đỗ xe tại bãi đất dọc bờ sông chờ Gabriel từ Zurich sang.

“Ai là sỹ quan chỉ huy mày?”

“Tôi không biết tên anh ta”.

“Tôi sẽ hỏi mày thêm lần nữa. Tên sỹ quan chỉ huy của mày là gì?”

“Tôi đã nói với ông, tôi không biết anh ta. Ít nhất là tên thật của anh ta”.

“Mày biết hấn dưới cái tên nào?”

Đừng tiết lộ Gabriel, cô nghĩ. Cô thốt ra cái tên đầu tiên xuất hiện trong đầu.

“Anh ta tự xưng là Ben”.

“Ben à?”

“Vâng, Ben”.

“Mày chắc chứ? Ben?”

“Đó *không phải* là tên thật của anh ta. Đó chỉ là tên anh ta tự gọi mình”.

“Sao mày biết đó *không phải* là tên thật của hấn?”

Cô thầm cảm ơn sự chính xác trong câu hỏi của Muhammad, vì việc này sẽ giúp cô cộng thêm

vài phút vào chiếc đồng hồ tưởng tượng.

“Vì anh ta bảo với tôi đó không phải là tên thật của anh ta”.

“Mày tin hử à?”

“Tôi nghĩ mình chẳng có lí do gì không tin anh ta”.

“Mày gặp người đàn ông này khi nào?”

“Lúc đó là tháng 12”.

“Ở đâu?”

“Ở Washington”.

“Thời gian nào trong ngày?”

“Vào buổi tối”.

“Anh ta đến nhà mày. Nơi mày làm việc?”.

“Lúc đó là sau giờ làm. Tôi đang trên đường về nhà”.

“Kể tao nghe mọi việc diễn ra như thế nào, Sarah. Kể tao nghe mọi thứ”.

Và cô làm đúng theo lời hử, kể từng mẩu một, từng chút một.

“Căn nhà chúng đưa mày tới là ở đâu?”

“Ở Georgetown”.

“Đường nào ở Georgetown?”

“Trời tối lắm. Tôi không nhớ”.

“Đường nào ở Georgetown, Sarah?”

“Đường N, tôi nghĩ thế”.

“Mày nghĩ, hay mày biết?”

“Đó là đường N”.

“Địa chỉ?”

“Không có địa chỉ”.

“Dãy nhà nào?”

“Tôi không nhớ nổi”.

“Nó nằm ở Đông hay Tây đại lộ Winconsin, Sarah?”

“Ông biết Georgetown à?”

“Đông hay Tây?”

“Tây. Chắc chắn là phía Tây”.

“Dãy nhà nào, Sarah?”

“Tôi nghĩ là giữa dãy ba mươi ba và ba mươi tư”.

“Mày nghĩ?”

“Giữa dãy ba mươi ba và ba mươi tư”.

“Phía đường nào?”

“Ý ông là gì?”

“Phía đường nào, Sarah? Bắc hay Nam?”

“Nam. Chắc chắn là phía Nam”.

Vào lúc 2 giờ 45 phút sáng, Navot nhìn thấy chiếc Audi đang chạy với tốc độ nhanh tới mức nguy hiểm, trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt thế này. Khi chiếc xe lao ngang qua làm bắn tuyết và bùn sang hai bên, anh thoáng nhìn thấy khuôn mặt căng thẳng của bốn người đang ngồi trong xe. Anh lấy điện thoại bấm số. “Anh vừa phóng ngang qua mặt tôi”, anh nói bình tĩnh, sau đó nhìn vào gương thấy chiếc Audi của gấp lại gần như muốn lật. *Từ từ thôi, Gabriel,*

anh nghĩ. *Từ từ thôi.*

“Người đầu tiên phỏng vấn mày là ai? Người của CIA hay tên Do Thái?”

“Người Mỹ”.

“Họ hỏi mày những điều gì?”

“Chúng tôi nói chung chung về cuộc chiến chống khủng bố”.

“Ví dụ?”

“Ông ta hỏi tôi theo tôi nghĩ cần phải xử lý như thế nào đối với những tên khủng bố. Bọn chúng nên được đưa tới Mỹ để xét xử hay giết tại hiện trường bởi những người mặc đồ đen?”

“Những người mặc đồ đen?”

“Đó là cách ông ta gọi họ”.

“Có nghĩa là Lực lượng Đặc nhiệm? Những tên thuộc đội chuyên ám sát của CIA? Hay SEAL của Hải quân?”

“Tôi nghĩ vậy”.

“Thế mày trả lời hắn như thế nào?”

“Ông thực sự muốn biết à?”

“Nếu không thì tao đã không hỏi”.

Thế là cô kể cho hắn nghe, từng chút một.

Họ đứng thành vòng tròn dọc bờ sông trong khi Navot nhanh chóng thuật lại cho Gabriel tất cả những thông tin anh nắm được.

“Có lính canh nào nữa ở sân không, hay chỉ hai tên ở cổng trước?”

“Tôi không biết”.

“Có bao nhiêu tên bên trong ngôi nhà?”

“Tôi không biết”.

“Cậu có thấy bọn chúng đưa cô ấy vào đâu không?”

“Không”.

“Có xe cộ nào khác chạy trên đường không?”

“Đường này rất ít xe cộ”.

“Thông tin như vậy không đủ, Uzi”.

“Tôi đã làm hết khả năng của mình rồi”.

“Tôi biết”.

“Tôi nghĩ anh có hai phương án, Gabriel ạ. Phương án một: thực hiện một phi vụ khác. Việc này sẽ mất thời gian. Không phải là không có rủi ro. Nếu thấy chúng ta tới, đầu tiên bọn chúng sẽ giết chết Sarah”.

“Phương án hai?”

“Xông thẳng vào. Tôi chọn phương án hai. Chỉ Chúa mới biết Sarah đang phải chịu đựng những gì ở trong đó”.

Gabriel nhìn xuống tuyết suy nghĩ một lúc. “Chúng ta sẽ đột nhập vào ngay bây giờ”, anh quyết định. “Cậu, Mikhail, Yaakov, và tôi”.

“Giải cứu con tin không phải nghề của tôi, Gabriel. Tôi chỉ là *người đưa tin*”.

“Đây cũng không phải là nghề của Eli, nhưng tôi cần ít nhất bốn người. Moshe và Eli sẽ ngồi đợi trong xe hơi. Khi tôi ra dấu, họ sẽ đến đón chúng ta”.

“Khi nào thì gã người Do Thái đến?”

“Tôi không thể nhớ thời gian đích xác”.

“Khoảng nào?”

“Tôi không nhớ được. Vào khoảng nửa tiếng sau khi tôi đến, như vậy tôi đoán khoảng bảy giờ”.

“Thế hẳn xưng mình là Ben à?”

“Không phải ngay lúc đó”.

“Ban đầu hẳn dùng tên khác à?”

“Không. Ban đầu anh ta không xưng tên”.

“Tả hẳn cho tao nghe thử”.

“Anh ta người khá nhỏ nhắn”.

“Hắn ta mập hay gầy?”

“Gầy”.

“Rất gầy?”

“Anh ta không quá gầy”.

“Có tóc chứ?”

“Vâng”.

“Màu tóc?”

“Màu đen”.

“Ngắn hay dài?”

“Ngắn”.

“Tóc hẳn có khúc nào bị muối tiêu không?”

“Không”.

Muhammad bình tĩnh đặt cây bút lên quyển sổ. “Mày đang nói dối tao, Sarah. Nếu mày nói dối tao lần nữa, cuộc chuyện trò của chúng ta sẽ chấm dứt. Bọn tao sẽ dùng cách khác để moi thông tin của mày. Hiểu chưa?”

Cô gật đầu.

“Trả lời tao đi, Sarah”.

“Vâng, tôi hiểu”.

“Tốt”.

“Bây giờ hãy tả chính xác cho tao nghe cái gã Do Thái tự gọi mình là Ben”.

Daniel Silver

Người đưa tin

Chương 35

Bang Uri, Thụy Sĩ



Ấy quay trở lại mái tóc của hắc. Mà nói hắc tóc ngắn phải không, Sarah? Giống tóc của tao?”

“Dài hơn một chút”.

“Màu đen?”

“Vâng”.

“Nhưng có một vài chỗ muối tiêu, đúng không? Chính xác là hai bên thái dương”.

“Vâng, hai bên thái dương của anh ta tóc muối tiêu”.

“Bây giờ đến đôi mắt. Đôi mắt hắc màu xanh, đúng không? Xanh đến mức bất thường”.

“Mắt anh ta rất xanh”.

“Gã này có tài năng đặc biệt, đúng không?”

“Anh ta có nhiều tài năng”.

“Hắc ta có khả năng phục chế tranh?”

“Vâng”.

“Mày chắc chắn là chưa từng bao giờ nghe tên hắc ta chứ?”

“Tôi nói với ông rồi. Anh ta xưng mình là Ben”.

“Tao biết rồi, nhưng hắc có bao giờ nói về mình với cái tên khác không?”

“Không, không bao giờ”.

“Mày chắc chứ, Sarah?”

“Chắc chắn. Anh ta gọi mình là Ben”.

“Đó không phải là tên thật của hắc, Sarah. Tên của hắc là Gabriel Allon. Hắc ta là kẻ chuyên giết người Palestine. Bây giờ hãy kể tao nghe chuyện gì đã xảy ra sau khi hắc đến căn nhà tại Georgetown”.

Có tấm bảng hiệu tại lối vào con đường dẫn đến ngôi nhà ván. Tấm bảng ghi dòng chữ “CÁ NHÂN”. Cổng an ninh nằm thụt vào 300 mét giữa những hàng cây. Gabriel và Navot di chuyển ở một phía con đường, Mikhail và Yaakov phía bên kia. Tuyết rơi dày đặc dọc rìa con đường dẫn lên hẻm núi, nhưng trong rừng cây thì ít tuyết hơn. Nhìn qua cặp kính hồng ngoại, tuyết ánh lên màu xanh phản quang ma quái trong khi thân những cây thông và linh sam có màu đen nổi bật. Gabriel bò lên phía trước, cẩn thận tránh những cành cây bị rớt xuống có thể tạo thành tiếng rắc dưới sức nặng bước chân anh. Sự im lặng đầy chết chóc bao phủ khu rừng. Gabriel nghe được tiếng tim mình đập thình thịch trong lồng ngực và âm thanh tiếng bước chân của Navot ngay đằng sau. Anh nắm khẩu Beretta bằng cả hai tay - hai bàn tay không đeo găng. Di chuyển trong rừng được mười lăm phút thì anh nhìn thấy ngôi nhà đầu tiên. Có ánh đèn từ cửa sổ tầng trệt, còn trên lầu hai chỉ có một cánh cửa sổ phản chiếu ánh sáng. Những tên lính

gác đang trú lạnh trong một chiếc xe jeep. Động cơ xe đang chạy, nhưng đèn pha xe đã tắt. Cửa đang mở.

“Cậu bắn có tốt không, Mikhail?”

“Được”.

“Tên nào cậu hạ được nhanh nhất từ góc đang đứng?”

“Tên tài xế”.

“Khoảng cách gần 50 bộ, Mikhail. Cậu có thể hạ hấn gọn gàng không?”

“Tôi có thể giết được hấn”.

“Bắn vào đầu, Mikhail. Chúng ta cần hạ bọn chúng thật êm thấm”.

“Tôi làm được”.

“Cậu nhắm đi rồi đợi hiệu lệnh của tôi. Chúng ta sẽ bắn cùng một lúc. Chúa cũng chẳng giúp được chúng ta nếu bắn trượt”.

“Thế là Allon yêu cầu mày giúp hấn?”

“Vâng”.

“Và mày đồng ý?”

“Đúng vậy”.

“Ngay lập tức?”

“Đúng vậy”.

“Không do dự”.

“Không”.

“Tại sao không?”

“Bởi vì bọn mày độc ác. Vì tao ghét bọn mày”.

“Mày cần thận cái miệng đấy”.

“Mày muốn nghe sự thật mà”.

“Sau đó chuyện gì xảy ra?”

“Tao bỏ việc tại bảo tàng Phillips và chuyển đến Luân Đôn”.

Gabriel nhắm kỹ tên đang ngồi ghế sau.

“Cậu sẵn sàng chưa, Mikhail?”

“Sẵn sàng”.

“Bắn hai phát, theo hiệu lệnh của tôi. Năm, bốn, ba, *hai...*”

Gabriel kéo cò súng hai lần. Bốn lỗ thủng xuất hiện gần như ngay lập tức trên cửa kính chiếc xe jeep. Anh lao nước rút dọc con đường xuyên qua lớp tuyết dày đến đầu gối, Navot theo bèn gót, rồi tiến về chiếc xe một cách cẩn thận, tay giơ khẩu Beretta. Mikhail bắn được hai phát chết người vào đầu tên tài xế, nhưng gã mà Gabriel bắn chỉ bị trúng vào má và ngực trên nên vẫn chưa chết hẳn.

Gabriel bắn hấn thêm hai phát xuyên qua lớp cửa kính sau xe, sau đó đứng bất động trong giây lát, mắt quét khắp địa hình tìm xem có dấu hiệu nào cho thấy sự hiện diện của họ đã bị lộ không? Chính Navot là người nhìn thấy tên lính gác đang bước ra khỏi rừng cây ở cánh trái ngôi nhà, còn Mikhail là người hạ gục hấn bằng một phát đạn duy nhất vào đầu, khiến máu và óc phụt ra tung tóe trên lớp tuyết trắng trinh nguyên. Gabriel quay người băng qua khu đất trống tiến về phía ngôi nhà, theo sau là ba đồng đội của mình.

“Hãy kể tao nghe về gã Julian Isherwood này”.

“Julian là một người rất ngọt ngào”.

“Hắn ta người người Do Thái à?”

“Tôi chưa bao giờ hỏi nên không biết”.

“Julian Isherwood là điệp viên lâu năm của Cục Tình báo Israel phải không?”

“Tôi không biết”.

“Vậy thì sau khi rời khỏi bảo tàng Phillips, mày đến làm trợ lý giám đốc ngay lập tức cho Julian Isherwood à?”

“Đúng vậy”.

“Nhưng mày là dân không chuyên. Mày được huấn luyện vào thời gian nào?”

“Vào ban đêm”.

“Ở đâu?”

“Tại ngôi nhà nông thôn phía Nam Luân Đôn”.

“Ngôi nhà nông thôn này nằm ở đâu?”

“Tôi nghĩ là ở Surrey. Tôi chưa bao giờ nhớ được tên ngôi làng”.

“Đó có phải là căn nhà an toàn cố định của bọn Israel không?”

“Một căn nhà thuê. Rất tạm bợ”.

“Có những người khác ngoài Allon chứ?”

“Vâng”.

“Chúng sử dụng những người khác để giúp huấn luyện mày à?”

“Vâng”.

“Cho tao biết tên bọn chúng”.

“Một số người từ Tel Aviv sang, nhưng họ không cho biết tên”.

“Còn những thành viên khác trong đội Luân Đôn của Allon thì sao?”

“Ông muốn biết gì về bọn họ”.

“Cho tao biết tên của bọn chúng”.

“Làm ơn đừng bắt tôi làm điều này”.

“Cho tao biết tên bọn chúng, Sarah”.

“Làm ơn, đừng ép tôi”.

Hắn đánh cô mạnh đến nỗi đẩy cô té ngửa khỏi ghế. Cô khụy ở đó một lát, còng tay bấm sâu vào cổ tay, trong khi hắn gào lên đòi cô tiết lộ tên.

“Nói cho tao biết tên của bọn chúng, Sarah. Tất cả các tên”.

“Có một người tên là Yaakov”.

“Còn ai khác nữa?”

“Yossi”.

“Cho tao một cái tên khác, Sarah”.

“Eli”.

“Tên khác”.

“Dina”.

“Tên khác”.

“Rimona”.

“Đây cũng là những đứa theo mày đến Saint-Bart phải không?”

“Đúng vậy”.

“Ai là gã lần đầu tiếp cận mày trên bãi biển tại Saline?”

“Yaakov”.

“Ai là người phụ nữ để lại tin nhắn trong phòng tắm cho mày tại nhà hàng ở Saline?”

“Rimona”.

“Ai là cô gái bị tật chân đến nhà hàng Le Tetou ngay trước khi mày vào nhà vệ sinh?”

“Dina”.

“Bọn chúng đều là người Do Thái phải không”.

“Điều này khiến mày ngạc nhiên à?”

“Còn mày thì sao, Sarah? Mày có phải là người Do Thái không?”

“Không, tao không phải là người Do Thái”.

“Thế thì tại sao mày giúp bọn chúng?”

“Vì tao ghét bọn mày”.

“Ừ, và mày hãy nhìn xem mày phải lãnh hậu quả gì”.

Họ gặp thêm một tên lính gác nữa trước khi vào được ngôi nhà. Hắn đang đi phía bên phải họ, đến khúc cua, hắn ngu ngốc bước ra chỗ trống với vũ khí giắt bên hông. Gabriel và Mikhail nổ súng cùng lúc. Những phát súng im lặng do gần nòng giảm thanh, nhưng tên lính gác hét lên đau đớn khi loạt đạn trúng ngực hắn. Hai gương mặt, giống hình nộm trong khu tập bắn thử, đột ngột xuất hiện trong những ô cửa sổ được chiếu sáng - một tên ở tầng trệt ngay trước mặt Gabriel, tên thứ hai ở trên lầu chỗ đỉnh mái nhà. Gabriel hạ gục tên ở cửa sổ lầu một trong khi Mikhail chăm sóc tên ở cửa sổ lầu hai.

Bây giờ họ không còn yếu tố bất ngờ nữa. Gabriel và Mikhail vừa lên nòng súng vừa lao qua khoảng sân dài ba mươi bộ về phía cửa trước. Yaakov có nhiều kinh nghiệm thâm nhập chỗ trú ẩn của bọn khủng bố tại Bờ Tây và dải Gaza nên chạy trước dẫn đường. Anh ta không thèm đếm xỉa đến chốt cài cửa. Thay vì vậy, anh ta xả một loạt đạn vào giữa cửa tiêu diệt bất cứ tên nào đang ở phía bên kia cửa, sau đó bắn văng khóa và rầm cửa bằng gỗ. Navot, người to lớn nhất trong bốn người, quăng thân hình của mình đập vào cánh cửa, khiến cánh cửa đổ sập như quân cờ domino.

Ba người kia ngay lập tức đặt chân lên sảnh vào nhà. Gabriel canh chừng không gian bên trái, Yaakov chính giữa, còn Mikhail bên phải. Gabriel, vẫn đang đeo kính hồng ngoại, nhìn thấy gã anh bắn hạ qua lớp cửa sổ đang nằm giữa vũng máu trên sàn nhà. Yaakov và Mikhail nổ súng ngay lập tức, và Gabriel nghe tiếng hét của hai tên khác vừa bị bắn hạ. Họ tiến sâu hơn vào ngôi nhà, tìm thấy bậc thang dẫn xuống tầng hầm, và đi xuống. *Chúng ta sẽ bắt đầu từ chỗ đó, Gabriel đã nói. Những kẻ tra tấn luôn thích làm công việc của mình dưới đất.*

Cô đang kể lại cho hắn ngày diễn ra vụ bán tranh thì nghe có tiếng náo loạn trên lầu.

Muhammad khiến Sarah im miệng bằng cách tát mạnh vào mặt cô, sau đó đứng dậy, tay cầm súng, di chuyển nhanh chóng về phía cửa. Vài giây sau cô nghe tiếng hét, tiếng la hét và tiếng chân nặng nề trên bậc cầu thang. Muhammad quay người lại, dí súng vào mặt cô. Sarah, tay vẫn đang bị còng cứng vào bàn, cúi đầu xuống theo phản xạ giữa hai tay khi hắn nổ hai phát súng. Trong căn phòng nhỏ tiếng súng nghe như tiếng đại bác. Loạt đạn xé toang lớp không khí ngay trên đầu Sarah và ghim vào bức tường phía sau lưng.

Muhammad hét lên trong cơn thịnh nộ khi thấy Sarah thoát khỏi loạt đạn của mình, và bước lên một bước nữa, tiếp tục nhả đạn. Đột nhiên cánh cửa đổ sập xuống như bị văng ra do bom nổ. Cánh cửa đập vào lưng Muhammad khiến hắn đổ nhào xuống sàn. Khẩu súng vẫn nằm trong tay Muhammad. Hắn gượng dậy, quỳ trên một đầu gối đưa súng ngắm bắn cô một lần nữa trước khi hai người đàn ông kịp lao qua cánh cửa, khuôn mặt trùm kín. Bọn họ bắn hạ

Muhammad. Họ nã súng vào người Muhammad cho đến khi không còn viên đạn nào nữa. Họ tháo còng tay và cùm cho Sarah, dìu cô qua thi thể của những người đã chết. Khi ra ngoài trời, cô lao vào vòng tay của Gabriel như một đứa trẻ. Anh đưa cô qua khu đất trống phủ đầy tuyết, qua con đường nhỏ dẫn tới đường cái, nơi Lavon và Moshe đang chờ trong hai chiếc xe hơi. Vẻ tĩnh lặng của khu rừng bị xáo trộn bởi tiếng khóc rưng rức của cô.

“Tôi phải nói cho bọn chúng nghe nhiều chuyện”.

“Tôi biết”.

“Bọn chúng đánh tôi. Bọn chúng bảo sẽ giết tôi”.

“Tôi biết, Sarah. Tôi đã nhìn thấy căn phòng”.

“Bọn chúng biết về anh, Gabriel. Tôi đã cố...”

“Không sao đâu, Sarah. Đó là lỗi của chúng tôi. Chúng tôi đã làm cô phải như thế này”.

“Tôi xin lỗi, Gabriel. Tôi thật lòng xin lỗi”.

“Không, Sarah. Đừng như vậy”.

“Tôi lại nhìn thấy hắc”.

“Ai?”

“Bin Shafiq”.

“Hắc ở đâu?”

“Ở Zurich. Hắc vẫn chưa xong việc, Gabriel”.

“Hắc nói gì?”

“Hắc sẽ tấn công Vatican một lần nữa”.

Chương 36

Zug, Thụy Sĩ

Hai thành viên trong đội theo dõi của Navot kịp băng qua biên giới Ý về hướng nam trước khi tuyết bít lối ra khỏi núi. Hai người khác đi về hướng đông và tiến vào nội địa Áo. Navot đi cùng với Moshe sang Paris để thiết lập hệ thống an ninh bảo vệ Hannah Weinberg. Gabriel đưa Sarah rời khỏi Zug bằng đường bay cá nhân. Họ ngồi sát bên nhau như đôi tình nhân. Gabriel vừa lái xe vừa vòng tay quanh vai cô, còn Sarah úp khuôn mặt đắm nước mắt vào cổ anh. Lúc 4 giờ 30 phút, máy bay lao vào những đám mây rồi biến mất. Carter và Gabriel không đi trên chuyến bay này.

“Được rồi Gabriel, tôi đang lắng nghe đây”.

“Sarah đã gặp bin Shafiq ở Zurich. Hắn nói sẽ tấn công Vatican một lần nữa”.

Carter khẽ chửi thề.

“Hôm nay Tổng thống của các ông sẽ đến Rome, đúng không?”.

“Đúng vậy”.

“Theo lịch trình thì mấy giờ ông có mặt tại Vatican?”

“Đầu giờ trưa”.

“Giờ nào cũng có chuyến bay từ Zurich đến Rome. Nếu khẩn trương chúng ta có thể bắt kịp chuyến bay lúc bảy giờ”.

“Anh lái xe đi”, Carter nói.

Gabriel nổ máy xe và hướng về phía Zurich. Carter gọi điện cho Tổng hành dinh CIA yêu cầu được nói chuyện với người đứng đầu Cục Tình báo Hoa Kỳ.

Carter nói chuyện điện thoại suốt trong ba mươi phút đầu của chuyến đi. Khi những ánh đèn thành phố Zurich thấp thoáng hiện ra giữa lớp sương mù phía bắc hồ, anh ta ngưng điện thoại và nhìn Gabriel.

“Sarah sẽ tiếp đất tại căn cứ bay Ramstein trong vòng một tiếng nữa. Cô ấy sẽ được đưa đến bệnh viện quân sự Mỹ để khám toàn diện”.

“Bác sỹ của anh nói gì?”

“Tình trạng của cô ấy giống như anh. Mặt bị trầy và dập. Bị chấn động nhẹ. Mắt trái bị thương tổn. Bụng bị thương nặng. Hai xương sườn bị nứt. Hai ngón chân cái bị gãy. Tôi không hiểu sao chúng lại dã man như vậy”.

“Bọn chúng kéo lê cô ấy xuống các bậc thang”.

“À, còn chúng giảm nhiệt. Tôi đoán có thể do bị nhốt trong thùng xe. Dù sao đi nữa, mọi chuyện có thể còn tệ hơn. Cô ấy còn sống sót là may mắn lắm rồi”.

“Hãy đảm bảo luôn có người bên cạnh Sarah”, Gabriel nói. “Nhờ đâu cô ấy vô tình phun ra

những bí mật của chúng ta với các bác sỹ tại Ramstein”.

“Không phải lo, Gabriel. Cô ấy đang được chăm sóc bởi những đôi tay thành thạo”.

“Cô ấy bảo mình đã khai ra những bí mật”.

“Dĩ nhiên cô ấy phải khai ra. Bố khỉ, đến tôi cũng còn phải khai nữa là”.

“Ông nên nhìn căn phòng đó”.

“Nói thật, tôi mừng là mình không nhìn thấy. Tôi không thành thạo loại công việc đó. Thỉnh thoảng tôi lại thấy tiếc nuối những ngày tươi đẹp thời Chiến Tranh Lạnh, khi tôi không phải dính dấp đến những thứ tra tấn, máu me”. Carter nhìn Gabriel. “Tôi đoán những thứ này luôn đi đôi với công việc của anh, đúng không?”

Gabriel phớt lờ câu hỏi. “Sarah kể với chúng mọi thứ để có thêm thời gian. Vấn đề ở đây là trước khi chúng tôi đến, Muhammad đã kịp báo cáo bất cứ điều gì trong lời khai của Sarah cho cấp trên của hắn trước chưa?”

“Anh có quyền sở tay của hắn đấy không?”

Gabriel vỗ nhẹ vào túi trên chiếc áo khoác bằng da.

“Chúng tôi sẽ hỏi Sarah sau khi cô ấy phục hồi”.

“Có thể cô ấy không nhớ hết những gì đã kể với chúng. Cô ấy bị đánh thuốc mê”.

Họ nín lặng một lúc lâu. Mặc dù vẫn còn sớm, trên đường đã có xe của những người phải đi làm xa. Những nhà tài chính Thụy Sĩ chăm chỉ, Gabriel thầm nghĩ. Anh tự hỏi không biết bao nhiêu người trong số này làm việc cho những công ty có liên quan đến Tập đoàn AAB tại Riyadh, Geneva, và những nơi khác.

“Ông có nghĩ họ sẽ cho tôi lên máy bay không, Adrian?”

“Gustav đảm bảo với tôi chúng ta sẽ không gặp rắc rối khi lên máy bay”.

“Có lẽ anh thì không sao. Nhưng tôi có một quá khứ không mấy sáng sủa tại Zurich”.

“Ông có quá khứ đầy màu sắc ở khắp nơi. Đừng lo, Gabriel. Họ sẽ để cho anh lên máy bay”.

“Anh chắc chắn là cậu bạn Gustav của anh giữ mọi thứ yên ắng chứ?”

“Giữ cho cái gì yên ắng?”

Carter mỉm cười mệt mỏi. “Trong khi chúng ta đang nói chuyện này thì một đội dọn dẹp đã lên đường đến Uri. Gustav sẽ đảm bảo bí mật về nơi đó cho tới khi đội đến. Rồi sau đó...”. Ông ta nhún vai. “Sẽ như chưa từng có chuyện gì xảy ra”.

“Các ông xử lý ra sao với các xác chết?”

“Chúng tôi không chỉ có những nơi giam cầm bí mật ở Đông Âu. Bọn chúng sẽ được chôn cất tử tế, mặc dù không xứng đáng được như vậy. Có lẽ một ngày nào đó, khi cuộc chiến vô tận này chấm dứt, chúng tôi có thể báo với người thân bọn chúng đi nhận xương cốt”. Carter vuốt thẳng ria mép. “Các anh cũng có một cái đúng không?”

“Cái gì?”

“Nghĩa trang bí mật? Ở đâu đó trong thung lũng Gioócdan?”

Gabriel nhìn hồi lâu vào kính chiếu hậu, nhưng không nói lời nào.

“Bao nhiêu thi thể, Gabriel? Anh nhớ không?”

“Dĩ nhiên tôi nhớ”.

“Vậy thì bao nhiêu? Đội dọn dẹp cần phải biết nên tìm ở đâu”.

Gabriel nói cho Carter hay. Hai thi thể trong chiếc Jeep. Hai tại bãi đất trống trước ngôi nhà. Một tại cửa sổ tầng một. Một tại cửa sổ tầng hai. Hai tại sảnh trung tâm. Hai tại cuối cầu thang. Và Muhammad.

“Mười một tên”, Carter nói. “Chúng tôi sẽ ghi nhớ tên từng đứa, sẽ tìm ra chúng là ai và tìm hiểu xem chúng đang âm mưu làm chuyện gì. Có thể nói tối nay các anh đã xóa sổ được một nhà tù lớn cùng một tên cấp cao trong tổ chức của bin Shafiq”.

“Chúng tôi vẫn chưa tìm được kẻ chúng tôi muốn”.

“Có điều gì đó mách bảo tôi rằng rồi anh sẽ tóm được hắn”.

“Ít nhất hai tên trong số chúng là người châu Âu. Uzi nghe bọn chúng nói chuyện bằng tiếng Đức giọng Thụy Sĩ”.

“Tôi e rằng bọn chúng vẫn phải bị chôn chung với những tên chiến sỹ Hồi giáo. Tôi nghĩ bọn chúng cũng muốn điều đó”. Carter liếc nhìn đồng hồ. “Anh không lái xe nhanh hơn được à?”

“Tôi đang chạy ở tốc độ tám mươi cây số, Adrian. Ông kể với Cục Tình báo đến mức nào?”

“Tôi báo với họ là chúng ta đang có bằng chứng rất rõ ràng rằng những lực lượng Hồi giáo toàn cầu đang có âm mưu tấn công Tổng thống tại Vatican trưa nay. Tôi nhấn mạnh đến chữ ‘bằng chứng rõ ràng’. Cục Tình báo đã nhận được thông điệp. Tôi hi vọng được gặp Tổng thống một lúc vào cuối sáng nay. Ông ấy đang ở nhà của ngài đại sứ”.

“Ông ấy có thể hủy buổi gặp gỡ đó”.

“Chuyện đó sẽ không xảy ra”, Carter đáp. “Vatican đã trở thành biểu tượng dễ thấy nhất trên thế giới về tính nguy hiểm của khủng bố Hồi giáo. Tổng thống sẽ không bỏ qua cơ hội củng cố thông điệp của mình tại đó”.

“Lucchesi sẽ cần nhằn bên tai ông ấy”.

“Tổng thống đã chuẩn bị tinh thần rồi”, Carter nói. “Về phần an ninh, Cục Tình báo đang sắp xếp với phía Ý để thay đổi kế hoạch di chuyển của Tổng thống. Trùng hợp là họ đã nghĩ về chuyện này *trước khi* nhận được cuộc gọi của tôi. Rome là một mớ hỗn độn. Người ta đoán là hôm nay sẽ có khoảng hai triệu người ra đường”.

“Thế thì làm sao Tổng thống đến Vatican được?”

“Đoàn ô tô hộ tống các nguyên thủ quốc gia thường tiến để tới Toà thánh qua cổng Thánh Anne, sau đó đi qua Via Belvedere vào sân San Damaso. Ở đó chỉ huy đội lính cận vệ Thụy Sĩ sẽ gặp và hộ tống ông vào cung điện Thánh Tông đồ. Các nhân viên an ninh của Tổng thống sẽ phải ở ngoài sân, đó là nghi thức tại Vatican. Nguyên thủ quốc gia đi lên một mình, chỉ được bảo vệ bởi lính cận vệ. Nhưng tôi sẽ tiết lộ với cậu một bí mật. Cục Tình báo luôn cài một vài người tại bữa tiệc chính thức - những chàng trai Thiên Chúa giáo dễ thương muốn gặp mặt Đức Thánh Cha”.

“Vậy ông dự định sẽ thay đổi như thế nào?”

“Tổng thống sẽ bay đến Vatican và đáp xuống sân bay của Giáo hoàng”.

“Sân bay đó ở góc xa phía Tây, ngay đối diện tường. Nếu có ai đó chờ sẵn với một khẩu phóng tên lửa nữa...”

“Cục Tình báo nói sẽ bảo vệ khu vực ấy”.

“Bên ông dự định cài bao nhiêu chàng trai dễ thương theo đạo Thiên Chúa trong đoàn đại biểu chính thức của Tổng thống?”

“Nhiều hơn thường lệ”. Carter nhìn đồng hồ lần nữa. “Có lẽ chúng ta nên vào sân bay trong vài phút tới. Langley đặt chúng ta ngồi hai chỗ khác nhau”.

“Ông xấu hổ vì tôi à, Adrian?”

“Thực ra là chưa bao giờ tự hào đến như thế khi được hợp tác cùng với anh. Anh và những chàng trai của anh đã cho thấy lòng can đảm tuyệt vời khi thâm nhập ngôi nhà đó”.

“Chúng tôi không được lựa chọn, Adrian. Chúng tôi không bao giờ được quyền lựa chọn”. Carter nhắm mắt một lúc. “Anh biết đấy, có thể bin Shafiq chỉ nói khoác, hay bịp bợm vì một lí do nào đó”.

“Tại sao hắn lại phải nói dối, Adrian? Hắn dự định sẽ giết chết cô ấy mà, nên điều hắn nói chắc chắn là sự thật”.

Chương 37

Thành phố Vatican



hật may là Đức Ông, bạn của ông yêu cầu chúng tôi cho các ông đi nhờ xe”, Cảnh sát trưởng đội cảnh sát Carabinieri nói. “Chẳng thế thì không bao giờ các ông đi được từ Fiumicino đến Vatican”.

Gabriel nhìn ra ngoài cửa sổ máy bay trực thăng. Rome nằm bên dưới anh. Những người biểu tình đã chiếm biệt thự Borghese làm sân khấu và biến khu vực này thành một biển người. Những người điều hành đầu tiên đang đổ ra Via Veneto từ cuối công viên.

“Các ông có thể ngăn họ tiến về Vatican được không?”

“Chúng tôi sẽ cố”. Viên Cảnh sát trưởng chỉ tay ra ngoài cửa sổ. “Các ông có thấy những chướng ngại vật kia không? Kế hoạch của chúng tôi là gom họ lên đồi vào công viên Janiculum. Nhưng chúng tôi ước đoán có khoảng hai triệu người biểu tình. Nếu mọi việc nằm ngoài tầm kiểm soát...”. Ông ta nhún vai theo đúng kiểu người Ý. “Tôi mừng rằng mình không phải lo về các vụ bạo động. Khu vực biểu tình dưới kia có thể biến thành chiến trường”.

Chiếc máy bay trực thăng đảo chiều lượn nghiêng về phía thành quốc. Mái vòm của Toà thánh, bị che một phần dưới tấm vải dầu lớn của các nhóm thi công, phản chiếu ánh nắng chói chang. Lời thỉnh cầu hòa bình của Giáo hoàng bay phấp phới bên ngoài trong cơn gió nhẹ buổi sáng. Chiếc trực thăng chúi xuống trên Viale Vaticano, nó bay trên không phận Ý một lúc lâu, sau đó vượt qua bức tường đáp xuống sân bay của Giáo hoàng. Donati, trong trang phục áo khoác đen và khăn choàng màu đỏ tươi, đang đứng chờ ở đó. Đứng bên cạnh ông là một người lính cận vệ Thụy Sĩ mặc thường phục. Vị tăng lữ cao cấp nghiêm mặt bắt tay Gabriel thật nhanh và giữ nét mặt nặng nề khi dẫn anh băng qua vườn Vatican về phía cung điện Thánh Tông đồ.

“Lần này nghiêm trọng đến mức nào, Gabriel?”

“Rất nghiêm trọng”.

“Anh có thể cho tôi biết tại sao?”

“Người đưa tin”, Gabriel đáp. “Người đưa tin”.

Hỏa lên lầu ba, vào phòng của Donati rồi, Gabriel mới kể cho ông thêm chi tiết. Donati hiểu ông chỉ được thông báo một phần của câu chuyện. Ông quá quan tâm đến sự an toàn của thầy mình nên không phản đối.

“Tôi muốn anh ở bên cạnh ông ấy cho đến khi Tổng thống rời khỏi Vatican”.

Lần này Gabriel không phản đối.

“Anh trông giống như vừa chui qua máy vắt”, Donati nhận xét. “Lần cuối anh ngủ là khi nào?”

“Thật sự tôi không nhớ nổi”.

“Tôi e rằng anh không còn thời gian để chợp mắt”, Donati nói, “nhưng chúng ta phải sửa sang vẻ bề ngoài của anh cho chỉnh tề hơn. Tôi đoán anh không mang theo bộ trang phục nào đúng

không?”

“Ước gì tôi có thể diễn tả được câu hỏi của Cha nghe có vẻ buồn cười đến thế nào”.

“Anh sẽ cần một bộ quần áo đảng hoàng. Nhóm lính cận vệ Thụy Sĩ bảo vệ cho Đức Giáo hoàng mặc đồ vest. Tôi chắc rằng người chỉ huy có thể kiếm cho anh một bộ ưng ý”.

“Có thứ tôi cần hơn là một bộ đồ màu xanh, Luigi”.

“Đó là thứ gì?”

Gabriel nói với ông.

“Đội lính cận vệ Thụy Sĩ cũng có thể lấy cho anh thứ đó”.

Donati nhắc điện thoại lên quay số.

Mười phút sau đó, một người lính đã chờ Gabriel trong Sân - San Damaso vẫn là người lính cận vệ Thụy Sĩ đã ở bên Donati tại bãi đáp máy bay trực thăng. Anh ta cao bằng Gabriel, có bờ vai ngang bè ra dưới lớp áo vest và chiếc cổ cuộn cơ bắp như của một vận động viên chơi bóng bầu dục. Mái tóc vàng hoe cắt ngắn đến gáy quanh đầu hình viên đạn, phô ra sợi dây đeo tai của anh ta.

“Chúng ta đã gặp nhau bao giờ chưa?”. Gabriel hỏi người lính cận vệ bằng tiếng Đức khi họ đi qua Via Belvedere”.

“Chưa, thưa ông”.

“Trông cậu quen quen”.

“Tôi là một trong những lính cận vệ giúp ông đưa Đức Thánh Cha vào cung điện Thánh Tông đồ sau vụ tấn công”.

“Tôi cũng nhớ như vậy”, Gabriel trả lời. “Cậu tên gì?”

“Hạ sỹ Erich Muller, thưa ông”.

“Cậu là người bang nào nhỉ?”

“Nidwalden, thưa ông. Đó là *demi - canton* ở kế bên”

“Tôi biết bang ấy rồi”, Gabriel đáp.

“Ông biết Thụy Sĩ à?”

“Rất rõ”.

Ngay trước khi đến cổng Thánh Anne, họ quẹo phải tiến vào khu lính cận vệ Thụy Sĩ. Tại phòng tiếp tân, một sỹ quan trực ban đang ngồi nghiêm nghị sau chiếc bàn hình vành trăng. Trước mặt anh ta là một dãy màn hình giám sát. Trên bức tường đằng sau treo một cây thập tự giá và hàng cờ đại diện cho từng bang, trong hai mươi sáu bang của Thụy Sĩ. Khi Gabriel và Muller đi ngang qua, viên sỹ quan trực ghi chú trong quyển sổ ra vào. “Khu Thụy Sĩ đang kiểm soát rất nghiêm ngặt”, Muller nói. “Còn ba nơi có thể ra vào nữa, nhưng đây là chỗ chính”.

Họ rời phòng tiếp tân rồi quẹo phải. Hành lang dài tối tăm trải dài trước mắt họ, nằm dọc hai bên là khu tập chia thành nhiều ô nhỏ cho những người tập kích. Cuối hành lang là mái vòm, đằng sau mái vòm đến sân trong lát đá. Ở đó, một trung sỹ đang huấn luyện sáu tân binh đi đều cùng súng trường bằng gỗ. Họ bước vào toà nhà bên kia sân và bước xuống một dãy các bậc thang bằng đá để vào khu tập bắn súng trong nhà. Nơi này yên ắng vì không có ai tập.

“Đây là nơi chúng tôi thực hiện việc huấn luyện vũ khí. Các bức tường được cách âm, nhưng thỉnh thoảng những người hàng xóm vẫn phàn nàn về tiếng ồn”.

“Hàng xóm?”

“Đức Thánh Cha có vẻ không để ý, nhưng Hồng y Ngoại trưởng không thích tiếng súng. Chúng tôi chuyển sang tập bắn vào chủ nhật hay các ngày lễ trong đạo”. Muller đi về phía tủ kim loại,

mở khóa. “Súng chuẩn của chúng tôi là khẩu SIG-Sauer 9mm có ổ đạn mười lăm viên”. Anh ta nhìn Gabriel qua vai mình khi mở cửa tủ. “Đây là vũ khí do Thụy Sĩ làm. Rất chính xác... và rất mạnh. Ông có muốn bắn thử không?”

Gabriel gật đầu. Muller lấy khẩu súng, một ổ đạn, cùng một hộp đạn đầy rồi mang đến khu tập bắn. Anh ta bắt đầu nạp đạn, nhưng Gabriel ngăn lại. “Tôi sẽ làm việc này. Cậu ra xem bia bắn giùm tôi”. Người cận vệ Thụy Sĩ gắn bia vào đường dây và kéo đến một nửa đường bắn. “Xa hơn”, Gabriel nói. “Đến chỗ xa nhất”. Muller làm theo lời anh. Đến lúc bia tập bắn được kéo đến phía bên kia đường bắn, Gabriel đã nạp xong mười lăm viên đạn vào ổ, và lắp ổ đạn vào khẩu súng lục. “Ông làm nhanh quá”, Muller nhận xét. “Tay ông chắc phải khéo lắm”.

“Tôi đã luyện tập nhiều”.

Muller đưa dụng cụ bảo vệ tai và mắt cho Gabriel.

“Không cần, cảm ơn”.

“Đây là qui tắc trong trường bắn, thưa ông”.

Gabriel quay người không báo trước và nổ súng. Anh tiếp tục bắn cho đến khi súng hết đạn.

Muller kéo bia tập bắn lại trong khi Gabriel tháo ổ đạn trống rỗng ra và nhặt ống lót lên.

“Lạy Chúa tôi”.

Tất cả mười lăm phát đạn đều ghim ngay chính giữa bia bắn.

“Ông có muốn bắn nữa không?”. Muller hỏi.

“Đủ rồi”.

“Ông có muốn lấy bao đeo súng ở vai không?”

“Tôi để súng ở túi quần”.

“Để tôi lấy cho ông thêm một ổ đạn”.

“Cho tôi hai ổ. Thêm một hộp đạn nữa”.

Gabriel lấy quần áo từ phòng chỉ huy, rồi vội vã quay lại cung điện Thánh Tông đồ. Anh lên lầu ba và theo Donati đến phòng khách nhỏ có buồng riêng. “Tôi lén lấy lưỡi dao lam đó của Đức Thánh Cha”, Donati nói. “Khăn tắm ở trong tủ dưới bồn rửa tay”.

Gần chín mươi phút nữa Tổng thống mới đến. Gabriel thong thả cạo râu đứng dưới vòi sen vài phút. Bộ quần áo được đội cận vệ Thụy Sĩ chuẩn bị vội vã hoá ra lại rất vừa vặn với anh. Vào lúc 11 giờ, chúng đứng như mong muốn anh bước dọc hành lang trang trí bích hoạ để đến phòng riêng của Đức Giáo hoàng.

Gabriel yêu cầu Donati thêm một việc trước khi đến khu doanh trại đội cận vệ Thụy Sĩ: bản báo cáo cuối cùng của Lực lượng an ninh Vatican và Ý về vụ tấn công tháng Mười được thực hiện. Anh vừa nhâm nhi cà phê và bánh vừa đọc bản báo cáo trong phòng ăn riêng của Đức Giáo hoàng, sau đó anh đảo một lượt các kênh trên truyền hình tìm xem có tin tức gì về mười một xác chết trong ngôi nhà ván ở Thụy Sĩ. Không có kênh tin quốc tế nào đề cập về việc này. Anh đoán rằng đội của Carter đã hoàn thành nhiệm vụ.

Donati đến tìm Gabriel vào lúc 11 giờ 45 phút. Họ cùng nhau đi tới cung điện Belvedere và tìm thấy một văn phòng trống có thể bao quát khu vườn. Một lúc sau, những thân cây bắt đầu vặn vẹo, sau đó hai chiếc máy bay trực thăng cánh quạt đôi xuất hiện, hạ xuống bãi đáp máy bay ở góc xa của thành quốc. Gabriel thấy bớt căng thẳng khi chiếc trực thăng đầu tiên hạ cánh xuống an toàn dưới đầu các ngọn cây. Năm phút sau họ thoáng thấy Tổng thống Mỹ tự tin sải bước về phía cung điện, đi theo ông là vài tá nhân viên an ninh vũ trang đầy đủ, bộ dạng lo lắng. “Các nhân viên sẽ phải đợi trong vườn”, Donati nói. “Người Mỹ không thích việc này, nhưng

đây là nghi thức tiếp đón. Anh có biết là họ đã cố ý cài vài nhân viên Cục Tình báo vào đoàn đại biểu chính thức không?”

“Không phải vậy chứ”.

Donati nhìn Gabriel. “Anh muốn nói với tôi điều gì à?”

“Vâng”, Gabriel nói. “Chúng ta nên quay trở lại cung điện các Thánh tông đồ. Tôi muốn có mặt ở đó trước khi Tổng thống đến”.

Donati quay lại dẫn đường.

Năm phút trước khi Tổng thống tới, họ đã có mặt trong Sala Clementina. Đây là một phòng tiếp khách cao vút với các bức bích họa phủ đầy quanh tường. Nó nằm ngay trên phòng riêng của Giáo hoàng. Đức Thánh Cha vẫn chưa đến. Một đội cận vệ nghi thức đứng bên ngoài lối đi rộng, và thêm vài đội nữa mặc thường phục đứng bên trong. Cuối góc phòng dài hình chữ nhật đặt hai chiếc ghế chạm trổ; ở góc bên kia là nhóm phóng viên, nhiếp ảnh gia, và những người quay phim. Tâm trạng chung của họ là không được hài lòng lắm. Các công cụ tìm kiếm và kiểm tra an ninh của cận vệ Thụy Sĩ và Cục Tình báo trở nên gắt gao hơn bao giờ hết, và ba đội quay phim châu Âu không được cho vào phòng vì có những sơ hở nhỏ trong giấy giới thiệu. Báo giới được phép ghi lại những hình ảnh đầu tiên của cuộc gặp lịch sử và phát sóng hình ảnh này trên toàn thế giới, sau đó họ sẽ được đưa ra ngoài.

Donati vào lại trong hành lang chờ Đức Thánh Cha. Gabriel nhìn quanh một lúc, sau đó đi đến phía trước phòng đứng cách chiếc ghế dành cho Đức Thánh Cha vài bước. Trong hai phút kế tiếp mắt anh nhìn lướt qua đám nhà báo, tìm kiếm bất cứ dấu hiệu nào không tự nhiên, hay một khuôn mặt trông có vẻ không hợp chỗ. Sau đó anh làm điều tương tự với các Giám mục trong Hội đồng Hồng y đang đứng bên trái.

Ngay trước lúc giữa trưa, Đức Thánh Cha bước vào phòng trong bộ bạch y, theo sau Donati, Hồng y Ngoại trưởng, và bốn cận vệ Thụy Sĩ mặc thường phục. Erich Muler, người cận vệ đã đưa cho Gabriel vũ khí, cũng nằm trong số những người này. Mắt anh ta dừng một chút trên Gabriel, rồi gật đầu chào nhẹ. Giáo hoàng bước ngang phòng và dừng lại trước ghế ngồi của mình. Donati, cao và nổi bật trong chiếc áo choàng màu đen và khăn choàng cổ màu đỏ, đứng bên cạnh Giáo hoàng. Ông nhìn lướt qua Gabriel, sau đó hướng ánh nhìn về phía cửa khi Tổng thống Mỹ bước vào.

Gabriel nhanh chóng điểm qua đoàn đại biểu chính thức của Tổng thống. Bốn nhân viên Cục Tình báo có mặt trong đoàn này, thậm chí có thể hơn. Sau đó ánh nhìn của anh đảo khắp phòng giống như ánh đèn pha: những phóng viên, các Giám mục trong Hội đồng Hồng y, những cận vệ Thụy Sĩ, Tổng thống, và Đức Thánh Cha. Bây giờ họ đang bắt tay, mỉm cười nồng ấm với nhau trong ánh đèn lóa mắt của máy chụp ảnh.

Sự việc diễn ra nhanh chóng đến nỗi Gabriel không ngờ tới. Sau này nghĩ lại, anh thấy thật ra nếu không nhờ Donati, có lẽ không bao giờ anh có thể nhận biết được tình hình. Mắt Donati bất ngờ mở lớn, sau đó ông bước về phía Tổng thống. Gabriel quay người lại và thấy khẩu súng bên mình. Vũ khí là khẩu SIG-Sauer 9li- bàn tay đang cầm súng chính là của hạ sỹ Erich Muller.

Gabriel rút khẩu súng của chính mình và bắt đầu nhả đạn, nhưng Muller vẫn kịp bắn hai phát. Anh không nghe tiếng la hét hay chú ý đến ánh đèn chớp của máy chụp ảnh. Anh chỉ bắn mãi cho đến khi tên cận vệ Thụy Sĩ nằm chết cứng trên sàn đá cẩm thạch. Các nhân viên Cục Tình báo được ngụy trang trong đoàn đại biểu của Mỹ nắm lấy Tổng thống và đưa ông ra cửa. Pietro Lucchesi, Giám mục thành Rome, Giáo chủ tối cao, người kế nhiệm thánh Peter, khuya đầu gối

xuống cầu nguyện bên cạnh cơ thể bất động của vị cha xứ cao lớn trong bộ áo choàng màu đen.

Chương 38

Rome



Trạm xá Gemelli còn khá nhiều phòng trên tầng 11 mà ít người biết đến. Chúng là phòng của các cha xứ. Phòng có giường bệnh. Phòng thứ hai có trường kỷ và ghế. Căn phòng thứ ba có nhà nguyện riêng. Hành lang bên ngoài lối vào có bàn dành cho lính gác. Lúc nào cũng có người đứng gác ở đó, ngay cả khi các phòng không có bệnh nhân.

Tối nay, chiếc giường bệnh của nhân vật đứng đầu một tỷ người theo đạo Thiên Chúa La Mã trên khắp thế giới, được dành cho viên thư ký riêng đáng tin cậy của ông. Hàng ngàn người với đức tin mãnh liệt đứng chật ních con đường bên dưới cửa sổ phòng bệnh. Vào lúc 9 giờ, họ im lặng lắng nghe *bản tin* đầu tiên từ văn phòng báo chí của Vatican. Bản tin cho biết Đức ông Luigi Donati đã trải qua bảy giờ phẫu thuật để chữa trị vết thương gây ra bởi hai viên đạn 9 li. Bản tin mô tả Đức ông đang ở trong tình trạng “cực kỳ nghiêm trọng”, và nói rõ rằng chưa thể xác định được Đức ông có qua khỏi hay không. Bản tin kết thúc bằng thông báo Đức Thánh Cha đang ở bên cạnh ông và dự định sẽ còn ở đó một thời gian nữa. Bản tin không đề cập đến sự có mặt của Gabriel.

Họ ngồi cùng nhau trên chiếc ghế trường kỷ trong phòng khách. Ở phía bên kia cánh cửa mở nối hai phòng, Donati đang nằm bất động và xanh xao. Một đội y tá và bác sỹ vây quanh ông, nét mặt nặng nề. Mắt Đức Thánh Cha nhắm nghiền còn tay thì lần tràng hạt. Một vệt máu lớn loang lổ trên tấm áo trắng của ông. Ông không chịu cởi áo ra. Gabriel nhìn Đức Thánh Cha và nghĩ đến Shamron cùng chiếc áo da sờn rách. Anh hi vọng ông không tự trách mình vì những việc xảy ra hôm nay.

Gabriel nhìn màn hình. Đoạn video về cuộc tấn công, một trong những giây phút kịch tính nhất từng được truyền hình trực tiếp, đang chiếu trên màn ảnh. Đoạn video này được phát đi phát lại. Gabriel đã xem đoạn băng này ít nhất một tá lần, và bây giờ đang xem lại. Anh nhìn thấy Muller nhô người khỏi đám cận vệ Thụy Sĩ, khẩu súng vươn ra trên tay. Anh thấy chính mình rút súng khỏi túi trong áo khoác, và Donati lấy thân mình che chắn cho Tổng thống Hợp chúng quốc Hoa Kỳ khi Muller nhắm đạn. *Một phần giây*, anh nghĩ. Nếu anh nhìn thấy Muller một phần mười giây trước đó, có lẽ anh đã có thể nhắm đạn trước. Donati sẽ không phải nằm đây cạnh kẻ chết trên tầng 11 của trạm xá Gemelli. Gabriel nhìn Giáo hoàng. Mắt ông không còn nhắm mà nhìn chăm chú lên màn hình tivi.

“Làm sao mà Donati biết để bước ra che cho Tổng thống Mỹ chứ không phải cho ta?”

“Con nghĩ rằng Đức ông biết Muller đã có thể giết Đức Thánh Cha rất gần nếu hắn muốn. Muller sẽ giết Tổng thống trước, và Đức ông hiểu điều đó”.

“Donati hiểu được điều đó chỉ trong nháy mắt”.

“Đức ông Donati là một trong những người thông minh nhất con từng gặp, thừa Đức Thánh

Cha". Gabriel nhìn Donati. "Đức ông đã cứu sống Tổng thống, nhưng có lẽ chính Cha cũng không nhận thức được điều đó khi lấy thân mình che chắn cho Tổng thống".

"Luigi chỉ ngăn được những viên đạn", Giáo hoàng nói, "nhưng cậu mới là người cứu ông ấy. Nếu không nhờ cậu, chúng ta sẽ không bao giờ biết cảnh giác về những chuyện như vậy. Làm sao cậu biết bọn chúng sẽ tấn công Vatican một lần nữa?"

"Chúng ta sẽ phải nói về chuyện này vào một ngày khác. Một ngày rất xa trong tương lai".

"Cậu đang thực hiện một nhiệm vụ, đúng không?"

Gabriel im lặng.

"Erich Muller, một người trong đội lính gác của ta...". Giọng Giáo hoàng nhỏ dần. "Ta vẫn không tin điều này. Làm sao họ làm được điều đó, Gabriel? Làm cách nào họ trà trộn một tên sát nhân vào đội cận vệ Thụy Sĩ được?"

"Chi tiết khá phức tạp, thưa Đức Thánh Cha, nhưng có vẻ như Muller được tuyển mộ một khoảng thời gian sau khi hấn rời quân đội Thụy Sĩ. Hấn không có công ăn việc làm, nên dành một năm rưỡi du lịch châu Âu và Địa Trung Hải. Hấn trú chân ở Hamburg vài tháng, và thêm vài tháng nữa ở Amsterdam. Hấn là thành viên tích cực tham gia các cuộc biểu tình chống Mỹ, chống Israel. Có lẽ hấn đã cải đạo sang Hồi giáo. Chúng tôi nghĩ rằng hấn được tuyển mộ vào mạng lưới khủng bố do một tên tự xưng là Giáo sư Ali Massoudi tổ chức".

"Massoudi? Thật vậy sao? Lạy Chúa, Giáo sư Massoudi có nộp một vài bài viết cho ủy ban đặc biệt của ta về việc cải thiện mối quan hệ giữa Hồi giáo và phương Tây. Ta nghĩ có lẽ hấn đã đến thăm Vatican".

"Cải thiện mối quan hệ giữa Hồi giáo và nhà thờ không phải là một phần trong chương trình hành động thực sự của hấn, thưa Đức Thánh Cha".

"Rõ ràng là vậy", Giáo hoàng thừa nhận. "Ta đoán giờ đây chúng ta đã biết ai mở Cánh Cửa Tử Thần cho những tên đánh bom cảm tử hồi tháng Mười. Chính là Muller đúng không?"

Gabriel gật đầu nhìn màn hình khi đoạn phim về vụ tấn công được phát lại.

"Ta tự hỏi không biết bao nhiêu người xem đoạn băng ngày hôm nay", Giáo hoàng nói.

"Hàng tỷ người, thưa Đức Thánh Cha".

"Có điều gì đó mách bảo ta rằng những ngày làm *điệp viên bí mật* của cậu không còn nữa. Chào mừng quay trở về thế giới thật, Gabriel".

"Thế giới này làm con cảm thấy thoải mái".

"Dự định của cậu là gì?"

"Con phải trở lại Israel".

"Sau đó thì sao?"

"Tương lai của con khá bất định".

Giáo hoàng nhận xét. "Francesco Tiepolo bảo với ta cậu và Chiara đã quay trở lại với nhau".

"Vâng, thưa Đức Thánh Cha. Hiện tại cô ấy đang ở Israel".

"Kế hoạch của cậu là gì?"

"Con phải cưới cô ấy trước khi cô ấy lại bỏ con ra đi".

"Thật là thông thái. Sau đó thì sao?"

"Con mới tính được đến đó thôi, thưa Đức Thánh Cha".

"Cậu cho phép ta cho cậu thêm một lời khuyên nhé?"

"Dĩ nhiên".

"Vào lúc này, cậu là người nổi tiếng nhất nước Ý. Một vị anh hùng quốc gia. Có cái gì đó mách

bảo với ta đất nước này sẽ rộng tay chào đón cậu. Lần này cậu không phải mang tên Mario Delvecchio nữa”.

“Đến đó rồi hãy tính”.

“Nếu là cậu, ta sẽ xây một cây cầu nối trở lại Venice”.

Giáo hoàng nhìn sững xuyên qua cánh cửa một lúc. “Ta không biết phải làm gì nếu Chúa mang ông ấy khỏi tay ta. Ta không thể quản lý nhà thờ Thiên Chúa giáo mà không có Luigi Donati”.

“Con còn nhớ ngày Đức ông đến Jerusalem tìm con”, Gabriel hồi tưởng. “Khi cùng dạo bước trong Thành Cổ, con đã ngu ngốc bảo rằng Cha ấy là người không có đức tin nếu so với một người có niềm tin thành kính. Nhưng bây giờ con hiểu rằng phải là người có niềm tin mãnh liệt thì mới dám bước ra trước đầu đạn”.

“Luigi Donati là người có niềm tin phi thường. Ông ấy chỉ chưa nhận ra điều này. Bây giờ ta cũng cần có niềm tin. Ta phải tin rằng Chúa sẽ thấy nên để ông ấy bên ta lâu thêm một thời gian nữa - rằng phải cần chấm dứt sự điên loạn này”.

Câu hỏi kế tiếp Giáo hoàng hỏi là câu hỏi ông đã đặt ra với Gabriel sau vụ tấn công tháng Mười.

“Mọi chuyện chấm dứt chưa?”

Lần này Gabriel chăm chú nhìn màn hình mà không nói gì.

Không, thưa Đức Thánh Cha, anh nghĩ. Chưa hẳn.

Daniel Silver

Người đưa tin

PHẦN 4: NHÂN CHỨNG

Chương 39

Washington



Một tháng sau vụ ám sát Tổng thống, Ủy ban Thượng viện tổ chức một cuộc họp. Trong bài phát biểu khai mạc, các thành viên cao cấp đảm bảo với người dân Mỹ rằng họ sẽ điều tra đến cùng và không khoan nhượng, nhưng vào cuối tuần đầu tiên, các Thượng nghị sỹ từ cả hai đảng cảm thấy bức mình vì tính thiếu trung thực của lãnh đạo các cơ quan an ninh và tình báo. Các phụ tá của Tổng thống giải thích rất chi tiết làm cách nào lực lượng Hồi giáo cực đoan toàn cầu có thể thâm nhập vào trung tâm vương quốc Thiên Chúa giáo, và làm cách nào Giáo sư Ali Massoudi tuyển mộ được một thanh niên trẻ có tên là Erich Muller và cài hẳn vào Đội cận vệ Thụy Sĩ của Giáo hoàng. Nhưng khi đụng đến người vạch kế hoạch hai vụ tấn công vào Vatican - và quan trọng hơn, ai đã trả tiền các hóa đơn - các phụ tá của Tổng thống chỉ có thể đưa ra những ý kiến gián tiếp. Họ cũng không thể giải thích thỏa đáng với các thành viên của Ủy ban về sự có mặt của Gabriel Allon, một người Israel mà bây giờ đã được biết đến là một điệp viên và kẻ chuyên ám sát huyền thoại. Sau nhiều bàn bạc trong Ủy ban, các Thượng nghị sỹ quyết định triệu tập anh để đích thân hỏi cung. Vì là người nước ngoài, anh không có bốn phận phải tuân theo lời triệu tập nên như nhiều dự đoán, anh đã từ chối xuất hiện. Ba ngày sau, anh bất ngờ đổi ý. Anh báo với các Thượng nghị sỹ rằng mình sẽ điều trần, nhưng với điều kiện phải là một cuộc gặp bí mật. Các Thượng nghị sỹ đồng ý, và yêu cầu anh đến Washinton ngày thứ năm tuần kế tiếp.

Gabriel đi một mình vào phòng điều trần kín. Khi Chủ tịch Ủy ban yêu cầu anh đứng lên khai tên mình để ghi chép lại, anh đã thực hiện không hề do dự.

“Chủ của ông?”

“Thủ tướng nước Israel”.

“Chúng tôi có nhiều câu hỏi muốn nêu ra với ông, ông Allon, nhưng theo lời của Đại sứ nước ông, ông sẽ không trả lời những câu hỏi mà ngài nghĩ là không phù hợp”.

“Đúng vậy, thưa ngài Chủ tịch”.

Chúng tôi cũng được thông báo rằng ông muốn đọc một bài phát biểu trước khi chúng tôi bắt đầu thẩm vấn”.

“Điều đó cũng đúng, thưa ngài Chủ tịch”.

“Bài phát biểu này có liên quan đến nước các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất và mối quan hệ giữa Mỹ và họ”.

“Đúng, thưa ngài Chủ tịch”.

“Tôi muốn lưu ý ông, ông Allon. Mặc dù buổi điều trần này được tiến hành bí mật, sẽ vẫn có bản đánh máy những lời nhận xét của ông”.

“Tôi hiểu, thưa ngài”.

“Rất tốt. Ông có thể bắt đầu”.

Sau câu nói này, Gabriel nhìn xuống và bắt đầu đọc bản điều trần. Ở góc xa của phòng, một người đàn ông nhìn mặt. *Hercules đã đến Thượng viện Mỹ, anh ta thầm nghĩ. Và mang theo một bao đầy tên tẩm mật đắng.*

“Chúc mừng, Gabriel”, Adrian Carter nói. “Anh không thể không làm, đúng không? Chúng tôi cho anh sân khấu, còn anh sử dụng sân khấu đó để phục vụ mình thật tốt”.

“Các Thượng nghị sỹ cần biết bản chất thật sự của đế chế Arập Xêút và sự ủng hộ của nó đối với khủng bố toàn cầu. Người dân Mỹ cần được biết những đồng tiền thu được nhờ bán dầu đó đang được sử dụng như thế nào”.

“Ít nhất anh cũng nên để tên Zizi ra ngoài chuyện này”.

“Tôi có những kế hoạch khác dành cho Zizi”.

“Tốt hơn là anh không nên làm như vậy. Hơn nữa anh cũng nên để mắt canh chừng quả bóng ngay bây giờ”.

“Canh chừng quả bóng? Câu này nghĩa là gì?”

“Đây là một lối nói ẩn dụ trong thể thao, Gabriel. Anh có chơi môn thể thao nào không?”

“Tôi không có thời gian cho thể thao”.

“Mỗi ngày trôi qua anh lại càng giống Shamron hơn”.

“Tôi sẽ xem đây là lời khen”, Gabriel đáp. “Tôi nên để mắt đến quả bóng nào?”

“Bin Shafiq”. Carter nhìn xéo qua Gabriel. “Có dấu hiệu gì của hắn chưa?”

Gabriel lắc đầu. “Còn phía ông?”

“Chúng tôi có một chút dấu vết”.

“Có dấu vết nào mà anh có thể tiết lộ với tôi không?”

“Chưa đến lúc”.

Carter lái xe qua cầu Memorial quẹo vào đại lộ George Washington. Họ lái xe trong im lặng một vài phút. Gabriel nhìn ra cửa xe, thầm thán phục cảnh thị trấn Geortown bên kia sông.

“Tôi thấy trong lịch trình bay anh sẽ ghé qua Rome trên đường về Israel”, Carter nói. “Anh dự định thực hiện một nhiệm vụ chưa hoàn tất cho Vatican à?”

“Tôi chỉ muốn dành một chút thời gian bên Donati. Khi tôi rời Rome, ông ấy vẫn chưa tỉnh”.

Gabriel nhìn đồng hồ. “Ông đang đưa tôi đi đâu, Adrian?”

“Còn mấy tiếng nữa máy bay mới cất cánh. Chúng ta có thể ghé ăn trưa ở vùng đồng quê chăn ngựa Virginia”.

“Còn bao lâu nữa thì tới nơi?”

“Khoảng một tiếng”.

Gabriel hạ ghế xuống và nhắm mắt lại.

Anh tỉnh dậy khi chiếc xe bon bon vào thị trấn nhỏ có tên Đồng Bằng. Carter lái xe chậm lại khu trung tâm thương mại nhỏ xíu; sau đó băng qua đường ray xe lửa cũ kỹ, và một lần nữa lái xe về hướng đồng quê. Con đường trông có vẻ quen thuộc với Gabriel, cũng giống như con đường nhỏ trải sỏi mà Carter đã quẹo vào cách đó hai dặm. Con đường chạy dọc theo bờ suối hẹp. Bên trái là một cánh đồng thoai thoải, ngược lên cao có một nông trại lớn mái lợp bằng đồng đã mờ xỉn và hàng hiên hai tầng. Khi Gabriel ghé thăm ngôi nhà lần trước, cây đã trụi lá còn mặt đất đang phủ đầy tuyết. Bây giờ cây sơn thù du nở rộ hoa, những cánh đồng xanh mơn mớn nhờ những lá cỏ mùa xuân mới mọc.

Một phụ nữ có mái tóc vàng óng thả đi ngựa nước kiệu ngược chiều với họ. Những chỗ sưng

trên khuôn mặt cô đã xẹp xuống, và nét mặt cô đã trở lại bình thường. Ngoại trừ những quầng thâm dưới mắt, Gabriel nghĩ. Trong mắt Sarah vẫn còn vương lại dấu vết của cơn ác mộng cô đã trải qua tại ngôi nhà ván ở bang Uri. Cô cho ngựa chạy dọc theo xe một cách thuần thục và nhìn xuống Gabriel. Một nụ cười nở trên gương mặt cô, và trong giây lát cô như trở lại là người phụ nữ xinh đẹp anh nhìn thấy trên đường Q ở Washington mùa thu năm ngoái. Sau đó nụ cười nhạt dần và với hai cú thúc chính xác, cô phi nước đại qua cánh đồng về phía ngôi nhà.

“Cô ấy đã có những ngày vui vẻ và những ngày tồi tệ”, Carter nói khi nhìn Sarah phóng ngựa đi. “Nhưng tôi chắc rằng anh hiểu điều này”.

“Tôi hiểu”.

“Tôi luôn cho rằng hằn thù cá nhân là phản tác dụng nhất là đối với ngành của chúng ta, nhưng tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho Zizi vì những gì hắn gây ra cho cô ấy”.

“Tôi cũng không tha thứ”, Gabriel nói. “Tôi sẽ ghi nhớ những gì hắn đã làm”.

Họ ăn trưa trong ánh mặt trời dịu nhẹ chiếu trên hiên sau nhà. Sau đó Carter dọn dẹp chén đĩa, còn Gabriel và Sarah đi dạo cùng nhau trong khu rừng đầy bóng râm. Một nhân viên CIA cố gắng theo sau họ, nhưng Gabriel tước vũ khí của anh ta và bảo anh ta quay trở lại ngôi nhà. Sarah mặc quần, đi ủng cưỡi ngựa và khoác áo lông cừu. Gabriel vẫn mặc bộ vest màu xám lúc dự buổi chiêu đãi của các thượng nghị sỹ. Anh cầm khẩu súng của người nhân viên trong tay phải.

“Arian có vẻ không vui vì sự xuất hiện của anh trước Ủy ban”.

“Đúng vậy”.

“Một người nào đó phải chuyển thông điệp về những người bạn Ả-rập Xêút của chúng ta. Còn ai khác ngoài anh? Anh đã cứu được mạng sống của Tổng thống”.

“Không, Sarah, chính cô mới là người cứu Tổng thống. Có lẽ một ngày nào đó đất nước sẽ nhận ra họ có món nợ lớn với cô”.

“Tôi không muốn công khai bản thân quá sớm”.

“Kế hoạch của cô là gì?”

“Adrian chưa kể với anh à? Tôi sẽ gia nhập cơ quan. Tôi nhận ra rằng thế giới nghệ thuật có thể vẫn tồn tại mà không cần đến một người phụ trách bảo tàng”.

“Bên nào? Điệp vụ hay tình báo?”

“Tình báo”, cô đáp. “Tôi đã có đủ kinh nghiệm hoạt động cho cả đời người. Thêm nữa, sẽ không an toàn nếu tôi sớm xuất đầu lộ diện. Zizi đã cảnh cáo tôi về án phạt cho những người phản bội hắn”.

“Hắn có mạng lưới hoạt động vươn xa lắm. An ninh của cô ở Mỹ thì sao?”

“Người ta sẽ cho tôi tên và nhân dạng mới. Tôi được quyền chọn tên. Tôi tự hỏi không biết anh có cho phép tôi sử dụng tên của mẹ anh không?”

“Irene?”. Gabriel mỉm cười. “Tôi rất lấy làm vinh dự. Bà ấy giống cô - một người phụ nữ can đảm phi thường. Lần tới khi cô đến Israel, tôi sẽ cho cô đọc những gì xảy ra với bà trong chiến tranh”.

Sarah dừng bước, mân mê một bông hoa sơn thù du vừa nở rộ.

“Còn anh thì sao, Gabriel? Kế hoạch của anh là gì?”

“Tôi nghĩ cô và tôi có lẽ đi theo hai hướng khác nhau”.

“Ý anh là sao?”

“Tôi e rằng mình không thể nói gì hơn vào lúc này”.

Cô bấu môi đập nhẹ vào tay anh. “Anh không dự định giữ bí mật với tôi từ giờ phút này chứ?”

“Giờ đây cô đang làm việc cho cơ quan Tình báo của một nước khác, tôi e rằng mối quan hệ của chúng ta sẽ phải có một số...” Anh ngừng lại tìm từ diễn đạt cho đúng bằng tiếng Anh. “Giới hạn nhất định”.

“Thôi nào, Gabriel. Chúng ta có mối dây ràng buộc vượt quá qui tắc liên lạc giữa đặc vụ của các tổ chức tình báo khác nhau”.

“Tôi thấy cô đã bắt đầu sử dụng nhuần nhuyễn những gì được huấn luyện”.

Sarah nói. “Việc này giúp tôi đỡ buồn khi sống một mình ở nông trại này”.

“Cô khỏe không, Sarah?”

“Ban ngày tôi ổn, nhưng ban đêm tôi cảm thấy rất khó khăn”.

“Cô sẽ cảm thấy như vậy trong một thời gian dài. Nhưng làm việc cho cơ quan Tình báo sẽ giúp cô dễ chịu hơn. Cô có biết họ sẽ cho cô làm việc gì không?”

“Đến Arập Xêút”, cô nói. “Tôi đề nghị như vậy”.

Khu rừng rung chuyển vì loạt sấm từ xa. Sarah hỏi thăm về Julian Isherwood.

“Tình trạng hiện thời của anh ấy rất giống của cô”.

“Các anh đưa anh ấy đi đâu?”

“Sarah”.

“Nói đi, Gabriel”.

“Anh ta được bảo vệ tại một căn nhà cũ gần Vùng Tận Cùng ở Cornwall”.

“Còn phòng tranh thì sao?”

“Tạm thời bị đóng cửa. Việc cô rời Luân Đôn đã gây ra một vụ xì căng đan. Những anh bồi bàn tại quầy rượu của nhà hàng Green nhớ cô lắm”.

“Tôi cũng nhớ họ. Nhưng tôi nhớ đội của anh hơn”.

“Mọi người gửi lời chào”. Gabriel ngập ngừng. “Họ cũng nhờ tôi nói lời xin lỗi với cô”.

“Về việc gì?”

“Chúng tôi đã làm cô thất vọng, Sarah. Rõ ràng chúng tôi đã bị những tên trong đội an ninh của bin Shafiq hay Zizi nhìn thấy”.

“Có lẽ đó là lỗi của tôi”. Cô nhún vai. “Nhưng chuyện này không quan trọng. Tất cả chúng ta đều may mắn sống sót để mà thoát khỏi vụ này, ngoài ra còn hạ được mười lăm tên trong ngôi nhà đó. Chúng ta còn phá hỏng âm mưu ám sát Tổng thống. Được quá đi chứ, Gabriel”.

Lại một hồi sấm khác, lần này gần hơn. Sarah nhìn lên bầu trời.

“Tôi phải hỏi cô mấy điều, Sarah. Có một vài thứ tôi cần biết trước khi đóng lại quyển sách về lần hoạt động này”.

Sarah vẫn ngược mắt nhìn trời. “Anh muốn biết tôi khai gì với bọn chúng trong căn nhà ở Thụy Sĩ”.

“Tôi biết cô bị bỏ thuốc. Tôi biết có lẽ cô đã cố đẩy những ký ức đau buồn đó ra khỏi đầu mình”.

Cô nhìn anh rồi lắc đầu. “Tôi không cố quên”, cô nói. “Thật ra tôi còn nhớ từng từ”.

Những giọt mưa đầu tiên bắt đầu rơi. Sarah dường như không chú ý. Họ đi dưới những hàng cây, Sarah lần lượt kể cho anh nghe.

Carter tiễn Gabriel đến sân bay Dulles và đưa anh qua cửa an ninh. Họ ngồi cùng nhau trong khoang ngoại giao đặc biệt chờ thông báo chuyến bay. Gabriel bỗng chú ý đến người đàn ông ngồi bên phòng đối diện: *Hoàng tử* Bashir, đại sứ Arập Xêút ở Mỹ.

“Đừng nghĩ về chuyện đó, Gabriel”.

“Đối đầu công khai không phải là phong cách của tôi, Adrian”.

“Có lẽ không, nhưng Bashir khá thích chuyện đó”.

Tựa như nghe được câu chuyện, ông đại sứ vụt đứng dậy, bước ngang qua phòng. Ông ta dừng trước mặt Gabriel nhưng không chìa tay ra. “Tôi nghe nói sáng nay ông thu hút được khá nhiều khán giả tại tòa nhà quốc hội ông Allon. Toàn những lời nói dối và tuyên truyền của dân Do Thái, nhưng kể cũng khá hài hước”.

“Buổi chiều trần được giữ bí mật, Bashir”.

“Không có gì diễn ra trong thành phố này mà tôi không biết. Ông phải gọi tôi là *Hoàng tử* Bashir”. Viên đại sứ nhìn Carter. “Anh có chịu trách nhiệm về tiết mục xiếc ngày hôm nay không, Adrian?”

“Các Thượng nghị sỹ ra trát hầu tòa, thưa *Hoàng tử*. Cục không liên quan gì đến việc này”.

“Lẽ ra các anh nên làm điều gì đó để ngăn chặn chuyện ấy”.

“Đây không phải là Riyadh, thưa ngài đại sứ”.

Bashir trừng mắt nhìn Carter, sau đó quay trở lại chỗ ngồi.

“Tôi đoán mình không đủ tiêu chuẩn nằm trong kế hoạch nghỉ hưu của người Ả-rập Xê-út”.

“Gì cơ?”

“Không có gì”, Carter nói.

Mười phút sau loa phóng thanh thông báo chuyến bay của Gabriel. Carter tiến anh đến cửa ra.

“Ồ, tôi gần như quên khuấy chuyện này. Tổng thống gọi điện đến nhưng lúc đó anh đang nói chuyện với Sarah. Ông ấy muốn ngỏ lời cảm ơn. Ông ấy bảo sẽ gặp anh vào dịp khác”.

“Nhấn hộ tôi rằng ông ấy đừng bận tâm”.

“Tổng thống cũng bảo ông muốn anh tiếp tục kế hoạch hai người đã thảo luận tại Bãi cỏ phía Nam”.

“Ông chắc không?”

“Chắc về chuyện gì?”

“Ông có chắc Tổng thống nói như thế không?”

“Chắc chắn”, Carter đáp. “Thế hai người nói chuyện gì đêm hôm đó?”

“Cuộc chuyện trò của chúng tôi mang tính chất cá nhân, Adrian, và sẽ luôn là như vậy”.

“Anh cừ lắm”. Carter nói.

Họ bắt tay; sau đó Gabriel quay bước lên máy bay.

Daniel Silver

Người đưa tin

PH

Chương 40

Tiberias, Israel

êm sau đó là lễ Shabbat. Gabriel ngủ đến gần trưa rồi dậy tắm rửa, thay quần áo và chở Chiara đến thung lũng Jezreel. Họ dừng lại một chút ở Tel Megiddo để đón Eli Lavon, sau đó tiếp tục lái xe đến biển Galilee. Mặt trời gần lặn khi họ đến ngôi biệt thự đá vôi màu mật ong nằm cheo leo trên gò đất nhìn ra biển. Shamron đón họ tại cổng trước. Khuôn mặt ông gầy và chảy xệ xuống, ông phải di chuyển với sự trợ giúp của chiếc gậy. Nó được làm bằng gỗ ôliu rất đẹp.

“Thủ tướng tặng nó cho tôi lúc sáng khi tôi rời trung tâm phục hồi ở Jerusalem. Tôi gần như muốn quất cây gậy vào người ông ta. Nhưng Gilah lại nghĩ cây gậy làm tôi trông nổi bật hơn”. Ông dẫn họ vào trong và nhìn Gabriel. “Tôi thấy cậu đang mặc chiếc áo của tôi. Bây giờ thì rõ ràng tôi sẽ còn sống rất lâu nữa vậy nên tôi muốn đòi lại nó”.

Gabriel cởi áo treo lên chiếc móc trong lối vào nhà. Anh nghe giọng Gilah vắng ra từ biệt thự gọi họ vào ăn tối. Khi họ bước vào phòng ăn, Gilah đang thắp nến. Yonatan và vợ đang ở đó. Cả Rimona cùng chồng cô nữa. Ronit ngồi kế bên cha mình và khéo léo múc thức ăn vào đĩa của ông khi thức ăn được chuyển khắp bàn. Họ không nói chuyện về vụ bin Shafiq hay Vatican. Thay vào đó họ nói chuyện về buổi xuất hiện của Gabriel trước Quốc hội Mỹ. Theo vẻ chua chát trên gương mặt Shamron, có thể thấy ông không hài lòng về chuyện này. Ông nói rõ suy nghĩ của mình. Sau bữa tối, khi hai người lên sân thượng nói chuyện riêng, ông nói hẳn ra suy nghĩ của mình.

“Cậu làm đúng khi từ chối trát hầu toà lần đầu tiên, Gabriel. Đáng lẽ cậu không nên đổi ý. Chỉ cần suy nghĩ về việc cậu ngồi trước ủy ban Quốc hội, cho dù việc này nằm trong bí mật, cũng khiến tôi phải mất thêm để phục hồi sáu tháng”.

“Nơi bắt đầu cuộc chiến tranh Hồi giáo toàn cầu là Arập Xêút và chủ nghĩa Wahhabi”, Gabriel đáp. “Thượng viện cần biết điều này. Người dân Mỹ cũng vậy”.

“Cậu có thể cho họ biết suy nghĩ của mình bằng cách gửi điện bí mật. Cậu không phải ngồi đó trước mặt bọn họ trả lời những câu hỏi như một người bình thường khác được”.

Họ ngồi xuống ghế đối diện hàng lan can. Trăng tròn phản chiếu trên mặt biển Galilee êm ả, và ở đằng xa phía sau hồ là ngọn Golan sừng sững, đen sẫm chìm trong bóng đêm. Shamron thích ngồi trên sân thượng nhất vì nó hướng về phía Đông - phía quân thù. Ông đưa tay xuống dưới miếng lót ghế lấy ra hộp thuốc lá bằng bạc và chiếc bật lửa Zippo.

“Ông không nên hút thuốc, Ari”.

“Tôi đã không được hút thuốc kể từ khi ở Hadassah và trung tâm phục hồi. Đây là điều đầu tiên kể từ đêm tôi bị tấn công”.

“*Thật là tin tốt lành*”, Gabriel nói.

“Nếu cậu hờ một lời với Gilah về việc này, tôi sẽ đánh cậu đấy”.

“Ông nghĩ mình lừa được Gilah đấy à? Bà ấy biết hết”.

Shamron đưa cuộc nói chuyện trở lại chủ đề buổi chiều trần của Gabriel ở Washington.

“Có lẽ cậu có một động cơ chính đáng để quyết định như thế”. Shamron nói. “Có lẽ cậu muốn làm điều đó khác hơn là chỉ báo với người dân Mỹ sự thật về những người bạn Ả-rập Xêút của họ”.

“Thế ông nghĩ động cơ chính đáng của tôi là gì?”

“Sau lần hoạt động tại Vatican, cậu đã trở thành nhân viên tình báo nổi tiếng nhất trên thế giới. Còn bây giờ...” Shamron nhún vai. “Ngành của chúng ta không ưa chuộng sự nổi tiếng. Cậu đã khiến chúng tôi gần như không thể sử dụng lại cậu trong vỏ bọc nguy trang được nữa”.

“Tôi không nhận công việc tại Lực lượng Đặc nhiệm nữa, Ari. Thêm nữa, họ đã trao công việc đó cho Uzi”.

“Uzi là một sỹ quan giỏi, nhưng cậu ta không phải là *cậu*”.

“Uzi là nguyên nhân giúp Sarah Bancroft còn sống. Cậu ta đúng là người cần thiết để lãnh đạo Lực lượng Đặc nhiệm”.

“Đáng lẽ cậu không nên sử dụng một cô gái Mỹ”.

“Tôi ước chúng ta có thêm hai người nữa giống cô ấy”.

Shamron dường như không còn thích thú với điệu thuốc lá. Ông bỏ điệu thuốc vào hộp và hỏi Gabriel về kế hoạch của anh.

“Tôi còn một số công việc chưa hoàn thành, bắt đầu là bức Van Gogh. Tôi đã hứa với Hannah Weinberg sẽ đem bức tranh trả lại cho cô ấy. Đây là lời hứa tôi nhất định phải giữ, cho dù bây giờ tôi đã trở thành người được nhiều người biết đến”.

“Cậu biết bức tranh đó ở đâu không?”

Gabriel gật đầu. “Tôi đã gài máy phát tín hiệu vào khung tranh khi phục chế”, anh đáp. “Bức họa đang ở trong dinh thự của Zizi tại Ile de la Cite”.

“Sau những việc đã xảy ra với cậu tại Pháp, cậu lại dự định ăn cắp một bức tranh ở Paris sao?”. Shamron lắc đầu. “Cậu lọt vào nhà anh bạn Tổng thống Mỹ của cậu còn dễ hơn là vào một trong những dinh thự của Zizi”.

Gabriel bác bỏ những lo lắng của Shamron bằng cái phẩy tay giống y như của ông.

“Sau đó thì sao?”

Gabriel im lặng.

“Ronit đã quyết định về nhà”, Shamron nói, “nhưng tôi có cảm giác cậu sẽ rời khỏi chúng tôi một lần nữa”.

“Tôi vẫn chưa quyết định”.

“Tôi hi vọng cậu đã quyết định xong việc với Chiara”.

“Chúng tôi sẽ cưới nhau ngay khi có thể”.

“Cậu sẽ thông báo tin này với Leah khi nào?”

Gabriel trả lời ông.

“Hãy đưa Gilah đi cùng cậu”, Shamron nói. “Bà ấy đã đến thăm Leah nhiều lần khi cậu đang hoạt động. Leah cần một người mẹ trong những lúc như thế này. Và Gilah là người mẹ tuyệt vời nhất”.

Gabriel và Chiara qua đêm trong căn phòng đối diện hồ. Lúc ban mai, tất cả cùng nhau ăn sáng trên sân thượng tràn ngập ánh nắng, sau đó mỗi người đi một ngả. Yonatan đi về hướng nam

để gia nhập đơn vị của mình; Rimona, đã quay trở lại làm việc tại Aman, đi về hướng nam để trở về đơn vị của cô. Gilah đi cùng Gabriel và Chiara. Họ thả Lavon xuống chỗ khai quật tại Tel Megiddo, sau đó tiếp tục đến Jerusalem.

Khi họ đến bệnh viện tâm thần trên núi Herzl, trời đã gần trưa. Giáo sư Bar-Zvi, trông thuần Do Thái với bộ râu dài, đang chờ họ tại hành lang. Họ đi tới văn phòng của ông và mất một giờ thảo luận để tìm cách tốt nhất để báo tin cho Leah. Sự nắm bắt thực tại của cô rất mơ hồ.

Trong nhiều năm qua, những hình ảnh tại Viên cứ chiếu đi chiếu lại trong trí nhớ của cô, giống như đoạn video được tua đi tua lại vậy. Bây giờ cô đang bị lẫn lộn giữa quá khứ và hiện tại, có những khoảnh khắc cô được trở về với thực tại. Nhưng rồi cô lại mau chóng chìm vào những hình ảnh của quá khứ. Gabriel cảm thấy có bốn phận phải nói cho cô biết sự thật, nhưng anh muốn làm việc này theo cách ít đau đớn nhất.

“Hình như cô ấy có phản ứng với Gilah”, bác sỹ nói. “Có lẽ chúng tôi nên nói chuyện với cô ấy trước anh”. Ông nhìn đồng hồ. “Bây giờ cô ấy đang ở ngoài vườn. Đó là nơi ưa thích nhất của cô ấy. Tại sao chúng ta không nói chuyện ở đó”.

Leah đang ngồi trên xe lăn, dưới bóng râm của cây thông đá. Đôi bàn tay cô, đầy sẹo và bị biến dạng, cầm một cành ôliu. Mái tóc cô, từng có thời rất dài và đen huyền, bây giờ cắt ngắn và gần như bạc hết. Đôi mắt cô vẫn nhìn xa vắng khi nghe Gilah và bác sỹ nói. Mười phút sau họ rời đi. Gabriel bước dọc lối đi trong vườn và quỳ trước xe lăn, nắm lấy những gì còn sót lại của bàn tay. Chính Leah là người cất tiếng.

“Anh có yêu cô gái ấy không?”

“Có, Leah, anh rất yêu cô ấy”.

“Anh sẽ đối xử tốt với cô ấy chứ?”

Những giọt nước mắt rơi trên má anh. “Có, Leah, anh sẽ đối xử tốt với cô ấy”.

Cô ngoảnh mặt đi. “Nhìn tuyết kìa, Gabriel. Tuyết rơi thật đẹp”.

“Em nói đúng, Leah, tuyết đẹp lắm”.

“Chúa ơi, em ghét thành phố này làm sao, nhưng tuyết khiến nó trở nên xinh đẹp. Tuyết xóa sạch tội lỗi khỏi Viên. Tuyết rơi trên Viên trong khi bom đạn rơi trên Tel Aviv”. Cô quay lại nhìn anh. “Anh sẽ vẫn đến thăm em chứ?”

“Có, Leah, anh sẽ vẫn đến thăm em”.

Sau đó cô lại ngoảnh mặt quay đi. “Anh nhớ cài chặt giày an toàn cho Dani. Đường đi trơn lắm”.

“Con khỏe, em ạ. Lái xe về nhà cẩn thận nhé”.

“Em sẽ cẩn thận, Gabriel. Anh hôn em đi”.

Gabriel ghé môi hôn vết sẹo trên gò má bị tàn phá của cô và nhắm mắt lại.

Leah thì thầm. “Nụ hôn cuối”.

Những bức tường trong phòng ngủ của Gabriel treo đầy tranh. Có ba bức là do ông ngoại anh vẽ, đó cũng là những tác phẩm cuối cùng còn sót lại mà Gabriel có thể tìm được - và hơn một tá do mẹ anh vẽ. Cũng có một bức chân dung tự họa, vẽ theo phong cách của Egon Schiele nhưng không có chữ ký. Bức tranh vẽ một thanh niên có mái tóc bạc trước tuổi và gương mặt hốc hác bị ám ảnh bởi bóng dáng tử thần. Gabriel luôn nói với Chiara bức tranh là tác phẩm tự họa. Giờ đây, khi nàng nằm cạnh anh, anh nói với nàng sự thật, rằng đó là bức vẽ của Leah.

“Chị ấy vẽ bức tranh khi nào?”. Chiara hỏi.

“Ngay sau khi anh trở về từ vụ Tháng Chín Đen”.

“Tài năng của chị ấy thật đáng kinh ngạc”.

“Đúng vậy”, Gabriel nói, nhìn bức vẽ. “Cô ấy giỏi hơn anh nhiều”.

Chiara im lặng một lúc. Sau đó nàng hỏi. “Chúng ta sẽ ở đây bao lâu?”

“Có lẽ một tháng. Có lẽ một năm. Em biết những việc như thế này diễn ra như thế nào mà, Chiara”.

“Em nghĩ mình cần thêm đồ đạc”.

“Tại sao?”

“Vì chúng ta không thể chỉ sống bằng phòng vẽ và một cái giường”.

“Chúng ta có thể mà”, anh đáp. “Chúng ta còn cần gì khác nữa?”

Chương 41

Paris. Tháng Tám



Hệ thống an ninh phát hiện ra vụ đột nhập vào lúc 2 giờ 38 phút sáng. Đó là máy cảm biến 154, được đặt trên một trong số mười bốn cánh cửa Pháp dẫn từ vườn phía sau vào dinh thự. Hệ thống không được kết nối với công ty bảo vệ hay với cảnh sát Paris, chỉ được nối với một trạm trung tâm trong dinh thự, có một đội an ninh cố định được bố trí ngồi quanh chiếc đồng hồ. Tất cả đều là cựu thành viên của Đội Cận vệ Quốc gia Arập Xêút.

Tên nhân viên an ninh đầu tiên đến chiếc cửa đang mở trong vòng mười lăm giây sau khi có báo động không âm thanh. Một trong sáu người đột nhập đeo mặt nạ lập tức đánh hấn bất tỉnh. Mười giây sau, thêm hai tên lính gác cũng đến chỗ này, súng lăm lăm trong tay cũng bị hạ gục bởi cùng người đột nhập. Tên lính gác thứ tư là một gã 28 tuổi không muốn chết vì tài sản của một tỷ phú, lập tức giơ tay đầu hàng. Người có súng đồn ngã tên Arập Xêút gục xuống sàn nhà và ngồi lên ngực hấn để kiểm tra màn hình hiển thị của một thiết bị nhỏ cầm tay. Mặc dù trùm kín mặt, tên Arập Xêút vẫn có thể nhìn thấy đôi mắt anh ta có màu xanh thẫm. Không hề nói lời nào, người mắt xanh giơ tay ra hiệu di chuyển về cầu thang chính giữa. Hai thành viên trong đội tiến lên phía trước. Ba mươi giây sau họ quay trở lại, mang theo một vật duy nhất. Người đột nhập mắt xanh nhìn xuống gã Arập Xêút một cách bình tĩnh. “Nói với Zizi lần tới tao sẽ đến tìm hấn”, anh ta nói bằng tiếng Arập hoàn hảo, sau đó anh ta táng khẩu súng vào đầu gã Arập Xêút khiến hấn bất tỉnh.

Ba đêm sau tại Pháp, trung tâm nghiên cứu Chủ nghĩa bài Do Thái Isaac Weinberg mở cửa trên đường Rosier, khu Marais. Giống như phần lớn những vấn đề liên quan đến người Do Thái ở Pháp, việc thành lập trung tâm gây ra nhiều tranh cãi. Đảng Quốc gia cực hữu của Jean-Marie Le Pen đặt ra câu hỏi về nguồn tài trợ cho trung tâm, trong khi một giáo sỹ Hồi giáo đã kêu gọi tẩy chay và tổ chức một cuộc biểu tình ầm ĩ vào đêm khai trương. Ba mươi phút sau khi khai tiệc, xuất hiện lời đe dọa đánh bom. Tất cả những người có mặt, bao gồm Hannah Weinberg, người sáng lập đồng thời cũng là Giám đốc trung tâm, bị một đơn vị cảnh sát chống khủng bố Pháp đưa ra khỏi toà nhà. Phần còn lại của chương trình đón khách bị hủy ngay.

Khuya đêm đó, cô tụ tập cùng vài người bạn ăn khuya ở cuối đường Jo Goldenberg. Hơn mười giờ, cô đi bộ về căn hộ chung cư trên đường Pavee, được một nhân viên an ninh của Đại sứ quán Israel theo sau bảo vệ. Khi lên lầu, cô mở cửa căn phòng phía cuối hành lang chính giữa và bật đèn lên. Cô đứng một lúc, chiêm ngưỡng bức tranh treo trên tường phía trên bàn trang điểm hồi thơ ấu, sau đó cô tắt đèn đi ngủ.

Chương 42

Istanbul. Tháng Tám



uối cùng mọi việc cũng được giải quyết nhờ một vụ giao dịch làm ăn, điều khiến cả Gabriel và Carter xem như mặc khải của Đấng thiêng liêng. Tiền đổi lấy thông tin đúng như truyền thống Trung Đông. Hai mươi triệu đô la một mạng sống. Nguồn là của Carter, một Hoàng tử Ả-rập Xêút cấp thấp bị xơ gan và nghiện gái điểm Romania.

Tiền là của Gabriel, mặc dù số tiền đó từng thuộc về Zizi al-Bakari. Hoàng tử chỉ cung cấp được thời gian và địa điểm chứ không thể nêu ra một cái tên nào. Thời gian là thứ Hai sau tuần đầu tiên của tháng Tám. Địa điểm là khách sạn Ceylan Inter-Continental ở Istanbul.

Hắn đến khách sạn dưới tên al-Rasheed. Hắn cao hơn so với trí nhớ của họ. Tóc hắn để dài và bạc gần hết, giống như bộ râu rậm. Bất chấp cái nóng oi ả của tháng tám, hắn vẫn mặc áo sơ mi dài tay và để tay phải trong túi quần. Hắn từ chối lời đề nghị giúp đỡ của người xách hành lý và tự mang chiếc túi duy nhất lên dây phòng nằm trên lầu hai mươi lăm. Ban công của hắn nhìn bao quát Bosphorus. Phòng có quang cảnh là một trong những yêu cầu của hắn. Nhờ chi một số tiền lớn mua thông tin, Gabriel biết được yêu cầu ấy, cũng như biết hắn được giao phòng nào. Vào lúc 10 giờ 09 phút, gã đàn ông bước ra ban công và nhìn xuống dưới. Hắn không biết dưới đường có hai người đàn ông đang chăm chú quan sát mình.

“Có phải hắn không, Eli?”

“Chính là hắn”.

“Cậu chắc không?”

“ Chắc chắn”.

Gabriel đưa Lavon chiếc điện thoại di động. Lavon lắc đầu.

“Anh làm đi, Gabriel. Tôi không phải người làm tốt việc khó khăn”.

Gabriel quay số. Một giây sau, ban công chìm trong một quả đạn lửa chói mắt, cơ thể bốc cháy của Ahmed bin Shafiq xé màn đêm rơi xuống. Gabriel đợi đến khi thi thể hắn chạm mặt đường mới gài số chiếc Mercedes đi về phía Cannes.

Nhà hàng La Pizza là một trong những nơi nổi tiếng nhất ở Cannes, vì thế tin nhà hàng đã được đặt để tổ chức tiệc riêng làm hỏng một ngày tháng tám tuyệt vời. Có nhiều phỏng đoán khắp đại lộ Croisette về danh tính của người khách chịu chơi này. Tuy nhiên, những du khách hiểu biết đến thăm thành phố đều biết câu trả lời nằm ở vùng nước ngay sau Cảng Cũ. Alexandra, chiếc du thuyền khổng lồ của Abdul Aziz al-Bakari đã đến Cannes buổi sáng hôm đó, và mọi người đều biết rằng Zizi luôn chào mừng việc đến một thành phố bằng cách thuê trọn gói một nhà hàng nổi tiếng nhất trong vùng.

Bữa tối được lên lịch vào lúc 9 giờ. Vào lúc 8 giờ 55 phút, hai chiếc tàu lớn tách khỏi Alexandra, hướng về phía cảng dưới ánh sáng hung đỏ lúc chiều tà. Hai chiếc tàu hạ neo đối diện nhà hàng

La Pizza lúc 8 giờ 58 phút. Đoàn người xuống tàu đi về phía nhà hàng dưới sự bảo vệ của hàng rào an ninh dày đặc. Hầu hết các du khách tụ tập để chứng kiến sự việc phô trương này không biết tên của Zizi al-Bakari. Họ cũng không nhận ra bất cứ ai trong đoàn tùy tùng đông đảo của hắn ta. Nhưng ba người đàn ông đang quan sát tại giàn cây cuối bến Saint-Pierre biết.

Đoàn tùy tùng ở lại nhà hàng La Pizza hai tiếng. Chắc chắn báo giới sẽ khai thác sự kiện không có rượu vang và thuốc lá tại bữa tiệc. Điều này được xem là bằng chứng của đức tin lớn lao. Vào lúc 11 giờ 6 phút, họ rời khỏi nhà hàng, bước về phía hai chiếc tàu đang đợi. Zizi, như thường lệ, đi cuối đoàn, được hai gã che chắn. Một gã gốc Ả-rập to lớn, khuôn mặt tròn, mắt nhỏ, và râu dê. Gã kia là người Pháp mặc đồ đen có mái tóc vàng cột theo kiểu đuôi ngựa.

Lúc này, một trong những người theo dõi dưới giàn cây đã chuyển sang ngồi tại quán cà phê kế bên nhà hàng La Pizza, đó là một người vai rộng có mái tóc vàng dàu. Khi Zizi bước đến đúng vị trí người đó và đồng đội đã chọn để hạ sát, anh ta nhấn nút trên chiếc điện thoại di động. Chỉ vài giây sau, hai chiếc xe máy rú ga trên đường Quay Saint-Pierre. Khi tới gần mấy tay lái rút súng và nhả đạn. Zizi bị bắn trúng trước, và bị thương chí tử. Những tên vệ sỹ đi bên hắn ta rút súng ra và cũng bị bắn chết ngay lập tức. Sau đó hai chiếc xe máy quẹo gấp sang trái, chạy dọc lên đồi và biến mất vào khu thành cổ.

Người đàn ông có mái tóc vàng dàu đứng dậy bước đi. Đây là nhiệm vụ đầu tiên của anh trong cương vị thủ lĩnh Lực lượng Đặc nhiệm. Mọi việc diễn ra theo đúng kế hoạch. Nhưng vào lúc đó anh biết rằng việc giết chóc sẽ không chấm dứt ở Cannes, vì cảnh tượng cuối cùng anh thấy khi bước đi là Nadia al-Bakari, quì gối trước thi thể của cha mình, gào thét đòi trả thù.

Hết

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>